

REACHER



Giải **Anthony** và Giải **Barry** dành cho
truyện trinh thám dấu tay hay nhất.

Lee Child



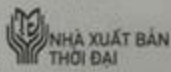
NHÀ XUẤT BẢN
THỜI ĐẠI

Lee Child

REACHER



TRẦN QUÝ DƯƠNG dịch



Người đại diện của tôi là Darley Anderson ở London; biên tập viên của tôi là David Highfill ở New York.

Cách nhau cả một đại dương, họ đã cùng làm việc vất vả để cho tác giả của cuốn sách này được nghỉ ngơi. Xin dành tặng cuốn sách này cho hai người đó để bày tỏ sự trân trọng đối với những nỗ lực, vốn vượt xa cả phạm vi trách nhiệm của hai người.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tôi bị bắt ở tiệm ăn Eno. Lúc mười hai giờ. Khi đang dùng món trứng và uống cà phê. Là bữa sáng muộn, không phải bữa trưa. Lúc ấy tôi ướt sũng và mệt mỏi sau cuộc đi bộ dài dưới trời mưa nặng hạt. Suốt quãng đường từ xa lộ tới rìa thị trấn.

Tiệm ăn nhỏ nhưng sáng sủa và sạch sẽ. Mới tinh, xây dựng giống như một toa tàu được hoán cải. Hẹp, một phía có quầy dài cho khách ăn trưa còn bếp bị đẩy thụt về phía sau. Ghế ngồi cho khách xếp dọc bức tường đối diện. Cửa nằm ở nơi lẽ ra là chỗ cho chiếc ghế trung tâm.

Tôi ngồi ở một ghế cạnh cửa sổ, đọc tờ báo ai đó bỏ lại nói về chiến dịch tranh cử của một tay tổng thống mà lần trước không được tôi bỏ phiếu ủng hộ (và lần này cũng sẽ thế). Bên ngoài mưa đã tạnh nhưng cửa kính vẫn bám đầy những giọt nước lớn óng ánh. Tôi thấy hai chiếc xe tuần tra của cảnh sát chạy vào bãi đỗ rải sỏi. Chúng chạy nhanh, bánh nghiêng xuống đường và rít lên khi xe phanh lại. Nháy đèn và hú còi. Những vệt sáng xanh đỏ hắt lên những giọt nước mưa ở ô cửa sổ tôi ngồi. Cửa xe bật mở. Những viên cảnh sát lao ra. Mỗi xe hai người, vũ khí sẵn sàng. Hai súng lục, hai súng trường. Vụ này nghiêm trọng đây. Một súng lục và một súng trường chạy vòng về phía sau. Hai người còn lại lao vào cửa.

Tôi chỉ ngồi yên nhìn họ. Tôi biết những ai có mặt trong tiệm khi ấy. Một đầu bếp ở khu bếp. Hai người phục vụ. Cùng hai ông già. Và tôi. Chiến dịch này nhắm vào tôi. Tôi mới có mặt trong thị trấn chưa tới nửa tiếng. Năm người kia có lẽ đã ở đó cả đời. Hễ xảy ra bất kỳ vấn đề gì với họ là một viên thượng sĩ đầy bồi rồi sẽ xuất hiện. Ông ta sẽ xin lỗi. Ông ta sẽ làm bầm với họ. Ông ta sẽ yêu cầu họ xuống đồn. Thế nên những món vũ khí khủng và hành động khản trương kia không nhắm vào ai trong năm người ấy. Mà nhắm vào tôi. Tôi nhét miếng trứng vào miệng và cài một tờ năm đô la dưới đĩa. Gập tờ báo người ta bỏ lại rồi nhét vào túi áo khoác. Đặt hai tay lên bàn rồi uống nốt tách cà phê. Người cầm khẩu súng lục đứng lại ở cửa. Ông ta chuyển thành thế cúi rồi dùng hai tay giương súng. Nhắm vào đầu tôi. Người cầm khẩu súng trường tiến lại gần. Họ là hai người có dáng gọn, khỏe. Gọn gàng sạch sẽ. Hành động đúng như sách dạy. Người cầm khẩu súng lục ở cửa có thể bao quát cả căn phòng với độ chính xác tương đối. Tay cầm súng trường ở gần có thể bắn cho tôi bật tung ra ngoài cửa sổ. Triển khai theo cách khác sẽ là sai lầm. Người cầm súng lục có thể bắn trượt nếu ở tầm gần, còn một phát bắn bằng súng trường tầm xa từ cửa có thể giết chết viên cảnh sát đang tiếp cận tôi cũng như ông già ở phía sau, hoặc giết chết tôi. Vậy nên họ làm như thế là chuẩn xác. Chẳng có gì phải nghi ngờ. Họ đang có lợi thế. Và điều này cũng chẳng có gì phải nghi ngờ. Ghế ngồi chật bó cứng tôi. Tôi bị ép đến mức chẳng thể làm được gì nhiều. Tôi xòe cả hai tay trên bàn. Viên sĩ quan cầm súng trường tiến lại gần. "Ngồi im ! Cảnh sát đây!" ông ta hét lên.

Ông ta hét to hét sức bình sinh. Để xua đi sự căng thẳng của mình và cố gắng làm cho tôi sợ. Những hành động đúng như giáo trình. Nhiều âm thanh và sự giận dữ làm mục tiêu nhũn ra. Tôi giơ hai tay lên. Người cầm khẩu súng lục bắt đầu từ cửa tiến vào. Người mang khẩu súng trường tiến lại gần hơn. Quá gần. Sai lầm đầu tiên của họ. Nếu phải hành động thì có thể tôi đã lao tới nòng khẩu súng trường và đẩy nó hướng lên trên rồi. Một phát súng trường bắn lên trần, một cú đánh bằng cùi chỏ vào mặt viên cảnh sát là khẩu súng sẽ thuộc về tôi. Người cầm khẩu súng lục đã tự thu hẹp góc tiếp cận của mình và không thể mạo hiểm bắn vào đồng đội. Họ đã có thể có một kết thúc tệ hại. Nhưng tôi chỉ ngồi đó, hai tay giơ lên. Viên cảnh sát mang khẩu súng trường vẫn hét và nhảy lui lui.

"Ra sân ngoài này," ông ta hét lên.

Tôi chậm chậm lách người ra khỏi ghế và chìa hai cổ tay về phía người cầm khẩu súng lục. Tôi sẽ không nằm xuống sàn. Không làm thế trước những cậu bé quê mùa này. Không làm thế dù họ có điều cả cơ quan cảnh sát và súng đại bác tới.

Viên cảnh sát mang súng lục đeo quân hàm thượng sĩ. Ông ta rất điềm tĩnh. Người cầm súng trường không chế tôi khi viên thượng sĩ đút súng vào bao, gỡ còng khỏi thắt lưng và bập vào hai cổ tay tôi. Nhóm hỗ trợ tiến vào qua đường bếp. Họ bước vòng qua quầy cho khách ăn trưa. Chiếm vị trí phía sau lưng tôi. Họ vỗ khắp người tôi từ trên xuống dưới để kiểm tra. Rất kỹ. Tôi thấy viên thượng sĩ ghi nhận những cái lắc đầu. Không có vũ khí.

Hai người trong nhóm hỗ trợ nắm hai bên khuỷu tay tôi. Người cầm súng trường vẫn chĩa súng vào tôi. Viên thượng sĩ bước lên trước. Ông ta là người da trắng, dáng gọn gàng, thể thao. Săn chắc và rậm nắng. Tầm tuổi tôi. Thẻ tên phía trên túi áo ông ta ghi: Baker. Người này nhìn tôi.

"Ông bị bắt về tội giết người," ông ta nói. "Ông có quyền được giữ im lặng. Bất kỳ điều gì ông nói có thể được sử dụng làm bằng chứng chống lại ông. Ông có quyền yêu cầu luật sư đại diện. Nếu ông không có đủ tiền thuê luật sư, bang Georgia sẽ chỉ định cho ông một luật sư miễn phí. Ông hiểu những quyền này chứ?"

Đó là sự truyền đạt chuẩn lời cảnh báo Miranda. Baker nói một cách rành rọt. Ông này không đọc từ một tấm thẻ. Viên cảnh sát nói như thể ông ta biết lời cảnh báo ấy có ý nghĩa thế nào, vì sao nó quan trọng. Với ông ta và với tôi. Tôi không nói gì. *(Lời cảnh báo Miranda là lời cảnh báo được cảnh sát thông báo cho nghi phạm hình sự ngay khi bị bắt giữ hoặc trong tình trạng bị giam giữ. Lời cảnh báo này được Tòa án tối cao Hoa Kỳ chỉ thị áp dụng sau khi xảy ra vụ kiện của Ernesto Miranda. (mọi chủ thích không có lưu ý gì thêm đều là của người dịch)*

"Ông hiểu các quyền của mình không?" Viên cảnh sát hỏi lần nữa.

Một lần nữa tôi không nói gì. Kinh nghiệm cho tôi thấy rằng im lặng tuyệt đối là cách tốt nhất. Nói một điều gì đó là nó có thể bị nghe không chuẩn. Hiểu lầm. Suy diễn sai. Nó có thể khiến ta bị kết tội. Có thể khiến ta bị giết. Sự im lặng khiến viên cảnh sát thi hành lệnh bắt giữ bức tức. Ông ta có nhiệm vụ thông báo cho ta biết rằng im lặng là quyền của ta song ông ta thấy khó chịu nếu ta thực hiện quyền ấy. Tôi bị bắt giữ về tội giết người. Nhưng tôi giữ im lặng.

"Ông hiểu các quyền của mình không?" viên cảnh sát tên Baker hỏi tôi lần nữa. "Ông có nói được tiếng Anh không?"

Ông ta điềm tĩnh. Tôi chẳng nói gì. Baker vẫn giữ thái độ ấy. Viên cảnh sát này có sự điềm tĩnh của một người đã qua thời khắc nguy hiểm. Ông ta chỉ cần đưa tôi về đồn, rồi tôi sẽ trở thành vấn đề phải xử lý của một kẻ khác. Baker liếc quanh ba đồng sự của mình.

"Được rồi, hãy lưu ý là ông ta không nói gì," tay cảnh sát gầm gừ. "Ta đi thôi."

Tôi bị dẫn về phía cửa. Đến cửa, chúng tôi đi thành hàng một. Đầu tiên là Baker. Rồi đến người cầm khẩu súng trường bước phía sau, vẫn chĩa nòng súng lớn đen ngòm vào tôi. Bảng tên của ông ta ghi: Stevenson. Ông này cũng là người da trắng, vóc dáng trung bình gọn gàng. Món vũ khí của ông ta trông như cái ống nước. Chĩa vào bụng tôi. Phía sau tôi là hai người hỗ trợ. Tôi bị một bàn tay ép vào lưng đẩy qua cửa.

Ở khu đậu xe rải sỏi bên ngoài, nhiệt độ đã tăng. Chắc chắn trời đã phải mưa suốt đêm và cả buổi sáng, còn bây giờ mặt trời đang phóng ra những tia sáng gay gắt, mặt đất đang bốc hơi. Thông thường đây là nơi nóng nực bụi bặm. Hôm nay thì nó ngút hơi với mùi thơm tuyệt vời của vỉa hè sũng nước dưới mặt trời nóng buổi trưa dễ khiến người ta ngây ngất. Tôi đứng hướng mặt về phía mặt trời, hít sâu vào trong khi mấy viên cảnh sát xếp lại đội hình. Trên quãng đường ngắn ra xe, vẫn mỗi người nắm một khuỷu tay tôi, Stevenson vẫn sẵn sàng nhả đạn. Đến chiếc xe đầu tiên, ông ta lùi lại một bước khi Baker mở cửa sau. Đầu tôi bị đẩy thấp xuống. Tôi bị tống vào xe bằng một cú hích hông gọn gàng

từ viên cảnh sát hỗ trợ bên trái. Hành động chuẩn mực. Ở một thị trấn xa xôi hẻo lánh thế này, chắc chắn đó là kết quả của việc được huấn luyện nhiều chứ không phải kinh nghiệm nhiều.

Tôi ngồi một mình ở băng ghế sau xe. Một vách kính dày phân chia không gian trong xe. Hai cửa trước vẫn mở, Baker và Stevenson bước vào. Baker cầm lái. Stevenson vặn người lại để có thể theo dõi tôi. Không ai nói gì. Chiếc xe hỗ trợ chạy theo sau. Cả hai xe đều mới. Chạy êm, không ồn. Trong xe sạch sẽ và mát mẻ. Ở chỗ tôi ngồi không có những dấu vết thường thấy của những kẻ đầy tuyệt vọng và thảm hại.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Georgia. Tôi trông thấy đất màu mỡ. Đất đỏ nặng, ẩm. Những luống hoa màu trắng tấp chạy dài trên đồng. Có lẽ là lạc. Chỉ là hoa màu chung ta vẫn thường nhồi vào bụng thôi, nhưng nó lại có giá trị với người trồng. Hoặc với người sở hữu. Ở đây người ta sở hữu đất không? Hay các tập đoàn khổng lồ? Tôi chẳng biết.

Thời gian chạy xe vào thị trấn khá ngắn. Chiếc xe rì rì lướt trên lớp nhựa phẳng lì. Sau khoảng nửa dặm tôi trông thấy hai tòa nhà gọn gàng, cả hai đều mới, đều có khung cảnh xung quanh sạch sẽ. Đồn cảnh sát và đồn cứu hỏa. Chúng cùng nhau đứng độc lập, sau bãi cỏ rộng đặt một bức tượng, nằm ở rìa Bắc thị trấn. Công trình kiến trúc đầy hấp dẫn của hạt xây dựng bằng nguồn ngân sách dồi dào. Những con đường trải nhựa phẳng lì, vỉa hè lát gạch đỏ. Cách chừng ba trăm mét về phía Nam, tôi trông thấy tháp nhà thờ trắng lóa phía sau vài tòa nhà. Tôi có thể trông thấy những cột cờ, mái hiên, lớp sơn tươi mới, những bãi cỏ xanh. Mọi thứ đều được cơn mưa to làm tươi mới lại. Giờ thì đang bốc hơi và phần nào đó căng ra dưới cái nóng. Một cộng đồng thịnh vượng. Tôi cho là được xây dựng dựa trên nguồn thu nhập khá giả nhờ canh tác và mức thuế cao đánh vào những người hằng ngày từ đây đi làm tận Atlanta.

Stevenson vẫn chăm chăm nhìn tôi khi chiếc xe giảm tốc độ để cua vào đồn. Lối chạy xe rộng rãi lượn theo hình bán nguyệt. Tôi đọc một tấm biển thấp làm bằng đá: *Trụ sở cảnh sát Margrove*. Tôi nghĩ: mình có nên lo lắng không? Mình đã bị bắt giữ. Ở một thị trấn trước đây mình chưa bao giờ đặt chân tới. Rõ ràng vì tội giết người. Nhưng tôi biết hai điều. Thứ nhất là họ không thể chứng minh rằng chuyện gì đó đã diễn ra nếu như nó đã không diễn ra. Và thứ hai, tôi không giết người nào cả.

Không phải trong thị trấn của họ và dù sao đi nữa thì từ lâu rồi tôi cũng không làm việc ấy.

Chúng tôi dừng ở cửa của tòa nhà thấp, dài. Baker ra khỏi xe rồi quét ánh mắt vài lần dọc theo mặt tiền tòa nhà.

Hai viên cảnh sát hỗ trợ sẵn sàng hành động. Stevenson bước vòng ra phía sau xe chúng tôi ngồi. Chiếm lĩnh một vị trí đối diện với Baker. Chĩa khẩu súng trường vào tôi. Đây là một đội ăn ý. Baker mở cánh cửa xe phía tôi ngồi.

"Được rồi, đi thôi, đi," ông ta nói. Gần như thầm thì.

Viên cảnh sát này nhún nhảy trên hai gót chân, mắt quét hết khu vực. Tôi chậm chậm xoay người và vịn mình bước ra khỏi xe. Chiếc còng không giúp ích được gì. Bây giờ thậm chí còn nóng hơn. Tôi bước về phía trước đợi. Hai người trong nhóm hỗ trợ bước theo sau. Phía trước mặt tôi là lối vào đồn. Có một tấm rầm đỡ bằng đá cẩm thạch khắc chữ nét: *Trụ sở cảnh sát thị trấn Margrave*. Phía dưới là những cánh cửa kính dày. Baker kéo một cánh. Nó mở ra dù lớp doăng cao su mút lại. Hai cảnh sát hỗ trợ đẩy tôi vào. Cánh cửa níu sập lại phía sau lưng.

Bên trong lại mát. Mọi thứ đều màu trắng và mạ sáng bóng. Đèn huỳnh quang. Trông giống như một ngân hàng hay văn phòng bảo hiểm. Có thảm. Một viên thượng sĩ làm văn phòng đứng sau quầy tiếp tân dài. Nếu nhìn vào cách bài trí của nơi này, lẽ ra ông ta nên nói: thưa ngài, tôi có thể giúp gì cho ngài? Nhưng viên thượng sĩ chẳng nói gì. Chỉ nhìn tôi. Phía sau ông ta là khoảng không gian thoáng rất rộng. Một phụ nữ tóc sẫm mặc sắc phục ngồi sau chiếc bàn thấp, rộng. Cô đang gõ bàn phím để soạn thảo hồ sơ gì đó. Giờ thì cô nhìn tôi. Tôi đứng đó, mỗi sĩ quan giữ một khuỷu tay. Stevenson đứng tựa lưng vào quầy tiếp tân. Khẩu súng trường của ông ta chĩa vào tôi. Tôi nhìn lại họ.

Rồi tôi được giải về phía trái. Họ cho tôi dừng lại trước một cánh cửa. Baker mở cửa ra, tôi bị đẩy vào một căn phòng. Đó là phòng thẩm vấn. Không có cửa sổ. Một chiếc bàn trắng và ba chiếc ghế. Thảm. Camera treo trên một góc phòng. Nhiệt độ trong phòng được đặt ở mức rất lạnh. Người tôi vẫn ớn lạnh vì mưa.

Tôi đứng yên để Baker thọc tay vào mọi túi. Những món đồ của tôi được xếp thành một đồng nhỏ trên bàn. Một nắm tiền giấy. Vài đồng xu. Hóa đơn, vé, các mẫu giấy. Baker xem tờ báo rồi để lại vào túi tôi. Liếc chiếc đồng hồ rồi để lại trên cổ tay tôi. Ông ta không quan tâm tới những thứ này. Mọi thứ khác được gạt vào một chiếc túi có khóa kéo. Một chiếc túi dành cho những người đút nhiều đồ trong túi quần túi áo hơn tôi. Trên chiếc túi có in một bảng màu trắng. Stevenson viết một dạng số gì đó lên bảng ấy.

Baker bảo tôi ngồi xuống. Rồi tất cả bọn họ rời khỏi phòng. Stevenson cầm chiếc túi đựng đồ của tôi. Họ ra ngoài, đóng cửa lại và tôi nghe thấy tiếng khóa xoay. Nó phát ra âm thanh nặng, có vẻ được bôi dầu mỡ cẩn thận. Âm thanh của sự chính xác. Âm thanh của một ổ khóa thép lớn. Nghe có vẻ là tiếng của một ổ khóa sẽ buộc tôi phải ở trong này.

Tôi cho là họ sẽ bỏ tôi một mình một thời gian. Mọi chuyện hay diễn ra kiểu ấy. Sự biệt lập khiến người ta rất muốn nói chuyện. Việc rất muốn nói chuyện có thể trở thành sự thôi thúc muốn thú nhận. Một vụ bắt giữ hung bạo và sau đó là một giờ biệt lập là chiến thuật rất tốt.

Nhưng tôi đã đoán sai. Họ đã không lên kế hoạch cho tôi biệt lập một tiếng. Có lẽ lỗi chiến thuật nhỏ thứ hai. Baker mở khóa cửa bước vào. Ông ta cầm một chiếc cốc nhựa đựng cà phê. Rồi viên cảnh sát này ra hiệu cho người phụ nữ mặc sắc phục vào phòng. Người tôi đã trông thấy khi ngồi ở bàn

ngoài kia. Tiếng khóa cửa nặng nề kêu tách phía sau lưng cô. Cô cầm một chiếc cặp kim loại đặt lên bàn. Cô mở cặp lấy ra một thanh dài màu đen có gắn các con số bằng nhựa trắng.

Nữ cảnh sát đưa thứ đó cho tôi với vẻ thông cảm hàm chứa lời xin lỗi thoáng qua rất nhanh mà các y tá nha khoa hay sử dụng. Tôi dùng hai bàn tay bị còng nhận lấy. Nheo mắt nhìn xuống để chắc chắn rằng nó được dựng đứng chiều và đặt dưới cằm mình. Nữ cảnh sát lấy một chiếc máy ảnh xấu xí từ trong cặp ra đặt đối diện với tôi. Cô tì hai khuỷu tay lên bàn để nắm chắc lấy nó. Ngồi ngả về phía trước. Bầu ngực cô tì lên cạnh bàn. Đây là một phụ nữ đẹp. Mái tóc sẫm màu, đôi mắt tuyệt vời. Tôi chằm chằm nhìn cô và mỉm cười. Máy ảnh kêu tách rồi chớp đèn. Trước khi viên cảnh sát nữ yêu cầu thì tôi đã xoay sang một bên để chụp nghiêng, cầm thanh số dài sát vào vai và nhìn thẳng vào tường. Máy ảnh một lần nữa kêu tách rồi chớp đèn. Tôi xoay lại chìa tay đưa thanh số ra. Đưa bằng cả hai tay, vì bị còng. Nữ cảnh sát nhận lấy kèm theo một nụ cười mím môi như muốn nói: *đúng rồi, thế này chẳng thoải mái gì nhưng cần thiết*. Như y tá nha khoa vậy.

Rồi cô lấy ra bộ dụng cụ lấy dấu vân tay. Một tấm bảng mười ô gọn gàng, đã đánh số sẵn. Hai ô lấy vân ngón cái luôn quá nhỏ. Mặt bên kia có hai ô vuông để lấy dấu lòng bàn tay. Chiếc còng tay khiến công việc trở nên khó khăn. Baker không đề nghị bỏ còng ra. Nữ cảnh sát chấm các ngón tay tôi vào mực. Ngón tay cô êm và mát. Không đeo nhẫn cưới. Sau đó cô đưa tôi một miếng khăn giấy. Mực dễ dàng được lau sạch. Loại mực mới nào đó tôi chưa bao giờ thấy.

Nữ cảnh sát lấy phim trong máy ảnh ra, đặt cuộn phim cùng tấm bảng in dấu vân tay lên bàn. Cô cho máy ảnh vào chỗ cũ trong cặp. Baker vỗ vào cửa. Khóa lại kêu tách lần nữa. Người phụ nữ cầm các thứ đồ của mình lên. Chẳng ai nói lời nào. Rồi cô rời khỏi phòng. Baker ở lại cùng tôi. Ông ta đóng cửa, nó lại kêu tách cùng âm thanh của ổ khóa được tra dầu mỡ cẩn thận. Rồi ông ta tựa vào cửa nhìn tôi.

"Sếp tôi đang tới," ông ta nói. "Ông sẽ phải nói chuyện với ông ấy. Ở đây chúng tôi có một vụ việc. Phải làm rõ."

Tôi không đáp gì. Nói chuyện với tôi sẽ chẳng làm rõ vụ việc cho ai cả. Nhưng tay này đang hành xử một cách có văn hóa. Có sự tôn trọng. Vậy nên tôi muốn thử ông ta. Chìa hai bàn tay về phía ông ta. Một đề nghị mở còng nhưng không phát thành lời. Baker đứng yên một lát rồi lấy chìa khóa ra mở còng. Móc nó trở lại thắt lưng. Rồi nhìn tôi. Tôi nhìn lại và buông tay xuống. Không thở phào về biết ơn. Không rầu rĩ xoa hai cổ tay. Tôi không muốn thiết lập quan hệ với tay này. Nhưng tôi vẫn cất tiếng.

"Được rồi" tôi nói. "Ta hãy đi gặp sếp của ông."

Đây là lần đầu tiên tôi mở miệng kể từ lúc gọi đồ ăn sáng. Giờ thì Baker là người trông có vẻ biết ơn. Ông ta vỗ i vào cửa hai lần và bên ngoài có người mở khóa. Baker mở cửa rồi ra hiệu cho tôi bước ra. Stevenson đang đứng đợi, lưng quay về khoảng không gian thoáng. Khẩu súng trường không còn. Đội hỗ trợ đã đi khỏi. Mọi thứ đang lắng xuống. Hai người tiến lại, mỗi người một bên. Baker khẽ nắm lấy khuỷu tay tôi. Chúng tôi bước theo lề của khoảng không gian thoáng tới một cánh cửa ở phía sau tòa nhà. Stevenson đẩy cửa mở, ba người bước qua cửa vào một phòng lớn. Khắp nơi có rất nhiều đồ bằng gỗ hồng sắc.

Một lão béo ngồi ở chiếc bàn lớn bằng gỗ hồng sắc.

Phía sau là vài lá cờ lớn. Bên trái có một lá cờ Sao và Sọc tua vàng, tôi đoán bên phải là cờ của bang Georgia. Trên phần tường giữa hai lá cờ là một chiếc đồng hồ. Đây là chiếc đồng hồ tròn cổ loại lớn có khung làm bằng gỗ gụ. Trông như thể lớp mạ bên ngoài đã được vài thập kỷ rồi. Tôi cho nó hẳn phải là chiếc đồng hồ từ trụ sở đồn cũ mà họ đã ủi đi để xây dựng tòa nhà mới này. Tôi nghĩ viên kiến

trúc sư dùng nó để mang lại cảm giác cổ kính cho tòa nhà mới. Đồng hồ chỉ gần 12 giờ 30.

Lão béo ở chiếc bàn lớn nhìn tôi khi tôi bị đẩy về phía lão. Tôi thấy lão nhìn về đờ đẫn, như thể đang cố gắng nhớ ra tôi. Lão này nhìn lần nữa, kỹ hơn. Rồi lão khinh bỉ nhìn tôi và nói bằng giọng hỗn hển khò khè mà nếu không bị hai lá phổi ốm yếu bóp nghẹt lại thì sẽ tạo thành tiếng hét

"Đặt mông xuống cái ghế kia và cầm cái môm bản thủ lại," lão nói.

Lão béo này quả khiến người ta phải ngạc nhiên. Lão trông như một tên khốn kiếp thực sự. Trái ngược với những gì tôi đã trông thấy cho tới giờ. Baker và đội thi hành lệnh bắt giữ của ông ta quả đúng chất nghề. Chuyên nghiệp và hiệu quả. Người phụ nữ lấy dấu vân tay thật tử tế. Nhưng lão đồn trưởng béo ị này gây lãng phí không gian. Mái tóc mỏng bản thủ, vẫn đồ mồ hôi dù không khí lạnh buốt. Lốp da đỏ và xám lốm đốm trên một cơ thể nhều nhọt vượt quá mức cân nặng thông thường. Huyết áp cao vọt. Các mao mạch xơ cứng. Lão trông chẳng có vẻ gì là người có năng lực.

"Tao là Morrison," lão khò khè. Cứ như tôi quan tâm lắm ấy. "Tao là trưởng đồn cảnh sát Margrave này. Còn mày là một thằng sát nhân khốn kiếp từ nơi khác tới. Mày đã đến thị trấn này của tao, mày đã làm chuyện mất dạy ngay trên đất riêng của ông Kliner. Thế nên bây giờ mày sẽ phải thú nhận toàn bộ trước đội trưởng đội thám tử của tao."

Lão ngừng lại và ngược nhìn tôi. Như vẫn đang cố gắng nhớ ra tôi. Hoặc như đang chờ đợi phản ứng. Morrison chẳng nhận được gì. Thế nên tay đồn trưởng chỉ thẳng một ngón tay mập mập vào tôi.

"Rồi mày sẽ vào tù," lão nói. "Và rồi mày sẽ lên ghế điện. Và rồi tao sẽ đổ rác lên cái mồ nhỏ bản thủ của mày được xây bằng tiền cứu tế."

Lão béo chật vật lôi tám thân nặng nề khỏi ghế rồi rời mắt khỏi tôi.

"Tao sẽ xử lý việc này," lão nói. "Nhưng tao là người bận rộn."

Rồi từ sau bàn, Morrison lạch bạch bước ra. Tôi đứng giữa chiếc bàn của lão và cửa chính. Khi lê bước ngang qua tôi, tay đồn trưởng dừng lại. Cái mũi to của lão ngang với cúc giữa áo khoác của tôi. Lão vẫn ngược nhìn tôi như đang không hiểu được điều gì đó.

"Tao từng trông thấy mày rồi," lão nói. "Ở đâu nhỉ?"

Lão liếc Baker rồi tới Stevenson. Kiểu như tay này mong họ ghi nhớ lão đang nói gì và nói khi nào.

"Trước đây tôi từng trông thấy thằng này rồi", lão bảo họ.

Lão béo đóng sầm cửa phòng, tôi bị bỏ lại cùng hai cảnh sát chờ cho tới khi đội trưởng đội thám tử bước vào. Một người da đen cao lớn, tuy không già nhưng tóc đang chuyển màu và hói dần. Thế đã đủ tạo cho ông ta nét quý tộc. Nhanh nhẹn và tự tin. Ăn mặc nghiêm chỉnh, một bộ com lê đã lỗi một may bằng vải tuyết. Áo gi lê giả da. Giày đánh bóng. Người này có dáng vẻ nên có ở một người chỉ huy. Ông ta ra hiệu cho Baker và Stevenson rời khỏi phòng.

Đóng cửa lại sau khi đi ra. Ngồi xuống bàn và vẩy tay ra hiệu cho tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện.

Đội trưởng thám tử lạch cạch mở ngăn kéo lấy ra một chiếc đài ghi băng. Nâng nó lên cao, cách người hẳn một tầm tay để kéo đám dây ra, cắm điện nguồn và micro. Cho băng vào. Bấm nút ghi rồi dùng móng tay gõ vào chiếc micro. Dừng băng rồi tua lại. Bấm nút chạy. Nghe tiếng vang mà móng tay mình tạo ra. Gật đầu. Tua lại lần nữa và bấm nút ghi. Tôi ngồi quan sát ông ta.

Trong một lúc, chỉ có sự yên lặng. Chỉ có tiếng rì rì như mơ hồ, bầu không khí, những bóng đèn, chiếc máy tính. Hoặc chiếc đài chậm chậm chạy. Tôi có thể nghe thấy tiếng tích tắc khoan thai của chiếc đồng hồ cổ. Nó tạo nên một âm thanh kiên nhẫn, cứ như nó sẽ tích tắc mãi mãi, cho dù tôi chọn

làm gì đi nữa. Rồi người đàn ông ngồi thẳng lại trên ghế và chăm chăm nhìn tôi. Chụm các đầu ngón tay lại với nhau như những người đáng cao và lịch thiệp có thể làm.

"Được rồi!", ông ta nói. "Chúng ta có một vài câu hỏi, phải không?"

Chất giọng trầm. Nghe như tiếng ầm ầm. Không phải giọng miền Nam. Người đàn ông này có dáng vẻ và chất giọng như một chủ ngân hàng ở Boston, trừ một điều ông ta là người da đen.

"Tôi là Finlay," ông ta nói. "Cấp bậc đại úy. Tôi là người đứng đầu đội thám tử của đồn này. Tôi biết ông đã được thông báo về các quyền của mình. Ông vẫn chưa xác nhận rằng ông đã hiểu các quyền đó. Trước khi tiếp tục, ta phải thực hiện điều sơ đẳng ấy đã."

Chẳng phải một tay chủ ngân hàng ở Boston. Giống một tay tốt nghiệp Harvard hơn.

"Tôi hiểu các quyền của mình", tôi lên tiếng.

Finlay gật đầu.

"Tốt!" ông ta nói. "Tôi vui về điều đó. Luật sư của ông đâu?"

"Tôi không cần luật sư," tôi đáp.

"Ông bị cáo buộc giết người", viên cảnh sát nói. "Ông cần luật sư. Ông biết là chúng tôi sẽ bố trí cho một luật sư. Không phải trả tiền. Ông muốn chúng tôi cung cấp luật sư miễn phí không?"

"Không, tôi không cần luật sư", tôi trả lời.

Đội trưởng thám tử mang tên Finlay chăm chăm nhìn tôi qua các kẽ ngón tay một lúc lâu.

"Được rồi!", ông ta nói. "Nhưng ông sẽ phải ký vào một bản tuyên bố. Ông biết đấy, tuyên bố rằng ông đã được khuyến cáo là ông được quyền có luật sư, chúng tôi sẽ cung cấp một luật sư mà ông không phải chịu chi phí nào, nhưng ông tuyệt đối không cần luật sư."

"Được," tôi nói.

Finlay lấy một mẫu khai ở ngăn kéo khác, xem đồng hồ đeo tay để điền ngày giờ. Ông ta đẩy mẫu ấy qua bàn cho tôi. Một dấu cộng lớn in ở dòng tôi cần ký. Rồi đẩy cho tôi một cây bút. Tôi ký và đẩy tờ giấy lại. Đội trưởng thám tử xem rồi bỏ vào một kẹp hồ sơ làm bằng da mềm.

"Tôi không đọc được chữ ký này", ông ta bảo. "Thế nên để có thể ghi âm, chúng ta sẽ bắt đầu với tên, địa chỉ và ngày, tháng, năm sinh của ông."

Lại im lặng. Tôi nhìn viên cảnh sát. Đây là một tay ương bướng. Có lẽ chừng bốn mươi lăm tuổi. Nếu bốn mươi lăm tuổi và là người da đen thì sẽ không làm đội trưởng thám tử ở bang Georgia, trừ trường hợp đó là kẻ ương bướng. Không có cơ hội nào lay chuyển được tay này. Tôi hít một hơi.

"Tôi là Jack Reacher" tôi nói. "Không có tên đệm. Không địa chỉ."

Viên cảnh sát ghi lại. Không có nhiều để ghi. Tôi đọc cho ông ta ngày tháng năm sinh của mình.

"Được rồi, ông Reacher," Finlay nói. "Như tôi đã nói, chúng tôi có rất nhiều câu hỏi. Tôi đã xem qua tư trang của ông. Ông không mang theo thứ giấy tờ tùy thân nào. Không bằng lái xe, không thẻ tín dụng, không gì hết. Ông đã nói rằng ông không có địa chỉ. Thế nên tôi tự hỏi tay này là kẻ thế nào đây?"

Đội trưởng thám tử chẳng chờ được bất kỳ bình luận nào từ tôi về những lời đó, dù là kiểu gì.

"Ai là người cạo tóc đầu?" Finlay hỏi tôi.

Tôi không trả lời. Tôi đang nhìn chiếc đồng hồ lớn, chờ kim phút dịch chuyển.

"Hãy nói cho tôi nghe những điều đã xảy ra," ông ta nói.

Tôi không biết những gì đã xảy ra. Không biết gì cả. Chuyện gì đó đã xảy ra với ai đó, nhưng không phải với tôi. Tôi ngồi yên. Không trả lời.

"Pluribus là gì?" Finlay hỏi.

Tôi nhìn ông ta và nhún vai.

"Khẩu hiệu của nước Mỹ à?" tôi nói. "E Pluribus Unum ấy? Được Quốc hội lục địa lần thứ hai thông qua năm 1776, đúng không?" (*Cuộc họp gồm đại diện của 13 thuộc địa Bắc Mỹ, quyết định nhiều vấn đề tiến tới tuyên bố độc lập và thành lập liên bang Hoa Kỳ*).

Finlay chỉ hàm hừ với tôi. Tôi cứ nhìn thẳng vào ông ta. Tôi cho rằng đây là kiểu người có thể trả lời câu hỏi.

"Chuyện này là thế nào?" tôi hỏi.

Lại im lặng. Đến lượt ông ta nhìn tôi. Tôi có thể thấy ông ta đang nghĩ có trả lời hay không, nếu có thì trả lời thế nào.

"Chuyện này là thế nào?" tôi hỏi Finlay lần nữa.

Ông ta ngồi thẳng lên và chụm các đầu ngón tay vào nhau.

"Ông biết chuyện này thế nào", viên cảnh sát cất tiếng. "Án mạng. Với một số tình tiết rất kinh khủng. Sáng nay người ta phát hiện ra nạn nhân ở khu nhà kho của ông Kliner. Phía Bắc tỉnh lộ, ở mạn giao với quốc lộ. Nhân chứng khai nhìn thấy một người đàn ông từ nơi đó bỏ đi. Sau tám giờ sáng nay một chút. Mô tả đó là người da trắng, rất cao, mặc áo choàng dài màu đen, tóc sáng màu, không đội mũ, không mang hành lý."

Lại im lặng. Tôi là đàn ông da trắng. Tôi rất cao. Tóc tôi sáng màu. Tôi đang ngồi đây, mặc một chiếc áo choàng dài màu đen. Tôi không có mũ hay túi gì. Tôi đã cuốc bộ trên tỉnh lộ gần bốn tiếng đồng hồ sáng nay. Từ lúc tám giờ đến tầm 11 giờ 45.

"Tỉnh lộ dài bao nhiêu?" tôi hỏi. "Từ đường quốc lộ tới tận đây ấy?"

Finlay nghĩ một chút.

"Tôi nghĩ có lẽ chừng mười bốn dặm", ông ta đáp.

"Được rồi," tôi nói. "Tôi đã đi bộ suốt quãng đường dẫn từ quốc lộ vào thị trấn. Có lẽ chừng mười bốn dặm. Chắc chắn rất nhiều người đã trông thấy tôi. Thế không có nghĩa là tôi đã làm điều gì đó với ai đó."

Đội trưởng thám tử không có phản ứng gì. Tôi đâm ra tò mò về vụ này.

"Đó đúng là khu vực của ông không?" tôi hỏi. "Khu ở tận trên chỗ quốc lộ ấy?"

"Đúng đấy!", ông ta đáp. "Vấn đề khu vực có thẩm quyền thì rõ rồi. Thế nên không có cửa thoát cho ông đâu, ông Reacher. Địa phận của thị trấn kéo dài mười bốn dặm, lên tận tới quốc lộ. Khu nhà kho ấy thuộc phạm vi thẩm quyền của tôi, không có gì phải nghi ngờ chuyện ấy."

Viên cảnh sát chờ đợi. Tôi gật đầu. Ông ta tiếp tục.

"Kliner đã xây dựng khu đó cách đây năm năm", ông ta nói. "Ông có nghe nói về ông ta chứ?"

Tôi lắc đầu.

"Làm thế nào mà tôi nghe nói về ông ta được?" tôi đáp. "Trước đây tôi chưa từng tới nơi này".

"Ông ấy là nhân vật quan trọng ở đây", Finlay nói. "Hoạt động của ông ấy ở đây mang lại cho chúng tôi nhiều khoản thu thuế, đem lại cho chúng tôi nhiều điều tốt đẹp. Rất nhiều ngân sách và rất nhiều lợi ích cho thị trấn mà chẳng có chút lộn xộn gì, bởi khu nhà kho cách khá xa, phải không? Thế nên chúng tôi cố gắng quan tâm tới nó giúp ông ấy. Nhưng giờ thì nó đã trở thành hiện trường án mạng, và ông phải giải thích."

Tay này đang thực hiện công việc của mình nhưng ông ta lại đang làm lãng phí thời gian của tôi.

"Được rồi, ông Finlay", tôi nói. "Tôi sẽ tường trình mọi việc nhỏ nhất nhất mình đã làm kể từ khi đặt chân vào ranh giới cái thị trấn chết bầm của ông cho tới khi tôi bị lôi tới đây trong lúc đang ăn bữa sáng chết tiệt của tôi. Nếu ông có thể khai thác được bất kỳ điều gì từ đó, tôi sẽ thết ông một bữa ra trò. Bởi vì tất cả những gì tôi đã làm là đưa chân nọ lên trước chân kia suốt gần bốn tiếng đồng hồ

trong cơn mưa như trút suốt quãng đường mười bốn dặm quý giá của các ông."

Đó là bài nói dài nhất tôi thực hiện trong sáu tháng qua. Finlay ngồi nhìn tôi. Tôi quan sát ông ta đánh vật với tình thế tiến thoái lưỡng nan rất căn bản mà bất kỳ thám tử nào cũng gặp phải. Ông đội trưởng thám tử đang nghĩ bụng có lẽ tôi không phải kẻ ông đang truy tìm. Nhưng tôi lại đang ngồi đây, ngay trước mặt Finlay. Vậy một thám tử nên làm gì? Tôi để cho ông ta cân nhắc, cố gắng xác định đúng thời điểm với một bước đi đúng hướng. Tôi định nói đại loại như trong lúc Finlay đang phí thời gian ở đây với tôi thì ngoài kia thủ phạm thật vẫn đang lượn lờ. Điều ấy sẽ khiến

Finlay không yên tâm. Nhưng ông ta hành động trước. Một nước đi sai lầm.

"Không cần tường trình gì cả," viên thám tử nói. "Tôi sẽ đặt câu hỏi và ông trả lời. Ông là Jack-không-tên-đệm-Reacher. Không địa chỉ. Không giấy tờ tùy thân. Ông là ai, một kẻ vô gia cư?"

Tôi thở dài. Hôm nay là thứ Sáu. Chiếc đồng hồ cổ lớn cho biết đã hơn nửa ngày trôi qua. Tay Finlay này sắp thực hiện hết mọi quy trình cho vụ này. Tôi sẽ phải trải qua kỳ nghỉ cuối tuần trong buồng giam. Có lẽ thứ Hai được thả ra.

"Tôi không phải người vô gia cư, ông Finlay," tôi nói. "Tôi là người du lịch không nhà cửa. Khác nhau nhiều."

Viên cảnh sát lắc đầu, một cách từ từ.

"Đừng có tỏ ra khôn ngoan với tôi, Reacher," ông ta nói. "Ông đang gặp rắc rối to. Những điều kinh khủng đã xảy ra ở đó. Nhân chứng của chúng tôi đã trông thấy ông rời khỏi hiện trường. Ông là một người lạ không có giấy tờ tùy thân và không có gì chứng minh vô can. Thế nên đừng có tỏ ra khôn ngoan với tôi."

Finlay vẫn đang thực hiện công việc của mình, nhưng ông ta vẫn đang làm lãng phí thời gian của tôi.

"Khi ấy tôi không rời khỏi hiện trường xảy ra án mạng," tôi nói. "Tôi đang đi bộ dọc theo một con đường chết tiệt. Có sự khác biệt, phải không? Những người rời khỏi hiện trường xảy ra án mạng thường chạy và lẩn trốn. Chúng không phơi mặt cuộc bộ trên đường. Đi bộ trên một con đường có gì sai chứ? Lúc nào chẳng có người đi bộ trên đường, phải không?"

Finlay cúi người và lắc đầu.

"Không," ông ta đáp. "Kể từ khi phát minh ra ô tô, chẳng ai đi bộ hết quãng đường dài ấy. Vậy nên tại sao ông không có địa chỉ? Ông từ đâu tới? Hãy trả lời đi. Ta hãy làm xong việc này".

"Được rồi, ông Finlay, ta hãy làm cho xong," tôi nói. "Tôi không có địa chỉ bởi tôi chẳng định cư ở đâu cả. Có thể một ngày tôi sẽ định cư ở đâu đó và rồi tôi sẽ có địa chỉ, tôi sẽ gửi cho ông một tấm bưu ảnh và ông có thể kẹp nó vào cuốn sổ địa chỉ khốn kiếp của ông, bởi có vẻ ông quan tâm ghé góp đến chuyện ấy."

Finlay chăm chú nhìn tôi và xem xét xem nên xử trí kiểu gì. Chọn đi theo lối kiên nhẫn. Kiên nhẫn nhưng ương bướng. Kiểu như ông ta là người không thể làm chùn bước.

"Ông từ đâu tới?" Finlay hỏi. "Địa chỉ mới nhất của ông là gì?"

"Chính xác thì ý ông là gì khi ông hỏi tôi từ đâu tới?"

Mỗi viên thám tử mím chặt lại. Tôi cũng đang làm cho ông ta khó kiềm chế. Nhưng Finlay vẫn kiên nhẫn. Đan vào sự kiên nhẫn là lời mỉa mai lạnh băng.

"Được rồi," ông ta nói. "Ông không hiểu câu hỏi của tôi, vậy thì để tôi cố gắng làm rõ nó vậy. Ý tôi là đâu là nơi ông sinh ra hoặc nơi ông đã sống trong phần lớn cuộc đời mà ông rõ ràng coi nó có ý nghĩa nổi bật xét về khía cạnh xã hội hay văn hóa ấy?"

Tôi chỉ nhìn viên cảnh sát.

"Tôi sẽ nêu ví dụ cho ông", ông ta nói. "Bản thân tôi sinh ra ở Boston, được học hành ở Boston và sau đó làm việc hai mươi năm ở Boston, thế nên tôi sẽ nói, và tôi nghĩ ông sẽ nhất trí, rằng tôi từ Boston tới".

Tôi đã đúng. Một tay tốt nghiệp Harvard. Một tay tốt nghiệp Harvard đang dần mất kiên nhẫn.

"Được rồi", tôi nói. "Ông đã hỏi thì tôi sẽ trả lời. Nhưng để tôi nói cho ông điều này đã. Tôi không phải kẻ ông đang truy tìm. Đến thứ Hai ông sẽ rõ. Tôi không phải kẻ ông cần tìm. Thế nên hãy chú tâm vào việc của mình. Đừng ngừng tìm kiếm."

Finlay cố nhin cười. Ông ta nghiêm nghị gật đầu.

"Tôi cảm kích vì lời khuyên của ông", ông ta nói. "Và sự lo lắng của ông cho công việc của tôi nữa."

"Không có gì cả," tôi nói.

"Tiếp đi," viên thám tử bảo.

"OK," tôi nói. "Theo định nghĩa phức tạp của ông, tôi chẳng từ đâu tới cả. Tôi xuất phát từ một nơi có tên gọi Quân đội. Tôi sinh ra ở một căn cứ quân sự Mỹ tại Tây Berlin. Ông già tôi là lính thủy đánh bộ còn mẹ tôi là một công dân Pháp mà ông ấy gặp ở Hà Lan. Họ làm đám cưới ở Hàn Quốc."

Finlay gật đầu. Ghi lại.

"Tôi là đứa trẻ của quân đội," tôi nói. "Hãy đưa cho tôi danh sách các căn cứ của Mỹ trên toàn thế giới, đó là danh sách những nơi tôi đã sống. Tôi học cấp ba ở hơn hai chục nước khác nhau và sau đó học bốn năm ở West Point." *(Học viện quân sự Hoa Kỳ, nằm ở bang New York.)*

"Tiếp nữa đi," Finlay nói.

"Tôi ở lại quân đội," tôi tiếp. "Quân cảnh. Tôi lại phục vụ và sống trong tất cả các căn cứ ấy. Thừa ông Finlay, rồi sau ba mươi sáu năm mà trước tiên là con của một sĩ quan và sau đó bản thân làm sĩ quan, đột nhiên không cần phải có một quân đội to lớn nữa bởi Liên Xô đã sụp đổ. Vậy nên hoan hô, chúng ta nhận được cổ tức hòa bình. Với ông thì điều đó nghĩa là các khoản thuế do ông đóng được tiêu vào một việc khác, nhưng với tôi nghĩa là tôi là một cựu sĩ quan quân cảnh thất nghiệp ba mươi sáu tuổi bị bọn khốn gọi là kẻ vô gia cư, bọn khốn tởm lợm trong cơ quan dân sự chẳng sống nổi năm phút nếu vớt vào thế giới trước đây tôi đã sống."

Viên cảnh sát suy nghĩ một lúc. Không cảm thấy ấn tượng gì.

"Tiếp đi," ông ta nói.

Tôi nhún vai với ông ta.

"Thế nên bây giờ tôi tận hưởng cuộc sống này. Có lẽ rốt cuộc tôi sẽ tìm được việc gì đó để làm, cũng có thể không. Có thể tôi sẽ ổn định cuộc sống ở đâu đó, có thể không. Nhưng ngay lúc này đây, tôi chưa muốn làm việc ấy."

Finlay gật đầu. Ghi chú thêm vài điều.

"Ông rời quân đội khi nào?" ông ta hỏi.

"Cách đây sáu tháng", tôi đáp. "Tháng Tư."

"Từ đó tới nay ông đã làm việc gì chưa?"

"Ông đùa à," tôi nói. "Lần gần đây nhất ông tìm việc là khi nào?"

"Tháng Tư," ông ta lặp lại. "Cách đây sáu tháng. Tôi đảm nhận công việc này."

"Vâng, tốt cho ông thôi, Finlay," tôi nói.

Tôi không thể nghĩ được điều gì khác để nói. Finlay chăm chú nhìn tôi một lúc.

"Ông sống dựa vào gì?" Viên thám tử hỏi. "Ông mang cấp bậc gì?"

"Thiếu tá," tôi đáp. "Người ta trả tiền xuất ngũ khi đã dứt ta ra. Khoản đó hầu như vẫn còn

nguyên. Tôi đang cố gắng cho nó nằm trong túi mình lâu lâu, ông biết chứ?"

Một khoảng im lặng dài. Finlay gõ một giai điệu bằng cán bút.

"Vậy ta hãy nói chuyện về hai mươi bốn giờ qua," ông ta nói.

Tôi thở dài. Giờ thì tôi đang tiến về phía rắc rối.

"Tôi tới đây bằng xe buýt của hãng Greyhound," tôi nói. "Xuống xe ở tỉnh lộ. Lúc tám giờ sáng nay. Đi bộ vào thị trấn, tới tiệm ăn đó, gọi đồ ăn sáng và lúc tôi đang ăn thì đám các ông tới rồi lôi tôi vào đây."

"Ông tới đây công tác hả?" viên thám tử hỏi.

Tôi lắc đầu.

"Tôi thất nghiệp", tôi đáp. "Tôi chẳng đi công tác ở đâu cả."

Ông ta ghi lại điều đó.

"Ông lên xe buýt ở đâu?" viên thám tử lại hỏi.

"Ở Tampa," tôi đáp. "Xe rời khỏi đó lúc nửa đêm hôm qua"

"Tampa ở Florida à?"

Tôi gật đầu, Viên cảnh sát lạch xạch mở một ngăn kéo. Lấy ra một bảng lịch chạy xe của hãng Greyhound. Mở nó ra rồi di ngón tay dài màu nâu dọc theo một trang. Đây quả là một tay rất cẩn thận. Ông ta nhìn tôi từ bên kia bàn.

"Đó là xe tốc hành, ông ta nói. "Chạy xuyên thẳng qua miền Bắc tới Atlanta. Tới đó lúc chín giờ sáng. Không dừng ở đây lúc tám giờ."

Tôi lắc đầu.

"Tôi đã yêu cầu lái xe dừng", tôi đáp. "Ông ấy bảo ông ta không được phép dừng xe, nhưng cuối cùng thì cũng dừng. Dừng chỉ để cho tôi xuống."

"Ông đã từng tới đây chưa?" Finlay hỏi.

Tôi lại lắc đầu.

"Có gia đình ở đây không?" ông ta tiếp.

"Không ở đây", tôi đáp.

"Ông có gia đình ở đâu?"

"Một ông anh ở D.c," tôi đáp. "Làm ở Bộ Tài chính."

"Ông có bạn bè ở Georgia này không?" viên thám tử hỏi.

"Không", tôi đáp.

Finlay ghi lại toàn bộ. Rồi im lặng một lúc lâu. Tôi biết chắc chắn câu hỏi tiếp theo sẽ là gì.

"Vậy tại sao?" ông ta lên tiếng. "Tại sao lại xuống xe ở một điểm ngoài lịch trình và cuộc bộ mười bốn dặm trong mưa ở một nơi mà ông hoàn toàn không có lý do gì để đến?"

Đó là câu hỏi có tính quyết định. Finlay đã chọn ngay nó. Một công tố viên cũng thế. Và tôi không có câu trả lời thực sự.

"Tôi có thể nói gì với ông đây?" tôi nói. "Đó là quyết định tùy hứng. Tôi liên tục đi lại. Tôi phải tới nơi nào đó, đúng không?"

"Nhưng tại sao lại là nơi này?"

"Tôi không biết", tôi đáp. "Người ngồi cạnh tôi có một tấm bản đồ, và tôi chọn nơi này. Tôi muốn rời khỏi các tuyến đường chính. Tôi nghĩ mình có thể vòng trở lại về phía Vịnh (*vịnh Mexico*), có lẽ nằm ở xa hơn về phía Tây",

"Ông đã chọn chính xác nơi này hả?" Finlay hỏi "Đừng có nói chuyện vớ vẩn đó với tôi. Làm thế nào ông có thể chọn chính xác nơi này? Nó chỉ là một cái tên. Nó chỉ là một dấu chấm trên bản đồ."

Chắc chắn ông đã phải có lý do cụ thể",

Tôi gật đầu.

"Tôi nghĩ mình sẽ tới tìm Blake Mù," tôi nói.

"Blake Mù là tay quái nào đây?" viên thám tử hỏi.

Tôi quan sát ông ta cân nhắc các khả năng như một máy tính chơi cờ tính toán nước đi. Liệu Blake Mù là bạn, kẻ thù, kẻ đồng lõa, kẻ cùng âm mưu, thầy dạy, chủ nợ, con nợ, hay nạn nhân tiếp theo của tôi?

"Blake Mù là một nhạc công ghi ta," tôi đáp. "Đã chết cách đây sáu mươi năm, có thể bị giết. Anh trai tôi đã mua một đĩa hát cũ, bìa bọc đĩa ghi rằng việc đó xảy ra ở Margrave. Ông anh đã viết thư cho tôi kể về chuyện ấy. Bảo rằng mùa xuân năm nay anh ấy đã qua đây vài lần, vì công việc gì đó. Tôi nghĩ tôi sẽ tới xem chuyện thực hư ra sao."

Finlay trông chẳng có cảm xúc nào. Chắc hẳn câu chuyện chẳng thu hút ông ta là mấy. Nếu tôi ở cương vị ông ta, nó cũng sẽ chẳng thu hút chú ý được bao nhiêu.

"Ông tới đây để tìm một tay chơi ghi ta hả?" Finlay hỏi. "Một nhạc công ghi ta mất cách đây sáu mươi năm à? Vì sao vậy? Ông cũng là người chơi ghi ta hả?"

"Không", tôi đáp.

"Anh trai ông viết thư gửi ông bằng cách nào?" viên thám tử vặn. "Khi mà ông chẳng có địa chỉ nào cả?"

"Anh ấy gửi về đơn vị cũ của tôi," tôi đáp. "Họ chuyển tiếp cho ngân hàng của tôi, là nơi tôi lấy tiền xuất ngũ. Khi tôi điện cho họ để lấy tiền thì họ chuyển thư cho tôi".

Finlay lắc đầu. Ghi chép.

"Chuyến xe của hãng Greyhound rời Tampa lúc nửa đêm phải không?" ông ta nói.

Tôi gật đầu.

"Ông giữ vé xe chứ?"

"Tôi nghĩ là ở trong túi giữ tư trang," tôi nói. Tôi nhớ rằng Baker đã cho tất cả những thứ trong các túi quần áo của tôi vào cái túi. Stevenson đã ghi thông tin vào bảng in trên chiếc túi ấy.

"Liệu người lái xe sẽ nhớ chứ?" Finlay lại hỏi.

"Có thể", tôi đáp. "Đó là điểm dừng đặc biệt. Tôi phải đề nghị ông ấy dừng xe."

Tôi trở nên giống một người quan sát. Tình hình trở nên không rõ ràng. Công việc của tôi trước đây cũng không khác với việc của Finlay là bao. Tôi thấy cảm giác quen thuộc, như đang bàn bạc với Finlay về vụ việc liên quan tới một kẻ khác. Như thể chúng tôi là hai đồng nghiệp đang bàn về một vấn đề cần tháo gỡ.

"Tại sao ông không làm việc?" viên cảnh sát hỏi.

Tôi nhún vai, cố gắng giải thích.

"Vì tôi không muốn làm", tôi trả lời. "Tôi đã làm việc mười ba năm, chẳng đi tới đâu. Tôi cảm thấy như mình đã cố gắng theo cách của người ta và thật là khốn nạn. Giờ tôi sẽ cố gắng theo cách của mình."

Finlay ngồi nhìn tôi.

"Trong quân đội ông có gặp rắc rối gì không?" ông ta hỏi.

"Không nhiều hơn ông khi ở Boston."

Finlay ngạc nhiên.

"Ông nói thế là ý gì?" ông ta hỏi.

"Ông đã làm việc ở Boston hai chục năm", tôi nói. "Đó là điều ông đã nói với tôi, ông Finlay ạ."

Vậy tại sao ông lại ở đây, ở chốn nhỏ bé chẳng có gì đặc biệt này? Lẽ ra ông nên nhận lương hưu và đi câu cá. Ở Cape Cod hay bất kỳ đâu. Câu chuyện của ông như thế nào vậy?"

"Đó là chuyện riêng của tôi, ông Reacher", viên cảnh sát đáp. "Hãy trả lời câu hỏi của tôi."

Tôi nhún vai.

"Hỏi quân đội ấy", tôi nói.

"Tôi sẽ hỏi", Finlay đáp. "Chuyện này thì ông cứ yên trí. Ông đã xuất ngũ một cách vinh quang đấy chứ?"

"Nếu không thì họ có cấp tiền xuất ngũ cho tôi hay không?" tôi đáp bằng một câu hỏi.

"Tại sao tôi nên tin họ đã cấp cho ông một xu nhỉ?" Finlay nói. "Ông sống như một tay vô gia cư chết tiệt. Xuất ngũ với tư cách hàng hoàng, có thật hay không đây?"

"Thật chứ", tôi đáp. "Tất nhiên là thế rồi."

Viên thám tử lại ghi chép. Rồi suy nghĩ một lát.

"Ông cảm thấy thế nào khi được cho xuất ngũ?" ông ta hỏi.

Tôi suy nghĩ về điều này. Nhún vai với ông ta.

"Chẳng khiến tôi suy nghĩ gì cả," tôi đáp. "Làm tôi cảm thấy như thể mình đã ở trong quân đội, và giờ không còn trong quân đội nữa".

"Ông cảm thấy cay đắng không?" Finlay hỏi. "Thất vọng ấy?"

"Không," tôi nói. "Tôi nên thế sao?"

"Không vấn đề gì hết hả?" viên thám tử lại hỏi. Cứ như buộc phải có chuyện gì đó.

Tôi cảm thấy như mình phải cho ông ta một câu trả lời.

Nhưng tôi không thể nghĩ ra điều gì. Kể từ ngày chào đời tôi đã ở trong quân đội. Giờ thì tôi đã ra. Ra ngoài thật tuyệt. Cảm thấy như tự do. Như thế suốt cả đời tôi bị một cơn đau đầu nhẹ. Và chỉ khi nó chấm dứt thì mới nhận thấy nó từng tồn tại. Vấn đề duy nhất của tôi là kiếm sống. Làm thế nào để kiếm sống mà không phải từ bỏ tự do là chuyện chẳng hề dễ dàng. Trong sáu tháng qua tôi chưa kiếm được xu nào. Đó là vấn đề duy nhất của tôi. Nhưng tôi sẽ không nói cho Finlay chuyện đó. Ông ta sẽ nhìn nhận đó là một động cơ. Ông ta sẽ nghĩ rằng tôi đã quyết định trang trải cho cuộc sống kiểu vô gia cư của mình bằng cách đi cướp của người khác. Ở các nhà kho. Và rồi giết họ.

"Tôi nghĩ rằng việc thay đổi thật khó thích nghi", tôi nói. "Đặc biệt khi tôi lại sống trong quân đội từ lúc còn bé nữa."

Finlay gật đầu. Suy nghĩ về câu trả lời của tôi.

"Tại sao lại cụ thể là ông?" viên cảnh sát nói. "Ông tình nguyện xuất ngũ hả?"

"Tôi chẳng bao giờ tình nguyện làm gì," tôi nói. "Nguyên tắc cơ bản của lính đấy."

Lại một khoảng im lặng nữa.

"Ông có làm chuyên môn không?" Finlay hỏi. "Hồi còn tại ngũ ấy?"

"Ban đầu là các nhiệm vụ chung," tôi nói. "Đó là hệ thống. Rồi tôi xử lý vấn đề bảo mật trong năm năm. Rồi trong sáu năm cuối, tôi làm một việc khác."

Để cho ông ta hỏi.

"Việc khác đó là gì?" viên thám tử đặt câu hỏi.

"Điều tra án mạng", tôi đáp.

Finlay ngả hẳn người về phía sau. Hàm hừ. Lại khum các đầu ngón tay vào nhau lần nữa. Ông ta chăm chú nhìn tôi và thở ra. Ngồi ngả về trước. Chĩa một ngón tay vào tôi.

"Được rồi," ông ta nói. "Tôi sẽ kiểm tra thông tin về ông. Chúng tôi đã có vân tay của ông."

Những thứ đó nằm trong hồ sơ của quân đội. Chúng tôi sẽ xem hồ sơ của ông. Tất cả. Mọi chi tiết. Chúng tôi sẽ xác minh chỗ công ty xe buýt. Kiểm tra vé của ông. Tìm người lái xe, tìm các hành khách. Nếu đúng như ông nói, chúng tôi sẽ sớm biết thôi. Và nếu đó là sự thật, ông sẽ được trả lại tự do. Rõ ràng, một số chi tiết nhất định về phương pháp và thời gian sẽ quyết định vấn đề này. Những chi tiết đó vẫn chưa rõ ràng."

Viên thám tử ngừng lại thờ. Nhìn thẳng vào tôi.

"Ở thời điểm này tôi là người thận trọng," ông ta nói. "Xét về bề ngoài, ông trông không được tử tế. Một gã lang thang. Một kẻ vô gia cư. Không địa chỉ, không tiền sử. Câu chuyện của ông có thể vô nghĩa. Có thể ông là tội phạm. Có thể ông đã giết người cả cánh tả và cánh hữu ở hơn chục bang. Tôi chỉ không biết thôi. Đừng trông đợi tôi cho rằng ông vô tội nhưng chưa chứng minh được. Ngay bây giờ, tại sao tôi thậm chí phải hoài nghi chứ? Ông bị quản chế tới khi chúng tôi biết chắc chắn, được chứ?"

Đó là điều tôi đã dự đoán. Đó chính xác là điều tôi sẽ nói nếu ở vị trí của Finlay. Nhưng tôi chỉ nhìn ông ta và lắc đầu.

"Ông là một tay thận trọng à?" tôi hỏi. "Cái đó thì chắc quá rồi còn gì."

Viên cảnh sát nhìn lại tôi.

"Nếu tôi sai, thứ Hai tôi sẽ đả ông bữa trưa", ông ta nói. "Tại tiệm ăn Eno, để bù cho ngày hôm nay."

Tôi một lần nữa lắc đầu.

"Tôi đâu có định tìm cho mình một cạ cứng ở nơi này", tôi nói.

Finlay chỉ nhún vai. Bấm tắt đài ghi băng. Tua lại. Lấy cuốn băng ra. Viết lên băng. Ông ta bấm nút đàm thoại nội bộ trên chiếc bàn gỗ hồng sắc. Yêu cầu Baker quay lại phòng. Tôi chờ đợi. Không khí vẫn lạnh. Nhưng cuối cùng người tôi đã khô hằn. Mưa đã rơi từ bầu trời bang Georgia xuống ngấm vào tôi. Giờ thì nó lại bị bầu không khí khô trong phòng hút ra khỏi tôi. Một chiếc máy khử ẩm đã hút nó ra bơm đi chỗ khác.

Baker gõ cửa và đi vào. Finlay bảo ông ta giải tôi tới buồng giam. Rồi đội trưởng thám tử gật đầu với tôi. Cái gật đầu đó hàm ý: nếu quả tình ông không phải thủ phạm, hãy nhớ rằng lúc này tôi chỉ thực hiện công việc của mình thôi. Tôi gật đầu đáp lại. Cái gật đầu của tôi hàm ý: trong khi ông đang tìm cách khỏi phải chịu trách nhiệm thì kẻ giết người vẫn nhởn nhơ ngoài kia.

Khu giam giữ rộng rãi nằm thụt vào so với khoảng không gian mở được dùng làm phòng họp. Nó được chia thành ba buồng giam riêng biệt có các song sắt đứng. Bức tường trước hoàn toàn được làm từ các thanh sắt. Mỗi phòng giam đều có cửa gắn bản lề. Máy đồ kim loại này có ánh lấp lánh hơi sẫm thật dễ chịu. Trông như ti tan. Từng buồng giam đều được trải thảm. Nhưng hoàn toàn trống trơn. Không có đồ dùng hay bệ bê tông làm giường. Chỉ là một loại phòng tạm giam kiểu cũ ta thường thấy nhưng được đổ nhiều tiền xây dựng.

"Ở đây không có chỗ ngủ qua đêm à?" tôi hỏi Baker.

"Chẳng có đâu", ông ta đáp. "Chút nữa ông sẽ được chuyển tới cơ sở của bang. Xe vận chuyển tới lúc sáu giờ. Thứ Hai xe sẽ đưa ông trở lại."

Viên cảnh sát đóng cách cửa và xoay chìa khóa. Tôi nghe thấy tiếng chốt cửa xoay quanh rìa về vị trí cũ. Chạy điện. Tôi lấy tờ báo ra khỏi túi. Cởi áo khoác và cuộn nó lại. Nằm thẳng xuống sàn và nhét chiếc áo khoác xuống dưới đầu.

Bây giờ tôi thực sự bức tức. Kỳ cuối tuần này tôi phải ở trong tù. Tôi sẽ không ở trong phòng

tạm giam của một đồn.

Chẳng phải vì tôi có bất kỳ kế hoạch nào khác. Nhưng tôi biết các nhà tù dân sự. Rất nhiều kẻ đào ngũ kết cục bị tổng vào nhà tù dân sự. Vì chuyện này hay chuyện khác. Hệ thống nhà tù thông báo cho phía quân đội. Người ta điều quân cảnh tới để đưa họ trở lại quân đội. Thế nên tôi đã từng thấy các nhà tù dân sự. Tôi chẳng hứng thú gì mấy cái nhà tù đó. Tôi giận dữ nằm lắng nghe tiếng rì rầm của phòng họp. Điện thoại đổ chuông. Bàn phím gõ lạch cạch. Nhiệt độ tăng rồi giảm. Các sĩ quan đi lại, nói chuyện khe khẽ.

Rồi tôi cố gắng đọc nốt tờ báo mình đã mượn. Đầy những nội dung vớ vẩn về tay tổng thống và chiến dịch của lão ta để được tái đắc cử. Lão già đang ở mạn Pensacola dưới vịnh Mexico. Lão ta đang tìm cách cân bằng ngân sách trước khi thế hệ cháu lão trở thành phụ lão. Lão đang cắt giảm các khoản như một tay cầm con dao lớn mở đường qua rừng nhiệt đới. Dưới Pensacola, lão đang áp dụng chính sách ấy với lực lượng Bảo vệ Bờ biển. Trong mười hai tháng qua họ đang áp dụng một sáng kiến. Từng ngày trong suốt một năm qua họ triển khai lực lượng như một tấm lá chắn cong phía ngoài bờ biển Florida, cặp mạn và kiểm tra mọi chuyến tàu họ cảm thấy "có mùi". Sáng kiến này đã được công bố hết sức rầm rộ. Và nó đã thành công ngoài cả sức tưởng tượng phong phú nhất. Họ đã thu giữ được đủ thứ. Hầu hết là ma túy nhưng có cả súng, người nhập cư bất hợp pháp từ Haiti và Cuba. Sau vài tháng, sáng kiến của họ đã làm giảm tỷ lệ tội phạm trên khắp nước Mỹ và ở khu vực lân cận trong phạm vi vài ngàn dặm. Thành công lớn.

Thế nên nó bị bãi bỏ. Thực hiện sáng kiến này rất tốn kém. Ngân sách của lực lượng Bảo vệ Bờ biển bị thâm hụt nghiêm trọng. Lão tổng thống tuyên bố rằng lão sẽ không tăng ngân sách cho họ. Thực tế là lão sẽ phải cắt nữa kia. Nền kinh tế đang rối ren. Tổng thống không thể làm cách nào khác. Thế nên sáng kiến ngăn chặn sẽ bị hủy bỏ trong bảy ngày tới. Lão tổng thống đang cố gắng tỏ ra là một nhà lãnh đạo sáng suốt và vô tư. Các nhân vật có cỡ trong ngành thực thi luật pháp thì giận dữ bởi họ cho rằng phòng tốt hơn chống. Những kẻ trong cuộc ở thủ đô Washington thì vui bởi khoản chi năm mươi xu cho đám cảnh sát nhem nhuốc còn thể hiện hiệu quả rõ hơn vài đô la dành cho hoạt động trên đại dương cách đám cử tri của họ tới hai ngàn dặm. Tranh cãi cứ đẩy qua đẩy lại. Và trong những tấm ảnh nhem nhuốc, tay tổng thống chỉ cười tươi như một nhà lãnh đạo khôn ngoan nói rằng ông ta không thể làm gì. Tôi ngừng đọc bởi việc ấy chỉ khiến tôi cáu hơn.

Để bình tâm lại, đầu tôi dạo ít nhạc. Điệp khúc trong bài Smokestack Lightning (Ánh chớp trên ống khói). Trong bản do Howling Wolf hát (*Chester Arthur Burnett -1910 – 1976, ca sĩ nhạc blues có ảnh hưởng lớn ở Mỹ*), cuối câu đầu tiên có tiếng khóc nghẹn thật tuyệt vời. Người ta vẫn bảo có ngồi tàu một thời gian mới hiểu được nỗi buồn của việc đi lại. Thế là sai. Để hiểu được những nỗi buồn của việc đi lại, ta cần phải bị giữ ở một nơi nào đó. Trong một buồng giam. Hoặc trong quân đội. Một nơi nào đó ta bị đóng cũi. Nơi nào đó mà ánh chớp trên ống khói trông giống như ngọn hải đăng của tự do phía xa mà ta không thể tới nổi. Tôi nằm trên nền phòng giam, áo khoác làm gối, lắng nghe những điệu nhạc trong đầu mình. Và đến cuối điệp khúc thứ ba thì tôi ngủ thiếp đi.

Tôi tỉnh lại khi Baker bắt đầu đá vào các song sắt. Chúng tạo ra những âm thanh rung nhẹ nhẹ. Như tiếng chuông trong đám tang. Baker đứng đó cùng Finlay. Họ nhìn xuống tôi. Tôi vẫn nằm trên sàn. Tôi thấy thoải mái khi nằm như vậy.

"Ông đã nói là nửa đêm qua ông ở đâu nhỉ?" Finlay hỏi tôi.

"Lên xe buýt ở Tampa," tôi đáp.

"Chúng tôi có một nhân chứng mới," ông ta nói. "Người này nói đã trông thấy ông ở khu nhà kho.

Đêm qua. Lượn lờ ở đó. Lúc nửa đêm."

"Hoàn toàn vớ vẩn, ông Finlay," tôi nói. "Làm gì có chuyện như thế. Nhân chứng mới này là kẻ khốn nào vậy?"

"Nhân chứng là sếp Morrison," Finlay nói. "Đồn trưởng. Anh ấy bảo chắc chắn đã từng trông thấy ông. Giờ thì anh ấy đã nhớ là ở đâu."

3

Họ đưa tôi trở lại căn phòng toàn gỗ hồng sắc trong tình trạng hai tay vẫn bị còng. Finlay ngồi ở chiếc bàn lớn, phía trước những lá cờ và bên dưới chiếc đồng hồ cổ. Baker đặt một chiếc ghế ở đầu bàn. Tôi ngồi đối diện Finlay. Ông ta lấy ra chiếc đài ghi âm. Lôi dây nguồn ra. Đặt micro vào giữa chúng tôi. Gõ tay để kiểm tra. Tua băng lại. Sẵn sàng.

"Ông Reacher, hai mươi bốn giờ qua", đội trưởng thám tử nói. "Thuật lại một cách chi tiết",

Hai viên cảnh sát đang hăng hái với sự phấn khích bị dồn nén. Một vụ án khó tìm manh mối giờ đột nhiên trở nên rõ ràng. Niềm phấn khích chiến thắng đang bắt đầu bao trùm họ. Tôi đã nhận thấy có dấu hiệu như thế.

"Đêm qua tôi ở Tampa," tôi nói. "Lên xe buýt lúc nửa đêm. Các nhân chứng có thể xác nhận điều ấy. Lúc tám giờ sáng nay tôi xuống xe ở điểm giao giữa tỉnh lộ và quốc lộ. Nếu đồn trưởng Morrison nói rằng đã trông thấy tôi lúc nửa đêm, hẳn ông ta nhầm. Vào thời điểm đó tôi còn cách nơi này bốn trăm dặm. Tôi không thể bổ sung điều gì nữa. Xin cứ kiểm tra."

Finlay chăm chăm nhìn tôi. Rồi ông ta gạt đầu ra hiệu cho Baker mở một tập hồ sơ bọc da mỏng.

"Chưa xác định được danh tính nạn nhân, Baker nói.

"Không giấy tờ tùy thân. Không ví. Không có các dấu hiệu nhận biết. Nam giới da trắng, tầm bốn mươi tuổi, rất cao, đầu cạo trọc. Thi thể được phát hiện lúc tám giờ sáng nay trên phần đất giáp với hàng rào phía ngoài, gần cổng chính. Một phần thi thể được phủ bằng bìa cứng. Chúng tôi có thể lấy dấu vân tay của nạn nhân. Kết quả tìm kiếm là không. Không khớp với dấu vân tay nào trong cơ sở dữ liệu."

"Người đó là ai, Reacher?" Finlay hỏi.

Baker chờ đợi phản ứng nào đó từ tôi. Ông ta không nhận được gì. Tôi chỉ ngồi yên lắng nghe tiếng tích tắc khe khẽ của chiếc đồng hồ cổ. Những cây kim đang bò dần tới vị trí 2 giờ 30. Tôi không lên tiếng. Baker lật tập hồ sơ chọn một trang khác. Ông ta liếc qua lần nữa rồi tiếp tục.

"Nạn nhân bị bắn hai phát vào đầu", viên cảnh sát nói. "Có lẽ là đạn từ một khẩu tự động cỡ nòng nhỏ có gắn thiết bị giảm thanh. Phát đầu tiên bắn ở tầm gần, vào thái dương trái, phát thứ hai đi sát, phía sau tai trái. Rõ ràng là đạn đầu mềm bởi đạn ra đã phá hỏng mặt nạn nhân. Mưa đã làm trôi hết phần thuốc súng dính trên da song kiểu da cháy chứng tỏ có thiết bị giảm thanh. Chắc chắn phát đạn đầu tiên khiến nạn nhân chết ngay. Không có đầu đạn nào nằm lại trong sọ. Không tìm thấy vỏ đạn nào."

"Khẩu súng ở đâu, ông Reacher?" Finlay lại hỏi.

Tôi nhìn ông ta và nhả mặt. Chẳng nói gì.

"Nạn nhân chết trong khoảng thời gian từ 11 giờ 30 đêm qua tới một giờ sáng nay", Baker nói. "Lúc người gác đêm hết ca lúc 11 giờ 30 thì không thấy thi thể ở đó. Anh ta đã khẳng định điều ấy. Nó được phát hiện khi người gác ban ngày tới mở cổng. Lúc tám giờ. Anh ta đã trông thấy ông rời khỏi hiện trường và gọi điện báo cho chúng tôi."

"Ông ta là ai, ông Reacher?" Firday đặt câu hỏi lần nữa.

Tôi phớt lờ ông ta và nhìn Baker.

"Tại sao lại là trước một giờ?" tôi hỏi tay này.

"Cơn mưa lớn đêm qua bắt đầu lúc một giờ", viên cảnh sát đáp. "Phần vỉa hè bên dưới thi thể vẫn khô cong. Thế nên thi thể đã nằm trên mặt đất trước một giờ - khi trời bắt đầu mưa. Theo kết quả

giám định pháp y thì nạn nhân bị bắn vào lúc nửa đêm",

Tôi gật đầu. Mỉm cười với hai cảnh sát. Thời điểm chết của nạn nhân sẽ giúp tôi thoát khỏi họ.

"Hãy nói cho chúng tôi điều gì xảy ra tiếp theo đó", Finlay nói, khẽ khàng.

Tôi nhún vai.

"Các ông nói cho tôi ấy," tôi bảo. "Tôi không ở đó. Lúc nửa đêm tôi đang ở Tampa."

Baker rướn người để rút ra một trang nữa từ tập hồ sơ.

"Điều xảy ra tiếp theo là ông trở nên kỳ quặc," ông ta nói. "Ông nổi điên lên."

Tôi lắc đầu với tay này.

"Tôi không ở đó lúc nửa đêm", tôi nhắc lại. "Khi ấy tôi đang lên xe buýt ở Tampa. Chuyện đó chẳng có gì kỳ quặc."

Hai viên cảnh sát không phản ứng gì. Họ trông thật khó chịu.

"Trước tiên ông bắn chết ông ấy," Baker nói. "Rồi ông bắn ông ấy phát nữa, rồi ông nổi điên và đá túi bụi vào cái xác. Có rất nhiều chấn thương nặng xuất hiện sau khi nạn nhân chết. Ông đã bắn ông ta rồi ông cố gắng đá nát người ông ta ra. Ông đã đá cái xác lăn khắp chỗ chết tiệt đó. Ông nổi cơn điên. Rồi ông bình tĩnh lại và cố giấu cái xác dưới đồng bìa cứng."

Tôi im lặng một lúc lâu.

"Chấn thương sau khi chết à?" tôi hỏi.

Baker gật đầu.

"Như điên", ông ta nói. "Người đàn ông ấy trông như thể bị xe tải chèn qua ấy. Gần như mọi mảnh xương đều giập nát. Nhưng bác sĩ nói rằng điều đó xảy ra sau khi ông ấy chết. Ông là kẻ thật kỳ quặc, Reacher, điều đó thì chắc chắn rồi."

"Ông ta là ai?" Finlay hỏi lần thứ ba.

Tôi chỉ nhìn viên thám tử. Baker đã đúng. Chuyện đã trở nên kỳ quặc. Rất kỳ quặc. Điên cuồng dẫn tới án mạng đã đủ tệ hại. Nhưng cơn điên nổi lên sau khi xảy ra án mạng còn tệ hơn. Tôi đã tình cờ gặp tình trạng này vài lần. Không muốn tình cờ gặp thêm chút nào nữa. Nhưng theo cách họ mô tả cho tôi thì nghe không hợp lý gì cả.

"Ông đã gặp người đàn ông đó như thế nào?" Finlay cắt vấn.

Tôi tiếp tục chỉ nhìn ông ta. Không trả lời.

"Pluribus nghĩa là gì?" đội trưởng thám tử lại hỏi.

"Tôi đã không ở đó," tôi nói. "Tôi chẳng biết gì cả."

Finlay im lặng.

"Số điện thoại của ông là gì?" ông ta hỏi. Một cách đột ngột.

Tôi nhìn viên thám tử cứ như ông ta bị điên.

"Finlay, ông đang nói cái quái gì thế?" tôi hỏi lại. "Tôi không có điện thoại. Ông không nghe à? Tôi chẳng định cư ở đâu cả."

"Ý tôi hỏi điện thoại di động," ông ta bảo.

"Điện thoại di động nào?" tôi nói. "Tôi không có điện thoại di động."

Cảm giác sợ hãi ập đến tôi. Họ cho rằng tôi là một tay sát thủ chuyên nghiệp. Một gã lang thang khát tiền lập dị cùng chiếc điện thoại di động chuyên giết người. Đá thi thể họ giập nát. Liên hệ với tổ chức ngầm của mình để biết mục tiêu tiếp theo. Luôn luôn di chuyển.

Finlay cúi người. Ông ta đẩy một mẩu giấy về phía tôi. Đó là một mẩu giấy xé ra từ giấy in. Không cũ. Tờ giấy đã sờn bóng. Kiểu bóng ở loại giấy nằm trong túi quần áo một tháng. Trên giấy in một chữ được gạch chân. Chữ

Pluribus. Bên dưới là một số điện thoại. Tôi nhìn tờ giấy. Không chạm vào nó. Không muốn bất kỳ sự nhầm lẫn nào liên quan tới vân tay.

"Đó là số điện thoại của ông hả?" Finlay hỏi.

"Tôi không có điện thoại," tôi nhắc lại lần nữa. "Đêm qua tôi không ở đây. Càng làm phiền tôi là ông càng phí thời gian đấy, ông Finlay."

"Đó là số điện thoại di động," viên cảnh sát nói. "Chúng tôi biết điều đó. Thuộc mạng của một nhà cung cấp ở Atlanta. Nhưng phải đến thứ Hai chúng tôi mới có thể xác minh số này. Thế nên chúng tôi hỏi ông. Ông nên hợp tác, Reacher."

Tôi nhìn mẫu giấy một lần nữa.

"Thứ này xuất hiện ở đâu?" tôi hỏi Firtlay.

Viên thám tử cân nhắc câu hỏi. Quyết định trả lời.

"Nó nằm trong giày của nạn nhân", ông ta nói. "Được gập lại và giấu kín."

Tôi ngồi im lặng một lúc lâu. Tôi thấy lo lắng. Cảm thấy mình giống một nhân vật bị rơi xuống hố trong truyện của bọn trẻ. Nhận thấy mình trong một thế giới lạ mà mọi thứ đều khác và kỳ lạ. Như Alice trong Xứ sở thần tiên. Cô bé có ngã xuống hố không nhỉ? Hay cô đã xuống xe buýt của hãng Greyhound ở một điểm không phù hợp?

Tôi đang ở trong một căn phòng sang trọng và đầy đủ. Tôi thấy văn phòng trong các ngân hàng Thụy Sĩ còn chả được như thế này. Tôi đang ở cùng hai cảnh sát. Thông minh và chuyên nghiệp. Có lẽ hai người có tổng cộng hơn ba mươi năm kinh nghiệm. Một cơ quan cảnh sát đủ độ chín và đầy năng lực. Được sắp xếp nhân sự phù hợp và có ngân sách dồi dào. Có một điểm yếu là tên khốn Morrison ở trên đỉnh song như tôi đã thấy trong một thời gian thì đây vẫn là một tổ chức tốt. Nhưng họ đang đâm đầu vào ngõ cụt. Có vẻ họ tin

rằng trái đất phẳng. Rằng bầu trời bang Georgia khổng lồ là một chiếc bát úp vừa khít bên trên. Tôi là kẻ duy nhất biết rằng trái đất tròn.

"Có hai điều", tôi cất tiếng. "Người đàn ông bị bắn vào đầu ở tầm gần bằng vũ khí tự động có thiết bị giảm thanh. Phát đầu tiên làm ông ấy chết. Phát thứ hai nhằm đảm bảo chắc chắn điều đó. vỏ đạn biến mất. Điều đó có ý nghĩa thế nào với các ông? Xét về mặt chuyên môn ấy?"

Finlay chẳng nói gì. Nghi phạm chính của viên thám tử này đang bàn về vụ án với ông ta như một đồng nghiệp. Với tư cách một điều tra viên, ông ta không nên cho phép điều đó. Ông ta nên ngắt lời tôi. Nhưng đội trưởng thám tử muốn nghe ý kiến của tôi. Tôi có thể thấy ông ta đang đấu tranh với bản thân. Cả người Finlay không động đậy nhưng đầu óc đang vật lộn như một con mèo bị nhốt trong bao.

"Tiếp đi," rốt cuộc viên cảnh sát lên tiếng. Đầy nghiêm nghị, như thể đây là một quyết định quan trọng.

"Đó là một vụ hành quyết, ông Finlay," tôi nhận xét. "Không phải vụ cướp hay cãi lộn. Đó là vụ giết người lạnh lùng, không thể hiện chút cảm xúc nào. Không để lại bằng chứng nào. Đó là một gã khôn ngoan, sau khi ra tay thì cầm đèn pin lần tìm hai vỏ đạn cỡ nhỏ",

"Tiếp đi," Finlay lại nói.

"Phát bắn tầm gần vào thái dương trái", tôi nói. "Có thể nạn nhân đang ở trong xe hơi. Khi ấy kẻ bắn đang nói chuyện với nạn nhân qua cửa sổ xe thì giơ súng lên. Bùm. Hấn ngã người vào phía trong bắn phát thứ hai. Rồi hấn nhặt hai vỏ đạn và rời khỏi hiện trường."

"Hấn rời hiện trường à?" Finlay nói. "Vậy những thứ còn lại đổ xuống thì sao? Ông đang cho là

có kẻ thứ hai à?"

Tôi lắc đầu.

"Có ba tên", tôi nói. "Điều đó thì rõ, đúng không?"

"Tại sao là ba?" viên thám tử hỏi.

"Thực tế là phải có ít nhất hai tên, đúng không?" tôi nói. "Nạn nhân tới khu nhà kho đó bằng cách nào? Ông ta lái xe, đúng chứ? Dù xuất phát từ đâu thì tới đó cũng quá xa, không thể đi bộ. Vậy bây giờ xe của ông ấy đâu? Hung thủ cũng không cuộc bộ tới đó. Thế nên thực tế phải có một nhóm tối thiểu hai tên. Chúng cùng nhau chạy xe tới và sau đó ra đi trên hai xe riêng rẽ, một trong hai tên chạy xe của nạn nhân."

"Nhưng sao?" Finlay nói.

"Nhưng dấu vết thực tế cho thấy có ít nhất ba tên," tôi đáp. "Hãy nghĩ về điều đó từ khía cạnh tâm lý học. Đó là vấn đề mấu chốt đối với chuyện này. Một tên sử dụng súng tự động cỡ đạn nhỏ có thiết bị giảm thanh để bắn một phát gọn vào đầu nạn nhân và một phát để đảm bảo kết quả không phải loại người đột nhiên nổi cơn điên và đá nát thi thể nạn nhân, đúng không? Và loại người điên loạn như thế sẽ không đột nhiên bình tĩnh lại giấu xác nạn nhân dưới đồng bìa cứng. Các ông đang chứng kiến ba sự việc hoàn toàn riêng rẽ diễn ra ở đó, Finlay. Thế nên có ba gã liên quan tới vụ việc."

Finlay nhún vai với tôi.

"Có thể là hai", viên cảnh sát nói. "Có thể sau đó kẻ bắn đã dọn dẹp hiện trường."

"Không thể", tôi nói. "Sẽ không có chuyện hẩn chờ đợi. Hẩn không thích kiểu điên loạn kia. Tình trạng đó sẽ khiến hẩn bối rối. Và sẽ làm hẩn lo ngại bởi nó làm tăng khả năng bại lộ cũng như nguy cơ đối với toàn bộ vụ việc. Với một kẻ như thế, nếu như sau đó có dọn dẹp hiện trường thì hẩn đã làm gọn ghẽ đầu ra đây. Không đời nào hẩn để lại cái xác ở nơi người gác đầu tiên phát hiện ra. Thế nên các ông đang tìm ba gã."

Finlay suy nghĩ rất lung.

"Vậy thì sao?" ông ta hỏi.

"Thế thì tôi bị coi là kẻ nào?" tôi nói. "Kẻ bắn, tên điên hay thằng đàn giấu cái xác?"

Finlay và Baker nhìn nhau. Không trả lời tôi.

"Dù tôi là kẻ nào đi nữa, thì các ông đang tưởng tượng ra cái gì đây?" tôi chất vấn. "Tôi đánh xe tới đó cùng hai đồng bọn, lúc nửa đêm chúng tôi giết người đàn ông đó, và rồi hai đồng bọn của tôi lái xe đi còn tôi chọn ở lại đó à? Tại sao tôi làm thế? Thật vớ vẩn, ông Finlay",

Đội trưởng thám tử không nói gì. Ông ta đang suy nghĩ.

"Tôi không có hai đồng bọn", tôi nói. "Hoặc có xe. Thế nên tốt nhất các ông nên lập luận là nạn nhân đã cuộc bộ tới đó, tôi đi bộ tới đó. Tôi gặp ông ấy, tôi bắn ông ấy một cách rất cẩn thận, như một sát thủ chuyên nghiệp, rồi lấy lại hai vỏ đạn, lấy ví của ông ấy, lấy sạch đồ trong các túi quần áo của nạn nhân nhưng lại quên lục giày ông ấy. Rồi tôi thay đổi hoàn toàn tâm tính và đá như một thằng điên cho cái xác nát ra. Rồi một lần nữa tôi thay đổi hoàn toàn tâm tính và giấu cái xác bằng một nỗ lực vô ích. Và rồi tôi chờ tám tiếng đồng hồ trong mưa và cuộc bộ vào thị trấn. Đó là cách tốt nhất các ông có thể lập luận. Và hoàn toàn nhằm nhĩ, ông Finlay. Bởi việc quái gì tôi lại đợi tám tiếng trong mưa cho tới khi trời sáng để cuộc bộ rời khỏi hiện trường án mạng?"

Finlay nhìn tôi một lúc lâu.

"Tôi không hiểu vì sao?" ông ta đáp.

Một người như Finlay không nói điều như thế trừ phi ông ta đang đấu tranh. Ông ta trông mắt tự

tin. Vụ án của viên thám tử này hoàn toàn vớ vẩn, ông ta biết điều ấy. Nhưng Finlay gặp phải vấn đề nghiêm trọng với bằng chứng mới của viên đồn trưởng. Ông ta không thể bước tới sếp của mình và nói: anh toàn nói vớ vẩn, Morrison. Đồn trưởng thám tử không thể chủ động tìm kiếm kẻ khác một khi sếp ông ta đã đặt một nghi phạm lên đĩa. Finlay có thể xác minh kỹ hơn bằng chứng ngoại phạm của tôi. Ông ta có thể làm điều ấy. Không ai chỉ trích viên thám tử vì tính cẩn thận. Rồi đến thứ Hai ông ta có thể bắt đầu lại. Thế nên Finlay khổ sở bởi sẽ có bảy mươi hai giờ bị lãng phí. Và ông ta có thể thấy trước một rắc rối lớn. Ông ta phải nói với sếp của mình rằng trên thực tế không thể có chuyện tôi đã ở đó lúc nửa đêm hôm qua. Finlay sẽ phải khéo léo dụ để lão béo rút lại nhận định của mình. Đó là điều khó thực hiện khi ta là một tay cứng đầu mới làm việc được sáu tháng. Và khi kẻ ta phải giải trình thực sự là một tên khốn kiếp. Và lại là sếp ta. Khó khăn đang đổ lên đầu Finlay, ông ta khổ sở về chuyện ấy như chết đến nơi. Viên thám tử ngồi yên, thở gấp. Đây khổ sở. Đã đến lúc giúp ông ta thoát ra.

"Số điện thoại," tôi nói. "Các ông đã xác định nó là số di động à?"

"Thông qua mã," Finlay đáp. "Thay vì dùng mã vùng, người ta dùng một con số ở đầu để kết nối với mạng di động."

"Được rồi," tôi nói. "Nhưng các ông không thể xác định số điện thoại đó thuộc về ai bởi các ông không có danh bạ tra ngược dành cho số di động và công ty dịch vụ sẽ không công bố cho các ông biết, đúng không?"

"Họ cần có lệnh bắt", viên thám tử đáp.

"Nhưng các ông cần biết đó là số điện thoại của ai phải không?" tôi hỏi.

"Ông biết cách thực hiện việc đó mà không cần dùng tới lệnh bắt hả?" Finlay hỏi.

"Có thể," tôi nói. "Tại sao ông không thử gọi số đó xem ai nghe máy chứ?"

Họ đã không nghĩ đến chuyện đó. Lại im lặng. Họ bối rối. Họ không muốn nhìn nhau. Hoặc nhìn tôi. Im lặng.

Baker lảng tránh sự vụ. Để bóng trong chân Finlay. Ông ta thu chỗ hồ sơ lại và làm hiệu ra ngoài để xử lý chúng. Finlay gạt đầu vẩy tay bảo Baker ra. Baker đứng dậy đi ra. Thực tế là còn đóng cửa rất khế. Finlay mở miệng. Rồi lại khép vào. Ông ta cần giữ thể diện một chút. Muốn lắm.

"Đó là số di động", đồn trưởng thám tử nói. "Nếu tôi gọi số ấy, tôi không thể biết đó là số của ai hay đang ở đâu."

"Nghe này, ông Finlay," tôi nói. "Tôi chẳng quan tâm đó là số của ai. Tất cả những gì tôi quan tâm là nó không phải số của tôi. Hiểu ý tôi chứ? Nó không phải số điện thoại của tôi. Thế nên hãy gọi số đó và John Doe ở Atlanta hay Jane Doe ở Charleston bắt máy. Rồi ông sẽ biết đó không phải số điện thoại của tôi",

Finlay chăm chăm nhìn tôi. Gõ ngón tay xuống bàn. Im lặng.

"Ông biết cách làm việc này thế nào," tôi nói. "Gọi vào số đó, bịa câu chuyện vớ vẩn nào đó về một lỗi kỹ thuật hay hóa đơn chưa thanh toán, vấn đề gì đó liên quan tới máy tính, bảo người đó xác nhận tên và địa chỉ. Hãy làm đi, Finlay, hẳn ông là một thám tử ra trò đấy",

Viên cảnh sát rướn người tới chỗ đã để mẫu giấy ghi số điện thoại. Dùng các ngón tay dài màu nâu kéo về. Xoay lại để đọc, rồi nhấc điện thoại lên. Bấm số. Bấm phím mở loa ngoài. Nhạc chờ vang lên. Không phải âm đơn sắc dài như điện thoại bàn mà là âm thanh điện tử cao, gấp. Nhạc ngừng lại. Cuộc gọi được kết nối.

"Paul Hubble đây," một giọng nói vang lên. "Tôi có thể giúp gì được đây?"

Giọng miền Nam. Phong cách tự tin. Quen với việc sử dụng điện thoại.

"Ông Hubble phải không?" Finlay hỏi. Ông ta nhìn xuống bàn và ghi lại cái tên. "Chúc ông có

buổi chiều vui vẻ. Đây là công ty điện thoại, bộ phận di động. Tôi là giám đốc kỹ thuật. Chúng tôi nhận được thông báo về lỗi xuất hiện ở số điện thoại của ông",

"Lỗi à?" giọng kia nói. "Tôi thấy có vẻ ổn. Tôi không thông báo lỗi mà."

"Gọi đi thì ổn," Finlay nói. "Việc gọi đến cho ông có thể gặp trục trặc. Ngay lúc này chúng tôi đang kết nối thiết bị đo cường độ tín hiệu, và thực ra nó đang báo là hơi thấp, thưa ông."

"Tôi có thể nghe rõ ông nói", giọng kia bảo.

"A lô?" Finlay nói. "Tôi nghe không rõ lắm, ông Hubble. A lô? Nếu tôi biết được vị trí chính xác điện thoại của ông vào lúc này thì sẽ tốt cho tôi, thưa ông, ông biết đấy, vì có liên quan tới các trạm phát sóng của chúng tôi",

"Tôi đang ở ngay nhà thôi", đầu dây bên kia trả lời.

"Vâng," Finlay nói. Ông ta cầm bút lên lần nữa. "Ông có thể khẳng định địa chỉ chính xác cho tôi được không?"

"Các ông không có địa chỉ của tôi à?" giọng kia hỏi. Kiểu đùa giữa cánh đàn ông với nhau. "Hình như tháng nào các ông cũng cố gửi được cho tôi một hóa đơn đấy."

Finlay liếc tôi. Tôi mỉm cười với ông ta. Viên thám tử nhăn mặt.

"Ngay lúc này tôi đang ở phòng kỹ thuật, thưa ông", ông ta nói. Cũng đùa. Chỉ giữa hai người bình thường đánh vật với công nghệ. "Thông tin chi tiết về khách hàng nằm ở một phòng khác. Tôi có thể truy nhập dữ liệu đó nhưng sẽ mất một phút, ông biết thế nào mà. Mà thưa ông, dù gì thì ông cũng phải tiếp tục nói trong khi thiết bị đo này đang kết nối để cho tôi biết chính xác kết quả đo, ông biết chứ? Ông có thể đọc địa chỉ của mình, trừ phi ông có một bài thơ yêu thích hay bất kỳ thứ gì đó khác."

Chiếc loa bé xíu truyền lại tiếng cười của vị khách hàng tên Hubble.

"Được rồi, bắt đầu đây, kiểm tra, kiểm tra", giọng anh ta cất lên. "Đây là Paul Hubble, ở ngay tại nhà, là số 25 Beckman Drive, tôi nói lại lần nữa, 0-2-5 Beckman Drive, ngay ở thị trấn nhỏ cổ kính Margrave này, đó là M-A-R-G-R-A-V-E nằm ở bang Georgia, Mỹ. Cường độ tín hiệu của tôi thế nào?"

Finlay không trả lời. Ông ta trông rất lo lắng.

"A lô?" giọng kia hỏi. "Ông vẫn ở đó chứ?"

"Vâng, thưa ông Hubble," Finlay trả lời. "Tôi vẫn ở đây. Không phát hiện ra trục trặc nào, thưa ông. Tôi đoán đó chỉ là thông báo sai. Cảm ơn sự giúp đỡ của ông",

"OK", người tên Hubble nói. "Không có gì."

Kết nối chấm dứt và chuông quay số lại lan ra khắp phòng. Finlay đặt máy xuống. Ngả người ra sau nhìn lên trần. Tự nói với mình.

"Khôn nạn", ông ta nói. "Ngay trong thị trấn. Tay Paul Hubble này là kẻ quái quỷ nào nhỉ?"

"Ông không biết người đó à?" tôi hỏi.

Đội trưởng thám tử nhìn tôi. Hơi ân hận. Kiểu như ông ta đã quên là tôi đang có mặt ở đây.

"Tôi mới ở đây được sáu tháng," ông ta nói. "Sao tôi biết tất cả mọi người được."

Ông ta rướn người bấm nút đàm thoại nội bộ trên chiếc bàn gỗ hồng sắc. Gọi Baker trở lại phòng.

"Anh đã bao giờ nghe nói tới tay nào tên là Paul Hubble chưa?" Finlay hỏi ông ta. "Paul Hubble, sống trong thị trấn này, số 25 Beckman Drive ấy?"

"Paul Hubble à?" Baker nói. "Chắc chắn có. Anh ta sống ở đây, như ông nói, luôn ở đây. Mẫu người của gia đình. Stevenson biết anh ta, dạng anh em rể hay gì đó. Tôi nghĩ họ cũng thân thiết đấy. Có đi chơi bowling với nhau. Hubble làm ngành ngân hàng. Dạng làm về tài chính, ông biết đấy, một

dạng giám đốc điều hành có cờ làm việc ở Atlanta. Cho một ngân hàng lớn ở đó. Thi thoảng tôi thấy anh ta quanh đây",

Finlay nhìn Baker.

"Anh ta là người bắt máy khi gọi theo số này," ông ta nói.

"Hubble à?" Baker hỏi. "Ngay tại Margrave này à? Quả là chuyện lạ đời thật."

Finlay xoay trở lại phía tôi.

"Tôi cho là ông sắp nói rằng ông chưa bao giờ nghe nói tới tay này phải không?"

"Chưa bao giờ nghe nói tới anh ta," tôi đáp.

Đội trưởng thám tử quắc mắt với tôi rất nhanh. Rồi quay lại phía Baker.

"Anh nên đi thỉnh tay Hubble này tới đây", ông ta nói. "25 Beckman Drive. Chỉ có Chúa mới biết anh ta liên quan thế nào, nhưng chúng ta nên nói chuyện với anh ta. Hãy nhẹ nhàng với Hubble, anh biết đấy, có lẽ anh ta là một người đáng được tôn trọng."

Finlay quắc mắt với tôi lần nữa và rời khỏi phòng. Đóng sầm cánh cửa nặng nề. Baker vươn người tắt chiếc đài ghi âm. Giải tôi khỏi phòng. Trở về buồng giam. Tôi bước vào. Ông ta theo sau và tháo còng tay. Móc trở lại thắt lưng. Bước trở ra rồi đóng cửa. Vặn khóa. Những chiếc chốt điện xoay về chỗ cũ. Baker bước đi.

"Này ông Baker," tôi gọi.

Ông ta xoay người bước lại. Nhìn một cách lãnh đạm. Không thân thiện.

"Tôi muốn chút gì đó để ăn," tôi bảo. "Và cả cà phê."

"Ông sẽ ăn tại cơ sở của bang," ông ta nói. "Xe vận chuyển sẽ tới lúc sáu giờ."

Viên cảnh sát bước đi. Ông ta phải đi đưa Hubble về. Ông ta sẽ rón rén tới bên Hubble với vẻ có lỗi. Đề nghị anh ta tới đồn cảnh sát, nơi anh ta sẽ được Firday tiếp đón nhã nhặn. Trong khi tôi đứng trong buồng giam, Finlay sẽ lịch sự hỏi Hubble tại sao người ta tìm thấy số điện thoại của anh ta trong giày một người đàn ông đã chết.

Chiếc áo khoác của tôi vẫn cuộn trên sàn buồng giam. Tôi giũ ra mặc vào. Tôi lại thấy lạnh. Thọc hai tay vào túi. Tựa người vào chấn song và cố gắng đọc hết tờ báo lần nữa, chỉ để giết thời gian. Nhưng tôi chẳng tiếp nhận được gì. Tôi đang mải nghĩ tới kẻ đã đứng quan sát đồng bọn của mình bắn vào đầu một người. Kẻ đã túm lấy cái xác đang co giật và đá nó lăn khắp mặt đất. Kẻ đã sử dụng đủ sức mạnh của cơn điên giận để làm nát mọi chiếc xương trên cơ thể người đã chết. Tôi đứng suy nghĩ về những chuyện tôi cho là mình chẳng còn liên quan gì. Những chuyện tôi không muốn nghĩ tới thêm chút nào nữa. Thế nên tôi ném tờ báo xuống thảm và cố gắng nghĩ về chuyện khác.

Tôi phát hiện ra rằng nếu dựa vào góc xa ở mặt trước buồng giam thì sẽ nhìn thấy toàn bộ khu vực thoáng. Tôi có thể phóng mắt qua quây tiếp tân và nhìn ra ngoài qua các cửa kính dày. Bên ngoài, mặt trời buổi chiều gay gắt nóng. Nơi này lại trông như một chốn khô hạn bụi bặm. Con mưa nặng hạt đã rời khỏi đây. Trong phòng mát mẻ sáng ánh đèn huỳnh quang. Viên thượng sĩ làm văn phòng ngồi thẳng trên ghế. Ông ta đang gõ bàn phím. Có lẽ đang lập hồ sơ. Tôi có thể trông thấy phía sau quây của ông này. Phía dưới là các khoảng không gian được thiết kế để từ mặt trước không nhìn thấy được. Các khoang gọn gàng chứa giấy tờ và các cặp hồ sơ gáy cứng. Có những chỗ để bình xịt hơi cay. Một khẩu súng trường. Các nút báo động. Phía sau viên thượng sĩ, người phụ nữ mặc sắc phục đã lấy vôn tay tôi đang bận việc. Làm việc trên bàn phím. Căn phòng lớn tưởng như yên tĩnh vẫn rì rầm với nhịp độ của hoạt động điều tra.

Người ta tiêu vài ngàn đô la cho các hệ thống âm thanh nổi. Đôi khi vài chục ngàn đô. Ngay ở nước Mỹ đây còn có một ngành chuyên sâu chế tạo thiết bị âm thanh nổi đáp ứng những tiêu chuẩn mà ta không thể tin nổi. Dàn âm ly đèn chân không có giá trị hơn một căn nhà. Những chiếc loa cao hơn tôi. Cáp to hơn cả vòi nước tưới vườn. Một số tay trong quân đội sở hữu những thứ đó. Tôi đã nghe những hệ thống ấy ở các căn cứ trên khắp thế giới. Tuyệt vời. Nhưng người ta đang lãng phí tiền của mình. Bởi hệ thống âm thanh nổi tốt nhất thế giới lại miễn phí. Trong đầu ta. Nó phát ra âm thanh tốt như mức ta muốn. Và lớn như mức ta muốn.

Tôi tựa vào góc của mình, đầu dạo một khúc của Bobby Bland (*Robert Calvin Bland – nhạc sĩ nổi tiếng dòng nhạc blues và soul ở Mỹ*). Một bản cũ tôi thích. Nó vang lên thực sự lớn. "Further on up the road" (*trên con đường phía trước – lời bài hát này nói về luật nhân quả*) Bobby Bland hát bài này bằng giọng son trưởng. Nốt này tạo ra sắc thái lạ, tươi tắn, vui vẻ. Loại bỏ chất cay nghiệt trong ca từ. Khiến nó trở thành một lời than vãn, một lời dự báo, một lời an ủi. Khiến nó thực hiện việc dòng nhạc blues phải làm. Giọng son trưởng thư thái gần như trái nó ra thành giai điệu ngọt ngào. Không lên gân.

Nhưng rồi tôi trông thấy lão đồn trưởng béo ị bước qua. Morrison đi qua buồng giam về phía căn phòng lớn ở phía cuối. Vừa đúng lúc bắt đầu đoạn thứ ba. Tôi nghiêng rặng hạ tông bài hát xuống nốt mi giáng. Một nốt tối tăm và đầy đe dọa. Nốt nhạc blues thực sự. Tôi xóa đi Bobby Bland để chịu và thân thiện. Tôi cần giọng mạnh hơn. Thứ gì đó ghê gớm hơn. Là nhạc nhưng với chất giọng thực sự the thé của thuốc lá và rượu mạnh. Có lẽ là Wild Child Butler (*George "Wild Child" Butler (1936 - 2005): một ca sĩ, nhạc công dòng blues ở Mỹ*). Một người mà ta không muốn gây chuyện. Tôi vặn cao âm lượng trong đầu ở đoạn nói về chuyện *trên con đường phía trước* ta gặt hái những gì đã gieo.

Morrison đã nói dối về buổi đêm qua. Tôi đã không có mặt ở đây lúc nửa đêm. Trong một quãng thời gian nhất định tôi có thể chấp nhận khả năng đó là sự nhầm lẫn. Có thể lão đã trông thấy ai đó giống tôi. Nhưng điều đó đang khiến lão cho rằng mình đúng nhưng chưa đủ bằng chứng. Ngay lúc này đây tôi muốn thúc cùi chỏ vào giữa mặt lão. Cho cái mũi to của lão giập và bắn tóe khắp nơi. Tôi nhắm mắt lại. Wild Child Butler và tôi đã hứa với nhau rằng điều đó sẽ xảy ra. *Trên con đường phía trước*.

Tôi mở mắt và tắt nhạc trong đầu. Đứng trước mặt tôi, bên ngoài song sắt là viên sĩ quan nữ đã lấy dấu vân tay của tôi. Cô đi lấy cà phê ở chỗ máy hâm cà phê về.

"Tôi mang cho anh một tách cà phê được chứ?" Cô hỏi tôi.

"Chắc chắn rồi," tôi đáp. "Thật tuyệt. Không kem, không đường nhé."

Nữ cảnh sát đặt tách của mình xuống chiếc bàn gần nhất rồi quay lại máy ủ cà phê. Rót từ bình cho tôi một tách rồi bước lại. Đây là một phụ nữ đẹp. Tầm ba mươi, da sẫm, không cao. Nhưng gọi cô là người tầm thước thì không công bằng. Ở cô toát lên sức sống mạnh mẽ. Nó thể hiện qua tác phong khản trương song rất ân cần trong căn phòng tôi bị thẩm vấn lần đầu tiên. Một tác phong chuyên nghiệp. Giờ đây có vẻ cô thoát khỏi công việc. Có lẽ thế. Có lẽ mang cà phê cho một nghi can là việc trái với các quy định của lão béo. Điều đó khiến tôi thấy thích cô.

Nữ cảnh sát đưa tách cà phê qua song sắt. Ở tầm gần cô trông đẹp. Thơm nữa. Mùi thơm mà tôi không nhớ đã từng gặp chưa. Tôi nhớ rằng mình đã nghĩ về cô như nữ y tá nha khoa. Nếu các nữ y tá nha khoa đều đẹp thế này thì tôi đã đến phòng khám nha khoa thường xuyên hơn. Tôi nhận lấy tách. Tôi

vui vì việc này. Tôi đang khát, lại thích uống cà phê. Nếu để tôi uống thả phanh thì tôi có thể uống cà phê như tay nghiện rượu nốc vodka. Tôi nhấp một ngụm. Cà phê ngon. Tôi nâng tách lên như nâng cốc chúc mừng.

"Cảm ơn cô," tôi nói.

"Không có gì," cô nói và mỉm cười, đôi mắt cũng cười. Tôi mỉm cười đáp lại. Đôi mắt nữ cảnh sát như một lời chào đón bằng ánh nắng sáng ấm trong buổi chiều ảm đạm.

"Vậy là cô nghĩ tôi không làm việc đó à?" tôi hỏi cô.

Nữ cảnh sát cầm tách của mình lên.

"Anh nghĩ tôi không mang cà phê cho tội phạm sao?" cô hỏi lại.

"Có khi cô thậm chí chẳng nói chuyện với tội phạm ấy chứ", tôi đáp.

"Tôi biết anh không có tội lỗi gì mấy," cô nói.

"Sao cô biết?" tôi hỏi. "Bởi hai mắt tôi không sát nhau à?"

"Không, đồ ngốc," nữ cảnh sát bật cười. "Bởi vì chúng tôi vẫn chưa nhận được thông tin từ Washington."

Tiếng cười của cô thật tuyệt. Tôi muốn nhìn thẻ tên của nữ cảnh sát trên túi áo. Nhưng chẳng muốn khiến cô nghĩ rằng tôi đang ngắm bộ ngực cô. Tôi nhớ nó đã tì lên cạnh bàn lúc cô chụp ảnh tôi. Tôi đã nhìn. Bộ ngực đẹp. Tên cô là Roscoe. Nữ cảnh sát liếc quanh khá nhanh và tiến sát tới song sắt. Tôi nhấp cà phê.

"Tôi đã gửi các dấu vân tay của anh tới Washington qua mạng máy tính," Roscoe nói. "Lúc đó là 12 giờ 36. Ở đó có cơ sở dữ liệu lớn, anh biết chứ, của FBI ấy? Trong máy tính của họ có vài triệu dấu vân tay. Các dấu vân tay gửi tới đó được kiểm tra. Có thứ tự theo mức ưu tiên. Anh được so sánh với danh sách mười kẻ bị truy nã hàng đầu, rồi tới một trăm, rồi một ngàn, anh hiểu không? Nếu anh nằm ở gần top đầu, khớp và chưa bị tóm, chúng tôi sẽ nhận được phản hồi gần như ngay lập tức. Việc ấy diễn ra một cách tự động. Người ta không muốn bỏ lọt bất kỳ tên tội phạm cỡ bự nào nên hệ thống trả lời ngay. Nhưng thông tin về anh nằm ở đó gần ba tiếng rồi mà chúng tôi vẫn chưa nghe được tin tức gì. Thế nên tôi có thể nói rằng anh không nằm trong hồ sơ vụ gì rất tệ hại."

Viên thượng sĩ làm văn phòng đang nhìn sang. Tò thái độ không nhất trí. Nữ cảnh sát sắp phải đi. Tôi uống nốt cốc cà phê, trả lại tách cho cô qua song sắt.

"Tôi chẳng nằm trong hồ sơ vụ nào hết", tôi nói,

"Phải", Roscoe nói. "Anh không khớp với lý lịch của những kẻ xấu."

"Không hả?" tôi hỏi.

"Tôi có thể xác định ngay." Nữ cảnh sát cười. "Anh có đôi mắt đẹp", Roscoe nháy mắt rồi bước đi. Bỏ hai chiếc tách vào thùng rác và bước về chỗ làm việc của cô. Rồi ngồi xuống. Tất cả những gì tôi có thể trông thấy là phần gáy của nữ cảnh sát. Tôi chuyển về góc của mình và tựa vào những song sắt cứng. Tôi đã là một kẻ lang thang cô đơn sáu tháng nay. Tôi học được một điều. Như Blanche trong bộ phim ngày trước, một người lang thang sống nhờ vào lòng tốt của người lạ. Không vì điều gì cụ thể hay hữu hình. Mà vì đạo đức. Tôi chăm chăm nhìn vào phần gáy của Roscoe và mỉm cười. Tôi thích cô.

Baker đi phải đến hai mươi phút rồi. Đủ thời gian từ nhà Hubble trở lại đây, dù nhà anh ta có ở đâu chẳng nữa. Tôi cho là ta có thể cuộc bộ tới đó và trở lại sau hai mươi phút. Đây là thị trấn nhỏ, phải không? Một dấu chấm trên bản đồ. Tôi nghĩ có thể đi bộ tới bất kỳ chỗ nào và trở lại trong hai mươi phút. Khá gần. Cho dù đường ranh giới của thị trấn rất kỳ quặc. Tùy thuộc ở việc Hubble sống

trong thị trấn hay ở nơi khác trong phạm vi ranh giới ngoài của thị trấn. Theo kinh nghiệm của riêng tôi, ta vẫn được coi là còn ở trong thị trấn ngay cả khi ta đã cách nó mười bốn dặm. Nếu mười bốn dặm ấy kéo dài về mọi hướng thì Margrave phải lớn bằng thành phố New York.

Baker đã nói rằng Hubble là mẫu người của gia đình. Một người làm ngành ngân hàng làm việc ở Atlanta. Thế nghĩa là nhà anh ta ở đâu đó gần thành phố. Gần trường học và bạn bè để thuận lợi cho lũ trẻ. Gần các cửa hiệu và câu lạc bộ nông thôn để tiện cho vợ. Để anh ta có thể dễ dàng lái xe theo tỉnh lộ tới quốc lộ. Thuận tiện cho việc tới văn phòng ở thành phố lớn bằng quốc lộ. Cái địa chỉ nghe như địa chỉ ở phố. Số 25 Beckman Drive. Không gần Phố Chính lắm. Có lẽ Beckman Drive chạy từ trung tâm thị trấn ra khu vực làng xóm. Hubble là tay làm trong ngành tài chính. Có lẽ giàu có. Có khi sở hữu căn nhà lớn màu trắng trên một lô đất rộng. Những cây lớn xòe bóng mát. Có thể cả bể bơi. Cứ coi là bốn acre đi (*Đơn vị đo diện tích, 1 acre - 4.046 m²*).. Một lô vuông vẫn có diện tích bốn acre sẽ có mỗi chiều khoảng một trăm bốn mươi mét. Các nhà nằm ở cả hai bên con phố nên số 25 sẽ nằm cách thị trấn chừng mười hai lô. Có lẽ chừng một dặm.

Bên ngoài cửa kính, mặt trời đang dần hạ thấp cho chiều tối. Ánh sáng dần đỏ hơn. Các bóng nắng đổ dài hơn. Tôi trông thấy chiếc xe tuần tra của Baker nhấp nhô chạy vào lối nối đôn với đường chính. Không chớp đèn. Nó chậm chậm chạy quanh hình bán nguyệt và từ từ dừng lại. Xóc lên một lần. Độ dài của nó choán toàn bộ tầm nhìn qua lớp kính dày. Baker ra khỏi xe ở phía cửa bên kia và khuất khỏi tầm quan sát khi ông ta vòng qua bên này. Viên cảnh sát lại xuất hiện khi đến bên cửa cạnh ghế phụ. Baker mở cửa như một tài xế chuyên nghiệp. Trông ông ta như xoắn cả người vì ngôn ngữ cơ thể không thống nhất. Một phần bày tỏ sự tôn trọng vì đây là một tay làm trong ngành ngân hàng ở Atlanta. Một phần thân thiện bởi đây là bạn chơi bowling của đồng nghiệp ông ta. Một phần nghiêm túc bởi đây là người có số điện thoại được giấu trong giày một xác chết.

Paul Hubble ra khỏi xe. Baker đóng cửa. Hubble chờ đợi. Baker bước vòng qua anh ta và kéo cánh cửa kính lớn của đôn. Nó mở ra dù lớp doăng cao su níu lại. Hubble bước vào trong.

Người này da trắng, cao. Anh ta trông như một trang tạp chí. Một trang quảng cáo. Kiểu quảng cáo sử dụng một bức ảnh sắc hơi tiền. Hubble ngoài ba mươi một chút. Trông mảnh dẻ chứ không khỏe mạnh. Mái tóc màu cát, rối bù, cắt ngắn vừa đủ lộ ra đôi lông mày thể hiện sự thông minh. Thế cũng đủ nói với thiên hạ rằng: đúng, tôi từng là một tay công tử, nhưng này, giờ tôi là một người đàn ông đầy. Hubble đeo cặp kính tròn gọng vàng. Anh ta cầm vuông. Làn da rám nắng đẹp. Hàm răng rất trắng. Nhiều chiếc phô rõ lúc anh ta mỉm cười với viên thượng sĩ làm văn phòng.

Hubble mặc áo phong cổ bẻ đã phai màu có in biểu tượng nho nhỏ quần vải conon chéo. Loại quần áo trông cũ khi ta mua với giá năm trăm đô la. Hubble khoác một chiếc áo len dày màu trắng trên vai. Hai tay đan hờ vào nhau phía trước. Tôi không thể trông thấy chân người này vì bị chiếc bàn chắn mắt. Nhưng chắc chắn Hubble đi giày kiểu thuyền màu nâu sáng. Tôi dám cá là Hubble đi giày không tất. Đây là một gã đàn ông chìm đắm trong giấc mơ của một công tử giỏi giang như con lợn dầm mình trong đống phân vậy.

Hubble đang trong trạng thái bị kích động. Anh ta đặt hai lòng bàn tay lên quầy tiếp tân rồi quay lại, tay buông xuống. Tôi trông thấy hai cánh tay màu nâu vàng và ánh lấp lánh của chiếc đồng hồ đeo tay nặng nề bằng vàng. Tôi có thể thấy rằng nếu tự nhiên, Hubble sẽ hành động như một gã giàu có thân thiện. Thăm đôn cảnh sát như lão tổng thống đang vận động tranh cử tới thăm một nhà máy. Nhưng người này đang lo lắng. Căng thẳng. Tôi không biết Baker đã nói gì với anh ta. Ông ta đã tiết lộ những gì. Có lẽ chẳng gì hết. Một viên thượng sĩ giỏi như Baker sẽ dành lại những thông tin gây ngạc nhiên

cho Finlay. Thế nên Hubble không biết tại sao anh ta có mặt ở đây. Nhưng anh ta đã biết điều gì đó. Tôi cũng có thể coi là cảnh sát trong mười ba năm, tôi có thể đánh hơi thấy một người đang lo lắng khi còn cách xa cả dặm. Hubble đang lo lắng.

Tôi vẫn tựa vào các song sắt, bất động. Baker ra hiệu cho Hubble cùng ông ta bước vòng qua phía bên kia phòng họp, về phía căn phòng toàn đồ gỗ hồng sắc ở phía sau. Lúc Hubble vòng qua đầu quầy tiếp tân, tôi trông thấy chân anh ta. Đôi giày kiểu thuyền màu nâu sáng. Không tất. Hai người bước vào phòng, ra khỏi tầm quan sát của tôi. Cánh cửa khép lại. Viên thượng sĩ làm văn phòng rời vị trí đi ra ngoài để đánh chiếc xe của Baker vào bãi đậu.

Ông ta trở lại cùng Finlay. Finlay bước thẳng tới căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc, nơi Hubble đang đợi ông ta. Lúc đi ngang qua phòng họp, ông ta lờ tôi đi. Mở cửa căn phòng kia và bước vào. Tôi ở góc của mình chờ Baker đi ra. Baker không thể ở trong đó. Không thể ở đó trong khi anh bạn chơi bowling của đồng nghiệp ông ta tiến vào quỹ đạo của cuộc điều tra án mạng. Làm thế sẽ không phù hợp chuẩn mực. Không phù hợp chút nào. Finlay tạo cho tôi ấn tượng về một người đề cao các chuẩn mực. Bất kỳ tay nào mặc bộ com lê vải tuyết cùng gi lê giả da và được đào tạo ở Harvard cũng đều đề cao chuẩn mực. Một lúc sau cửa mở và Baker bước ra. Ông ta bước vào khoảng không gian thoáng rộng rồi tiến về phía bàn mình.

"Này, ông Baker", tôi gọi. Viên cảnh sát đổi hướng bước về phía buồng giam. Đứng trước hàng song sắt. Nơi Roscoe đã đứng.

"Tôi cần đi vệ sinh," tôi nói. "Chẳng hay tôi có phải đợi cho tới khi đến khu giam giữ lớn mới được làm việc đó không?"

Baker nhếch miệng cười. Miễn cưỡng nhưng vẫn là cười. Viên cảnh sát này có một chiếc răng vàng. Tạo cho ông ta vẻ ngang tàng. Như thế trông ông ta có phần phàm tục hơn. Baker hét gì đó với viên cảnh sát làm hành chính. Có lẽ là ám hiệu cho một thủ tục. Ông ta lấy chùm chìa khóa của mình và mở chiếc khóa điện. Các chốt cửa bật ra. Trong chốc lát tôi băn khoăn chúng sẽ hoạt động thế nào khi mất điện. Liệu người ta có thể khóa những cánh cửa này khi không có điện không? Tôi hy vọng là có. Có lẽ ở đây xảy ra nhiều giông sét. Nhiều đường dây điện bị đứt.

Baker đẩy cánh cửa nặng nề vào phía trong. Chúng tôi bước tới cuối phòng họp. Góc đối diện với căn phòng toàn đồ gỗ hồng sắc. Có gian sảnh. Qua sảnh là hai phòng vệ sinh. Baker nhào người qua tôi mở cửa phòng dành cho nam giới.

Họ biết rằng tôi không phải kẻ họ cần tóm. Họ không quan tâm. Chẳng quan tâm chút nào. Khi ở ngoài sảnh tôi đã có thể hạ gục Baker và tước khẩu súng lục của ông ta. Không gặp chút khó khăn nào. Tôi đã có thể giật vũ khí ở thắt lưng viên cảnh sát này trước khi ông ta đổ xuống sàn. Tôi đã có thể lao ra khỏi đồn, nhảy vào xe tuần tra. Xe đậu cả ở phía trước. Chắc chắn vẫn cấm chìa khóa. Tôi đã có thể phóng khỏi đồn về phía Atlanta trước khi họ kịp sắp xếp đội hình truy bắt hiệu quả. Rồi tôi đã có thể biến mất. Chẳng gặp chút khó khăn nào. Nhưng tôi vẫn bước vào nhà vệ sinh.

"Đừng khóa cửa", Baker bảo.

Tôi không khóa. Họ đang đánh giá tôi quá thấp. Tôi đã bảo họ rằng tôi từng là quân cảnh. Có thể họ tin, có thể không. Có thể dù thế nào thì chuyện đó cũng chẳng có ý nghĩa mấy đối với họ. Nhưng đúng ra thì họ nên lưu tâm tới chuyện đó. Một quân cảnh xử lý những kẻ vi phạm quân luật. Những kẻ đó là quân nhân tại ngũ. Được huấn luyện kỹ về sử dụng vũ khí, phá hoại, chiến đấu tay không, lính đặc nhiệm Ranger, lính Mũ nổi xanh, lính thủy đánh bộ. Không chỉ là sát thủ. Mà là sát thủ được huấn luyện.

Được huấn luyện tinh nhuệ, bằng khoản ngân sách khổng lồ. Thế nên quân cảnh còn được huấn

luyện tốt hơn. Tốt hơn về sử dụng vũ khí. Tốt hơn khi tay không. Hẳn là Baker chẳng biết tí gì về chuyện ấy. Chưa bao giờ nghĩ về điều đó. Nếu không thì ông ta đã yêu cầu hai khẩu súng trường chĩa vào tôi chỉ để giải ra nhà vệ sinh. Nếu như ông ta nghĩ tôi là hung thủ.

Tôi kéo khóa quần và quay lại sảnh. Baker đang đợi. Chúng tôi trở về khu giam giữ. Tôi bước vào buồng giam. Tựa vào góc của tôi. Baker kéo cánh cửa nặng nề đóng lại- Dùng chìa khóa khóa điện. Các chốt cửa bập vào. Viên cảnh sát bước đi, vào phòng họp.

Hai mươi phút tiếp theo chìm trong im lặng. Baker làm việc tại bàn. Roscoe cũng thế. Viên thượng sĩ làm văn phòng ngồi trên ghế mình. Finlay thì ở trong căn phòng lớn cùng Hubble. Phía trên cửa trước có một chiếc đồng hồ kiểu hiện đại. Không được thanh thoát như chiếc đồng hồ cổ trong phòng nhưng cũng tích tắc chạy chậm như thế. Im lặng. 4 giờ 30. Tôi lại tựa vào chân song chờ đợi. Im lặng. 5 giờ kém 15.

Thời gian khởi động trở lại trước năm giờ. Tôi nghe thấy tiếng ồn ào phát ra từ căn phòng gỗ hồng sắc ở phía sau. Tiếng kêu, hét, các thứ đập mạnh. Ai đó đang thực sự rối loạn. Chuông đàm thoại nội bộ kêu ở bàn Baker và tiếng người khò khè. Tôi nghe thấy giọng Finlay. Căng lắm. Yêu cầu Baker vào trong đó. Baker đứng dậy đi tới. Gõ cửa bước vào.

Cánh cửa kính dày được kéo ra và lão béo bước vào. Đồn trưởng Morrison. Lão hướng thẳng về phía căn phòng gỗ hồng sắc. Morrison bước vào thì Baker đi ra. Baker vội vã đến bàn tiếp tân. Thì thầm một câu dài đầy phấn khích vào tai viên thượng sĩ làm văn phòng. Roscoe đến bên hai người đó. Có một cuộc trao đổi ngắn gọn. Thông tin gì đó quan trọng. Tôi không thể nghe được đó là gì. Cách quá xa.

Máy đàm thoại nội bộ trên bàn Baker lại khò khè. Ông ta trở lại căn phòng kia. Cánh cửa lớn phía trước lại mở lần nữa. Mặt trời ban chiều đang tỏa ánh nắng thấp. Stevenson bước vào trụ sở đồn. Từ lúc bị bắt tới giờ, đây là lần đầu tiên tôi trông thấy anh ta. Như thể sự phấn khích đang hút người ta vào đây.

Stevenson nói chuyện với viên thượng sĩ làm văn phòng. Anh ta trở nên kích động. Viên thượng sĩ nắm cánh tay Stevenson. Stevenson gạt ra và chạy về phía căn phòng gỗ hồng sắc. Anh ta lướt lách qua những chiếc bàn như một cầu thủ bóng đá. Khi Stevenson vừa đến cửa thì cửa mở. Một đám người bước ra. Đồn trưởng Morrison. Finlay. Baker, đang nắm khuỷu tay Hubble. Cái nắm nhẹ nhưng hiệu quả, như đã áp dụng với tôi. Stevenson trân trối nhìn Hubble và túm lấy cánh tay Finlay. Kéo ông ta trở vào phòng. Morrison xoay tám thân đồ sộ đang đỏ mồ hôi theo họ. Cánh cửa đóng sầm. Baker giải Hubble về phía tôi.

Hubble trông như một người khác hẳn. Anh ta xám nhợt, mồ hôi túa ra. Làn da rám nắng đã biến mất. Anh ta trông nhỏ bé hơn. Hubble trông như bị ai đó rút hết không khí và để cho xẹp dẹt. Cơ thể anh ta co rúm lại như người bị hành hạ bởi cơn đau. Đôi mắt sau gọng kính vàng mờ dần, nhìn chằm chằm đầy vẻ hoảng loạn sợ hãi. Trong lúc Baker mở khóa buồng giam bên cạnh buồng tôi, Hubble đứng run rẩy. Anh ta không hề cử động. Anh ta đang run lên. Baker nắm lấy cánh tay Hubble đẩy vào trong. Ông ta kéo cửa khóa lại. Các chốt cửa chạy điện bập vào. Baker bước trở về căn phòng nhiều đồ gỗ hồng sắc.

Hubble ở nguyên chỗ Baker đã đẩy vào. Đờ đẫn nhìn vào khoảng không. Rồi anh ta chậm chậm đi lùi tới khi kịch tường buồng giam. Anh ta tựa lưng vào đó và trượt người xuống sàn. Gục đầu xuống gối. Tay buông thõng. Tôi có thể nghe tiếng ngón tay cái run rẩy gõ trên nền thảm bằng nylon cứng. Roscoe ngồi ở bàn chăm chăm nhìn anh ta. Viên thượng sĩ ở quầy tiếp tân ngó sang. Họ đang nhìn một

con người suy sụp.

Tôi nghe có lời qua tiếng lại trong căn phòng gỗ hồng sắc ở phía sau. Tiếng tranh cãi gay gắt. Tiếng bàn tay vỗ xuống bàn. Cửa mở và Stevenson bước ra cùng đồn trưởng Morrison. Stevenson trông như điên. Anh ta sải bước dọc theo lề của khoảng không gian rộng, cổ viên cảnh sát này cứng đờ vì giận dữ. Hai mắt anh ta như đóng đinh vào cửa trước. Stevenson đang phớt lờ lão béo đồn trưởng. Anh ta bước thẳng qua quầy tiếp tân, qua cánh cửa nặng nề ra bầu trời chiều đầy nắng. Morrison bước sau.

Baker ra khỏi phòng bước về phía buồng giam của tôi. Chẳng nói gì. Chỉ mở cửa làm hiệu cho tôi ra ngoài. Tôi kéo chiếc áo choàng sát vào thân và bỏ lại tờ báo có những bức ảnh lớn về lão tổng thống ở Pensacola. Bước ra rồi theo Baker trở lại căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc.

Finlay đang ngồi bên bàn. Chiếc đài ghi âm vẫn còn đó. Đám dây nguồn lòng thòng. Không khí vẫn tĩnh và lạnh. Finlay trông có vẻ căng thẳng. Ca vát của viên thám tử được kéo xuống. Ông ta thở hắt ra một hơi chất chứa ân hận. Tôi ngồi xuống ghế và Finlay vẫy tay làm hiệu cho Baker ra khỏi phòng. Cánh cửa nhẹ nhàng khép lại sau lưng viên cảnh sát.

"Ở đây chúng tôi có một vụ, ông Reacher," Finlay nói. "Một vụ thực sự."

Ông ta rơi vào trạng thái im lặng đầy lo lắng. Nửa giờ nữa xe chở tù sẽ tới. Tôi muốn họ sớm có kết luận. Finlay ngược lên lấy lại tập trung. Bắt đầu nói, nhanh, với cú pháp lịch lãm của Harvard trong trạng thái chịu sức ép.

"Chúng tôi đưa anh chàng Hubble này tới đây, hiểu không?" đội trưởng thám tử nói. "Có thể ông đã trông thấy anh ta. Người làm ngành ngân hàng ở Atlanta, hiểu không? Bộ đồ hãng Calvin Klein giá cả ngàn đô. Đồng hồ Rolex vàng. Anh chàng rất căng thẳng. Ban đầu tôi nghĩ anh ta chỉ khó chịu. Ngay khi tôi bắt đầu nói là anh ta nhận ra giọng tôi. Từ cuộc gọi vào máy di động của anh ta. Tổ cáo tôi có hành vi lừa dối. Nói rằng tôi không nên đóng vai người của công ty điện thoại. Tất nhiên là anh ta đúng."

Lại một lần nữa rơi vào im lặng. Finlay đang vật lộn với vấn đề đạo đức nghề nghiệp của mình.

"Thôi, ông Finlay, tiếp tục đi," tôi nói. Tôi có không đầy nửa tiếng.

"Được rồi, thế là anh ta căng thẳng và khó chịu," Finlay nói. Tôi hỏi anh ta biết ông hay không. Jack Reacher, cựu quân nhân. Anh ta bảo không. Chưa bao giờ nghe nhắc tới ông. Tôi tin Hubble. Anh ta bắt đầu thư thái. Như thể toàn bộ chuyện này liên quan tới một tay tên Jack Reacher.

Hubble chưa bao giờ nghe nhắc tới tay nào tên Jack Reacher, do vậy anh ta có mặt ở đây chẳng để làm gì. Anh ta thoải mái, hiểu không?"

"Tiếp đi," tôi bảo.

"Rồi tôi hỏi xem anh ta biết một người cao lớn đầu trọc không", Finlay nói. "Và hỏi anh ta về Pluribus. Ôi Chúa ơi! Cứ như thọc dao vào Hubble vậy. Anh ta cứng đờ người. Như bị sốc. Cứng đờ cả người. Không trả lời. Thế nên tôi bảo anh ta rằng người đàn ông cao lớn ấy đã chết. Bị bắn chết. Trời, như thể thêm một nhát dao nữa ấy. Thực tế là anh ta ngã bổ khỏi ghế."

"Tiếp đi," tôi nói. Còn hai mươi lăm phút nữa là xe tù tới.

"Hubble run hết cả người", Finlay nói. "Rồi tôi bảo anh ta rằng chúng tôi thấy số điện thoại giấu trong giày, số điện thoại của anh ta in trên một mẫu giấy, bên trên là từ 'Pluribus'. Đó là một nhát dao nữa",

Viên cảnh sát lại ngừng. Ông ta hét vỗ túi quần lại đến áo.

"Anh ta không nói gì," ông ta tiếp tục. "Không một từ nào. Hubble cứng đờ vì sốc. Mặt mũi xám

ngọt cả. Lúc ấy tôi nghĩ anh ta lên cơn đau tim. Miệng anh ta ngáp như cá. Nhưng anh ta không nói gì. Thế nên tôi bảo Hubble rằng chúng tôi thấy cái xác bị đá nát. Tôi hỏi anh ta xem còn ai khác liên quan. Tôi bảo anh ta rằng chúng tôi thấy cái xác bị giấu dưới đồng bìa cứng. Hubble không hé răng lấy một lời. Chỉ liên tục ngó quanh. Sau một lúc tôi nhận ra rằng anh ta đang suy nghĩ như điên, cố gắng quyết định phải nói với tôi những gì. Hubble chỉ giữ im lặng và suy nghĩ như điên, phải tới bốn chục phút. Cả quãng thời gian đó cuốn băng vẫn chạy. Ghi lại bốn mươi phút im lặng.

Finlay lại dừng. Lần này để tạo hiệu ứng. Ông ta nhìn tôi.

"Rồi anh ta thú nhận", đội trưởng thám tử nói. "Tôi đã làm việc ấy, anh ta bảo. Tôi đã bắn ông ấy, anh ta bảo. Tay này thú tội, hiểu không? Trên băng ghi lại như thế."

"Tiếp đi," tôi bảo.

"Tôi hỏi anh ta, anh cần luật sư không?" Finlay nói. "Anh ta bảo không, liên tục nhắc lại rằng anh ta đã giết người kia. Thế nên tôi truyền đạt cho Hubble lời cảnh báo Miranda, to và rõ, băng có ghi. Rồi ông biết không, tôi chợt nghĩ anh ta bị điên hay sao đó. Thế nên tôi hỏi anh ta đã giết người nào. Anh ta đáp rằng người đàn ông cao tọc đầu. Tôi hỏi anh ta giết như thế nào. Hubble trả lời là bắn vào đầu. Tôi hỏi khi nào. Anh ta nói rằng đêm qua, khoảng nửa đêm. Tôi hỏi anh ta kẻ nào đã đá cái xác lăn lông lốc. Nạn nhân là ai. Pluribus nghĩa là gì. Hubble không trả lời. Lại lần nữa cứng đờ người vì sợ hãi. Từ chối nói bất kỳ lời nào. Tôi bảo anh ta rằng tôi không chắc anh ta đã làm tất cả những chuyện đó. Anh ta nhảy dựng lên túm lấy tôi. Hubble hét lên, *tôi thú nhận, tôi thú nhận tôi đã bắn ông ấy, tôi đã bắn ông ấy*. Tôi đẩy anh ta ra, anh ta im lặng."

Finlay ngồi thẳng lại. Hai bàn tay đan vào nhau sau đầu. Nhìn tôi bắn khoăn. Hubble là kẻ bắn sao? Tôi không tin điều đó. Bởi sự kích động của anh ta. Những kẻ trong lúc đánh nhau hay trong cơn kích động dùng súng lục bắn bừa vào ngực đối thủ thì sau đó đều bị kích động. Còn kẻ nã hai phát vào đầu người ta bằng súng gắn thiết bị giảm thanh, rồi thu vỏ đạn lại là kiểu người khác. Sau khi hành động chúng không hề kích động. Chúng chỉ bỏ đi và quên chuyện ấy. Hubble không phải kẻ nổ súng. Kiểu anh ta đi nhún nhảy qua quây tiếp tân đã chứng minh điều ấy. Nhưng tôi chỉ nhún vai và mỉm cười.

"Rồi," tôi nói. "Giờ thì ông có thể thả tôi, đúng không?"

Finlay nhìn tôi và lắc đầu.

"Sai", ông ta đáp. "Tôi không tin anh ta. Vụ này liên quan tới ba gã. Chính ông đã thuyết phục tôi tin điều đó. Vậy kẻ mà Hubble tự nhận là tên nào? Tôi không nghĩ anh ta là gã điên. Tôi không thấy anh ta có đủ sức mạnh làm việc ấy. Tôi không cho anh ta là kẻ sai vật. Và dứt khoát anh ta không phải kẻ bắn, vì Chúa. Kẻ như thế không thể nổ súng được."

Tôi gật đầu. Như đồng sự của Finlay, cố gắng giải quyết một vấn đề.

"Bây giờ phải tống anh ta vào buồng giam", ông ta nói. "Không có lựa chọn nào. Anh ta đã thú tội, vài tình tiết có vẻ có sức thuyết phục. Nhưng xét kỹ thì sẽ thấy không thuyết phục."

Tôi gật đầu lần nữa. Linh cảm rằng sẽ còn có chuyện.

Finlay nhìn tôi. Cái nhìn lãnh đạm.

"Thậm chí lúc nửa đêm qua anh ta còn chẳng có mặt ở đó", đội trưởng thám tử nói. "Anh ta có mặt ở tiệc kỷ niệm ngày cưới của một đôi vợ chồng già. Sự kiện gia đình. Không xa nơi Hubble sống. Đến đó lúc tám giờ tối qua. Anh ta đi bộ tới cùng vợ. Hai giờ sáng nay mới rời khỏi đó. Hơn hai chục người trông thấy anh ta tới, chưa kể hai chục người nhìn thấy anh ta rời khỏi đó. Anh ta được anh rể của chị dâu anh ta đánh xe đưa về. Anh ta phải đi nhờ bởi lúc đó trời đã mưa như trút rồi."

"Tiếp đi, ông Finlay", tôi nói. "Hãy nói cho tôi nghe."

"Về anh rể của chị dâu anh ta à?" ông ta hỏi. "Người đánh xe đưa anh ta về nhà trong mưa, lúc hai giờ sáng hả? Là sĩ quan Stevenson."

Finlay ngả người ra sau ghế. Hai cánh tay dài gấp lại phía sau. Ông ta cao, lịch lãm. Học hành ở Boston. Có văn hóa. Có kinh nghiệm. Và ông ta đang tống tôi vào buồng giam vì việc gì đó mà tôi không làm. Rồi ông ta lại ngồi thẳng dậy. Đặt tay lên bàn, lòng bàn tay ngửa.

"Tôi lấy làm tiếc, Reacher," viên cảnh sát nói với tôi.

"Ông thấy tiếc hả?" tôi nói. "Ông tống hai người vô tội vào tù nên lấy làm tiếc hả?"

Finlay nhún vai. Trông có vẻ không vui vì chuyện ấy.

"Đồn trưởng Morrison muốn thế," ông ta nói. "Anh ta nói đây là quyết định cuối cùng. Không cho chúng tôi thay đổi vào cuối tuần. Mà anh ta là sếp, phải không?"

"Chắc hẳn là ông đang đùa rồi," tôi nói. "Ông ta là tên khốn nạn. Ông ta gọi Stevenson là kẻ dối trá. Gọi người của chính ông ta như thế đấy."

"Không chính xác thế," Finlay nhún vai. "Ý đồn trưởng là có thể đó là một vụ cấu kết, ông biết đấy, có thể đúng thực là Hubble đã không có mặt ở đó, nhưng anh ta thuê ông làm việc ấy. Một vụ cấu kết, hiểu không? Morrison nhận định rằng việc thú nhận bị làm quá lên có thể do Hubble e ngại ông và quá sợ ông đến nỗi không dám chỉ ra ông ngay. Morrison cho rằng ông đang trên đường tới nhà Hubble để thanh toán tiền thì bị chúng tôi tóm. Sếp tôi cho rằng đó là lý do ông đã chờ tới tám tiếng đồng hồ. Nhận định rằng đó là lý do hôm nay Hubble ở nhà. Không đi làm để đợi ông tới thanh toán tiền."

Tôi im lặng. Tôi thấy lo lắng. Đồn trưởng Morrison thật nguy hiểm. Giả thuyết của lão có sức thuyết phục. Cho tới tận khi Finlay hoàn thành việc xác minh. Nếu như viên thám tử làm việc đó.

"Thế nên tôi lấy làm tiếc, ông Reacher," viên đội trưởng thám tử nói. "Ông và Hubble phải ở trong buồng giam cho tới thứ Hai. Rồi các ông sẽ được chuyển đi, tới Warburton. Một nơi tồi tệ nhưng các buồng tạm giam thì ổn. Nếu ông bị tù thì còn tệ hơn thế. Tệ hơn nhiều. Trong khi các ông nằm ở đó, tôi sẽ xử lý việc này trước ngày thứ Hai. Tôi sẽ đề nghị sĩ quan Roscoe có mặt vào thứ Bảy và Chủ nhật. Cô ấy không chỉ là một phụ nữ đẹp. Cô ấy còn giỏi, người giỏi nhất mà chúng tôi có. Nếu điều ông nói là đúng, ông sẽ được tự do vào ngày thứ Hai, thế nhé!"

Tôi chăm chăm nhìn Finlay. Tôi đang nổi điên lên.

"Không, ông Finlay, không được", tôi nói. "Ông biết tôi chẳng làm điều chết tiệt nào hết. Ông biết kẻ đó không phải tôi. Chỉ là ông sợ phát khiếp lão béo vô dụng khốn nạn Morrison. Thế nên tôi sẽ phải nằm nhà giam chỉ bởi ông là một thằng hèn nhất bậc nhược khốn kiếp."

Đội trưởng thám tử rất ngấm điều tôi nói. gương mặt ông ta đã tối lại càng tối hơn. Ông ta ngồi im một lúc lâu. Tôi hít một hơi sâu và quắc mắt nhìn Finlay. Cái quắc mắt của tôi giảm dần thành cái nhìn chăm chú khi tôi đã dịu lại. Trở lại trạng thái trong tầm kiểm soát. Đến lượt Finlay quắc mắt với tôi

"Có hai điều, ông Reacher," ông ta nói. Tuyên bố một cách rành rọt. "Thứ nhất, nếu cần thì thứ Hai tôi sẽ giải quyết chỗ đồn trưởng Morrison. Thứ hai, tôi không phải thằng hèn. Ông chẳng biết gì về tôi cả. Chẳng biết gì hết."

Tôi nhìn lại viên thám tử. Sáu giờ. Giờ xe tới.

"Tôi biết nhiều hơn ông tưởng đấy", tôi nói. "Tôi biết là ông đã tốt nghiệp sau đại học ở Harvard, ông đã ly dị và ông bỏ thuốc lá hồi tháng Tư."

Finlay nhìn trần trời. Baker gõ cửa, đi vào phòng thông báo rằng xe của nhà tù đã tới. Finlay đứng dậy bước vòng qua bàn. Bảo Baker rằng tự ông ta sẽ giải tôi ra. Baker trở lại giải Hubble.

"Làm thế nào ông biết những chuyện đó?" Finlay hỏi tôi.

Viên cảnh sát này thấy tò mò. Ông ta sắp thua trận.

"Dễ thôi", tôi đáp. "Ông là người thông minh, phải không? Ông bảo tôi rằng ông được học hành ở Boston. Nhưng hồi ông là sinh viên đại học, Harvard không nhận nhiều sinh viên da đen lắm. Ông thông minh nhưng ông chẳng phải nhà bác học về khoa học tên lửa, thế nên tôi cho rằng ông học xong bằng thứ nhất ở Đại học Boston, đúng chứ?"

"Đúng," Finlay thừa nhận.

"Và rồi đến Harvard để học sau đại học", tôi nói. "Ông đã học tốt ở Đại học Boston, cuộc sống cứ trôi, ông vào Harvard. Ông ăn nói như một tay tốt nghiệp Harvard. Tôi đoán ra ngay. Bằng tiến sĩ ngành Tội phạm học phải không?"

"Đúng," đội trưởng thám tử một lần nữa thừa nhận. "Ngành Tội phạm học."

"Và rồi ông nhận công việc này hồi tháng Tư," tôi tiếp. "Ông đã nói với tôi điều đó. Ông được nhận lương hưu của Sở cảnh sát Boston bởi ông đã làm việc hai mươi năm. Thế nên ông tới đây khi vẫn có tiền mặt để dành. Nhưng ông tới đây mà không có người phụ nữ nào đi cùng, bởi nếu có thì cô ta đã tiêu một phần số tiền mặt để dành ấy mua ít quần áo mới cho ông. Có lẽ cô ta ghét bộ quần áo tuyết xấu xí ông đang mặc. Cô ta sẽ ném nó vào thùng rác và cho ông mặc một bộ dành cho thời miền Nam nắng nóng để cuộc sống mới của mình được thuận lợi. Nhưng bây giờ ông vẫn đang mặc bộ com lê cũ khùng khiếp ấy, nghĩa là người phụ nữ đã ra đi. Hoặc cô ấy đã chết hoặc đã ly dị ông, khả năng là năm mươi - năm mươi. Xem ra tôi đã đoán đúng".

Finlay gật đầu vô hồn.

"Còn chuyện hút thuốc thì dễ", tôi nói. "Ông vừa căng thẳng và vồ vồ túi tìm thuốc lá. Thế có nghĩa là ông mới bỏ thuốc thôi. Dễ đoán là ông bỏ vào tháng Tư, cuộc sống mới, công việc mới, không thuốc lá nữa. Ông cho rằng bây giờ bỏ thuốc thì ông có thể tránh được bệnh ung thư."

Finlay quắc mắt nhìn tôi. Có chút lưỡng lự.

"Rất giỏi, Reacher," ông ta nói. "Những suy luận sơ đẳng, phải không?"

Tôi nhún vai. Chẳng nói gì.

"Vậy thì hãy suy luận xem kẻ nào đã giết người đàn ông ở khu nhà kho", viên cảnh sát lại nói.

"Tôi chẳng quan tâm kẻ nào giết ai ở đâu cả", tôi nói. "Đó là vấn đề của ông chứ không phải của tôi. Và đó là câu hỏi không phù hợp, ông Finlay ạ. Trước tiên ông phải xác định người đàn ông đó là ai đã, đúng không?"

"Vậy ông có cách nào để làm điều đó không, người thông minh?" Finlay hỏi tôi. "Không giấy tờ tùy thân, không còn mặt, không thu được gì từ các dấu vân tay, Hubble thì có cạy răng cũng sẽ không hé ra nửa lời, đúng không nào?"

"Hãy kiểm tra lại các dấu vân tay," tôi nói. "Tôi nghiêm túc đấy, ông Finlay. Hãy yêu cầu Roscoe làm việc.

"Tại sao?"

"Ở đây có chuyện gì đó không ổn," tôi nhận xét.

"Chuyện đó là gì?" đội trưởng thám tử hỏi tôi.

"Hãy kiểm tra lại lần nữa, được chứ?" tôi nói. "Ông sẽ làm điều đó chứ?"

Finlay chỉ hàm hồ. Chẳng bảo có hay không. Tôi mở cửa phòng bước ra ngoài. Roscoe đã đi khỏi. Chẳng có ai ngoài Baker và Hubble ở buồng giam phía kia. Qua cửa trước tôi có thể trông thấy viên thượng sĩ làm văn phòng ở bên ngoài. Ông ta đang viết vào bảng ghi chép do người lái xe của nhà tù cầm. Phía sau hai người đó là xe tù. Nó đứng yên trong phần đường hình bán nguyệt nối với đường

chính. Choán hết cả tầm quan sát qua lối vào rộng lấp cửa kính dày. Đây là một loại xe buýt chở học sinh sơn màu xám sáng. Trên xe in: Phòng Giam giữ và Cải tạo bang Georgia. Dòng chữ đó chạy hết chiều dài xe, bên dưới hàng cửa sổ. Dưới dòng chữ là một hình lưới liềm. Các cửa sổ đều được hàn lưới bên ngoài.

Finlay theo sau tôi ra khỏi phòng. Năm lấy khuỷu tay tôi và giải về chỗ Baker. Ngón cái Baker đang ngoắc ba chiếc còng. Chúng đều sơn màu cam sáng. Lớp sơn có chỗ bị tróc. Để lộ ra chất thép hơi xỉn. Baker bập vào mỗi cổ tay tôi một còng riêng. Ông ta mở khóa buồng giam Hubble và ra hiệu cho anh chàng làm ngành ngân hàng đang sợ hãi kia bước ra. Hubble vô hồn, mụ mẫm nhưng vẫn bước ra. Baker tóm lấy chiếc còng còn lủng lẳng ở cổ tay trái của tôi bập vào cổ tay phải Hubble. Viên cảnh sát bập chiếc còng thứ ba vào cổ tay còn lại của anh ta. Sẵn sàng lên đường.

"Giữ lấy đồng hồ của anh ta, ông Baker", tôi bảo. "Trong trại giam anh ta sẽ đánh mất đấy."

Baker gật đầu. Ông ta biết ý tôi thế nào. Người như Hubble có thể mất rất nhiều khi ở trong tù. Viên cảnh sát bật chốt tháo chiếc Rolex nặng trĩu khỏi tay Hubble. Quai đeo của nó không thể trượt qua còng tay nên Baker phải chặt vật tháo còng ra rồi lại bập vào. Người lái xe tù mở cửa và chăm chăm ngó vào trong. Một người cần tuân thủ lịch trình làm việc. Baker bỏ đồng hồ của Hubble xuống chiếc bàn gần nhất. Đúng nơi cô bạn Roscoe của tôi đã đặt tách cà phê xuống.

"Được rồi các bạn, ta lên đường thôi," Baker nói.

Ông ta giải chúng tôi ra cửa. Chúng tôi bước ra ngoài ánh nắng nóng sáng rỡ. Trong tình trạng bị còng tay vào nhau. Bước đi thật khó khăn. Hubble dừng lại, chưa đi tới chỗ chiếc xe vội. Anh ta ngẩn cổ cẩn thận ngó xung quanh. Anh chàng còn cảnh giác hơn cả Baker hay người lái xe tù. Có lẽ sợ lảng giềng trông thấy mình. Nhưng xung quanh chẳng có ai. Chúng tôi cách thị trấn ba trăm mét về phía Bắc. Tôi có thể trông thấy tháp chuông nhà thờ phía xa. Chúng tôi bước tới chỗ chiếc xe vận chuyển trong bầu không khí ẩm áp của buổi chiều tối. Má phải tôi ngứa ran lên dưới ánh nắng mặt trời đang hạ thấp xuống chân trời.

Tài xế đẩy cửa xe vào phía trong. Hubble bước lên xe. Tôi theo sau anh ta. Lóng ngóng xoay thân người vào lối đi. Chiếc xe trống trơn. Người lái xe chỉ chỗ ngồi cho Hubble. Ông ta kéo tấm vải vinyl xuống che cửa sổ. Tôi bị kéo ngồi kế bên. Người lái xe quỳ xuống chiếc ghế phía trước và bấm hai cổ tay còn lại của chúng tôi vào thanh crôm gắn trên chiếc ghế. Rồi ông ta lần lượt lắc từng chiếc còng. Để biết chúng đã chắc. Tôi không trách gì người lái xe. Tôi đã từng làm việc ấy. Chẳng gì tệ hơn việc chở những tù nhân được tự do chân tay.

Người lái xe bước về ghế của mình. Ông ta mở máy xe với tiếng bình bịch khá to của động cơ diesel. Cả xe rung lên. Không khí nóng. Phát nổp. Không có điều hòa nhiệt độ. Không cửa sổ nào mở. Tôi có thể ngửi thấy mùi khói dầu. Tiếng bánh răng nghiền vào nhau ken két và chiếc xe chuyển động. Tôi liếc sang phải. Không có ai đưa tiễn.

Chúng tôi chạy theo hướng Bắc ra khỏi đồn cảnh sát, lưng xây lại phía thị trấn, hướng về phía quốc lộ. Sau nửa dặm, chúng tôi chạy qua tiệm ăn Eno. Cửa hàng của ông ta chẳng có ai. Chẳng ai đi ăn tối sớm. Xe chạy về phía Bắc một lát. Rồi chúng tôi ngoặt trái khá gấp ra khỏi tỉnh lộ và chạy về phía Tây theo một con đường xuyên qua cánh đồng. Chiếc xe trở nên ồn ào. Vô số bụi cây thấp vụt qua. Vô số đụn đất đỏ nằm giữa các bụi cây ấy. Phía trước tôi, mặt trời đang xuống thấp dần. Như một quả cầu đỏ khổng lồ hướng về phía cánh đồng. Người lái xe đã kéo màn chắn nắng xuống. Trên đó có những dòng hướng dẫn của nhà sản xuất về cách vận hành chiếc xe.

Hubble lắc lư, nhấp nhô bên cạnh tôi. Anh ta chẳng nói gì. Người anh ta đã sụm xuống, mặt song song với sàn xe. Tay trái Hubble giơ lên bởi nó bị còng vào thanh crôm phía trước chúng tôi. Cánh tay

phải anh ta thả yên giữa hai người. Hubble vẫn khoác vai chiếc áo len đắt tiền. Nơi chiếc Rolex từng nằm bây giờ là một vệt da tái. Sức sống gần như thoát sạch khỏi con người này. Anh ta đang nằm trong sự bủa vây của nỗi sợ hãi khiến cả người tê liệt.

Chúng tôi lắc lư và nhấp nhô khoảng một giờ đồng hồ nữa qua những khu vực rộng lớn. Một khóm cây nhỏ lướt qua phía bên phải tôi. Rồi ở phía xa, tôi trông thấy một công trình. Nó đứng một mình trên một khu đất canh tác phẳng diện tích vài ngàn acre. Dưới bóng mặt trời đỏ đã hạ thấp, trông nó cứ như một thứ gì đó từ địa ngục trời lên. Thứ gì đó bị đẩy lên qua vỏ trái đất. Đó là một tổ hợp các tòa nhà. Trông như nhà máy hóa chất hay điện hạt nhân. Các boong ke bê tông khổng lồ và các lối đi bằng kim loại lấp lánh. Các đường ống chạy từ nơi này đến nơi khác đang tỏa hơi. Toàn bộ đều được rào kín, điểm xuyết các vọng gác. Khi tới gần, tôi có thể trông thấy nhiều đèn cao áp và hàng rào dây thép gai. Trên tháp là đèn quét và súng trường. Các lớp hàng rào cách nhau một khoảng đất đỏ được cày lên. Hubble không ngược lên. Tôi chẳng lay anh ta. Phía trước có phải Xứ sở Thần tiên đâu.

Khi tới nơi, chiếc xe chạy chậm lại. Lớp hàng rào ngoài cùng nhô ra chừng một trăm mét, tạo thành một đường cong khổng lồ. Đó là một lớp rào lớn. Cao chừng bốn mét rưỡi, dọc theo hàng rào là những đôi đèn cao áp natri. Mỗi đôi có một đèn được điều chỉnh cho hướng vào phía trong, tỏa ánh sáng trùm hết khoảng đất đỏ rộng chừng một trăm mét đã được cày lên. Một đèn được chỉnh hướng ra ngoài, bao quát hết khu đất canh tác xung quanh đó. Tất cả đèn cao áp đều bật sáng. Toàn bộ tổ hợp sáng rực ánh đèn vàng. Ở tầm gần, nơi này sáng rực. Ánh sáng vàng biến lớp đất đỏ thành màu nâu vàng ma quái.

Chiếc xe vận chuyển lạch cạch dừng lại. Động cơ vẫn nổ bình bình nên xe bị rung. Hệ thống thông gió ngừng lại. Phát ngộp. Cuối cùng Hubble cũng ngược lên. Anh chàng hé mắt nhìn ra qua cặp kính gọng vàng. Anh ta nhìn xung quanh rồi nhìn ra ngoài cửa sổ. Rên lên. Đó là tiếng rên của sự khổ đau tuyệt vọng. Hubble gục đầu xuống.

Người lái xe đang đợi tín hiệu từ người gác cổng đầu tiên. Tay gác đang nói vào máy bộ đàm. Người lái rồ ga vào số. Lính gác dùng chiếc bộ đàm vẫy vẫy chúng tôi qua. Chiếc xe bò lên phía trước vào một cái cũi. Chúng tôi chạy qua một tấm biển dài bên rìa đường ghi: Trại Cải tạo Warburton, Phòng Giam giữ và Cải tạo bang Georgia. Phía sau chúng tôi, cánh cổng từ từ khép lại. Chúng tôi bị nhốt trong một cái cũi bằng dây thép. Mái cũng được lợp bằng dây thép. Ở đầu kia, một cánh cổng bật mở. Chiếc xe bò qua đó.

Chúng tôi chạy hết một trăm mét tới hàng rào tiếp theo. Có một cái cũi khác. Chiếc xe bò vào, chờ đợi và lại chạy ra. Xe chúng tôi chạy vào tới trung tâm nhà tù. Rồi dừng trước một boong ke bê tông. Khu tiếp đón. Tiếng ồn của động cơ đập vào những lớp bê tông bao quanh chúng tôi. Rồi máy tắt, xe ngừng rung và ngừng kêu, nhường cho sự im lặng. Người lái xe bật ra khỏi ghế ngồi, bước theo lối đi, khom xuống kéo người như đang trèo qua lưng ghế.

Ông ta lôi chùm chìa khóa ra mở chiếc còng cột chúng tôi vào ghế phía trước.

"Được rồi các chàng trai, đi thôi," ông ta nhả nhở. "Đến giờ vui chơi rồi."

Chúng tôi lôi người khỏi ghế lập cập xuống xe. Cánh tay trái tôi bị Hubble kéo lại. Lái xe bắt chúng tôi dừng lại ở đầu xe. Ông ta tháo cả ba chiếc còng ném vào cái thùng cạnh ca bin. Tì vào một thanh đòn và mở tung cửa. Chúng tôi xuống xe. Phía trước, cửa mở và một lính gác bước ra. Gọi chúng tôi tới. Anh ta đang ăn bánh rán và nói khi trong miệng vẫn đầy bánh. Đường bám đầy trên môi. Anh ta là một tay rất tự nhiên. Chúng tôi qua cửa đi vào một phòng bằng bê tông. Nơi này bản thiêu. Những chiếc ghế gỗ thông xếp quanh một chiếc bàn sơn. Một tay gác khác ngồi trên bàn đọc tấm bảng

ghi chép méo mó.

"Ngồi xuống được chứ?" anh ta nói. Chúng tôi ngồi. Tay gác đứng dậy. Tay đồng sự nhai bánh rán khóa cánh cửa ngoài rồi đến bên anh ta.

"Việc thế này đây", tay gác cầm tấm bảng nói. "Các anh là Reacher và Hubble. Được gửi từ Margrave tới. Chưa có kết tội. Bị giam giữ chờ điều tra. Không áp dụng bảo lãnh đối với người nào trong hai anh. Hiểu những gì tôi nói chứ? Chưa có kết tội. Đó là điều quan trọng. Miễn cho các anh rất nhiều việc khốn nạn ở đây, ồ chứ? Không áo tù, không phải trải qua các quy trình, không chuyện gì to tát, các anh hiểu chứ? Nơi nghỉ ngơi ngon lành ở tầng trên cùng."

"Phải", tay ăn bánh rán nói. "Vấn đề là nếu các anh bị kết tội, chúng tôi sẽ chọc, quất, đánh các anh, các anh sẽ nhận quần áo tù, và chúng tôi sẽ đẩy các anh lên các tầng dành cho những kẻ bị kết tội, cùng với lũ súc vật khác, rồi chúng tôi chỉ việc ngồi xem trò vui, phải không?"

"Phải", đồng sự của anh ta chêm vào. "Vậy nên những điều chúng tôi muốn nói là thế này. Chúng tôi ở đây không phải để gây khốn khổ cho các anh, thế nên các anh bạn cũng đừng làm khó cho chúng tôi, các anh hiểu chứ? Cơ sở chết giẫm này chẳng có nhân lực đâu. Thống đốc bang đã sa thải khoảng một nửa nhân sự, hiểu không? Phải phù hợp với tình hình ngân sách, đúng không? Phải cắt giảm thâm hụt, đúng chứ? Thế nên chúng tôi không có người để thực hiện công việc theo đúng cách phải làm. Ca nào cũng cố gắng hoàn thành công việc với số nhân sự bằng một nửa, hiểu không? Thế nên điều tôi nói là chúng tôi đẩy các anh vào chỗ kia, và chúng tôi không muốn trông thấy các anh cho tới lúc chúng tôi lôi các anh ra vào ngày thứ Hai. Đừng có mà gây rắc rối, hiểu chứ? Chúng tôi không có nhân lực giải quyết rắc rối. Chúng tôi không có nhân lực để giải quyết rắc rối ở các tầng dành cho phạm nhân chứ đừng nói tới rắc rối ở tầng tạm giam, các anh hiểu chứ? Ê, Hubble, anh hiểu chứ?"

Hubble ngược nhìn tay gác và gật đầu một cách vô hồn. Chẳng nói gì cả.

"Reacher?" tay cầm bảng ghi hỏi. "Anh hiểu chứ?"

"Chắc chắn rồi," tôi nói. Tôi đã hiểu. Tay này không có đủ người. Có vấn đề do ngân sách thiếu. Còn bạn bè của anh ta thì nhận tiền hỗ trợ thất nghiệp. Chẳng khác gì tôi cả!

"Tốt," tay gác cầm bảng ghi nói. "Vậy nên thống nhất thế này. Hai chúng tôi hết ca trực lúc bảy giờ. Tức là sau khoảng một phút nữa. Chúng tôi sẽ không vì các anh bạn mà làm việc muộn đâu. Chúng tôi không muốn thế và kiểu gì thì công đoàn cũng không để cho chúng tôi làm. Thế nên các anh sẽ được ăn, sau đó các anh bị giữ ở đây cho tới khi có người đến đưa các anh lên tầng. Phải tới lúc tắt điện mới có người, có lẽ tầm 10 giờ, được chứ? Nhưng dù gì thì cũng chẳng lính gác nào áp giải tù nhân đi sau khi đèn đã tắt, đúng không? Công đoàn sẽ không để họ làm thế. Thế nên Spivey sẽ tự đến nhận các anh. Trợ lý giám sát. Người có trách nhiệm cao nhất đêm nay. Chừng 10 giờ, được chứ? Còn nếu không thích chuyện ấy thì đừng nói với tôi, đi mà nói với thống đốc ấy, được chưa?"

Tay ăn bánh rán bước ra ngoài hành lang, một lúc lâu sau thấy bưng khay lại. Trên đó là vài chiếc đĩa được đẩy lại, vài chiếc cốc giấy và một bình giữ nhiệt. Anh ta đặt khay lên bàn rồi cả hai theo hành lang bước ra. Khóa cửa từ phía ngoài. Bầu không khí trở nên yên lặng như trong mồ.

Chúng tôi ăn. Cơm với cá. Đồ ăn dành cho ngày thứ Sáu. Cà phê trong bình giữ nhiệt. Hubble chẳng nói gì. Anh ta nhường hầu hết chỗ cà phê cho tôi. Một điểm ghi cho Hubble. Tôi cho đồ ăn thừa vào khay rồi đặt khay xuống sàn. Còn ba giờ nữa để phung phí. Tôi ngả ghế ra phía sau và gác chân lên bàn. Không thoải mái, nhưng cũng tạm tạm. Một buổi tối ấm áp. Tháng Chín ở Georgia.

Tôi nhìn qua phía Hubble chẳng chút tò mò. Anh ta vẫn im lặng. Tôi chưa bao giờ nghe thấy anh chàng nói gì trừ lúc nghe qua loa điện thoại của Finlay. Hubble nhìn lại tôi. Gương mặt anh ta đầy sự khổ đau và sợ hãi. Anh chàng nhìn tôi như thể tôi là sinh vật từ thế giới khác tới vậy. Người này chăm

chằm nhìn tôi cứ như tôi khiến anh ta lo lắng. Rồi Hubble nhìn đi nơi khác.

Có lẽ tôi sẽ không quay trở lại Vịnh. Nhưng giờ đã là thời điểm quá muộn trong năm để đi về phía Bắc. Ở đó quá lạnh. Có khi nên bỏ qua đó để đi thẳng tới các đảo. Có khi là Jamaica. Nhạc ở đó tuyệt vời. Một túp lều trên bãi biển. Sống qua mùa đông trong một túp lều trên bãi biển Jamaica. Một tuần hút chùng nửa cân cỏ (*cần sa, bò đà*). Làm bất kỳ điều gì người Jamaica làm. Có lẽ một tuần hút một cân cỏ và sống chung với một người khác. Roscoe liên tục bước vào khung cảnh tôi mừng tượng ra. Bộ sắc phục của cô tươi tắn tuyệt vời.

Chiếc áo bó màu xanh tươi tắn. Tôi chưa bao giờ trông thấy chiếc áo nào đẹp hơn. Dưới ánh nắng trên bờ biển Jamaica cô sẽ chẳng cần mặc áo. Tôi không nghĩ đó là chuyện gì nghiêm trọng.

Cái nháy mắt của nữ cảnh sát mới là vấn đề với tôi. Cô cảm tách cà phê lên. Cô bảo rằng tôi có đôi mắt đẹp. Và Roscoe nháy mắt. Phải có ý gì đó, đúng không? Chuyện về đôi mắt thì trước đây tôi từng nghe rồi. Một cô gái Anh từng có một quãng thời gian hạnh phúc bên tôi, cô thích đôi mắt tôi. Lúc nào cũng nói thế. Chúng màu xanh. Gần như người nào nhận xét cũng bảo rằng chúng trông như các núi băng ở biển Bắc cực. Nếu tập trung, tôi có thể làm họ ngừng chớp mắt. Tạo sức mạnh uy hiếp cho cái nhìn chằm chằm. Hữu ích. Nhưng cái nháy mắt của Roscoe là khoảnh khắc tuyệt vời nhất trong ngày, thực sự là khoảnh khắc duy nhất của ngày, trừ món trứng ở tiệm ăn Eno - vốn cũng không đến nỗi tệ. Trứng thì ở đâu cũng kiếm được. Còn Roscoe thì không. Tôi nhớ cô ấy. Và tôi bay bổng hết cả buổi tối.

Hơn mười giờ một chút, cánh cửa hành lang được mở khóa. Một người đàn ông mặc sắc phục bước vào. Người này cầm một tấm bảng ghi. Và một khẩu súng trường. Tôi nhìn về phía anh ta. Một tay người miền Nam. Nặng nề, đầy thịt. Làn da đỏ ửng. Cái bụng to và chắc cùng chiếc cổ to. Mắt ti hí. Bộ đồng phục chặt nhảu phải vất vả mới trùm nổi cơ thể anh chàng này. Có lẽ được sinh ra ở ngay đây, khu nông trại người ta đã thu hồi để xây nhà tù. Trợ lý giám sát Spivey. Người có trách nhiệm cao nhất trong ca này. Thiếu lực lượng và khó chịu. Tự giải hai vị khách tạm trú. Với khẩu súng trường trong bàn tay nông dân to lớn.

Viên trợ lý giám sát xem tấm bảng ghi.

"Ai trong số hai anh là Hubble?" anh ta hỏi.

Người này có giọng the thé. Ngược với tấm thân bò tượng. Hubble luống cuống giơ hai tay lên, như học sinh phổ thông. Đôi mắt ti hí của Spivey quét qua Hubble. Lên rồi xuống. Như mắt rắn. Anh ta hàm hừ rồi dùng tấm bảng ghi làm hiệu. Chúng tôi xếp thành hàng đi ra. Hubble thất thần cam chịu. Như một người lính kiệt sức.

"Rẽ trái rồi đi theo vạch đỏ", Spivey nói.

Anh ta dùng khẩu súng vẫy tay về phía trái. Có một đường màu đỏ sơn trên tường cao tầm ngang hông. Đó là đường chỉ dẫn thoát hiểm khi xảy ra cháy. Tôi cho là nó dẫn ra ngoài, nhưng chúng tôi lại đi ngược hướng. Vào trong tù chứ không phải ra ngoài. Chúng tôi theo đường đỏ qua các hành lang, lên gác và vòng qua các góc. Hubble đi đầu rồi tới tôi. Theo sau là Spivey cùng khẩu súng trường. Bên trong rất tối. Chỉ có ánh sáng mờ mờ của đèn khẩn. Đến một chiều nghỉ, Spivey lệnh dừng lại. Anh ta lấy chìa mở một khóa điện tử. Loại khóa này sẽ mở tung cửa thoát hiểm khi chuông báo động kêu.

"Không được nói chuyện," Spivey lệnh. "Quy định ở đây là phải tuyệt đối im lặng sau khi đã tắt đèn. Buồng giam ở phía cuối, bên tay phải".

Chúng tôi bước qua cửa ngoài. Mùi hôi thối của nhà tù xộc vào mũi tôi. Hơi thở ra của vô số kẻ tuyệt vọng. Tôi như hũ nút. Một bóng đèn mờ mờ nhấp nháy. Tôi chỉ có thể cảm nhận được chứ không trông thấy sự hiện diện của các dãy buồng giam. Tôi nghe tiếng lẩm nhảm của những âm thanh trong đêm. Tiếng thở và ngáy. Thì thầm và rên rỉ. Spivey giải hai chúng tôi tới cuối dãy. Chỉ một buồng giam trống. Hai chúng tôi len vào. Spivey kéo cửa song sắt đóng lại sau lưng chúng tôi. Nó tự động khóa lại. Anh ta bước đi.

buồng giam rất tối. Tôi chỉ có thể trông thấy một chiếc giường tầng, một chậu rửa và một bồn cầu. Sàn không rộng lắm. Tôi cởi áo khoác ném lên giường trên. Với tay dọn lại giường, để gối ở phía xa song sắt. Tôi thích thể này hơn. Ga và chăn cũ nhưng ngủi cũng vẫn còn sạch sẽ.

Hubble ngồi yên lặng ở giường dưới. Tôi đi vệ sinh và rửa mặt ở chậu rửa. Lê người lên giường. Cởi giày ra. Bỏ ở chân giường. Tôi muốn biết giày của mình nằm ở đâu. Giày có thể bị đánh cắp, mà đây lại là giày tốt. Mua phải được mấy năm ở Oxford, Anh. Một thành phố có trường đại học nằm gần căn cứ không quân tôi đóng. Một đôi giày nặng có đế cứng và mũi dày.

Chiếc giường quá ngắn so với tôi, nhưng hầu hết giường đều thế. Tôi nằm trong bóng tối lắng nghe âm thanh không ngừng nghỉ của nhà tù. Rồi tôi nhắm mắt lại phiêu du tới Jamaica cùng Roscoe. Chắc chắn tôi đã ngủ thiếp đi với nàng bên cạnh bởi điều tiếp theo tôi nhận thức được là hôm nay là thứ Bảy. Tôi vẫn ở trong tù. Và một ngày còn tồi tệ hơn đang bắt đầu.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tôi thức giấc bởi những ngọn đèn sáng rực bật lên. Nhà tù không có cửa sổ. Ngày và đêm được điện tạo ra. Vào bảy giờ tòa nhà đột ngột tràn ngập ánh sáng. Không có buổi bình minh hay hoàng hôn nhẹ nhàng. Chỉ có các cầu dao dập xuống lúc bảy giờ.

Ánh sáng mạnh chẳng giúp buồng giam trông khá lên chút nào. Bức tường phía trước hình thành từ các song sắt. Một nửa đã được mở ra ngoài nhờ một bản lề để biến nó thành cánh cửa. Chiếc giường tầng choán khoảng một nửa chiều rộng và gần hết chiều dài buồng giam. Bức tường phía sau có gắn chiếc chậu rửa bằng thép và một bồn cầu cũng bằng thép. Tường ở đây là tường xây. Một phần bằng bê tông phun và một phần là gạch cũ. Được phủ sơn dày. Trông các bức tường dày ghê gớm. Như ngục tối. Trên đầu tôi là lớp trần bê tông thấp. Buồng giam có vẻ không giống một căn phòng được bao bọc bởi trần, sàn và tường. Cảm giác nó giống như một khối đặc xây kín với một khoảng không gian sống bé xiu được bới ra một cách miễn cưỡng. Bên ngoài, tiếng rì rào không ngừng nghỉ của buổi đêm đã thay bằng tiếng loảng xoảng của ban ngày. Mọi thứ đều là kim loại, gạch, bê tông. Tiếng ồn khuếch đại lên vang vọng khắp nơi. Giống như dưới địa ngục vậy. Nhìn qua những song sắt tôi chẳng thấy gì. Đối diện với buồng giam của chúng tôi là một bức tường trống trơn.

Nằm trên giường, tôi không có góc quan sát để nhìn dọc theo dãy buồng giam. Tôi tung chăn và tìm giày của mình. Đi vào và buộc dây. Rồi lại nằm xuống. Hubble đang ngồi ở giường dưới. Đôi giày kiểu thuyền bằng da nâu của anh ta nằm trên sàn bê tông. Tôi tự hỏi liệu anh chàng đã ngồi như thế suốt đêm hay đã chợp mắt.

Người tiếp theo tôi trông thấy là người quét dọn. Ông ta di chuyển vào góc quan sát phía ngoài song sắt. Một ông già lụ khụ tay cầm chổi. Ông già da đen với mái tóc bạc như cước. Lưng còng gập vì thời gian. Mỏng manh như một con chim già héo hon. Bộ quần áo tù màu cam của ông đã được giặt thành gần như trắng. Chắc chắn ông phải tám chục rồi. Hẳn là phải ở đây được sáu mươi năm. Có lẽ ông đã ăn cắp gà thời Đại khủng hoảng, vẫn còn phải trả nợ xã hội.

Ông già lia bừa chổi trên sàn, sống lưng kéo mặt ông song song với mặt sàn. Ông hất đầu để nhìn hết bên nọ lại sang bên kia, trông như vận động viên bơi lội. Ông nhìn thấy Hubble và tôi thì dừng lại trên cán chổi và lắc đầu. Cười khúc khích đầy trầm ngâm. Lắc đầu lần nữa. Cười khúc khích. Một nụ cười vui sướng và biết ơn. Như thể sau một thời gian chờ đợi rất dài, qua bao năm nay ông mới được nhìn thấy một thứ chỉ có trong cổ tích. Như kỳ lân hay nàng tiên cá. Ông luôn cố gắng nói, giơ một bàn tay lên như thể ý của ông cần được nhấn mạnh. Nhưng cứ bắt đầu là ông lại cười khúc khích và phải bám vào chổi. Tôi không ép ông vội. Tôi có thể đợi. Tôi có cả kỳ cuối tuần mà. Ông thì có cả phần đời còn lại.

"Ừ, đúng thế thật," ông già nhả nhổ. Ông chẳng còn chiếc răng nào. "Ừ, đúng thế thật." Tôi nhìn ra phía ông.

"À chuyện gì thế hả ông?" tôi cười lại với ông.

Ông quét tù vẫn cười khúc khích. Cứ như thế mất một lúc.

"Ừ, đúng thế thật", ông nói. Giờ thì ông đã kiểm soát được tiếng cười của mình. "Tôi đã ở nơi này từ buổi ban đầu, vâng thưa ngài. Từ khi Adam còn là một cậu bé. Nhưng đây là điều tôi chưa bao giờ thấy. Chưa bao giờ thưa ngài, trong suốt những năm qua."

"Ông chưa bao giờ thấy điều gì, ông già?" tôi hỏi.

"Vâng," ông ta nói. "Tôi đã ở đây suốt bao năm, và tôi chưa bao giờ thấy ai trong buồng giam đó mặc quần áo như ngài cả."

"Ông không thích quần áo của tôi sao?" tôi hỏi. Ngạc nhiên.

"Tôi không nói thế, thưa ngài, tôi đâu nói rằng tôi không thích quần áo của ngài", ông già đáp.

"Tôi cũng thích đồ của ngài. Bộ đồ rất đẹp, vâng thưa ngài, vâng đúng thật, rất đẹp",

"Vậy chuyện là sao?" tôi hỏi.

Ông già lại cười khúc khích.

"Chất lượng của bộ quần áo không phải vấn đề," ông ta nói. "Không thưa ngài, đó chẳng phải vấn đề chút nào. Vấn đề là việc ngài đang mặc chúng chứ không mặc bộ đồng phục màu cam. Trước đây tôi chưa bao giờ thấy thế, và như tôi đã nói, thưa ngài, tôi đã ở đây từ khi trái đất còn giá lạnh, từ khi lũ khủng long bảo đảm rồi là đủ rồi. Giờ thì tôi đã trông thấy mọi điều, thực sự là đã thế, vâng thưa ngài",

"Nhưng những người ở tầng tạm giam không mặc đồng phục", tôi nói.

"Vâng đúng thế, điều ấy chắc chắn đúng rồi," ông già quét tù nói. "Chắc chắn đó là thực tế."

"Người gác đã nói thế", tôi xác nhận.

"Họ sẽ bảo thế", ông già đồng ý. "Bởi đó là quy định, và các lính gác thì biết các quy định, vâng thưa ngài, họ biết bởi họ đã tạo ra chúng mà."

"Vậy vấn đề là gì, ông già?" tôi hỏi.

"Vâng, như tôi đã nói, ngài không mặc bộ đồ màu cam", ông ta nói.

Lúc này thì chúng tôi đang chạy lòng vòng.

"Nhưng tôi không phải mặc bộ đó," tôi nói.

Ông già sừng sốt. Đôi mắt sắc như mắt chim dán chặt vào tôi.

"Ngài không phải mặc à?" ông hỏi. "Tại sao thế, thưa ngài? Xin hãy nói cho tôi biết."

"Bởi chúng tôi không mặc bộ đó khi ở tầng tạm giam," tôi đáp. "Ông vừa đồng ý với điều đó, đúng không?"

Chỉ có sự im lặng. Tôi và ông già đồng thời hiểu được một điều.

"Ngài nghĩ đây là tầng tạm giam à?" ông hỏi tôi.

"Đây không phải tầng tạm giam sao?" câu hỏi của tôi bật ra đồng thời.

Người quét tù ngừng lại một chút. Nhắc cây chổi lên và lùi ra khỏi tầm nhìn của tôi. Nhanh hết tốc lực. Vừa lùi ra vừa nói lớn bằng giọng đầy hoài nghi.

"Đây không phải tầng tạm giam, thưa ngài", ông la lên. "Tầng tạm giam nằm ở trên cùng. Tầng sáu. Đây là tầng ba. Ngài đang ở tầng ba, thưa ngài. Đây là những kẻ bị tù chung thân, ngài ơi. Đây là những kẻ bị liệt vào hàng nguy hiểm, thưa ngài. Đây không phải tù nhân thông thường. Đây là hạng người xấu nhất, trời ơi. Vâng, đúng thế thật, các ngài đang ở nhầm chỗ. Các ngài đang gặp rắc rối, vâng đúng thế thật. Các ngài sắp có khách. Chúng sẽ kiểm tra các ngài. Ôi thưa ngài, tôi rời khỏi đây thôi".

Đánh giá. Kinh nghiệm lâu năm đã dạy tôi đánh giá và xem xét. Khi điều bất ngờ xảy đến với ta, đừng phí thời gian. Đừng vội tìm hiểu vì sao nó xảy ra hoặc đã xảy ra thế nào. Đừng vội tố cáo. Đừng vội tìm xem đó là lỗi của ai. Đừng vội tìm hiểu làm thế nào để lần sau tránh được sai lầm đó. Những

chuyện đó để sau. Nếu như ta sống sót. Trước tiên tap phải đánh giá. Phân tích tình hình. Xác định điểm bất lợi. Đánh giá thế có lợi. Lên kế hoạch phù hợp. Như thế thì ta mới giành được cho mình một cơ hội tốt hơn để sau này thực hiện toàn bộ những công việc kia.

Chúng tôi hiện không ở buồng tạm giam trên tầng sáu. Không ở nơi dành cho những tù nhân chưa bị kết án. Chúng tôi đang ở giữa những kẻ đầy nguy hiểm chịu án chung thân trên tầng ba. Chẳng có lợi thế nào. Điểm bất lợi thì lớn. Chúng tôi là ma mới trên tầng dành cho những kẻ đã bị kết án. Nếu không có vị trí thì chúng tôi sẽ chẳng sống sót nổi. Chúng tôi chẳng có vị trí gì. Chúng tôi sẽ bị thách thức. Chúng tôi sẽ bị buộc chấp nhận vị trí của mình ở đáy cùng của hệ thống phân cấp. Chúng tôi đang đối mặt với kỳ cuối tuần tệ hại. Một kỳ cuối tuần tiềm ẩn nguy hiểm.

Tôi nhớ một gã lính, một tay đào ngũ. Một tay trẻ, không phải lính mới toe, đào ngũ bởi anh ta theo một tôn giáo điên cuồng. Gặp rắc rối ở Washington, đi biểu tình. Cuối cùng bị tổng vào tù, giữa những kẻ tồi tệ như ở tầng này. Chết ngay trong đêm đầu tiên. Bị hiếp dâm qua đường hậu môn. Ước chừng khoảng năm mươi lần. Và khi mổ pháp y, họ tìm thấy khoảng một pint (*đơn vị đo thể tích, xấp xỉ 0,55l*) tinh dịch trong dạ dày nạn nhân. Một gã mới không có số má. Ngay ở đáy cùng của hệ thống phân cấp. Là trò chơi cho những kẻ trên anh ta.

Đánh giá. Tôi có thể dựa vào một số kỹ năng đã được huấn luyện nhọc nhằn. Và kinh nghiệm nữa. Không nhằm phục vụ cho cuộc sống trong tù, nhưng chúng sẽ có ích. Tôi đã trải qua nhiều nội dung huấn luyện khổ sở. Không chỉ trong quân đội. Mà ngay từ hồi còn trẻ con. Từ cấp một lên cấp ba, bọn trẻ con nhà lính như tôi phải học tới hai chục, có khi ba chục trường khác nhau. Một số trường trong căn cứ, hầu hết là ở các khu dân cư địa phương. Ở một số khu vực ghê gớm. Philippines, Hàn Quốc, Iceland, Đức, Scotland, Nhật Bản, Việt Nam. Trên khắp thế giới. Trong ngày đầu tiên ở mỗi trường mới tôi đều là học sinh mới. Không có vị trí gì. Rất nhiều ngày đầu tiên. Tôi nhanh chóng học cách làm thế nào để có vị thế. Ở những sân trường nóng đầy cát; ở những sân trường lạnh ướt, ông anh trai và tôi chiến đấu bên nhau, hết lần này tới lần khác. Chúng tôi đã có được vị thế.

Rồi trong quân ngũ, sự tàn bạo ấy được chuốt lại. Tôi được chuyên gia huấn luyện. Họ là những người đã được huấn luyện qua thời Thế chiến thứ hai, ở Hàn Quốc, Việt Nam. Những người đã sống sót qua những gì tôi chỉ biết được qua sách vở. Họ dạy cho tôi phương pháp, chi tiết, kỹ năng. Nhưng chủ yếu là họ dạy cho tôi thái độ. Họ dạy tôi rằng sự lẩn cẩn có thể khiến tôi bỏ mạng. Hãy ra đòn sớm, ra đòn mạnh. Hãy giết địch bằng cú đòn đầu tiên. Hãy ra đòn trước. Hãy đánh lừa. Những quý ông hành xử lịch thiệp không có mặt ở đó để huấn luyện đâu. Bởi họ đã chết rồi.

Lúc 7 giờ 30 có tiếng kim loại lanh canh dứt đoạn dọc theo dãy buồng giam. Công tắc hẹn giờ đã mở khóa các buồng. Song sắt buồng chúng tôi nhích ra chừng hơn hai phân. Hubble ngồi bất động, vẫn im lặng. Tôi chẳng có kế hoạch nào. Lựa chọn tốt nhất là tìm một gác tù. Giải thích để được đưa đi nơi khác. Nhưng tôi không trông đợi việc tìm được một tay gác. Trên những tầng thế này, họ sẽ chẳng đi tuần một mình. Họ sẽ đi hai người một, mà cũng có thể nhóm ba hay bốn người. Nhà tù này thiếu nhân lực. Hôm qua hai tay gác đã nói rõ ràng như thế. Khó có khả năng đủ nhân lực để bố trí các nhóm gác cho từng tầng. Có khi cả ngày tôi sẽ chẳng trông thấy người gác tù nào. Họ sẽ đợi ở phòng dành cho đội gác. Hoạt động như một nhóm trấn áp ứng phó với các tình huống khẩn cấp. Và nếu tôi trông thấy một tay gác, tôi sẽ nói gì đây? Rằng tôi không nên ở nơi này à? Hẳn là họ phải nghe điều đó suốt cả ngày. Họ sẽ hỏi ai đưa anh vào đây? Tôi sẽ nói là Spivey, người có trách nhiệm cao nhất. Họ sẽ bảo ừ, thế thì ổn rồi, đúng không? Thế nên kế hoạch duy nhất là không có kế hoạch nào cả. Chờ xem điều gì sẽ xảy đến. Tùy cơ ứng biến. Đánh giá khách quan, sống sót tới thứ Hai.

Tôi có thể nghe thấy tiếng nghiêng ken két khi các phạm nhân khác đẩy cửa buồng giam của họ và mở lầy. Tôi có thể nghe tiếng đi lại và tiếng trò chuyện oang oang khi họ lang thang ra ngoài để bắt đầu một ngày vô nghĩa nữa. Tôi chờ đợi.

Không phải đợi lâu. Ở góc nhìn hẹp từ đầu giường tôi, đầu nằm xa cửa, tôi trông thấy những tay lảng giềng bước ra. Chúng tụ lại với nhau thành một đám nhỏ. Tất cả đều ăn mặc như nhau. Quần áo tù màu cam. Khăn lớn màu đỏ quấn chặt trên nhưng cái đầu cạo trọc. Những gã da đen khổng lồ. Rõ ràng là những tay tập thể hình. Nhiều tên đã xé đứt tay áo. Chứng tỏ rằng chẳng quần áo nào ở đây có thể ôm vừa cơ thể to lớn của chúng. Có thể chúng đã đứng. Một hình ảnh ấn tượng.

Gã ở gần nhất đeo cặp kính râm hơi tối. Loại làm diu bớt ánh nắng. Hợp chất halogen và bạc. Có lẽ lần gần đây nhất tay này trông thấy mặt trời là vào những năm bảy mươi. Có thể sẽ không bao giờ thấy lại mặt trời. Thế nên cặp kính râm trở nên thừa, nhưng trông vẫn đẹp. Cũng giống như các cơ bắp. Như mấy cái khăn và áo bị xé. Tôi chờ đợi. Tên đeo kính râm trông thấy chúng tôi. Vẻ ngạc nhiên của gã nhanh chóng chuyển thành sự phẫn khích. Gã thông báo cho tên to nhất trong đám bằng cách đập vào cánh tay hấn ta. Tên to lớn nhìn quanh. Trông hấn vô hồn. Rồi hấn ngoác miệng cười. Tôi chờ đợi. Đám đàn ông tập trung lại phía ngoài buồng giam của chúng tôi. Chúng nhìn vào. Tên to lớn

kéo cửa buồng chúng tôi ra. Rồi những tên khác lần lượt mở rộng cửa ra. Chúng chốt lại cho cửa khỏi đóng vào.

"Xem những gì chúng gửi cho ta này", tay to con cất tiếng. "Bọn mày biết chúng đã gửi gì cho ta chứ?"

"Chúng gửi cho ta gì thế?" kính râm hỏi.

"Chúng gửi cho ta thịt tươi", tay to lớn đáp.

"Chắc chắn là thế rồi, ông bạn", kính râm nói.

"Thịt tươi

"Thịt tươi cho mọi người", tay to con nói.

Hấn nhăn nhó. Quay nhìn cả nhóm và tất cả đều cười đáp lễ. Đập tay ăn mừng. Tôi chờ đợi. Tên to lớn bước nửa bước vào buồng giam bọn tôi. Hấn thật bự. Có lẽ thấp hơn tôi khoảng hai đến năm phân nhưng nặng phải gấp đôi. Tên này choán hết cả cửa. Đôi mắt lơ lơ của hấn lướt qua tôi rồi tới Hubble.

"Ê nhóc da trắng, lại đây", hấn nói. Với Hubble. Tôi có thể cảm nhận được sự hoảng sợ của Hubble. Anh ta không nhúc nhích.

"Lại đây, thằng cu da trắng," tên to con nhắc lại. Khẽ khàng.

Hubble đứng dậy. Nhón nửa bước về phía gã đàn ông ở cửa. Tên này đang phóng ra cái quắc mắt chất chứa nổi tức giận, sự ghê gớm của nó khiến người ta lạnh cả sống lưng.

"Đây là lãnh địa của Trai Đỏ, da trắng ạ," gã cao lớn nói. Giải thích cho những chiếc khăn đỏ. "Bọn da trắng đang làm gì trong lãnh địa của Trai Đỏ thế này?"

Hubble không nói gì.

"Thuế cư trú, cu ạ," gã to con nói. "Như người ta thu ở các khách sạn Rorida ấy, nhóc ạ. Mày phải đóng thuế. Đưa cho tao cái áo len của mày, thằng cu da trắng".

Hubble đang cứng cả người vì sợ hãi.

"Đưa áo len của mày đây, cu da trắng," gã to con nói lần nữa. Khẽ khàng.

Hubble gỡ chiếc áo len trắng đắt tiền rồi đưa về phía trước. Tên to lớn cầm lấy ném về phía sau mà chẳng thèm nhìn.

"Đưa kính cho tao, thằng cu da trắng", hấn nói.

Hubble liếc một cái đầy tuyệt vọng lên phía tôi. Gỡ kính của mình ra. Đưa về phía trước. Tên to con cầm lấy ném xuống sàn. Lấy giày giẫm lên. Xoay bàn chân. Hai mắt kính vỡ vụn bắn tung ra. Tên to con lấy chân hất chiếc kính vỡ về phía sau, ra hành lang. Những tên còn lại lần lượt giẫm lên nó.

"Thằng bé ngoan," gã to lớn nói. "Mày đóng thuế xong rồi đó."

Hubble đang run cầm cập.

"Giờ thì đến đây, thằng cu da trắng," kẻ hành hạ anh ta nói.

Hubble lập cập đến gần.

"Gần hơn, cu da trắng," tay to con lệnh.

Hubble lập cập lại gần hơn. Cho tới khi chỉ còn cách ba mươi phân. Anh ta đang run rẩy.

"Quỳ xuống, thằng cu da trắng," tên to con lệnh. Hubble quỳ xuống.

"Kéo khóa quần tao xuống, da trắng," tên kia tiếp.

Hubble không làm gì. Đầy hoảng sợ.

"Kéo khóa quần tao xuống, da trắng," tên to con nhắc lại. "Bằng răng mày!"

Hubble thở hắt ra một hơi đầy kinh hãi và khiếp đảm rồi nhảy lùi lại. Anh ta chạy giật lùi về phía cuối buồng giam. Cố gắng nấp sau bồn cầu. Thực tế là anh chàng đang ôm lấy cái bệ xí.

Đã đến lúc can thiệp. Không phải vì Hubble. Tôi chẳng cảm thấy thương gì anh ta. Nhưng tôi phải can thiệp, vì chính bản thân mình. Việc làm hèn hạ của Hubble sẽ làm vấy bẩn tôi. Chúng tôi sẽ bị coi là một cặp. Sự quy phục của Hubble sẽ làm mất thể diện của cả hai chúng tôi. Trong cuộc chơi giành vị thế.

"Quay lại đây, thằng nhóc da trắng, mày không thích tao hả?" gã to con gọi Hubble.

Tôi hít một hơi sâu. Tung hai chân qua cạnh giường và nhẹ nhàng hạ xuống trước mặt hắn. Hắn trừng trừng nhìn tôi. Tôi trừng trừng ngó lại. Một cách bình thản.

"Đây là nhà tao, thằng béo," tôi nói. "Nhưng tao sẽ cho mày một lựa chọn."

"Chọn gì?" Béo hỏi. Trân trời. Đầy ngạc nhiên.

"Chọn cách ra đi, thằng béo," tôi đáp.

"Mày nói gì thế?" hắn hỏi lại.

"Ý tao là thế này," tôi nói. "Bọn mày sẽ rời khỏi đây. Điều đó thì chắc chắn rồi. Lựa chọn của mày là rời khỏi đây như thế nào. Hoặc mày có thể tự bước ra, hoặc mấy thằng béo khác sau lưng mày sẽ phải khiêng mày ra ngoài bằng một cái xô."

"Ồ thế à?" Béo hỏi.

"Chắc chắn rồi", tôi đáp. "Tao sẽ đếm tới ba, OK, do vậy mày nên chọn lựa thật nhanh, đúng không?"

Gã to con trừng trừng nhìn tôi.

"Một," tôi đếm. Chẳng có phản ứng nào.

"Hai", tôi đếm. Chẳng có phản ứng nào.

Rồi tôi chơi trò lừa. Thay vì đếm tới ba tôi giáng một đòn bằng đầu vào giữa mặt hắn. Kiễng bàn chân sau lên, đẩy mạnh hai cẳng chân, lao đầu về phía trước húc thẳng vào mũi tên béo. Cú đòn được thực hiện không chệch vào đâu được. Trán là một đường cung hoàn hảo và rất khỏe. Phần xương sọ ở phía trước rất dày. Phần đó của tôi có một gờ như bê tông. Phần đầu của người rất nặng. Tất cả các loại cơ cổ và cơ lưng giữ cho nó cân bằng. Cứ như thể bị một trái bóng bowling đập vào mặt. Đó luôn là điều ngạc nhiên. Người ta trông đợi những cú đấm hoặc đá. Thế nên một cú húc bằng đầu luôn bất ngờ. Như từ trên trời giáng xuống. Chắc chắn nó phải làm mặt Béo lõm vào. Tôi đoán tôi đã làm giập mũi hắn, khiến các xương má vỡ vụn. Khiến bộ não nhỏ của hắn bị giập tương đối. Hai chân của Béo

nhũn ra và hấn sụp xuống sàn như con rối bị cắt dây. Như một con bò trong lò mổ. Đầu tên này đập mạnh xuống sàn bê tông.

Tôi chăm chăm nhìn quanh đám còn lại. Chúng đang bận đánh giá đẳng cấp của tôi.

"Thằng nào tiếp đây?" tôi lên tiếng. "Nhưng bây giờ vụ này giống như Vegas, hoặc là đặt cửa gấp đôi hoặc là bỏ. Thằng này sẽ đi bệnh viện, có lẽ đeo mặt nạ sắt sáu tuần. Thế nên thằng tiếp theo sẽ nằm viện mười hai tuần, bọn mày hiểu chứ? Vài khuỷu tay bị gãy, phải không? Vậy tiếp theo là thằng nào?"

Không có câu trả lời. Tôi chỉ gã đeo kính râm.

"Đưa áo len đây, cu béo," tôi bảo.

Gã khom người nhặt cái áo len lên. Đưa cho tôi. Cúi người đưa chiếc áo ra. Không muốn lại gần quá. Tôi cầm chiếc áo ném lên giường của Hubble.

"Đưa tao cái kính," tôi tiếp.

Kính râm khom người vợ lấy chiếc gọng kính vàng đã méo mó. Đưa cho tôi. Tôi ném trả lại gã.

"Nó bị vỡ rồi, cu béo," tôi nói. "Đưa cho tao kính của mày."

Có một khoảng ngập ngừng dài. Kính râm nhìn tôi. Tôi nhìn gã. Không hề chớp mắt. Hấn bỏ kính của mình ra đưa cho tôi. Tôi bỏ vào túi.

"Giờ thì tổng cái xác này ra khỏi đây", tôi lệnh.

Đám đàn ông mặc đồng phục màu cam đeo khăn đỏ kéo thẳng hai chân đã mềm nhũn rồi kéo tay to con đi. Tôi bò trở lại giường mình. Người tôi vẫn còn run lên vì adrenalin tăng đột ngột. Dạ dày co thắt, tôi thì thở hổn hển. Máu huyết tôi vừa mới ngừng chảy. Tôi cảm thấy thật kinh khủng. Nhưng nếu tôi không làm như vừa rồi thì sẽ còn tệ hơn. Nếu không thì đến lúc này chúng đã xong việc với Hubble và bắt đầu với tôi.

Tôi không ăn sáng. Không buồn ăn. Tôi chỉ nằm trên giường cho tới khi thấy khá hơn. Hubble ngồi trên giường mình. Anh ta lắc tới lắc lui. Anh chàng vẫn chưa nói gì. Một lúc sau, tôi tụt xuống sàn. Rửa mặt ở chậu. Ai đi qua cửa là lại nhìn vào. Rồi lại bước đi chỗ khác. Thế giới vừa quay thật nhanh. Gã mới đến trong buồng giam cuối cùng đã cho một thằng Trai Đỏ phải nhập khẩu vào bệnh viện. Cứ kiểm tra xem. Tôi đã là người nổi tiếng rồi đấy.

Hubble dừng lắc lư và nhìn tôi. Hé miệng rồi lại ngậm vào. Hé miệng lần thứ hai.

"Tôi không chịu được thế này", anh ta cất tiếng.

Đây là lời đầu tiên tôi nghe người này nói tính từ lúc anh ta đùa trên loa điện thoại của Finlay.

Giọng của Hubble thấp, nhưng lời tuyên bố của anh ta thì rõ ràng. Không phải lời than vãn, rên rỉ mà là một tuyên bố nêu lên một thực tế. Anh ta không chịu được thế này. Tôi nhìn về phía Hubble. Suy nghĩ về lời nói của anh chàng một lúc lâu.

"Thế tại sao anh ở đây?" tôi hỏi. "Anh đã làm gì?"

"Tôi chẳng làm gì hết", Hubble đáp. Trống rỗng.

"Anh đã thú nhận làm việc gì đó mà thực ra anh không làm", tôi nói. "Anh tự rước chuyện này vào thân!"

"Không," Hubble đáp. "Tôi đã làm điều tôi nói. Tôi đã làm việc ấy, tôi đã nói với viên thám tử."

"Vớ vẩn, Hubble," tôi nói. "Anh không có mặt ở đó. Anh đã có mặt ở một bữa tiệc. Người đã lái xe đưa anh về nhà là cảnh sát, ơn Chúa. Anh không làm việc ấy, anh biết thế, và mọi người biết thế. Đừng có đưa chuyện ấy ra với tôi."

Hubble nhìn xuống sàn. Suy nghĩ một lúc.

"Tôi không thể giải thích được," anh chàng nói. "Tôi không thể nói gì về chuyện đó. Tôi chỉ muốn biết tiếp theo chuyện gì sẽ xảy ra."

Tôi lại nhìn Hubble.

"Tiếp theo chuyện gì sẽ xảy ra á?" tôi hỏi. "Anh sẽ ở đây tới tận sáng thứ Hai rồi anh sẽ trở lại Margrave. Rồi tôi nghĩ là người ta sẽ thả anh."

"Họ sẽ thả sao?" anh chàng nói. Như thể tay này đang tranh cãi với chính mình.

"Anh đã không có mặt ở đó," tôi nhắc lại. "Họ biết điều ấy. Có lẽ họ muốn biết tại sao anh thú tội trong khi anh đã không làm gì hết. Và họ muốn biết vì sao người kia có số điện thoại của anh."

"Nếu tôi không thể nói cho họ biết thì sao?"

"Không thể hay là không?" tôi hỏi.

"Tôi không thể nói cho họ," Hubble đáp. "Tôi không thể nói gì cho ai cả."

Anh chàng nhìn đi nơi khác và run lên. Rất sợ.

"Nhưng tôi không thể ở lại đây", anh ta nói. "Tôi không chịu nổi."

Hubble là tay làm trong ngành tài chính. Họ tung danh thiếp ghi số điện thoại như tung hoa giấy. Nói chuyện về các quỹ rủi ro hay các thiên đường trốn thuế đối với bất kỳ ai họ gặp. Bất kỳ điều gì để luân chuyển theo cách riêng của họ những tờ đô la mà kẻ khác khó nhọc mới kiếm được. Nhưng số điện thoại này lại in trên một mẫu giấy in. Không in trên danh thiếp. Và lại giấu trong một chiếc giày chứ không nhét trong ví. Và làm nền cho câu chuyện là nỗi sợ hãi đang tuôn ra từ anh chàng này.

"Tại sao anh không thể nói cho ai cả?" tôi hỏi Hubble.

"Bởi vì tôi không thể", anh ta đáp. Và không nói gì thêm.

Đột nhiên tôi thấy mệt lử. Hai mươi bốn giờ trước tôi đã nhảy xuống một chiếc xe của hãng Greyhound ở giao lộ và bước theo một con đường mới. Hạnh phúc sai những bước dài trong cơn mưa ẩm áp buổi sáng. Tránh tiếp xúc với người khác, tránh dây dưa vào chuyện của người ta. Không hành lý, không rắc rối. Tự do. Tôi không muốn tự do của mình bị phá ngang bởi Hubble, Finlay hay người đàn ông đáng cao nào đó bị bắn vào cái đầu trọc. Tôi chẳng muốn thế tẹo nào. Tôi chỉ muốn chút yên bình, tĩnh lặng và đi tìm Blake Mù. Tôi muốn tìm một ông già tám mươi ở một quán bar nào đó có thể nhớ Blake. Tôi nên nói chuyện với ông già quét tù chứ không phải Hubble. Gã công tử khốn kiếp.

Anh chàng đang suy nghĩ rất lung. Tôi có thể thấy ý Finlay muốn nói. Tôi chưa bao giờ thấy ai thể hiện rõ là đang suy nghĩ như vậy. Miệng Hubble mấp máy không thành tiếng, anh ta vận vẹo các ngón tay. Kiểu như anh chàng đang tính toán thiệt hơn. Cân nhắc mọi thứ. Tôi quan sát Hubble. Tôi xem anh ta ra quyết định. Anh chàng xoay sang nhìn tôi.

"Tôi cần lời khuyên", anh ta nói. "Tôi đang gặp rắc rối."

Tôi bật cười với Hubble.

"Chà, đúng là điều ngạc nhiên," tôi nói. "Chẳng bao giờ tôi đoán ra điều này. Tôi nghĩ anh có mặt ở đây do anh đã chán chơi gôn vào kỳ nghỉ cuối tuần đấy."

"Tôi cần được giúp đỡ," anh ta nói.

"Anh đã có toàn bộ sự giúp đỡ anh sẽ cần đến", tôi nói. "Nếu không có tôi thì bây giờ anh đã đang khom lưng trên giường và ngoài cửa là một dãy những tay to con đứng chờ tới lượt mình. Và chính xác thì cho tới giờ anh vẫn chưa làm tôi choáng ngợp bởi sự biết ơn về chuyện ấy."

Hubble nhìn xuống một lúc. Gật đầu.

"Xin lỗi", anh ta nói. "Tôi rất biết ơn. Tin tôi đi, thật đấy. Ông đã cứu mạng tôi. Ông đã để tâm tới tôi. Đó là lý do ông phải nói cho tôi biết phải làm gì. Tôi đang bị đe dọa."

Tôi để cho lời tiết lộ ấy ở yên một lúc.

"Tôi biết thế," tôi nói. "Điều đó rõ lắm."

"Nhưng không chỉ có tôi đâu," Hubble nói. "Cả gia đình tôi nữa."

Anh chàng đang lôi tôi vào cuộc. Tôi nhìn anh ta. Hubble lại bắt đầu suy nghĩ. Miệng anh ta đang mấp máy. Anh ta kéo các ngón tay. Hai mắt đảo sang trái rồi lại phải. Như thể ở đây có một đồng lý do và ở kia là một đồng lý do khác. Đồng nào lớn hơn?

"Anh có gia đình không?" Hubble hỏi tôi.

"Không," tôi đáp. Tôi còn có thể nói gì khác? Cha mẹ tôi đều mất cả rồi. Tôi có một ông anh trai đang ở một nơi tôi chưa bao giờ biết. Thế nên tôi không có gia đình. Cũng không biết là tôi muốn có gia đình hay không. Có thể có, có thể không.

"Tôi đã lập gia đình mười năm rồi," Hubble nói. "Tháng trước là tròn mười năm. Tổ chức một bữa tiệc lớn. Tôi có hai đứa con. Con trai chín tuổi, con gái bảy tuổi. Vợ tuyệt vời, con tuyệt vời. Tôi yêu vợ con vô cùng."

Đó là lời thực lòng. Tôi có thể thấy điều đó. Hubble đột ngột im lặng. Mơ màng khi nghĩ về gia đình mình. Tự hỏi làm thế quái nào anh ta lại vào đây mà không có họ. Anh ta không phải kẻ đầu tiên ngồi trong buồng giam này băn khoăn về điều ấy. Và anh ta sẽ không phải người cuối cùng.

"Chúng tôi có chỗ ở đẹp," Hubble nói. "Ở Beckman Drive. Mua cách đây năm năm. Mất rất nhiều tiền, nhưng chỗ đó cũng xứng. Ông biết phố Beckman không?"

"Không," tôi lại nói. Anh chàng đang sợ nên không dám đi thẳng vào vấn đề. Chẳng mấy chốc anh ta đã nói cho tôi nghe về giấy dán tường trong buồng vệ sinh ở tầng dưới.

Và cách anh ta dự định thanh toán tiền chính răng cho con gái mình. Tôi để cho Hubble nói. Chuyện trong tù mà.

"Dù gì đi nữa," rốt cuộc anh chàng kết luận. "Giờ thì mọi thứ đang tan vỡ."

Hubble ngồi đó trong chiếc áo phông cổ bẻ và quần vải cotton chéo. Anh ta đã nhặt chiếc áo len trắng lên quàng trở lại vai. Khi không đeo kính, người này trông già hơn, dờ dẫm hơn. Với những người đeo kính, khi không đeo thì họ luôn trông không tập trung, dễ tổn thương. Bị phơi ra. Một lớp vỏ bị bóc đi. Hubble trông như một ông già mệt mỏi. Một chân đẩy về phía trước. Tôi có thể trông thấy đế giày có hoa văn của anh ta.

Điều Hubble gọi là mối đe dọa là gì? Một hình thức bị phơi bày hay mất thể diện chăng? Hay thứ gì đó có thể thổi bay cuộc sống hoàn hảo ở Beckman Drive mà anh ta đã mô tả? Có thể vợ anh chàng dính líu vào chuyện gì đó. Có thể anh ta đang che giấu cho cô ta. Có thể cô ta lòng thòng với tay cao lớn đầu trọc đã chết. Có thể là nhiều chuyện. Có thể là bất kỳ chuyện gì. Có thể gia đình Hubble bị đe dọa bởi nguy cơ mất danh dự, phá sản, bị làm như nhúc nhích hoặc bị tước tư cách thành viên câu lạc bộ nông thôn. Tôi suy nghĩ mãi mà không luận ra được. Tôi không sống trong thế giới của Hubble. Tôi không có cùng nguồn thông tin và cách nhìn nhận như anh ta. Tôi đã trông thấy anh ta run cầm cập vì sợ hãi. Nhưng tôi không biết phải thế nào mới khiến anh chàng sợ hãi như thế. Hoặc thế nào là đủ khiến anh ta như thế. Khi mới tới đồn, Hubble trông khó chịu và kích động. Kể từ lúc ấy thì thoảng anh ta run rẩy, tê liệt, mắt nhìn đăm đăm vì sợ hãi. Đôi lúc cam chịu và thụ động. Rõ ràng là rất sợ điều gì đó. Tôi tựa vào tường buồng giam, chờ anh ta nói cho tôi biết điều đó là gì.

"Chúng đe dọa tôi," Hubble nhắc lại. "Nếu tôi nói cho bất kỳ ai chuyện gì đang diễn ra, chúng nói chúng sẽ đột nhập vào nhà tôi. Quay hết chúng tôi lại. Trong phòng ngủ của tôi. Chúng bảo chúng sẽ đóng đinh tôi vào tường và cắt rời hai quả cà. Bắt vợ tôi ăn. Rồi chúng sẽ rạch họng chúng tôi. Chúng bảo chúng sẽ bắt hai đứa con chúng kiến và rồi sau khi chúng tôi chết, chúng sẽ giở những trò chúng tôi không bao giờ biết với hai đứa trẻ."

"Vậy tôi nên làm gì?" Hubble hỏi tôi. "Là ông thì ông sẽ làm gì?"

Anh chàng đang chăm chăm nhìn tôi. Chờ đợi câu trả lời. Tôi sẽ làm gì? Nếu kẻ nào đe dọa tôi như thế, kẻ đó sẽ chết. Tôi sẽ xé xác chúng ra. Ngay lúc chúng nói hoặc nhiều ngày, nhiều tháng hay nhiều năm sau đó. Tôi sẽ truy đuổi chúng đến cùng và xé xác chúng ra. Nhưng Hubble không thể làm thế. Anh ta còn có gia đình. Ba người đang chờ trở thành con tin. Ba người đã bị bắt làm con tin. Ngay khi lời đe dọa được đưa ra.

"Tôi nên làm gì đây?" Hubble hỏi tôi lại lần nữa.

Tôi cảm thấy áp lực. Tôi phải nói điều gì đó. Và trán tôi lại đau. Sau cú va chạm khủng khiếp với mặt Trai Đỏ, nó đang sưng vều lên. Tôi bước tới song sắt và liếc dọc dãy buồng giam. Tựa người vào cuối giường. Suy nghĩ một lúc. Và tìm thấy câu trả lời hợp lý duy nhất. Nhưng không phải câu trả lời Hubble muốn nghe.

"Anh chẳng làm gì được đâu," tôi bảo. "Chúng đã ra lệnh cho anh câm miệng, vậy thì anh hãy im lặng. Đừng nói với bất kỳ ai chuyện gì đang diễn ra. Đừng bao giờ."

Hubble nhìn xuống chân. Gục đầu vào hai bàn tay. Buồng một tiếng rên rỉ vô cùng khổ sở. Như thể anh ta bị nổi thất vọng nghiền nát.

"Tôi phải nói chuyện với ai đó," anh chàng nói. "Tôi phải thoát khỏi chuyện này. Tôi nói thật đấy, tôi phải thoát ra. Tôi phải nói chuyện với ai đó."

Tôi lắc đầu với Hubble.

"Anh không thể làm thế", tôi bảo. "Chúng đã lệnh cho anh không nói gì, thế thì đừng nói gì. Làm thế các người sẽ được sống. Anh và gia đình mình",

Hubble ngược lên. Run cầm cập.

"Một chuyện rất khủng khiếp đang diễn ra," anh chàng nói. "Tôi phải ngăn chuyện đó lại nếu có thể."

Tôi thêm một lần lắc đầu. Nếu một chuyện rất khủng khiếp đang diễn ra quanh những kẻ đã đưa ra những lời đe dọa thế kia, Hubble sẽ không bao giờ ngăn lại được. Anh ta đã bị lôi vào cuộc, và sẽ phải ở trong cuộc. Tôi dành cho Hubble một nụ cười héo hắt và lắc đầu lần thứ ba. Anh chàng gật đầu như đã hiểu. Như thể rốt cuộc anh ta đã chấp nhận tình thế. Hubble lại lắc lư chăm chăm nhìn vào tường. Hai mắt anh ta mở to. Đỏ và lờ đờ khi không đeo kính. Hubble ngồi yên lặng một lúc lâu.

Tôi không thể hiểu được lời thú nhận ấy. Lẽ ra Hubble nên ngậm miệng mới phải. Anh ta lẽ ra nên phủ nhận bất kỳ mối liên quan nào tới người đàn ông đã chết. Nên nói rằng anh ta không biết vì sao số điện thoại của mình viết ở mẫu giấy trong giày ông ta. Nên bảo rằng anh ta không biết Pluribus là gì. Thế là anh ta đã có thể về nhà.

"Hubble này!" tôi gọi. "Tại sao anh lại thú tội?"

Anh chàng ngược lên. Đợi một lúc lâu mới trả lời.

"Tôi không thể trả lời câu ấy," anh ta nói. "Tôi đã nói cho ông quá nhiều".

"Tôi đã biết quá nhiều rồi," tôi nói. "Finlay đã hỏi về nạn nhân và Pluribus, anh đột ngột trở nên giận dữ. Thế nên tôi biết rằng có mối liên hệ giữa anh với nạn nhân dù Pluribus có là gì đi nữa."

Hubble chăm chăm nhìn tôi. Có vẻ mơ hồ.

"Finlay là tay thám tử da đen à?" anh ta hỏi.

"Đúng," tôi nói. "Finlay. Đội trưởng thám tử."

"Ông ấy là người mới," Hubble nói. "Trước đây tôi chưa bao giờ gặp. Đội trưởng trước giờ vẫn là Gray. Ông ấy làm ở đó nhiều năm rồi, từ hồi tôi còn bé. Chỉ có duy nhất một thám tử, ông biết đấy, tôi không hiểu vì sao người ta gọi là đội trưởng thám tử trong khi chỉ có một người. Cả đồn cảnh sát chỉ có tám người. Đồn trưởng Morrison, ông ấy đã làm nhiều năm, rồi người làm văn phòng, bốn cảnh sát mặc sắc phục, một phụ nữ, và thám tử là Gray. Thám tử duy nhất bây giờ là Finlay. Người mới. Người da đen, người da đen đầu tiên ở đồn của thị trấn chúng tôi. Gray tự sát, ông biết đấy. Treo cổ lên xà ga ra. Tôi nghĩ là hồi tháng Hai vừa rồi",

Tôi mặc cho Hubble làm nhảm. Chuyện trong tù mà. Việc đó giúp giết thời gian. Đó là mục đích của nó. Hubble giỏi việc ấy. Nhưng tôi vẫn muốn anh ta trả lời câu hỏi của mình. Trán đau, tôi muốn chườm nước lạnh lên. Tôi muốn đi bộ loanh quanh một lát. Tôi cũng muốn ăn. Tôi muốn uống cà phê. Tôi chờ đợi mà không chú tâm nghe trong khi Hubble làm nhảm hết phần lịch sử của thị trấn Margrave. Đột nhiên anh chàng ngừng lại.

"Ông đang hỏi tôi gì ấy nhỉ?" anh ta hỏi.

"Tại sao anh thú nhận đã giết người đàn ông?" tôi lặp lại.

Hubble ngó quanh. Rồi nhìn thẳng vào tôi.

"Có một mối liên hệ," anh ta nói. "Đó là toàn bộ những gì có thể nói ra một cách an toàn vào lúc này. Viên thám tử nhắc đến người đàn ông rồi sử dụng từ Pluribus, khiến tôi nhảy dựng lên. Tôi giật mình. Tôi không thể tin rằng ông ấy biết mối liên hệ. Rồi tôi nhận thấy ông ấy không biết rằng có mối liên hệ, giật mình cũng có nghĩa là tôi đã nói với ông ấy điều đó. Ông hiểu chứ? Tôi đã để lộ. Tôi nghĩ mình đã làm lộ bí mật. Tôi không được phép để lộ, chúng đã dặn tôi thế."

Hubble nói nhỏ dần rồi im lặng. Cảm giác sợ hãi và hoảng loạn anh ta đã trải qua trong phòng Finlay đang trở lại. Anh ta ngược lên lần nữa. Hít một hơi sâu.

"Tôi rất sợ," Hubble nói. "Nhưng rồi viên thám tử bảo rằng người kia đã chết. Ông ấy bị bắn chết. Tôi trở nên khiếp sợ bởi nếu chúng đã giết ông ấy thì có thể chúng cũng giết tôi. Tôi không thể nói thật với ông vì sao. Nhưng có mối liên hệ, như ông đã luận ra. Chúng đã tóm đúng ông ta, điều ấy cũng có nghĩa là chúng sẽ tóm được tôi chứ? Hay là không phải thế? Tôi phải nghĩ ra. Tôi còn chẳng biết chắc chắn kẻ nào đã giết ông ta. Nhưng rồi viên thám tử nói cho tôi về sự hung bạo. Ông ấy đã kể cho ông rồi chứ?"

Tôi gật đầu.

"Những vết thương hả?" tôi hỏi. "Nghe thật kinh khủng."

"Vâng," Hubble nói. "Và điều ấy chứng tỏ đó đúng là kẻ tôi nghĩ. Thế nên tôi sợ hãi thật sự. Lúc ấy tôi nghĩ liệu có phải chúng cũng đang tìm tôi? Hay là không? Tôi chỉ không biết thôi. Tôi hoảng sợ. Tôi suy nghĩ rất lâu. Chuyện cứ xoay đi xoay lại trong đầu. Viên thám tử thì phát điên. Tôi chẳng nói gì vì tôi mãi nghĩ ngợi. Dường như suốt mấy giờ liền. Tôi rất sợ, ông biết chứ?"

Hubble lại rơi vào im lặng. Đầu anh ta điềm lại hết các sự kiện một lần nữa. Có lẽ tới lần thứ một ngàn rồi, cố gắng tìm hiểu xem liệu quyết định của mình có đúng không.

"Tôi chợt nghĩ ra mình phải làm gì," anh chàng nói. "Tôi có ba vấn đề. Nếu chúng đang bám theo tôi, tôi phải tránh chúng. Lẩn trốn ấy, ông hiểu chứ? Để bảo vệ bản thân. Nhưng nếu chúng không bám theo thì tôi phải giữ im lặng, đúng không? Để bảo vệ vợ con tôi. Và theo quan điểm của chúng thì cần bắn chết người đàn ông ấy. Ba vấn đề. Thế nên tôi thú tội"

Tôi không hiểu được lý luận của Hubble. Cách anh ta giải thích cho tôi không hợp lý lắm. Tôi trần trối nhìn anh chàng.

"Ba vấn đề riêng rẽ phải không?" anh ta hỏi. "Tôi đã quyết định để cho cảnh sát bắt giữ. Như thế tôi sẽ được an toàn nếu chúng đang bám theo. Bởi trong này chúng sẽ không thể chạm tới tôi, đúng không? Chúng đang ở ngoài kia còn tôi ở đây. Như vậy vấn đề thứ nhất đã được giải quyết. Nhưng tôi cũng nghĩ, đây là vấn đề phức tạp, nếu thực sự chúng chẳng hề bám theo tôi thì tại sao tôi không để bị bắt giữ nhưng chẳng hề khai gì về chúng? Chúng sẽ nghĩ rằng tôi bị bắt một cách vô tình hay vì lý do gì khác, và chúng thấy rằng tôi không khai. Chúng hiểu, đúng không? Điều đó chứng tỏ rằng tôi an toàn. Kiểu như chứng minh rằng tôi đáng tin. Một hình thức chứng minh. Dạng thử thách hay đại loại thế. Như thế thì vấn đề thứ hai được giải quyết. Và việc tuyên bố rằng tôi thực sự là hung thủ dường như hoàn toàn đặt tôi về phía chúng. Giống như tuyên bố trung thành, đúng không? Tôi nghĩ có thể chúng thấy cảm kích vì tôi đã lái cuộc điều tra sang hướng khác trong một thời gian. Như thế thì vấn đề thứ ba được giải quyết".

Tôi chăm chăm nhìn Hubble. Không có gì nghi ngờ khi anh chàng cảm như hén và nghĩ như điên suốt bốn mươi phút lúc trong phòng cùng Finlay. Một mũi tên trúng ba con chim. Đó là điều anh ta đã nhắm tới.

Phần liên quan tới việc chứng minh rằng anh ta có thể tin tưởng được, không tuôn hết mọi chuyện ra thì phần này ổn. Dù là ai đi nữa, chúng cũng sẽ nhận thấy điều ấy. Một thời gian trong tù mà không hề hé răng là nghi lễ vượt qua thử thách. Là một tấm huân chương. Rất có lý. Tư duy tốt đấy, Hubble.

Nhưng không may là phần còn lại thì rất kém chắc chắn.

Ở đây chúng không thể chạm tới anh ta chẳng? Chắc hẳn anh chàng nói đùa. Để khử một người, không nơi nào trên thế giới tốt hơn trong nhà tù. Ta biết hắn ở đâu, ta có đủ thời gian cần thiết. Rất nhiều kẻ sẽ làm điều đó cho ta. Rất nhiều cơ hội. Lại rẻ nữa. Một vụ xử thuê trên phố mất bao nhiêu? Một ngàn hai ngàn đô? Cộng thêm rủi ro nữa. Trong tù thì chỉ mất một cây thuốc lá. Cộng với việc không có rủi ro. Bởi chẳng ai nhận ra. Không, nhà tù chẳng phải nơi nương náu an toàn. Tư duy tồi lắm, Hubble. Và còn một khiếm khuyết nữa.

"Anh sẽ làm gì vào thứ Hai?" tôi hỏi anh chàng. "'Anh sẽ trở về nhà, làm việc gì đó còn tùy anh. Anh sẽ đi dạo quanh Margrave hay Atlanta hay bất kỳ nơi nào anh hay dạo quanh. Nếu chúng bám theo anh, khi ấy chúng có tóm anh không?"

Hubble lại khởi động tư duy. Lại suy nghĩ như điên. Trước đây anh ta đã không nghĩ xa lắm.

Lúc buổi chiều thì hoảng loạn đến mù quáng. Xử lý việc hiện tại. Không phải nguyên tắc tồi. Trừ một việc là tương lai cũng sẽ sớm trải ra và cần xử lý.

"Tôi hy vọng có được điều tốt nhất," Hubble nói. "Tôi đã cảm thấy rằng nếu chúng muốn tóm tôi, có thể một lúc là chúng sẽ bớt nóng. Tôi rất có ích cho chúng. Tôi hy vọng chúng sẽ nghĩ về điều đó. Bây giờ tình hình rất căng thẳng. Nhưng chuyện sớm dịu lại thôi. Có lẽ tôi sẽ vượt qua chuyện này. Chúng tóm tôi thì cứ để chúng tóm. Tôi không còn quan tâm nữa. Gia đình mới là điều tôi lo lắng".

Anh chàng ngừng lại và nhún vai. buông một tiếng thở dài. Không phải một tay tôi tề. Anh ta không chọn trở thành một tên tội phạm lớn. Chuyện diễn ra mà Hubble không hay biết. Nó hút anh ta vào nhẹ nhàng đến nỗi anh ta không nhận thấy. Cho đến khi anh ta muốn thoát ra. Nếu gặp may lắm thì chúng sẽ chờ cho Hubble chết hẳn mới cho toàn bộ xương của anh ta nát bét.

"Vợ anh biết được đến đâu?" tôi hỏi.

Hubble liếc qua. Khuôn mặt hiện lên sự kinh hoàng "Chẳng gì hết," anh chàng nói. "Hoàn toàn không gì hết. Tôi đã không kể bất kỳ điều gì với cô ấy. Không điều gì Tôi không thể. Đó là bí mật của riêng tôi. Không ai khác biết chuyện đó, một chút cũng không."

"Anh sẽ phải nói với cô ấy một điều", tôi nói. "Chắc chắn cô ấy đã nhận ra rằng anh không ở

nhà, thay nước bể bơi hay làm việc gì đó anh vẫn làm vào cuối tuần",

Tôi cố gắng làm cho tình hình sáng sủa hơn nhưng không thành công. Hubble im lặng. Lại mơ màng với ý nghĩ về khoảng sân sau nhà trong ánh nắng đầu thu. Có lẽ vợ anh ta đang bận bịu với mấy khóm hồng hay việc gì đó. Hai đứa con đang vừa chạy qua chạy lại vừa hò hét. Có khi họ nuôi một con chó. Và một ga ra chứa được ba xe với vài chiếc sedan của châu Âu đang chờ lau rửa. Một khung bóng rổ phía trên cửa giữa đang đợi đứa trẻ chín tuổi lớn lên đủ sức khỏe để dúi trái bóng nặng vào đó. Một lá cờ trên hiên. Những chiếc lá rụng ban sáng chờ người quét đi. Cuộc sống gia đình vào một ngày thứ Bảy. Nhưng không phải thứ Bảy này. Không phải với con người này.

"Có lẽ cô ấy sẽ nghĩ tất cả do nhầm lẫn", Hubble nói. "Có thể người ta đã nói với cô ấy, tôi chẳng biết. Chúng tôi quen một cảnh sát, Stevenson ấy. Anh trai tôi lấy em vợ anh ấy. Không biết anh ấy đã nói với vợ tôi chưa. Tôi nghĩ thứ Hai tôi sẽ xử lý chuyện ấy. Tôi sẽ nói rằng đó là sự nhầm lẫn ghê gớm. Cô ấy sẽ tin. Mọi người đều biết là vẫn hay có nhầm lẫn mà."

Suy nghĩ của Hubble đang bật ra thành lời.

"Hubble?" tôi nói. "Cái ông cao kều ấy đã làm gì với chúng đến nỗi bị bắn vào đầu?"

Hubble đứng lên tựa vào tường. Đặt một chân lên mép bồn cầu thép. Nhìn tôi. Không trả lời. Bây giờ là câu hỏi lớn.

"Còn anh thì sao?" tôi hỏi Hubble. "Anh đã làm gì với chúng đến mức phải bị bắn vào đầu?"

Anh ta không trả lời. Sự im lặng trong buồng giam chúng tôi thật kinh khủng. Tôi để nó lan ra xung quanh một lúc. Không thể nghĩ ra điều gì nữa để nói. Hubble gõ giày vào bồn cầu kim loại. Một giai điệu khe khẽ hơi rung. Nghe như một đoạn khúc của Bo Diddley (*Bo Diddley (1928 - 2008): được coi là người tiên phong của dòng nhạc rock and roll*)

"Anh đã bao giờ nghe nói tới Blake Mù chưa?" tôi hỏi.

Hubble ngừng gõ giày nhìn lên.

"Ai kia?" anh ta lơ đãng hỏi.

"Mà thôi, chẳng quan trọng," tôi nói. "Tôi sẽ tìm buồng tắm. Tôi cần chườm khăn ướt lên đầu. Đang đau."

"Tôi chẳng ngạc nhiên", Hubble nói. "Tôi sẽ đi cùng ông."

Anh ta lo lắng nên không muốn bị bỏ lại một mình. Có thể hiểu được. Tôi là người trông nom anh ta trong kỳ cuối tuần. Chẳng phải vì tôi có bất kỳ kế hoạch nào khác.

Chúng tôi đi dọc dãy buồng giam tới một khoảng không gian mở ở cuối dãy. Tôi trông thấy cửa chống cháy mà đêm qua Spivey đã đi qua. Đằng xa có một ô cửa lát đá. Trên cửa có một chiếc đồng hồ. Gần 12 giờ trưa. Đồng hồ trong tù là điều kỳ lạ. Tại sao lại đo theo phút và giây trong khi người ta nghĩ theo năm và thập kỷ?

Lối vào lát đá đã đầy người. Tôi len qua, Hubble theo sau, tới một phòng lớn hình vuông, lát đá. Mùi thuốc khử trùng rất mạnh. Lối đi nằm sát một bên tường. Bên trái là một dãy bồn tắm đứng. Để mở. Bức tường phía sau là một dãy buồng vệ sinh. Phía trước để mở, ngăn cách nhau bằng các tấm chắn cao ngang hông. Tường bên phải là một hàng bồn rửa. Rất có tính tập thể. Chẳng vấn đề gì lắm nếu cả đời ta đã sống trong quân đội, nhưng Hubble thì không vui. Đó là kiểu anh ta không quen chút nào.

Tất cả đồ đều bằng thép. Mọi thứ thông thường bằng sứ ở đây đều bằng thép. Để đảm bảo an toàn. Một chiếc bồn rửa bằng sứ đập ra sẽ tạo thành nhiều mảnh nhọn sắc. Một mảnh sắc có cỡ phù hợp sẽ là món vũ khí tốt. Cũng vì lý do ấy mà những chiếc gương phía trên bồn rửa đều là các tấm

thép đánh bóng. Hơi tối một chút nhưng vẫn đáp ứng được mục đích sử dụng. Ta có thể soi thấy mình trong đó nhưng không thể đập ra lấy một mảnh thọc vào người kẻ khác.

Tôi bước tới một bồn rửa mở vòi nước lạnh. Lấy một nắm giấy lau từ hộp ra nhúng ướt. Đắp lên chỗ trán sưng. Hubble đứng đó chẳng làm gì. Tôi giữ chỗ giấy ướt một lúc rồi lấy thêm. Nước chảy xuống mặt tôi. Cảm thấy dễ chịu. Không có chấn thương thực sự. Ở đó không có thịt, chỉ có da ngoài xương cứng. Có gì đâu để mà bị thương, và cũng không thể vỡ. Một đường cung hoàn hảo, một kết cấu chắc khỏe nhất của tự nhiên. Đó là lý do tôi tránh đánh bất kỳ thứ gì bằng tay. Tay rất dễ gãy. Tất cả các loại xương nhỏ và gân ở đó. Một cú đấm đủ mạnh để hạ gã Trai Đỏ ấy sẽ khiến bàn tay tôi gập gãy. Tôi sẽ cùng hấn vào bệnh viện. Làm thế chẳng có lợi mấy.

Tôi chấm khô mặt rồi tựa sát tấm gương thép để kiểm tra chỗ đau. Không tệ. Tôi dùng ngón tay chải tóc. Lúc tựa vào bồn rửa tôi có thể cảm nhận được cái kính râm trong túi. Cái kính của gã Trai Đỏ. Chiến lợi phẩm. Tôi lấy đeo vào. Chăm chú nhìn vào hình ảnh mờ mờ của mình.

Khi mãi mê trước gương, tôi thấy có thứ gì chuyển động phía sau. Tôi nghe tiếng cảnh báo ngắn gọn của Hubble liền quay lại. Cái kính râm làm ánh sáng mạnh dịu đi. Nắm gã da trắng đang dàn ngang phòng. Kiểu tay chơi mô tô. Quần áo màu cam, tất nhiên là thế, tay áo bị xé nhiều hơn nhưng lại bổ sung các món đồ đen bằng da. Mũ lưỡi trai, thắt lưng, găng tay không ngón. Râu rậm. Cả năm đều là những gã to lớn, nặng nề, to như những tấm phản hầu hết làm từ cơ bắp nhưng không thực sự thế. Cả năm đều có những hình xăm hung dữ trên mặt và cánh tay. Chữ thập ngược. Ở má, dưới mắt và trên trán. Huynh đệ Aryan. Băng đảng da trắng rác rưởi trong tù. *(Băng đảng bạo lực khét tiếng, có khoảng 15.000 thành viên trong và ngoài các nhà tù của Mỹ)*

Khi năm tên căng ngang phòng, những người khác tản đi. Bất kỳ kẻ nào không hiểu được thông điệp đều bị tóm lấy tổng ra cửa. Ném ra hành lang. Ngay cả anh chàng đang trần truồng đầy bọt xà phòng cũng bị lôi khỏi buồng tắm. Vài giây sau phòng tắm lớn ấy đã chẳng còn ai. Trừ năm tên cười mô tô, Hubble và tôi. Năm tên giãn thành hình cánh cung quanh chúng tôi. Chúng là những tên to lớn xấu xí. Những hình thập ngược trên mặt chúng được xăm. Băng mực.

Tôi cho rằng bọn này đến để tuyển mộ tôi. Bằng cách nào đó đã biết được sự kiện tôi vừa xoi tái một tên Trai Đỏ. Muốn có danh tiếng khác thường của tôi để phục vụ công việc của chúng. Biến nó thành phương tiện để giành chiến thắng trong cuộc chạy đua vào băng đảng. Nhưng tôi lầm. Nhận định của tôi đã sai. Thế nên tôi không có sự chuẩn bị. Tên ở giữa đang ngó qua ngó lại giữa tôi và Hubble. Hai mắt hấn đảo rất nhanh giữa hai người. Chúng dừng lại ở tôi.

"OK, thẳng này đây", hấn nói. Nhìn thẳng vào tôi.

Có hai việc diễn ra. Hai tên cười mô tô ở hai đầu vòng cung tóm lấy Hubble tổng anh chàng ra cửa. Còn tên cầm đầu tung nắm đấm to bự vào mặt tôi. Tôi nhận ra hơi muộn.

Né sang trái, cú đấm trúng vào vai. Cú đòn làm tôi xoay cả người. Bị nắm cổ từ phía sau. Hai bàn tay khổng lồ chụp vào họng tôi. Bóp cổ tôi. Tên cầm đầu tiến thẳng để ra thêm một đòn vào bụng tôi. Nếu dính đòn này, tôi sẽ già từ cuộc sống. Tôi biết điều ấy lắm. Thế nên tôi ngả người về sau và tung đòn chân ra. Giáng mạnh vào hạ bộ tên cầm đầu như thể tôi đang gút một trái bóng ra ngoài sân vận động. Chiếc giày to mua ở Oxford bay tới tên này khá nhanh. Mũi giày nện vào hấn như một chiếc rìu cùn.

Tôi khom vai lại, rướn cổ lên để chống lại kẻ siết cổ mình. Hấn đang bóp mạnh. Tôi không giãy ra được. Tôi đưa tay lên bẻ gãy ngón tay út của hấn. Trong tiếng rú văng cả tai, tôi vẫn nghe thấy tiếng khớp xương gãy. Rồi tôi bẻ ngón nhẫn của tên này. Thêm tiếng gãy. Giống như bẻ xương một con gà. Tên này buông ra. Tên thứ ba xáp vào. Hấn là một núi mỡ chắc nịch. Bao bọc bởi những phiến thịt

nặng nề. Như áo giáp. Không có chỗ để nện hấn. Hấn dồn những đòn thọc ngắn vào cánh tay và ngực tôi. Tôi lùi vào giữa hai bồn rửa. Núi mỡ rắn đang dồn tới. Không có chỗ để nện hấn. Trừ đôi mắt. Tôi thọc một ngón cái vào mắt tên này. Móc ngón tay vào tai hấn và bóp mạnh. Móng ngón cái của tôi khiến con người tên này lệch sang một bên. Tôi thọc mạnh ngón tay vào. Con người gần như bật ra ngoài. Tên này gào thét kéo cổ tay tôi ra. Tôi vẫn tiếp tục.

Tên cầm đầu đang quỳ một gối. Tôi đá mạnh vào mặt hấn. Trượt. Chỉ trúng cổ họng. Làm giập thanh quản. Hấn lại đổ ập xuống sàn. Tôi tiếp tục với con mắt còn lại của tên béo mỡ. Trượt. Tôi tiếp tục với ngón tay cái của mình. Như thể thức nó xuyên qua một miếng bít tết đầy máu. Tên này gục xuống. Tôi xoay người ra khỏi tường. Tên bị bẻ gãy hai ngón tay đang chạy ra cửa. Tên bị móc mắt thì ngồi trên sàn. La hét. Tên cầm đầu đang nghệt thở với dây thanh quản bị giập.

Tôi lại bị tóm từ phía sau. Tôi xoay người tránh đi.

Một tên Trai Đỏ. Hai tên. Tôi xây xẩm mặt mày. Giờ thì tôi sắp thua. Nhưng chúng chỉ tóm lấy tôi đưa ra cửa. Tiếng còi báo động hú lên.

"Ra khỏi đây ngay, anh bạn", hai tên Trai Đỏ hét át tiếng còi báo động. "Đây là việc của bọn tôi. Bọn tôi đã gây ra chuyện này. Hiểu chứ? Cánh Trai Đỏ làm việc này. Chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm, anh bạn."

Chúng vội vã ấn tôi vào đám đông bên ngoài. Tôi đã hiểu. Chúng sẽ nói rằng chúng gây ra chuyện vừa rồi. Không phải bởi chúng muốn bảo vệ tôi khỏi những lời buộc tội. Mà bởi chúng muốn lấy công. Để giành chiến thắng trong cuộc đua kia.

Tôi trông thấy Hubble đang nhảy lơi chơi trong đám đông. Tôi trông thấy lính gác. Thấy vài trăm người. Tôi thấy Spivey. Tôi tóm lấy Hubble và cả hai chúng tôi vội vàng trở về buồng giam. Còi báo động rú âm ỉ. Lính gác đổ ra từ một cánh cửa. Tôi có thể trông thấy súng trường và dùi cui. Tiếng giày gõ dồn dập. Những tiếng la hét, quát tháo. Tiếng còi. Chúng tôi chạy ào về buồng giam. Lao vào trong. Tôi choáng váng và thở dồn dập. Tôi đã liên tục bị tấn công. Tiếng còi báo động điếc hết cả tai. Không tài nào nói chuyện được. Tôi té nước lên mặt. Cái kính râm đã mất. Chắc chắn đã bị rơi rồi.

Tôi nghe thấy tiếng hét ở cửa. Tôi quay lại thì trông thấy Spivey. Anh ta đang quát lệnh chúng tôi ra ngoài. Rồi lao vào buồng giam. Tôi quơ vội cái áo trên giường. Spivey tóm tay Hubble. Sau đó tóm lấy tôi và lôi hai chúng tôi ra. Anh ta quát lệnh cho chúng tôi chạy. Tiếng còi báo động vẫn rú âm ỉ. Spivey lôi chúng tôi tới cửa dùng trong tình huống khẩn cấp, nơi đám lính gác vừa ủa ra. Đẩy chúng tôi qua cửa đưa lên cầu thang. Lên và lên nữa. Hai lá phổi tôi như bung ra. Ở bậc cầu thang trên cùng có một cánh cửa in số sáu lớn.

Chúng tôi vội vã lao qua đó. Spivey tắt tưới giải chúng tôi dọc theo một hàng buồng giam. Đẩy cả hai vào một buồng còn trống và đóng mạnh cánh cửa sắt. Nó sập lại khóa vào. Spivey chạy đi. Tôi sụp xuống giường, hai mắt nhắm chặt.

Lúc mở mắt ra tôi đã thấy Hubble ngồi trên một chiếc giường nhìn sang. Chúng tôi đang ở trong một buồng rộng. Cỗ lễ rộng gấp đôi buồng giam cũ. Hai chiếc giường riêng rẽ, mỗi bên một chiếc. Một chậu rửa, một bồn cầu. Một bức tường hình thành từ các song sắt. Mọi thứ đều sáng sủa và sạch sẽ hơn. Rất yên tĩnh. Không khí có mùi dễ chịu hơn. Đây là tầng tạm giam. Đây là tầng sáu. Đây là nơi chúng tôi cần ở trong suốt thời gian tạm giam.

"Chuyện quái quỷ gì diễn ra với ông ở đó thế?" Hubble hỏi.

Tôi chỉ nhún vai với anh chàng. Một chiếc xe chở đồ ăn xuất hiện phía ngoài. Có một ông già da trắng kéo xe. Không phải lính gác, người này lớn tuổi rồi. Trông giống ông phục vụ già trên tàu viễn

đương hơn. Ông đẩy một chiếc khay qua khe hình chữ nhật ở bức tường song sắt. Vài đĩa được đẩy lại, vài cốc giấy và một bình giữ nhiệt. Chúng tôi ăn trên giường. Tôi uống toàn bộ cốc cà phê. Rồi tôi dạo quanh buồng giam. Lắc cửa buồng. Cửa đã khóa. Tầng sáu yên tĩnh, bình lặng. Một buồng giam lớn sạch sẽ. Giường riêng. Một chiếc gương. Chăn. Ở trên này tôi thấy khá hơn nhiều.

Hubble xếp đồ vào khay rồi đẩy nó ra hành lang qua phía dưới cửa. Anh ta nằm xuống giường. Kê hai bàn tay xuống dưới đầu. Chằm chằm nhìn lên trần. Giết thời gian. Tôi cũng làm thế. Nhưng tôi suy nghĩ rất nhiều. Bởi dứt khoát bọn chúng đã thực hiện quy trình chọn lựa. Chúng đã quan sát cả hai chúng tôi rất cẩn thận và chọn tôi. Chọn tôi một cách rõ ràng. Và chúng đã cố siết cổ tôi. Chúng có thể đã giết tôi rồi. Trừ một điều. Tên bóp cổ tôi đã mắc sai lầm.

Hắn túm tôi từ phía sau bởi đó là lợi thế của hắn, hắn đủ to lớn và đủ khỏe. Nhưng hắn đã không quặp các ngón tay vào. Cách tốt nhất là đặt hai ngón tay cái lên gáy nhưng quặp các ngón khác vào. Làm việc đó bằng lực của khớp ngón chứ không phải lực của ngón tay. Tên đó đã duỗi thẳng ngón tay. Thế nên tôi có thể với lên mà bẻ gãy. Sai lầm của hắn đã cứu mạng tôi. Chẳng có gì nghi ngờ về điều đó. Ngay sau khi tên đó bị vô hiệu hóa, tình thế trở thành hai đánh một. Và tôi chưa bao giờ gặp khó khăn với những tình huống như thế.

Nhưng đó vẫn là nỗ lực rõ ràng nhằm giết tôi. Chúng đã bước vào, chọn tôi, gắng khử tôi. Và đúng lúc ấy Spivey có mặt bên ngoài nhà tắm. Hắn đã dàn dựng. Hắn đã sử dụng bọn Huynh đệ Aryan để giết tôi. Hắn đã lệnh tấn công và chỉ chờ lao vào xem xác tôi. Hắn đã lên kế hoạch cho việc ấy vào hôm qua, trước mười giờ đêm. Điều đó thì rõ rồi. Đó là lý do hắn không đưa chúng tôi lên đúng tầng. Ở tầng ba chứ không phải tầng sáu. Ở tầng của phạm nhân chứ không phải tầng tạm giam. Mọi người đều biết rằng lẽ ra chúng tôi phải ở tầng sáu rồi. Hai tay gác ở khoang tiếp đón đêm qua đều hoàn toàn nắm rõ điều ấy. Trên tấm bảng ghi méo mó đã viết như vậy. Nhưng lúc mười giờ, Spivey đã bỏ chúng tôi lại ở tầng ba, nơi hắn biết rằng có thể giết tôi. Hắn đã lệnh cho bọn của băng Huynh đệ Aryan tấn công tôi vào lúc mười hai giờ ngày hôm sau. Hắn đã chờ đợi bên ngoài nhà tắm lúc mười hai giờ, sẵn sàng lao vào, sẵn sàng thấy xác tôi nằm trên sàn.

Nhưng rồi kế hoạch của hắn đổ bể. Tôi không bị giết. Bọn của băng Aryan bị hạ. Bọn Trai Đỏ đã xúm lại chớp thời cơ. Lộn xộn nổ ra. Bạo loạn bắt đầu. Spivey hoảng sợ. Hắn bấm chuông báo động và gọi các nhóm trấn áp. Vội vã đưa chúng tôi rời khỏi tầng ấy, lên tầng sáu và bỏ chúng tôi lại đây. Đúng theo chỉ dẫn trong văn bản, tầng sáu là nơi chúng tôi ở trong toàn bộ thời gian tại đây.

Phương án thoát tội khôn khéo. Nó giúp tôi vô can khi cuộc điều tra diễn ra. Cứ theo phương án đó thì chúng tôi chưa khi nào ở dưới kia. Trong tay hắn có vài ca chấn thương nghiêm trọng, thậm chí có thể một tên chết. Tôi cho là tên cầm đầu phải nghẹt thở mà chết rồi. Chắc chắn Spivey biết tôi gây ra chuyện đó. Nhưng bây giờ hắn chẳng thể nào tuyên bố như vậy. Bởi theo hắn, tôi chưa khi nào ở tầng đó.

Tôi nằm trên giường, đăm đăm nhìn lên trần bê tông. Tôi nhẹ nhàng thở ra. Kế hoạch đã rõ. Chẳng có gì nghi ngờ về kế hoạch của Spivey cả. Phương án thoát tội của hắn chặt chẽ. Một kế hoạch bị hủy bỏ, thay vào đó là một kế hoạch thoát tội khôn khéo. Nhưng tại sao chứ? Tôi không hiểu nổi. Cứ cho rằng tên siết cổ tôi đã quặp các ngón tay lại đi. Khi ấy chúng sẽ khử được tôi. Thế thì lúc này tôi chết rồi. Bị bỏ nằm trên sàn nhà tắm, cái lưới sung to thè ra. Spivey sẽ chạy vội vào và thấy tôi. Tại sao nhỉ? Spivey liên quan như thế nào? Hắn chống lại tôi làm gì? Trước đây tôi chưa bao giờ gặp hắn. Chưa bao giờ ở đâu gần hắn hoặc nhà tù khôn kiếp của hắn. Tại sao hắn lại thực hiện một kế hoạch tỉ mỉ để giết tôi? Tôi không thể suy luận ra chuyện ấy.

Hubble ngủ một lát trên chiếc giường đối diện giường tôi. Rồi anh ta cựa người tỉnh giấc. Ngó xung quanh. Thất thần một lúc mới nhớ ra mình đang ở đâu, cố gắng xem giờ bằng đồng hồ đeo tay song chỉ thấy một mảng da nhợt màu nơi chiếc Rolex nặng nề từng nằm. Đẩy vào sống mũi và nhớ rằng mình đã mất cái kính. Thở dài rồi hạ đầu trở lại chiếc gối sọc của nhà tù. Một anh chàng rất khổ sở.

Tôi có thể hiểu được nỗi sợ hãi của Hubble. Nhưng trông anh ta cũng có vẻ của kẻ thất bại. Như thể anh ta vừa gieo xúc xắc và thua cuộc. Như thể anh chàng đã hy vọng điều gì đó diễn ra và nó đã không diễn ra, thế nên bây giờ anh ta lại rơi vào trạng thái tuyệt vọng.

Rồi tôi bắt đầu hiểu ra chuyện đó.

"Nạn nhân đã cố giúp anh, phải không?" tôi nói.

"Tôi không thể nói gì với ông, ông quên rồi à?" anh ta đáp.

"Tôi cần biết", tôi nói. "Có lẽ anh đã tìm tới ông ta để được giúp đỡ. Có lẽ anh đã nói chuyện với ông ta. Có lẽ đó là lý do khiến ông ta bị giết. Có vẻ như giờ anh sẽ nói chuyện với tôi. Việc này cũng có thể khiến tôi bị giết",

Hubble gật đầu, lắc lư người trên giường. Hít một hơi sâu. Nhìn thẳng vào tôi.

"Ông ấy là nhân viên điều tra", anh ta nói. "Tôi đưa ông ấy tới đây bởi tôi muốn toàn bộ chuyện này bị chặn lại. Tôi không muốn dính líu thêm chút nào nữa. Tôi không phải tội phạm. Tôi sợ đến chết và muốn thoát ra. Ông ấy sẽ phá án rồi đưa tôi thoát khỏi rắc rối. Nhưng không hiểu sao ông ấy sơ sẩy, giờ thì ông ấy đã chết và tôi sẽ chẳng bao giờ thoát ra nổi. Và nếu chúng phát hiện ra rằng tôi đã đưa ông ấy tới đây, chúng sẽ giết tôi. Mà nếu chúng không giết tôi, kiểu gì thì tôi cũng sẽ phải ngồi tù cả nghìn năm bởi bây giờ toàn bộ chuyện khôn nạn đã sờ sờ ra và rất nguy hiểm."

"Ông ấy là ai?" tôi hỏi.

"Ông ấy không có tên", Hubble đáp. "Chỉ có bí số. Ông ấy bảo làm thế sẽ an toàn hơn. Không thể tin bọn chúng lại lần ra ông ấy. Tôi thấy ông ấy có vẻ là người có năng lực. Nói thật là ông khiến tôi nhớ đến ông ấy. Tôi thấy ông cũng có vẻ là người có năng lực."

"Ông ấy làm gì ở khu nhà kho đó?" tôi lại hỏi.

Hubble nhún vai và lắc đầu.

"Tôi không hiểu tình huống ấy," anh ta nói. "Tôi cho ông ấy liên hệ với một tay khác, khi ấy ông ấy gặp anh ta ở đó, nhưng tại sao bọn chúng cũng không bắn người còn lại chứ? Tôi không hiểu vì sao chúng chỉ tóm được một trong hai người."

"Người còn lại mà ông ấy gặp là ai?" tôi hỏi.

Hubble dừng lại và lắc đầu.

"Tôi đã cho ông biết quá nhiều rồi", anh chàng bảo. "Tôi điên mất rồi. Chúng sẽ giết tôi mất",

"Những kẻ nào đứng sau chuyện này?" tôi tiếp.

"Ông không nghe à?" Hubble hỏi lại. "Tôi sẽ không nói lời nào nữa đâu."

"Tôi không cần biết tên", tôi nói. "Đây có phải chuyện lớn không?"

"Cực lớn", anh ta đáp. "Chuyện lớn nhất ông từng nghe tới".

"Có bao nhiêu người?"

Anh chàng nhún vai nghĩ về chuyện này. Nhắm tính trong đầu.

"Mười người", anh ta đáp. "Không kể tôi."

Tôi nhìn Hubble và nhún vai.

"Mười người nghe không có vẻ to lớn", tôi nói.

"Này, còn bạn được thuê," Hubble nói. "Khi cần tới là chúng xuất hiện. Ý tôi là thành phần chủ yếu có mười kẻ quanh đây. Mười người biết, không kể tôi. Đây là tình huống rất căng nhưng xin hãy tin tôi, chuyện này lớn đấy",

"Thế còn người anh cử đến gặp nhân viên điều tra thì sao?" tôi hỏi. "Anh ta có nằm trong số mười người chứ?"

Hubble lắc đầu.

"Tôi cũng không tính đến anh ta."

"Vậy là có anh, anh ta và mười người khác à?" tôi hỏi. "Chuyện gì đó lớn hả?"

Anh chàng ừ ừ gật đầu.

"Chuyện lớn nhất ông từng nghe tới", anh ta nhắc lại.

"Và ngay bây giờ thì nó không được bùng nổ kín hả?" tôi hỏi. "Vì sao vậy? Vì nhân viên điều tra này đang dò la hả?"

Hubble lại một lần nữa lắc đầu. Anh chàng quẩn quại như thể bị câu hỏi của tôi giằng xé.

"Không," anh ta nói. "Hoàn toàn vì lý do khác. Giống như một ô cửa dễ bị tấn công bây giờ lại mở rộng. Một nguy cơ bại lộ. Chuyện này rất mạo hiểm, càng lúc càng tồi tệ. Nhưng bây giờ nó có thể diễn ra theo hai cách. Nếu chúng tôi qua được, sẽ chẳng ai biết gì hết. Nhưng nếu chúng tôi không qua được, đó sẽ là vụ chấn động lớn nhất ông từng nghe tới, cứ tin tôi đi. Dù thế nào thì tình hình cũng sẽ rất nguy hiểm."

Tôi nhìn Hubble. Với tôi, anh ta trông không giống một tay có thể gây ra vụ chấn động lớn nhất tôi từng nghe tới.

"Vậy sự việc bao giờ mới im đi?" tôi hỏi anh ta.

"Sắp rồi", Hubble đáp. "Có lẽ một tuần. Tôi cho là một tuần tính từ ngày mai. Đến Chủ nhật tới. Có lẽ tôi sẽ sống để chứng kiến."

"Vậy là qua Chủ nhật tuần sau các anh sẽ không còn bị nguy hiểm nữa hả?" tôi hỏi. "Sao lại thế? Hôm đó sẽ xảy ra chuyện gì?"

Anh chàng lắc đầu quay mặt đi nơi khác. Như thể anh ta không trông thấy tôi, tôi hiện không ở đây đặt câu hỏi với anh ta vậy.

"Pluribus nghĩa là gì?" tôi hỏi tiếp.

Hubble không trả lời. Chỉ tiếp tục lắc đầu. Hai mắt anh ta khép chặt vì sợ hãi.

"Nó là mã của một thứ gì à?" tôi hỏi.

Hubble không trả lời. Cuộc nói chuyện đã chấm dứt. Tôi bỏ cuộc và cả hai trở về trạng thái im lặng. Tôi thấy thế cũng tốt. Tôi không muốn biết thêm chút nào. Tôi không muốn biết gì hết. Làm kẻ ngoài cuộc và biết về công việc của Hubble chẳng phải sự kết hợp khôn ngoan. Điều đó chẳng mang lại gì tốt đẹp cho người đàn ông đầu trọc kia. Tôi không muốn chịu chung số phận với ông ta, chết ở cửa nhà kho, một phần thân thể vùi dưới đồng bìa cứng, hai lỗ đạn ở đầu, toàn bộ xương giập nát. Tôi chỉ muốn mau mau chóng chóng tới thứ Hai để được cuốn gói khỏi đây. Thực ra tôi dự kiến rằng đến Chủ nhật tuần tới là tôi đã hoàn thành một chặng đường dài rồi.

"OK, Hubble," tôi bảo. "Không hỏi nữa."

Anh ta nhún vai và gật đầu. Ngồi yên lặng một lúc lâu. Rồi anh ta cất tiếng khẽ khàng, trong giọng chất chứa sự cam chịu.

"Cảm ơn ông," anh ta nói. "Thế tốt hơn."

Tôi cuộn người trên chiếc giường hẹp, cố gắng thả mình trôi vào trạng thái mơ màng. Nhưng

Hubble thì không yên. Anh ta trở mình, xoay người và buông những tiếng thở dài nặng nề. Anh ta lại sắp khiến tôi khó chịu. Tôi xoay người đối diện với anh chàng.

"Tôi xin lỗi," Hubble nói. "Tôi rất căng thẳng. Chỉ nói chuyện với ai đó mới giúp tôi thấy khá hơn. Chỉ ở đây một mình thì tôi phát điên lên. Chúng ta chẳng thể nói về vấn đề gì đó khác à? Còn ông thì sao? Hãy kể cho tôi nghe về bản thân ông. Ông là ai, Reacher?"

Tôi nhún vai với anh ta.

"Tôi không là ai cả," tôi đáp. "Chỉ là người đi qua đây. Tôi sẽ ra đi vào thứ Hai."

"Không ai không là ai cả," Hubble nói. "Tất cả chúng ta đều có chuyện của riêng mình. Kể cho tôi nghe đi!"

Thế nên tôi kể lể một hồi, vừa nằm vừa kể, kể hết lại sáu tháng vừa qua. Hubble nằm trên giường nhìn trần bê tông và lắng nghe, giữ cho tâm trí rời xa các rắc rối. Tôi kể cho anh ta về việc ra đi từ Lầu Năm Góc. Washington, Baltimore, Philadelphia, New York, Boston, Pittsburgh, Detroit, Chicago. Các viện bảo tàng, âm nhạc, các khách sạn rẻ tiền, quán bar, xe buýt, tàu hỏa. Đơn độc. Đi hết phần đất mình có quyền công dân như một du khách tiết kiệm. Chứng kiến những điều mới mẻ. Xem về lịch sử mà tôi đã học trong các trường học bụi bặm cách nửa vòng trái đất. Xem những thứ lớn lao đã định hình đất nước này. Chiến trường, nhà máy, những bản tuyên ngôn, những cuộc cách mạng. Tìm kiếm những điều nhỏ nhoi. Những nơi sinh, những câu lạc bộ, những con đường, cả những huyền thoại nữa. Những thứ lớn lao và nhỏ nhoi được cho là khắc họa nên hình ảnh quê hương. Tôi đã tìm thấy một số trong đó.

Tôi kể cho Hubble về chuyến đi dài qua những đồng bằng, châu thổ vô tận suốt chặng đường từ Chicago tới New Orleans. Vòng qua khu vực Vịnh tới tận Tampa. Rồi theo Xe của hãng Greyhound chạy lên Atlanta ở phía Bắc. Quyết định điên rồ xuống xe gần Margrave. Chuyến đi bộ dài trong mưa buổi sáng hôm qua. Theo một quyết định ngẫu hứng. Theo một bức thư ngắn tôi chỉ nhớ mang máng, trong thư ông anh trai nói với tôi rằng anh ấy đã từng qua một thị trấn nhỏ nơi có thể Blake Mù đã qua đời cách đây sáu mươi năm. Khi kể những chuyện này, tôi cảm thấy mình ngu ngốc. Hubble đang vật lộn với cơn ác mộng trong khi tôi lại đi theo đuổi một chuyến hành hương vô nghĩa. Nhưng anh chàng hiểu được sự thôi thúc của chuyến đi ấy.

"Tôi cũng đã từng làm thế", anh ta nói. "Dịp trăng mật của bọn tôi. Chúng tôi đi châu Âu. Chúng tôi dừng ở New York, tôi mất nửa ngày tìm tòa nhà Dakota, ông biết đấy, là nơi John Lennon bị bắn. Rồi chúng tôi dành ba ngày ở Anh để đi bộ quanh Liverpool, tìm Câu lạc bộ Cavem. Nơi Beatles bắt đầu sự nghiệp. Không thể tìm được. Chắc họ phá đi rồi."

Hubble tiếp tục kể một thôi một hồi. Hầu hết về chuyện du lịch. Anh ta đã thực hiện rất nhiều chuyến đi cùng vợ. Họ rất thích. Đã đi khắp nơi, châu Âu, Mexico, vùng Caribe. Đi hết các nơi ở Mỹ và Canada. Đã có khoảng thời gian tuyệt vời bên nhau.

"Ông không thấy cô đơn sao?" anh ta hỏi tôi. "Khi du lịch một mình suốt như thế?"

Tôi bảo không, tôi thích thế. Tôi nói với anh ta rằng tôi coi trọng sự đơn độc và việc không ai biết danh tính của mình. Như thể tôi tàng hình.

"Ý ông nói tàng hình là thế nào?" Hubble hỏi. Anh chàng có vẻ quan tâm.

"Tôi đi lại bằng đường bộ," tôi đáp. "Luôn bằng đường bộ. Đi bộ một chút và đi xe buýt. Đôi khi bằng tàu hỏa. Luôn thanh toán bằng tiền mặt. Bằng cách đó sẽ không bao giờ để lại dấu vết trên giấy tờ. Không có giao dịch bằng thẻ tín dụng, không có nội dung khai thông tin của hành khách, không gì hết. Không ai có thể lần ra dấu vết của tôi. Tôi chẳng bao giờ cho người khác biết tên mình. Nếu ở trong khách sạn, tôi thanh toán tiền mặt và cung cấp một cái tên bịa",

"Tại sao lại thế?" Hubble nói. "Kẻ quái nào bám theo ông à?"

"Chẳng ai cả," tôi đáp. "Chỉ là trò vui thôi. Tôi thích không ai biết mình. Tôi cảm thấy như mình đang đánh bại cả một hệ thống. Và ngay lúc này, tôi thực sự phát điên với hệ thống ấy "

Tôi thấy Hubble rơi trở về trạng thái suy nghĩ. Anh ta nghĩ một lúc lâu. Tôi có thể thấy Hubble bị rút cả sinh khí khi vật lộn với những vấn đề chẳng chịu mất đi. Tôi có thể thấy những cơn hoảng sợ của anh ta đến và đi như nước triều.

"Thế thì hãy cho tôi lời khuyên về chuyện Finlay đi," anh chàng nói. "Khi ông ấy hỏi tôi về lời thú tội, tôi sẽ nói rằng tôi căng thẳng vì một chuyện liên quan tới công việc,

Tôi sẽ nói rằng có sự cạnh tranh, đe dọa đối với gia đình tôi. Tôi sẽ nói tôi không biết gì về người chết hay bất kỳ điều gì về số điện thoại. Tôi sẽ phủ nhận mọi điều. Rồi tôi sẽ chỉ phải cố gắng làm cho mọi chuyện lắng xuống. Ông nghĩ sao?"

Tôi nghĩ như thế nghe có vẻ là kế hoạch khá sơ sài. "Hãy cho tôi biết một điều", tôi bảo. "Không cần phải nói chi tiết, anh có vai trò hữu ích cho bọn chúng không? Hay anh chỉ là kẻ chứng kiến?"

Hubble kéo các ngón tay và suy nghĩ một lúc.

"Có, tôi có vai trò hữu ích cho chúng", anh ta nói. "Thậm chí là sống còn",

"Và nếu anh không có mặt ở đó để thực hiện vai trò ấy thì sao?" tôi hỏi. "Chúng sẽ kiếm người khác chứ?"

"Phải, chúng sẽ kiếm người khác", Hubble đáp "Nhưng nếu xét đến đặc thù của vai trò này thì tương đối khó kiếm người khác."

Anh chàng đang tính toán cơ hội được sống như thể đang xem xét một lá đơn tín dụng ở văn phòng của mình

"Được rồi", tôi nói. "Kế hoạch của anh ổn đấy. Cứ thực hiện đi."

Tôi không biết Hubble có thể làm gì khác. Anh ta là một bánh xe nhỏ trong một guồng quay lớn. Nhưng là một bánh xe không thể thiếu. Và chẳng ai phá một hoạt động lớn nào mà không có lý do. Thế nên thực ra tương lai của Hubble đã rõ ràng. Nếu bất kỳ lúc nào bọn chúng phát hiện ra rằng chính anh ta là người đã đưa nhân viên điều tra từ bên ngoài vào, chắc chắn anh ta sẽ chết. Nhưng nếu chẳng bao giờ chúng phát hiện ra, Hubble chắc chắn an toàn. Đơn giản thế thôi. Thực tế cho thấy anh ta vẫn có cơ may.

Hubble thú tội do nghĩ rằng nhà tù là nơi trú ẩn an toàn, nơi chúng không thể với tới anh ta. Đó là suy tính chưa thấu đáo. Đó là tư duy kém cỏi. Anh chàng đã sai. Anh ta không an toàn trước sự tấn công, mà hoàn toàn trái lại. Nếu muốn thì chúng đã tóm được Hubble rồi. Nhưng thực tế thì anh ta không bị tấn công. Mà là tôi bị tấn công. Tôi chứ không phải Hubble. Thế nên tôi thấy có bằng chứng nào đó chứng tỏ anh ta vẫn ổn. Chúng không muốn tóm anh ta, bởi nếu chúng muốn giết Hubble thì giờ anh ta đã chết rồi. Nhưng chúng không giết. Mặc dù ngay lúc này, rõ ràng chúng rất căng thẳng bởi một rủi ro tạm thời. Thế nên đó có thể là bằng chứng. Tôi bắt đầu nghĩ rằng Hubble sẽ ổn.

"Được đấy, Hubble," tôi nhắc lại. "Cứ làm thế đi, đó là điều tốt nhất anh có thể làm."

Buồng giam bị khóa suốt cả ngày. Tầng này yên tĩnh. Chúng tôi nằm trên giường lơ mơ cho hết buổi chiều. Không nói chuyện thêm chút nào. Chúng tôi đều đã nói hết ra rồi. Tôi chán và ước rằng mình mang theo tờ báo từ đồn cảnh sát thị trấn Margrave. Lẽ ra tôi đã có thể đọc hết tờ báo ấy lần nữa. Tất cả về lão Tổng thống giảm bớt hoạt động phòng chống tội phạm để được tái đắc cử. Tiết kiệm một đô cho lực lượng Bảo vệ Bờ biển hôm nay để ngày mai lão có thể tiêu mười đô cho những nhà tù như nhà tù này.

Lúc bảy giờ một ông già xuất hiện cùng đồ ăn tối. Chúng tôi ăn. Ông trở lại thu chiếc khay.

Chúng tôi lơ mơ ngủ đến hết buổi tối trống rỗng. Lúc mười giờ đèn tắt và chúng tôi chìm trong bóng tối. Đêm buồn xuống. Tôi vẫn đi giày và ngủ lơ mơ. Để đề phòng Spivey có thêm kế hoạch nào khác dành cho tôi.

Lúc bảy giờ sáng đèn lại bật lên. Chủ nhật. Tỉnh giấc trong tình trạng mệt mỏi nhưng tôi cũng buộc mình phải dậy. Buộc bản thân làm vài động tác co duỗi để thân thể rã rời dễ chịu hơn. Hubble cũng đã thức giấc nhưng yên lặng. Anh ta lơ đãng ngó tôi tập thể dục. Vẫn lơ mơ. Đồ ăn sáng tới trước tám giờ. Vẫn là ông già bữa trước lôi chiếc xe chở đồ ăn. Tôi ăn sáng uống cà phê. Khi uống hết cà phê trong bình, khóa bật tách và cửa mở. Tôi đẩy cửa, bước ra ngoài thì gặp ngay một tay gác đang chuẩn bị bước vào.

"Hôm nay là ngày may mắn của các anh," anh ta nói. "Các anh chuẩn bị ra khỏi đây",

"Tôi à?" tôi hỏi.

"Cả hai anh", người gác đáp. "Reacher và Hubble, được thả theo lệnh của Đồn cảnh sát Margrave. Sẵn sàng trong năm phút nữa, được chứ?"

Tôi bước trở lại buồng giam. Hubble đã nhồm dậy tì lên hai khuỷu tay. Anh ta vẫn chưa ăn sáng. Trông anh chàng lo lắng hơn bao giờ hết.

"Tôi sợ," anh ta nói.

"Anh sẽ ổn thôi", tôi bảo.

"Tôi sẽ ổn chứ?" anh ta hỏi lại. "Một khi tôi ra khỏi đây chúng có thể tóm được tôi",

Tôi lắc đầu.

"Ổ trong này chúng sẽ tóm anh dễ hơn," tôi nói. "Tin tôi đi, nếu như chúng tìm cách giết anh thì lúc này anh đã chết rồi. Anh trong sạch, Hubble."

Anh chàng gật gù rồi ngồi dậy. Tôi cầm áo khoác lên, chúng tôi cùng đứng ngoài buồng giam chờ đợi. Người gác trở lại sau năm phút. Anh ta đưa chúng tôi theo một hành lang qua hai lớp cửa khóa. Đưa chúng tôi vào một thang máy ở phía sau. Bước vào, dùng chìa khóa của mình đặt lệnh cho thang chạy xuống. Bước trở ra khi hai cánh cửa bắt đầu khép lại.

"Tạm biệt," người gác nói. "Đừng quay lại nhé".

Thang đưa chúng tôi xuống một sảnh, chúng tôi rời thang bước vào sân bê tông nóng. Cửa nhà tù đóng lại và bập khóa phía sau lưng. Tôi đứng quay mặt về phía mặt trời hít thở không khí bên ngoài. Hẳn là trông tôi phải giống một gã trong bộ phim suorot muort, được giải thoát khỏi một năm cô đơn.

Có hai chiếc xe hơi đậu ngoài sân. Một chiếc sedan lớn màu thẫm, xe Bentley của Anh, có lẽ đã xuất xưởng hai mươi năm nhưng trông vẫn mới cáu. Trong xe có một phụ nữ tóc vàng, tôi đoán là vợ Hubble, bởi anh ta đang đi tới bên người phụ nữ như thể cô là người tuyệt vời nhất anh ta từng thấy. Trong chiếc xe còn lại là sĩ quan cảnh sát Roscoe.

Cô ra khỏi xe bước thẳng tới chỗ tôi. Trông thật tuyệt vời. Không mặc cảnh phục. Mặc quần jean cùng áo sơ mi vải conon mềm. Gương mặt thông minh điềm tĩnh. Tóc mềm sẫm màu. Đôi mắt to. Hôm thứ Sáu tôi nghĩ cô xinh đẹp. Tôi đã đúng.

"Chào Roscoe," tôi nói.

"Chào Reacher," cô nói và mỉm cười.

Giọng Roscoe thật hay. Nụ cười của cô thật tuyệt. Tôi chiêm ngưỡng nụ cười ấy chừng nào nó còn chưa tắt, đó là một khoảnh khắc thật dài. Phía trước chúng tôi, vợ chồng Hubble đã đánh xe đi, vừa đi vừa vẫy tay. Tôi vẫy tay chào lại và tự hỏi mọi việc với họ sẽ thế nào. Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ biết, trừ phi họ không gặp may và tôi vô tình đọc được chuyện ấy trên một tờ báo ở nơi nào đó.

Roscoe và tôi vào xe của cô. Không thực sự là xe của cô, nữ cảnh sát giải thích, chỉ là một

chiếc xe không sơn phù hiệu của đồn mà cô sử dụng. Một chiếc hiệu Chevrolet mới tinh, lớn, chạy êm. Cô vẫn để máy nổ, trong xe mát rượi. Chúng tôi lướt khỏi khoảng sân bê tông và đổi hướng chạy qua những chiếc lồng bằng dây thép. Ra ngoài, Roscoe ngoặt tay lái rồi chúng tôi chạy vút theo đường lớn. Mũi xe nhô lên còn đuôi xe hạ thấp xuống nhờ hệ thống giảm xóc mềm mại. Tôi không nhìn lại. Tôi chỉ ngồi yên và cảm thấy dễ chịu. Ra khỏi nhà tù là một trong những cảm giác dễ chịu trong đời. Không biết ngày mai ra sao cũng như vậy.

Yên lặng lướt xe dọc theo một con đường đầy nắng cùng một phụ nữ đẹp sau tay lái cũng thế.

"Thế chuyện gì đã xảy ra vậy?" tôi hỏi sau khi xe chạy được một dặm. "Nói cho tôi nghe đi."

Roscoe kể cho tôi nghe một câu chuyện dễ hiểu. Tối hôm thứ Sáu họ đã tiến hành xác minh bằng chứng ngoại phạm của tôi. Cô và Finlay. Một phòng họp tối. Vài chiếc đèn bàn bật. Những xấp giấy. Vài tách cà phê. Những cuốn danh bạ điện thoại. Hai người gọi điện thoại và cắn đầu bút. Những tiếng nói trầm trầm. Những cuộc thẩm tra kiên nhẫn. Là cảnh chính tôi đã từng trải qua cả ngàn lần.

Họ đã gọi tới Tampa và Atlanta, đến nửa đêm thì liên hệ được một hành khách đi xe cùng tôi và người bán vé ở bến Tampa. Cả hai đều nhớ tôi. Rồi họ cũng liên hệ được tài xế xe buýt. Ông này xác nhận đã dừng ở giao lộ Margrave để cho tôi xuống, lúc tám giờ sáng thứ Sáu. Đến nửa đêm thì chứng cứ ngoại phạm của tôi đã rõ ràng rành, đúng như tôi đã nói.

Sáng thứ Bảy, một bức fax dài về hồ sơ quân nhân của tôi được gửi từ Lầu Năm góc tới. Mười ba năm cuộc đời tôi rút ngắn thành vài trang fax quăn queo. Cảm giác bây giờ đó là cuộc đời của ai đó khác, nhưng nó chứng minh cho những điều tôi nói. Finlay thấy ấn tượng về những thông tin đó. Rồi các dấu vân tay của tôi được phản hồi từ cơ sở dữ liệu của FBI. Lúc 2 giờ 30 sáng, chúng khớp với dữ liệu trong chiếc máy tính không hề biết mệt mỏi. Quân đội Hoa Kỳ, lấy khi tôi nhập ngũ cách đây mười ba năm. Bằng chứng ngoại phạm của tôi rất rõ ràng, lai lịch của tôi đã được xác minh.

"Finlay miễn nguyện," Roscoe bảo tôi. "Anh đúng là người như anh nói, và vào nửa đêm thứ Năm anh đang ở xa hơn bốn trăm dặm. Điều đó đã được khẳng định. Ông ấy đã gọi cho bác sĩ pháp y vì có thể ông ta có ý kiến mới về thời điểm nạn nhân chết, nhưng không, nửa đêm vẫn là thời điểm chính xác."

Tôi lắc đầu. Finlay là một tay rất cẩn trọng.

"Thế còn người chết?" tôi hỏi. "Cô đã kiểm tra lại các dấu vân tay của ông ta chưa?"

Roscoe đang tập trung vượt một chiếc xe tải của nông trang. Chiếc xe đầu tiên chúng tôi trông thấy trong suốt mười lăm phút. Rồi nữ cảnh sát nhìn qua và gật đầu.

"Finlay nói với tôi rằng anh muốn tôi làm điều đó," cô nói. "Nhưng tại sao chứ?"

"Bởi những dấu vân tay nhận được phản hồi không khớp một cách quá chóng vánh", tôi nói.

"Quá nhanh hả?" Roscoe hỏi lại.

"Cô đã nói rằng có hệ thống hình kim tự tháp, đúng chứ?" tôi nói. "Tóp mười trên cùng, rồi tới tám một trăm, rồi một ngàn, từ trên xuống dưới, phải không?"

Nữ cảnh sát một lần nữa gật đầu.

"Vậy hãy lấy tôi làm ví dụ," tôi nói. "Tôi có trong cơ sở dữ liệu, nhưng nằm ở phần rất thấp của kim tự tháp. Cô vừa nói rằng phải mất mười bốn tiếng máy tính mới dò tới tôi, đúng không?"

"Đúng," Roscoe đáp. "Tôi đã gửi các dấu vân tay của anh đi tầm 12 giờ 30, giờ ăn trưa, và tìm được các dấu vân tay trùng khớp trong cơ sở dữ liệu lúc 2 giờ 30 sáng",

"Được rồi", tôi nói. "Mười bốn tiếng. Như vậy là nếu mất mười bốn giờ để xuống tới gần đáy kim tự tháp thì phải mất hơn mười bốn giờ để đi xuống tận đáy. Như thế mới logic, phải không?"

"Phải," Roscoe trả lời.

"Nhưng chuyện gì đã xảy ra với người đàn ông kia?" tôi đặt câu hỏi. "Thì thể được tìm thấy lúc tám giờ, vậy dấu vân tay gửi đi lúc nào? Sớm nhất cũng phải 8 giờ 30. Nhưng khi nói chuyện với tôi lúc 2 giờ 30, Baker đã bảo với tôi rằng trong hồ sơ không có thông tin trùng khớp. Tôi vẫn nhớ thời điểm đó, bởi khi ấy tôi nhìn đồng hồ. Như thế là chỉ có sáu tiếng. Nếu phải mất mười bốn giờ để thấy rằng thông tin của tôi có trong cơ sở dữ liệu, thì làm thế nào mà chỉ mất có sáu giờ đã nói được rằng thông tin của người đàn ông ấy không có ở đó?"

"Chúa ơi," Roscoe thốt lên. "Anh nói đúng. Chắc chắn Baker đã làm hỏng mất. Finlay lấy dấu vân tay còn Baker gửi đi. Chắc chắn anh ta đã làm mờ hình ảnh vân tay lúc quét trên máy rồi. Việc đó phải làm cẩn thận, nếu không hình ảnh truyền đi sẽ không nét. Nếu hình ảnh quét không nét, cơ sở dữ liệu sẽ cố gắng phân tích rồi phản hồi là không đọc được. Baker hẳn đã nghĩ rằng như thế nghĩa là không có thông tin trùng khớp. Các mã cũng tương tự. Dù gì thì việc đầu tiên là tôi phải gửi lại chúng. Chúng ta sẽ biết sớm thôi".

Chúng tôi chạy về phía Đông, Roscoe bảo tôi rằng cô đã thúc Finlay đưa tôi ra khỏi Warburton ngay chiều qua. Finlay hầm hừ song vẫn đồng ý, nhưng có một rắc rối. Họ phải đợi đến tận hôm nay bởi chiều qua Warburton vừa mới đóng cửa. Họ nói với Finlay rằng có sự cố trong một phòng tắm. Một phạm nhân chết, một bị mất một mắt, một vụ nổi loạn thực sự đã nổ ra, các băng da đen và da trắng xung đột với nhau.

Tôi chỉ ngồi cạnh Roscoe quan sát đường chân trời đang gần lại. Tôi đã giết một tên và khiến một tên khác bị mù. Bây giờ tôi phải đối mặt với những cảm xúc của mình. Nhưng tôi không cảm thấy gì nhiều. Thực ra là không gì hết. Không tội lỗi, không ân hận. Chẳng gì hết. Tôi cảm thấy như đã đuổi hai con gián khắp nhà tắm rồi dẫm bẹp chúng. Nhưng ít nhất thì gián cũng là một dạng sinh vật tiến hóa có tư duy. Đám Huynh đệ Aryan trong nhà tắm ấy còn tệ hơn loài sâu bọ kia. Tôi đã đá vào họng một tên, hấn chết ngạt vì thanh quản bị giập. Hừm, thật kinh tởm. Nhưng tại hấn gây sự trước, đúng không? Tấn công tôi cũng như đẩy cánh cửa cấm ra. Điều chờ đợi phía bên kia cánh cửa là rắc rối dành cho hấn. Rủi ro của hấn. Nếu không thích thì hấn đừng có mà đẩy cánh cửa chết tiệt ấy ra. Tôi nhún vai quên đi chuyện đó. Nhìn sang Roscoe.

"Cảm ơn cô," tôi nói. "Thực tâm tôi đây. Cô đã phải vất vả để tôi được ra."

Nữ cảnh sát xua lời cảm ơn của tôi đi bằng hành động đơ mặt và một cử chỉ nhỏ rồi tiếp tục lái xe. Tôi bắt đầu thấy rất thích cô cảnh sát này. Nhưng không đủ ngăn tôi cuốn gói khỏi Georgia càng sớm càng tốt. Có lẽ tôi chỉ ở lại chừng một, hai giờ và nhờ cô chở tới một bến xe buýt ở đâu đó.

"Tôi muốn mời cô ăn trưa", tôi nói. "Kiểu như lời cảm ơn ấy."

Roscoe nghĩ trong thời gian đi hết một phần tư dặm rồi nở một nụ cười với tôi.

"Được thôi", cô nói.

Nữ sĩ quan ngoặt tay lái sang phải, rẽ vào tỉnh lộ và tăng ga chạy về Margrave ở phía Nam. Chạy xe qua tiệm ăn mới sáng sủa của Eno và hướng về phía trung tâm thị trấn.

Tôi nhờ Roscoe vào đồn lấy hộ chiếu túi đựng tư trang có tiền trong đó. Rồi chúng tôi tiếp tục chạy xe và nữ cảnh sát thả tôi xuống trung tâm thị trấn, tôi thống nhất sẽ gặp cô ở đồn sau vài giờ. Tôi đứng trên vỉa hè, trong cái nóng gay gắt của buổi sáng Chủ nhật, vẫy tay chào Roscoe.

Tôi cảm thấy khá hơn nhiều. Tôi đã vận động trở lại. Tôi sẽ xác minh câu chuyện về Blake Mù và đưa Roscoe đi ăn trưa, rồi biến khỏi Georgia, không bao giờ trở lại.

Thế nên tôi dành chút thời gian lang thang ngó nghiêng quanh thành phố, làm những việc lẽ ra nên làm chiều thứ Sáu vừa rồi. Nơi này thực ra chẳng có gì nhiều. Tỉnh lộ lâu đời chạy thẳng từ Bắc về Nam, đoạn dài chừng bốn dãy nhà được gọi là Phố Chính. Bốn dãy nhà này có các văn phòng và cửa hiệu nhỏ nằm hai bên đường, được chia tách bởi những con ngõ nhỏ chạy vòng về phía sau các tòa nhà. Tôi thấy một hiệu tạp hóa nhỏ, một cửa hàng cắt tóc, một cửa hàng thiết bị, một phòng khám, một văn phòng luật sư và một phòng khám nha khoa. Ở phía sau các tòa nhà thương mại là khu đất công viên có hàng rào cọc nhọn màu trắng và cây cảnh.

Trên phố, các cửa hiệu và văn phòng có mái hiên chìa ra vỉa hè. Trên vỉa hè đặt các ghế dài nhưng chẳng có ai ngồi.

Toàn bộ nơi này không có người. Sáng Chủ nhật, ở nơi rất xa xôi. Phố Chính chạy về phía Bắc, thẳng như kẻ chỉ, qua vài trăm mét công viên nữa là tới đồn cảnh sát và đồn chữa cháy, còn quá nửa dặm nữa là tiệm ăn Eno. Quá tiệm Eno vài dặm là lối rẽ về phía Tây tới Warburton, nơi có nhà tù. Ở phía Bắc ngã rẽ ấy, dọc mười bốn dặm tỉnh lộ tính từ nơi tôi đang đứng lên tới điểm giao cắt với quốc lộ thì chỉ có mỗi khu nhà kho, ngoài ra không còn gì nữa.

Ở mạn Nam thị trấn, tôi thấy một bãi cỏ nhỏ có một bức tượng đồng và con phố có nhiều nhà dân chạy về phía Tây. Tôi dạo bước về phía đó thì trông thấy một tấm biển màu xanh kín đáo ghi dòng chữ: Beckman Drive. Phố nhà Hubble. Tôi không thấy được cả đoạn đường đi xuống đó vì ngay gần đây nó uốn sang trái rồi lượn sang phải quanh một bãi cỏ rộng, trên đó có nhà thờ lớn bằng gỗ sơn trắng. Bao quanh nhà thờ là những cây anh đào, bao quanh bãi cỏ là những chiếc xe hơi sạch bong sơn màu dịu dàng thành hàng ngay ngắn. Tôi nghe văng vẳng tiếng organ hòa cùng tiếng hát.

Trên bãi cỏ là tượng một người tên Caspar Teale, người đã làm việc gì đó khoảng một trăm năm trước. Chênh chênh Beckman Drive ở bên kia bãi cỏ là một con phố có nhiều nhà dân khác, chạy về phía Đông, với một cửa hàng tiện ích đứng đơn độc ở góc phố. Và chỉ có thế. Một thị trấn không có gì nhiều. Không có nhiều chuyện diễn ra. Tôi mất không tới ba mươi phút để ngó qua hết mọi thứ nơi này có thể trưng ra cho tôi.

Nhưng đây là thị trấn ít khiếm khuyết nhất mà tôi từng thấy. Thật ngạc nhiên. Mọi tòa nhà đều mới tinh hoặc mới được tân trang. Đường sá phẳng lì như mặt kính, vỉa hè bằng phẳng và sạch sẽ. Không ổ gà, không kẽ nứt, không chướng ngại trên đường. Những văn phòng và cửa hiệu nhỏ trông như thể được sơn lại hằng tuần. Những bãi cỏ và cây cảnh đều được cắt tỉa đến mức hoàn hảo. Bức tượng đồng của ông già Caspar Teale trông như được ai đó liếm sạch bóng vào mọi buổi sáng. Lớp sơn của nhà thờ sáng tới nhức mắt. Cờ tung bay khắp nơi, lấp lánh ánh trắng, rực rỡ màu đỏ và xanh dưới nắng. Toàn bộ nơi này sạch sẽ đến mức khiến ta dạo quanh mà bụng cứ lo ngay ngáy vì sợ để lại vết chân bấn ở đâu đó.

Cửa hàng tiện ích ở góc phố Đông Nam bán những loại hàng tạo cho nó một cái có đủ hợp lý để mở vào sáng Chủ nhật. Mở cửa nhưng không bận bịu. Trong cửa hàng chẳng có ai trừ một anh chàng

trực quầy. Nhưng anh ta có cà phê. Tôi ngồi ở một quầy nhỏ, gọi một cốc cà phê lớn và mua một tờ báo ra ngày Chủ nhật.

Lão Tổng thống vẫn nằm ở trang nhất. Giờ thì lão ở California. Lão đang giải thích với các nhà thầu quốc phòng lý do vì sao con tàu chở những món lợi nhuận kék sù của họ đang khựng lại sau năm mươi năm vinh quang. Dư chấn từ tuyên bố của ông ta tại Pensacola liên quan tới lực lượng Bảo vệ Bờ biển vẫn còn lan truyền. Đêm thứ Bảy thuyền của họ sẽ trở lại cảng. Nếu không có ngân sách mới chúng sẽ không ra khơi tiếp. Tất cả những tay viết xã luận cho tờ báo này đều bất bình về điều đó.

Tôi ngừng đọc liếc lên khi nghe tiếng cửa mở. Một phụ nữ bước vào. Bà ngồi lên một chiếc ghế cao ở đầu đối diện quầy tôi ngồi. Bà ta già hơn tôi, có lẽ bốn mươi tuổi. Tóc sẫm màu, rất mảnh mai, mặc đồ đen đắt tiền. Nước da rất nhợt. Nhợt đến nỗi hầu như phát sáng. Bà bước đi với vẻ căng thẳng đầy lo lắng. Tôi có thể thấy rõ những đường gân ở hai cổ tay bà ta như những sợi dây mảnh. Tôi có thể thấy một dạng căng thẳng đầy kinh hoàng trên mặt người phụ nữ này. Tay trực quầy lướt tới bên người phụ nữ, bà ta gọi cà phê bằng giọng khế đến mức tôi gần như không nghe thấy dù bà ngồi rất gần và căn phòng yên tĩnh.

Người phụ nữ mặc đồ đen không ở lại lâu. Bà uống hết nửa cốc cà phê, liên tục nhìn đồng hồ đeo tay. Rồi bên ngoài, một chiếc xe bán tải đen dừng lại, người phụ nữ run lên. Đó là một chiếc bán tải mới cấu và rõ ràng nó chưa chở bất kỳ thứ gì đáng chở. Tôi thoáng thấy người lái xe khi anh ta nhào người đẩy cửa xe. Đây là một tay trông rất dữ. Khá cao. Đôi vai rộng, cổ to. Tóc đen. Lông đen mọc khắp hai cánh tay đầy múi thịt. Có lẽ chừng ba mươi tuổi. Người phụ nữ da tái trượt khỏi ghế như một bóng ma và đứng dậy. Nuốt nước bọt. Khi bà mở cánh cửa cửa hàng, tôi nghe thấy tiếng động cơ loại lớn của ô tô đang nổ ở trạng thái chờ. Người phụ nữ bước vào trong xe nhưng nó không chạy đi. Chỉ đậu ở mép đường. Tôi xoay ghế để hướng mặt vào anh chàng trông quầy.

"Ai thế?" tôi hỏi.

Anh chàng nhìn tôi như thể tôi từ hành tinh khác tới.

"Đó là bà Kliner," anh ta đáp. "Ông không biết gia đình Kliner à?"

"Tôi có nghe nói về họ," tôi đáp. "Tôi không phải người ở thị trấn này. Kliner sở hữu các nhà kho trên đoạn gần đường quốc lộ, đúng không?"

"Đúng," anh chàng nói. "Và ngoài ra còn nhiều nữa. Ông Kliner là người quan trọng ở đây đây."

"Thế hả?" tôi hỏi.

"Chắc chắn rồi," người trông quầy nói. "Ông có nghe nói về Quỹ chứ?"

Tôi lắc đầu. Uống hết cốc cà phê và đẩy cốc qua để anh ta rót thêm.

"Ông Kliner đã lập ra Quỹ Kliner," người trông quầy nói. "Mang lại lợi ích cho thị trấn trên nhiều mặt. Có từ năm năm trước, từ hồi đó tới nay ngày nào cũng đều như Giáng sinh cả."

Tôi gật đầu.

"Bà Kliner ổn chứ?" tôi hỏi.

Anh chàng rót cà phê vào cốc tôi, lắc đầu.

"Bà ấy là người ốm yếu", anh ta nói. "Rất yếu. Da rất tái, đúng không? Xanh xao. Một người rất ốm yếu. Có thể là lao. Tôi đã thấy người bị lao có biểu hiện như thế. Trước đây bà ấy cũng thuộc dạng xinh đẹp nhưng bây giờ thì trông như cây gì đó trồng trong tủ ấy, đúng không? Một phụ nữ rất ốm yếu, điều đó thì chắc quá rồi."

"Người trong xe bán tải là ai thế?" tôi hỏi.

"Con ghẻ", anh chàng trông quầy đáp. "Con của ông Kliner với vợ đầu. Bà Kliner là vợ hai của ông ấy. Tôi nghe nói là quan hệ giữa bà ấy với con ghẻ không được tốt lắm."

Anh chàng dành cho tôi cái gạt đầu có tác dụng chấm dứt câu chuyện phiếm. Đi ra chỗ khác để lau sạch cái máy gì đó mạ crôm phía sau đầu kia quầy. Chiếc bán tải đen vẫn đợi bên ngoài. Tôi đồng ý với anh chàng bán hàng rằng người phụ nữ trông như thứ cây gì đó trồng trong tủ. Bà ta trông như một loài lan hiếm thiếu ánh sáng và chất dinh dưỡng. Nhưng tôi không đồng ý với anh ta rằng bà trông ốm yếu. Tôi không nghĩ là bà này mắc bệnh lao. Tôi nghĩ rằng bà đang phải chịu đựng thứ gì đó khác. Thứ gì đó trước đây tôi từng thấy một hoặc hai lần. Tôi nghĩ bà chỉ đang phải chịu đựng sự kinh sợ. Kinh sợ thứ gì, tôi không biết. Kinh sợ điều gì, tôi không muốn biết. Chẳng phải vấn đề của tôi. Tôi đứng dậy đặt một tờ năm đô la lên quầy. Anh chàng trả lại toàn bằng tiền xu. Anh ta không có tiền giấy. Chiếc xe bán tải vẫn ở đó, đứng yên bên mé đường. Người lái xe đang nghiêng người, ngực tì vào tay lái, nhìn ngang qua bà mẹ kế, chăm chăm ngó thẳng vào tôi.

Phía sau quầy trước mặt tôi có một tấm gương. Tôi trông đúng là một gã đã ở trên một chiếc xe buýt chạy xuyên đêm và ngồi nhà giam hai ngày. Tôi nghĩ mình cần tắm rửa sạch sẽ trước khi đưa Roscoe đi ăn trưa. Anh chàng sau quầy thấy được điều tôi đang suy nghĩ.

"Anh thử đi cắt tóc đi," anh ta nói.

"Vào ngày Chủ nhật hả?" tôi hỏi.

Anh ta nhún vai.

"Họ luôn có mặt ở đó," anh ta nói. "Không hẳn là đóng cửa. Cũng không hẳn là mở."

Tôi gạt đầu, đẩy cửa bước ra ngoài. Tôi trông thấy một đám người nhỏ đang ra khỏi nhà thờ, tán chuyện trên bãi cỏ rồi vào xe của mình. Phần còn lại của thị trấn vẫn không có người. Nhưng chiếc xe bán tải đen vẫn đậu bên mé đường, ngay bên ngoài cửa hàng tiện ích. Gã lái xe vẫn chăm chăm nhìn tôi.

Tôi đi bộ về phía Bắc trong nắng, chiếc bán tải chậm chậm đi cùng, giữ khoảng cách. Gã trai vẫn chúí người về phía trước, nhìn ngang sang bên. Tôi sai vài bước, chiếc xe tăng tốc để giữ cự ly. Rồi tôi đứng khựng lại và hấn vọt lên. Tôi đứng yên. Rõ ràng tay lái xe không có kế hoạch lùi xe lại. Gã đạp mạnh ga phóng vọt đi cùng tiếng động cơ gầm lên. Tôi nhún vai tiếp tục bước. Tới hiệu cắt tóc. Khom người chui qua mái hiên sọc và thử đẩy cửa. Không khóa. Tôi bước vào.

Giống như mọi thứ khác ở Margrave, hiệu cắt tóc phải nói là tuyệt vời. Nó sáng lên nhờ những chiếc ghế cổ cùng các món đồ được đánh bóng đẹp đẽ và chăm sóc kỹ lưỡng. Cửa hiệu có bộ đồ nghề cắt tóc mà mọi người đã bỏ đi từ ba mươi năm trước. Giờ thì mọi người đều muốn lấy lại chúng. Họ bỏ ra cả gia tài để mua bởi chúng tái hiện hình ảnh người ta vẫn muốn ở nước Mỹ. Hình ảnh người ta vẫn nghĩ về nước Mỹ. Chắc chắn đó là hình ảnh vốn có của nước Mỹ trong cách nghĩ của tôi. Tôi sẽ ngồi ở một sân trường tại Manila hay Munich và tưởng tượng ra những bãi cỏ, hàng cây, những lá cờ và một hiệu cắt tóc sáng ánh crôm dịu nhẹ như cửa hiệu này. Cửa hiệu này có hai ông già da đen phục vụ. Họ chỉ đang ngồi không. Không thực sự mở cửa để làm ăn, không thực sự đóng cửa. Nhưng hai người có ý sẽ phục vụ tôi. Họ ngồi đó, tôi cũng đã tới đó, vậy tại sao lại không chứ? Và tôi đoán là mình trông như trường hợp phải giải quyết gấp. Tôi yêu cầu họ thực hiện công việc, cắt tóc, cạo mặt, dùng khăn nóng và đánh giày. Trên tường có trang nhất của một số tờ báo được đóng khung. Những tit lớn. Roosevelt qua đời (*Franklin Delano Roosevelt (1882 -1945): Tổng thống thứ 32 của Mỹ*). Ngày phát xít Nhật đầu hàng, JFK bị ám sát (*John Fitzgerald Kennedy (1917 -1963): Tổng thống thứ 35 của Mỹ*). Martin Luther King bị giết hại (*Mục sư, nhà hoạt động nổi tiếng đấu tranh cho quyền con người, bị ám sát thang Tư năm 1968*).

Chiếc đài trên bàn bằng gỗ gụ đang phát ra những tiếng âm áp. Tờ báo mới của ngày Chủ nhật được gập gọn gàng trên một chiếc ghế dài bên cửa sổ.

Hai ông già đánh bọt xà phòng trong bát, liếc con dao cạo lưỡi thẳng, nhúng chổi cạo vào xà

phòng. Họ khoác cho tôi vài chiếc khăn và bắt đầu công việc. Một ông cạo cho tôi bằng con dao cổ lưỡi thẳng. Ông già còn lại chỉ đứng chẳng làm gì. Tôi nghĩ có lẽ chút nữa ông mới tham gia. Ông già làm việc bắt đầu tán chuyện, như những người cắt tóc vẫn làm. Kể cho tôi nghe lịch sử nghề nghiệp của ông. Hai người này là bạn từ nhỏ, sống tại Margrave này từ hồi đó tới nay. Khởi nghiệp cắt tóc trước Thế chiến thứ Hai. Học nghề ở Atlanta. Cùng mở hiệu khi là thanh niên. Chuyên cửa hàng tới đây khi khu ở cũ bị phá. Ông kể cho tôi về lịch sử của hạt theo quan điểm của một thợ cắt tóc. Liệt kê tên của những người đã ngồi vào và bước ra khỏi những chiếc ghế cổ kia. Kể cho tôi về mọi loại người.

"Vậy hãy kể cho cháu nghe về nhà Kliner đi," tôi bảo.

Là người hay chuyện nhưng đề nghị này khiến ông già im bật. Ông ta dừng tay suy nghĩ một lúc.

"Không thể giúp anh với đề nghị ấy, điều đó thì chắc chắn rồi," ông nói. "Đó là chủ đề chúng tôi không thích bàn luận ở đây. Tốt nhất là anh hỏi tôi về một người hoàn toàn khác đi."

Tôi nhún vai dưới mấy chiếc khăn.

"Được thôi," tôi nói. "Ông đã bao giờ nghe nói tới Blake Mù chưa?"

"Tôi đã nghe nói về ông ấy, cái đó thì chắc chắn," ông già đáp. "Đó là người chúng ta có thể bàn luận, không vấn đề gì cả."

"Tuyệt," tôi nói. "Vậy ông có thể kể gì cho cháu?"

"Hồi ấy thi thoảng ông ấy ở đây," ông thợ cắt tóc đáp. "Họ nói là ông ấy sinh ở Jacksonville, Honda, ngay bên kia ranh giới bang. Thường đi bộ từ đó lên, anh biết đấy, qua đây, qua hết Atlanta, suốt chặng đường về phía Bắc lên tới Chicago, rồi đi bộ cả chặng đường trở về. Trở về qua Atlanta, qua đây, về nhà. Hồi ấy rất khác, anh biết đó. Không có quốc lộ, không xe hơi, hoặc ít nhất cũng không dành cho một người da đen nghèo khó và bạn bè của ông ấy. Tất cả đều đi bộ hoặc đi bằng xe chở hàng."

"Ông đã bao giờ nghe ông ấy chơi nhạc chưa?"

Ông thợ một lần nữa dừng tay nhìn tôi.

"Anh bạn, tôi bảy mươi tư tuổi," ông nói. "Chuyện này diễn ra khi tôi còn là một chú bé con. Chúng ta đang nói chuyện về Blake Mù ở đây. Những người như ông ấy chơi trong các quán bar. Hồi còn bé, chẳng bao giờ tôi vào quán bar, anh hiểu rồi đấy. Nếu vào thì tôi bị quất cho lẩn mông. Anh nên nói chuyện với ông bạn tôi đây. Ông ấy già hơn tôi nhiều. Có thể ông ấy đã nghe Blake Mù chơi nhạc, có thể ông ấy chỉ không nhớ bởi bây giờ ông ấy không nhớ được nhiều. Thậm chí không nhớ đã ăn gì trong bữa sáng. Tôi nói đúng không? Nay, ông bạn già, sáng nay ông ăn gì?"

Ông già kia quay sang tựa vào bồn rửa bên cạnh bồn của tôi. Đây là một ông già xương xẩu cùng màu với chiếc đài gỗ gụ.

"Tôi chẳng nhớ bữa sáng đã ăn gì," ông nói. "Thậm chí còn chẳng biết sáng tôi có ăn gì không nữa. Nhưng nghe này, có thể tôi già rồi nhưng sự thật là người già nhớ dai lắm. Không phải những chuyện mới đây, anh hiểu rồi đấy, mà là các sự kiện lâu rồi. Anh phải tưởng tượng trí nhớ của anh như một chiếc thùng cũ, anh biết chứ? Một khi nó đã đổ đầy những thứ đồ cũ thì không có cách nào nhồi đồ mới vào. Không có cách nào hết, anh hiểu không? Vậy nên tôi không nhớ chuyện mới nào bởi cái thùng cũ của tôi đã đổ đầy những sự kiện cũ xảy ra từ hồi trước. Anh hiểu điều tôi đang nói không?"

"Chắc chắn là cháu hiểu rồi," tôi nói. "Vậy hồi đó ông đã nghe ông ấy chơi nhạc chứ?"

"Ai kia?" ông già hỏi lại.

Tôi nhìn hết người này tới người kia. Không biết đây có phải là chuyện thường xảy ra không.

"Blake Mù ấy," tôi nói. "Ông đã bao giờ nghe ông ấy chơi chưa?"

"Chưa, tôi chưa bao giờ nghe ông ấy chơi cả," ông già đáp. "Nhưng chị tôi thì có. Tôi có bà chị tầm ngoài chín mươi, vẫn còn sống. Hồi đó bà ấy cũng hát hò chút, bà ấy đã hát nhiều lần cùng Blake Mù."

"Thế hả?" tôi nói. "Bà ấy hát cùng ông ta à?"

"Chắc chắn thế rồi", ông già xương xẩu đáp. "Bà ấy hát với bất kỳ ai đi ngang qua. Anh phải nhớ rằng thị trấn cổ này nằm ngay trên đường lớn dẫn tới Atlanta. Cái tỉnh lộ ngoài kia ngày trước còn chạy qua đây về Florida ở phía Nam cơ. Nó là tuyến đường duy nhất xuyên qua Georgia theo hướng Bắc - Nam. Tất nhiên bây giờ anh có quốc lộ chạy qua mà không phải dừng lại, các anh có máy bay, có mọi phương tiện. Giờ Margrave không còn quan trọng, chẳng ai đi qua đây nữa."

"Thế nên Blake Mù đã dừng lại ở đây sao?" tôi nhắc ông già. "Và chị gái ông đã hát cùng ông ấy à?"

"Ngày trước mọi người thường dừng chân ở đây," ông nói. "Mạn Bắc thị trấn đầy các quán bar và nhà trọ dành cho khách qua đường. Toàn bộ mảnh vườn đất đỏ nằm giữa chỗ này và đồn chữa cháy trước đây toàn là quán bar và nhà trọ. Giờ thì tất cả đã bị phá đi, nếu không thì tự chúng cũng sụp đổ rồi. Từ lâu rồi nơi đây không còn là khu vực kinh doanh phục vụ khách qua đường nữa. Nhưng hồi ấy thị trấn đâu có như bây giờ. Lúc nào cũng có những dòng người đến và đi. Công nhân, người làm nghề thu hái, các tay trống, binh sĩ, người vô gia cư, lái xe tải, nhạc sĩ. Tất cả thường dừng lại chơi nhạc, và bà chị gái của tôi lại có mặt ở đó hát cùng tất cả bọn họ."

"Và bà ấy nhớ Blake Mù chứ?" tôi hỏi.

"Chắc chắn là nhớ rồi", ông già đáp. "Hồi ông ấy còn sống, bà cụ cho rằng ông ấy là thực thể sống vĩ đại nhất. Bảo rằng ông ấy luôn chơi thật tuyệt vời. Thực sự rất tuyệt vời."

"Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy?" tôi hỏi. "Ông biết không?"

Ông già suy nghĩ lung lăm. Trở lại quá khứ qua ký ức đang nhạt nhòa dần của mình. Ông lắc mái đầu bạc vài lần. Rồi ông lấy khăn ướt từ chiếc hộp nóng và đặt lên mặt tôi. Bắt đầu cắt tóc cho tôi. Rốt cuộc lắc đầu dứt khoát.

"Không thể nói chính xác được," ông đáp. "Ông ấy thỉnh thoảng lại đi qua đây. Tôi nhớ điều ấy khá rõ. Sau ba bốn năm gì đó thì ông ấy biến mất. Tôi ở Atlanta một thời gian, không ở đây nên không biết. Nghe nói có kẻ nào đó giết ông ấy, có thể ở ngay Margrave này, có thể không phải. Có rắc rối lớn gì đó, khiến ông ấy bị giết chết tươi."

Tôi ngồi lắng nghe chiếc đài cổ của hai ông già một lúc. Rồi lấy tờ hai mươi đô trong cuộn tiền trả họ và vội vã bước ra Phố Chính. Sải bước về hướng Bắc. Đã gần trưa, trời nắng như rang. Nóng so với tháng Chín. Chẳng thấy ai khác đi bộ. Con đường đen táp hơi nóng vào mặt tôi. Blake Mù đã cuộc bộ trên con đường này, có lẽ trong cái nóng buổi trưa. Hồi hai ông già cắt tóc còn là trẻ con, nơi đây còn là huyết mạch theo mạn Bắc đưa tới Atlanta, Chicago, công việc, hy vọng, tiền bạc. Cái nóng buổi trưa sẽ không ngăn nổi người ta đến nơi họ đang đến. Nhưng bây giờ con đường chỉ là một nhánh màu đen nhai nhui chẳng dẫn tới nơi nào cả.

Đi bộ mấy phút trong cái nóng thì tôi tới đồn cảnh sát. Tôi băng ngang bãi cỏ xanh mơn mớn, qua một bức tượng đồng khác và kéo mở cánh cửa kính nặng nề ở lối vào. Bước vào cái lạnh bên trong. Roscoe đang tựa vào quầy tiếp tân đợi tôi. Phía sau cô, trong phòng họp, Stevenson đang nói chuyện điện thoại về khá gấp gáp. Roscoe mặt mũi tái nhợt và trông rất lo lắng.

"Chúng tôi đã tìm thấy một thi thể nữa", cô nói.

"Ở đâu? tôi hỏi.

"Lại trên khu nhà kho", nữ cảnh sát đáp. "Lần này ở phía bên kia đường, dưới giao lộ, chỗ giao lộ vòng lên",

"Ai là người tìm thấy?" tôi nói.

"Finlay", cô đáp. "Sáng nay ông ấy lên đó, lần mò xung quanh, tìm kiếm thứ gì đó có thể hỗ trợ cho chúng tôi điều tra về thi thể đầu tiên. Có chút hữu ích, đúng không? Tất cả những gì ông ấy tìm thấy là một thi thể khác."

"Cô biết người này là ai không?" tôi hỏi.

Roscoe lắc đầu.

"Chưa xác định được danh tính", cô nói. "Cũng như người đầu tiên".

"Giờ Finlay ở đâu?" tôi hỏi.

"Đi gặp Hubble rồi", nữ cảnh sát đáp. "Ông ấy nghĩ rằng có lẽ Hubble biết gì đó về chuyện này",

Tôi gật đầu.

"Xác chết này nằm đó được bao lâu rồi?" tôi hỏi.

"Có lẽ hai hoặc ba ngày", Roscoe đáp. "Finlay bảo rằng có thể đêm thứ Năm đã diễn ra án mạng làm hai người chết."

Tôi gật đầu lần nữa. Hubble đã biết điều gì đó về vụ này. Nạn nhân thứ hai này là người Hubble đã cử tới gặp nhân viên điều tra đầu trọc. Hubble không thể hiểu tại sao người này lại chạy thoát được. Nhưng anh ta đã không thoát.

Tôi nghe tiếng xe trong bãi đậu bên ngoài và tiếng cánh cửa kính lớn kéo mở ra. Finlay thò đầu vào.

"Đến nhà xác, Roscoe," ông nói. "Cả ông nữa, Reacher."

Chúng tôi theo ông trở ra với cái nóng. Tất cả vào chiếc xe không sơn phù hiệu của Roscoe. Để xe Finlay chỗ ông đã đỗ. Roscoe lái xe. Tôi ngồi băng ghế sau. Finlay ngồi ở ghế phụ phía trước, xoay người sang để có thể đồng thời nói chuyện với cả hai chúng tôi. Roscoe lướt khỏi khu đậu xe của đồn hướng về phía Nam.

"Tôi không thể tìm thấy Hubble," Finlay nói. Nhìn tôi. "Ở nhà anh ta chẳng có ai. Anh ta có nói gì với ông về chuyện đi đâu đó không?"

"Không," tôi đáp. "Chẳng một từ nào. Chúng tôi hầu như không nói chuyện gì suốt hai ngày cuối tuần."

Finlay hàm hừ với tôi.

"Tôi cần tìm hiểu xem anh ta đã biết gì về toàn bộ chuyện này", ông bảo. "Đây là vụ nghiêm trọng và chắc chắn anh ta biết điều gì đó. Anh ta đã nói với ông điều gì về chuyện này, Reacher?"

Tôi không trả lời. Tôi không hoàn toàn chắc chắn mình đang đứng về phía nào. Có lẽ là phía Finlay, nhưng nếu Finlay bắt đầu dò la về mối liên quan của Hubble dù đó là gì, Hubble và gia đình anh ta sẽ nhận kết cục là cái chết. Chẳng có gì nghi ngờ về chuyện đó. Thế nên tôi cho là mình chỉ nên đứng trung lập và rời chuồn khỏi đây càng sớm càng tốt. Tôi không muốn dính líu vào chuyện này.

"Ông đã thử gọi vào số di động của Hubble chưa?" tôi hỏi.

Finlay ậm ừ rồi lắc đầu.

"Tắt máy," ông ta đáp. "Máy tự động thông báo thế "

"Anh ta có tới lấy đồng hồ chứ?" tôi hỏi.

"Lấy cái gì cơ?" Finlay hỏi lại.

"Đồng hồ đeo tay của anh ta ấy," tôi nói. "Hôm thứ Sáu anh ta để lại chiếc Rolex trị giá mười

ngàn đô cho Baker. Khi Baker còng tay chúng tôi để chuyển tới Warburton. Anh ta đã quay lại lấy chứ?"

"Không," Finlay bảo. "Chẳng thấy ai nói gì cả."

"Được rồi", tôi nói. "Thế thì anh ta có công việc khẩn ở đâu đó. Một tay khôn như Hubble sẽ không đời nào quên chiếc đồng hồ trị giá mười ngàn đô, đúng không?"

"Việc khẩn gì?" Finlay nói. "Anh ta đã kể gì cho ông về chuyện đó hả?"

"Anh ta không nói gì với tôi hết", tôi đáp. "Tôi đã bảo ông là chúng tôi hầu như không nói chuyện rồi còn gì."

Finlay quắc mắt nhìn tôi từ ghế trước.

"Đừng giở trò với tôi, Reacher," ông ta nói. "Cho tận tới khi tôi tóm được Hubble, tôi sẽ giữ ông và quay ông ra bã vì những điều anh ta đã nói cho ông. Và đừng có cố chứng tỏ rằng anh ta đã ngậm miệng suốt hai ngày cuối tuần, bởi những gã như anh ta không bao giờ làm thế. Tôi biết điều đó, ông cũng biết thế, vậy nên đừng giở trò với tôi, được chưa?"

Tôi chỉ nhún vai với đội trưởng thám tử. Ông ta sẽ không bắt giữ tôi lần nữa. Có lẽ tôi sẽ bắt xe buýt từ nhà xác, dù nó nằm ở đâu đi nữa. Tiếc là tôi không được ăn trưa với Roscoe.

"Thế vụ này là thế nào?" tôi hỏi Finlay.

"Cũng hết như trường hợp trước", ông ta đáp. "Trông như diễn ra đồng thời. Bị bắn chết, có lẽ cũng bằng thứ vũ khí kia. Người này không bị đá lăn khắp nơi sau khi chết nhưng có lẽ đây chỉ là một vụ."

"Ông không biết người này là ai à?"

"Tên anh ta là Sherman," Finlay đáp. "Ngoài thông tin đó thì không biết gì cả."

"Nói cho tôi biết đi," tôi bảo.

Tôi đang hành động trái với thói quen. Finlay ngẫm nghĩ một lúc. Tôi thấy ông quyết định trả lời. Như thể chúng tôi là đồng sự.

"Đàn ông da trắng chưa xác định được danh tính," ông ta nói. "Cũng hết như người đầu tiên, không giấy tờ tùy thân, không ví, không dấu vết nhận dạng. Nhưng người này đeo một chiếc đồng hồ bằng vàng, mặt sau khắc chữ: tặng Sherman, yêu anh, Judy. Có lẽ anh ta chừng ba mươi ba lăm gì đó. Khó nói chính xác bởi xác anh ta đã nằm đó ba đêm và bị lũ động vật nhỏ gặm mất tương đối, ông biết chứ? Hai môi đã mất, mắt cũng thế, nhưng bàn tay phải vẫn ổn bởi nó gập lại dưới cơ thể, thế nên tôi có một số dấu vân tay tốt. Chúng tôi đã kiểm tra cách đây một giờ và sẽ có thể thu được thông tin gì đó, nếu chúng tôi gặp may."

"Bị bắn bằng súng trường à?" tôi hỏi.

Finlay gật đầu.

"Trông có vẻ cùng một khẩu", ông nói. "Cỡ nòng nhỏ, đạn đầu mềm. Xem ra phát đầu tiên chỉ làm anh ta bị thương, anh ta có thể chạy. Anh ta dính thêm vài phát đạn nữa nhưng cũng cố ẩn được phía dưới quốc lộ. Anh ta ngã xuống và mất máu mà chết. Người này không bị đá lăn lộn bởi chúng không tìm thấy anh ta. Theo tôi thì chuyện diễn ra như thế!"

Tôi suy nghĩ về điều này. Tôi đã cuộc bộ qua ngay chỗ ấy lúc tám giờ sáng thứ Sáu. Ngay giữa hai xác chết.

"Và ông cho rằng anh ta tên là Sherman à?" tôi hỏi.

"Tên anh ta khắc trên đồng hồ đeo tay," Finlay nói.

"Có thể không phải tên khắc trên đồng hồ của anh ta," tôi nói. "Có thể anh chàng đã đánh cắp đồng hồ của người khác. Có thể đã thừa kế, mua từ một hiệu đồ cũ, nhặt được trên phố".

Finlay chỉ lần nữa âm ừ. Chúng tôi phải đi được cách Margrave hơn mười dặm về phía Nam rồi. Roscoe vẫn giữ tốc độ cao theo tính lộ cổ. Rồi cô giảm tốc rẽ theo một nhánh đường bên trái chạy thẳng về phía đường chân trời.

"Ta đang đi đến chỗ quái quỷ nào thế?" tôi hỏi.

"Bệnh viện hạt," Finlay nói. "Ở Yellow Springs. Thị trấn duy nhất ở phía Nam Margrave. Sắp tới rồi."

Chúng tôi tiếp tục chạy xe. Yellow Springs dần hiện ra như một vết nhòe trong quang không khí nóng phía chân trời. Ngay phía trong rìa thị trấn là bệnh viện hạt, gần như chỉ đứng một mình. Được xây dựng ở đây hồi các bệnh lây lan và người ốm bị cách ly. Đây là bệnh viện lớn, gồm các dãy nhà thấp và rộng trải ra trên một khu vực rộng vài acre. Roscoe giảm tốc độ và ngoặt vào lối vào. Chúng tôi chạy qua vài gờ giảm tốc vòng vèo qua mấy dãy nhà đứng riêng ra ở phía sau. Nhà xác là nhà cấp bốn dài có cửa cuốn khá lớn đang kéo lên. Chúng tôi dừng xe khá xa cửa và để xe lại trong sân. Ba người nhìn nhau rồi bước vào.

Một bác sĩ pháp y đón chúng tôi đưa vào một căn phòng. Ông tới ngồi ở một chiếc bàn kim loại rồi vẫy tay ra hiệu cho Finlay và Roscoe ngồi xuống ghế. Tôi tựa người vào một quầy, giữa một máy tính và máy fax. Đây không phải cơ sở làm việc được rót nhiều ngân sách. Nó được trang bị theo kiểu tiết kiệm vài năm trước. Mọi thứ đều cũ, sứt mẻ và bẩn thỉu. Rất khác với trụ sở đồn ở Margrave. Người đàn ông sau chiếc bàn trông mệt mỏi. Không già, không trẻ, có lẽ trạc tuổi Finlay. Áo choàng trắng. Ông giống kiểu người có thể khiến người khác yên tâm về quyết định của mình. Ông không tự giới thiệu. Nghiêm nhiên coi như chúng tôi đã biết ông là ai, nhiệm vụ của ông là gì.

"Các bạn muốn biết gì nào?" ông hỏi.

Nhân viên pháp y lần lượt nhìn qua ba chúng tôi. Chờ đợi. Chúng tôi nhìn lại.

"Đây có phải cùng một vụ không?" Finlay hỏi. Chất giọng Harvard sâu của Finlay nghe chừng không hợp với căn phòng tồi tàn. Bác sĩ pháp y nhún vai với ông.

"Tôi mới nhận thi thể thứ hai được một giờ", ông nói. "Nhưng đúng, tôi có thể nói rằng đây chỉ là một vụ. Gần như chắc chắn là cùng một thứ vũ khí. Trong cả hai trường hợp đều là đạn đầu mềm cỡ nhỏ. Đạn bay chậm, có vẻ như súng gắn thiết bị giảm thanh."

"Cỡ nòng nhỏ à?" tôi nói. "Nhỏ cỡ nào?"

Vị bác sĩ xoay cái nhìn mệt mỏi về hướng tôi.

"Tôi không phải chuyên gia về vũ khí," ông nói. "Nhưng tôi nhận định là cỡ 22. Với tôi cỡ đó là nhỏ. Tôi cho rằng chúng ta đang xem xét các vỏ đạn cỡ 22 có đầu mềm. Ví dụ như đầu của nạn nhân đầu tiên. Hai vết thương vào nhỏ và hai vết thương ra lớn, đặc trưng của đạn cỡ nhỏ đầu mềm."

Tôi gật đầu. Đó là hiện tượng do đạn đầu nhỏ gây ra. Nó bắn vào và dẹt ra. Trở thành một mảnh chì cỡ đồng xu xuyên qua bất kỳ loại mô nào nó gặp phải. Tạo thành một lỗ ra rất lớn. Và nếu đó là một viên đầu mềm cỡ 22 tốc độ thấp đi kèm thiết bị giảm thanh thì cũng có lý. Không tác dụng gì khi sử dụng ống giảm thanh trừ phi tốc độ đạn ra đầu nòng thấp hơn tốc độ âm thanh. Nếu không viên đạn sẽ gây ra tiếng ồn suốt quãng đường bay tới mục tiêu, như một chiếc máy bay chiến đấu tí hon.

"Được rồi," tôi nói. "Họ đã bị giết trên chỗ người ta tìm thấy xác à?"

"Chẳng có gì nghi ngờ về chuyện đó," Finlay đáp. "Chúng ứ máu chỗ thấp đều thể hiện rõ ở cả hai thi thể."

Ông nhìn tôi. Muốn tôi hỏi ông ta chứng ứ máu chỗ thấp là gì. Tôi đã biết nó là gì rồi, nhưng muốn lịch sự nên tôi tỏ ra khó hiểu.

"Chúng ứ máu chỗ thấp sau khi chết," đội trưởng thám tử nói. "Màu tím bầm. Khi ta chết, sự lưu

thông ngưng lại đúng không? Tim không đập nữa. Máu ta tuân theo định luật về trọng lực. Nó dồn xuống phần thấp nhất của cơ thể vào các mao mạch thấp nhất trong người, thường là vào các mao dẫn cực nhỏ trong phần da gần bề mặt ta ngã xuống, dù bề mặt ấy là gì. Các tế bào màu đỏ đọng lại trước. Chúng khiến da có màu đỏ. Rồi chúng đóng cục nên các vết này giữ nguyên, như một tấm ảnh. Sau vài giờ, các vết ấy không thay đổi. Các vết ở nạn nhân đầu tiên hoàn toàn khớp với tư thế của ông ta trên sân trước nhà kho. Ông ấy bị bắn, bị ngã đập đầu xuống, ông ấy bị một tên điên nào đó đá lăn tròn trong vài phút, rồi ông ấy nằm đó trong tám tiếng. Điều đó không có gì phải nghi ngờ."

"Ông thấy chuyện đã nạn nhân thế nào?" Finlay hỏi bác sĩ pháp y.

Vị bác sĩ lắc đầu và nhún vai.

"Tôi chưa bao giờ chứng kiến vụ nào thế này," ông nói. "Đôi khi tôi có đọc trên tạp chí. Rõ ràng là một dạng tâm thần. Không có cách nào giải thích nổi. Làm thế với người chết thì cũng chẳng được gì. Không làm người đó đau đớn bởi anh ta đã chết. Nhưng không hiểu sao kẻ kia phải làm thế thì mới thấy dễ chịu. Con điên giận không thể tin nổi, sức mạnh đáng sợ. Các vết thương thật kinh khủng!"

"Thế còn người thứ hai?"

"Anh ta đã bỏ chạy", viên bác sĩ trả lời. "Phát đạn đầu ở tầm gần trúng lưng nhưng không làm người này gục, anh ta bỏ chạy. Trên đường chạy anh ta dính thêm hai phát nữa. Một phát vào cổ, một phát trúng đùi khiến anh ta mất mạng. Đứt động mạch đùi. Anh ta đã cố chạy được tới đoạn quốc lộ vòng lên cao, rồi ngã xuống và mất máu cho tới chết.

Không có gì hoài nghi về chuyện đó. Nếu như trời không mưa suốt đêm thứ Năm, chắc chắn các vị đã trông thấy vệt máu trên đường rồi. Chắc chắn phải có một gallon (*khoảng 3,78 lít*) và một nửa số này nằm ở đâu đó bởi chắc như đinh đóng cột là nó không còn nằm trong cơ thể người ấy nữa".

Tất cả chúng tôi trở nên im lặng. Tôi nghĩ về cú chạy băng ngang đường đầy tuyệt vọng của nạn nhân thứ hai, cố gắng ẩn nấp trong khi những viên đạn xuyên vào da thịt anh ta. Ngã gục dưới đoạn quốc lộ vòng lên và chết giữa cuộc giành giật khế khàng của những động vật nhỏ hoạt động về đêm.

"Được rồi", Finlay nói. "Thế là chúng ta có thể nhận định rằng hai nạn nhân đã gặp nhau. Kẻ bắn nằm trong nhóm ba tên, hẳn làm hai nạn nhân bất ngờ, bắn hai phát vào đầu nạn nhân đầu tiên trong khi nạn nhân thứ hai bỏ chạy và bị bắn trúng ba phát trong khi đang chạy, đúng không?"

"Ông cho là có ba kẻ tấn công à?" bác sĩ pháp y hỏi.

Finlay hướng về phía tôi và gật đầu. Đây là giả thuyết của tôi, thế nên tôi phải giải thích.

"Có ba đặc điểm tính cách riêng biệt", tôi nói. "Một tên thiện xạ, một tên điên lên cơn và một tên che giấu kém cỏi."

Viên bác sĩ từ từ gật đầu.

"Tôi tin điều đó," ông nói. "Người đầu tiên bị bắn ở cự ly có thể bắn thẳng, do đó ta nên nhận định rằng ông ấy biết những kẻ giết mình và cho phép chúng đến cạnh chứ?"

Finlay gật đầu.

"Chắc chắn phải thế rồi", ông nói. "Năm người gặp nhau. Ba tên tấn công hai người kia. Đây là vụ góm đày, phải không?"

"Chúng ta biết những kẻ tấn công là ai không?" bác sĩ đặt câu hỏi.

"Chúng ta còn chẳng biết tên các nạn nhân nữa"

Roscoe chen vào.

"Có giả thuyết gì về hai nạn nhân không?" Finlay hỏi bác sĩ pháp y.

"Với người thứ hai thì không, trừ cái tên trên đồng hồ đeo tay của anh ta," vị bác sĩ đáp. "Tôi mới biết tên anh ta cách đây một giờ."

"Thế là ông có giả thuyết về nạn nhân đầu tiên à?"

Viên bác sĩ đang xem mấy mảnh giấy trên bàn thì điện thoại đổ chuông. Ông nghe máy rồi đưa cho Finlay.

"Điện thoại của ông," ông ta nói. Finlay vẫn ngồi trên ghế, rướn người ra để nhận cuộc gọi. Lặng nghe một lúc.

"Được rồi," ông nói vào điện thoại. "Chỉ cần in ra và fax tới đây cho chúng tôi, được chứ?"

Rồi ông trao máy lại cho bác sĩ pháp y và ngồi ngay người lại. Gương mặt ông bắt đầu xuất hiện một nụ cười.

"Đó là Stevenson ở đồn," ông nói. "Rốt cuộc chúng ta đã tìm được dấu vân tay khớp với vân tay của nạn nhân đầu tiên. Có vẻ chúng ta đã đúng khi xác minh lại. Stevenson sẽ fax tới đây bây giờ, thế nên hãy nói cho chúng tôi những gì ông đã biết, bác sĩ ạ, và chúng tôi sẽ khớp lại."

Người đàn ông mệt mỏi trong chiếc áo choàng trắng nhún vai rồi cầm một tờ giấy lên.

"Nạn nhân đầu tiên hả?" ông nói. "Tôi không có nhiều lắm. Thi thể nát bấy cả. Người này cao, mạnh khỏe, đầu trọc. Vấn đề chính là những việc liên quan tới răng. Có vẻ như người này đã chữa răng ở khắp nơi. Một số ở Mỹ, một số trông có vẻ ở Mỹ, một số ở nước ngoài."

Ngay cạnh hông tôi, chiếc máy fax bắt đầu phát tín hiệu và kêu rì rì. Một tờ giấy mỏng cuộn vào.

"Vậy ông rút ra được gì từ điều đó?" Finlay hỏi. "Ông ấy là người nước ngoài à? Hay là người Mỹ sống ở nước ngoài hay thế nào?"

Tờ giấy mỏng đã chạy ra, in kín chữ. Rồi chiếc máy ngừng lại im lặng. Tôi cầm tờ giấy lên liếc qua. Rồi tôi đọc hai lần. Tôi lạnh toát người. Tôi bị cơn tê liệt lạnh cóng chụp lấy không thể cử động nổi. Tôi không thể tin nổi những gì mình đang thấy trên tờ fax này. Bầu trời như sụp xuống đầu tôi. Tôi chăm chăm nhìn viên bác sĩ và cất tiếng.

"Ông ấy lớn lên ở nước ngoài," tôi nói. "Sống ở đâu ông ấy cũng phải chữa răng. Ông ấy bị gãy cánh tay phải hồi tám tuổi và được bó bột ở Đức. Ông ấy được cắt amidan trong bệnh viện ở Seoul."

Ông bác sĩ ngược nhìn tôi.

"Họ có thể kết luận như thế qua dấu vân tay của ông ta à?" ông hỏi.

Tôi lắc đầu.

"Người đó là anh trai tôi", tôi nói.

Một lần tôi xem bộ phim của Hải quân về những chuyến thám hiểm ở vùng địa cực băng giá. Ta có thể bước trên một tảng băng cứng. Đột nhiên mặt băng tan ra. Một kiểu sức mạnh không thể tưởng tượng nổi trong các tảng băng trôi. Cả một cấu tạo địa chất mới hình thành. Các vách dựng đứng ở nơi trước vốn bằng phẳng. Những hẻm núi khổng lồ phía sau lưng. Một cái hồ mới hình thành trước mặt. Tất cả thế giới thay đổi chỉ trong một giây. Đó là những cảm giác tôi thấy. Tôi ngồi bên quầy, giữa chiếc máy fax và máy tính, cứng đờ vì sốc, cảm thấy mình như một anh chàng ở Bắc Cực mà thấy toàn bộ thế giới thay đổi chỉ sau một bước chân.

Họ đưa tôi tới phòng lạnh ở phía sau để chính thức nhận dạng thi thể của anh trai. Khuôn mặt anh đã bị hai phát súng bắn thủng và toàn bộ xương đã gãy vỡ nhưng tôi vẫn nhận ra vết sẹo hình sao trên cổ. Anh trai tôi dính vết sẹo này cách đây hai mươi chín năm, khi chúng tôi nghịch một cái chai vỡ. Rồi họ đưa tôi trở lại đồn cảnh sát ở Margrave. Finlay lái xe. Roscoe ngồi ở băng ghế sau cùng tôi, cầm tay tôi suốt cả chặng đường. Chuyến trở về chỉ dài hai mươi phút nhưng trong khoảng thời gian đó tôi sống hết cả hai cuộc đời. Của anh tôi và của tôi.

Anh trai tôi, Joe. Lớn hơn tôi hai tuổi. Anh sinh ở một căn cứ tại vùng Viễn Đông vào cuối thời Eisenhower (*Dwight David "Ike" Eisenhower (1890 -1969): Tổng thống thứ 34 của Hoa Kỳ*). Rồi tôi sinh ra tại một căn cứ ở châu Âu, ngay đầu thời Kennedy. Chúng tôi cùng nhau lớn lên ở khắp nơi trên thế giới, trong khoảng thời gian lưu trú ngắn ngủi và biệt lập của các gia đình quân nhân. Cuộc sống hoàn toàn là những cuộc di chuyển không được lựa chọn đi lúc nào và đi đâu. Nhiều đến mức việc học ở bất kỳ nơi nào đó quá một học kỳ rủi lại tạo cảm giác không bình thường. Nhiều khi hàng năm trời chúng tôi không biết tới mùa đông. Chúng tôi được chuyển khỏi châu Âu vào đầu mùa thu để tới một nơi ở Thái Bình Dương và đến mùa hè thì lại bắt đầu một hành trình mới.

Bạn bè của chúng tôi liên tục biến mất. Một đơn vị được chuyển khỏi nơi nào đó và một nhóm trẻ sẽ đi theo. Đôi khi vài tháng sau chúng tôi gặp lại bọn chúng ở một nơi khác. Nhưng nhiều đứa thì chẳng bao giờ chúng tôi gặp lại. Chẳng ai nói lời đón chào hay tạm biệt. Ta chỉ hoặc ở đó hoặc không ở đó.

Rồi khi Joe và tôi lớn lên, chúng tôi được đưa đi nhiều hơn. Cuộc chiến ở Việt Nam đồng nghĩa với việc quân đội điều động lực lượng quanh thế giới ngày càng nhanh hơn. Cuộc sống từ đó gắn với những khu căn cứ nhật nhòa trong ký ức. Chúng tôi chẳng bao giờ sở hữu thứ gì cả. Trên các máy bay vận tải, mỗi người chúng tôi chỉ được phép mang một ba lô.

Chúng tôi bên nhau trong những căn cứ nhật nhòa đó suốt mười sáu năm. Joe là hằng số duy nhất trong đời tôi. Và tôi yêu anh bằng tình yêu của đứa em trai dành cho anh mình. Nhưng câu này có ý nghĩa rất chính xác. Nhiều câu cửa miệng vẫn vậy mà. Như khi người ta nói rằng ‘người ta ngủ như một đứa trẻ’. Liệu người ta có ý nói rằng ngủ ngon? Hay người ta muốn nói rằng cứ mười phút thì họ thức giấc một lần, hét toáng lên? Tôi yêu Joe với tình cảm của một đứa em trai dành cho anh mình, đồng nghĩa với rất nhiều điều trong gia đình tôi.

Sự thật là tôi không bao giờ biết chắc chắn mình có yêu Joe hay không. Và anh ấy cũng không bao giờ biết chắc chắn liệu tôi có yêu anh hay không. Chúng tôi hơn kém nhau hai tuổi nhưng anh sinh vào thập niên năm mươi còn tôi ra đời vào những năm sáu mươi. Điều đó tạo ra sự khác biệt giữa hai chúng tôi nhiều hơn mức hai năm có thể tạo ra. Và giống như bất kỳ cặp anh em trai nào hơn kém nhau hai tuổi, chúng tôi làm cho nhau khó chịu đến phát điên. Chúng tôi quạu nhau, cãi nhau và buồn bã chờ

đội lớn lên để thoát khỏi nhau. Gần như cả mười sáu năm đó, chúng tôi không biết mình yêu quý hay ghét nhau.

Nhưng hai chúng tôi có những điều mà một gia đình quân đội có. Gia đình là đơn vị. Những người ở căn cứ được dạy trung thành tuyệt đối với đơn vị họ. Đó là điều căn bản nhất trong cuộc sống của họ. Đám con trai tuân thủ điều này. Chúng tôi tuyệt đối trung thành với gia đình mình. Thế nên đôi khi ta có thể ghét anh em mình nhưng ta không để cho bất kỳ kẻ nào gây chuyện với họ. Đó là điều chúng tôi có, cả Joe và tôi. Chúng tôi có sự trung thành vô điều kiện ấy. Ở mọi sân trường mới, chúng tôi đều đứng tựa lưng vào nhau và tung đòn để xử lý rắc rối. Tôi trông chừng anh và anh trông chừng tôi, như các anh em trai vẫn làm. Trong suốt mười sáu năm. Tuổi thơ của chúng tôi không giống với những đứa trẻ bình thường khác, nhưng tôi thích thế. Joe gần như là khởi đầu cũng như kết thúc của tuổi thơ ấy. Và bây giờ kẻ nào đó đã giết anh. Tôi ngồi ở băng ghế sau của chiếc xe cảnh sát hiệu Chevrolet và lắng nghe tiếng nói rất nhỏ trong tai mình hỏi xem tôi sẽ làm gì với chuyện đó.

Finlay chạy thẳng qua Margrave và đỗ xe bên ngoài đồn. Ngay ở rìa đường đối diện những cánh cửa nặng nề bằng kính. Ông cùng Roscoe ra khỏi xe rồi đứng đó đợi tôi, hệt như Baker và Stevenson đã làm cách đây bốn mươi tám tiếng. Tôi ra khỏi xe đứng cùng họ trong cái nắng trưa. Chúng tôi đứng một lúc, rồi Finlay kéo cánh cửa nặng nề và cả ba bước vào trong. Bước qua phòng họp không người tới căn phòng lớn đầy đồ gỗ hồng sắc.

Finlay ngồi bên bàn. Tôi ngồi vào đúng chiếc ghế mình đã ngồi hôm thứ Sáu. Roscoe kéo một chiếc ghế đến bên cạnh tôi. Finlay lạch xạch mở một ngăn kéo bàn. Lấy ra chiếc đài ghi âm. Thực hiện toàn bộ việc ông hay làm, gõ tay vào micro để thử. Rồi ông ngồi yên nhìn tôi.

"Tôi rất tiếc về chuyện anh trai ông", ông nói.

Tôi gật đầu. Không nói gì cả.

"Tôi e là sẽ phải đặt cho ông nhiều câu hỏi", đội trưởng thám tử tiếp tục.

Tôi chỉ gật đầu lần nữa. Tôi hiểu tình thế của ông. Bản thân tôi đã từng ở vị trí của ông rất nhiều lần.

"Ai là người họ hàng gần nhất với ông ấy?" Finlay hỏi.

"Tôi," tôi đáp. "Trừ phi anh ấy lập gia đình mà không bảo tôi."

"Ông có nghĩ rằng có thể ông ấy đã làm việc đó không?"

"Chúng tôi không gần gũi lắm", tôi nói. "Nhưng tôi không nghĩ thế."

"Cha mẹ ông mất cả rồi à?"

Tôi gật đầu. Finlay cũng gật đầu. Ghi lại tên tôi với tư cách người họ hàng gần nhất.

"Tên đầy đủ của ông ấy là gì?"

"Joe Reacher," tôi nói. "Không có tên đệm".

"Thế là nói tắt của Joseph à?"

"Không," tôi nói. "Chỉ là Joe thôi. Kiểu như tên tôi chỉ là Jack. Tôi có người cha thích những cái tên đơn giản." "Được rồi," Finlay nói. "Ông ấy bao nhiêu tuổi?"

Tôi đọc cho ông ngày, tháng, năm sinh của Joe. "Lớn hơn tôi hai tuổi."

"Vậy là ông ấy ba mươi tám?"

Tôi gật đầu. Baker đã nói rằng có lẽ nạn nhân chừng bốn mươi. Có lẽ Joe không già hơn tuổi.

"Ông có địa chỉ hiện tại của ông ấy không?"

Tôi lắc đầu.

"Không," tôi nói. "Washington DC, ở nơi nào đó. Như tôi đã nói, chúng tôi không gần gũi lắm."

"Được rồi", Finlay lại nói. "Lần gần đây nhất ông gặp ông ấy là khi nào?"

Cách đây chừng hai mươi phút," tôi nói. "Trong nhà xác."

Finlay gật đầu. "Trước đó kia?"

"Bảy năm trước", tôi đáp. "Trong đám tang mẹ tôi." "Ông có ảnh của ông ấy không?"

"Ông đã trông thấy mọi thứ đồ của tôi trong túi tư trang," tôi nói. "Tôi không có bức ảnh nào cả."

Đội trưởng thám tử lại gật đầu. Im lặng. Ông ta đang thấy chuyện này khó.

"Ông có thể mô tả ông ấy được không?"

"Trước khi mặt anh ấy bị bắn nát à?"

"Ông biết là điều đó có thể hữu ích mà," Finlay nói. "Chúng tôi cần tìm ra người nào đã trông thấy ông ấy, ở đâu và khi nào."

Tôi gật đầu.

"Anh ấy trông giống tôi, tôi cho là thế," tôi nói. "Có lẽ cao hơn khoảng hai phân và nặng kém tôi năm cân."

"Vậy ông ấy thế nào, chừng một mét chín tám à?"

"Đúng," tôi đáp. "Và nặng chừng một trăm cân, có thể tầm đó."

Finlay ghi lại toàn bộ.

"Và ông ấy cao tọc đầu à?" ông ta hỏi.

"Lần trước tôi gặp anh ấy thì không thế", tôi nói. "Anh ấy để tóc như bất kỳ ai khác",

"Cách đây bảy năm, đúng không?"

Tôi nhún vai.

"Có lẽ anh ấy bắt đầu hói", tôi nói. "Có lẽ anh ấy tuyệt vọng về chuyện đó."

Finlay gật đầu.

"Ông ấy làm nghề gì?" viên thám tử hỏi nấp.

"Lần cuối cùng tôi nghe nói là anh ấy làm cho Bộ Tài chính," tôi nói. "Làm gì thì tôi không chắc chắn."

"Trước đó ông ấy làm ở đâu?" Finlay hỏi. "Ông ấy cũng qua quân đội chứ?"

Tôi gật đầu.

"Lực lượng tình báo quân đội", tôi nói. "Sau một thời gian thì ra quân, rồi anh ấy làm việc cho chính phủ",

"Anh trai đã viết thư cho ông kể rằng ông ấy từng qua đây, đúng không?"

"Anh ấy có nhắc tới chuyện về Blake Mù," tôi nói. "Không nói chuyện gì đã khiến anh ấy tới đây. Nhưng tìm hiểu không khó đâu."

Finlay gật đầu.

"Chúng tôi sẽ gọi vài cuộc điện thoại trong buổi sáng hôm nay", ông ta nói. "Cho tới khi ấy, ông có chắc chắn là không biết gì về lý do ông ấy tới đây chứ?"

Tôi lắc đầu. Tôi chẳng biết chút gì về lý do khiến Joe tới đây. Nhưng tôi biết là Hubble biết. Joe là nhân viên điều tra đáng cao có cái đầu tọc và bí số. Hubble đã yêu cầu Joe tới đây và anh ta biết chính xác vì sao. Việc đầu tiên cần làm là tìm Hubble để hỏi anh ta về điều đó.

"Ông nói ông không thể tìm thấy Hubble à?" tôi hỏi Finlay.

"Chẳng tìm thấy anh ta ở đâu cả," viên cảnh sát đáp "Anh ta không ở nhà trên phố Beckman Drive và không ai trông thấy anh ta ở thị trấn. Hubble biết toàn bộ chuyện này phải không?"

Tôi chỉ nhún vai. Tôi có cảm giác như mình muốn giữ vài quân bài tử. Nếu phải ép Hubble để

biết điều anh ta không sẵn lòng nói ra, tôi sẽ phải làm việc đó một mình. Tôi không muốn Finlay thấy tôi làm việc đó. Ông ta có thể nghĩ rằng tôi quá mạnh tay. Và dứt khoát tôi không muốn thấy Finlay làm việc gì. Tôi không muốn để Finlay ép buộc Hubble. Có thể tôi nghĩ ông ta không đủ mạnh tay trong chuyện đó. Và dù gì thì Hubble sẽ dễ dàng nói với tôi hơn nói với cảnh sát. Anh ta đã hé cho tôi biết chút ít rồi. Thế nên việc Hubble biết được bao nhiêu sẽ là bí mật của tôi. Ít nhất là ở thời điểm này.

"Không rõ Hubble biết gì," tôi nói. "Chính ông đã nói rằng anh ta đã suy sụp còn gì."

Finlay lại lần nữa âm ừ và nhìn qua bàn sang tôi. Tôi có thể thấy ông bước vào đợt suy nghĩ mới. Tôi khá chắc chắn nó là gì. Tôi đã chờ đợi nó nổi lên. Có một phương pháp đáng tin cậy xử lý các vụ án mạng. Nó xuất phát từ các con số thống kê và rất nhiều kinh nghiệm. Phương pháp này có nội dung: khi ta tiếp nhận một người chết, trước tiên ta xem xét gia đình người đó. Bởi rất nhiều vụ án mạng do người họ hàng gây ra. Vợ chồng, con cái. Và anh em. Đó là lý thuyết. Finlay đã chứng kiến việc đó diễn ra cả trăm lần trong hai mươi năm công tác ở Boston. Giờ thì tôi có thể thấy ông đang nghĩ về điều đó tại Margrave này. Tôi cần can thiệp vào chuyện này. Tôi không muốn ông nghĩ về chuyện đó. Tôi không muốn lãng phí thêm thời gian trong nhà giam. Tôi cho rằng có thể mình cần thời gian cho một việc khác.

"Ông vui với bằng chứng ngoại phạm của tôi phải không?" tôi lên tiếng.

Finlay biết tôi đang hướng đi đâu. Như thể chúng tôi là đồng nghiệp cùng giải quyết một vụ nhiều nút thắt. Ông dành cho tôi một cái cười nhảu nhở.

"Bằng chứng chắc chắn", viên thám tử đáp. "Lúc chuyện này xảy ra thì ông đang ở Tampa."

"Được rồi", tôi nói. "Và đồn trưởng Morrison thoải mái với điều đó chứ?"

"Ông ấy không biết chuyện này", Finlay đáp. "Ông ấy không nghe điện thoại."

"Tôi không muốn có bất kỳ nhầm lẫn nào nữa", tôi bảo. "Lão béo khôn kiếp bảo rằng lão đã trông thấy tôi trên khu đó. Tôi muốn lão biết rằng điều ấy sẽ không được chấp nhận đâu."

Finlay gật đầu, cầm điện thoại bàn lên bấm số. Tôi nghe tiếng tín hiệu vo vo lạo xạo vọng ra từ tai nghe. Nó đổ chuông một lúc lâu rồi dứt phụt khi Finlay bỏ máy.

"Không ở nhà", ông ta nói. "Hôm nay là Chủ nhật mà?"

Rồi đội trưởng thám tử lôi cuốn danh bạ điện thoại trong ngăn kéo ra. Mở đến vần H. Tìm số của nhà Hubble trên phố Beckman Drive. Bấm số và nhận được kết quả tương tự. Nhiều tín hiệu chờ và không ai ở nhà. Rồi ông ta gọi thử vào số di động. Một giọng điện tử cất lên bảo ông ta rằng điện thoại của anh ta đã tắt. Finlay bỏ máy trước khi giọng kia nói xong.

"Khi tìm được Hubble tôi sẽ đưa anh ta về đồn", Finlay bảo. "Anh ta biết những điều nên nói cho chúng ta. Từ giờ tới khi đó tôi không thể làm gì nhiều, đúng không?"

Tôi nhún vai. Đội trưởng thám tử nói đúng, đây là vụ rất ít dấu vết. Đốm lửa duy nhất Finlay biết là cơn hoảng sợ Hubble bộc lộ hôm thứ Sáu.

"Ông sẽ làm gì, Reacher?" ông ta hỏi tôi.

"Tôi sẽ suy nghĩ về chuyện đó", tôi nói.

Finlay nhìn thẳng vào tôi. Không ác cảm nhưng nghiêm khắc, như thể ông đang cố gắng phát ra một mệnh lệnh và một lời kêu gọi chỉ bằng cái nhìn nghiêm khắc mắt đối mắt.

"Để tôi xử lý chuyện này, được chứ?" đội trưởng thám tử nói. "Ông sẽ cảm thấy rất tệ, và muốn công lý được thực thi, nhưng tôi không muốn bất kỳ hoạt động độc lập nào diễn ra ở đây, được không? Đây là việc của cảnh sát. Ông là thường dân. Để tôi xử lý vụ này, được chứ?"

Tôi nhún vai gật đầu. Đứng dậy nhìn cả hai.

"Tôi sẽ đi dạo một chút", tôi nói.

Tôi để hai người ngồi đó và bước qua phòng họp. Đẩy những tấm cửa kính để bước vào buổi chiều nóng nực. Lang thang qua bãi đỗ xe, băng ngang bãi cỏ rộng phía trước tới tận bức tượng đồng. Đây là một bức tượng khác của Caspar Teale, dù tay này là kẻ quái nào chẳng rõ. Vẫn là tay đứng trên bãi cỏ ở rìa Nam thị trấn. Tôi tựa người vào cái sườn kim loại ấm áp của ông ta và suy nghĩ. Mỹ là một đất nước khổng lồ. Vài triệu dặm vuông. Gần ba trăm triệu dân. Đã bảy năm tôi không gặp Joe, và anh cũng không trông thấy tôi, nhưng chúng tôi rốt cuộc đã cùng có mặt chính xác ở một điểm bé xiu, cách nhau tám tiếng. Tôi đã bước tới chỗ cách thi thể anh nằm chừng năm mươi mét. Đó quả là sự trùng hợp ghê gớm. Gần như không tin nổi. Vậy nên Finlay đã tạo cho tôi một ân huệ lớn khi coi đó là sự trùng hợp. Lẽ ra ông ta nên bác bỏ bằng chứng ngoại phạm của tôi. Có lẽ ông ta đã làm thế. Có thể ông ta đang gọi điện tới Tampa để xác minh lần nữa rồi. Nhưng ông ta sẽ chẳng tìm được gì, bởi đây là sự trùng hợp. Chẳng ích gì khi cứ xét đi xét lại. Tôi chỉ có mặt ở Margrave do một ý nghĩ điên rồ nảy ra vào phút cuối cùng. Nếu như tôi xem tấm bản đồ của người đi cùng xe thêm một phút thôi thì xe đã chạy qua giao lộ rồi, và tôi sẽ quên hết về Margrave. Tôi sẽ tới Atlanta và không bao giờ biết chuyện gì về Joe. Có lẽ phải mất thêm bảy năm nữa tin tức về anh mới đến được với tôi. Giờ đây điều duy nhất tôi phải quyết định là làm gì với chuyện này.

Tôi bắt đầu gắn với sự trung thành lúc chừng bốn tuổi. Đột nhiên tôi thấy mình cần trông chừng Joe theo cách anh đã trông chừng tôi. Sau một thời gian, việc đó trở thành bản năng thứ hai, như một việc mang tính tự động. Trong đầu tôi luôn thường trực việc tìm kiếm Joe xem anh có ổn không. Rất nhiều lần tôi lao vào sân một ngôi trường mới và thấy một đám nhóc đang bắt nạt anh bạn cao gầy mới đến. Tôi sẽ phi tới, lôi chúng ra và khiến vài cái đầu sưng u lên. Rồi tôi sẽ trở lại với đám bạn của mình, đá bóng hay tiếp tục làm việc chúng tôi đang làm. Nhiệm vụ đã hoàn thành, như một công việc thường xuyên. Đó là việc thường xuyên diễn ra trong suốt mười hai năm, từ lúc tôi lên bốn đến khi rốt cuộc Joe cũng xa gia đình. Mười hai năm thường xuyên làm việc ấy đã để lại những vết hằn mờ mờ trên não tôi bởi mãi về sau tôi vẫn luôn văng vẳng nghe một câu hỏi vọng về: Joe đang ở đâu? Khi anh đã lớn và đi xa, việc anh ở đâu cũng chẳng thành vấn đề. Nhưng tôi luôn nhận thức được tiếng vọng mờ mờ của thói quen cũ ấy. Sâu thẳm trong lòng, tôi luôn biết rằng mình phải bảo vệ Joe nếu cần.

Nhưng bây giờ Joe đã qua đời. Anh chẳng ở đâu cả. Tôi thì người vào bức tượng trước đôn cảnh sát và lắng nghe một tiếng nói rất nhỏ trong đầu mình: *em phải làm điều gì đó*.

Cánh cửa trụ sở đồn đẩy mở. Tôi nheo mắt nhìn qua đám hơi nóng thì thấy Roscoe bước ra. Mặt trời ở phía sau khiến tóc cô sáng lên như vàng hào quang. Nữ cảnh sát lướt mắt trông thấy tôi đang dựa vào bức tượng ở giữa bãi cỏ. Cô liền bước về phía tôi. Tôi đẩy người khỏi bức tượng.

"Anh ổn chứ?" Roseoe hỏi tôi.

"Tôi ổn."

"Anh chắc không?"

"Tôi không suy sụp đâu", tôi nói. "Có lẽ tôi nên thế, nhưng tôi lại không vậy. Nói thật là tôi chỉ cảm thấy tê liệt".

Điều đó đúng. Tôi không cảm thấy gì nhiều. Có lẽ đây là một kiểu phản ứng kỳ lạ, nhưng nó là những gì tôi cảm thấy. Phủ nhận điều đó chẳng có ích gì.

"OK," Roscoe nói. "Tôi có thể chở anh đi đâu đó được chứ?"

Có lẽ Finlay đã cử nữ cảnh sát ra theo dõi tôi, nhưng tôi sẽ chẳng bật ra nhiều lời phản đối việc ấy. Roscoe đang đứng đây dưới ánh nắng, trông thật tuyệt. Tôi nhận ra rằng lần nào nhìn nữ cảnh sát

này tôi cũng thấy thích cô.

"Muốn chỉ cho tôi xem nơi ở của Hubble chứ?" tôi hỏi.

Tôi có thể thấy Roscoe đang suy nghĩ về việc đó.

"Chúng ta không nên để việc đó cho Finlay sao?" cô hỏi lại.

"Tôi chỉ muốn xem anh ta đã trở về nhà chưa", tôi nói. "Tôi sẽ không ăn thịt anh ta. Nếu anh ta ở đó, chúng ta sẽ gọi cho Finlay ngay lập tức, được chứ?"

"Được", nữ sĩ quan đáp. Cô nhún vai mỉm cười. "Ta đi thôi",

Chúng tôi cùng bước trở lại qua bãi cỏ vào chiếc xe cảnh sát hiệu Chevy của Roscoe. Cô nổ máy lái ra khỏi bãi. Rẽ trái rồi chạy về phía Nam qua thị trấn nhỏ hoàn hảo. Hôm nay là một ngày tháng Chín tuyệt vời. Mặt trời tươi sáng đã biến nó thành một giấc mơ. Vía hè lát gạch sáng lên còn lớp sơn trắng thì chói lóa. Toàn bộ nơi này yên tĩnh ngập chìm trong cái nóng của ngày Chủ nhật. Không một bóng người.

Roscoe bẻ lái sang phải chỗ bãi cỏ nhỏ và rẽ vào đường Beckman Drive. Vòng quanh khoảng đất có nhà thờ. Những chiếc xe không còn ở đó, nơi này yên tĩnh. Buổi lễ đã xong. Beckman mở ra trước mắt, một con phố dân cư rộng hơi dốc lên, hai bên đường trồng cây. Nó mang lại cảm giác của sự giàu có. Mát mẻ, rợp bóng cây và sung túc. Đó là điều những người làm nghề bất động sản muốn nói khi đề cập tới vị trí. Tôi không thể trông thấy các căn nhà. Chúng nằm sâu phía sau những ô cỏ rộng, cây lớn và những hàng rào cao. Đường cho xe từ nhà ra phố uốn cong khuất tầm mắt. Thi thoảng tôi thoáng thấy một mái cổng màu trắng hay mái lợp màu đỏ. Càng đi xa, các lô đất càng lớn. Các thùng thư cách nhau tới vài trăm mét. Những cây trường thành khổng lồ. Một khu vực yên bình. Nhưng là một khu vực có những câu chuyện ẩn sau các mặt tiền đầy cỏ cây. Trong trường hợp của Hubble, đó là một câu chuyện tuyệt vọng đã đẩy anh ta liên lạc với anh trai tôi. Một câu chuyện đã khiến anh trai tôi bị giết.

Roscoe chạy chậm lại bên một thùng thư màu trắng rồi rẽ trái vào lối chạy xe của nhà số 25. Cách trung tâm thị trấn chừng một dặm, bên trái, lưng quay lại mặt trời buổi chiều. Đây là căn nhà cuối cùng trên con phố. Phía trước là những lùm đào kéo dài trong lớp hơi nóng. Chúng tôi chậm chậm chạy vào lối chạy xe uốn lượn, hai bên là hai hàng cây được xén tỉa.

Căn nhà không như tôi tưởng tượng. Tôi đã hình dung nó là một căn nhà lớn màu trắng, như một căn nhà thông thường song lớn hơn. Căn này còn tráng lệ hơn. Một cung điện. Khổng lồ. Mọi chi tiết đều xa xỉ. Những mảng trái sỏi, những trang cỏ mượt như nhung, những cây khổng lồ đẹp đẽ, mọi thứ đều sáng lên và lôm đốm nắng chiều. Nhưng không có dấu hiệu nào của chiếc Bentley sẫm màu tôi đã trông thấy ở nhà tù. Có vẻ là không ai ở nhà cả.

Roscoe tấp vào gần cửa trước và chúng tôi ra khỏi xe. Nơi này im lặng. Tôi chẳng nghe thấy gì trừ tiếng rì rầm nặng nề của cái nóng buổi chiều. Chúng tôi bấm chuông rồi gõ cửa. Bên trong không ai đáp lại. Chúng tôi nhún vai với nhau và bước qua một bãi cỏ quanh phía hông nhà. Có vài acre cỏ cùng các khóm hoa rực rỡ bao quanh sân vườn. Rồi một hiên rộng và bãi cỏ dài dốc xuống bề bơi khổng lồ. Nước bể dưới nắng có màu xanh sáng. Tôi có thể ngửi thấy mùi clo lơ lửng trong không khí.

"Ở nơi nào đó," Roscoe nói.

Tôi gật đầu. Tôi tự hỏi liệu anh trai mình có đang ở nơi ấy không.

"Tôi nghe thấy tiếng xe," nữ cảnh sát tiếp.

Chúng tôi trở lại phía trước nhà đúng lúc chiếc Bentley to lớn từ từ dừng lại. Người phụ nữ tóc vàng mà tôi trông thấy lái xe rời nhà tù bước ra khỏi xe. Cô chờ theo hai đứa con. Một trai, một gái. Đây là gia đình của Hubble. Anh ta yêu họ vô cùng. Nhưng bây giờ anh ta không ở bên họ.

Đường như người phụ nữ tóc vàng biết Roscoe. Họ chào nhau và Roscoe giới thiệu tôi với cô. Cô bắt tay tôi rồi giới thiệu tên là Charlene, nhưng tôi có thể gọi cô là Charlie. Đây là một phụ nữ toát lên vẻ đắt tiền, người cao ráo, mảnh mai, đáng đẹp, ăn mặc chỉnh chu, được yêu chiều. Nhưng khuôn mặt cô đầy thần thái, như một làn gió. Thần thái đủ để khiến tôi thích cô. Người phụ nữ giữ tay tôi và mỉm cười, nhưng đây là một nụ cười mà đằng sau là cả một núi căng thẳng.

"Đây chẳng phải kỳ cuối tuần tuyệt nhất trong đời tôi, tôi e là thế", cô nói. "Nhưng có vẻ như tôi nợ ông rất nhiều lời cảm ơn, ông Reacher. Chồng tôi kể với tôi rằng khi trong tù ông đã cứu mạng anh ấy."

Cô nói với giọng chứa đầy băng đá. Không hướng vào tôi mà hướng vào hoàn cảnh quỷ quái buộc người phụ nữ này phải dùng những từ "chông" và "nhà tù" trong cùng một câu.

"Không vấn đề gì," tôi nói. "Anh ấy đang ở đâu?"

"Lo chút công chuyện", Charlie đáp. "Tôi nghĩ lát nữa anh ấy sẽ về."

Tôi gật đầu. Đó là kế hoạch của Hubble. Anh ta nói sẽ bịa ra một câu chuyện với vợ và rồi cố gắng làm êm mọi chuyện. Tôi tự hỏi liệu Charlie có muốn nói về chuyện ấy không, song hai đứa trẻ đang im lặng đứng bên cô, tôi có thể thấy rằng cô không thể nói chuyện trước mặt chúng. Thế nên tôi nhăn nhó với hai đứa bé. Tôi hy vọng cả hai thấy ngại mà bỏ chạy đi chỗ khác, như bọn trẻ thường làm với tôi, nhưng hai đứa này chỉ nhăn nhó lại.

"Đây là Ben," Charlie bảo. "Còn đây là Lucy."

Hai đứa trẻ trông dễ thương. Đứa con gái vẫn còn vẻ mũm mĩm của trẻ nhỏ. Khuyết mắt răng cửa. Mái tóc đẹp màu cát được bện đuôi sam. Đứa con trai chẳng lớn hơn em gái là mấy. Nó nhỏ người và có gương mặt nghiêm túc. Không phải một tay côn đồ bóng đá ồn ã như hầu hết đám con trai. Đây là hai đứa trẻ ngoan. Lịch sự và trầm tính. Cả hai cùng bắt tay tôi rồi bước trở lại bên mẹ. Tôi nhìn cả ba và chỉ có thể thấy đám mây khủng khiếp đang lưng lờ phía trên đầu họ. Nếu Hubble không cẩn thận, anh ta có thể khiến cả ba mất mạng, như anh ta đã gây ra cho anh trai tôi.

"Hai người sẽ vào dùng chút trà đá chứ?" Charlie hỏi hai chúng tôi.

Người phụ nữ vẫn đứng yên, đầu hát lên một chút như đang đợi câu trả lời. Có lẽ cô chừng ba mươi tuổi, tầm tuổi Roscoe. Nhưng cô có phong thái của một phụ nữ giàu có. Trước đây một trăm năm mươi năm, có lẽ cô là bà chủ của một đồn điền lớn.

"Được chứ," tôi nói. "Cảm ơn cô."

Bọn trẻ chạy đi chơi đâu đó và Charile đưa chúng tôi vào lối cửa trước. Tôi không thật muốn dùng trà đá nhưng lại muốn nán lại phòng trường hợp Hubble quay về. Tôi muốn gặp riêng anh ta chừng năm phút. Tôi muốn hỏi anh ta vài câu hỏi rất khẩn trước khi Finlay khởi sự cùng với lời cảnh báo Miranda.

Một ngôi nhà cực kỳ sang trọng. Không lồ. Trang trí nội thất đẹp đẽ. Sáng sủa và tươi mới. Màu kem mát dịu cùng màu vàng nắng. Hoa. Charlie đưa chúng tôi thẳng ra sân vườn mà hai chúng tôi đã trông thấy từ bên ngoài. Cứ như thứ gì đó lấy từ tạp chí. Roscoe đi cùng chủ nhà giúp pha trà. Để lại tôi một mình trong sân vườn. Điều đó làm tôi thấy bất an. Tôi không quen với nhà. Đã ba mươi sáu tuổi mà tôi chưa bao giờ sống trong căn nhà nào. Rất nhiều khu ở dành cho quân nhân và khu tập thể kinh khủng tro troi khi tôi còn học ở West Point. Đó là những nơi tôi từng sống. Tôi ngồi xuống như một sinh vật lạ xấu xí trên chiếc nệm in hoa đặt trên xô pha đan mây mà chờ đợi. Bất an, tê liệt trong khoảng chết chóc giữa hành động và phản ứng.

Hai người phụ nữ mang trà lại. Charlie bê một chiếc khay bằng bạc. Cô là người phụ nữ đẹp

nhưng đứng cạnh Roscoe thì chẳng là gì. Trong đôi mắt Roscoe có những tia lấp lánh như khiến Charlie trở thành vô hình.

Rồi một chuyện xảy ra. Roscoe ngồi xuống cạnh tôi trên chiếc xô pha mây. Khi ngồi, cô đẩy chân tôi sang một bên. Đây là việc làm không chủ định nhưng rất gần gũi và quen thuộc. Một đầu dây thần kinh đã tê liệt đột nhiên hoạt động hét lên với tôi: Cô ấy cũng thích anh. Cô ấy cũng thích anh. Đó là cách nữ cảnh sát chạm vào chân tôi. Tôi hồi tưởng và nhìn lại mọi chuyện dưới luồng sáng mới ấy. Hành động của Roscoe khi lấy dấu vân tay và chụp ảnh tôi. Mang cà phê cho tôi. Nụ cười cùng cái nháy mắt của cô. Tiếng cười của cô. Làm việc cả đêm thứ Sáu và ngày thứ Bảy để có thể đưa tôi ra khỏi nhà tù Warburton. Lái xe cả chặng đường để đón tôi. Cầm tay tôi sau khi tôi đã thấy thi thể giập nát của anh trai mình. Lái xe đưa tôi tới đây. Cô ấy cũng thích tôi.

Đột nhiên tôi cảm thấy hạnh phúc khi đã nhảy xuống chiếc xe buýt. Vui vì tôi đã đưa ra quyết định điên rồ ở phút cuối cùng. Tôi đột nhiên thấy nhẹ nhõm. Cảm thấy khá hơn. Tiếng nói rất nhỏ trong đầu tôi đã im lặng. Quả là ngay lúc này chẳng có gì cho tôi làm. Tôi sẽ nói chuyện với Hubble khi gặp anh ta. Từ giờ cho tới khi ấy tôi sẽ ngồi trên xô pha cùng với một người phụ nữ xinh đẹp, thân thiện có mái tóc sẫm màu, mặc một chiếc sơ mi vải conon mềm. Nhưng rắc rối sẽ sớm nảy sinh thôi. Luôn luôn thế. Charlie ngồi xuống phía đối diện hai chúng tôi rồi bắt đầu rót trà đá từ bình ra. Mùi chanh và gia vị tỏa ra. Cô bắt gặp ánh mắt tôi liền nở lại đúng nụ cười hàm chứa sự căng thẳng lúc nãy.

"Thường thì trong trường hợp như thế này, tôi sẽ hỏi xem ông đang vui vẻ thế nào với chuyến thăm tới Margrave của chúng tôi", cô nói rồi nhìn tôi, căng thẳng, miệng mỉm cười.

Tôi không thể nghĩ ra câu trả lời. Tôi chỉ nhún vai. Rõ ràng Charlie không hề biết gì. Cô nghĩ chồng mình bị bắt do sự nhầm lẫn nào đó. Không phải bởi anh ta dính vào một vụ rắc rối vừa khiến cho hai người bị giết. Một trong hai người đó là anh trai của kẻ xa lạ đang được cô dành cho nụ cười. Roscoe đỡ lời tôi, rồi hai người bắt đầu buôn chuyện. Tôi chỉ ngồi đó, uống trà chờ Hubble. Anh ta không xuất hiện. Rồi cuộc nói chuyện chấm dứt và chúng tôi phải ra khỏi đây. Charlie sốt ruột như có việc gì đó phải làm. Roscoe đặt tay lên cánh tay tôi. Sự đụng chạm khiến tôi như bị điện giật.

"Ta đi thôi," cô nói. "Tôi sẽ chờ anh quay lại thị trấn".

Tôi cảm thấy không ổn khi mình không ở lại chờ Hubble. Điều đó khiến tôi cảm thấy mình không trung thành với Joe. Nhưng tôi chỉ muốn được một mình bên Roscoe. Tôi rất muốn được như thế. Có lẽ nỗi đau buồn bị dồn nén đang khiến mong muốn đó mạnh lên. Tôi muốn để lại những vấn đề của Joe tới ngày mai. Tôi tự nhủ rằng dù sao cũng không có lựa chọn nào. Hubble đã không xuất hiện. Tôi chẳng thể làm gì khác. Thế nên chúng tôi cùng nhau trở lại chiếc Chevy và chạy theo lái chạy xe quanh co. Chạy theo phố Beckman. Đến cuối con phố dài một dặm này thì nhà cửa mọc dày hơn. Chúng tôi vòng qua nhà thờ. Bãi cỏ nhỏ với bức tượng Caspar Teale nằm ở phía trước.

"Reacher," Roscoe cất tiếng. "Anh sẽ ở đây một thời gian phải không? Cho tới khi chúng ta làm rõ chuyện này liên quan thế nào tới anh trai anh hả?"

"Tôi nghĩ là thế," tôi đáp.

"Anh sẽ ở đâu?" cô hỏi.

"Tôi không biết."

Nữ cảnh sát đánh xe vào lề đường gần bãi cỏ. Chuyển số sang chế độ Đỗ xe. Gương mặt cô thể hiện ánh nhìn nhẹ nhàng.

"Em muốn anh về nhà cùng em."

Tôi cảm thấy như mất trí, nhưng vì rất mong như thế nên tôi kéo Roscoe lại và chúng tôi hôn nhau. Nụ hôn đầu tuyệt vời. Khuôn miệng, mái tóc, mùi thơm và hương vị mới lạ. Roscoe hôn dài,

mạnh mẽ, xoắn xuýt. Chúng tôi phải ngừng lấy hơi vài lần trước khi cô tiếp tục lái xe về nhà.

Roscoe phóng hết chừng một phần tư dặm theo một con phố mở ra phía đối diện với Beckman Drive. Khi cô bẻ lái vào con đường dẫn vào nhà, tôi trông thấy một vệt cỏ dưới nắng. Tiếng lốp xe rít lên khi cô dừng xe. Ít nhiều chúng tôi cũng hấp tấp ra khỏi xe lao về phía cửa. Roscoe lấy chìa mở khóa và cả hai bước vào. Cánh cửa sập lại, trước khi chốt cửa đóng lại thì chúng tôi đã ở trong vòng tay của nhau. Chúng tôi hôn nhau và loạng choạng tiến vào phòng khách.

Roscoe thấp hơn tôi chừng ba mươi phân, hai bàn chân đang rời khỏi mặt đất.

Chúng tôi giật hết quần áo của nhau ra như thể đang bị bén lửa. Roscoe tuyệt kinh khủng. Săn chắc, khỏe khoắn và đẹp như mơ. Lốp da mịn như lụa. Cô kéo tôi xuống sàn, qua những dải nắng nóng xuyên qua ô cửa sổ. Thật điên cuồng. Chúng tôi lẫn lộn và chẳng gì có thể ngăn lại nổi. Cứ như đã đến ngày tận thế. Chúng tôi run lên rồi ngừng lại và nằm thở gấp. Cả hai đều đầm mồ hôi. Hoàn toàn kiệt sức.

Chúng tôi nằm thở và vuốt ve nhau. Rồi Roscoe rời ra kéo tôi dậy. Chúng tôi hôn nhau lần nữa khi loạng choạng đi vào phòng ngủ. Roscoe kéo ga trải giường ra và cả hai ngã nhào xuống. Ôm nhau rồi chìm vào cơn mê sau khi làm chuyện ấy. Tôi thấy rã rời. Cảm giác như tất cả xương cốt và cơ bắp làm bằng cao su vậy. Tôi nằm trên chiếc giường lạ phiêu du tới một điểm còn hơn cả sự thư giãn. Tôi đang bay bổng. Cơ thể ấm áp của Roscoe rúc vào bên người tôi. Tôi hít thở qua mái tóc của cô. Bàn tay chúng tôi lười nhác vuốt ve những đường cong mới lạ.

Roscoe hỏi xem tôi muốn tìm một motel không. Hay ở cùng với cô. Tôi bật cười bảo rằng bây giờ cách duy nhất tổng cổ được tôi là đến đồn mang về một cây súng trường xua tôi đi. Tôi còn bảo Roscoe rằng thậm chí biện pháp ấy cũng không hữu hiệu. Cô khúc khích cười và ép mình vào sát hơn.

"Em sẽ không lấy súng trường về đâu", cô thăm thì. "Em sẽ lấy về mấy chiếc còng. Em sẽ còng anh vào chân giường và giữ đó mãi mãi".

Chúng tôi ngủ đến hết buổi chiều. Đến bảy giờ tối tôi gọi cho Hubble. Anh ta vẫn chưa về. Tôi để lại số điện thoại của Roscoe cho Charlie và bảo cô dặn Hubble gọi cho tôi ngay khi về tới nhà. Rồi chúng tôi ngủ cả buổi tối. Đến nửa đêm thì ngủ rất say. Hubble chẳng hề gọi đến.

Sáng thứ Hai, tôi lờ mờ biết việc Roscoe dậy đi làm. Tôi nghe tiếng vòi hoa sen và biết cô nhẹ nhàng hôn mình, rồi căn nhà nóng, yên ắng, tĩnh lặng. Tôi ngủ tiếp tới chín giờ. Điện thoại không đổ chuông. Thế thì ổn. Tôi cần chút thời gian yên tĩnh để suy nghĩ. Tôi phải đưa ra các quyết định. Tôi duỗi chân tay trên chiếc giường ấm áp của Roscoe và bắt đầu trả lời câu hỏi vì sao tiếng nói rất nhỏ trong đầu lại đang hỏi tôi.

Tôi sẽ làm gì với chuyện của Joe? Câu trả lời đến rất dễ dàng. Tôi biết là sẽ thế. Tôi biết nó đã chờ đợi từ lần đầu tiên tôi đứng cạnh thi thể giập nát của anh trong nhà xác. Đó là câu trả lời rất đơn giản. *Tôi sẽ đứng lên vì anh. Tôi sẽ hoàn thành công việc của anh. Dù có là gì đi nữa. Dù phải trả giá thế nào.*

Tôi không thấy trước bất kỳ khó khăn lớn nào. Hubble là mối liên hệ duy nhất tôi có, nhưng anh ta là mối liên hệ duy nhất tôi cần. Anh ta sẽ hợp tác. Anh ta đã dựa vào Joe để giúp mình thoát ra. Giờ thì anh ta dựa vào tôi. Người này sẽ mang lại thứ tôi cần. Thế lực thao túng anh ta dễ bị lộ trong một tuần. Hubble đã nói gì nhỉ? Một ô cửa dễ bị tấn công bây giờ lại mở rộng cho tới tận Chủ nhật? Tôi sẽ sử dụng ô cửa đó để xé xác chúng. Tôi đã quyết, không thể làm cách nào khác. Tôi không thể nhường việc này cho Finlay.

Finlay không hiểu tất cả những năm tháng lịch sử đó. Finlay sẽ không ra những đòn trừng phạt

thích đáng. Finlay không thể hiểu nổi sự thật đơn giản tôi đã học được từ lúc bốn tuổi: *đừng có đụng vào anh tôi*. Thế nên đây là việc của tôi. Giữa tôi và Joe. Đó là nhiệm vụ.

Tôi nằm trên chiếc giường âm áp của Roscoe mà nghiên cứu phương án. Đó sẽ là một tiến trình đơn giản. Đơn giản nhất có thể. Kiểm soát Hubble không khó. Tôi biết nơi anh chàng đang sống. Tôi biết số điện thoại của anh ta. Tôi đuổi người, mỉm cười, tràn đầy nguồn sinh lực không bao giờ cạn kiệt. Ra khỏi giường thì thấy cà phê. Có một mẫu giấy dựng tựa vào ẩm. Mẫu giấy ghi: Ăn trưa sớm ở tiệm Eno nhé? Mười một giờ được không? Để Hubble lại cho Finlay được không? Mẫu giấy có chữ ký cùng nhiều nụ hôn và một hình nhỏ vẽ chiếc còng tay. Tôi đọc và mỉm cười khi nhìn hình vẽ, nhưng tôi sẽ không để Hubble lại cho Finlay. Không được. Hubble là việc của tôi. Thế nên tôi xem số điện thoại lần nữa và gọi đến Beckman Drive. Chẳng có ai ở nhà.

Tôi rót một cốc cà phê lớn rồi bước ra phòng khách. Bên ngoài mặt trời chói lóa. Lại một ngày nóng nữa. Tôi dạo khắp nhà. Đây là căn nhà nhỏ. Một phòng khách, một bếp kiêm phòng ăn, hai phòng ngủ, một phòng tắm và một phòng vệ sinh. Rất mới, rất sạch. Trang trí theo phong cách đơn giản, dịu nhẹ. Là điều tôi nghĩ sẽ có ở Roscoe. Phong cách đơn giản, dịu nhẹ. Phong cách nghệ thuật Navajo dễ chịu, vài thảm dày, tường sơn trắng. Chắc chắn Roscoe đã từng đến New Mexico và thích nơi đó.

Nhà tĩnh lặng, yên ắng. Roscoe có một bộ dàn nghe nhạc, vài đĩa hát cùng vài băng nhạc, nghe ngọt ngào và du dương hơn thứ gào rú ồn ào mà tôi gọi là âm nhạc. Tôi lấy thêm cà phê ở bếp. Trở lại phía sau. Ngoài này có một khoảng sân nhỏ, một trắng cỏ be bé và vài cây thường xuân mới trồng, vỏ cây vụn để ngăn cỏ dại, khu trồng cây được bao bọc bởi gỗ mộc. Tôi đứng trong nắng nhấp cà phê.

Rồi tôi trở vào trong thử gọi cho Hubble lần nữa. Không có người nhắc máy. Tôi tắm rồi mặc quần áo. Roscoe có một bồn tắm đứng loại nhỏ, vòi đặt thấp, xà phòng tắm cho nữ để trong đĩa. Tôi tìm thấy một chiếc khăn tắm trong tủ đồ và chiếc lược trên bàn trang điểm. Không có dao cạo. Tôi mặc đồ rồi xả sạch chiếc cốc uống cà phê. Thử gọi tới số điện thoại nhà

Hubble lần nữa bằng điện thoại trong bếp. Tôi để máy đổ chuông một lúc lâu. Không ai ở nhà. Tôi tính là sau bữa trưa sẽ nhờ xe Roscoe tới đó. Chuyện này sẽ không thể kéo dài mãi được. Tôi khóa cửa sau lại và đi ra cửa trước.

Lúc này khoảng 10 giờ 30. Cách tiệm ăn Eno hơn một dặm. Chặng đường mát khoảng nửa tiếng đi bộ thư thả trong nắng. Trời đã rất nóng. Đã phải tới trên hai bảy độ. Thời tiết mùa thu huy hoàng ở miền Nam. Tôi cuộc bộ một phần tư dặm theo con đường dốc hơi uốn khúc tới Phố Chính. Mọi thứ đều được tía tót đẹp đẽ. Nơi nào cũng có những cây mộc lan cao vút, những bụi hoa nở muộn.

Tôi rẽ ở cửa hàng tiện ích và đi lên Phố Chính. Vĩa hè đã được quét. Tôi có thể thấy những nhóm công nhân làm vườn ở công viên nhỏ. Họ đang xếp bình phun và dùng xe đẩy chuyển đồ ra khỏi những chiếc xe tải màu xanh in dòng chữ Quỹ Klmer màu vàng. Vài người đang sơn hàng rào cọc nhọn. Tôi vẫy tay chào hai ông thợ cắt tóc già trong cửa hàng. Họ đang tìm người phía trong cửa, như đang đợi khách. Hai ông vẫy tay chào lại, tôi tiếp tục bước.

Tiệm Eno hiện ra trước mắt. Lốp ốp ngoài bằng nhôm được đánh bóng lấp lánh dưới nắng. Chiếc Chevrolet đang nằm trong bãi đỗ. Bên cạnh, trên nền sỏi là chiếc bán tải đen hôm qua tôi đã trông thấy bên ngoài tiệm cà phê. Tôi tới tiệm đẩy cửa bước vào. Tôi đã bị giải ra qua cửa này hôm thứ Sáu, với mũi súng trường của Stevenson chĩa vào bụng. Tôi đã bị còng. Tôi tự hỏi liệu người của quán có nhớ không. Có lẽ họ nhớ. Margrave là nơi rất yên ả. Không có nhiều người lạ qua đây.

Roscoe đang ngồi ở chính cái ghế tôi ngồi hôm thứ Sáu. Cô đã trở lại với bộ cảnh phục và trông như người phụ nữ gọi cảm nhất trái đất. Tôi bước tới chỗ Roscoe. Cô ngược lên dành cho tôi nụ cười dịu dàng còn tôi cúi người hôn môi nữ cảnh sát. Roscoe lướt người qua bàn nhựa vinyl về phía cửa

sổ. Trên bàn có hai tách cà phê. Tôi chuyển tách của Roscoe sang bên kia bàn.

Gã lái chiếc xe bán tải đen đang ngồi ở quầy ăn trưa. Thằng con nhà Kliner, con ghê của người phụ nữ có nước da tái nhợt. Hắn xoay chiếc ghế cao đang ngồi để quay lưng lại với quầy phục vụ. Tên này ngồi giạng hai chân, chống hai khuỷu tay lên, đầu ngẩng, hai mắt rục lên một lần nữa chăm chăm nhìn tôi. Tôi xoay lưng về phía hắn và lại hôn Roscoe.

"Liệu chuyện này có hủy hoại quyền lực của em không?" tôi hỏi nữ cảnh sát. "Khi bị người ta trông thấy hôn một gã vô gia cư bị bắt tại đây hôm thứ Sáu?"

"Có lẽ có," cô đáp. "Nhưng ai quan tâm chứ?"

Thế nên tôi hôn lần nữa. Con trai nhà Kliner đang quan sát. Tôi có thể cảm nhận được cái nhìn ở gáy mình. Tôi xoay người nhìn lại hắn. Hắn giữ ánh nhìn ở tôi chừng một giây rồi tuột xuống ghế bỏ đi. Dừng lại ở cửa và trừng trừng nhìn tôi lần cuối cùng. Rồi hắn vội vã đến bên chiếc xe bán tải của mình và lái đi. Tôi nghe tiếng gầm của động cơ, rồi tiệm ăn lại yên tĩnh. Có thể nói nơi này trông trơn, hết như hôm thứ Sáu. Hai ông già và hai nữ phục vụ. Vẫn là hai cô phục vụ hôm thứ Sáu. Tóc vàng, một người cao lớn hơn người còn lại. Đồng phục của nữ nhân viên phục vụ. Người thấp hơn đeo kính. Không phải y đúc nhau nhưng cũng nhang nhác giống. Như chị em ruột hay chị em họ. Cùng gốc gác ở nơi nào đó. Một thị trấn nhỏ, ở nơi xa xôi.

"Anh đã quyết định", tôi nói. "Anh phải tìm hiểu chuyện đã xảy ra với Joe. Thế nên anh chỉ muốn xin lỗi trước, đề phòng việc ấy ảnh hưởng tới công việc của em, được chứ?"

Roscoe nhún vai và lại nở một nụ cười dịu dàng. Trông có vẻ lo cho tôi.

"Sẽ không ảnh hưởng gì đâu", cô nói. "Chẳng có lý nào lại như thế cả."

Tôi nhấp cà phê. Cà phê ngon. Tôi nhớ hôm thứ Sáu vừa rồi cũng vậy.

"Bọn em đã có danh tính của người thứ hai," cô nói "Các dấu vân tay của anh ta khớp với một vụ bắt giữ cách đây hai năm ở Florida. Tên anh ta là Sherman Stoller. Cái tên đó có ý nghĩa gì với anh không?"

Tôi lắc đầu.

"Chưa bao giờ nghe nói tới anh ta cả," tôi nói.

Rồi máy nhắn tin của Roscoe đổ chuông. Đó là loại máy nhắn tin nhỏ màu đen cài vào thắt lưng. Trước đây tôi không thấy. Có lẽ cô chỉ bị yêu cầu sử dụng trong giờ làm việc. Nó đang đổ chuông. Roscoe vòng tay tắt đi.

"Chết tiệt", cô nói. "Em phải gọi về đồn. Xin lỗi nhé. Em sẽ dùng điện thoại trong xe."

Tôi chuỗi người khỏi ghế để nhường lối cho Roscoe ra.

"Gọi cho em chút đồ ăn, được không?" cô hỏi. "Em sẽ ăn bất kỳ món gì anh dùng."

"Được", tôi nói. "Em chọn cô nào làm người phục vụ bọn mình?"

"Cô đeo kính ấy," Roscoe đáp.

Cô bước ra khỏi tiệm. Tôi có thể nhìn thấy cô khom người nhào vào trong xe để gọi điện thoại. Rồi từ ngoài bãi đỗ, Roscoe ra hiệu gọi tôi. Ra dấu khẩn cấp. Rằng cô phải trở về đồn. Rằng tôi nên ở yên đây. Roscoe nhảy vào xe lái đi, về phía Nam. Tôi mơ hồ vẫy tay chào, không thực sự nhìn theo bởi tôi đang chăm chăm nhìn cô phục vụ. Tôi hầu như ngừng thở. Tôi cần Hubble. Vậy mà Roscoe lại vừa mới nói với tôi rằng anh ta đã chết.

Tôi chờ dẫn nhìn qua phía hai nhân viên phục vụ tóc vàng. Một người cao hơn người còn lại chừng bảy, tám phân. Có lẽ nặng hơn bảy, tám cân. Già hơn vài tuổi. Nếu so sánh thì cô kia người nhỏ thó. Trông khá hơn. Cô có mái tóc dài hơn, sáng màu hơn. Đôi mắt đẹp sau cặp kính. Nếu hai người này đứng cạnh nhau thì ta dễ nhận thấy họ có vẻ ngoài nhang nhác nhau. Nhưng không giống nhau như đúc. Giữa họ có cả triệu điểm khác biệt. Không thể có chuyện khó phân biệt hai người.

Tôi đã hỏi Roscoe xem cô ấy muốn người nào phục vụ chúng tôi. Và cô đã trả lời ra sao? Cô không bảo đó là người nhỏ hơn, người có mái tóc dài, người có tóc vàng hơn, người gầy mảnh hơn, xinh hơn hay người trẻ hơn. Cô bảo là người đeo kính. Một người đang đeo kính, người kia thì không. Người phục vụ chúng tôi là người đeo kính. Đeo kính là khác biệt lớn giữa hai người. Nó vượt lên mọi khác biệt còn lại. Những khác biệt còn lại là những yếu tố chỉ mức độ. Cao hơn, nặng hơn, dài hơn, thấp hơn, nhỏ hơn, xinh hơn, sẫm màu hơn, trẻ hơn. Cặp kính không phải là yếu tố chỉ mức độ. Một phụ nữ đeo kính, người kia thì không. Sự khác biệt tuyệt đối. Không nhầm lẫn. Người phục vụ chúng tôi là người đeo kính.

Đó là điều Spivey đã trông thấy vào đêm thứ Sáu.

Spivey đã tới khoang tiếp đón lúc hơn mười giờ. Cùng một khẩu súng trường và một bảng ghi trong đôi tay to đơ lựng của một người nông dân. Hắn đã hỏi ai trong chúng tôi là Hubble. Tôi nhớ giọng the thé của hắn trong cái tĩnh lặng của phòng giam. Chẳng có lý do nào để hắn hỏi câu đó. Tại sao Spivey lại quan tâm người nào trong chúng tôi là ai chứ? Hắn không cần phải biết. Nhưng hắn đã hỏi. Hubble đã giơ tay lên. Spivey đã nhìn khắp người anh ta bằng đôi mắt rắn của mình. Hắn đã thấy rằng Hubble nhỏ hơn, thấp hơn, nhẹ hơn, màu cát đậm hơn, hói hơn, trẻ hơn tôi. Nhưng đâu là sự khác biệt mà hắn bám lấy? Hubble đeo kính. Tôi thì không. Đôi gọng kính nhỏ bằng vàng. Sự khác biệt tuyệt đối. Đêm đó Spivey đã tự nhủ: Hubble là gã đeo kính.

Nhưng tới sáng hôm sau thì tôi là kẻ đeo kính, không phải Hubble. Bởi đôi gọng nhỏ bằng vàng đã bị lũ Trai Đỏ dẫm bẹp ngoài buồng giam của bọn tôi. Việc đầu tiên diễn ra vào buổi sáng. Cặp gọng nhỏ bằng vàng bị hỏng. Tôi đã tước cái kính mát của một trong số chúng làm chiến lợi phẩm. Lấy kính xong quên mất. Tôi đã tựa vào bồn rửa trong phòng tắm xem xét phần trán mềm của mình qua chiếc gương thép. Tôi đã cảm nhận được cái kính mát trong túi. Tôi lôi ra đeo vào. Hai mắt kính không tối bởi chúng phải phản ứng với ánh sáng mặt trời. Cái kính đó trông như kính thường. Tôi đã đeo kính đứng đó lúc bọn Aryan tiến vào phòng. Spivey mới nói với chúng: hãy tìm hai thằng mới và giết thằng đeo kính. Chúng đã rất cố gắng. Chúng đã rất cố gắng để giết Paul Hubble.

Bọn chúng đã tấn công tôi bởi miêu tả chúng nhận được đột nhiên trở thành miêu tả sai. Spivey đã thông báo điều ấy trước đó khá lâu. Kẻ giao cho hắn xử lý Hubble đã không bỏ cuộc. Chúng đã nỗ lực lần thứ hai. Và nỗ lực thứ hai đã thành công. Toàn bộ lực lượng của đồn cảnh sát đã được huy động tới Beckman Drive. Tới số nhà 25. Bởi người nào đó đã phát hiện thấy hiện trường khủng khiếp tại nơi ấy. Thảm sát. Anh ta đã chết. Cả bốn người đã chết. Bị tra tấn và giết một cách dã man. Do lỗi của tôi. Tôi đã thiếu suy xét.

Tôi chạy tới quầy. Nói với người phục vụ của chúng tôi. Người đeo kính.

"Cô có thể gọi cho tôi một chiếc taxi không?" tôi hỏi.

Đầu bếp đang quan sát từ cửa bếp. Có lẽ ông ta chính là Eno. Thấp, chắc nịch, da sẫm, hói. Già hơn tôi.

"Không, chúng tôi không thể", ông ta gọi với ra. "Ông nghĩ nơi này là đâu vậy? Khách sạn à? Đây không phải khách sạn Waldorf Astoria, ông bạn. Nếu muốn có taxi, ông phải tự tìm. Ông không được đón chào ở đây, ông bạn. Ông chỉ tổ gây rắc rối."

Tôi thất vọng nhìn tay đầu bếp. Kiệt quệ đến mức không phản ứng được gì. Nhưng cô phục vụ chỉ bật cười với ông ta. Đặt bàn tay lên cánh tay tôi.

"Đừng để tâm tới Eno," cô nói. "Ông ấy chỉ là lão già gắt gỏng thôi. Tôi sẽ gọi taxi cho ông. Chỉ cần chờ ngoài bãi đỗ xe, được chứ?"

Tôi chờ phía ngoài đường. Năm phút. Taxi chạy tới. Mới tinh và không chút tì vết, như mọi thứ khác ở Margrave.

"Đi đâu đây, thưa ngài?" tài xế taxi hỏi.

Tôi đọc cho anh ta địa chỉ nhà Hubble, anh này làm một cú xoay đầu rộng, chậm rãi, từ mé này qua mé kia tỉnh lộ. Hướng về phía thị trấn. Chúng tôi chạy qua đồn cứu hỏa và đồn cảnh sát. Bãi đậu xe trống không. Chiếc Chevy của Roscoe không ở đó. Không có xe tuần tra nào. Tất cả đều ra ngoài. Ở nhà Hubble. Chúng tôi ngoặt phải chỗ bãi cỏ và lao qua nhà thờ đang im lặng. Hướng về phía Beckman. Một dặm nữa tôi sẽ thấy một dãy xe phía ngoài căn nhà số 25. Những chiếc xe tuần tra nháy đèn và hú còi. Hai chiếc không sơn phù hiệu của Finlay và Roscoe. Một hoặc hai xe cứu thương. Bác sĩ pháp y sẽ rời căn phòng tòi tàn của ông ta ở Yellow Springs để tới đó.

Nhưng con phố chẳng có gì. Tôi bước vào lối chạy xe của nhà Hubble. Chiếc taxi quay đầu trở lại thị trấn.

Rồi yên lặng. Sự yên lặng nặng nề ta gặp trên một con phố yên tĩnh vào một ngày nóng tĩnh lặng. Tôi vòng qua hai hàng cây được xén tỉa ở hai bên lối đi. Chẳng có ai ở đây. Không xe cảnh sát, không xe cứu thương, không tiếng la hét. Không tiếng xe đẩy bệnh nhân lạch cạch, không những tiếng thở gấp gấp hoảng sợ. Không cảnh sát chụp ảnh, không có những dải băng phong tỏa hiện trường.

Chiếc Bentley to lớn màu sẫm đang đậu trên lối đi rải sỏi. Tôi đi qua chiếc xe, tiến vào nhà. Cửa trước bật mở. Charlie Hubble chạy vọt ra. Cô đang la hét. Cô đang phát cuồng. Nhưng vẫn sống.

"Hubble mất tích rồi," Charlie hét.

Cô chạy trên lối đi rải sỏi. Đứng ngay trước mặt tôi "Hub đâu rồi ấy," cô hét. "Anh ấy đã mất tích. Tôi không thể tìm được."

Chỉ có mình Hubble. Chúng đã tóm được anh ta và ném ở đâu đó. Người nào đó phát hiện thấy cái xác liền gọi cảnh sát. Người gọi hét lên trên điện thoại, tay bụm lấy miệng vì buồn nôn. Chuỗi xe hơi và xe cứu thương đang ở đó. Không ở đây, tại phố Beckman này. Ở một nơi khác. Nhưng chỉ có một mình Hubble.

"Chuyện gì đó không ổn", Charlie rên rỉ. "Chuyện nhà tù. Chuyện gì đó không ổn ở ngân hàng. Chắc chắn là chuyện đó. Hub đã căng thẳng lắm. Giờ thì anh ấy biến mất. Anh ấy đã mất tích. Chuyện gì đó đã xảy ra, tôi biết là thế".

Cô nhắm chặt hai mắt. Bắt đầu la hét. Charlie đang mất bình tĩnh. Càng lúc càng hoảng loạn. Tôi không biết phải làm thế nào với cô.

"Hôm qua khuya lắm rồi anh ấy mới về nhà", Charlie la lên. "Sáng nay anh ấy vẫn còn ở đây. Tôi đưa Ben và Lucy đi học. Giờ thì anh ấy đi rồi. Anh ấy không đi làm. Anh ấy nhận được một cuộc gọi từ văn phòng bảo anh ấy hãy ở nhà, rồi cặp anh ấy vẫn còn ở đây, các thẻ tín dụng vẫn trong đó, bằng lái xe ở đó, chùm chìa khóa vẫn trong bếp. Cửa trước thì mở toang. Anh ấy không đi làm. Chỉ biến mất thôi."

Tôi đứng yên. Tê liệt. Hubble đã bị lôi ra khỏi nhà và bị giết. Charlie sụp xuống ngay trước mặt

tôi. Rồi cô bắt đầu thì thào với tôi. Tiếng thì thào còn tệ hơn cả tiếng la hét.

"Xe của anh ấy vẫn ở đây," cô thì thào. "Không thể có chuyện anh ấy đã đi bộ tới đâu đó. Hub không bao giờ cuộc bộ đi đâu. Anh ấy luôn dùng chiếc Bentley của mình."

Cô lơ đãng chỉ về phía đằng sau căn nhà.

"Chiếc Bentley của Hub màu xanh lá cây," cô nói. "Nó vẫn nằm trong ga ra. Tôi đã kiểm tra. Ông phải giúp chúng tôi. Ông phải tìm anh ấy. Ông Reacher, xin hãy làm ơn. Tôi muốn ông giúp đỡ chúng tôi. Hub đang gặp rắc rối, tôi biết thế. Anh ấy đã mất tích. Anh ấy nói rằng có thể ông sẽ giúp. Ông đã cứu mạng anh ấy. Anh ấy nói rằng ông biết làm thế nào mà."

Charlie đang hoảng loạn. Cô đang cầu xin. Nhưng tôi không thể giúp gì cho cô. Cô sẽ sớm biết điều đó thôi. Baker hoặc Finlay chẳng mấy nữa sẽ tới đây. Họ sẽ thông báo cho cô những tin tức kinh hoàng. Có lẽ Finlay sẽ xử lý việc này. Có lẽ ông ta rất giỏi việc đó. Có lẽ hồi ở Boston ông ta đã làm việc ấy cả ngàn lần. Đội trưởng thám tử có danh tiếng và năng lực. Ông sẽ báo tin, giải thích các chi tiết, đánh xe đưa Charlie tới nhà xác để nhận dạng thi thể. Người của nhà xác sẽ phủ lớp vải dày lên cái xác để che đi những vết thương khiến người ta phải hoảng sợ.

"Ông sẽ giúp chúng tôi chứ?" Charlie hỏi tôi.

Tôi quyết định không chờ đợi cùng cô. Tôi quyết định đi tới đồn cảnh sát. Tìm thêm những chi tiết như ở đâu, khi nào, như thế nào. Nhưng tôi sẽ trở lại cùng Finlay. Đây là lỗi của tôi nên tôi sẽ trở lại.

"Cô cứ ở đây", tôi bảo. "Cô sẽ phải cho tôi mượn xe cô đấy, được chứ?"

Charlie thọc tay vào túi lấy ra một chùm chìa khóa lớn. Đưa cho tôi. Chiếc chìa khóa xe hơi dập nổi chữ "B" to. Cô hờ hững gạt đầu và ở yên chỗ của mình. Tôi bước tới chiếc Bentley, lách người vào ghế lái. Lùi xe và ngoặt vào con đường uốn lượn nổi ra phố. Im lặng chạy theo phố Beckman. Rẽ trái vào Phố Chính, về phía đồn cảnh sát.

Có những xe tuần tra và xe không in phù hiệu đậu ngổn ngang bên kia bãi đỗ của đồn. Tôi bỏ chiếc Bentley của Charlie lại mé đường rồi bước vào trong. Tất cả bọn họ đang tập trung quanh khu vực thoáng. Tôi trông thấy Baker, Stevenson, Finlay. Tôi nhìn thấy Roscoe. Tôi nhận ra nhóm hỗ trợ hôm thứ Sáu. Morrison không có mặt ở đây. Cả viên thượng sĩ làm văn phòng cũng vậy. Quầy tiếp tân dài không có ai. Mọi người đều choáng váng. Tất cả đều bần thần nhìn đăm đăm. Hoảng sợ. Mất tập trung. Chẳng ai nói chuyện với tôi. Họ nhìn qua vẻ chán chường. Hoàn toàn im lặng. Cuối cùng Roscoe bước tới. Cô đang khóc. Cô bước đến bên tôi. Ép mặt vào ngực tôi. Cô đang bùng lên. Roscoe quàng hai tay qua người tôi và giữ yên.

"Thật kinh khủng", cô cất tiếng. Rồi không nói gì thêm.

Tôi dìu Roscoe trở lại bàn cho cô ngồi xuống. Bóp nhẹ vai cô rồi bước về phía Finlay. Ông đang ngồi bên bàn, nhìn vô hồn. Tôi gạt đầu ra hiệu cho ông đi về phía căn phòng lớn ở phía sau. Tôi cần biết, và Finlay là người có thể kể cho tôi. Ông theo tôi vào phòng. Ngồi xuống một chiếc ghế trước bàn. Nơi hôm thứ Sáu tôi đã ngồi với hai tay bị còng. Tôi ngồi vào sau bàn. Đã đổi vai.

Tôi quan sát đội trưởng thám tử một lúc. Ông thực sự sốc. Tôi một lần nữa ớn lạnh khắp người. Chắc chắn Hubble đã bị biến thành một đồng nhày nhựa thì ông mới phản ứng như vậy. Ông là người từng công tác hai mươi năm ở một thành phố lớn. Chắc chắn viên thám tử này đã chứng kiến hết những gì có thể chứng kiến. Nhưng giờ thì ông thực sự sốc. Tôi ngồi đây lòng tràn ngập nỗi hổ thẹn. Tôi đã từng nói, chắc chắn rồi, Hubble, theo tôi thấy thì anh sẽ an toàn thôi.

"Vậy chuyện là thế nào?" tôi lên tiếng.

Finlay phải nỗ lực mới ngăn đầu nhìn tôi được.

"Tại sao ông lại quan tâm chứ?" ông ta nói "Anh ta là gì đối với ông?"

Một câu hỏi hay. Câu hỏi tôi không thể trả lời. Finlay không biết những gì tôi biết về Hubble. Tôi sẽ không cho ông ta biết điều đó. Thế nên viên thám tử không hiểu tại sao Hubble lại quan trọng với tôi như thế.

"Hãy chỉ nói cho tôi nghe những gì đã xảy ra", tôi bảo.

"Tệ hại lắm," ông nói. Và không tiếp tục.

Finlay đang khiến tôi lo lắng. Anh trai tôi đã bị bắn vào đầu. Hai vết thương lớn chỗ đạn chui ra làm nát mặt anh. Rồi kẻ nào đó đã biến thi thể anh thành một bao bột. Nhưng Finlay vẫn không suy sụp trước chuyện đó. Nạn nhân còn lại bị lũ chuột gặm xác. Trong người anh ta chẳng còn lại giọt máu nào. Nhưng Finlay cũng không suy sụp vì chuyện ấy. Hubble là người địa phương, khiến chuyện ấy tệ hơn chút, tôi có thể thấy thế. Tôi hiểu vì Hubble là người ở đây nên vụ việc có phần tồi tệ hơn. Nhưng hôm thứ Sáu, Finlay thậm chí chẳng biết Hubble là ai. Và bây giờ ông ta hành động như một bóng ma. Thế nên phải có chuyện gì đó rất ghê gớm. Nghĩa là đang có chuyện gì đó rất nghiêm trọng diễn ra ở Margrave. Bởi chẳng ích gì khi thực hiện một phi vụ lớn trừ phi nó đáp ứng mục đích nào đó. Lời đe dọa lúc trước đã được thực hiện với chính kẻ bị đe dọa. Anh ta hiểu rõ về nó. Đó là mục tiêu của lời đe dọa. Nhưng thật sự thực hiện những gì đe dọa lại là một mục tiêu khác. Một mục đích khác. Việc thực hiện không chỉ nhằm vào kẻ bị đe dọa. Nó nhằm mục đích nhấn mạnh sự đe dọa vào kẻ tiếp theo có liên quan. Nó muốn nói: đã thấy bọn ta làm gì với tên kia chưa? Việc đó bọn ta cũng có thể làm với người. Như vậy bằng cách thực hiện một việc ghê gớm đối với Hubble, kẻ nào đó vừa tiết lộ rằng đang có một trò chơi đầy rủi ro, với những kẻ tiếp theo có liên quan, ngay ở thị trấn này.

"Hãy nói cho tôi nghe những gì đã xảy ra," tôi nhắc lại lần nữa.

Finlay khom người. Khum hai bàn tay trước miệng và mũi, buông tiếng thở dài não ruột.

"Được rồi", ông nói. "Kinh khủng lắm. Một trong những cảnh tồi tệ nhất tôi từng thấy. Và tôi từng thấy vài cảnh như thế, để tôi kể cho mà nghe. Tôi từng thấy một số cảnh rất tệ hại, nhưng vụ này thì khác. Người này trần truồng. Bọn chúng đóng đinh anh ta vào tường. Sáu, bảy cái đinh đóng đồ mộc xuyên qua hai bàn tay kéo lên tới cánh tay. Qua những phần thịt mềm. Chúng đóng đinh ghim bàn chân anh ta xuống sàn. Rồi chúng cắt rời hai tinh hoàn, cắt rời ra ấy. Máu tung tóe khắp nơi. Kinh khủng thật, để tôi kể cho mà nghe. Rồi chúng rạch họng anh ta. Từ tai nọ sang tai kia. Bọn xấu xa, Reacher. Đây là bọn người xấu xa, xấu xa tới tột cùng",

Tôi chờ người. Finlay đợi một lát. Tôi không thể nghĩ về điều gì. Tôi đang suy nghĩ về Charlie. Cô đã hỏi xem tôi có phát hiện ra điều gì không. Finlay nên tới đó. Ông nên tới đó ngay bây giờ mà thông báo cho cô. Đó là việc của đội trưởng thám tử, không phải của tôi. Tôi có thể hiểu vì sao ông do dự. Những thông tin khó truyền đạt. Những chi tiết khó giải thích. Nhưng đó là công việc của Finlay. Tôi sẽ đi cùng ông. Bởi đây là lỗi của tôi. Chẳng có ích gì khi chạy trốn điều đó.

"Vâng", tôi nói với Finlay. "Nghe thật kinh khủng",

Đội trưởng thám tử ngả đầu về phía sau ngó quanh. Thả thêm một tiếng thở dài lên trần. Một con người u sầu.

"Đó không phải điều kinh khủng nhất," ông tiếp. "Nếu ông nhìn thấy việc chúng làm với vợ anh ta thì ông sẽ hiểu."

"Vợ anh ta hả?" tôi hỏi. "Ý ông là cái quái gì vậy?"

"Ý tôi nói là vợ anh ta," Finlay đáp. "Cứ như ở hàng bán thịt vậy."

Trong chốc lát tôi không thể nói được. Thế giới như đang giật lùi.

"Nhưng tôi vừa mới gặp cô ấy," tôi nói. "Cách đây hai mươi phút. Cô ấy ỏn. Chẳng gì xảy ra với cô ấy."

"Ông gặp ai?"

"Charlie," tôi đáp.

"Charlie là kẻ quái quỷ nào?"

"Charlie," tôi đáp trống không. "Charlie Hubble. Vợ anh ta. Cô ấy ỏn. Bọn chúng không đến chỗ cô ấy."

"Hubble liên quan gì đến chuyện này?" Finlay nói.

Tôi chỉ chăm chăm nhìn ông.

"Vậy ông đang nói đến ai?" tôi hỏi. "Ai bị giết?"

Finlay nhìn như thể tôi là kẻ điên vậy.

"Tôi nghĩ là ông biết," ông ta nói. "Sếp Morrison. Đồn trưởng. Morrison. Cùng vợ anh ta."

Tôi cẩn thận quan sát Finlay, cố gắng quyết định xem mình nên tin ông ta ở mức nào. Đây sẽ là quyết định mang tính sống còn. Cuối cùng tôi cho là câu trả lời của ông đối với một câu hỏi đơn giản sẽ giúp tôi ra quyết định.

"Bây giờ họ sẽ cho ông làm đồn trưởng chứ?" tôi hỏi.

Ông ta lắc đầu.

"Không," viên thám tử nói. "Họ sẽ không đưa tôi lên làm đồn trưởng."

"Ông chắc chắn về chuyện đó không?"

"Chắc chắn."

"Quyết định của ai?"

"Của thị trưởng," Finlay đáp. "Thị trưởng thị trấn chỉ định người đứng đầu đồn cảnh sát. Ông ta đang tới đây. Một tay tên là Teale. Một gia đình lâu đời ở bang Georgia. Tổ tiên là một trùm đường sắt sở hữu mọi thứ trong tầm mắt ở khu vực này."

"Đó là tay các ông dựng tượng hả?" tôi hỏi.

Finlay gật đầu.

"Caspar Teale," ông nói. "Ông ấy là người đầu tiên. Từ đó tới nay người ta đều chọn lãnh đạo là người của dòng họ Teale. Viên thị trưởng này phải là chất hay gì đó."

Tôi đang ở giữa một bãi mìn. Tôi cần tìm đường quang chạy qua bãi này.

"Chuyện về tay Teale này thế nào?" tôi hỏi Finlay.

Viên cảnh sát nhún vai, cố tìm cách giải thích.

"Lão chỉ là một tay người miền Nam khốn kiếp", ông nói. "Một gia đình lâu đời ở Georgia, có lẽ một thế hệ lâu đời của những tay miền Nam khốn nạn. Họ đã nắm chức thị trưởng nơi này ngay từ đầu. Tôi dám nói rằng tay này tồi tệ không kém gì những kẻ còn lại."

"Ông ta đau buồn không?" tôi hỏi. "Khi ông gọi cho ông ta thông báo vụ Morrison ấy?"

"Lo lắng, tôi nghĩ thế," Finlay đáp. "Ông ta ghét tình trạng rối ren."

"Tại sao ông ta không chỉ định ông làm đồn trưởng? Ông là người có thâm niên, đúng không?"

"Ông ta nhất định không làm thế," Finlay nói. "Tại sao không lại là chuyện của tôi."

Tôi quan sát đội trưởng thám tử một lúc lâu. Sống còn.

"Ta có thể đi đâu nói chuyện chút chứ?"

Đội trưởng thám tử nhìn tôi từ phía bên kia bàn.

"Ông đã nghĩ rằng Hubble bị giết, phải không?" Finlay hỏi. "Tại sao thế?"

"Hubble đã bị giết," tôi nói. "Việc Morrison cũng bị giết không làm thay đổi chuyện đó."

Chúng tôi đi bộ tới cửa hàng tiện ích. Ngồi cạnh nhau ở quầy trống gần cửa sổ. Tôi ngồi đúng chỗ bà Kliner da tái nhợt đã ngồi hôm tôi có mặt ở đây. Chuyện đó dường như diễn ra lâu lắm rồi. Kể từ khi ấy thế giới đã thay đổi. Chúng tôi gọi hai cốc cà phê cao ngất ngưỡng và một đĩa bánh rán to. Không nhìn thẳng vào nhau. Chúng tôi nhìn nhau qua tấm gương lớn phía sau quầy.

"Tại sao ông sẽ không được thăng chức?" tôi hỏi.

Hình phản chiếu của Finlay trong gương nhún vai. Ông trông bối rối. Ông không thể hiểu được mối liên hệ bí ẩn kia. Nhưng đội trưởng thám tử sẽ sớm biết được điều đó.

"Lẽ ra tôi phải được thăng chức," ông nói. "Tôi đủ tiêu chuẩn hơn tất cả những người còn lại gộp vào. Tôi đã công tác hai mươi năm ở một thành phố lớn. Một cơ quan cảnh sát thực sự. Còn họ đã

làm đêch gì chứ? Cứ thử nhìn Baker xem. Anh ta tự cho mình là một tay khôn ngoan. Nhưng anh ta đã làm gì nào? Mười lăm năm ở vùng khỉ ho cò gáy à? Ở vùng hẻo lánh này hả? Anh ta thì biết chó gì?"

"Vậy tại sao ông lại không được lên chức?"

"Đó là vấn đề riêng tư," Finlay nói.

"Ông nghĩ tôi sẽ bán tin ấy cho báo chí à?"

"Một câu chuyện dài đấy."

"Vậy hãy kể cho tôi", tôi nói "Tôi cần biết"

Finlay nhìn tôi trong gương. Hít một hơi sâu.

"Tôi kết thúc công việc ở Boston hồi tháng Ba", ông nói. "Tính đến khi ấy là làm việc được hai mươi năm. Hồ sơ không chút tì vết. Tám lần được khen thưởng. Tôi là một tay thám tử oách đấy, Reacher. Tôi có thể về hưu một cục. Nhưng khi ấy vợ tôi lại giở chứng ra. Từ mùa thu năm ngoái cô ấy không còn mặn mà với cuộc hôn nhân của chúng tôi nữa. Thật mỉa mai. Chúng tôi đã cưới nhau được cả hai chục năm. Tôi thì chuẩn bị nghỉ hưu. Sở cảnh sát Boston là cái nhà thương điên. Chúng tôi làm việc bảy ngày trong tuần. Cả ngày lẫn đêm. Xung quanh tôi, nhiều đồng nghiệp chứng kiến hôn nhân của họ sụp đổ. Tất cả đều ly dị. Hết người này tới người khác."

Finlay dừng lại làm một ngụm dài cà phê, cắn một miếng bánh rán.

"Nhưng không phải tôi," ông nói. "Vợ tôi có thể chịu đựng được. Không bao giờ ca thán, không một lần nào. Cô ấy là phép màu. Không bao giờ gây khó dễ cho tôi."

Đội trưởng thám tử lại rơi vào im lặng. Tôi nghĩ về hai mươi năm ở Boston. Làm việc chạy đua với thời gian trong thành phố cũ tấp nập ấy. Những đồn khu vực từ thế kỷ mười chín đầy bụi. Các cơ sở quá tải. Áp lực liên tục. Và một chuỗi không ngừng những kẻ quái dị, bắt lương, các chính trị gia, các rắc rối. Finlay đã phải làm tốt mới có thể tồn tại.

"Chuyện bắt đầu từ mùa thu năm ngoái," ông nhắc lại thời điểm. "Chúng tôi còn sáu tháng nữa là kết thúc. Mọi chuyện chuẩn bị kết thúc hoàn toàn. Có lẽ khi ấy chúng tôi đang nghĩ tới một căn buồng ở đâu đó. Những ngày nghỉ. Rất nhiều thời gian bên nhau. Nhưng cô ấy bắt đầu hoảng sợ. Cô ấy không muốn nhiều thời gian bên nhau. Cô ấy không muốn tôi nghỉ hưu. Cô ấy không muốn tôi ở nhà. Cô ấy bảo rằng hằng ngày cô ấy thức giấc với một thực tế là cô ấy không thích tôi. Không yêu tôi. Không muốn tôi ở bên. Cô ấy yêu hai mươi năm đó. Không muốn nó thay đổi. Tôi không thể tin nổi chuyện ấy. Đó đã là giấc mơ của tôi. Hai mươi năm, rồi nghỉ hưu ở tuổi bốn mươi lăm. Rồi có lẽ hai mươi năm nữa hưởng thụ cuộc sống bên nhau trước khi bọn tôi già, ông hiểu chứ? Đó là giấc mơ của tôi và tôi đã làm việc suốt hai mươi năm để hướng về giấc mơ ấy. Nhưng cô ấy không muốn có nó. Cô ấy kết thúc bằng việc nói rằng ý nghĩ về hai mươi năm nữa cùng tôi trong một căn buồng trong rừng khiến cô ấy nổi da gà. Chuyện trở nên thực sự cay đắng. Chúng tôi chia tay. Tôi thực sự trở thành kẻ hứng chịu cú sốc thần kinh."

Finlay lại nhỏ giọng dần. Chúng tôi lấy thêm cà phê. Đây quả là câu chuyện buồn. Chuyện về những giấc mơ tan vỡ luôn thế.

"Thế nên chúng tôi ly dị thôi", viên thám tử nói. "Chẳng thể làm khác được. Cô ấy yêu cầu làm thế. Thật kinh khủng. Tôi hoàn toàn suy sụp. Rồi trong tháng cuối cùng làm việc ở sở, tôi bắt đầu đọc lại danh sách của công đoàn liệt kê các vị trí còn trống. Thấy công việc ở đây. Tôi gọi cho một anh bạn cũ ở FBI Atlanta và hỏi anh ta về công việc đó."

Anh ấy ngăn tôi. Bảo là quên nó đi. Anh ấy bảo rằng đây chỉ là một đồn cảnh sát làm trò chơi của một thị trấn thậm chí chẳng có trên bản đồ. Vị trí được gọi là đội trưởng thám tử nhưng chỉ có một thám tử. Người trước đó giữ vị trí này là một tay lập dị đã tự treo cổ. Đồn do một tên béo khốn kiếp

điều hành. Thị trấn thì nằm dưới quyền một lão già Georgia chẳng thể nhớ rằng chế độ chiếm hữu nô lệ đã bị xóa sổ. Anh bạn tôi ở Atlanta bảo hãy quên nó đi. Nhưng khi ấy tôi chán đời đến mức muốn nhận công việc đó. Tôi nghĩ tôi có thể chôn vùi mình ở dưới này, coi đó là một hình phạt ông hiểu không? Một kiểu sám hối. Mà tôi cũng cần tiền nữa. Họ chào mời lương rất cao, tôi thì phải xem xét tiền chu cấp cho vợ và các hóa đơn của luật sư, ông biết chứ? Thế nên tôi nộp đơn và xuống đây. Chính thị trưởng Teale và Morrison gặp tôi. Tôi là một tên bị sốc tinh thần, Reacher. Tôi là kẻ tàn phế. Tôi nói lấp ba lấp bắp. Đó hẳn phải là trường hợp xin việc tệ hại nhất trong lịch sử thế giới. Hẳn là tôi đã xuất hiện như một tên đàn độn. Nhưng bọn họ đã giao cho tôi vị trí ấy. Tôi đoán là họ cần một tên da đen để tỏ vẻ tử tế. Tôi là cảnh sát da đen đầu tiên trong lịch sử Margrave."

Tôi xoay chiếc ghế và nhìn thẳng vào Finlay.

"Vậy ông cho rằng mình chỉ là bù nhìn thôi sao?" tôi nói. "Đó là lý do Teale sẽ không đưa ông lên làm đồn trưởng à?"

"Tôi đoán rõ ràng là thế. Ông ta đã ghi nhận tôi là một tên bù nhìn và một thằng đàn độn. Không thăng chức. Dễ hiểu theo cách nào đó. Dù là bù nhìn hay không thì cũng không thể tin được là họ giao ngay công việc ấy cho tôi".

Tôi vẫy tay gọi anh chàng trông quầy tính tiền. Tôi vui với câu chuyện của Finlay. Ông sẽ không làm đồn trưởng.

Thế nên tôi tin tưởng ông. Và tôi tin Roscoe. Sẽ là ba chúng tôi, chống lại bọn xấu, dù đó là kẻ nào. Tôi lắc đầu với Finlay trong gương.

"Ông lầm rồi", tôi nói. "Đó không phải lý do thực sự. Ông sẽ không làm đồn trưởng bởi ông không phải một tên tội phạm."

Tôi trả một tờ mười đô và lấy tiền trả lại toàn là đồng 25 xu. Anh chàng bán hàng vẫn không có tờ tiền giấy nào.

Rồi tôi nói với Finlay rằng muốn xem nơi ở của Morrison. Bảo ông rằng tôi cần toàn bộ chi tiết. Đội trưởng thám tử chỉ gạt đầu dẫn tôi ra ngoài. Chúng tôi rẽ về phía Nam. Qua bãi cỏ, bỏ lại thị trấn phía sau lưng.

"Tôi là người đầu tiên có mặt ở đó," Finlay nói. "Chừng mười giờ sáng nay. Tôi đã không gặp Morrison từ hôm thứ Sáu, tôi cần cập nhật thông tin cho anh ta nhưng không thể liên hệ qua điện thoại. Lúc ấy đã là nửa buổi sáng thứ Hai mà chúng tôi chưa làm được gì ra hồn về vụ án mạng khiến hai người chết kể từ đêm thứ Năm. Chúng tôi cần khởi động công việc. Thế nên tôi tới nhà Morrison tìm anh ta."

Viên thám tử im lặng bước tiếp. Đầu hồi tưởng lại hiện trường ông đã thấy.

"Cửa trước vẫn để mở," ông nói. "Có lẽ chừng một phân. Có cảm giác không ổn. Tôi bước vào, trông thấy họ trên gác, trong phòng ngủ lớn. Cứ như là cửa hàng bán thịt ấy. Máu tung tóe khắp nơi. Anh ta bị đóng đinh vào tường, kiểu như treo lên. Cả anh ta và vợ đều bị xẻo thịt. Thật kinh khủng. Phân hủy khoảng hai mươi tư giờ rồi. Thời tiết ẩm. Rất ghê. Thế nên tôi gọi toàn bộ lực lượng, chúng tôi cùng rà từng ly một và nhặt hết các mảnh lại. Nói thực là tôi sợ." Finlay lại nói nhỏ dần. Chỉ im lặng.

"Vậy là chuyện đó xảy ra vào sáng Chủ nhật à?" tôi hỏi.

Finlay gạt đầu.

"Báo ngày Chủ nhật còn trên bàn trong bếp," ông nói. "Vài tờ đã mở, phần còn lại chưa động tới. Đồ ăn sáng vẫn trên bàn. Bác sĩ pháp y nói rằng thời điểm là khoảng mười giờ sáng Chủ nhật."

"Có để lại bằng chứng cụ thể không?"

Finlay gật đầu. Buồn bã.

"Các dấu chân trong máu", ông nói. "Nơi ấy như một vũng máu. Vài gallon máu. Tất nhiên là tới giờ thì đã khô một phần. Chúng để lại dấu chân khắp nơi. Nhưng bọn chúng đi giày bao ngoài bằng cao su, ông biết chứ? Như loại ông dùng ở miền Bắc trong mùa đông ấy? Chẳng có cơ hội xác minh qua loại giày ấy. Hàng năm người ta phải bán ra vài triệu đôi."

Bọn chúng đã có sự chuẩn bị kỹ lưỡng. Chúng biết trước rằng sẽ có rất nhiều máu. Chúng đã mang theo giày bao ngoài. Chắc chắn chúng đã đem theo đồ bảo hộ. Như những bộ đồ toàn thân bằng nylon người ta mặc trong các trại giết mổ. Ở tầng giết gia súc. Những bộ đồ toàn thân to màu trắng bằng nylon, có mũ trùm, lớp nylon trắng lấm tấm vấy những vết máu đỏ tươi.

"Bọn chúng đi găng tay nữa," Finlay nói. "Ồ máu trên tường có những vết mang dấu vết của cao su."

"Có bao nhiêu tên?" tôi hỏi. Tôi cố gắng hình dung ra cảnh ấy.

"Bốn. Các dấu chân lẫn lộn nhưng tôi nghĩ mình có thể thấy bốn tên",

Tôi gật đầu. Bốn tên nghe có vẻ hợp lý. Tôi cho đó là con số tối thiểu. Morrison và vợ sẽ đấu tranh giành giật sự sống. Bọn chúng phải có ít nhất bốn tên. Bốn trong số mười tên mà Hubble đã nói tới.

"Phương tiện gì?" tôi hỏi tiếp.

"Không thể nói chắc chắn", Finlay đáp. "Lối chạy xe rải sỏi, đôi chỗ hằn vết bánh xe. Có lẽ tôi đã thấy một số vết bánh lớn trông còn mới. Có thể là loại lốp rộng. Có khi là một xe tải nhỏ hoặc xe truyền động bốn bánh loại lớn."

Còn chừng vài trăm mét lên phía Bắc nữa thì hết Phố

Chính. Cả hai rẽ về phía Tây, theo một đường rải sỏi chắc chắn phải song song với Beckman Drive. Cuối con đường là nhà của Morrison. Đây là ngôi nhà lớn trang trọng, phía trước có các cột trắng, điểm xuyết những hàng cây thường xuân trông đối xứng nhau. Có một chiếc Lincoln mới đậu gần cửa, khá nhiều băng phong tỏa hiện trường của cảnh sát cao ngang hông chằng giữa các cột.

"Ta vào trong đó chứ?"

"Sao lại không chứ!" tôi nói.

Chúng tôi khom người chui qua dải băng đi vào cửa trước nhà Morrison. Căn nhà là một bãi hỗn độn. Phấn kim loại màu xám để phát hiện dấu vân tay rắc khắp nơi. Mọi thứ đều bị lật, lục soát và chụp ảnh.

"Ông sẽ không tìm thấy gì đâu", Finlay nói. "Chúng tôi đã rà toàn bộ nơi này rồi",

Tôi gật đầu rồi hướng về phía cầu thang. Đi lên thấy phòng ngủ lớn. Dừng lại ở cửa ngó vào. Chẳng có gì để ngó trừ những đường đứt nét hình thành từ vết đinh đóng trên tường cùng những vết máu khổng lồ. Máu đang chuyển thành màu đen. Trông như ai đó đã hất những thùng hắc ín khắp nơi. Lớp thảmбет loại hắc ín này. Trên lớp sàn gỗ ở lối vào, tôi có thể trông thấy những dấu vết do giày bao ngoài để lại. Tôi có thể nhận rõ kiểu phức tạp trong những dấu chân này. Tôi quay xuống cầu thang thì thấy Finlay đang dựa vào một cây cột ngoài hiên trước.

"Ồn chứ?" ông hỏi tôi.

"Không có gì phàn nàn," tôi nói. "Ông lục soát xe hơi chưa?"

Đội trưởng thám tử lắc đầu.

"Đó là xe của Morrison," ông đáp. "Chúng tôi chỉ tìm kiếm những gì có thể bọn đột nhập đã để

lại".

Tôi bước tới chiếc Lincoln thử mở cửa. Không khóa.

Bên trong có mùi khá mạnh của xe còn mới, ngoài ra không có thêm gì nhiều. Đây là xe của một đồn trưởng. Nó sẽ không đầy giấy gói bánh thịt băm trộn pho mát và vỏ lon soda như xe của một cảnh sát tuần tra. Nhưng tôi vẫn kiểm tra. Lục lọi các hộc trên cửa và dưới ghế ngồi. Chẳng tìm thấy gì. Rồi tôi mở ngăn đựng găng tay thì thấy một thứ. Một con dao bấm tự động. Đây là món đồ hay. Cán làm bằng gỗ mun khắc tên Morrison mạ vàng. Tôi bật lưỡi dao. Hai lưỡi, dài chừng bốn phân, chất thép làm dao phẫu thuật của Nhật Bản. Trông tốt. Mới tinh, chưa bao giờ sử dụng. Tôi gấp dao lại đút vào túi. Tôi không được trang bị gì và đang đối mặt với rắc rối lớn. Con dao bấm của Monison có thể tạo sự khác biệt. Tôi chuôi người ra khỏi chiếc Lincoln gặp lại Finlay ở ngoài sân rải sỏi.

"Tìm thấy gì không?" ông hỏi.

"Không," tôi đáp. "Ta đi thôi."

Chúng tôi cùng lạo xạo quay ra theo con đường rải sỏi và rẽ về phía Bắc theo tỉnh lộ. Hướng trở lại thị trấn. Tôi có thể trông thấy gác chuông nhà thờ cùng bức tượng đồng ở phía xa, đang chờ đợi chúng tôi.

13

“Có chuyện tôi cần xác minh cùng ông,” tôi nói.

Sự kiên nhẫn của Finlay đang mất dần. Ông nhìn đồng hồ đeo tay.

“Ông không nên làm phí thời gian của tôi, Reacher,” viên thám tử bảo.

Chúng tôi đi về hướng Bắc. Phía trên cao, mặt trời đang hạ thấp nhưng nhiệt độ vẫn còn cao. Tôi không biết làm thế nào mà Finlay vẫn có thể mặc một chiếc áo khoác bằng vải tuyết. Cùng áo vest bằng vải giả da. Tôi đưa ông về phía bãi cỏ. Chúng tôi cắt ngang bãi cỏ và tựa vào tượng lão già Caspar Teale, bên cạnh nhau.

“Chúng đã cắt rời hai tinh hoàn của ông ta đúng không?” tôi hỏi.

Finlay gật đầu. Nhìn tôi, chờ đợi.

“Được rồi”, tôi nói. “Thế thì câu hỏi là: ông tìm thấy tinh hoàn của ông ta không?”

Viên cảnh sát lắc đầu.

“Không”, ông đáp. “Chúng tôi đã rà toàn bộ chỗ ấy. Chúng tôi cùng bác sĩ pháp y. Chúng không có ở đó. Hai hòn của anh ta bị mất”.

Finlay mỉm cười khi nói điều đó. Ông đang lấy lại khiếu hài hước của một viên cảnh sát.

“Rồi,” tôi nói. “Đó là điều tôi cần biết.”

Nụ cười của Finlay mở rộng hơn. Thể hiện trong cả ánh mắt.

“Tại sao thế?” ông hỏi. “Ông biết chúng ở đâu à?”

“Thì thế được giải phẫu khi nào?”

Finlay vẫn cười.

“Mổ tử thi anh ta cũng không giúp gì được,” ông nói. “Chúng đã bị cắt rời. Chúng không còn ở bên anh ta nữa. Chúng không có ở đó. Chúng đã mất. Thế nên làm thế nào ta có thể tìm được chúng khi mổ tử thi anh ta?”

“Không phải giải phẫu tử thi ông ta,” tôi nói. “Tử thi bà ấy. Vợ ông ta. Khi họ kiểm tra thứ bà ấy đã nuốt”.

Finlay ngừng cười. Im lặng. Chỉ nhìn tôi.

“Nói đi, Reacher,” ông bảo.

“Được thôi”, tôi nói. “Đó là lý do chúng ta ra ngoài đây, ông nhớ chứ? Vậy hãy trả lời tôi một câu hỏi khác. Đã từng có bao nhiêu vụ án mạng ở Margrave?”

Finlay suy nghĩ một lúc. Nhún vai.

“Chẳng có vụ nào,” ông đáp. “Ít nhất là trong vòng ba mươi năm hoặc chừng đó. Tôi cho là không có vụ nào từ hồi đăng ký bỏ phiếu cho cử tri.”

“Và giờ thì ông có bốn vụ trong vòng bốn ngày. Và rất sớm thôi, ông sẽ phát hiện ra vụ thứ năm”.

“Thứ năm? Ai là người thứ năm?”

“Hubble,” tôi đáp. “Anh trai tôi, anh chàng Sherman Stoller này, hai vợ chồng Morrison và Hubble nữa là năm. Trong ba mươi năm không có án mạng nào và bây giờ ông đồng thời có năm vụ. Đó chẳng thể gọi là trùng hợp được, đúng chứ?”

“Không thể”, đội trưởng thám tử nói. “Tất nhiên là không. Chúng có mối liên hệ với nhau.”

“Đúng. Giờ thì tôi sẽ nói cho ông thêm vài mối liên hệ. Nhưng trước tiên ông phải hiểu một chuyện, được không? Ở đây tôi chỉ là kẻ qua đường. Hôm thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật, trước khi những dấu vân tay được xác nhận là của anh trai tôi, tôi chẳng mảy may để tâm tới bất kỳ chuyện gì.

Tôi chỉ cho là mình sẽ chờ đợi và cuốn xéo khỏi đây càng sớm càng tốt."

"Thế thì sao?"

"Thế nên tôi được kể một số chuyện," tôi đáp. "Lúc ở Warburton, Hubble đã nói với tôi một số điều, nhưng tôi không để ý lắm. Tôi không quan tâm đến anh ta, hiểu chứ? Anh ta nói với tôi một số chuyện và tôi không tìm hiểu thêm qua anh ta, có lẽ tôi không nhớ một số chuyện".

"Chẳng hạn những chuyện gì?"

Thế nên tôi nói cho Finlay những điều tôi nhớ được. Tôi bắt đầu đúng theo cách Hubble đã bắt đầu. Vướng vào một phi vụ nào đó, hoảng sợ vì lời đe dọa nhằm vào bản thân và vợ anh ta. Lời đe dọa giống y như những việc mà bản thân Finlay vừa chứng kiến sáng hôm qua, chính xác đến từng từ.

"Ông chắc chắn về điều đó không?" Finlay nói. "Chính xác như vậy à?"

"Đúng từng từ," tôi trả lời. "Giống hoàn toàn. Đóng đinh vào tường, cắt hai tinh hoàn, người vợ bị ép ăn hai tinh hoàn, rồi họ bị rạch họng. Giống nhau đến từng từ, ông Finlay. Thế nên trừ phi chúng ta có hai kẻ đe dọa vào cùng một thời điểm ở cùng một nơi đưa ra chính xác cùng một lời đe dọa thì đó là mối liên hệ khác".

"Vậy nên Morrison là kẻ tham gia vào hoạt động đen tối như Hubble à?" đội trưởng thám tử hỏi.

"Thuộc quyền và chịu sự điều hành của cùng một người."

Rồi tôi nói với Finlay rằng Hubble đã nói chuyện với một nhân viên điều tra. Và tôi bảo rằng nhân viên điều tra đã nói chuyện với Sherman Stoller, dù kẻ đó là ai.

"Nhân viên điều tra ấy là ai?" Finlay hỏi "Và Joe khớp với vị trí nào?"

"Joe chính là nhân viên điều tra," tôi nói. "Hubble bảo tôi rằng người đàn ông cao lớn đầu trọc là nhân viên điều tra đang cố gắng giúp anh ta thoát ra."

"Anh trai ông là kiểu nhân viên điều tra gì? Ông ấy làm việc cho kẻ quái nào thế?"

"Không rõ," tôi nói. "Lần gần đây nhất tôi nghe nói anh ấy làm việc cho Bộ Tài chính."

Finlay đẩy người khỏi bức tượng và bắt đầu bước trở lại hướng Bắc.

"Tôi phải đi gọi điện," ông nói. "Đã đến lúc xử lý việc này",

"Đi chậm thôi", tôi bảo. "Tôi còn chưa kể hết mà."

Finlay đi trên vỉa hè. Tôi thì đi dưới lòng đường, cách xa mái hiên thấp phía trước các cửa hiệu. Trên phố chẳng có xe cộ gì để phải lo. Thứ Hai, lúc hai giờ chiều, thị trấn vắng tanh.

"Như thế nào mà ông lại biết Hubble đã chết?" Viên thám tử hỏi tôi.

Thế nên tôi kể cho ông làm thế nào tôi biết Finlay suy nghĩ về điều đó. Ông đồng ý với tôi.

"Bởi anh ta đã nói chuyện với một điều tra viên, phải không?" ông hỏi.

Tôi lắc đầu. Dừng lại phía ngoài tiệm cắt tóc.

"Không," tôi nói. "Bọn chúng không biết về chuyện ấy. Nếu biết thì chúng đã khử anh ta sớm hơn. Muộn nhất là thứ Năm. Tôi cho là bọn chúng quyết định loại trừ anh ta vào thứ Sáu, vào chừng năm giờ. Bởi ông đã liên hệ với anh chàng qua số điện thoại trong giày của Joe. Chúng cho rằng anh ta không được phép nói chuyện với cảnh sát hoặc gác tù. Thế nên chúng dàn xếp với Spivey. Nhưng đám tay sai của

Spivey đã làm hỏng nên chúng cố làm lại. Vợ Hubble nói rằng anh ta nhận được cú điện thoại bảo hôm nay chờ ở nhà. Bọn chúng tạo tình huống với anh ta để ra tay lần thứ hai. Có vẻ đã thành công."

Finlay khe khẽ gật đầu.

"Chó thật" ông nói. "Anh ta là manh mối duy nhất ta có dẫn tới chính xác chuyện đang diễn ra ở đây. Lẽ ra ông nên khai thác Hubble khi có cơ hội, Reacher."

"Cảm ơn ông, Finay," tôi nói. "Nếu lúc ấy tôi biết người đàn ông kia là Joe, tôi đã ép anh ta rất mạnh tay, ông sẽ nghe tiếng anh ta kêu gào vọng tới tận đây".

Viên thám tử chỉ hàm hừ. Chúng tôi bước tiếp rồi cùng ngồi xuống chiếc ghế dài dưới cửa sổ hiệu cắt tóc.

"Tôi đã hỏi Pluribus là gì," tôi tiếp. "Hubble không trả lời. Anh ta nói rằng có mười người quanh đây liên quan tới hoạt động mờ ám, cộng thêm bọn làm thuê từ bên ngoài khi cần. Và anh ta nói rằng hoạt động này dễ bị phát hiện cho tới tận khi chuyện gì đó diễn ra vào Chủ nhật. Bị lộ, kiểu như vậy."

"Chuyện gì diễn ra vào Chủ nhật?"

"Anh ta không nói với tôi."

"Và ông không ép anh ta nói à?" Finlay hỏi.

"Tôi không quan tâm lắm", tôi bảo. "Tôi đã bảo ông như thế rồi mà."

"Thế anh ta có cho ông biết hoạt động này liên quan tới chuyện gì không?"

"Không nói gì."

"Chúa ơi, Reacher, ông có thể hỗ trợ nhiều lắm, ông biết thế chứ?"

"Tôi xin lỗi, Finlay. Khi ấy tôi nghĩ rằng Hubble chỉ là một tên khốn. Nếu có thể quay lại và làm lại, tôi sẽ làm khác hẳn, hãy tin tôi đi."

"Mười tên à?" Finlay tiếp.

"Không tính anh ta. Cũng chẳng tính Sherman Stoller. Nhưng tôi cho là anh ta có tính cả đồn trưởng Morrison." "Tuyệt", Finlay nói. "Thế thì chỉ còn chín tên cho tôi tìm."

Chiếc xe bán tải đen lần trước tôi trông thấy rời khỏi bãi đậu của tiệm ăn Eno tấp vào gần rìa đường phía đối diện. Nó đứng đợi ở đó, máy vẫn nổ. Thằng con trai nhà Kliner tựa đầu vào cánh tay chăm chăm nhìn tôi qua cửa sổ xe từ phía bên kia đường. Finlay không thấy hẳn. Ông đang nhìn xuống vỉa hè.

"Ông nên nghĩ về Morrison," tôi bảo ông.

"Chuyện gì về anh ta? Anh ta đã chết, đúng không?" "Nhưng chết như thế nào? Việc đó sẽ nói gì cho ông?" Finlay nhún vai.

"Kẻ nào đó đưa anh ta ra làm điển hình hả?" ông hỏi. "Một thông điệp?"

"Đúng đấy ông Finlay. Nhưng ông ta đã làm gì sai?" "Tôi cho là đã làm hỏng chuyện gì đó."

"Đúng đấy ông Finlay," tôi lặp lại. "Ông ta được lệnh che giấu những gì đã diễn ra ở khu nhà kho trong đêm thứ Năm. Đó là nhiệm vụ của ông ta trong ngày đó. Ông ta có mặt ở đó lúc nửa đêm, ông biết đấy."

"Thế hả? Ông nói rằng đó là chuyện vớ vẩn cơ mà." "Không," tôi nói. "Ông ta không nhìn thấy tôi ở đó. Đó mới là chuyện vớ vẩn. Nhưng chính ông ta đã có mặt ở đó. Ông ta đã trông thấy Joe."

"Vậy sao?" Finlay nói. "Làm thế nào ông biết chuyện đó?"

"Lần đầu tiên ông ta trông thấy tôi là thứ Sáu, đúng không?" tôi hỏi. "Trong phòng làm việc ấy? Ông ta chăm chăm nhìn tôi cứ như trước đó đã trông thấy tôi, nhưng không thể nhớ là ở đâu. Thế là do ông ta đã trông thấy Joe."

Ông ta nhận ra sự giống nhau. Hubble cũng nói y như thế. Anh ta bảo tôi làm anh ta nhớ tới nhân viên điều tra."

"Vậy là Morrison đã ở đó à? Anh ta có phải là người bắn không?"

"Không thể suy luận như vậy", tôi nói. "Joe là người khá thông minh. Tên nổ súng hẳn phải là một kẻ khác. Tôi cũng không cho Morrison là tên điên. Hoạt động mạnh đến mức ấy sẽ khiến ông ta

gục ngã vì đau tim. Tôi nghĩ ông ta là tên thứ ba. Tên có trách nhiệm xóa dấu vết. Nhưng ông ta đã không lục giày của Joe. Chính vì điều đó mà Hubble bị đưa vào đồn. Điều đó khiến kẻ nào đó nổi điên. Thế nghĩa là chúng phải loại bỏ Hubble, nên Morrison bị trảm coi như hình thức trừng phạt."

"Một dạng trừng phạt", Finlay nhắc lại.

"Còn là một thông điệp," tôi nói. "Thế nên hãy nghĩ về nó."

"Nghĩ về cái gì? Chẳng phải thông điệp cho tôi."

"Vậy đó là thông điệp dành cho những ai?"

"Thông điệp như thế còn dành cho ai được chứ?" Finlay hỏi lại. "Kẻ tiếp theo có liên quan, đúng không?"

Tôi gật đầu.

"Ông hiểu vì sao tôi lo lắng ai sẽ là đồn trưởng kế nhiệm chứ?" tôi hỏi.

Đội trưởng thám tử thêm một lần gục đầu và chăm chăm nhìn xuống vỉa hè.

"Chúa ạ," ông nói. "Ông nghĩ cảnh sát trưởng tiếp theo là kẻ dính đến hoạt động đó à?"

"Phải thế chứ. Tại sao chúng lại có Morrison tham gia nào? Không phải tính cách tuyệt vời của ông ta, đúng không? Chúng có ông ta làm tay trong bởi chúng muốn kiểm soát đồn trưởng. Bởi điều đó có ích đối với chúng theo một cách cụ thể nào đó. Thế nên chúng sẽ không loại bỏ Morrison trừ phi chúng đã có sẵn phương án thay thế. Và dù đó là kẻ nào thì chúng ta cũng đang thấy một tay rất nguy hiểm. Hắn sẽ ở vị trí đó, tấm gương của Morrison đặt ngay trước mặt. Kẻ nào đó vừa thì thầm vào tai hắn: thấy điều bọn tao đã làm với Morrison chứ? Đó là điều bọn tao sẽ làm với mày nếu mày làm hỏng việc như nó."

"Thế thì kẻ đó là ai?" Finlay hỏi. "Ai sẽ là đồn trưởng mới?"

"Đó là điều tôi đang hỏi ông mà."

Chúng tôi im lặng ngồi trên chiếc ghế dài ngoài hiệu cắt tóc một lúc. Thường thức cảnh mặt trời bò bên dưới rìa mái hiên.

"Có ông, tôi và Roscoe," tôi nói. "Ngay bây giờ, điều an toàn duy nhất là nhận định rằng mọi người khác đều dính líu."

"Tại sao lại là Roscoe?"

"Nhiều lý do. Nhưng chủ yếu do cô ấy đã làm việc vất vả để đưa tôi ra khỏi Warburton. Morrison muốn đưa tôi vào đó với lý do tôi bị nghi là thủ phạm của vụ đêm thứ Năm, đúng không? Thế nên nếu Roscoe dính líu đến hoạt động mờ ám thì cô ấy đã bỏ tôi ở đó rồi. Nhưng cô ấy đã đưa tôi ra. Cô ấy đã hành động ngược hẳn với hướng của Morrison. Vậy nên nếu ông ta không trung thực thì cô ấy ngược lại".

Viên thám tử nhìn tôi, ậm ừ.

"Chỉ ba chúng ta à?" ông hỏi. "Ông là kẻ thận trọng đấy, Reacher."

"Ông có thể cá rằng tôi là kẻ thận trọng, Finlay. Ở đây đang xảy ra án mạng. Một trong số nạn nhân là anh trai duy nhất của tôi".

Chúng tôi đứng dậy khỏi chiếc ghế dài trên vỉa hè. Bên kia phố, con trai nhà Klinier tắt máy bước ra khỏi xe. Bước chậm chậm tới. Finlay dùng hai tay xoa mặt như đang rửa mặt mà không dùng nước.

"Vậy bây giờ thế nào?" ông hỏi.

"Ông có những việc cần làm. Ông cần Roscoe hỗ trợ, hãy cung cấp cho cô ấy các chi tiết, được chứ? Bảo cô ấy thật cẩn thận. Rồi ông phải gọi điện lên Washington tìm hiểu xem Joe làm gì dưới này."

"Được. Còn ông thì sao?"

Tôi hất đầu về phía gã trai nhà Kliner.

"Tôi sẽ nói chuyện với tên này. Hắn cứ nhìn tôi suốt."

Có hai điều xảy ra khi thằng Kliner con đến gần. Đầu tiên là Finlay vội vã bỏ đi. Ông chỉ sải những bước dài về hướng Bắc mà không hề nói một lời. Thứ hai, tôi nghe tiếng rèm cuốn ở cửa sổ hiệu cắt tóc hạ xuống phía sau lưng. Tôi liếc quanh. Đường như không có ai khác trên trái đất này trừ tôi và gã trai nhà Kliner.

Ở tầm gần, tên này là một tên thú vị. Hắn không phải loại nhỏ con. Có lẽ cao một mét tám tám, nặng chừng chín lăm cân, cả cơ thể toát lên thứ năng lượng không bao giờ cạn kiệt. Đôi mắt hắn lộ vẻ thông minh đáng nể nhưng trong đó còn hiện lên ngọn lửa kỳ quái đang rực cháy. Đôi mắt ấy nói với tôi rằng đây có lẽ không phải con người lý trí nhất tôi sẽ gặp trong cả cuộc đời mình. Hắn đến gần đứng trước mặt tôi. Chỉ chăm chăm nhìn tôi.

"Mày đang đi quá giới hạn đấy", hắn nói.

"Đây là vỉa hè của mày à?"

"Chắc chắn thế rồi", thằng con nhà Kliner nói. "Quỹ của cha tao trả tiền cho từng phân vỉa hè. Từng viên gạch. Nhưng tao không nói về vỉa hè. Tao đang nói tới Roscoe. Cô ấy thuộc về tao. Cô ấy là của tao, ngay từ lần đầu tiên tao nhìn thấy cô ấy. Cô ấy đang chờ đợi tao. Năm năm rồi, cô ấy đã chờ đợi tao, cho tới thời điểm thích hợp."

Tôi chăm chú nhìn lại gã trai.

"Mày hiểu tiếng Anh chứ?" tôi hỏi.

Người hắn căng lên. Hắn chỉ nhún từ chân nọ sang chân kia.

"Tao là người biết điều," tôi nói. "Tao sẽ biến khỏi đây ngay lần đầu tiên nghe Roscoe bảo tao rằng cô ấy muốn mày chứ không phải tao. Còn từ giờ tới lúc đó thì mày hãy tránh ra. Hiểu điều đó không?"

Thằng Kliner con giận sôi lên. Nhưng rồi hắn thay đổi. Như thể hắn được vận hành bởi một thiết bị điều khiển từ xa, ai đó vừa bấm nút chuyển trạng thái. Hắn thả lỏng người, nhún vai và ngoác ra một nụ cười của một gã trai mới lớn.

"OK," hắn nói. "Không có gì khó chịu, phải không?"

Hắn chìa một bàn tay ra để bắt, suýt nữa thì lừa được tôi. Vào đúng một phần trăm giây sau cùng, tôi rút tay mình lại một chút và nắm lại quanh các ngón của hắn chứ không phải nắm bàn tay hắn. Đó là trò lừa từ lâu hay thấy trong quân đội. Họ tới bắt tay nhưng mục đích là bóp tay ta. Một nghi thức quan trọng của đẳng nam nhi. Cách tránh là phải sẵn sàng. Ta rút tay lại một chút và bóp lại. Ta bóp vào các khớp ngón tay chứ không phải phần thịt trong lòng bàn tay. Cú bóp của họ sẽ bị vô hiệu hóa. Nếu làm đúng thì ta không thể thua.

Gã trai nhà Kliner bắt đầu bóp mạnh nhưng hắn chẳng có cơ hội nào. Hắn chuẩn bị cho cú bóp chắc chắn để có thể nhìn thẳng vào hai mắt tôi trong khi tôi toát mồ hôi. Nhưng hắn chẳng bao giờ mon men được tới mức ấy. Tôi bóp các khớp ngón tay hắn một lần, rồi hai lần, mạnh hơn một chút, rồi thả bàn tay gã thanh niên xuống và quay đi. Tôi đi được gần sáu chục mét về phía Nam thì nghe tiếng máy chiếc xe bán tải khởi động. Nó gầm rú chạy về phía Nam rồi tiếng máy chìm trong tiếng ù ù của cái nóng.

Trở về đồn, một chiếc Cadillac lớn màu trắng đang đậu ngay bên kia lối vào. Mới tinh, chất đầy đồ. Đầy đồ da màu đen và đồ giả gỗ. So với loại gỗ óc chó trang trọng và da cò trong chiếc Bentley của Charlie Hubble thì chiếc xe này chỉ như một nhà chứa ở Las Vegas. Đi vòng từ mũi tới cửa xe cũng phải mất năm bước. Trong bầu không khí lạnh trong đồn, mọi người đang lảng xảng quanh một lão già cao có mái tóc bạc trắng. Ông ta mặc một bộ com lê đã lỗi mốt. Dây giày có móc bạc. Trông như một gã khốn thực sự. Một dạng chính trị gia. Người chạy chiếc Cadillac. Tay này phải tới bảy lăm tuổi và đang khập khiễng đi quanh, dựa vào một cây gậy chống to, đầu gậy có tay nắm to bằng bạc. Tôi đoán đây là thị trưởng Teale.

Roscoe đang từ căn phòng lớn ở phía cuối đi ra. Cô bị sốc nặng sau khi có mặt ở nhà Morrison. Lúc này trông không khá lắm nhưng cô vẫn vẫy tay và gượng cười. Ra hiệu cho tôi lại gần. Muốn tôi đi vào phòng cùng cô. Tôi liếc nhanh thị trưởng Teale rồi bước đến chỗ Roscoe.

"Em ổn chứ?" tôi hỏi.

"Em đã có những ngày khá hơn thế này."

"Em biết tất cả rồi chứ? Finlay đã nói cụ thể với em chưa?"

Roscoe gật đầu.

"Finlay đã nói với em tất cả."

Chúng tôi chui vào căn phòng lớn đầy đồ gỗ hồng sắc. Finlay ngồi bên chiếc bàn phía dưới chiếc đồng hồ cổ. Nó đang chỉ 4 giờ kém 15. Roscoe khép cửa, tôi hết nhìn người nọ tới nhìn người kia.

"Thế ai sẽ nhận vị trí đó?" tôi lên tiếng. "Ai là đồn trưởng mới?"

Finlay từ chỗ ngồi ngược lên nhìn tôi. Lắc đầu.

"Chẳng ai cả," ông nói. "Thị trưởng Teale sẽ đích thân điều hành đồn."

Tôi quay lại cửa hé ra chừng hai phân. Nhòm Teale qua phòng họp. Lão già đang khiến Baker đứng ép vào tường. Trông như lão đang sặc cho anh ta một trận vì chuyện gì đó. Tôi quan sát lão già một lúc.

"Thế hai người rút ra được gì từ việc đó?" tôi hỏi.

"Mọi người khác trong đồn đều trong sạch", Roscoe nói.

"Anh đoán là có vẻ thế", tôi nói. "Nhưng điều đó cho thấy Teale không khỏi có dính líu. Teale là sự thay thế chúng chọn, vậy nên Teale là người của bọn chúng".

"Làm thế nào anh biết rằng ông ta chỉ là người của chúng?" Roscoe hỏi. "Biết đâu ông ta chính là tay trùm. Có thể ông ta điều hành mọi hoạt động."

"Không. Tên trùm đã sử dụng Morrison để gửi đi một thông điệp. Nếu Teale là tên trùm thì tại sao lão lại gửi một thông điệp cho chính mình? Lão già thuộc về kẻ nào đó. Lão ta được gài vào đây để can thiệp vào vụ án."

"Điều đó thì chắc rồi," Finlay nói. "Đã bắt đầu. Ông ta bảo chúng ta tạm gác lại chuyện Joe và Stoller. Chúng ta tung hết mọi lực lượng cho vụ Morrison. Tự chúng ta làm việc ấy, không có sự hỗ trợ từ bên ngoài, không có FBI, không gì cả. Ông ta nói rằng niềm tự hào của đơn vị đang bị đe dọa. Và ông ta đã đang đưa chúng ta vào một lối không có ánh sáng. Nói rằng rõ ràng Morrison đã bị giết dưới tay một kẻ vừa mới ra tù. Một kẻ mà Morrison tống vào tù từ lâu, ra tù liền trả thù",

"Và đó là ngõ tối kinh khủng," Roscoe nói. "Chúng ta phải sục sạo hết kho hồ sơ tồn tại hai

mười năm rồi đôi chiếu mọi cái tên trong mọi hồ sơ với các bản ghi chép về việc thả tù nhân trên cả nước. Điều đó có thể khiến ta mất vài tháng. Ông ta đã rút Stevenson khỏi hoạt động điều tra để làm việc này. Anh ấy sẽ phải làm công việc văn phòng cho tới khi chuyện này xong hẳn. Em cũng thế."

"Còn tệ hơn cả ngộ tối", Finlay nói. "Đó là một cảnh báo được mã hóa. Chẳng kẻ nào trong hồ sơ của chúng ta có vẻ khớp với việc trả thù tàn ác. Ở đây chưa bao giờ có dạng tội phạm ấy. Chúng ta biết điều đó mà. Và Teale biết chúng ta biết điều đó. Nhưng chúng ta không có cách nào làm ông ta thừa nhận điều đó, đúng không?"

"Hai người lơ Teale đi được không?" tôi nói. "Chỉ làm điều cần làm thôi ấy?"

Finlay ngả người trên ghế. Thả ra một hơi thở dài lên trần và lắc đầu.

"Không," ông nói. "Chúng ta đang hoạt động ngay trước mũi kẻ thù. Ngay lúc này, Teale không có lý do nào để nghĩ rằng chúng ta biết bất kỳ điều gì về chuyện này. Và ta phải tiếp tục làm như chúng ta không hay biết gì. Ta phải chơi trò dốt nát và hành động ra vẻ ngây thơ, đúng không? Việc đó sẽ hạn chế khả năng của ta. Nhưng vấn đề lớn là thẩm quyền. Nếu tôi cần lệnh bắt, khám xét hay gì đó, tôi sẽ cần tới chữ ký của ông ta. Và tôi sẽ không có được nó, phải không?"

Tôi nhún vai với đội trưởng thám tử.

"Tôi không có kế hoạch dùng đến lệnh của tòa", tôi nói. "Ông đã gọi cho Washington rồi chứ?"

"Họ sẽ gọi lại cho tôi. Chỉ hy vọng là Teale đừng vồ lấy điện thoại trước khi tôi có thể."

Tôi gật đầu.

"Điều hai người cần là nơi nào đó khác để thực hiện công việc", tôi nói. "Thế còn anh bạn của ông ở FBI Atlanta thì sao? Người ông đã kể với tôi ấy? Ông có thể sử dụng văn phòng của ông ấy làm cơ sở riêng được chứ?"

Finlay suy nghĩ về điều đó. Rồi gật đầu.

"Không phải ý tôi," ông nói. "Tôi sẽ phải tránh khỏi hệ thống theo dõi. Tôi không thể đề nghị Teale đưa ra yêu cầu chính thức, đúng không? Về nhà tôi sẽ gọi, tối nay. Anh ta tên Picard. Anh bạn hay, ông sẽ thích anh ta. Bạn tôi quê Quarter, dưới New Orleans. Anh ta đã làm việc một thời gian ở Boston hồi lâu lắm rồi. Một anh chàng khổng lồ. Rất thông minh, rất rắn."

"Hãy bảo ông ấy rằng chúng ta cần giữ rất kín chuyện này", tôi nói. "Ta không muốn các đặc vụ của ông ấy xuống đây cho tới khi ta sẵn sàng."

"Anh sẽ làm gì với Teale?" Roscoe hỏi. "Ông ta làm việc cho kẻ giết anh trai anh."

Tôi lần nữa nhún vai.

"Tùy mức độ dính líu của lão", tôi nói. "Lão ta không phải kẻ bần."

"Không phải à?" Roscoe hỏi. "Làm sao anh biết như thế?"

"Không đủ nhanh. Khập khiễng đi quanh với chiếc gậy chống. Chậm thế thì không kéo được cò súng. Kiểu gì thì cũng quá chậm để có thể xử lý Joe. Lão này cũng không phải kẻ đá xác anh ấy. Quá già, không đủ sức. Và Teale không phải kẻ sai vật. Đó là Morrison. Nhưng nếu bắt đầu gây chuyện với anh, lão sẽ gặp rắc rối to. Nếu không, lão cũng xuống mồ".

"Vậy bây giờ thế nào?" cô hỏi.

Tôi nhún vai với cô. Không trả lời.

"Tôi nghĩ Chủ nhật là một vấn đề," Finlay nói. "Chủ nhật sẽ giải quyết một rắc rối cho chúng. Việc Teale được đặt vào đây chỉ là tạm thời thôi, ông biết chứ? Tay này đã bảy mươi lăm tuổi. Ông ta không có kinh nghiệm trong ngành cảnh sát. Đây chỉ là giải pháp tình thế, để chúng có thể trụ tới Chủ nhật."

Tín hiệu trên bàn vang lên. Giọng Stevenson qua thiết bị liên lạc nội bộ gọi Roscoe. Họ có các

hồ sơ cần kiểm tra. Tôi mở cửa cho Roscoe. Nhưng cô dừng lại. Cô vừa nghĩ ra điều gì đó.

"Thế còn Spivey?" cô nói. "Ồ Warburton ấy? Hắn được lệnh dàn xếp vụ tấn công nhằm vào Hubble, phải không? Vậy là hắn phải biết kẻ truyền đạt lệnh cho hắn. Anh nên đi hỏi hắn. Đầu mỗi có thể dẫn tới điểm nào đó."

"Có thể," tôi nói. Rồi khép cánh cửa lại sau lưng Roscoe.

'Phí thời gian," Finlay nói với tôi. "Ông nghĩ Spivey sẽ nói với ông điều như thế à?"

Tôi mỉm cười với ông.

"Nếu biết thì hắn sẽ nói cho tôi. Với một câu hỏi như vậy, vấn đề là hỏi như thế nào, đúng không?"

"Cẩn thận đây, Reacher," ông nói. "Chúng thấy rằng anh đã mon men tới những gì Hubble biết, chúng sẽ khử anh như đã khử anh ta."

Hình ảnh Charlie và hai đứa con ào đến tâm trí tôi, tôi run lên. Chúng suy luận rằng Charlie lờ mờ biết những điều Hubble đã biết. Đó là điều không thể tránh khỏi. Thậm chí có thể là cả hai đứa con anh ta nữa. Một kẻ thận trọng sẽ nhận định rằng bọn trẻ nghe lỏm chuyện gì đó. Bây giờ là bốn giờ. Bọn trẻ sẽ tan trường. Ở đó có những kẻ đã sẵn sàng với ủng bao ngoài bằng cao su, đồ bảo hộ toàn thân và găng tay phẫu thuật. Và dao sắc. Và một túi đinh. Cả một chiếc búa.

"Finlay, hãy gọi cho ông bạn Picard của ông ngay bây giờ", tôi nói. "Chúng ta cần sự giúp đỡ của ông ấy. Chúng ta phải đưa Charlie Hubble tới một nơi an toàn. Cả con cô ta nữa. Ngay bây giờ."

Finlay gật đầu trầm ngâm. Ông đã thấy. Đã hiểu.

"Chắc chắn rồi", ông bảo. "Hãy đến ngay Beckman. Ngay bây giờ. Và ở yên đó. Tôi sẽ bố trí Picard. Đừng có rời khỏi đó cho tới khi anh ta xuất hiện, được chứ?"

Ông nhắc điện thoại lên. Gọi một số của Atlanta mà ông đã ghi trong trí nhớ.

Roscoe đã trở lại bàn. Thị trưởng Teale đang đưa cho cô một tập hồ sơ dày. Tôi bước tới phía cô kéo một chiếc ghế còn trống. Ngồi xuống cạnh cô.

"Mấy giờ thì em xong?" tôi hỏi.

"Em đoán là chừng sáu giờ",

"Mang về vài chiếc còng nhé?"

"Anh là đồ ngốc, Jack Reacher."

Teale đang nhìn lên tôi đứng dậy và hôn tóc nữ cảnh sát. Bước ra bầu trời chiều, hướng về phía chiếc Bentley. Mặt trời đang hạ thấp dần và cái nóng đã hết. Bóng râm đang dài ra. Cảm giác như mùa thu đang trên đường tới đây. Tôi nghe thấy tiếng gọi đằng sau. Thị trưởng Teale đã theo tôi ra khỏi tòa nhà. Lão gọi tôi lại. Tôi đứng yên. Buộc lão phải đi tới chỗ mình. Teale khập khiễng bước tới, gậy gõ lọc cọc, miệng mỉm cười. Chia một tay ra tự giới thiệu. Nói rằng tên lão là Grover Teale. Lão có mảnh khỏe của một chính trị gia, đồn ta bằng một cái nhìn và một nụ cười sáng như đèn pha. Cứ như chỉ nói chuyện với tôi thôi cũng khiến lão phần chân đến từng tế bào.

"Rất vui khi bắt kịp anh", tay thị trưởng nói. "Thượng sĩ Baker đã cập nhật thông tin cho tôi về các vụ án mạng ở khu nhà kho. Xem như tôi đã rõ tất cả. Chúng tôi bắt anh quả là một sai sót tệ hại, tất cả chúng tôi thực tình rất tiếc cho anh trai anh, và chắc chắn khi có bất kỳ kết luận nào chúng tôi sẽ cho anh biết ngay. Thế nên trước khi anh ra đi tôi rất biết ơn nếu anh rộng lòng chấp nhận lời xin lỗi của tôi với tư cách người thay mặt cho cả đồn này. Tôi không muốn anh có ấn tượng xấu với chúng tôi. Chúng ta chỉ gọi đó là một sự nhầm lẫn được chứ?"

"Được, ông Teale," tôi nói. "Nhưng tại sao ông lại cho rằng tôi sắp ra đi?"

Thị trưởng Teale phản ứng nhẹ nhàng. Không chút ngần ngại.

"Tôi biết rằng anh chỉ đi qua đây", lão nói "Ồ Margrave chúng tôi không có khách sạn, và tôi nghĩ anh không tìm được cơ hội ở nhờ nhà nào đó."

"Tôi sẽ ở lại", tôi nói. "Tôi đã nhận được lời mời đầy lòng hiếu khách. Tôi biết người miền Nam vẫn có tiếng hiếu khách, đúng không?"

Lão già rạn rở cười với tôi và nắm chặt ve áo dẹt của mình.

"Ồ, chẳng có gì nghi ngờ sự thật đó, thưa quý ngài," lão nói. "Miền Nam nói chung và Georgia nói riêng trên thực tế nổi tiếng về sự nồng hậu. Tuy nhiên, như anh biết đấy, ngay vào thời điểm hiện tại, chúng tôi thấy mình rơi vào hoàn cảnh khó xử. Trong những tình huống thế này, một motel ở Atlanta hay Macon sẽ phù hợp với anh hơn nhiều. Tất nhiên chúng tôi sẽ giữ liên hệ thường xuyên, và sẽ dành cho anh mọi sự hỗ trợ để lo liệu lễ tang cho anh trai anh khi thời khắc đau buồn đó tới. Còn ở Margrave này, tôi e là tất cả chúng tôi sẽ rất bận. Nó sẽ nhàm chán đối với anh. Sĩ quan Roscoe sắp có rất nhiều việc để làm. Lúc này cô ấy không nên bị phân tâm, anh cũng nghĩ thế chứ?"

"Tôi sẽ không làm cô ấy phân tâm," tôi thẳng thừng. "Tôi biết cô ấy đang thực hiện những công việc quan trọng sống còn".

Teale nhìn tôi. Một cái nhìn không tỏ thái độ gì. Mắt đối mắt, nhưng lão không thực sự đủ cao. Cái cổ già gầy nhẳng của lão sẽ bị vẹo. Và nếu cứ tiếp tục chăm chăm nhìn tôi như vậy, cái cổ già gầy nhẳng ấy sẽ gãy. Tôi dành cho lão một nụ cười lạnh lẽo rồi bước đi, về phía chiếc Bentley. Mở khóa rồi vào xe. Dán ga và hạ kính cửa sổ xuống.

"Hẹn gặp lại sau, ông Teale," tôi nói trong khi lái đi.

Giờ tan trường là thời điểm nhộn nhịp nhất tôi thấy trong thị trấn. Tôi gặp hai người ở Phố Chính và một nhóm bốn người nữa gần nhà thờ. Có lẽ là dạng câu lạc bộ buổi chiều gì đó. Đang đọc Kinh thánh hay đóng chai nước đào để dùng trong mùa đông. Tôi chạy lướt qua họ và vội vã lái chiếc xe to lớn chạy hết một dặm phố Beckman Drive hoành tráng. Rẽ vào chỗ có thùng thư màu trắng của nhà Hubble và liên tục xoay chiếc tay lái cũ của hãng Bakelite qua những khúc cua của lối chạy xe.

Khó khăn khi cố gắng cảnh báo Charlie là tôi không biết phải nói cho cô rõ đến đâu. Chắc chắn tôi sẽ không cung cấp cho cô các chi tiết. Thậm chí cảm thấy không đúng chút nào khi thông báo với cô rằng Hubble đã chết. Chúng tôi đang không biết phải làm thế nào. Nhưng tôi không thể mãi giữ Charlie trong tình trạng mù tịt thông tin về vụ việc. Cô cần biết một số điểm. Nếu không cô sẽ chẳng nghe lời cảnh báo.

Tôi đậu chiếc xe của Charlie ở cửa và bấm chuông. Hai đứa trẻ từ đâu đó vọt ra lúc Charlie mở cửa đón tôi vào. Cô trông rất mệt mỏi căng thẳng. Bọn trẻ nói là vui vẻ cũng được. Chúng chưa nhận thấy nỗi lo lắng của mẹ mình. Charlie xua lũ trẻ đi chỗ khác, tôi theo cô vào bếp. Đây là một phòng lớn, hiện đại. Tôi bảo Charlie pha cho chút cà phê. Tôi có thể thấy rằng cô muốn nói gì đó, nhưng không tài nào mở miệng được. Tôi quan sát người phụ nữ lập cập với chiếc máy lọc.

"Nhà không có người giúp việc à?" tôi hỏi.

Charlie lắc đầu.

"Tôi không muốn," cô nói. "Tôi thích tự làm mọi việc."

"Đây là nhà lớn mà."

"Tôi nghĩ là tôi muốn mình luôn bận rộn."

Rồi chúng tôi im lặng. Charlie bật máy pha cà phê, nó khởi động với tiếng rì rì nho nhỏ. Tôi ngồi ở chiếc bàn trong góc cạnh cửa sổ. Chỗ này nhìn ra bãi cỏ mềm rộng chừng một acre. Charlie tới ngồi xuống phía đối diện tôi. Hai tay để trước mặt.

"Tôi đã nghe về Morrison," cuối cùng cô vào chuyện. "Chồng tôi có dính líu tới toàn bộ chuyện này không?"

Tôi cố gắng nghĩ chính xác điều có thể nói với Charlie. Cô chờ đợi câu trả lời. Cà phê chảy ra tách trong căn bếp lớn yên tĩnh.

"Có, Charlie," tôi nói. "Tôi e rằng có đấy. Nhưng Hubble không muốn dính líu, hiểu chứ? Một hình thức tổng tiền đang diễn ra."

Charlie hiểu rõ. Kiểu gì thì cô cũng đã phải suy luận ra rồi. Chắc chắn cô đã xem xét hết mọi khả năng có thể xảy ra. Lời giải thích này là lý giải phù hợp. Đó là lý do Charlie không có vẻ ngạc nhiên hay giận dữ. Cô chỉ gật đầu. Rồi cô nhẹ nhõm. Trông như thể nghe người khác nói ra điều đó khiến Charlie ổn hơn. Giờ thì chuyện đó đã được nói ra. Đã được công nhận. Có thể giải quyết được.

"Tôi e là điều đó có lý," cô nói.

Charlie đứng dậy rót cà phê. Vừa bước vừa nói.

"Đó là cách duy nhất tôi có thể lý giải hành vi của anh ấy," cô tiếp. "Anh ấy đang gặp nguy hiểm à?"

"Charlie, tôi sợ rằng tôi không biết chồng cô đang ở đâu."

Cô đưa cho tôi một cốc cà phê. Lại ngồi xuống quầy bếp.

"Anh ấy đang gặp nguy hiểm à?" Charlie nhắc lại.

Tôi không thể trả lời. Không thể nói ra lời nào. Charlie rời quầy, bước tới ngồi bên kia bàn. Cô bỏ cốc của mình xuống trước mặt. Đây là một phụ nữ ưa nhìn. Tóc vàng và đẹp. Hàm răng hoàn hảo, dáng chuẩn, hơi mảnh, thể thao. Tinh thần mạnh mẽ. Tôi từng thấy cô giống như một bà chủ đồn điền. Người ta gọi là đồn chủ. Tôi đã tự nói với mình rằng một trăm năm mươi năm trước cô hẳn là một chủ nô lệ. Tôi bắt đầu thay đổi quan điểm ấy. Tôi cảm nhận được âm thanh của sự cứng rắn phát ra từ Charlie. Cô vui thú với cuộc sống giàu có và nhàn rỗi, cái đó thì chắc rồi. Các tiệm làm đẹp và bữa trưa với các cô gái ở Atlanta. Chiếc Bentley và những tấm thẻ vàng. Căn bếp lớn có chi phí lớn hơn mức tôi kiếm được suốt cả năm. Nhưng khi cần thiết, đây là người phụ nữ có thể xông pha chiến đấu. Có lẽ một trăm năm mươi năm trước cô ở trên một tàu chở hàng tiến về phía Tây. Cô có đủ tinh thần mạnh mẽ. Từ bên kia bàn Charlie nhìn xoáy vào tôi.

"Sáng nay tôi đã hoảng sợ," cô nói. "Như thế thực sự không giống tôi chút nào. Tôi ngại rằng tôi đã tạo cho ông ấn tượng rất xấu. Sau khi ông đi, tôi đã bình tĩnh lại, suy nghĩ và rút ra nhiều điều. Tôi đã đi tới kết luận như ông vừa nêu ra. Hubble đã sai lầm vướng vào việc gì đó và rồi anh ấy bị buộc chặt vào. Vậy nên tôi sẽ làm gì với chuyện ấy? Hừm, tôi sẽ ngừng hoảng sợ và bắt đầu tư duy. Từ thứ Sáu tới nay tôi đã rồi tung lên, tôi thấy xấu hổ vì điều đó. Đó không phải con người thực sự của tôi chút nào. Thế nên tôi đã làm một việc, hy vọng ông sẽ tha thứ cho tôi về chuyện ấy chứ?"

"Tiếp đi", tôi nói.

"Tôi đã gọi cho Dwight Stevenson," Charlie nói. "Anh ấy bảo đã thấy một bức fax từ Lầu Năm Góc gửi tới có nội dung về thời gian ông phục vụ quân đội, làm quân cảnh. Tôi đã bảo anh ấy tìm đọc cho tôi nghe. Tôi nghĩ đó là bản lý lịch tuyệt vời."

Charlie mỉm cười với tôi. Xích ghế lại gần.

"Thế nên điều tôi muốn làm là thuê ông", cô nói. "Tôi muốn thuê ông hoạt động riêng để xử lý rắc rối của chồng tôi. Ông sẽ xem xét chuyện đó cho tôi chứ?"

"Không, tôi không thể làm điều đó, Charlie."

"Không thể hay sẽ không làm?"

"Sẽ có xung đột lợi ích", tôi nói. "Điều đó có thể khiến tôi không thể hoàn thành công việc của

cô."

"Xung đột à? Theo cách nào?"

Tôi ngừng lại một lúc lâu. Cố tìm cách lý giải.

"Chồng cô cảm thấy có chuyện không hay, đúng không? Anh ấy đã liên hệ với một nhân viên điều tra nào đó, một tay của chính phủ, và khi ấy họ đang cố gắng giải quyết tình hình. Nhưng người làm cho chính phủ đó bị giết. Và tôi e rằng lợi ích của tôi nằm ở phía người làm cho chính phủ hơn là phía chồng cô."

Charlie hiểu điều tôi nói bèn gật đầu.

"Nhưng tại sao? Ông không làm việc cho chính phủ mà."

"Nhưng người làm cho chính phủ kia là anh trai tôi," tôi nói. "Chỉ là sự trùng hợp điên rồ, tôi biết thế chứ, nhưng tôi không thể không đứng về phía anh trai mình."

Charlie im lặng. Cô đã thấy xung đột nằm ở đâu.

"Tôi rất tiếc", cô nói. "Ông không nói rằng Hub đã phản bội anh trai ông chứ?"

"Không," tôi nói. "Không đời nào chồng cô lại làm như thế. Anh ấy đã phụ thuộc vào anh tôi, anh tôi tới để giúp Hubble thoát ra. Tất cả chỉ là có chuyện gì đó không ổn".

"Tôi hỏi ông một câu được chứ? Tại sao ông nhắc tới chồng tôi với động từ ở thì quá khứ vậy?"

Tôi nhìn thẳng vào Charlie.

"Bởi anh ấy đã chết", tôi nói. "Tôi rất lấy làm tiếc."

Charlie sững lại. Cô tái nhợt người, nắm chặt hai bàn tay cho tới khi các khớp ngón tay trắng nhợt ra. Nhưng cô không suy sụp.

"Tôi không nghĩ là anh ấy chết rồi," Charlie lầm bầm. "Tôi biết thế. Tôi có thể cảm nhận được như vậy. Tôi nghĩ anh ấy chỉ đang lẩn tránh đâu đó. Tôi muốn ông tìm anh ấy. Tôi sẽ trả cho ông bất kỳ thứ gì ông muốn."

Tôi chỉ khe khẽ lắc đầu với vợ Hubble.

"Xin hãy làm ơn," cô nói.

"Tôi sẽ không làm việc ấy đâu, Charlie. Tôi sẽ không lấy tiền của cô để làm việc ấy. Làm thế là lợi dụng cô. Tôi không thể nhận tiền của cô bởi tôi biết anh ấy đã chết. Tôi rất tiếc, nhưng sự thật là thế."

Trong bếp chỉ có sự im lặng kéo dài. Tôi ngồi ở bàn, nâng ly cà phê Charlie đã pha cho mình.

"Ông sẽ làm việc ấy nếu tôi không trả ông thứ gì chứ?" cô nói. "Ông có thể chỉ tranh thủ tìm anh ấy trong lúc ông tìm hiểu về vụ liên quan đến anh trai ông chứ?"

Tôi nghĩ về điều này. Không biết từ chối thế nào.

"Được rồi", tôi nói. "Tôi sẽ làm việc ấy, Charlie. Nhưng như tôi đã nói, đừng trông chờ phép màu. Tôi nghĩ ở đây chúng ta đang đối mặt với một chuyện rất tệ hại."

"Tôi nghĩ anh ấy vẫn còn sống," Charlie nói. "Nếu anh ấy không còn sống thì tôi đã biết."

Tôi bắt đầu lo lắng về điều sẽ xảy ra khi tìm thấy xác Hubble. Cô sẽ đối diện với thực tế đúng như cách một chiếc xe tải bỏ chạy đối mặt với một tòa nhà chắn phía trước.

"Ông sẽ cần dùng đến tiền", Charlie nói.

Tôi không chắc chắn về việc nhận tiền, nhưng cô đẩy qua một phong bì dày.

"Chùng đó sẽ đủ chứ?" cô hỏi.

Tôi nhìn chiếc phong bì. Trong đó có một tập dày những tờ một trăm đô la. Tôi gật đầu. Chùng đó là đủ.

"Và xin hãy giữ lấy chiếc xe," Charlie tiếp. "Chùng nào ông còn cần tới nó."

Tôi gật đầu lần nữa. Nghĩ về điều khác tôi cần nói và buộc mình dùng động từ ở thì hiện tại.

"Anh ấy làm việc ở đâu?" tôi hỏi.

"Sunrise International. Đó là một ngân hàng." Rồi cô viết một địa chỉ ở Atlanta.

"Rồi, Charlie. Giờ hãy cho tôi hỏi chuyện khác. Rất quan trọng đây. Chồng cô đã bao giờ nhắc tới từ Pluribus chưa?"

Charlie nghĩ rồi nhún vai.

"Pluribus à?" cô nói. "Không phải điều gì đó liên quan tới chính trị chứ? Giống như bực khi Tổng thống phát biểu à? Tôi chưa bao giờ nghe Hub nói về nó. Anh ấy tốt nghiệp ngành ngân hàng mà."

"Cô chưa bao giờ nghe anh ấy dùng từ này à?" tôi hỏi lại lần nữa. "Qua điện thoại, trong giấc mơ hay gì đó?"

"Chưa bao giờ."

"Còn Chủ nhật tới thì sao? Đã bao giờ anh ấy nhắc tới ngày Chủ nhật tới chưa? Điều gì đó về chuyện sắp diễn ra ấy?"

"Chủ nhật tới? Tôi không nghĩ là anh ấy đã đề cập tới nó. Tại sao chứ? Chuyện gì sẽ diễn ra vào Chủ nhật tới?"

"Tôi không biết. Đó là điều tôi đang cố gắng tìm hiểu."

Charlie lại trầm ngâm một lúc lâu về điều đó, nhưng rồi chỉ lắc đầu nhún vai, ngửa hai bàn tay, như thể điều ấy chẳng có ý nghĩa gì với cô.

"Tôi xin lỗi!" cô nói.

"Đừng lo về chuyện đó," tôi bảo. "Giờ cô phải làm một việc".

"Tôi phải làm gì?"

"Cô phải rời khỏi đây."

Những khớp tay vẫn còn trắng nhợt nhưng Charlie đã kiểm soát được mình.

"Tôi phải chạy trốn à?" cô hỏi. "Nhưng tới đâu?"

"Một đặc vụ FBI sẽ tới đón cô."

Charlie chăm chăm nhìn tôi đầy kinh hãi. "FBI à?" cô hỏi. Lúc này còn nhợt nhạt hơn. "Vụ này thực sự nghiêm trọng, đúng không?"

"Nghiêm trọng vô cùng", tôi đáp. "Cô cần sẵn sàng ra đi ngay bây giờ."

"OK," Charlie nói, chậm rãi. "Tôi không thể tin nổi là chuyện này đang diễn ra."

Tôi bước ra khỏi bếp, vào sân vườn, nơi chúng tôi uống trà đá hôm trước. Bước qua những cánh cửa kiểu Pháp và chậm chậm đi một vòng phía ngoài nhà. Dọc theo lối chạy xe, qua các bờ cỏ xanh, ra phố Beckman Drive. Tựa vai vào thùng thư màu trắng. Yên tĩnh. Tôi không nghe thấy gì ngoài tiếng lạt sạt của lớp cỏ đang mát dần dưới chân. Rồi tôi có thể nghe thấy tiếng một chiếc xe hơi chạy khỏi thị trấn về hướng Tây. Nó chậm lại ngay trước đầu dốc, tôi nghe thấy tiếng hộp số tự động hạ xuống một số khi tốc độ giảm. Chiếc xe leo lên đỉnh dốc, lọt vào tầm quan sát. Đó là một chiếc Buick màu nâu, rất đơn giản, trong xe có hai người. Đây là hai gã da màu nhỏ người gốc Tây Ban Nha, áo sơ mi hoa hòe hoa sói. Bọn chúng đang chạy chậm lại, tấp vào mé trái đường, tìm thùng thư nhà Hubble. Tôi đang dựa vào thùng thư nhà Hubble ngó hai tên. Mắt chúng chạm mắt tôi. Chiếc xe lại tăng ga đột ngột đổi hướng. Phóng mất dạng sau các khóm đào. Tôi bước ra nhìn theo hai tên lái đi. Tôi thấy một vệt khói bốc lên khi chúng rời khỏi mặt đường nhựa hoàn hảo của Margrave vào con đường nông thôn bụi bặm. Rồi tôi vội vã chạy trở lại nhà. Tôi muốn Charlie khẩn trương lên. Cô đang trong nhà, bối rối, miệng nói huyền thuyên như một đứa trẻ chuẩn bị đi ngủ. Miệng đọc to những thứ cần thiết. Một cơ

chế xua đi nỗi hoảng sợ cô đang cảm thấy. Hôm thứ Sáu cô còn là một phụ nữ nhàn nhã giàu có, lấy chồng là một tay làm ngân hàng. Bây giờ, thứ Hai, một kẻ lạ mặt bảo rằng chồng cô đã chết và đang giục cô khẩn trương chạy trốn để giữ lấy mạng mình.

"Hãy cầm theo điện thoại di động," tôi nói với vào.

Charlie không trả lời. Tôi chỉ nghe thấy sự im lặng đầy lo lắng. Tiếng chân chạy và tiếng đóng cửa tủ. Tôi ngồi trong căn bếp nhà Hubble với chỗ cà phê còn lại trong gần một tiếng. Rồi tôi nghe tiếng còi xe hơi và tiếng bước chân nặng nề xéo trên nền sỏi. Một tiếng gõ mạnh trước cửa. Tôi dứt một tay vào túi, nắm quanh chiếc cán gỗ gụ con dao bấm tự động của Morrison. Bước ra phòng trước mở cửa.

Có một chiếc sedan nhỏ gọn màu xanh nước biển đậu cạnh chiếc Bentley và một người đàn ông da đen khổng lồ đứng trước cửa. Ông ta cao bằng tôi, có khi cao hơn, nhưng chắc chắn phải nặng hơn tôi ít nhất năm mươi cân. Phải một tạ rưỡi. Đứng bên cạnh ông ta, tôi chỉ là tay võ sĩ hạng lông. Người đàn ông bước về phía trước với sự uyển chuyển của một vận động viên.

"Reacher phải không?" người khổng lồ lên tiếng. "Hân hạnh được gặp ông. Tôi là Picard, FBI."

Ông bắt tay tôi. Người này thật to lớn. Khả năng hoàn thành tốt mọi việc ở ông phát ra một cách tự nhiên khiến tôi thấy vui vì ông đứng về phía mình. Ông trông giống kiểu người tôi thích. Bởi ông có thể rất hữu dụng trong tình huống nguy hiểm. Đột nhiên tôi cảm nhận được làn sóng kích lệ rất mạnh mẽ.

Tôi đứng sang một bên cho Picard bước vào nhà Hubble.

"OK," ông nói với tôi. "Tôi đã biết toàn bộ chi tiết qua Finlay. Thực sự lấy làm tiếc về anh trai ông, bạn tôi ạ. Thực sự lấy làm tiếc. Kiểm chỗ nào ta có thể nói chuyện chứ?"

Tôi dẫn Picard vào bếp. Ông đi bên cạnh tôi và đi hết chặng đường chỉ bằng vài sải chân. Liếc quanh và tự rót chút xiu cà phê còn lại. Rồi bước tới bên đặt một tay lên vai tôi. Tôi cảm thấy như ai đó vừa ném một bao xi măng xuống người.

"Nguyên tắc cơ bản", ông nói. "Toàn bộ chuyện này không ghi vào hồ sơ, đúng chứ?"

Tôi gật đầu. Chất giọng của Picard phù hợp với trọng lượng cơ thể. Đó là tiếng gầm khe khẽ. Nếu một chú gấu nâu học nói thì nó cũng sẽ phát ra âm như vậy. Tôi không thể đoán Picard bao nhiêu tuổi. Ông là một trong số những người to con khỏe mạnh có thời kỳ sung mãn kéo dài vài thập kỷ. Ông gật đầu bước ra chỗ khác. Tì bộ khung khổng lồ lên quầy bếp.

"Đây là vấn đề rất lớn với tôi," đặc vụ FBI nói. "Cục không thể hành động nếu không có đề nghị từ quan chức có trách nhiệm của địa phương. Đó sẽ là Teale, phải không? Và từ những gì Finlay nói với tôi, tôi cho là lão già Teale sẽ không đưa ra đề nghị ấy. Vậy nên rút cuộc tôi tự thò mũi vào chuyện này. Nhưng vì Finlay, tôi sẽ bỏ qua các nguyên tắc. Chúng tôi biết nhau khá lâu rồi. Nhưng ông phải nhớ rằng chuyện này hoàn toàn riêng tư, OK chứ?"

Tôi gật đầu lần nữa. Tôi vui với điều đó. Rất vui. Sự hỗ trợ không chính thức hợp với tôi. Điều đó sẽ giúp hoàn thành công việc mà không khiến tôi dính vào quy trình chính thức. Từ giờ cho đến Chủ nhật tôi có trọn vẹn năm ngày. Tính đến sáng nay, năm ngày có vẻ còn hơn cả thoải mái. Nhưng bây giờ thì Hubble đã biến mất, tôi cảm thấy như chừng đó là khoảng thời gian rất ngắn. Ngắn quá đến mức tôi không muốn lãng phí chút nào cho quy trình chính thức.

"Ông sẽ cho họ ở nơi nào?" tôi hỏi Picard.

"Một nhà mật ở Atlanta. Nhà của Cục, chúng tôi đã dùng nhiều năm. Ở đó họ sẽ được an toàn, nhưng tôi sẽ không nói chính xác nó ở đâu, và tôi sẽ phải yêu cầu ông sau này không được gặng hỏi cô Hubble về nơi đó, được chứ? Việc này thì tôi phải cẩn trọng. Tôi để lộ một nhà mật là gặp rắc rối to

đẩy."

"OK, Picard. Tôi sẽ không gây rắc rối nào cho ông đâu. Và tôi cảm kích về sự giúp đỡ của ông."

Picard gật đầu trầm ngâm, như thể sắp nói ra điều gì gây tranh cãi vậy. Rồi Charlie cùng hai đứa trẻ ào vào. Cả ba đều nặng trĩu người vì các ba lô, túi xách lèn chặt. Picard tự giới thiệu. Tôi có thể thấy con gái của Charlie khiếp đảm vì sự to lớn của đặc vụ FBI này. Đôi mắt cậu con trai tròn xoe khi thấy phù hiệu đặc vụ FBI mà Picard trưng ra. Rồi cả năm chúng tôi xách những chiếc ba lô ra ngoài, chất vào cốp của chiếc sedan xanh nước biển. Tôi bắt tay Picard và Charlie. Rồi tất cả họ vào xe. Picard lái đi. Tôi vẫy theo.

Tôi chạy về phía Warburton nhanh hơn nhiều so với tài xế lái xe chuyển từ bữa trước và chưa đến năm mươi phút sau đã có mặt ở đó. Một cơn giông đang nhanh chóng kéo đến từ phía Tây, những tia sáng của mặt trời thấp buổi chiều đang trốn khỏi những đám mây và lao xuống nhà tù. Các chòi canh cùng tháp kim loại lấp lánh đang bắt lấy những tia màu cam. Tôi chạy chậm lại rồi rẽ vào đường dẫn vào nhà tù. Dừng lại bên ngoài cái lồng di động bằng thép đầu tiên. Tôi sẽ không vào trong đó. Tôi chịu đựng nơi đó đã đủ rồi. Tôi ra khỏi chiếc Bentley bước tới phía người gác. Anh ta có vẻ đủ thân thiện.

"Spivey có trực không?" tôi hỏi.

"Anh muốn gặp anh ta à?"

"Hãy nói với anh ta rằng ông Reacher đang ở đây."

Tay gác chui vào một mái che Perspex gọi điện thoại. Lại chui ra hét lên với tôi. "Anh ta không biết ông Reacher nào cả."

"Bảo anh ta rằng đồn trưởng Morrison cử tôi đến", tôi nói. "Từ Margrave."

Tay gác lại chui vào mái che Perspex và bắt đầu nói chuyện. Sau một phút anh chàng chui ra.

"OK, đánh xe qua đi," anh ta bảo. "Spivey sẽ gặp anh ở khu đón tiếp."

"Bảo anh ta rằng anh ta phải ra đây. Gặp tôi trên đường."

Tôi bước ra đứng trên đám bụi ở rìa mặt đường nhựa. Đây là một cuộc đấu trí. Tôi dám cá rằng Spivey sẽ mò ra. Tôi sẽ biết điều đó trong năm phút nữa. Tôi chờ đợi. Tôi có thể ngửi thấy mùi mưa đang từ phía Tây lan tới. Một giờ nữa nó sẽ kéo tới ngay trên đầu chúng tôi.

Spivey ra. Tôi nghe tiếng những lưới sắt của chiếc lồng thép nghiêng ken két. Tôi quay lại thấy một chiếc Ford bản thiêu chạy ra. Nó chạy qua cổng rồi dừng lại cạnh chiếc Bentley. Spivey lê người khỏi xe. Hắn bước lại. Tên béo đang đỏ mồ hôi, mặt và tay đỏ lựng. Bộ sắc phục bản thiêu.

"Nhớ tôi chứ?" tôi hỏi.

Đôi mắt rần rần hí đảo quanh. Tên trợ lý giám sát dáo dác lo lắng.

"Ông là Reacher à? Có chuyện gì thế?"

"Đúng," tôi nói. "Tôi là Reacher. Hôm thứ Sáu. Thỏa thuận là thế nào?"

Spivey chuyển chân đứng. Hắn đang tỏ ra khó chơi. Nhưng tên này đã để lộ bàn tay bản thiêu. Hắn đã ra ngoài gặp tôi. Tên béo đã thua trong cuộc chơi này. Nhưng hắn không nói gì.

"Thỏa thuận hôm thứ Sáu là thế nào?" tôi nhắc lại.

"Morrison chết rồi", Spivey nói. Rồi hắn nhún vai mím chặt đôi môi. Không nói thêm gì.

Tôi bước về bên trái một cách tự nhiên. Chỉ chừng ba mươi phân, để cho tám thân đồ sộ của Spivey chắn giữa tôi và tay gác. Để người khác không thể trông thấy. Chiếc dao bấm tự động của Morrison xuất hiện trong tay tôi. Tôi đưa nó lên ngang tầm mắt Spivey chừng một giây. Chỉ vừa đủ lâu cho hắn trông thấy những chữ khắc vàng trên cán gỗ gụ. Rồi lưỡi dao bật ra với một tiếng tách mạnh. Đôi mắt rần của Spivey dán chặt vào đó.

"Mày nghĩ là tao đã sử dụng thứ này với Morrison chứ?" tôi nói.

Spivey chăm chăm nhìn lưỡi dao. Dưới ánh nắng của cơn giông, nó có màu xanh nước biển.

"Đó không phải ông," hắn nói. "Nhưng có lẽ ông có lý do thích hợp."

Tôi mỉm cười với Spivey. Hắn biết tôi không phải kẻ giết Morrison. Vậy là tên béo đã biết kẻ nào làm việc ấy. Vì thế hắn biết bọn chủ của Morrison là ai. Đơn giản thế. Chỉ vài từ là tôi sẽ biết

được. Tôi gi lưởi dao vào sát bộ mặt đỏ lựng của Spivey.

"Muốn tao sử dụng thứ này với mày không?" tôi hỏi.

Spivey dáo dác liếc quanh. Trông thấy người gác cách đó ba mươi mét.

"Anh ta sẽ không giúp mày đâu," tôi bảo. "Anh ta ghét cái thân bị thịt vô dụng của mày. Anh ta chỉ là một người gác. Mày liếm đít kẻ khác để được thăng tiến. Nếu mày dính lửa anh ta cũng chẳng đái vào người mày đâu. Tại sao anh ta phải làm thế chứ?"

"Thế ông muốn gì?" Spivey hỏi.

"Thứ Sáu. Thỏa thuận hôm đó là gì?"

"Nếu tôi nói cho ông thì thế nào?"

Tôi nhún vai.

"Còn tùy thuộc vào điều mày nói cho tao. Nói cho tao biết sự thật, tao sẽ để mày vào trong kia. Muốn nói cho tao sự thật không?"

Gã trợ lý giám sát không trả lời. Chúng tôi chỉ đứng bên cạnh đường. Cuộc đấu thần kinh. Thần kinh tên béo đã nhũn ra rồi. Thế nên hẳn sắp thua. Hai con mắt ti hí đảo qua đảo lại. Chúng luôn trở về với lưởi dao.

"Được rồi, tôi sẽ nói cho ông," tên béo nói. "Thì thoảng tôi giúp cho Morrison. Hôm thứ Sáu ông ấy gọi cho tôi. Bảo là sẽ gửi tới hai người. Tên không có ý nghĩa gì với tôi. Chưa bao giờ nghe nói tới ông hay người kia. Tôi phải dàn xếp để gã Hubble bị giết. Tất cả là thế. Không dàn xếp chuyện gì xảy ra với ông, tôi thề là thế."

"Vậy chuyện gì đã hỏng?"

"Bọn người của tôi đã làm sai. Tất cả chỉ có thế, tôi thề đấy. Người còn lại mới là kẻ chúng tôi quan tâm. Không dàn xếp chuyện gì xảy ra với ông. Ông đã ra khỏi đó, đúng không? Không bị thiệt hại gì, đúng không? Vậy tại sao lại làm khổ tôi?"

Tôi nhích lưởi dao lên rất nhanh chích vào cằm Spivey. Hẳn cứng người vì sốc. Một lát sau một giọt máu to đỏ thẫm chảy ra từ vết chích.

"Lý do là gì?" tôi hỏi.

"Chẳng bao giờ có lý do" hẳn nói. "Tôi chỉ thực hiện những gì được yêu cầu".

"Mày làm những điều được yêu cầu à?"

"Tôi chỉ thực hiện những gì được yêu cầu", Spivey nhắc lại. "Morrison nói với tôi những việc cần làm".

"Và kẻ nào bảo Morrison những việc cần làm?"

Tôi đưa lưởi dao lên cách má Spivey chừng hai phân. Hẳn đang chuẩn bị thút thít vì sợ. Tôi chăm chăm nhìn vào đôi mắt rần rần ti hí của hắn. Tôi biết câu trả lời rồi. Tôi có thể trông thấy nó, ẩn sâu trong đôi mắt này. Spivey biết kẻ nào bảo Morrison những việc cần làm.

"Kẻ nào nói với lão những việc cần làm?" tôi hỏi lần nữa.

"Tôi không biết," Spivey nói. "Tôi thề đấy, trên mộ mẹ tôi."

Tôi chăm chăm nhìn tên này một lúc lâu. Rồi lắc đầu.

"Sai, Spivey. Mày biết. Mày sẽ nói cho tao."

Giờ thì Spivey lắc đầu. Bản mặt to, đỏ của hắn giật từ bên nọ sang bên kia. Máu đang chảy qua cằm xuống hàm dưới của hắn.

"Chúng sẽ giết tôi nếu tôi nói" hẳn bảo.

Tôi gi lưởi dao vào bụng Spivey. Rạch đứt chiếc sơ mi nhăn nhúm.

"Tao sẽ giết mày nếu mày không nói."

Những kẻ như Spivey chỉ nghĩ được ngắn. Nếu nói cho tôi, ngày mai hẳn sẽ chết. Còn nếu không nói cho tôi, hẳn sẽ chết hôm nay. Đó là cách nghĩ của tên trợ lý giám sát này.

Nghĩ ngắn. Thế nên hẳn chuẩn bị nói cho tôi. Yết hầu tên béo

bắt đầu dịch lên dịch xuống, như thể họng khô quá không nói nổi. Tôi nhìn thẳng vào hai mắt Spivey. Hẳn không thể thốt ra lời nào. Tay trợ lý giám sát giống như anh chàng trong một bộ phim leo lên một đụn cát trên sa mạc cố gắng gọi xin nước uống. Nhưng hẳn sắp nói với tôi. Rồi lại không thể. Qua vai Spivey tôi trông thấy một làn khói xa về phía Đông. Rồi tôi nghe tiếng gầm nhẹ của động cơ diesel.

Rồi tôi có thể thấy hình thù màu xám của chiếc xe chuyển tù đang chạy tới. Spivey ngoắt đầu lại nhìn thứ cứu mạng mình. Người gác bước ra đón chiếc xe. Spivey ngoắt đầu lại nhìn tôi. Hai mắt hẳn ánh lên tia chiến thắng. Chiếc xe đang lại gần hơn.

"Đó là ai, Spivey?" tôi hỏi. "Nói cho tao bây giờ, nếu không tao sẽ quay lại tìm mày."

Nhưng Spivey chỉ lúi lại, xoay người rồi vội vã chạy về chiếc Ford bản thủ của hẳn. Chiếc xe chở tù gầm lên phun khói khắp người tôi. Tôi gấp lưỡi dao đứt vào túi. Chạy về phía chiếc Bentley lái đi.

Cơn giông đuổi theo tôi suốt chặng đường trở về theo hướng Đông. Tôi cảm thấy còn hơn cả một cơn giông đang đuổi theo mình. Tôi phát sốt vì thất vọng. Sáng nay chỉ còn nói vài câu nữa tôi biết được mọi điều. Bây giờ thì chẳng biết gì. Tình hình đột ngột trở nên tệ hại, tôi không có lực lượng hỗ trợ, không có trang bị, không được giúp đỡ. Tôi không thể dựa vào Roscoe hay Finlay. Tôi không thể trông đợi ai trong số họ đồng ý với chương trình làm việc của mình. Hơn nữa ở đồn họ còn có những rắc rối của riêng họ. Finlay đã nói gì? Hoạt động ngay trước mũi kẻ thù. Tôi cũng không thể trông đợi quá nhiều ở Picard. Ông đã tách ra, không có sự hỗ trợ. Tôi không thể trông đợi vào ai khác ngoài chính mình.

Mặt khác tôi không có luật lệ nào để phải lo lắng, không bị hạn chế, không phân tán. Tôi sẽ không phải nghĩ về lời cảnh báo Miranda, về lý do hợp lệ để thực hiện lệnh bắt, về các quyền ghi trong hiến pháp. Tôi sẽ không phải nghĩ đến những hoài nghi hợp lý và các quy định về bằng chứng. Không kêu gọi lên bất kỳ cấp nào cao hơn để xử lý những tên này. Như thế công bằng hay không? Tôi cá là có. Đây là bọn xấu. Chúng đã bước qua vạch ngăn cách từ lâu rồi. Bọn xấu. Finlay đã nói gì nhỉ? Xấu xa tới tột cùng. Và chúng đã giết Joe Reacher.

Tôi đánh chiếc Bentley xuống ngọn đồi hơi dốc, tới nhà Roscoe. Đậu xe phía ngoài nhà cô. Roscoe không có nhà. Chiếc Chevrolet không ở đây. Đồng hồ lớn mạ crôm trên bảng điều khiển chiếc Bentley chỉ 6 giờ kém 10. Mười phút chờ đợi. Tôi ra khỏi ghế trước chui vào băng ghế sau. Đuổi người trên băng ghế dài bọc da của chiếc xe to cũ kỹ.

Tôi muốn tránh xa Margrave đêm nay. Tôi muốn ra khỏi cả Georgia. Tôi tìm thấy một tấm bản đồ ở ô chứa đồ đằng sau ghế người lái. Tôi xem bản đồ và nhắm tính nếu chúng tôi chạy về phía Tây chừng một giờ, giờ rưỡi gì đó, lại qua Warburton, thì chúng tôi sẽ băng qua ranh giới bang vào Alabama. Đó là điều tôi muốn làm. Lao về phía Tây cùng Roscoe vào bang Alabama và tấp vào quán bar có nhạc sống đầu tiên chúng tôi gặp. Gác lại những vấn đề của tôi tới ngày mai. Ăn vài thứ đồ rẻ, uống chút bia lạnh, nghe chút âm nhạc dung tục. Cùng Roscoe. Ý tưởng của tôi về một buổi tối tuyệt vời. Tôi lại nằm xuống đợi cô. Bóng tối dần kéo tới. Tôi cảm thấy chút giá rét trong bầu không khí buổi tối. Khoảng sáu giờ thì những giọt mưa khổng lồ bắt đầu gõ xuống mui chiếc Bentley. Cảm giác như một cơn giông lớn buổi tối đang kéo tới song thực ra chẳng bao giờ nó xuất hiện. Nó chẳng bao

giờ thực sự tới. Chỉ những giọt mưa sớm to đùng vãi xuống như bầu trời căng ra để trút xuống nhưng không được. Trời tối mịt, chiếc xe nặng nề rung rinh trong cơn gió ẩm.

Roscoe về muộn. Con giông dọ dẫm chừng hai mươi phút thì tôi thấy chiếc Chevy của cô lượn vòng xuống con dốc. Hai đèn pha phát sáng quét hết trái lại phải. Lúc Roscoe ngoặt vào lối chạy xe, ánh sáng ấy tràn lên tôi. Chúng làm cánh cửa ga ra sáng rực lên, rồi tối đi khi Roscoe tắt máy. Tôi ra khỏi chiếc Bentley bước tới bên Roscoe. Chúng tôi ôm hôn nhau. Rồi đi vào nhà.

"Em ổn chứ?" tôi hỏi.

"Em nghĩ là ổn. Một ngày kinh khủng."

Tôi gật đầu. Đúng thế thật.

"Buồn hả?" tôi hỏi tiếp.

Roscoe đi quanh phòng bật đèn lên. Kéo rèm lại.

"Sáng nay là buổi sáng tệ hại nhất em từng thấy", cô nói. "Cho tới nay là tệ nhất. Nhưng em sẽ nói với anh điều em không bao giờ nói cho ai khác. Em không buồn. Không buồn vì Morrison. Anh không thể buồn vì một tay như thế. Nhưng em buồn cho vợ ông ta. Phải sống cùng một tay như Morrison cũng đã đủ tệ rồi chứ chưa nói đến chuyện phải chết cũng vì lão ấy, đúng không?"

"Thế những người còn lại ra sao?" tôi hỏi. "Teale thì sao?"

"Em chẳng ngạc nhiên", Roscoe đáp. "Cả gia đình ấy đã là bọn khốn suốt hai trăm năm nay. Em biết tất cả về họ. Từ hồi ấy gia đình em và gia đình đó chỉ tồn tại cùng nhau."

Tại sao ông ta lại khác đi được chứ? Nhưng Chúa ơi, em thấy vui vì mọi người khác trong đồn đều trong sạch. Em cũng sợ là mình sẽ phát hiện ra một trong những người ấy dính tới vụ này. Em không biết nếu thế thì mình sẽ đối mặt ra sao."

Roscoe vào bếp và tôi đi theo. Cô trở nên im lặng. Cô không suy sụp nhưng không được vui. Roscoe mở tủ lạnh. Đó là một cử chỉ bảo rằng: tủ bát không có gì. Cô nở một nụ cười mệt mỏi với tôi.

"Muốn mua đồ ăn tối cho em không?" Roscoe hỏi.

"Chắc chắn có," tôi đáp. "Nhưng không phải ở đây. Mà ở Alabama."

Tôi nói cho Roscoe việc mình muốn làm. Cô thích kế hoạch đó. Gương mặt nữ cảnh sát rạng rỡ lên, rồi cô đi tắm. Tôi cho là mình cũng có thể tắm nên đi theo. Nhưng chúng tôi phải hoãn việc tắm lại một chút bởi ngay khi Roscoe bật cúc chiếc áo cảnh sát cứng đờ, những ưu tiên của tôi thay đổi ngay. Sức hút của quán bar Alabama chìm xuống. Và việc đi tắm cũng gác lại đấy đã. Bên trong bộ đồng phục, Roscoe mặc đồ lót đen. Không phải những món đồ quá lớn. Cuối cùng chúng tôi kết thúc với cuộc vật lộn điên cuồng trên sàn phòng ngủ. Rốt cuộc cơn giông cũng ập đến. Mưa đập tung tóe vào căn nhà nhỏ. Chớp sáng lòa, sấm đì đùng. Chúng tôi cuối cùng cũng đi tắm. Đến lúc này thì cả hai thực sự cần làm việc ấy. Sau đó tôi nằm trên giường trong lúc Roscoe mặc đồ. Cô mặc quần bò mới và một chiếc sơ mi lụa. Chúng tôi lại tắt các đèn bàn, khóa cửa và ra đi bằng chiếc Bentley. Bây giờ là 7 giờ 30, cơn giông đang chuyển dịch về phía Đông, hướng về phía Charleston trước khi vùn vụt trên bầu trời Đại Tây Dương. Ngày mai có thể tới Bermuda. Chúng tôi chạy theo hướng Tây, về phía bầu trời sáng hơn. Tôi tìm thấy đường trở lại Warburton. Chạy theo những con đường phục vụ canh tác, giữa những cánh đồng tối vô tận và vệt qua nhà tù. Trong ánh sáng vàng ma quái, nó sáng lên lấp lánh.

Khoảng nửa giờ sau khi chạy qua Warburton, chúng tôi dừng lại để đổ đầy bình xăng khổng lồ của chiếc xe cũ. Xuyên qua vài vùng trồng thuốc lá và băng qua sông Chanahoochee trên một cây cầu cổ ở Franklin. Rồi lướt xuống ranh giới bang. Chúng tôi tới Alabama trước chín giờ. Cả hai đồng ý sẽ

chọn ngẫu nhiên, dừng ở quán bar đầu tiên.

Sau khoảng một dặm, chúng tôi trông thấy một quán cổ. Chạy vào bãi đỗ và ra khỏi xe. Trông ồn. Nơi này đủ lớn, rộng và thấp, xây bằng các tấm gỗ quét hắc ín. Trần ngập ánh đèn neon, rất nhiều xe trong bãi đỗ, và tôi có thể nghe thấy tiếng nhạc. Tấm biển ở cửa ghi tên quán The Pond, chơi nhạc sống cả bảy ngày trong tuần, bắt đầu từ 9 giờ 30 tối. Roscoe và tôi cầm tay nhau bước vào.

Chúng tôi bị những tiếng ồn ào của một quán bar, nhạc phát ra từ các máy hát tự động và bầu không khí đầy hơi bia ủa tới. Chúng tôi len lỏi vào tận bên trong, thấy một loạt ghế ngồi xếp thành vòng tròn quanh một sàn nhảy có sân khấu. Sân khấu chỉ là một nền thấp bằng bê tông. Có lẽ nơi này từng là điểm bốc dỡ hàng. Trần thấp, ánh sáng mờ mờ. Chúng tôi tìm một ghế còn trống liền lách vào. Xem ban nhạc chuẩn bị trong lúc chờ được phục vụ. Các nữ bồi bàn hối hả chạy quanh như cầu thủ bóng rổ. Một người lao tới, chúng tôi gọi bia, bánh hamburger rưới pho mát, khoai tây rán, hành tím bột rán. Gần như ngay lập tức, nữ phục vụ trở lại với một chiếc khay bé tẹo đựng những thứ chúng tôi đã gọi. Chúng tôi ăn, uống và gọi thêm.

"Vậy anh sẽ làm gì với chuyện của Joe?" Roscoe hỏi tôi.

Tôi sẽ hoàn thành công việc của anh. Dù nó có là gì. Dù phải trả giá thế nào. Đó là điều tôi đã quyết định sáng nay khi nằm trên chiếc giường ấm áp của cô. Nhưng Roscoe là sĩ quan cảnh sát. Cô đã tuyên thệ bảo vệ mọi luật lệ. Các luật được xây dựng để ngăn chân tôi. Tôi không biết nói gì. Nhưng Roscoe không chờ đợi tôi nói điều gì.

"Em nghĩ anh nên tìm ra kẻ đã giết anh ấy," cô bảo.

"Và rồi gì nữa?"

Nhưng chúng tôi chỉ bàn tới đây. Ban nhạc đã bắt đầu chơi. Chúng tôi không thể nói chuyện thêm chút nào. Roscoe nở nụ cười bày tỏ lời xin lỗi và lắc đầu. Nhạc chơi khá to. Cô nhún vai nói lấy làm tiếc vì tôi không thể nghe được những gì cô đang nói. Cô làm ký hiệu sẽ-nói-với-anh-sau từ bên kia bàn rồi chúng tôi quay mặt về phía sân khấu. Tôi ước gì mình đã có thể nghe câu trả lời của Roscoe dành cho câu hỏi của tôi.

Quán bar có tên The Pond (ao) còn ban nhạc mang tên Pond Life (*cuộc sống dưới ao*). Họ khởi đầu rất hay. Một nhóm tam tấu cổ điển. Ghi ta, tay chơi bass, trống. Rất đậm chất Stevie Ray Vaughan (*Stephen "Stevie" Ray Vaughan (1954-1990): một trong những tay ghi ta có ảnh hưởng nhất của Mỹ cuối thế kỷ 20*). Kể từ khi Stevie Ray chết trên chiếc trực thăng gần Chicago, dường như ta chỉ cần đếm số đàn ông da trắng dưới bốn mươi tuổi ở các bang miền Nam rồi chia cho ba thì sẽ ra số ban nhạc bày tỏ sự kính trọng với Stevie Ray Vaughan. Mọi người đều làm việc ấy. Bởi việc đó không đòi hỏi nhiều. Không quan trọng ta trông ra sao, có những nhạc cụ gì. Tất cả những gì ta cần làm là cúi đầu chơi nhạc. Những ban nhạc khá nhất có thể chơi giống hệt Stevie Ray từ thể loại rock chơi trong quán bar tới dòng blues cổ của bang Texas.

Ban nhạc này khá hay. Pond life. Họ xứng với cái tên đầy mỉa mai của mình. Tay chơi bass và trống là hai kẻ lười thôi, người đầy lông tóc, béo và bần. Tay ghi ta là người nhỏ da sẫm, không khác với Stevie Ray ngày xưa. Cũng cái cười đầy hơi thở cuộc sống. Anh ta cũng có thể chơi nhạc nữa. Người này có một đĩa Les Paul và một chồng băng Marshall dày. Âm thanh kiểu cổ rất hay. Các dây đàn nặng, lỏng và bộ chuyển tín hiệu vượt quá công suất của các ống chân không cổ hiệu Marshall, tạo ra tiếng gào nặng tuyệt vời ta không thể có được bằng cách nào khác.

Hai chúng tôi đang vui vẻ. Chúng tôi uống rất nhiều bia, ngồi sát vào nhau trên ghế. Rồi chúng tôi nhảy một lúc. Không thể cưỡng lại việc ấy. Ban nhạc cứ chơi liên tục. Căn phòng trở nên nóng nực và chật cứng người. Tiếng nhạc to dồn dập hơn. Các nữ phục vụ chạy qua chạy lại với những chiếc chai cổ ngắn. Roscoe trông thật tuyệt. Chiếc áo lụa của cô ướt mồ hôi. Cô không mặc gì dưới lớp áo

ấy. Tôi có thể thấy điều đó nhờ lớp lụa ướt áp vào da Roscoe. Tôi đang trên thiên đàng. Tôi đang trong một quán bar cổ đơn giản với một phụ nữ đẹp ngây ngất và một ban nhạc hay. Chuyện của Joe bị đình lại tới ngày mai. Margrave đang cách xa cả triệu dặm. Tôi chẳng có vấn đề nào. Tôi không muốn buổi tối chấm dứt.

Ban nhạc chơi cho tới lúc khá muộn. Chắc chắn phải quá nửa đêm. Chúng tôi toát hết mồ hôi và mệt rũ người. Không thể sẵn sàng cho hành trình trở về. Trời lại mưa nhẹ. Không muốn lái xe một tiếng rưỡi trong mưa. Không muốn lái khi trong người đã đầy bia. Có thể hạ cánh xuống một rãnh nước ven đường. Hay vào tù. Quá một dặm nữa có biển chỉ đường vào một motel. Roscoe bảo chúng tôi nên đến đó.

Cô khúc khích cười khi nói điều ấy. Cứ như chúng tôi đang trốn gia đình đi chơi hay làm chuyện tương tự. Cứ như tôi chở cô băng qua ranh giới bang với chính mục đích ấy vậy.

Cụ thể thì không phải thế. Nhưng tôi cũng sẽ không phản đối việc này nhiều.

Thế nên chúng tôi ngật ngưỡng ra khỏi quán bar với đôi tai vẫn còn lùng bùng và vào chiếc Bentley. Chúng tôi cẩn thận, từ từ điều khiển chiếc xe cũ, lớn khoảng một dặm dọc theo con đường phân làn. Thấy một motel phía trước. Một tòa nhà cũ dài, thấp, như được nhắc ra từ một bộ phim.

Tôi đánh xe vào bãi đậu và đi vào phòng tiếp tân. Đánh thức anh chàng trực đêm ở bàn. Trả tiền cho anh ta và dặn gọi báo thức sớm. Lấy chìa khóa rồi trở lại chiếc xe. Tôi đánh xe lại gần phòng mình rồi hai chúng tôi bước vào. Đây là nơi kín đáo, khá ồn. Có thể xuất hiện ở bất kỳ đâu trên đất Mỹ. Nhưng nơi này ấm áp, gọn gàng với tiếng mưa gõ trên mái. Và còn có một chiếc giường lớn.

Tôi không muốn Roscoe bị cảm lạnh. Cô phải cởi chiếc sơ mi ướt kia. Đó là điều tôi nói với Roscoe. Cô khúc khích cười với tôi. Bảo rằng trước đây cô không nhận ra là tôi còn có bằng về y học nữa. Tôi bảo rằng chúng tôi đã được dạy đủ về cấp cứu cơ bản.

"Đây là một trường hợp cấp cứu cơ bản à?" Roscoe lại khúc khích.

"Sẽ sớm như thế," tôi bật cười. "Nếu em không bỏ chiếc áo ấy ra."

Thế nên Roscoe bỏ áo. Rồi tôi trùm cả người lên cô. Cô đẹp, khiêu khích đến thế. Cô sẵn sàng cho mọi thứ.

Sau đó chúng tôi nằm quần lấy nhau trong trạng thái kiệt sức và nói chuyện, về chuyện chúng tôi là ai, đã làm những gì. Về chuyện chúng tôi muốn trở thành người thế nào, muốn làm gì. Roscoe kể cho tôi về gia đình cô. Đó là một câu chuyện không may mắn bắt đầu từ nhiều thế hệ trước. Nghe chừng họ đã là những người tốt, những nông dân, những người đã gần thành công nhưng không bao giờ được thế. Những người đã vật lộn trải qua những giai đoạn khó khăn trước khi xuất hiện các loại hóa chất, máy móc, là con tin của sức mạnh tự nhiên. Một cụ tổ nào đó đã gần như gây dựng được sự nghiệp lớn nhưng rồi ông mất hết những phần đất tốt nhất khi cụ tổ của thị trưởng Teale xây dựng tuyến đường sắt. Rồi những vụ cầm cố diễn ra, niềm hận thù tiếp diễn nhiều năm đến mức bây giờ Roscoe yêu Margrave nhưng ghét cảnh Teale dạo quanh như thể lão sở hữu cả thị trấn Illirn>' đó là điều đang diễn ra, và gia tộc nhà Teale vẫn luôn thế.

Tôi nói chuyện với Roscoe về Joe. Tôi kể cho cô những điều chưa bao giờ kể với ai khác. Tất cả những điều tôi chỉ giữ trong lòng. Về những cảm xúc tôi dành cho anh và tại sao tôi bị thôi thúc phải làm gì đó khi anh chết. Và tôi hạnh phúc thế nào khi làm việc ấy. Chúng tôi kể rất nhiều điều riêng tư. Nói chuyện rất lâu rồi ngủ thiếp đi trong vòng tay nhau.

Dường như ngay sau đó anh chàng trực đêm gõ cửa thực hiện việc đánh thức sớm. Thứ Ba. Chúng tôi dậy và loạng choạng mò quanh. Mặt trời buổi sớm đang đấu tranh với buổi bình minh ẩm

ướt. Sau năm phút chúng tôi đã trở lại chiếc Bentley và chạy về hướng Đông. Mặt trời đang lên làm kính xe bám hơi ẩm sáng lóa. Chúng tôi từ từ tỉnh táo lại. Cả hai băng qua ranh giới bang trở về Georgia. Băng qua cây cầu bắc qua sông ở Franklin. Rồi đều tay chạy nhanh qua vùng nông thôn không một bóng người. Những cánh đồng ẩn dưới lớp sương mù bong bênh buổi sáng. Nó lơ lửng trên lớp đất đỏ như làn hơi nước. Mặt trời leo lên chuẩn bị đốt cho nó tan đi. Chẳng ai trong hai chúng tôi nói gì. Chúng tôi muốn giữ lớp kén gần gũi và yên tĩnh càng lâu càng tốt. Trở lại Margrave sẽ sớm làm vỡ bong bóng. Thế nên tôi điều khiển chiếc xe lớn oai vệ chạy theo những con đường nông thôn và hy vọng. Hy vọng sẽ có nhiều đêm nữa như đêm qua. Và những buổi sáng yên tĩnh như sáng nay. Roscoe cuộn tròn người trên chiếc ghế da lớn bên cạnh tôi. Chìm vào suy nghĩ. Cô trông rất hài lòng. Tôi hy vọng cô như thế.

Chúng tôi lại chạy qua Warburton. Nhà tù nổi lên như một thành phố lạ trên tấm thảm hình thành từ sương mù thấp. Chúng tôi chạy qua khóm cây nhỏ tôi đã trông thấy từ chiếc xe chở tù. Chạy qua những hàng cây bụi nhỏ khuất tầm nhìn trên cánh đồng, tới chỗ rẽ ngoặt về phía Nam, vào tỉnh lộ. Qua tiệm ăn Eno, đồn cảnh sát và đồn cứu hỏa. Vào Phố Chính. Chúng tôi rẽ trái chỗ tượng của lão già đã lấy những phần đất tốt làm đường sắt. Theo con dốc xuống nhà Roscoe. Tôi đậu xe ở rìa đường và chúng tôi ra ngoài, vừa ngáp vừa duỗi chân tay. Chúng tôi nhăn nhó với nhau. Cả hai đã vui thú. Chúng tôi tay trong tay bước dọc theo lối chạy xe.

Cửa nhà đang mở. Không mở to nhưng hé ra khoảng hai đến năm phân. Cửa tách ra vì khóa bị phá. Kẻ nào đó đã dùng xà beng phá khóa. Chiếc khóa bị phá và những mảnh gỗ vụn không cho cửa khép khít lại. Roscoe lấy tay che miệng, há hốc miệng trong im lặng. Hai mắt cô mở to. Đôi mắt ấy lướt từ cánh cửa sang tôi.

Tôi nắm chặt lấy khuỷu tay Roscoe kéo đi. Chúng tôi đứng nép sát vào cửa ga ra. Cúi người xuống. Ép sát vào tường rồi chạy vòng quanh nhà. Lắng nghe thật kỹ ở mọi ô cửa sổ và liếc mình nhô đầu lên để liếc một cái thật nhanh vào từng phòng. Rồi chúng tôi trở lại cửa trước đã bị phá khóa. Người chúng tôi ướt hết vì quỳ xuống nền ướt và quệt người vào đám cây thường xuân còn nhỏ nước. Chúng tôi đứng dậy. Nhìn nhau nhún vai. Đẩy cửa bước vào trong.

Chúng tôi kiểm tra mọi nơi. Trong nhà chẳng có ai. Không bị hư hại gì. Không bị xáo trộn. Không có gì bị mất. Bộ dàn nghe nhạc vẫn đây, ti vi vẫn đây. Roscoe kiểm tra tủ đồ. Khẩu súng lục cảnh sát vẫn nằm trên thắt lưng của cô. Cô kiểm tra các ngăn kéo và bàn làm việc. Không có thứ gì bị chạm tới. Không thứ gì bị lục soát. Chẳng có gì mất. Chúng tôi trở ra đứng ở hành lang nhìn nhau. Rồi tôi nhận ra thứ gì đó đã để lại. Ánh mặt trời thấp buổi sáng đang xuyên qua cánh cửa mở và vạch một đường thấp trên sàn. Tôi có thể trông thấy một đường dấu chân trên sàn gỗ. Rất nhiều vết chân. Nhiều kẻ đã lần tìm từ cửa trước vào tới phòng khách. Đường dấu chân biến mất trên tấm thảm dày ở phòng khách. Xuất hiện trở lại trên sàn gỗ dẫn vào phòng ngủ. Trở ra, qua phòng khách, về cửa trước. Những dấu chân này của những kẻ vào đây trong đêm mưa. Một lớp nước mưa pha bùn đã khô trên sàn gỗ, để lại các dấu chân mờ mờ. Không rõ nhưng hoàn hảo. Tôi có thể thấy rằng có ít nhất bốn người. Vào và ra. Tôi có thể thấy cách đi mà chúng để lại. Chúng đã đi giày bao ngoài bằng cao su. Như loại ta dùng ở miền Bắc trong mùa đông.

Lúc đêm bọn chúng đã đến tìm chúng tôi. Chúng đã tới, lòng trông đợi một cảnh đầy máu me. Chúng đã đến với toàn bộ đồ nghề của mình. Những đôi giày bao ngoài bằng cao su và những bộ đồ toàn thân bằng nylon. Dao của chúng, búa của chúng, những túi đinh của chúng. Chúng tới để thực hiện một việc với chúng tôi, việc chúng đã làm với Morrison và vợ lão ta.

Chúng đã đẩy mở cánh cửa không được phép mở. Chúng đã phạm sai lầm chết người thứ hai. Giờ thì chúng coi như đã hết đời. Tôi sẽ lòng ra chúng và mỉm cười trong lúc bọn chúng lìa trần. Bởi tấn công tôi đồng nghĩa với vụ tấn công thứ hai nhằm vào Joe. Anh ấy không còn sống để bảo vệ tôi. Đây là thách thức thứ hai. Đây là lần thứ hai làm nhục anh. Đây không còn là chuyện tự vệ. Đây là việc tô đẹp những ký ức về Joe.

Roscoe đang lần theo những vết chân. Thể hiện một phản ứng thường thấy. Phủ nhận thực tế. Hồi đêm bốn gã đàn ông đã tới đây để bắt cô thành từng mảnh. Cô đã biết điều đó, nhưng cô sẽ lờ nó đi. Đẩy nó ra khỏi tâm trí mình. Giải quyết nó bằng cách không đa động gì tới. Không phải giải pháp tồi, nhưng chẳng mấy chốc cô sẽ đổ sụp xuống. Từ giờ tới lúc đó cô sẽ bận bịu lần theo những vết chân lờ mờ trên sàn nhà mình.

Bọn chúng đã lục khắp nhà để tìm chúng tôi. Lúc trong phòng ngủ, chúng đã chia lực lượng tìm quanh. Rồi chúng tập hợp lại ở phòng ngủ và rời khỏi đây. Chúng tôi tìm kiếm các dấu vết ở ngoài đường nhưng chẳng có gì cả. Lốp nhựa đường còn ướt và đang bốc hơi. Chúng tôi trở vào trong nhà. Chẳng có dấu vết nào ngoài chiếc khóa đã bị phá và những vết chân lờ mờ khắp căn nhà.

Chẳng ai trong hai chúng tôi nói gì. Tôi đang giận điên lên, vẫn quan sát Roscoe. Chờ đợi đập nước vỡ. Cô đã trông thấy thi thể vợ chồng Morrison. Tôi thì không. Finlay đã phác họa các chi tiết cho tôi. Như thế đã đủ kinh khủng rồi. Ông đã có mặt ở nơi đó. Ông run rẩy vì toàn bộ những gì có ở đó. Roscoe cũng có mặt ở đó. Cô đã nhìn thấy chính xác điều kẻ nào đó muốn thực hiện với hai chúng tôi.

"Vậy bọn chúng tìm kiếm ai?" rốt cuộc Roscoe cất tiếng. "Em, anh, hay cả hai chúng mình?"

"Bọn chúng tìm kiếm cả hai đứa mình", tôi nói. "Chúng cho rằng lúc ở trong tù Hubble đã nói chuyện với anh. Chúng nhận định rằng anh đã kể với em tất cả chuyện ấy. Thế nên chúng nghĩ rằng em và anh biết điều Hubble biết, dù nó là gì."

Roscoe gật đầu, vẻ hững hờ. Rồi cô lảng ra dựa vào tường gần cửa sau. Ngó ra khu vườn gọn gàng trồng cây thường xuân của cô. Tôi thấy mặt Roscoe tái đi. Cô run rẩy. Cơ chế tự vệ đã tan rã. Cô tì cả người vào góc tường cạnh cửa. Rồi ép mình dán vào tường. Nhìn chăm chăm vào khoảng không như thể đang trông thấy toàn bộ những nỗi kinh hoàng không tên. Bắt đầu khóc như trái tim bị nghiền nát. Tôi bước tới ôm Roscoe thật chặt. Ép cô vào mình giữ chặt trong lúc nữ cảnh sát khóc cho tuôn hết nỗi sợ hãi và căng thẳng. Cô khóc một lúc lâu. Người cô nóng và yếu ớt. Chiếc sơ mi của tôi ướt đầm nước mắt Roscoe.

"Ôn Chúa là đêm qua bọn mình đã không ở đây," cô thì thầm.

Tôi biết mình cần tỏ giọng tự tin. Sợ hãi sẽ không đưa Roscoe đi tới đâu. Sợ hãi sẽ làm bốc hơi sinh lực trong cô, cô phải đối mặt với nó. Và có phải đối diện với bóng tối, trong sự yên tĩnh thêm một lần nữa vào đêm nay, cũng như mọi đêm còn lại trong cuộc đời cô.

"Anh ước là bọn mình đã ở đây", tôi nói "Nếu thế thì bọn mình đã có thể có thêm vài câu trả lời".

Roscoe nhìn tôi như thể tôi điên vậy. Rồi lắc đầu "Anh đã có thể làm gì chứ?" cô hỏi. "Giết bốn gã đàn ông à?"

"Chỉ ba thôi," tôi đáp. "Tên thứ tư sẽ cung cấp cho ta những câu trả lời".

Tôi nói câu đó với vẻ chắc chắn hoàn toàn. Sự khẳng định hoàn toàn. Cứ như tuyệt đối không tồn tại khả năng nào khác. Roscoe nhìn tôi. Tôi muốn cô nhận thấy anh chàng khổng lồ này. Một người lính trong suốt mười ba năm trường. Một sát thủ tay không. Đôi mắt xanh lạnh băng. Tôi đang dồn vào đó tất cả những gì mình sở hữu. Tôi đang tự khiến bản thân bộc lộ toàn bộ khả năng bất khả chiến bại, tất cả khả năng không thể thay thế, tất cả khả năng bảo vệ mà tôi cảm nhận được. Tôi đang phóng ra cái nhìn tập trung ghê gớm không hề chớp mắt thường khiến một lúc hai lính thủy đánh bộ say rượu phải rúm cả người. Tôi muốn Roscoe cảm thấy an toàn. Sau tất cả những gì cô đang trao cho tôi, tôi muốn trao cho cô điều đó. Tôi không muốn cô cảm thấy sợ hãi.

"Sẽ cần tới hơn bốn thằng nhà quê con con để hạ anh", tôi nói. "Bọn chúng đang đùa với ai chứ? Anh từng đánh vãi cút những đối thủ khá hơn bọn ấy. Nếu chúng vào đây lần nữa, chúng sẽ ra về bằng quan tài. Mà nói cho em nghe điều này nhé Roscoe, chỉ cần kẻ nào nghĩ đến việc làm em đau đớn thôi, kẻ đó sẽ chết trước khi nghĩ xong".

Biện pháp này đang chứng tỏ hiệu quả. Tôi đang thuyết phục được Roscoe. Tôi cần cô nhanh trí, cứng rắn, tự tin. Tôi đang dùng lý trí khiến cho cô đứng thẳng dậy. Việc đó có hiệu quả. Đôi mắt tuyệt vời của Roscoe đang đầy phần chấn.

"Anh thực sự muốn nói thế đấy Roscoe," tôi bảo. "Cứ bám chặt lấy anh là em sẽ ổn."

Cô nhìn tôi lần nữa. Rồi vuốt tóc ra sau.

"Hứa nhé!" cô nói.

"Em đã nhận được lời hứa, bé ạ," tôi nói. Và giữ hơi thở được điều hòa.

Roscoe buông ra tiếng thở dài dứt đoạn. Đẩy người khỏi tường bước ra, cổ nở một nụ cười quá cảm. Con khủng hoảng đã qua. Cô đã gượng dậy và tiếp tục chạy.

"Giờ thì bọn mình chuẩn khỏi đây", tôi bảo. "Chúng ta không thể lãng vãng như những mục tiêu ngồi một chỗ. Thế nên quăng những thứ em cần vào một chiếc túi đi."

"OK," Roscoe đáp. "Bọn mình sẽ sửa cửa nhà em trước chứ?"

Tôi nghĩ về câu hỏi của cô. Đây là một vấn đề chiến thuật quan trọng.

"Không," tôi đáp. "Nếu sửa, điều đó có nghĩa bọn mình đã nhìn thấy nó. Đã nhìn thấy có nghĩa là bọn mình biết rằng bọn mình đang bị tấn công. Nếu bọn chúng cho rằng bọn mình không biết đang bị tấn công thì tốt hơn. Bởi khi ấy chúng sẽ nhận định rằng lần tới chúng không cần quá cẩn thận. Thế nên bọn mình đừng phản ứng gì hết. Bọn mình làm như chưa trở lại đây. Chưa nhìn thấy cái cửa. Bọn mình cứ giả vờ ngu ngơ. Nếu chúng nghĩ bọn mình ngu ngơ thì lần tới chúng sẽ bất cẩn. Như thế thì bọn mình sẽ dễ dàng phát hiện ra chúng hơn."

"Được rồi", Roscoe nói.

Giọng cô nghe, có vẻ chưa bị thuyết phục, nhưng cô vẫn đồng ý.

"Thế nên hãy quăng những thứ em cần vào một chiếc túi," tôi nhắc lại.

Không vui vẻ nhưng Roscoe bước đi đề lượm vài thứ đồ. Trò chơi đã bắt đầu. Tôi không biết chính xác những kẻ chơi khác là ai. Tôi thậm chí không biết chính xác trò chơi là gì. Nhưng tôi biết phải chơi thế nào. Nước đi đầu tiên là tôi muốn chúng cảm thấy rằng chúng tôi luôn chậm chân hơn chúng một bước.

"Hôm nay em nên đi làm không?" Roscoe hỏi.

'Phải đi làm. Không thể làm điều gì khác với thông thường. Mà bọn mình cần nói chuyện với

Finlay. Ông ấy đang chờ cú điện thoại từ Washington. Và bọn mình cần điều bọn mình có thể khai thác từ Sherman Stoller. Nhưng đừng lo, bọn chúng sẽ không bắn hạ chúng ta ngay giữa phòng họp đâu. Chúng sẽ kiếm chỗ nào đó tách biệt và yên tĩnh, có lẽ vào ban đêm. Teale là gã xấu xa duy nhất ở nơi đó, thế nên đừng ở một mình bên cạnh lão. Hãy lớn vờn quanh Finlay, Baker hay Stevenson, được chứ?"

Roscoe gật đầu. Đi tắm và thay đồ đi làm. Sau hai mươi phút cô đã bước ra khỏi phòng ngủ với bộ sắc phục trên người. Vuốt quần áo từ trên xuống dưới, sẵn sàng cho một ngày mới. Cô nhìn tôi.

"Hứa?" cô nói.

Theo kiểu Roscoe nói thì nó như một câu hỏi, một lời xin lỗi và một sự đảm bảo hàm chứa chỉ trong một từ. Tôi nhìn lại cô.

"Yên tâm đi," tôi đáp và nháy mắt.

Cô gật đầu. Nháy mắt lại với tôi. Chúng tôi đều ổn. Chúng tôi ra cửa trước và để nó hé ra một chút, đúng như chúng tôi đã thấy lúc về.

Tôi giấu chiếc Bentley trong ga ra nhà Roscoe để tạo cảm giác rằng chúng tôi vẫn chưa trở về nhà. Rồi chúng tôi vào chiếc Chevy của cô và quyết định bắt đầu với bữa sáng tại nhà hàng Eno. Roscoe mở máy nhấn ga cho chiếc xe leo lên đồi. So với chiếc Bentley cũ, chiếc này có vẻ không chắc chắn và chậm chạp. Một chiếc xe tải thùng kín đang chạy từ trên đồi xuống, về phía chúng tôi. Màu xanh sẫm, rất sạch sẽ, mới tinh. Trông như xe địa hình nhưng mé bên sơn ký hiệu màu vàng tươi. Trên đó ghi: Quỹ Kliner. Đúng loại tôi đã trông thấy những người làm vườn sử dụng.

"Chiếc xe tải đó là xe gì thế?" tôi hỏi Roscoe.

Cô ngoặt phải ngay chỗ tiệm cà phê. Vào Phố Chính.

"Quỹ có nhiều xe tải", cô đáp.

"Người ta làm gì thế?"

"Là nhân vật quan trọng ở đây", Roscoe nói. "Ông già Kliner ấy. Thị trấn bán đất cho ông ta làm các nhà kho, một phần của hợp đồng là ông ta thiết lập một chương trình dành cho cộng đồng. Teale điều hành nó từ văn phòng thị trưởng."

"Teale điều hành hả?" tôi hỏi. "Teale là kẻ thù".

"Ông ta điều hành chương trình bởi ông ta là thị trưởng. Không phải bởi ông ta là Teale. Chương trình phân bổ rất nhiều tiền, chi tiêu cho những việc công khai, đường sá, các khu vườn, thư viện, các khoản trợ cấp kinh doanh. Cấp cho đồn cảnh sát rất nhiều tiền. Trợ cấp thế chấp cho em chỉ bởi em làm cho đồn".

"Đem lại cho Teale rất nhiều quyền lực," tôi nói. "Còn câu chuyện với gã trai nhà Kliner thì sao? Hắn cố xua anh ra khỏi em. Nói rõ rằng hắn đã tuyên bố chủ quyền trước."

Roscoe run rẩy.

"Hắn là tên ngu xuẩn," cô nói. "Em tránh mặt hắn khi có thể. Anh cũng nên làm thế."

Roscoe tiếp tục lái xe, trông có vẻ cáu kỉnh. Liên tục liếc quanh và giật mình. Như thể đang bị đe dọa. Như thể kẻ nào đó chuẩn bị nhảy ra phía trước xe bắn chết hai chúng tôi.

Cuộc sống yên bình của Roscoe ở vùng nông thôn bang Georgia đã chấm dứt. Bốn gã đàn ông xuất hiện ở nhà cô đêm qua đã phá tan cuộc sống ấy.

Chúng tôi rẽ vào bãi đỗ xe rải sỏi của tiệm Eno, chiếc Chevy to lớn nhẹ nhàng lắc lư trên những chiếc lò xo mềm. Tôi lách khỏi chiếc ghế thấp rồi cả hai cùng lạo xạo bước trên lớp sỏi tới cửa tiệm. Trời hôm nay xám xịt. Con mưa hồi đêm đã làm bầu không khí lạnh buốt và để lại những đám mây

nhăm nhở khắp bầu trời. Lớp ván ngoài của tiệm ăn phản chiếu sự u ám. Trời lạnh. Cứ như mùa mới đã bắt đầu.

Chúng tôi đi vào. Nơi này trông không. Cả hai vào một ghế, cô phục vụ đeo kính mang cà phê tới cho chúng tôi. Chúng tôi gọi trứng, thịt muối và đủ thứ đồ ăn kèm. Một chiếc xe bán tải đen đang rẽ vào khu đỗ xe bên ngoài. Đúng chiếc bán tải đen tôi từng trông thấy ba lần. Nhưng người lái thì khác. Không phải thằng con nhà Kliner. Đây là một tay già hơn. Có lẽ gần sáu mươi nhưng trông răn rỏi, gọn gàng. Mái tóc xám màu thép được cắt ngắn tới sát xương sọ. Lão mặc quần jean vải bông chéo như một thợ săn. Trông như thể lão sống ngoài trời nắng. Thậm chí qua cửa sổ tiệm ăn tôi cũng có thể cảm nhận được sức mạnh của tay này và cảm nhận được ánh mắt quắc lên của lão. Roscoe bấm tôi rồi gật đầu về hướng người đàn ông.

"Đó là Kliner," cô nói. "Chính ông già ấy."

Tay này đẩy cửa vào đứng một lúc. Ngó trái, ngó phải rồi bước tới quầy ăn trưa. Eno từ bếp bước ra. Hai người khe khẽ nói chuyện. Hai cái đầu chụm gần vào nhau. Rồi Kliner lại đứng lên. Quay ra phía cửa. Đứng lại ngó trái, ngó phải. Ánh mắt dừng ở Roscoe một giây. Gương mặt lão này gọn, phẳng và răn. Miệng lão ta là một đường khắc vào khuôn mặt đó. Rồi lão di chuyển đôi mắt sang tôi. Đôi môi tách ra bởi một nụ cười tò mò. Lão ta có hàm răng lạ. Các răng nanh dài, xiên vào phía trong, các răng cửa vuông và dẹt. Màu vàng, như một con sói già. Đôi môi lão lại khép vào, lão đánh ánh mắt đi nơi khác. Kéo cánh cửa lại và lạo xạo bước trên sỏi về chỗ chiếc xe tải của mình. Rồi khỏi quán bằng một tiếng gầm lớn của động cơ và một vệt đá nhỏ bắn lên.

Tôi quan sát Kliner rời quán rồi xoay sang phía Roscoe.

"Kể cho anh nghe thêm về đám người nhà Kliner này đi," tôi nói.

Nữ cảnh sát trông vẫn khó chịu.

"Tại sao chứ?" cô hỏi. "Chúng ta đang chiến đấu ở đây để bảo vệ mạng sống của mình còn anh lại muốn nói về nhà Kliner à?"

"Anh đang tìm kiếm thông tin. Cái tên Kliner mọc lên khắp mọi nơi. Lão trông có vẻ là kẻ đáng quan tâm. Con trai lão là một sản phẩm nghệ thuật. Và anh cũng đã trông thấy vợ lão. Bà ấy trông buồn khổ. Anh tự hỏi liệu toàn bộ chuyện đó có gì liên quan tới vấn đề gì hay không".

Roscoe nhún vai lắc đầu.

"Em chẳng thấy có gì liên quan. Họ là những người mới, ở đây được có năm năm. Gia đình họ đã kiếm bộn tiền nhờ chế biến bông hồi còn ở Mississippi từ nhiều thế hệ trước. Họ đã phát minh ra một loại hóa chất mới, một công thức mới thì phải. Clo hay natri gì đó, em chẳng chắc lắm. Họ xây dựng được một gia sản lớn nhưng anh biết không, năm năm trước họ gặp rắc rối với EPA (*Environment Protection Agency: Cơ quan bảo vệ môi trường*) ở đó, vì vấn đề ô nhiễm hay gì đó. Cá chết kéo dài xuống tận New Orleans bởi chất thải đổ xuống sông."

"Vậy chuyện gì đã xảy ra?" tôi hỏi.

"Kliner đã chuyển toàn bộ nhà máy. Hồi ấy công ty thuộc sở hữu của ông ta. Ông ta chấm dứt toàn bộ hoạt động ở Mississippi và xây dựng lại nhà máy ở Venezuela hay đâu đó. Rồi ông ta cố gắng đa dạng hóa. Năm năm trước ông ta xuất hiện ở Georgia này với hoạt động về nhà kho, hàng gia dụng, điện tử gì đó."

"Thế là họ không phải dân bản địa à?"

"Hơn năm năm trước thì em chưa bao giờ thấy họ," Roscoe nói. "Em không biết nhiều về họ. Nhưng em chưa nghe nhắc đến điều gì xấu. Có lẽ Kliner là một tay răn, có khi còn nhẫn tâm, nhưng ông ta vẫn là kẻ chấp nhận được miễn là anh không phải một con cá, em cho là thế."

"Thế tại sao vợ ông ta sợ hãi đến thế?"

Roscoe nhăn mặt.

"Bà ấy không sợ hãi," cô nói. "Bà ấy bị bệnh. Có lẽ bà ấy sợ hãi do bị bệnh. Bà ấy sắp chết, phải không? Đó chẳng phải lỗi của Kliner."

Nhân viên phục vụ xuất hiện cùng đồ ăn. Chúng tôi im lặng ăn. Các khẩu phần rất lớn. Đồ rán thật tuyệt. Món trứng rất ngon. Ông già Eno này có bí quyết làm trứng. Tôi xoi toàn bộ số này cùng những ly cà phê. Khiến nhân viên phục vụ phải chạy tới chạy lui với bình đựng cà phê.

"Pluribus không có ý nghĩa chút nào với anh hả?" Roscoe hỏi. "Đám các anh chưa bao giờ biết gì về Pluribus à? Hồi bọn anh còn bé ấy?"

Tôi nghĩ kỹ và lắc đầu.

"Đây là từ Latinh à?" cô hỏi.

"Nó là một phần khẩu hiệu của nước Mỹ, đúng không?" tôi nói. "I Pluribus Unum. Nó nghĩa là một từ nhiều. Một đất nước xây dựng từ nhiều cựu thuộc địa."

"Vậy Pluribus nghĩa là nhiều à?" Roscoe nói. "Joe biết tiếng Latinh không?"

Tôi nhún vai.

"Anh chẳng biết. Có lẽ có. Anh ấy là người thông minh. Có lẽ anh ấy biết chút ít tiếng Latinh. Anh không chắc chắn lắm",

"Được rồi," Roscoe nói. "Anh không hề biết vì sao Joe tới đây à?"

"Có thể do tiền. Đó là tất cả những gì anh có thể nghĩ tới. Theo như anh biết thì Joe làm việc cho Bộ Tài chính. Hubble làm việc cho một ngân hàng. Điểm chung duy nhất của họ sẽ là tiền. Có lẽ chúng ta sẽ tìm ra nhờ thông tin từ Washington. Nếu không, chúng ta sẽ phải khởi động từ đầu."

"OK. Anh cần gì không?"

"Anh sẽ cần báo cáo từ Florida về các vụ bắt giữ", tôi nói.

"Về Sherman Stoller à?" Roscoe hỏi. "Vụ đó diễn ra hai năm rồi."

"Phải bắt đầu từ đâu đó," tôi bảo.

"Được rồi, em sẽ yêu cầu lấy nó," Roscoe nhún vai "Em sẽ gọi cho Rorida. Gì khác nữa không?"

"Anh cần một khẩu súng."

Cô không đáp gì. Tôi thả một tờ hai mươi đô lên mặt bàn dát kim loại, chúng tôi lách người ra khỏi ghế đứng dậy. Bước ra ngoài tới chiếc xe không sơn phù hiệu.

"Anh cần một khẩu súng", tôi nói lần nữa. "Đây là vụ lớn, đúng không? Thế nên anh cần một món vũ khí. Anh không thể tới cửa hàng mua lấy một khẩu. Không giấy tờ tùy thân, không địa chỉ."

"OK," Roscoe bảo. "Em sẽ kiếm cho anh một khẩu."

"Anh không có giấy phép dùng súng," tôi nói. "Em sẽ phải im lặng làm việc đó, được chứ?"

Cô gật đầu.

"Chuyện đó thì OK," cô bảo. "Có một người khác biết."

Chúng tôi trao nhau nụ hôn sâu, dài trong khu đỗ xe của đồn. Rồi cả hai ra khỏi xe bước vào trong qua cánh cửa kính nặng nề. Gần như đâm sầm vào Finlay đang vòng qua quầy tiếp tân để ra ngoài.

"Phải quay lại nhà xác thôi," ông nói. "Hai người đi cùng với tôi được không? Chúng ta cần nói chuyện. Có nhiều chuyện để nói đấy".

Thế nên chúng tôi lại trở ra với buổi sáng âm u. Lại vào chiếc Chevy của Roscoe. Cũng đúng cơ

chế trước đây. Cô lái xe. Tôi ngồi ở băng ghế sau. Finlay ngồi ở ghế bên phía trước, xoay người lại để có thể đồng thời trông thấy hai chúng tôi. Roscoe mở máy hướng về phía Nam.

"Một cuộc gọi dài từ Bộ Tài chính", Finlay cất tiếng. Phải dài tới hai chục phút, có khi nửa tiếng. Tôi thấy lo về Teale."

"Họ đã nói gì?" tôi hỏi.

"Chẳng gì hết. Họ mất tới nửa tiếng để chẳng nói với tôi gì cả."

"Chẳng gì cả hả?" tôi nói. "Thế nghĩa là quái gì?"

"Họ sẽ không nói cho tôi điều gì," đội trưởng thám tử đáp. "Họ muốn cả đồng ủy quyền chính thức từ Teale trước khi hé răng một lời."

"Họ xác nhận rằng Joe đã làm việc ở đó, đúng không?" tôi lại hỏi.

"Chắc chắn rồi, họ đã đi xa tới mức đó. Mười năm trước ông ấy rời cơ quan Tình báo Quân đội để tới làm ở đó. Họ đã săn lùng ông ấy. Tuyển đích danh."

"Để làm gì?"

Finlay chỉ nhún vai.

"Họ không nói cho tôi biết", ông đáp. "Cách đây đúng một năm ông ấy đã khởi động một dự án mới, nhưng tất cả hoàn toàn bí mật. Ông ấy là một nhân vật rất quan trọng ở đó đấy, Reacher, điều đó thì rõ rồi. Lẽ ra ông nên nghe cách tất cả họ nhắc tới ông ấy. Cứ như nhắc tới Chúa vậy",

Tôi im lặng một lúc. Tôi đã không biết gì về Joe. Chẳng gì hết.

"Vậy chỉ thế thôi à?" tôi nói. "Đó là tất cả những gì ông biết được à?"

"Không. Tôi cứ tiếp tục hỏi cho tới khi gặp được một cô tên Molly Beth Gordon. Ông đã bao giờ nghe nhắc đến cái tên đó chưa?"

"Chưa. Lẽ ra tôi nên nghe rồi hả?"

"Nghe có vẻ cô ấy rất gần gũi với Joe," Finlay đáp "Nghe có vẻ như giữa họ đang có chút gì đó. Molly rất đau khổ. Khóc như mưa",

"Vậy cô ấy đã kể gì với ông?"

"Chẳng gì hết. Không được phép. Nhưng Molly hứa sẽ kể cho ông những gì cô ấy có thể kể. Cô ấy nói sẽ vượt rào vì ông, bởi ông là em trai của Joe."

Tôi gật đầu.

"Được rồi," tôi nói. "Thế thì tốt hơn. Khi nào tôi nói chuyện với Molly?"

"Hãy gọi cho cô ấy lúc khoảng 1 giờ 30. Lúc nghỉ ăn trưa, khi phòng làm việc của cô ấy không có ai cả. Người này đang chấp nhận rủi ro lớn, nhưng sẽ nói chuyện với ông. Cô ấy đã nói thế."

"Được rồi", tôi lại bảo. "Cô ấy nói gì khác nữa không?"

"Molly lỡ nói ra một chuyện. Joe có lịch cho một cuộc họp báo cáo quan trọng. Vào sáng thứ Hai tới."

"Thứ Hai à? Tức là ngay sau Chủ nhật hả?"

"Đúng," Finlay bảo. "Có vẻ như Hubble đã đúng. Chuyện gì đó sẽ diễn ra trước hoặc vào ngày Chủ nhật. Dù việc ông ấy đang làm là gì, có vẻ như Joe biết rằng đến thời điểm đó ông ấy đã thắng hoặc bại. Nhưng Molly không nói gì nữa. Nói chuyện với tôi đã là vi phạm quy định, nghe giọng có vẻ như cô ấy bị người khác nghe lén. Thế nên hãy gọi cho Molly, nhưng đừng có đặt hy vọng vào cô ấy, Reacher. Có lẽ cô ấy không biết gì hết. Ở đó thì tay trái cũng chẳng biết tay phải đang làm gì đâu. Cực kỳ bí mật, phải không?"

"Tình trạng quan liêu thôi", tôi nói. "Làm chó gì có ai cần nó chứ? Được rồi, chúng ta phải xác định rằng ở đây chúng ta phải dựa vào mình. Ít nhất trong một thời gian. Chúng ta sẽ lại cần tới

Picard."

Finlay gật đầu.

"Anh ấy sẽ làm những gì có thể", ông nói. "Đêm qua anh ấy gọi cho tôi. Vợ con Hubble vẫn an toàn. Ngay lúc này anh ấy đang lo việc đó, nhưng sẽ sẵn sàng có mặt nếu ta cần tới."

"Ông ấy nên bắt đầu việc lần theo dấu của Joe," tôi nói. "Chắc chắn Joe đã phải dùng một chiếc xe hơi. Có lẽ bay từ Washington tới Atlanta, kiếm một phòng khách sạn, thuê một chiếc xe, đúng không? Ta nên tìm chiếc xe. Hẳn là anh ấy đã phải lái nó xuống đây vào đêm thứ Năm. Chắc chắn nó bị bỏ lại một nơi trong khu vực này. Chiếc xe có thể giúp ta lần ngược lại khách sạn. Có lẽ sẽ có thứ gì đó trong phòng khách sạn của Joe. Có thể là các hồ sơ."

"Picard không thể làm việc ấy," Finlay bảo. "FBI không được trang bị để đi tìm các xe hơi cho thuê bị bỏ lại. Và chúng ta cũng không thể tự làm việc đó khi Teale lảng vảng xung quanh."

Tôi nhún vai.

"Ta sẽ phải làm. Không có cách nào khác. Ông có thể bịa với Teale một câu chuyện. Ông có thể tương kế tựu kế với lão. Bảo lão rằng ông cho là tên tội phạm trốn thoát mà lão quy là đã sát hại nhà Morrison chắc chắn đã dùng xe thuê. Bảo lão rằng ông cần xác minh việc ấy. Lão không thể từ chối việc đó, nếu không lão sẽ tự phủ nhận chính câu chuyện lão bịa ra, đúng không?"

"OK. Tôi sẽ thử. Có thể thành công, tôi cho là thế".

"Chắc chắn Joe phải có các số điện thoại," tôi tiếp. "Số điện thoại ông tìm thấy trong giày của anh ấy được xé ra từ giấy in, đúng chứ? Vậy phần còn lại của mẫu giấy in đang ở đâu? Tôi cá là nó vẫn đang ở phòng khách sạn của anh ấy, chỉ nằm yên đó, đầy các số điện thoại, số điện thoại của Hubble nằm ở phần trên cùng đã bị xé ra. Thế nên ông hãy tìm chiếc xe, rồi ông vận tay Picard để tìm ra khách sạn thông qua công ty cho thuê xe, được chứ?"

"OK," viên thám tử nói. "Tôi sẽ làm hết sức mình."

Ở Yellow Springs, chúng tôi ngoặt ở lối vào bệnh viện và chạy chậm lại khi qua các gờ giảm tốc. Vòng vèo tới khu đỗ xe ở phía sau. Đỗ gần cửa nhà xác. Tôi không muốn vào trong. Joe vẫn còn nằm đó. Tôi bắt đầu mơ hồ nghĩ đến việc chuẩn bị cho tang lễ. Trước đây tôi chưa bao giờ làm việc ấy. Hải quân đã lo đám tang của cha tôi. Joe sắp xếp cho tang lễ mẹ tôi.

Nhưng tôi vẫn ra khỏi xe cùng Finlay và Roscoe, rồi chúng tôi bước trong cái lạnh tới cửa. Thấy lối quay trở lại phòng làm việc tôi tàn. Vẫn bác sĩ bữa trước đang ngồi bên bàn. Vẫn mặc chiếc áo choàng trắng, vẫn trông mệt mỏi. Ông vẫy tay với chúng tôi, chúng tôi ngồi xuống. Tôi ngồi lên một chiếc ghế xoay. Tôi không muốn ngồi gần máy fax lần nữa. Viên bác sĩ lần lượt nhìn lướt qua chúng tôi một lần. Bọn tôi nhìn lại ông ta.

"Ông có gì cho chúng tôi thế?" Finlay hỏi.

Người đàn ông mệt mỏi bên bàn chuẩn bị câu trả lời. Như chuẩn bị cho một bài giảng. Ông cầm lên ba tập hồ sơ từ phía bên trái ném lên chỗ giấy thấm. Mở tập trên cùng. Kéo tập thứ hai và cũng mở nó ra.

"Morrison," ông nói. "Ông bà Morrison."

Viên bác sĩ liếc cả ba chúng tôi lần nữa. Finlay gật đầu với ông ta.

"Bị tra tấn và giết chết", chuyên gia bệnh học tiếp tục. "Trình tự rất rõ ràng. Người phụ nữ bị giữ chặt. Tôi cho là hai người đàn ông, mỗi kẻ giữ một tay, bóp chặt và vặn lại."

Những vết bầm lớn ở hai cẳng tay và cánh tay trên, có một số tổn thương ở đây chẳng do cánh tay bị vặn về sau lưng. Rõ ràng những vết bầm liên tục phát triển từ thời điểm lần đầu tiên bà ấy bị

túm lấy cho tới khi chết. Các vết bầm ngừng phát triển khi sự lưu thông máu ngừng lại, các vị hiểu chứ?"

Chúng tôi gật đầu. Chúng tôi đã hiểu.

"Tôi ước chừng khoảng mười phút", bác sĩ nói. "Mười phút, từ lúc bắt đầu tới khi kết thúc. Vậy là người phụ nữ bị giữ chặt. Người đàn ông bị đóng đinh vào tường. Tôi cho là khi ấy cả hai đều trần truồng. Cả hai đều mặc đồ ngủ trước khi bị tấn công, đúng chứ?"

"Áo choàng mặc ở nhà", Finlay đáp. "Khi ấy họ đang ăn sáng."

"OK, áo choàng mau chóng rơi xuống", bác sĩ nói "Người đàn ông bị đóng đinh vào tường, về mặt kỹ thuật thì cũng bị đóng đinh xuống sàn, qua hai bàn chân. Bộ phận sinh dục của ông ta bị gây tổn thương. Bìu dái bị cắt rời. Bằng chứng sau khi nạn nhân tử vong cho thấy người phụ nữ đã bị ép nướ hai tinh hoàn bị cắt bỏ."

Căn phòng im lặng. Im như dưới mồ. Roscoe nhìn tôi. Chằm chằm nhìn tôi một lúc. Rồi cô lại nhìn viên bác sĩ.

"Tôi đã tìm thấy chúng trong dạ dày bà ấy," bác sĩ trả lời.

Mặt Roscoe trắng bệch như chiếc áo của bác sĩ. Tôi nghĩ cô sắp ngã nhào khỏi ghế về phía trước. Nữ cảnh sát nhắm nghiền hai mắt và giữ yên. Cô đang nghe về cái việc mà có kẻ định thực hiện với chúng tôi đêm qua.

"Và gì nữa?" Finlay lại hỏi.

"Cơ thể người phụ nữ bị cắt xẻo", bác sĩ đáp. "Hai vú bị xẻo, bộ phận sinh dục bị cắt, họng bị rạch. Rồi họng người đàn ông bị rạch. Đó là vết thương cuối cùng. Các vị có thể thấy máu động mạch cổ ông ấy đè lên tất cả những vết máu khác trong phòng."

Căn phòng lại im lặng như nắm mồ. Kéo dài một lúc.

"Vũ khí là gì?" tôi hỏi.

Người đàn ông ngồi bên bàn quét ánh nhìn mệt mỏi về phía tôi.

"Rõ ràng là thứ gì đó sắc", ông ta đáp. Hơi cười một chút. "Thằng, có lẽ dài chừng mười hai phân."

"Lưỡi dao cạo hả?"

"Không. Chắc chắn là thứ gì đó sắc như dao cạo nhưng cứng, không gập, và có lưỡi ở cả hai mặt."

"Tại sao lại thế?" tôi hỏi.

"Có bằng chứng cho thấy nó được kéo qua kéo lại", bác sĩ nói. Ông dùng bàn tay cắt qua cắt lại theo một đường vòng cung nhỏ xíu. "Như thế này này. Trên hai vú người phụ nữ. Cắt theo cả hai chiều. Như lọc thịt cá hồi ấy."

Tôi gật đầu. Roscoe và Finlay im lặng.

"Thế còn người đàn ông kia?" tôi hỏi. "Stoller ấy?"

Bác sĩ pháp y đẩy hai tập hồ sơ về vợ chồng Morrison sang một bên và mở tập thứ ba. Liếc qua đó rồi nhìn sang tôi. Tập hồ sơ thứ ba dày hơn hai tập còn lại.

"Tên anh ấy là Stoller à?" ông hỏi. "Chúng tôi xác định danh tính anh ta là John Doe."

Roscoe ngược lên.

"Chúng tôi đã gửi cho ông một bức fax," cô nói. "Sáng hôm qua. Chúng tôi đã tìm được dấu vân tay của anh ta."

Bác sĩ lục quanh chiếc bàn bừa bộn. Tìm thấy một bức fax quăn lại. Đọc và gật đầu. Gạch bỏ chữ "John Doe" trên bìa hồ sơ và ghi lại thành "Sherman Stoller". Lại hơi cười với chúng tôi.

"Tôi nhận được xác anh ta từ Chủ nhật", ông nói. "Lẽ ra đã có thể làm kỹ càng hơn, các vị biết chứ? Bị lũ chuột gặm mất một ít nhưng không bị đá nát như người đầu tiên, và nói chung không vương vãi như vợ chồng Morrison."

"Vậy ông có thể nói gì cho chúng tôi?" tôi hỏi.

"Ta đã nói về những viên đạn, đúng chứ?" bác sĩ nói. "Không có gì thêm về nguyên nhân chính xác dẫn tới cái chết."

"Vậy ông còn biết gì khác?"

Tập hồ sơ quá dày nếu chỉ nói về việc nổ súng, bỏ chạy và mất máu cho tới chết. Rõ ràng người đàn ông này có nhiều điều nữa để cho chúng tôi biết. Tôi nhìn ông đặt ngón tay lên các trang giấy ấn nhẹ. Như thể ông đang cố tiếp nhận các rung động hay đọc tập hồ sơ bằng phương pháp đọc chữ nổi Braille.

"Anh ta làm nghề lái xe tải", bác sĩ nói.

"Thế hả?" tôi hỏi.

"Tôi cho là thế", bác sĩ đáp. Nghe tự tin.

Finlay ngược lên. Ông đang quan tâm. Ông yêu thích quá trình suy luận. Nó hợp hồn ông. Giống như khi tôi ghi những điểm quan trọng liên quan tới quá trình học ở Harvard, vụ ly hôn, bỏ thuốc của ông.

"Tiếp đi," ông nói.

"OK, ngắn gọn thôi," bác sĩ pháp y nói. "Tôi phát hiện ra một số nhân tố rất thuyết phục. Một nghề ít di chuyển bởi hệ thống cơ của anh này lỏng, đáng xấu, hai mông nhỏ. Hai bàn tay hơi tròn, có một chút dầu diesel từ lâu ăn vào da. Cùng còn có các vết tích của dầu diesel từ lâu trên đế giày. Còn về bên trong, chế độ ăn không phong phú, hàm lượng chất béo cao, cộng thêm mức hydrogen sulphide hơi quá mức ở các khí trong máu và các mô. Người này đã sống trên đường, hít ống xả khí thải của xe người khác. Tôi kết luận anh ta là lái xe tải, căn cứ vào dầu diesel."

Finlay gật đầu. Tôi gật đầu. Stoller đã vào nhà xác này mà không hề có giấy tờ tùy thân, không thông tin gì về bản thân, không có gì cả trừ chiếc đồng hồ đeo tay. Viên bác sĩ này thật giỏi. Ông ta nhìn chúng tôi gật đầu ủng hộ. Trông hài lòng. Trông như ông ta có thêm nhiều điều để nói.

"Nhưng anh ta đã nghỉ việc được một thời gian", bác sĩ tiếp.

"Tại sao?" Finlay hỏi.

"Bởi tất cả những dấu vết đó đều có từ lâu. Theo quan sát của tôi, anh ta đã làm nghề lái xe một thời gian dài nhưng rồi ngừng lại. Tôi nghĩ anh ta rất ít lái xe trong vòng chín tháng, có thể một năm trở lại đây. Thế nên tôi kết luận anh ta là lái xe tải, nhưng là lái xe tải thất nghiệp."

"OK, bác sĩ, làm tốt thật", Finlay nói. "Ông có bản sao tất cả hồ sơ đó cho chúng tôi chứ?"

Bác sĩ đẩy một chiếc phong bì lớn qua bàn. Finlay bước tới cầm lên. Rồi tất cả chúng tôi đứng dậy. Tôi muốn ra khỏi chỗ này. Tôi không muốn quay trở lại nhà xác lạnh lẽo thêm lần nữa. Tôi không muốn trông thấy thêm chút tổn thương nào. Roscoe và Finlay cảm nhận được điều đó và gật đầu. Chúng tôi vội vã ra ngoài như thể đang muợn việc gì đó. Viên bác sĩ bên bàn để cho chúng tôi đi. Ông đã thấy rất nhiều người vội vã ra khỏi văn phòng của mình như thể họ đang muợn việc gì đó.

Chúng tôi vào xe Roscoe. Finlay mở chiếc phong bì lớn lôi ra hồ sơ về Sherman Stoller. Gấp lại, nhét vào túi mình.

"Bây giờ thì nó thuộc về chúng ta," ông nói. "Có thể nó sẽ đưa chúng ta tới đâu đó."

"Tôi sẽ lấy báo cáo bắt giữ từ Florida," Roscoe nói. "Và chúng ta sẽ tìm ra một địa chỉ của anh ta ở đâu đó. Phải có nhiều giấy tờ liên quan tới một lái xe tải, đúng không? Công đoàn, sức khỏe, các

loại bằng. Làm việc đó không quá khó."

Chúng tôi im lặng chạy hết quãng đường trở về Margrave. Trụ sở đồn trống không, trừ người làm văn phòng. Đang giờ nghỉ trưa ở Margrave, cũng đang nghỉ trưa ở Washington. Cùng múi giờ. Finlay đưa cho tôi một mẫu giấy lấy trong túi ra và đứng canh ngoài cửa dẫn vào căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc. Tôi bước vào trong để gọi cho người phụ nữ có thể đã là người tình của anh trai tôi.

Số điện thoại mà Finlay đưa cho tôi dẫn tới đường dây riêng của Molly Beth Gordon. Cô nhắc máy ngay ở hồi chuông đầu tiên. Tôi xưng tên mình với Molly. Điều đó khiến người phụ nữ bật khóc.

"Giọng anh nghe rất giống Joe," cô nói.

Tôi không nói gì. Tôi không muốn bị rơi vào cảnh hồi tưởng. Molly cũng vậy, không nên như thế, khi cô đang vi phạm quy định và có nguy cơ bị người khác nghe thấy nội dung cuộc nói chuyện. Cô chỉ nên nói cho tôi nghe điều cô phải nói rồi gác máy.

"Vậy Joe đã làm gì ở đây?" tôi hỏi.

Tôi nghe tiếng Molly khịt khịt, rồi giọng cô rõ trở lại.

"Anh ấy đang tiến hành một cuộc điều tra", cô đáp. "Điều tra gì thì tôi không biết cụ thể."

"Nhưng loại việc gì chứ? Công việc của anh ấy là gì?"

"Anh không biết sao?" Molly hỏi lại.

"Không. Tôi e là chúng tôi cảm thấy rất khó khăn khi liên hệ với nhau. Cô sẽ phải kể lại từ đầu cho tôi đấy."

Phía đầu dây bên kia có một khoảng lặng dài.

"Được rồi. Tôi sẽ nói cho anh chuyện này. Không được nói khi chưa được phép. Nhưng tôi sẽ nói. Đó là sản xuất tiền giả. Joe điều hành chiến dịch chống sản xuất tiền giả của Bộ Tài chính."

"Sản xuất tiền giả à? Tiền giả hả?"

"Đúng. Anh ấy là trưởng phòng. Anh ấy chỉ đạo toàn bộ hoạt động. Anh ấy là một người giỏi đến mức đáng ngạc nhiên, Jack ạ."

"Nhưng tại sao anh ấy lại xuống Georgia này?" tôi hỏi.

"Tôi không biết. Tôi thực sự không biết. Mục đích của việc tôi làm là tìm ra giúp anh. Tôi có thể copy các file của anh ấy. Tôi biết mật khẩu máy tính của anh ấy."

Lại một khoảng lặng nữa. Giờ thì tôi đã biết một chút về Molly Beth Gordon. Trước đây tôi đã dành nhiều thời gian cho các mật khẩu máy tính. Bất kỳ quân cảnh nào cũng thế. Tôi đã nghiên cứu tâm lý học. Hầu hết người dùng đưa ra những lựa chọn tồi. Rất nhiều người ghi một từ chết tiệt ra một mẫu giấy ghi nhớ rồi dán nó ngay lên màn hình máy tính. Những kẻ quá khôn ngoan để không làm việc đó thì lấy tên của vợ hay chồng mình, tên con chó của họ, tên loại xe hơi hay cầu thủ họ yêu thích, hoặc tên hòn đảo nơi họ đã đi nghỉ tuần trăng mật hay xơi thư ký của mình. Những kẻ nghĩ mình thực sự khôn ngoan thì chọn các con số, nhưng họ chọn ngày sinh hoặc ngày cưới hay con số gì đó rất rõ ràng. Nếu ta biết gì đó về người dùng, thường thì ta có cơ hội suy luận ra mật khẩu máy tính của họ cao hơn mức thông thường.

Nhưng điều đó sẽ không thể áp dụng với Joe. Anh là một tay chuyên nghiệp. Anh đã trải qua những năm quan trọng trong lực lượng Tình báo quân sự. Mật khẩu của anh sẽ là sự pha trộn ngẫu nhiên các con số, chữ cái, dấu chấm câu, chữ hoa và chữ thường. Không thể phá được mật khẩu của anh. Nếu Molly Beth Gordon biết nó, chắc chắn Joe đã nói cho cô. Không có cách nào khác. Anh thực sự tin tưởng cô. Anh thực sự gần gũi với cô. Tôi điều chỉnh cho giọng nhẹ nhàng hơn.

"Molly, thế thì tuyệt. Tôi thực sự cần thông tin đó."

"Tôi biết anh cần", cô nói. "Tôi hy vọng ngày mai sẽ có. Tôi sẽ gọi cho anh, sớm nhất có thể. Ngay khi tôi biết được gì đó."

"Hoạt động chống làm tiền giả đang diễn ra dưới đây phải không?" tôi hỏi. "Tất cả mọi chuyện rắc rối đều liên quan tới hoạt động này hả?"

"Không. Chuyện không diễn ra như vậy. Không diễn ra trong lòng nước Mỹ. Tất cả những câu chuyện về các gã nhỏ thó đeo kính bảo vệ màu xanh dưới những căn hầm bí mật in ra những tờ đô la đều nhầm nhứ cả. Chuyện đó không có đâu. Joe đã chặn đứng chuyện đó rồi. Anh trai anh là thiên tài đấy Jack ạ. Vài năm trước anh ấy đã đặt ra các quy trình mua các loại giấy và mực đặc biệt. Thế nên nếu kẻ nào đó khởi sự làm tiền giả thì chỉ sau vài ngày sẽ bị xích cổ. Thành công trăm phần trăm. Việc in tiền giả ở nước Mỹ không diễn ra nữa. Joe đảm bảo chắc chắn việc ấy. Hoạt động này diễn ra hoàn toàn ở nước ngoài. Những tờ bạc giả chúng tôi thu được ở đây đều là tiền chuyển từ nước ngoài về. Đó là thứ Joe đã dành nhiều thời gian săn đuổi. Hoạt động mang tính quốc tế. Tại sao anh ấy có mặt ở Georgia thì tôi không biết. Tôi thực sự không biết. Nhưng ngày mai tôi sẽ tìm ra. Tôi hứa với anh như thế."

Tôi đọc cho Molly số điện thoại của đồn và dặn cô không nói với ai trừ tôi, Roscoe và Finlay. Rồi cô vội vã gác máy như thể có ai đó bước vào bắt quả tang cô. Tôi ngồi một lúc gặng tưởng tượng xem Molly trông ra sao.

Teale đã trở về đồn. Còn tay Kliner đang trong đó cùng lão. Cả hai đang đứng bên quầy tiếp tân, chụm đầu vào nhau. Kliner đang nói chuyện với Teale như tôi đã trông thấy lão nói chuyện với Eno ở tiệm ăn. Có lẽ về công việc của Quý. Roscoe và Finlay đang đứng cạnh nhau chỗ buồng giam. Tôi bước tới chỗ họ. Đứng giữa hai người nói khẽ.

"Chống làm tiền giả", tôi thông báo. "Chuyện này liên quan tới tiền giả. Joe điều hành hoạt động chống sản xuất tiền giả của Bộ Tài chính. Hai người biết gì về hoạt động đó diễn ra ở đây không? Một trong hai người cũng được?"

Cả hai cùng nhún vai lắc đầu. Tôi nghe tiếng cửa kính mở kít. Ngược lên. Kliner đang trên đường ra ngoài. Teale bắt đầu tiến về phía chúng tôi.

"Tôi ra khỏi đây thôi," tôi nói.

Tôi bước nhanh qua Teale hướng về phía cửa. Kliner đang đứng trong khu đỗ xe, cạnh chiếc bán tải đen. Đợi tôi. Lão mỉm cười. Hàm răng sỏi nhe ra.

"Rất lấy làm tiếc vì sự mất mát của anh", lão nói.

Giọng nói của tay này có âm điệu nhẹ nhàng, lịch sự. Có học. Các âm gió có tiếng suýt nhẹ. Không phải chất giọng hợp với vẻ ngoài cháy nắng của lão.

"Anh đã làm con trai tôi nổi giận," lão tiếp.

Lão già nhìn tôi. Thứ gì đó đang cháy trong hai mắt lão. Tôi nhún vai.

"Nó đã khiến tôi nổi cáu trước", tôi đáp.

"Như thế nào vậy?" Kliner hỏi. Giọng sắc lạnh.

"Nó vẫn còn sống và thở chứ?" tôi trả lời bằng một câu hỏi.

Tôi băng ngang bãi đỗ xe. Kliner lách người vào chiếc bán tải đen. Nổ máy vòng ra ngoài. Lão chạy về phía Bắc. Tôi hướng về phía Nam. Bắt đầu đi bộ về nhà Roscoe. Chặng đường dài chừng nửa dặm dưới cái lạnh mới xuất hiện của mùa thu. Sải chân nhanh thì mất chừng mười phút. Tôi đánh chiếc Bentley ra khỏi ga ra. Lại lái ngược lên con dốc vào thị trấn. Ngoặt phải vào Phố Chính tiếp tục chạy. Tôi ngo sang cả hai bên, phía dưới các mái hiên sọc để tìm cửa hiệu bán quần áo. Và trông thấy nó

nằm cách tiệm cắt tóc ba cửa hiệu về phía Bắc. Bỏ chiếc Bentley trên phố bước vào. Dùng chút tiền mặt Charlie Hubble đã thanh toán để trả cho một chiếc quần màu tối dành cho người trung tuổi, một chiếc sơ mi và một áo khoác. Màu da nai sáng, chất vải bông ép, gần trang trọng như tôi muốn thể hiện. Không cà vạt. Tôi mặc toàn bộ những thứ đồ trong ô thay đồ ở phía cuối cửa hiệu. Dồn toàn bộ quần áo cũ vào túi, ném vào cốp chiếc Bentley.

Tôi cuộc bộ về phía Nam qua ba cửa hiệu, tới tiệm cắt tóc. Người ít tuổi hơn trong hai ông già đang ra khỏi cửa.

Ông dừng lại đặt một tay lên cánh tay tôi.

"Tên anh là gì, con trai?" ông hỏi.

Chẳng có lý do gì để không nói cho ông. Tôi chẳng thể tìm được lý do nào.

"Jack Reacher," tôi đáp.

"Anh có người bạn gốc Tây Ban Nha nào trong thị trấn không?"

Không."

"Hừm, vậy bây giờ anh có rồi đó," ông già thông báo. "Có hai gã sục khắp nơi để tìm anh."

Tôi nhìn ông già. Ông quét mắt qua con phố.

"Chúng là ai thế?" tôi hỏi.

"Trước đây tôi chưa bao giờ thấy chúng. Hai gã nhỏ con, xe hơi màu nâu, áo sơ mi sặc sỡ. Đi mọi chỗ, hỏi tìm Jack Reacher. Bọn tôi bảo chúng là chúng tôi chưa bao giờ nghe nhắc tới tay Jack Reacher nào."

"Chuyện này diễn ra hồi nào?"

"Sáng nay", ông già đáp. "Sau bữa sáng."

Tôi gật đầu.

"Được rồi," tôi nói. "Cảm ơn ông."

Ông già giữ cửa mở cho tôi.

"Vào ngay đi," ông bảo. "Bạn tôi sẽ chăm sóc anh. Nhưng sáng nay ông ấy hơi dở người chút. Đang già mà."

"Cảm ơn ông," tôi nói lần nữa. "Hẹn gặp lại."

"Chắc chắn hy vọng thế, con trai ạ," ông nói.

Ông bước đi dọc Phố Chính còn tôi bước vào trong tiệm. Ông già lớn tuổi hơn đang ở trong. Đây là ông già xương xẩu có chị gái từng hát với Blake Mù. Không có khách hàng nào khác. Tôi gật đầu chào ông và ngồi xuống ghế.

"Chúc buổi sáng tốt lành, anh bạn," ông nói.

"Ông vẫn nhớ cháu à?" tôi hỏi.

"Chắc chắn rồi. Anh là khách hàng gần đây nhất. Từ lúc ấy đến nay chưa có khách hàng nào để tôi phải rỗi trí."

Tôi đề nghị ông cạo cho mình, ông già chuẩn bị quấy bột xà phòng.

"Cháu là khách hàng gần đây nhất à?" tôi hỏi. "Hôm ấy là Chủ nhật. Hôm nay là Thứ ba. Làm ăn lúc nào cũng tệ thế à?"

Ông già ngừng một lúc rồi hươ hươ con dao cạo.

"Tệ thế từ nhiều năm rồi", ông nói. "Thị trường già Teale không đến đây, và việc tay thị trường già không làm thì không người da trắng nào khác làm. Trừ ông già Gray ở đồn cảnh sát, đến đây đều như vắt chanh mỗi tuần ba bốn lần, cho tận tới khi ông ấy treo cổ tự tử, cầu Chúa ban phước lành cho ông ấy. Anh là gương mặt da trắng đầu tiên tới đây tính từ tháng Hai vừa qua, vâng thưa quý ông, điều

đó thì chắc chắn rồi!"

"Tại sao Teale không đến đây?" tôi hỏi.

"Ông ta có một vấn đề. Tôi nghĩ là ông ta không thích phải ngồi trùm khăn trắng trong khi một người da đen cầm dao cạo đứng bên cạnh. Có khi lo ngại chuyện gì tệ hại có thể xảy ra với ông ta."

"Chuyện gì tệ hại có thể xảy ra với ông ta ạ?"

Ông già bật tiếng cười ngắn.

"Tôi cho là có rủi ro nghiêm trọng," ông nói. "Tên khốn."

"Thế các ông có đủ khách là người da đen để kiếm sống chứ?" tôi hỏi.

Ông già choàng khăn qua hai vai tôi và bắt đầu quét bột xà phòng.

"Này anh bạn, chúng tôi không cần khách hàng để kiếm sống," ông nói.

"Các ông không cần hả? Tại sao chứ?"

"Chúng tôi nhận được tiền cộng đồng."

"Thật hả?" tôi hỏi. "Bao nhiêu thế?"

"Một ngàn đô la."

"Ai cấp cho các ông tiền ấy?"

Ông già bắt đầu cạo cằm tôi. Tay ông run như vẩy thấy ở người già.

"Quỹ Kliner," ông thì thào. "Chương trình cộng đồng. Đó là tiền trợ cấp kinh doanh. Tất cả những người buôn bán đều nhận tiền đó. Đã nhận được năm năm nay rồi".

Tôi gật đầu.

"Thế thì tốt. Nhưng một ngàn đô một năm là không đủ cho các ông sống. So với chết đói thì hơn, nhưng các ông vẫn cần khách hàng, đúng chứ?"

Tôi chỉ nói chuyện chơi, như ta vẫn làm với các thợ cắt tóc. Nhưng việc ấy khiến ông già gặp khó khăn. Ông đang run rẩy và lóng ngóng. Rất khó mà hoàn thành việc cạo cho tôi. Tôi đang chăm chăm nhìn vào gương. Sau đêm qua, vô ý cắt vào cổ tôi sẽ là chuyện tày đình.

"Anh bạn, tôi không nên kể cho anh về chuyện đó," ông già thì thầm. "Nhưng vì thấy anh là bạn của chị tôi, tôi sẽ nói cho anh một bí mật lớn".

Ông già đang lẩn. Tôi không phải bạn của chị ông. Thậm chí còn chẳng biết bà. Ông đã kể cho tôi nghe về bà, chỉ thế thôi. Ông đang đứng đây cùng chiếc dao cạo. Chúng tôi nhìn nhau qua tấm gương. Như tôi từng làm với Finlay trong quán cà phê.

"Không phải một ngàn đô một năm", ông già thì thầm. Rồi cúi xuống sát tai tôi. "Mà là một ngàn đô một tuần."

Ông bắt đầu giậm chân bước quanh, khúc khích cười như một con ma. Rồi xả nước đầy chậu rửa và vỗ hết sạch chỗ bột xà phòng còn thừa. Thấm hết mặt tôi bằng một khăn ướt nóng. Rồi ông kéo chiếc khăn khỏi hai vai tôi như một ảo thuật gia đang biểu diễn.

"Đó là lý do chúng tôi không cần khách hàng nào", ông khúc khích.

Tôi trả tiền cho ông thợ rồi bước ra. Ông già điên rồi.

"Gửi lời chào tới chị gái tôi nhé", ông nói với theo.

Chặng đường tới Atlanta dài gần năm mươi dặm. Mất gần một giờ. Quốc lộ đưa tôi vào tận trong thành phố. Tôi hướng về phía những tòa nhà cao nhất. Ngay khi bắt đầu trông thấy các sảnh bằng đá cẩm thạch, tôi bỏ xe lại mà đi bộ về góc phố gần nhất rồi hỏi một cảnh sát đường tới khu thương mại.

Viên cảnh sát bảo tôi đi bộ chừng nửa dặm, sau khi đi chừng nửa dặm thì tôi thấy ngân hàng nổi tiếp ngân hàng kia. Sunrise International sở hữu một tòa nhà riêng. Đó là một tòa tháp kính lớn nằm lùi lại phía sau một quảng trường lớn có vòi phun nước. Chỗ đó trông giống như Milan nhưng lối vào ở tầng trệt của tòa tháp lại lát đá nặng nề, cổ tạo hình ảnh như Frankfurt hay London. Cổ ra vẻ như một ngân hàng cỡ bự. Sảnh đầy thảm tối thẫm và đồ da. Nhân viên lễ tân ngồi sau quầy làm bằng gỗ gụ. Nơi này đã có thể là một khách sạn yên tĩnh.

Tôi hỏi lên văn phòng của Paul Hubble, nhân viên lễ tân lật hết cuốn danh bạ. Cô bảo rằng rất xin lỗi nhưng cô ta mới làm việc, không nhận ra tôi và đề nghị tôi đợi trong khi cô ta xin phép cho tôi lên. Cô này bấm số điện thoại và bắt đầu hạ giọng nói chuyện. Rồi cô dùng tay che ống nghe.

"Tôi có thể nói quan hệ như thế nào ạ?"

"Tôi là bạn", tôi đáp.

Nhân viên lễ tân tiếp tục nói chuyện rồi chỉ cho tôi tới một thang máy. Tôi phải lên quầy lễ tân trên tầng mười bảy. Tôi vào thang máy, bấm số. Đứng yên trong lúc nó đưa tôi lên cao.

Sàn tầng mười bảy thậm chí trông còn giống câu lạc bộ của các quý ông hơn cả sảnh đón tiếp. Nó được rải thảm, ốp ván và hơi tối. Đầy những đồ cổ lấp lánh và các bức ảnh cỡ. Khi tôi đang vất vả thưởng thức những thứ này thì một cánh cửa mở ra, một người mặc com lê bước ra đón tôi. Bắt tay và vội vã đưa tôi vào một phòng khách nhỏ. Ông ta tự giới thiệu mình là giám đốc gì đó, rồi chúng tôi ngồi xuống.

"Vậy tôi có thể giúp gì cho ông?" ông ta hỏi.

"Tôi đang tìm Paul Hubble."

"Tôi có thể biết vì sao không?"

"Anh ấy là bạn cũ của tôi. Tôi nhớ có lần anh ấy bảo anh ấy làm việc ở đây, thế nên tôi nghĩ sẽ tìm anh ấy khi tiện đường qua đây",

Người đàn ông mặc com lê gật đầu. Hạ mắt xuống.

"Vấn đề thế này, ông biết cho," ông ta nói. "Ông Hubble không còn làm việc ở đây nữa. Chúng tôi phải để cho ông ấy ra đi, tôi e là thế, khoảng mười tám tháng trước."

Tôi chỉ hờ hững gật đầu. Rồi tôi ngồi đó, trong căn phòng nhỏ kiểu cách như câu lạc bộ, nhìn người đàn ông mặc com lê mà chờ đợi. Chút im lặng có thể khiến ông ta phải nói. Nếu tôi đặt ra những câu hỏi thẳng, có thể ông ta sẽ im thít. Có thể ông ta giữ bí mật hoàn toàn, như các luật sư vẫn làm. Nhưng tôi có thể thấy rằng ông này thuộc típ người hay chuyện. Nhiều giám đốc kiểu này như thế. Nếu có cơ hội thì họ rất thích tạo ấn tượng mạnh với ta. Thế nên tôi ngồi im chờ đợi. Rồi người đàn ông bắt đầu xin lỗi tôi bởi tôi là bạn của Hubble.

"Không phải lỗi của ông ấy, mong ông hiểu cho," ông ta nói. "Ông ấy đã thực hiện công việc rất tuyệt vời, nhưng việc đó nằm trong lĩnh vực chúng tôi đã rời bỏ. Một quyết định kinh doanh mang tính chiến lược, rất không may cho những người có liên quan, nhưng phải thế mà."

Tôi gật đầu với ông này như thể đã hiểu vấn đề.

"Đã lâu tôi không liên hệ với anh ấy," tôi nói. "Tôi không biết chuyện đó. Thậm chí tôi còn chẳng biết anh ấy làm gì ở đây kia."

Tôi mỉm cười với tay giám đốc, cố tỏ ra vẻ hòa nhã và ngu dốt. Trong một ngân hàng thì làm thế không đòi hỏi nhiều nỗ lực. Tôi đã đem lại cho người đàn ông kia vẻ ngoài dễ chấp nhận nhất của mình. Đảm bảo khiến cho một người hay chuyện phải tuôn ra. Trước đây mảnh này của tôi đã phát huy hiệu quả nhiều lần rồi.

"Ông ấy hoạt động trong mảng bán lẻ của chúng tôi", tay giám đốc nói. "Chúng tôi đã ngừng hoạt động mảng ấy."

Tôi nhìn ông ta vẻ tò mò.

"Bán lẻ à?" tôi hỏi.

"Hoạt động ngân hàng trực tiếp", ông ta nói. "Ông biết đấy, tiền mặt, séc, các khoản vay, khách hàng cá nhân",

"Và các ông đã dừng mảng đó à? Sao vậy?"

"Quá tốn kém", viên giám đốc giải thích. "Tổng chi phí lớn, lãi thấp. Phải nghỉ."

"Và Hubble là một phần trong đó à?"

Ông ta gật đầu.

"Hubble là giám đốc tiền tệ của chúng tôi. Đó là một vị trí quan trọng. Ông ấy rất giỏi."

"Vậy vai trò chính xác của anh ấy là gì?" tôi hỏi.

Ông ta không biết giải thích thế nào. Không biết bắt đầu từ đâu. Ông ta cố thử vài lần nhưng rồi đầu hàng.

"Ông có hiểu tiền mặt không?" ông ta hỏi.

"Tôi có một số. Chính xác là tôi không biết liệu mình có hiểu về nó không."

Viên giám đốc đứng dậy làm vài cử chỉ phức tạp. Muốn tôi ra đứng cạnh ông ta bên cửa sổ. Chúng tôi cùng nhìn ra ngoài, xuống những người trên phố, phía dưới mười bảy tầng lầu. Viên giám đốc chỉ một người đàn ông mặc com lê đang vội vã bước trên vỉa hè.

"Hãy lấy ông kia làm ví dụ," ông ta bảo. "Ta hãy đưa ra vài phỏng đoán nhé, được chứ? Có lẽ ông ta sống ở vùng ngoại vi thành phố, có thể có một phòng để nghỉ ngơi ở đâu đó, hai khoản thế chấp lớn, hai xe hơi, vài quỹ đầu tư, tài khoản nghỉ hưu cá nhân, một loại cổ phiếu hàng đầu, kế hoạch học hành, năm sáu thẻ tín dụng, thẻ mua sắm, thẻ ghi nợ. Giá trị ròng chừng nửa triệu đô, ta coi thế được không?"

"OK," tôi nói.

"Nhưng ông ta có bao nhiêu tiền mặt?" viên giám đốc hỏi.

"Tôi không biết."

"Có lẽ khoảng năm mươi đô la. Khoảng năm mươi đô trong chiếc ví da mà ông ta bỏ ra mất một trăm năm mươi đô để mua."

Tôi nhìn người đàn ông. Tôi không hiểu được những gì ông ta nói. Tay giám đốc thay đổi. Trở nên kiên nhẫn với tôi.

"Nền kinh tế Mỹ rất lớn", ông ta giải thích. "Giá trị tài sản và nợ ròng lớn đến mức không tính được. Nhiều ngàn tỷ đô la. Nhưng hầu hết số đó thực ra không hiện hữu bằng tiền mặt. Quý ông kia có nửa triệu đô nhưng chỉ có năm mươi trong số đó có dạng tiền mặt thực tế. Toàn bộ số còn lại nằm trên giấy tờ hoặc trong các máy tính. Thực tế là quanh ta không có nhiều tiền mặt. Trên toàn bộ lãnh thổ nước Mỹ chỉ có khoảng một trăm ba mươi tỷ đô la tiền mặt."

Tôi lần nữa nhún vai với viên giám đốc.

"Chừng đó nghe có vẻ là đủ cho tôi rồi",
Tay giám đốc nhìn tôi vẻ rất nghiêm trọng.

"Nhưng có tất cả bao nhiêu người?" ông ta hỏi. "Gần ba trăm triệu. Như thế là bình quân mỗi người thực tế chỉ có khoảng bốn trăm năm mươi đô la tiền mặt. Đó là vấn đề một ngân hàng bán lẻ hằng ngày phải xử lý. Bốn trăm năm mươi đô là khoản rút tiền mặt rất khiêm tốn, nhưng nếu mọi người đều chọn rút một khoản như vậy thì các ngân hàng trong nước sẽ hết sạch tiền mặt trong chớp mắt."

Ông ta dừng lại nhìn tôi. Tôi gật đầu.

"OK," tôi nói. "Tôi hiểu điều đó."

"Và phần lớn lượng tiền mặt đó không nằm trong các ngân hàng", ông ta tiếp. "Nó nằm ở Vegas hoặc ở các trường đua. Nó tập trung ở nơi chúng tôi gọi là các vùng trũng tiền mặt của nền kinh tế. Thế nên một giám đốc tiền tệ giỏi, mà ông Hubble là một trong những người giỏi nhất, phải đấu tranh liên tục để giữ cho những tờ đô la sẵn sàng nằm trong hệ thống của chúng tôi. Ông ấy phải vươn ra tìm chúng. Ông ấy phải biết nơi nào tìm được chúng. Ông ấy phải đánh hơi được. Chuyện đó không dễ dàng. Rốt cuộc đó là một trong những lý do khiến hoạt động bán lẻ trở nên tốn kém cho chúng tôi. Một trong những lý do chúng tôi rút ra. Chúng tôi đã cố gắng duy trì đến hết mức có thể nhưng rốt cuộc vẫn phải ngừng mảng kinh doanh đó. Chúng tôi phải để ông Hubble ra đi. Chúng tôi rất tiếc",

"Ông biết giờ anh ấy làm việc ở đâu không?"

Người đàn ông lắc đầu.

"Tôi e là không," ông ta đáp.

"Phải đang làm việc ở đâu đó chứ, đúng không?"

Viên giám đốc lại lần nữa lắc đầu.

"Xét về mặt chuyên môn, ông ấy đã biến mất. Tôi chắc chắn là hiện tại ông ấy không làm trong ngành ngân hàng. Tư cách thành viên hội của ông ấy ngừng ngay lập tức, trong khi đó chúng tôi chưa bao giờ nhận được đề nghị giới thiệu. Xin lỗi, nhưng tôi không thể giúp được ông. Nếu ông ấy làm ở bất kỳ lĩnh vực nào trong ngành ngân hàng, tôi sẽ biết, tôi có thể đảm bảo với ông chuyện đó. Bây giờ ông ấy chắc chắn làm ngành khác."

Tôi nhún vai. Manh mối dẫn tới Hubble đã đứt. Và cuộc nói chuyện với người đàn ông này chấm dứt. Ngôn ngữ cơ thể của ông ta nói lên như vậy. Viên giám đốc khom người, sẵn sàng đứng dậy để tiếp tục công việc. Tôi đứng dậy cùng ông ta. Cảm ơn đã dành thời gian cho tôi. Bắt tay ông ta. Bước qua ánh sáng của những món đồ cổ về phía thang máy. Bấm nút xuống tầng cũ trở lại khoảng không gian u ám bên ngoài.

Mọi nhận định của tôi đều sai hết. Tôi đã nghĩ Hubble là người trong ngành ngân hàng, làm một công việc rõ ràng. Có thể nhầm mắt làm ngơ cho một âm mưu bên ngoài có liên quan, có thể dính líu một chút tới hoạt động bẩn thỉu. Có thể ký thông qua vài con số ma. Trong tình trạng tay bị bẻ quặt ra sau lưng. Có dính líu, có vai trò hữu ích, vấy bẩn nhưng không đóng vai trò trung tâm. Nhưng anh ta chẳng phải người làm ngành ngân hàng. Không làm nghề này trong một năm rưỡi nay. Anh ta đã là một tên tội phạm. Làm việc toàn thời gian. Trong guồng máy xấu xa. Ngay ở vị trí trung tâm. Chứ không phải bên ngoài một chút nào.

Tôi lái xe thẳng về đồn cảnh sát Margrave. Đỗ xe và tìm Roscoe. Teale vẫn oai vệ ở khoảng không gian thoáng nhưng viên thượng sĩ làm văn phòng nháy mắt gật đầu ra hiệu cho tôi ra sau, về phía một phòng lưu trữ hồ sơ.

Roscoe đang ở trong này. Cô trông mệt mỏi. Đang ôm một chồng hồ sơ. Nữ cảnh sát mỉm cười.

"Chào Reacher," cô nói. "Đến đưa em thoát khỏi toàn bộ thứ này hả?"

"Có gì mới thế?"

Roscoe ném tập giấy tờ lên nóc tủ hồ sơ. Phủi bụi trên người và búi tóc lại. Rồi liếc ra cửa.

"Có vài chuyện", cô nói. "Mười phút nữa Teale có cuộc họp với ban điều hành Quỹ. Em sẽ nhận fax từ Florida ngay khi lão rời khỏi đây. Và bọn em sẽ nhận được điện thoại từ cảnh sát bang về các xe hơi bị bỏ mặc."

"Khẩu súng em lấy cho anh đâu rồi?"

Roscoe ngừng lại. Bấm môi. Cô đang nhớ vì sao tôi cần có một khẩu.

"Trong một cái hộp", cô đáp. "Ở bàn làm việc của em. Bọn mình sẽ phải đợi cho tới khi Teale đi khỏi. Và đừng mở hộp ở đây nhé, được không? Không ai biết về nó đâu."

Chúng tôi ra khỏi phòng hồ sơ bước về phía căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc. Phòng họp yên lặng. Hai cảnh sát hỗ trợ hôm thứ Sáu đang xem xét hồ sơ trong máy tính. Những tập hồ sơ gọn gàng nằm khắp mọi nơi. Cuộc săn đuổi không có thật nhằm tìm ra kẻ đã giết đồn trưởng. Tôi trông thấy một bảng tin mới loại lớn trên tường. Trên đó ghi: Morrison. Bảng trống không. Chưa có tiến triển gì mấy.

Chúng tôi cùng Finlay chờ trong căn phòng gỗ hồng sắc. Năm phút Mười phút. Rồi chúng tôi nghe tiếng gõ cửa và Baker thò đầu vào. Ông ta toét miệng cười với bọn tôi. Tôi lại trông thấy chiếc răng vàng của viên cảnh sát này.

"Teale đi rồi," ông ta thông báo.

Chúng tôi đi ra khoảng không gian thoáng. Roscoe bật máy fax và cầm điện thoại lên gọi đi Rorida. Finlay bấm số điện thoại của cảnh sát bang để lấy tin tức về các xe cho thuê bị bỏ lại. Tôi ngồi xuống bên bàn, cạnh Roscoe và gọi cho Charlie Hubble. Tôi bấm số di động mà Joe đã in ra giấu trong giày anh. Không ai nghe máy. Chỉ có âm thanh điện tử và một giọng ghi sẵn thông báo cho tôi rằng số máy đang gọi đã tắt.

Tôi quay sang nhìn Roscoe.

"Cô ta tắt bég điện thoại rồi," tôi bảo.

Roscoe nhún vai bước tới bên máy fax. Finlay vẫn đang nói chuyện với cảnh sát bang. Tôi thấy Baker loang quanh ở cạnh tam giác ba chúng tôi đang tạo nên. Tôi đứng dậy bước tới bên Roscoe.

"Baker muốn tham gia vào vụ này không?" tôi hỏi.

"Có vẻ muốn", cô đáp. "Finlay đang sử dụng anh ta như một dạng cảnh giới. Ta có nên cho anh ta tham gia không?"

Tôi suy nghĩ một giây rồi lắc đầu.

"Không", tôi nói. "Chuyện như thế này thì càng ít càng tốt, đúng không?"

Tôi lại ngồi xuống bên chiếc bàn đã ngồi nhờ thử gọi cho số di động lúc nãy lần nữa. Vẫn kết quả như cũ. Vẫn cái âm điện tử thông báo với tôi rằng máy đã tắt.

"Chết tiệt", tôi nói với bản thân. "Ta có thể tin thế được không?"

Tôi muốn biết trong một năm rưỡi vừa qua Hubble đã ở đâu. Có thể Charlie cung cấp cho tôi được chút thông tin. Thời gian anh ta rời khỏi nhà vào buổi sáng, thời gian về nhà lúc tối, các hóa đơn cầu đường, hóa đơn nhà hàng, những thứ như thế. Và có thể cô nhớ ra thông tin về ngày Chủ nhật hay chuyện về Pluribus. Có khả năng cô đã nghĩ tới điều gì đó có ích. Và tôi cần điều gì đó hữu ích. Tôi rất cần nó. Vậy mà cô ta đã tắt bég điện thoại.

"Reacher?" Roscoe gọi. "Em đã có thông tin về Sherman Stoller."

Cô đang cầm vài tờ fax. Dày đặc chữ.

"Tuyệt đấy", tôi nói. "Ta xem thế nào nhé"

Finlay bỏ điện thoại bước tới.

"Bên cảnh sát bang sẽ gọi lại", ông bảo. "Có lẽ họ có gì đó cho ta".

"Tuyệt đấy," tôi lại nói. "Có thể ta sẽ tìm được gì đó."

Tất cả chúng tôi lại quay vào căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc. Rải những tài liệu về Sherman Stoller lên bàn và chụm đầu vào xem. Đó là một báo cáo bắt giữ của phòng cảnh sát ở Jacksonville, Florida.

"Blake Mù sinh ra ở Jacksonville," tôi nói. "Hai người biết điều đó không?"

"Blake Mù là ai?" Roscoe hỏi.

"Ca sĩ," Finlay nói.

"Nhạc công ghi ta đấy, Finlay," tôi bảo.

Vào lúc 12 giờ kém 15 một đêm tháng Chín cách đây hai năm, Sherman Stoller bị một xe tuần tra khu vực chặn lại tại một cây cầu bắc qua sông giữa Jacksonville và Jacksonville Beach vì vượt quá tốc độ cho phép. Khi đó anh ta lái một chiếc xe tải thùng kín loại nhỏ chạy nhanh quá mức quy định mười một dặm một giờ. Stoller trở nên cực kỳ kích động và hung hăng với tổ tuần tra. Điều đó đã khiến họ bắt giữ anh ta vì họ nghi ngờ anh ta lái xe khi trong người có chất cồn. Stoller bị lấy dấu vân tay và chụp ảnh ở đồn trung tâm Jacksonville, cả người lẫn xe bị lục soát. Anh ta cung cấp địa chỉ ở Atlanta và khai rằng nghề nghiệp là lái xe tải.

Khám xét cơ thể Stoller không cho kết quả xấu. Xe tải bị khám bằng tay và chó nghiệp vụ cũng không cho kết quả xấu. Xe không chứa gì ngoài số hàng là ba mươi máy điều hòa mới đã được đóng thùng để xuất khẩu từ Jacksonville Beach. Các thùng được niêm phong, in biểu tượng của nhà sản xuất, từng thùng đều được đánh số xê ri.

Sau khi được thông báo các quyền Miranda, Steller gọi một cú điện thoại. Hai mươi phút sau, một luật sư tên Perez từ công ty luật Zacarias Perez khá được nể trọng ở Jacksonville đã có mặt và sau mười phút nữa thì Stoller được thả. Thời gian từ lúc Stoller bị cảnh sát chặn lại đến lúc cùng tay luật sư rời khỏi đồn chỉ có năm mươi lăm phút.

"Đáng quan tâm đấy," Finlay nói. "Khi đó tay này cách nhà ba trăm dặm, vào nửa đêm, mà anh ta lôi được luật sư đến trong vòng hai mươi phút sao? Với một đối tác từ một công ty được nể trọng hả? Stoller là một tay lái xe tải, điều đó thì chắc rồi."

"Em nhận ra địa chỉ của anh ta không?" tôi hỏi Roscoe.

Cô lắc đầu.

"Không thực sự rõ," nữ cảnh sát bảo. "Nhưng em có thể tìm được."

Cửa hé ra và Baker lại thò đầu vào.

"Cảnh sát bang đang chờ máy", ông ta nói. "Nghe có vẻ họ có thông tin về một chiếc xe cho các vị."

Finlay nhìn đồng hồ đeo tay. Quyết định rằng vẫn còn thời gian trước khi Teale quay về.

"OK," ông bảo. "Chuyên qua đây đi, Baker."

Finlay cầm máy điện thoại trên chiếc bàn lớn lên nghe. Nguệch ngoạc ghi chú vài điểm rồi lầm bầm cảm ơn. Bỏ máy xuống và rời khỏi ghế.

"Được rồi", ông nói. "Ta hãy xem chút nào".

Cả ba chúng tôi cùng nhanh chóng rời phòng. Chúng tôi cần rời khỏi đây trước khi Teale trở lại và bắt đầu đặt câu hỏi. Baker nhìn theo chúng tôi. Và gọi với theo.

"Tôi nên nói với Teale thế nào?" ông ta hỏi.

"Bảo ông ta rằng chúng ta đã lần ra chiếc xe", Finlay nói. "Chiếc mà tên điên cuồng dùng để tới

nhà Morrison. Nói với ông ta rằng chúng ta đang có một số tiền triển, được chứ?"

Lần này thì Finlay lái xe. Ông dùng một chiếc Chevy không sơn phù hiệu, giống hệt kiểu xe của Roscoe. Đội trưởng thám tử vội vàng đánh xe ra khỏi khu đỗ và ngoặt về phía Nam. Tăng ga chạy xuyên qua thị trấn nhỏ. Vài dặm đầu tiên tôi nhớ là đường dẫn về phía Yellow Springs, nhưng rồi chúng tôi ngoặt vào một con đường hướng về phía Đông. Nó dẫn về phía quốc lộ và kết thúc ở một khu vực như khu phục vụ bảo trì đường, ngay phía dưới quốc lộ. Có những đồng bê tông nhựa cùng các thùng nhựa đường nằm rải rác. Và một chiếc xe hơi. Nó đã bị văng khỏi quốc lộ, giờ đang nằm ngửa bụng. Và đã bị đốt cháy.

"Người ta trông thấy nó vào sáng thứ Sáu," Finlay bảo. "Họ chắc chắn nó chưa ở đây hôm thứ Năm. Có thể nó là xe của Joe."

Chúng tôi quan sát chiếc xe rất cẩn thận. Không còn nhiều để xem. Nó đã cháy rụi. Mọi thứ không làm bằng sắt đều bị phá hủy. Thậm chí chúng tôi còn chẳng thể biết là xe hiệu gì. Qua hình dáng xe, Finlay nghĩ đây là xe của hãng General Motors, nhưng chúng tôi không thể đoán nó thuộc dòng nào. Nó là một chiếc sedan hạng trung, và một khi lớp trang trí bằng nhựa không còn, ta không thể phân biệt một chiếc Buick với một chiếc Chevy hay Pontiac.

Tôi nhờ Finlay nâng cản sóc phía trước và bò phía dưới nắp ca pô lật ngược. Tìm dây số họ đã đóng ở phần khung dưới kính trước. Tôi phải cạo bỏ vài lớp cháy nhưng cũng tìm được mảnh nhôm nhỏ và biết gần hết dãy số. Rồi lại bò ra đưa cho Roscoe. Cô ghi lại.

"Vậy ông nghĩ thế nào?" Finlay hỏi.

"Có thể là chiếc này", tôi đáp. "Cứ coi như anh ấy đã thuê tôi hôm thứ Năm trên sân bay ở Atlanta, xăng đầy bình. Lái tới khu nhà kho ở giao lộ Margrave, rồi sau đó có người lái tới đây. Dùng hết vài gallon, có thể hai gallon rưỡi. Lượng xăng cháy nhiều đấy."

Đội trưởng thám tử gật đầu.

"Có lý," ông nói. "Nhưng chúng phải là người địa phương. Đây là điểm lý tưởng để bỏ một chiếc xe hơi, đúng không? Lái tới chỗ rìa đường kia, các bánh xe lún trong bụi, đẩy chiếc xe ra khỏi đường, leo xuống chằm lửa, rồi nhảy vào xe có thẳng đồng bọn ngồi đợi sẵn, thế là chạy khỏi đây. Nhưng chỉ có thể làm thế nếu ta biết về đoạn đường phụ chạy song song này. Và chỉ một gã người địa phương mới biết đoạn đường ngắn này, phải không?"

Chúng tôi rời đồng hồ nát. Lái xe trở về đồn. Thượng sĩ làm văn phòng đang đợi Finlay.

"Teale muốn gặp ông trong phòng ông ấy," ông ta bảo.

Finlay ậm ừ hướng về phía đó, nhưng tôi túm lấy cánh tay ông.

"Giữ cho lão nói chuyện một lúc nhé", tôi bảo. "Tạo cơ hội cho Roscoe gọi điện điều tra về biển số xe."

Viên thám tử gật đầu rồi tiếp tục đi về phía sau. Roscoe và tôi đi về phía bàn cô. Cô nhắc điện thoại lên nhưng tôi ngăn lại.

"Đưa cho anh khẩu súng", tôi thì thầm. "Trước khi Teale xong việc với Finlay."

Roscoe gật đầu liếc quanh phòng. Ngồi xuống, gỡ chùm chìa khóa khỏi thắt lưng. Mở khóa bàn rồi kéo ra một ngăn kéo sâu. Hướng về một chiếc hộp bìa cứng nông và gạt đầu. Tôi nhấc nó ra. Đây là một hộp chứa đồ dùng trong văn phòng dày chừng năm phân, để đựng giấy tờ. Bìa cứng in hình vân gỗ. Ai đó đã viết một cái tên trên nắp. Gray. Tôi kẹp chiếc hộp vào nách và gạt đầu với Roscoe. Cô đẩy ngăn kéo vào khóa lại.

"Cảm ơn," tôi nói. "Giờ thì thực hiện những cú điện thoại đó, được chứ?"

Tôi bước về phía lối vào và dùng lưng đẩy cho cánh cửa kính nặng mở ra. Mang chiếc hộp tới thẳng chỗ chiếc Bentley. Tôi đặt hộp lên nóc xe và mở khóa cửa. Bỏ chiếc hộp lên ghế cạnh ghế lái rồi vào xe. Kéo chiếc hộp lên lòng. Thấy một chiếc sedan màu nâu chạy chậm dần trên đoạn đường cách tôi chừng một trăm mét về phía Bắc.

Trong xe là hai gã đàn ông gốc Tây Ban Nha. Chính là chiếc xe tôi đã trông thấy phía ngoài nhà Charlie Hubble hôm trước. Cũng chính hai gã đó. Chẳng có gì phải nghi ngờ. Xe chúng dừng lại cách đồn khoảng bảy mươi lăm mét. Tôi thấy xe đứng yên, như thể máy đã tắt. Không gã nào ra khỏi xe. Chúng chỉ ngồi đó, cách bảy mươi lăm mét, quan sát bãi đỗ xe của đồn. Có vẻ chúng đang nhìn thẳng vào chiếc Bentley. Hình như những người bạn mới đã tìm thấy tôi. Chúng đã tìm kiếm suốt buổi sáng. Giờ thì chúng không phải tìm kiếm nữa. Bọn chúng không động đậy. Chỉ ngồi đó quan sát. Tôi quan sát lại chúng hơn năm phút. Chúng sẽ không ra ngoài. Tôi có thể thấy thế. Bọn chúng đã yên vị ở đó. Thế nên tôi tập trung sự chú ý cho chiếc hộp.

Trong hộp không có gì trừ một khẩu súng và một hộp đạn. Một món vũ khí tuyệt vời. Đây là súng tự động hiệu Desert Eagle. Trước đây tôi từng dùng một khẩu này. Súng có xuất xứ Israel. Chúng tôi thường dùng tất cả những thứ được gửi tới cho mình để đổi lấy loại này. Tôi cầm súng lên. Rất nặng, nòng dài ba lăm phân, thân súng dài hơn bốn lăm phân. Tôi bấm cho ổ đạn tách ra. Đây là ổ đạn tám viên cỡ 44. Dùng tám viên Magnum cỡ 44. Không phải thứ ta gọi là vũ khí gọn nhẹ. Đạn nặng khoảng gấp đôi đạn cỡ .38 dùng cho súng ngắn của cảnh sát. Nó rời nòng với tốc độ nhanh hơn tốc độ âm thanh. Nó lao vào mục tiêu với lực lớn hơn bất kỳ thứ nào trong một vụ va chạm tàu hỏa. Không gọn nhẹ chút nào. Đạn là một vấn đề. Ta có một lựa chọn. Nếu ta nạp đạn đầu cứng, nó sẽ xuyên thẳng qua kẻ bị ta bắn và có lẽ xuyên qua một người khác cách đó một trăm mét. Thế nên ta dùng đạn đầu mềm, nó sẽ khoan một lỗ cỡ thùng rác trên người kẻ bị ta bắn. Đó là lựa chọn của ta.

Những viên đạn trong hộp đều có đầu mềm. Ổn với tôi. Tôi kiểm tra lại món vũ khí. Ghê gớm, nhưng trong tình trạng tốt. Mọi thứ đều hoạt động. Tay nắm khắc một cái tên. Gray. Cũng như chiếc hộp. Viên thám tử đã chết, người tiền nhiệm của Finlay. Treo cổ tháng Hai năm nay. Chắc hẳn là một tay sưu tập súng. Đây không phải súng được trang bị cho ông ta. Không cơ quan cảnh sát nào trên thế giới cho phép sử dụng một khẩu súng lớn thế này trong công việc. Tóm lại là quá nặng.

Tôi nạp tám viên đạn của viên thám tử đã chết vào khẩu súng ngắn to đùng. Bỏ những viên còn lại vào hộp và đặt hộp xuống sàn xe. Chéch nòng súng lên rồi gạt khóa an toàn. Chéch và khóa, chúng tôi thường nói thế. Tiết kiệm được một phần nhỏ giấy trước khi ta bắn phát đầu tiên, có thể "tiết kiệm" được mạng sống của ta nữa. Tôi đút khẩu súng vào ngăn đựng găng tay của chiếc Bentley làm bằng gỗ óc chó. Vừa khít.

Rồi tôi ngồi một lúc quan sát hai gã đàn ông trong xe chúng. Chúng vẫn đang quan sát tôi. Chúng tôi nhìn nhau từ cự ly bảy mươi lăm mét. Chúng thư giãn và thoải mái. Nhưng chúng đang quan sát tôi. Tôi ra khỏi chiếc Bentley và lại khóa xe. Quay trở lại lối vào, kéo cánh cửa. Liếc lại phía chiếc sedan màu nâu. Vẫn ở đó. Vẫn quan sát.

Roscoe đang ngồi ở bàn nói chuyện điện thoại. Cô vẫy tôi. Trông có vẻ phấn chấn. Và giờ một bàn tay lên làm hiệu cho tôi đợi. Tôi quan sát cánh cửa phòng đầy đồ gỗ hồng sắc. Hy vọng rằng Teale sẽ không bước ra trước khi Roscoe kết thúc cuộc gọi.

Lão bước ra đúng lúc cô vừa gác máy. Mặt lão già đỏ dừ. Trông như phát cuồng. Bắt đầu giậm chân bước quanh, gõ chiếc gậy chống nặng trên sàn. Trùng trùng nhìn vào bảng tin trống không. Finlay thò đầu ra khỏi phòng, gạt đầu ra hiệu cho tôi vào. Tôi nhún vai với Roscoe và bước đi xem Finlay

muốn bảo gì.

"Tất cả chuyện đó là sao?" tôi hỏi.

Ông cười to.

"Tôi đang làm lão rồi lên," ông đáp. "Lão hỏi chúng ta đang làm gì, xem một chiếc xe à. Tôi bảo không. Nói với lão rằng chúng ta đã bảo Baker là ta sẽ không đi xa, nhưng anh ta nghe nhầm là chúng ta đang xem một chiếc xe",

"Cẩn thận đấy Finlay," tôi nhắc nhở. "Bọn chúng đang giết người. Đây là chuyện hệ trọng đấy".

Viên thám tử nhún vai.

"Chuyện đó đang khiến tôi phát điên," ông nói. "Phải có chút gì vui vẻ tí chứ, đúng không?"

Ông đã tồn tại được qua hai chục năm ở Boston. Có thể ông sẽ tồn tại được qua vụ này.

"Chuyện gì đang xảy ra với Picard vậy?" tôi hỏi. "Ông nghe tin tức gì về ông ấy không?"

"Không gì hết. Chỉ chờ đợi sẵn sàng thôi."

"Không có khả năng ông ấy điều một hai người thám sát à?"

Finlay lắc đầu. Có vẻ quả quyết về chuyện đó.

"Không đâu," ông đáp. "Không làm thế nếu không báo trước cho tôi. Tại sao vậy?"

"Có hai tên đang theo dõi nơi này. Đến đây khoảng mười phút trước. Xe tron màu nâu. Hôm qua chúng đã ở chỗ nhà Hubble còn sáng nay thì lượn quanh thị trấn, hỏi tìm tôi."

Finlay lại lắc đầu.

"Đó không phải người của Picard," ông nói. "Nếu có thì anh ta đã bảo tôi rồi."

Roscoe bước vào đóng cửa. Rồi dùng một tay giữ chặt cửa như thể Teale đâm bổ vào ngay phía sau.

"Tôi đã gọi cho Detroit," cô thông báo. "Đó là một chiếc Pontiac. Được chuyển tới cách đây bốn tháng. Đặt hàng một lô lớn cho một công ty cho thuê xe DMV (*Department of Motor Vehicles: Cơ quan quản lý phương tiện*) đang tìm thông tin đăng ký. Tôi bảo họ liên hệ lại với Picard ở Atlanta. Người của công ty cho thuê xe có thể cung cấp cho ông ấy thông tin về nơi chiếc xe được cho thuê. Chúng ta có thể biết chút gì đó."

Tôi cảm thấy như mình đang đến gần Joe hơn. Như tôi đang nghe thấy tiếng vọng lơ mờ.

"Tuyệt quá", tôi bảo Roscoe. "Làm tốt lắm, Roscoe. Anh sẽ rời khỏi đây. Gặp lại em ở đây lúc sáu giờ nhé. Hai người nhớ ở sát nhau nhé, được chứ? Nhớ cảnh giác đấy".

"Ông đi đâu?" Finlay hỏi.

"Tôi làm một chuyến dạo quê," tôi đáp.

Tôi để hai người ở lại trong phòng và quay ra lối vào đồn. Đẩy cửa bước ra ngoài. Quét mắt dọc đường theo phía Bắc. Chiếc sedan tron vẫn đậu đó, cách bảy mươi lăm mét. Hai gã thanh niên vẫn ngồi trong xe. Vẫn đang quan sát. Tôi bước tới chiếc Bentley. Mở khóa cửa ngồi vào xe. Vòng ra khỏi bãi đỗ rẽ vào tỉnh lộ. Từ từ cua rộng. Chầm chậm chạy qua hai gã thanh niên và tiếp tục đi về phía Bắc. Qua gương, tôi thấy chiếc sedan tron khởi động. Thấy nó quay đầu. Rồi tăng ga chạy theo hướng Bắc và xuất hiện phía sau tôi. Như thể tôi đang kéo chiếc xe ấy bằng một sợi cáp vô hình. Tôi chạy chậm lại, nó cũng chậm lại. Tôi phóng nhanh lên, nó cũng tăng tốc. Như một trò chơi.

Tôi chạy qua tiệm ăn Eno rồi tiếp tục theo phía Bắc rời xa thị trấn. Chiếc sedan trơn màu nâu bám theo. Cách bốn mươi mét. Không hề cố che giấu. Hai gã trai chỉ chạy phía sau tôi. Mắt nhìn thẳng về phía trước. Tôi ngoặt về phía Tây theo đường tới Warburton. Và chậm lại chạy đều. Chiếc sedan trơn bám theo, vẫn phía sau bốn mươi mét. Bọn tôi chạy về hướng Tây. Chúng tôi là những điểm di động duy nhất trong khung cảnh bao la này. Tôi có thể trông thấy hai gã thanh niên qua gương. Chăm chú nhìn tôi. Chúng sáng lên bởi ánh nắng của mặt trời chiều đang hạ thấp. Ánh sáng thấp màu đồng khiến chúng rực lên. Hai gã còn trẻ, gốc Tây Ban Nha, sơ mi sặc sỡ, tóc đen, rất gọn gàng, rất giống nhau. Xe chúng giữ nguyên khoảng cách phía sau tôi.

Tôi chạy khoảng bảy, tám dặm. Tôi đang tìm một điểm. Cứ khoảng nửa dặm lại có những con đường đất gồ ghề, cả hai bên đường. Chúng dẫn đến cánh đồng. Lượn vòng không chủ đích. Tôi không biết những con đường này dùng làm gì. Có lẽ chúng dẫn tới những điểm tập trung, nơi người nông dân đổ các loại máy móc phục vụ thu hoạch. Khi đến mùa thu hoạch. Tôi đang tìm một con đường cụ thể trước đây đã từng thấy. Nó vòng ra sau một lùm cây nhỏ phía bên phải đường. Chỗ ẩn nấp duy nhất trong cả chặng đường nhiều dặm. Hôm thứ Sáu tôi đã trông thấy nó từ xe chở tù. Hôm lái xe trở về từ Alabama lại trông thấy nó. Một lùm cây cứng cáp. Sáng nay nó đã nổi trên lớp sương mù. Một lùm cây nhỏ hình ô van được xén ngọn nằm bên phải đường, một con đường đất vòng ra phía sau nó rồi lại chạy ra đường lớn.

Tôi trông thấy lùm cây ở phía trước vài dặm. Lùm cây là một vệt nhỏ trên đường chân trời. Tôi chạy xe về phía đó. Bật ngăn đựng găng tay lấy khẩu súng to nặng ra. Lách nó vào khe ghế bên cạnh mình. Hai gã thanh niên vẫn bám theo, vẫn ở phía sau bốn mươi mét. Khi còn cách lùm cây chừng một phần tư dặm, tôi đột ngột chuyển sang số 2 và đạp lút ga. Chiếc xe cũ giật lên vọt về phía trước. Đến đường đất, tôi xoay mạnh tay lái, bật người đánh cho xe trệch ra khỏi đường lớn. Vòng ra phía sau lùm cây. Phanh khựng lại. Túm lấy khẩu súng lao ra khỏi xe. Để cửa xe bên tay lái đứng đơ như thể tôi đã bị bật ra cắm đầu vào lùm cây.

Nhưng tôi lao theo hướng khác. Tôi đi sang bên phải. Vòng qua ca pô, chạy vào ruộng lạc khoảng bốn mét rưỡi và dán mình xuống đất. Bò qua các bụi nhỏ và dừng ở vị trí ngang với nơi xe của hai gã thanh niên sẽ dừng trên con đường đất phía sau chiếc Bentley. Ép mình vào các thân cây mập mạp, thấp dưới tán lá, bên trên nền đất đỏ ẩm ướt. Rồi tôi chờ đợi. Tôi cho là hai tên đã bị bỏ lại cách tôi chừng sáu bảy mươi mét. Chúng không theo kịp cú tăng ga đột ngột của tôi. Tôi mở khóa an toàn. Rồi nghe thấy tiếng chiếc Buick nâu của chúng. Tôi nghe tiếng ồn của động cơ và tiếng máy rên rỉ khi xe tạm dừng. Rồi nó tiến vào tầm quan sát, trên con đường đất phía trước tôi. Chiếc xe dừng phía sau chiếc Bentley, bao lấy lùm cây. Nó cách tôi khoảng sáu mét.

Bọn này là hai tên khá khôn ngoan. Không phải là những kẻ ngu nhất tôi từng thấy. Tên ngồi ghế phụ đã rời khỏi đường trước khi xe ngoặt vào đây. Hắn nghĩ tôi đang trong lùm cây. Hắn nghĩ sẽ tiếp cận tôi từ phía sau. Tên lái

lồm cồm bò ra ngoài qua cửa khách ở phía xa lùm cây. Ngay trước mặt tôi. Hắn đang cầm một khẩu súng, chân quỳ trên đất, lưng quay về tôi, được chiếc Buick chắn khỏi tầm quan sát từ nơi hắn nghĩ tôi đang nấp, mắt lướt qua trọn chiếc xe bên lùm cây. Tôi sẽ phải khiến tên này di chuyển. Tôi không muốn hắn ở cạnh chiếc xe. Phải giữ cho chiếc xe có thể sử dụng được. Tôi không muốn nó bị hư hại.

Bọn chúng cảnh giác với lùm cây. Đó là điều tôi muốn. Tại sao tôi lại chạy xe cả chặng đường nhiều dặm tới lùm cây duy nhất rồi ẩn mình dưới cánh đồng chứ? Một chiêu đánh lạc hướng kinh điển. Bọn chúng đã rơi vào bẫy mà không hề suy nghĩ gì. Tên bên chiếc xe đang chăm chăm nhìn bụi cây. Tôi đang chăm chăm nhìn hắn từ sau lưng. Tôi đang chĩa thẳng khẩu Desert Eagle vào hắn, thờ nhẹ nhàng. Tên đi cùng hắn đang khom người bò qua các gốc cây để tìm tôi. Chẳng mấy chốc hắn sẽ bò hết và xuất hiện lù lù trước mặt.

Sau khoảng năm phút thì tên này xuất hiện. Hắn cầm một khẩu súng phía trước người. Vòng về phía sau chiếc Buick. Giữ cự ly giữa hắn và chiếc Bentley. Tên này cúi người xuống cạnh đồng bọn rồi hai tên dành cho nhau những cái nhún vai. Rồi chúng bắt đầu ngó kỹ chiếc Bentley. Lo rằng tôi đang nằm trên sàn xe hoặc nắp phía sau máy sưởi hoành tráng bằng crôm. Tên vừa ở lùm cây ra bò trên nền đất, giữ cho chiếc Buick nằm giữa người hắn và lùm cây, ngay phía trước tôi, mắt chăm chăm nhìn phía dưới chiếc Bentley nhằm phát hiện hai bàn chân tôi.

Tên này bò hết chiều dài chiếc Bentley. Tôi có thể nghe rõ tiếng hắn hăm hừ thờ dốc khi di chuyển bằng hai cùi tay. Rồi hắn bò ngược lại cả đoạn lúc nãy đến quỳ cạnh đồng bọn. Chúng tản ra hai bên rồi chậm chậm đứng dậy cạnh đầu chiếc Buick. Hai tên bước tới kiểm tra bên trong chiếc Bentley. Rồi cùng bước tới rìa lùm cây nhòm vào khoảng tối. Chúng không thể phát hiện ra tôi. Rồi hai tên quay lại, đứng cạnh nhau trên con đường đất gồ ghề, cách xa chiếc xe, in bóng trên nền trời màu cam, mắt chăm chăm nhìn các gốc cây, lưng quay ra ruộng, về phía tôi.

Bọn chúng không biết phải làm gì. Bọn này là trai thành phố. Có lẽ từ Miami tới. Chúng mặc quần áo của Florida. Bọn này quen với các ngõ sáng đèn neon và các công trường xây dựng. Chúng quen hành động bên dưới những đoạn quốc lộ vòng lên cao, trong những khu đầy rác rưởi mà khách du lịch chưa bao giờ thấy. Chúng không biết làm gì với một lùm cây nhỏ đứng một mình giữa hàng triệu acre trồng lạc.

Tôi bắn vào lưng cả hai tên khi chúng đứng đó. Hai phát bắn nhanh. Ngắm cao, vào khoảng giữa hai xương vai. Tiếng nổ của khẩu súng tự động loại lớn phát ra như lựu đạn. Chim xung quanh bay tủa lên. Hai tiếng nổ đồng thời lan trên cánh đồng như sấm. Lực giật của súng dội vào bàn tay tôi. Cả hai tên ngã bổ về phía trước. Nằm sõng soài úp mặt vào mấy gốc cây ở phía bên kia đường đất. Tôi ngẩng đầu lên nhìn. Chúng có cái vẻ đờ đẫn, yếu ớt khi sự sống đã bỏ đi.

Tôi vẫn giữ súng bước tới bên hai tên. Chúng đã chết. Tôi từng trông thấy nhiều người chết, hai tên này cũng giống bất kỳ người nào trong số đó. Đầu đạn Magnum loại lớn đi vào phần trên lưng chúng. Nơi tập trung các động mạch và tĩnh mạch lớn dẫn lên đầu. Các đầu đạn gây sát thương khá ghê gớm. Tôi im lặng nhìn xuống hai gã thanh niên và nghĩ tới Joe.

Rồi tôi có những việc cần làm. Tôi bước trở lại chiếc Bentley. Đóng khóa an toàn và ném khẩu Desert Eagle trở lại ghế. Bước tới bên chiếc Buick của hai gã thanh niên rút chìa khóa ra. Mở cốp. Tôi cho là mình đang hy vọng tìm thấy thứ gì trong đó. Tôi chẳng cảm thấy tội lỗi gì với hai gã kia. Nhưng tôi sẽ thấy khá hơn nếu tìm được thứ gì trong đó. Chẳng hạn một khẩu tự động giảm thanh cỡ .22. Hoặc bốn đôi giày bao ngoài bằng cao su và bốn bộ đồ toàn thân bằng nylon. Vải lưới dao dài mười ba phân. Những thứ đại loại thế. Nhưng tôi không thấy những thứ như vậy. Mà thấy Spivey.

Hắn đã chết khoảng vài giờ. Bị bắn thẳng vào trán bằng một khẩu cỡ .38. Từ cự ly gần. Chắc chắn nòng khẩu súng lục cách đầu hắn khoảng mười lăm phân. Tôi di ngón tay cái qua lớp da quanh lỗ đạn vào. Xem nó. Không có vết đen nhưng có những vết thuốc súng nhỏ xiu sém vào da. Chúng sẽ không phai đi. Kiểu xăm hình này chứng tỏ cự ly bắn khá gần. Vào khoảng mười lăm phân, có thể hai mươi phân. Kẻ nào đó đã đột ngột nâng súng lên và gã trợ lý giám sát to béo chậm chạp không kịp

tránh.

Trên cằm tên này có một vết sẹo do tôi đã rạch bằng con dao của Morrison. Đôi mắt rắn của hắn đang mở. Hắn vẫn mặc bộ đồng phục nhàu nhĩ. Cái bụng trắng lông lá lộ ra qua chỗ tôi đã rạch trên áo. Spivey là một tên to con. Để nhét tên này vào vừa cốp xe, hai gã thanh niên phải bẻ chân hắn. Có lẽ dùng một chiếc xẻng. Chúng đã phang gãy chân và gập chỗ đầu gối sang hai bên để nhét Spivey vào. Tôi chăm chú nhìn tên trợ lý giám sát và cảm thấy giận dữ. Hắn biết nhưng đã không nói cho tôi biết. Nhưng dù sao thì bọn chúng cũng đã giết hắn. Chuyện hắn không nói cho tôi biết chẳng còn ý nghĩa gì. Bọn kia đang hoảng sợ. Chúng đang khiến mọi kẻ cảm lạnh, trong khi kim đồng hồ cứ chậm chậm nhích dần tới ngày Chủ nhật. Tôi chăm chú nhìn vào đôi mắt không còn sự sống của Spivey, như thể trong đó chứa thông tin.

Rồi tôi chạy trở lại chỗ hai xác chết bên rìa lùm cây và lục soát. Hai chiếc ví cùng một thỏa thuận thuê xe. Một điện thoại di động. Tất cả chỉ có thế. Thỏa thuận thuê chiếc Buick. Thuê ở sân bay Atlanta lúc tám giờ sáng thứ Hai. Chuyến bay sớm từ đâu đó. Tôi lục hết hai chiếc ví. Không có vé máy bay. Bằng lái xe của bang Florida, cả hai đều ghi địa chỉ ở Jacksonville. Những tấm ảnh vô hồn, những cái tên vô nghĩa. Các thẻ tín dụng khớp với những cái tên ấy. Rất nhiều tiền mặt trong ví. Tôi lấy hết. Bọn chúng sẽ không tiêu số tiền đó nữa.

Tôi tháo pin khỏi máy điện thoại di động rồi bỏ máy vào túi một tên, pin vào túi tên còn lại. Rồi kéo hai cái xác lại chỗ chiếc Buick, nhét chúng vào cốp xe cùng Spivey. Không phải việc dễ dàng. Hai tên không cao lớn nhưng mềm nhũn và khó điều chỉnh. Khiến tôi toát cả mồ hôi dù trời lạnh. Tôi phải vắn chúng sao cho có thể nhồi hai tên vào khoảng trống Spivey để lại. Tôi lần quanh tìm thấy hai khẩu súng ngắn. Cả hai đều cỡ .38. Một khẩu nạp đầy đạn. Khẩu kia đã bắn một viên. Mùi súng chứng tỏ bắn chưa lâu. Tôi quăng cả hai khẩu vào thùng xe. Tìm thấy đôi giày của tên ngồi ghế phụ. Khẩu Desert Eagle đã đẩy hắn tung khỏi giày. Tôi ném đôi giày vào cốp rồi đóng sầm nắp lại. Bước trở lại ruộng lạc tìm nơi mình đã ẩn trong bụi cây. Nơi từ đó tôi đã bắn chúng. Quờ quạng tìm nhặt hai vỏ đạn lên. Đút vào túi.

Rồi tôi khóa chiếc Buick và bỏ đó. Bật cốp chiếc Bentley. Lôi ra chiếc túi chứa bộ đồ cũ của mình. Bộ đồ mới đã lấm đầy đất đỏ và vấy máu của hai gã thanh niên. Tôi mặc lại bộ đồ cũ. Cuộn tròn bộ đồ lấm cả đất và máu nhét vào túi. Ném chiếc túi vào cốp xe Bentley rồi đóng nắp lại. Việc cuối cùng tôi làm là dùng một cành cây quét hết những vết chân mình.

Tôi chậm chậm chạy chiếc Bentley trở lại theo hướng Đông về Margrave và dùng thời gian trên đường để trấn tĩnh lại. Một vụ phục kích rõ ràng, không có khó khăn nào về kỹ thuật, không có hiểm nguy thực sự nào. Sau lưng tôi là mười ba năm khổ ải. Dù có đang ngủ thì tôi cũng đủ sức hạ hai tên nghiệp dư. Nhưng tim tôi đang đập dồn dập hơn mức nó nên đập, và một đợt adrenaline lạnh đang khiến tôi run rẩy. Chính việc trông thấy Spivey nằm đó với hai chân bị bẻ quặt sang hai bên đã gây ra điều đó. Tôi thở mạnh và trấn tĩnh. Cánh tay phải tôi đau nhức. Như thể ai đó đã lấy búa nện vào bàn tay. Từ đó kéo lên tận vai đều khó chịu. Khẩu Desert Eagle đã giật thật mạnh. Và gây tiếng nổ kinh khủng. Tai tôi vẫn lùng bùng vì hai tiếng nổ gần như đồng thời. Nhưng tôi cảm thấy thoải mái. Đó là công việc được thực hiện rất tốt. Hai tên đáng gờm bám theo tôi ra ngoài kia. Giờ chúng không còn bám đuôi trở về.

Tôi đỗ xe trong khu đậu của đồn, ở ô cách cửa xa nhất. Nhét khẩu súng lại vào ngăn đựng găng tay và ra khỏi xe. Trời muộn dần. Bóng tối đang sập xuống. Bầu trời khổng lồ của bang Georgia thẫm lại. Dần trở thành màu mực đen thẫm. Trăng đang lên.

Roscoe ngồi bên bàn. Khi trông thấy tôi, cô đứng dậy bước tới. Chúng tôi theo cửa ra ngoài. Bước vài bước. Hôn nhau.

"Có thông tin gì từ những người cho thuê xe không?" tôi hỏi.

Roscoe lắc đầu.

"Ngày mai", cô đáp. "Picard đang xử lý. Ông ấy đang làm hết khả năng."

"OK," tôi nói. "Em biết những khách sạn nào ở sân bay?"

Cô thống kê một loạt. Cũng gần như danh sách ta có được ở bất kỳ sân bay nào. Tôi chọn cái tên đầu tiên mà Roscoe đọc ra. Rồi tôi kể cho cô điều đã xảy ra với hai gã trai Florida. Nếu là tuần trước thì cô bắt tôi ngay rồi. Cho tôi lên ghế điện rồi. Nhưng giờ đây, phản ứng của nữ cảnh sát lại khác. Bốn gã đi giày bao ngoài bằng cao su nhẹ nhàng đột nhập vào nhà Roscoe đã khiến cô thay đổi suy nghĩ về nhiều điều. Thế nên nữ cảnh sát chỉ gật đầu mím môi nở một nụ cười hài lòng.

"Hai tên đã chết", cô nói. "Làm giỏi đấy, Reacher. Bọn chúng là những tên đó à?"

"Những tên đêm qua hả? Không. Hai tên này không phải người địa phương. Ta không thể tính chúng trong số mười tên Hubble nói. Chúng là bọn đánh thuê từ nơi khác tới."

"Bọn chúng giỏi không?"

Tôi nhún vai với Roscoe. Lắc bàn tay từ bên này sang bên kia, vẻ khó hiểu.

"Không thực sự giỏi", tôi đáp. "Dù sao thì cũng không đủ giỏi."

Rồi tôi kể với Roscoe về thứ đã tìm thấy trong cốp chiếc Buick. Cô một lần nữa run rẩy.

"Như vậy hẳn là một trong số mười tên à?" cô hỏi. "Spivey ấy?"

Tôi lắc đầu.

"Không," tôi đáp. "Anh không thể nhận định như thế. Hẳn cũng là kẻ hỗ trợ từ bên ngoài. Chẳng kẻ nào dùng một tên ngu như thế trong tổ chức."

Roscoe gật đầu. Tôi mở cửa xe Bentley và lấy khẩu súng ra khỏi ngăn đựng găng tay. Nó quá to, không vừa với túi áo tôi. Tôi lại bỏ nó vào chiếc hộp cũ cùng những viên đạn. Roscoe bỏ tất cả những thứ đó vào cốp chiếc Chevy của cô. Tôi lôi chiếc túi đựng quần áo lấm bẩn ra. Khóa cửa xe Bentley lại bỏ nó trong bãi đỗ của đồn cảnh sát.

"Anh sẽ gọi lại cho Molly," tôi bảo. "Anh sẽ dính vào khá sâu. Anh cần chút thông tin về bối cảnh. Có những điều anh không hiểu được."

Đồn im lặng nên tôi dùng căn phòng nhiều đồ gỗ hồng sắc. Tôi bấm máy gọi đi Washington và gặp được Molly sau hai hồi chuông.

"Ta nói chuyện được chứ?" tôi hỏi cô.

Molly bảo tôi đợi, tôi nghe tiếng cô đứng dậy khép cửa phòng.

"Sớm quá, Jack," cô nói. "Phải đến mai tôi mới lấy được những thứ đó."

"Tôi cần thông tin nền," tôi nói. "Tôi cần hiểu về hoạt động trên quy mô quốc tế mà Joe làm này. Tôi muốn biết vì sao mọi chuyện lại diễn ra ở đây, trong khi ta nhận định rằng hoạt động ấy diễn ra ở nước ngoài."

Tôi nghe thấy Molly tìm cách bắt đầu.

"Được rồi, thông tin nền," cô nói. "Tôi nghĩ Joe nhận định rằng có thể hoạt động đó được điều khiển từ đất nước này. Và đây là một vấn đề rất khó giải thích, nhưng tôi sẽ cố. Việc làm tiền giả diễn ra ở nước ngoài, vấn đề là hầu hết số tiền giả tồn tại ở nước ngoài. Chỉ có một số ít tiền giả quay lại đây, đó chẳng phải vấn đề nội bộ ghê gớm nhưng rõ ràng đó là việc chúng ta muốn ngăn chặn. Nhưng ở nước ngoài thì đó là một dạng vấn đề hoàn toàn khác. Anh biết trong nước Mỹ có bao nhiêu tiền mặt không Jack?"

Tôi nghĩ lại điều viên giám đốc ngân hàng đã nói cho mình.

"Một trăm ba mươi tỷ đô la," tôi đáp.

"Đúng," Molly nói. "Nhưng đúng hai lần số đó được giữ ở nước ngoài. Đó là một thực tế. Dân trên khắp thế giới đang cất giữ hai trăm sáu mươi tỷ đô la Mỹ tiền mặt. Nó nằm trong các két gửi đồ ở London, Rome, Berlin, Moscow, được nhét vào dưới gối ở cả Nam Mỹ, Đông Âu, giấu dưới sàn nhà, những bức tường giả, trong các ngân hàng, các đại lý du lịch, khắp mọi nơi. Tại sao lại như thế?"

"Không biết."

"Bởi đô la Mỹ là loại tiền tệ được tin tưởng nhất thế giới. Người ta tin vào nó. Người ta muốn có nó. Và theo lẽ tự nhiên thì chính phủ rất, rất vui vì điều đó."

"Tốt cho cái tôi, đúng không?" tôi nói.

Tôi nghe tiếng Molly đổi điện thoại sang tay kia.

"Đó không phải vấn đề tình cảm", cô nói. "Mà là làm ăn. Nghĩ về vấn đề đó đi, Jack. Nếu như trong tủ của ai đó ở Bucharest có một tờ một trăm đô, điều đó nghĩa là một lần ở một nơi có một người đổi nó lấy một món tài sản ở nước ngoài trị giá một trăm đô la. Nghĩa là chính phủ chúng ta đã bán một tờ giấy xanh in mực đen lấy một trăm đô la. Làm ăn tốt quá còn gì. Và bởi đây là loại tiền được tin tưởng, nhiều khả năng tờ một trăm đô ấy sẽ nằm nhiều năm trong cái tủ đó ở Bucharest. Nước Mỹ sẽ không bao giờ phải trả lại món tài sản ở nước ngoài ấy. Chừng nào đồng đô la Mỹ còn được tin tưởng, chừng ấy chúng ta không thể mất."

"Vậy vấn đề là gì?" tôi hỏi.

"Khó diễn tả. Chuyện hoàn toàn liên quan tới niềm tin, sự tin tưởng. Hầu hết là trù tượng. Nếu các thị trường nước ngoài tràn ngập đô la giả, tự thân nó không thực sự là vấn đề. Nhưng nếu người dân ở các thị trường đó phát hiện ra điều ấy thì lại có vấn đề. Bởi họ hoảng loạn. Họ mất lòng tin. Họ không còn sự tin tưởng. Họ không muốn những đồng đô la Mỹ nữa. Họ sẽ quay sang dùng đồng yên Nhật hay đồng mark Đức để nhét vào gối. Họ sẽ từ bỏ những đồng đô la Mỹ của mình. Như vậy, chỉ sau một đêm, chính phủ sẽ phải hoàn trả món nợ với nước ngoài trị giá hai trăm sáu mươi tỷ đô la. Chỉ trong một đêm. Và chúng ta không thể làm được việc ấy, Jack."

"Vấn đề lớn nhỉ", tôi nói.

"Đó là sự thật. Và là một vấn đề ở xa. Toàn bộ tiền giả đều được sản xuất ở nước ngoài và hầu hết được phân phối ở nước ngoài. Như thế thì có thể hiểu được. Các nhà máy được che giấu ở một khu vực xa xôi tại nước ngoài, nơi chúng ta không biết, và tiền giả được phân phối tới những người nước ngoài cảm thấy vui miễn là những thứ đó trông đúng như những tờ đô la Mỹ thật. Đó là lý do không nhiều tiền giả được đưa vào Mỹ. Chỉ có những tờ tiền giả chất lượng nhất trở lại đất Mỹ."

"Có bao nhiêu tiền trở lại?" tôi hỏi.

Tôi nghe tiếng nhún vai. Một tiếng thở khẽ, như thể Molly mím môi.

"Không nhiều lắm," cô nói. "Tôi cho là đôi lúc có vài tỷ."

"Vài tỷ à? Thế mà không nhiều à?"

"Một giọt nước trong biển cả", Molly đáp. "Từ góc độ kinh tế vĩ mô. Ý tôi là so sánh với nền kinh tế ấy."

"Và chính xác thì chúng ta đang làm gì với chuyện đó?"

"Hai việc. Việc đầu tiên là Joe cố hết sức để chặn đứng hoạt động ấy. Lý do đằng sau việc ấy thì rõ ràng rồi. Việc thứ hai là chúng ta đang giả vờ như chuyện đó chẳng hề diễn ra. Để duy trì lòng tin."

Tôi gật đầu. Bắt đầu lờ mờ thấy những gì đằng sau mấy thứ quy định bảo mật ghê gớm đang được thực hiện ở Washington.

"OK," tôi nói. "Thế nếu tôi gọi điện cho Bộ Tài chính hỏi người ta về chuyện đó thì sao?"

"Chúng tôi sẽ phủ nhận mọi điều", Molly đáp. "Chúng tôi sẽ nói rằng: hoạt động chống tiền giả nào thế?"

Tôi bước qua phòng họp yên tĩnh rồi bước vào xe của Roscoe. Bảo cô lái xe ra ngoài, chạy về phía Warburton. Khi chúng tôi tới chỗ lùm cây thì trời đã tối. Ánh trăng vừa đủ để nhận ra lùm cây. Roscoe tấp vào chỗ tôi bảo. Tôi hôn cô và bước ra khỏi xe. Bảo rằng tôi sẽ gặp cô ở khách sạn, vỗ nhẹ lên mũi chiếc Chevy và vẫy tay ra hiệu cho Roscoe lái đi. Cô chạy ra đường. Chầm chậm lái đi. Tôi tiến thẳng qua lùm cây. Không muốn để lại những vết chân trên lối đi. Chiếc túi lớn khiến việc đó trở nên khó khăn. Nó cứ liên tục vướng vào bụi cây. Tôi chui ra đúng chỗ chiếc Buick. Vẫn nằm đó. Vẫn yên lặng. Tôi dùng chìa khóa mở cửa bên ghế lái và lách vào. Nổ máy rồi chạy theo lối đi. Giảm xóc phía sau liên tục nhún khi gặp các hõm trên đường. Tôi không quá ngạc nhiên về chuyện đó. Những thứ chứa trong cốp xe phải nặng tới hai trăm năm mươi cân.

Tôi chạt vạt ra đường chạy theo hướng Đông, về phía Margrave. Nhưng đến tỉnh lộ thì rẽ trái hướng về phía Bắc. Chạy hết mười bốn dặm đường còn lại, tới quốc lộ. Qua khu nhà kho hòa vào dòng xe theo hướng Bắc tới Atlanta. Tôi không chạy nhanh, cũng chẳng chậm. Không muốn bị để ý. Chiếc Buick trơn rất kín đáo. Rất ít thu hút sự chú ý. Đó là cách tôi muốn.

Sau một giờ, tôi chạy theo các biển chỉ dẫn về sân bay. Thấy đường tới khu đỗ xe dài ngày. Lấy một vé ở trạm tự động loại nhỏ và lái vào. Đây là một bãi đậu khổng lồ. Không thể tốt hơn được nữa. Tôi tìm một ô gần ở giữa, cách hàng rào gần nhất chừng một trăm mét. Lau sạch tay lái và cần số. Ra khỏi xe cùng chiếc túi. Khóa chiếc Buick rồi bước đi.

Sau khoảng một phút, tôi ngó lại. Không thể nhìn ra chiếc xe tôi đã bỏ đó. Đây là nơi tốt nhất để giấu một chiếc xe hơi chứ? Trong bãi đỗ xe dài ngày của một sân bay. Như thế đâu là nơi tốt nhất để giấu một hạt cát? Trên bãi biển. Chiếc Buick có thể nằm đó một tháng. Chẳng ai đặt dấu hỏi với nó.

Tôi bước trở lại rào chắn ở lối vào. Gặp thùng rác đầu tiên là tôi ném chiếc túi vào. Đến thùng rác thứ hai thì tôi ném vé đậu xe. Đến rào chắn thì tôi lên chiếc xe buýt nhỏ lịch sự về tận bến. Bước vào tìm một nhà vệ sinh. Gõ chòm chìa khóa của chiếc Buick vào một tờ giấy lau, thả vào thùng rác. Rồi tôi đi xuống sảnh đón khách và lại bước ra buổi tối ẩm ướt. Bắt chiếc xe buýt của khách sạn lên đường đi gặp Roscoe.

Tôi thấy cô trong ánh đèn neon rực sáng của sảnh khách sạn. Tôi dùng tiền mặt thanh toán tiền thuê một phòng. Chúng tôi theo thang máy đi lên. Căn phòng tối, cấu bẩn. Đủ rộng. Trông ra sân bay ngồn ngàng. Cửa sổ lắp ba lớp kính để ngăn tiếng ồn từ máy bay. Nơi này thật thiếu không khí.

"Trước hết bọn mình ăn cái đã," tôi bảo.

"Trước hết bọn mình cần tắm", Roscoe nói.

Thế nên chúng tôi tắm rửa. Giúp cả hai sảng khoái và tỉnh táo. Chúng tôi xoa xà phòng lên người và bắt đầu trêu chọc nhau. Và rốt cuộc làm tình dưới vòi tắm, nước phun khắp xung quanh. Sau đó tôi chỉ muốn cuộn tròn mà ngủ. Nhưng cả hai đều đói. Và chúng tôi có những việc phải làm. Roscoe mặc vào bộ quần áo đã mang từ nhà sáng nay. Quần jean, sơ mi, áo khoác. Trông thật tuyệt. Rất nữ tính nhưng cũng rất rắn rỏi. Tinh thần đầy phấn chấn.

Chúng tôi đi thang máy lên một nhà hàng ở tầng thượng. Chỗ này ổn. Tầm quan sát rộng bao quát cả khu sân bay. Chúng tôi ngồi bên cửa sổ, trong ánh nến. Một anh chàng người nước ngoài vui vẻ mang đồ ăn tới cho chúng tôi. Tôi nhồm nhoàm ăn và nuốt. Tôi đói chết đến nơi. Tôi uống một chai bia và một bình cà phê. Gần trở lại thành người. Thanh toán bữa ăn bằng một ít tiền nữa của gã thanh

niên đã chết. Rồi chúng tôi xuống sảnh lấy một tấm bản đồ đường phố Atlanta. Bước tới xe hơi của Roscoe.

Bầu không khí đêm lạnh, ẩm ướt và bốc mùi dầu hỏa. Mùi của sân bay. Chúng tôi vào chiếc Chevy nghiên cứu tấm bản đồ đường phố. Hướng về phía Tây Bắc. Roscoe lái xe, tôi cố gắng chỉ đường cho cô. Chúng tôi đánh vật với dòng xe cộ và rốt cuộc cũng gần tới đúng nơi. Một loạt những căn nhà thấp nằm la liệt. Nơi ta thường thấy từ trên máy bay đang hạ cánh. Những căn nhà nhỏ trên những khoảnh đất nhỏ, hàng rào chống gió bão, bể bơi nổi. Vài khoảnh sân đẹp, vài đồng rác. Xe hơi nằm im lìm. Mọi vật đều tắm trong ánh sáng vàng.

Chúng tôi tìm thấy đúng phố. Đúng nhà. Một nơi ổn. Được chăm sóc tốt. Gọn gàng, sạch sẽ. Căn nhà một tầng nhỏ xíu. Sân nhỏ, ga ra nhỏ chứa được một xe hơi. Cổng hẹp phía sau hàng rào dây thép gai. Chúng tôi bước qua cổng. Bấm chuông. Một bà già hé cánh cửa còn gắn xích phía trong.

"Chúc buổi tối tốt lành", Roscoe nói. "Chúng tôi đang tìm Sherman Stoller."

Khi nói câu ấy, Roscoe nhìn tôi. Lẽ ra cô nên nói rằng chúng tôi đang tìm nhà anh ta. Chúng tôi đã biết Sherman Stoller đang ở đâu. Sherman Stoller đang ở nhà xác tại Yellow Springs, cách đây bảy mươi dặm.

"Các vị là ai?" bà già hỏi một cách lịch sự.

"Thưa bà, chúng tôi là cảnh sát", Roscoe đáp. Chỉ đúng một nửa.

Bà già đẩy nhẹ cửa tháo xích xuống.

"Hai vị nên vào trong này," bà nói. "Ông ấy đang trong bếp. Tôi e là đang ăn."

"Ai đang ăn?" Roscoe hỏi.

Bà già dừng lại nhìn cô. Vẻ khó hiểu.

"Sherman," bà đáp. "Đó là người các vị muốn tìm, đúng chứ?"

Chúng tôi theo bà vào bếp. Có một ông già đang ngồi ở bàn ăn bữa đêm. Khi trông thấy chúng tôi, ông ngừng ăn dùng khăn ăn chấm miệng.

"Họ là cảnh sát đấy, Sherman," bà già bảo.

Ông già ngược nhìn chúng tôi vẻ hồ hững.

"Còn một Sherman Stoller khác à?" tôi hỏi ông.

Ông già gật đầu. Trông lo lắng.

"Con trai chúng tôi," ông đáp.

"Chừng ba mươi phải không?" tôi hỏi. "Ba mươi lăm ấy?"

Ông già lại gật đầu. Bà già bước tới phía sau ông và đặt tay lên cánh tay ông. Đây là cha mẹ anh ta.

"Nó không sống ở đây", ông già nói.

"Nó gặp rắc rối à?" bà mẹ hỏi.

"Ông bà có thể cung cấp địa chỉ của anh ấy cho chúng tôi được chứ?" Roscoe cất tiếng.

Họ lập cập đi lại như những người già vẫn thế. Rất nề cơ quan công quyền. Rất tôn trọng. Muốn đặt cho chúng tôi nhiều câu hỏi nhưng lại chỉ đưa địa chỉ.

"Hai năm rồi nó không sống ở đây", ông già nói.

Ông đang sợ. Ông đang cố giữ mình tránh khỏi rắc rối mà đứa con mình dính phải. Chúng tôi gật đầu với hai ông bà và lui ra. Khi chúng tôi khép cửa trước lại, ông già gọi với theo.

"Nó chuyển đi cách đây hai năm."

Chúng tôi bước qua cổng và lại vào xe. Lại xem bản đồ đường phố. Địa chỉ mới được cung cấp không có trong này.

"Anh thấy hai người đó thế nào?" Roscoe hỏi tôi.

"Cha mẹ anh ta à?" tôi hỏi lại. "Họ biết rằng con trai mình chẳng tốt đẹp gì. Họ biết rằng hẳn đang làm chuyện gì đó xấu. Có lẽ không biết chính xác việc ấy là gì."

"Đó là điều em nghĩ," Roscoe bảo. "Ta đi tìm địa chỉ mới này thôi."

Chúng tôi đánh xe đi. Roscoe dừng đỗ xăng và hỏi đường ở cây xăng đầu tiên bọn tôi trông thấy.

"Cách đây khoảng năm dặm ở hướng ngược lại", cô bảo. Rồi quay xe hướng về phía xa thành phố. "Khu căn hộ mới ở một sân gôn."

Cô chăm chú nhìn vào bóng tối, tìm những dấu hiệu mà nhân viên cây xăng đã nói cho cô. Sau khoảng năm dặm thì Roscoe ngoặt tay lái rời đường chính. Chạy theo một con đường mới và tấp vào cạnh tấm bảng của một công ty xây dựng. Bảng này quảng cáo về các căn hộ loại chất lượng cao nhất, xây dựng ngay trên khu đánh gôn. Quảng cáo khoác lác rằng chỉ còn lại vài căn chưa bán. Sau nội dung thông tin là các dãy nhà mới. Rất dễ chịu. Không khổng lồ nhưng xây đẹp. Có ban công, ga ra, các chi tiết đẹp. Phối cảnh đầy tham vọng sáng lên trong bóng tối. Những con đường nhỏ có đèn chiếu sáng dẫn tới một câu lạc bộ sức khỏe. Phía bên kia chẳng có gì. Đó hẳn phải là sân gôn.

Roscoe tắt máy. Chúng tôi ngồi trong xe. Tôi vòng tay qua lưng ghế cô. Ôm lấy vai Roscoe. Tôi mệt. Tôi đã bận bịu suốt cả ngày. Tôi muốn ngồi thế này một lúc. Hôm nay là một đêm yên tĩnh, âm u. Trong xe ấm áp. Tôi muốn nghe nhạc. Loại nhạc nào đó có chút đau đớn. Nhưng chúng tôi có việc phải làm. Chúng tôi phải tìm Judy. Người phụ nữ đã mua chiếc đồng hồ đeo tay cho Sherman Stoller rồi mang nó đi khắc chữ Tặng Sherman, yêu anh, Judy. Chúng tôi phải tìm Judy và thông báo với cô rằng người đàn ông cô yêu đã mất máu tới chết ở phía dưới quốc lộ.

"Anh thấy chuyện này ra sao?" Roscoe hỏi. Cô tỉnh táo và sáng suốt.

"Không biết", tôi nói. "Nhà để bán, không phải cho thuê. Trông đắt. Một lái xe tải đủ tiền mua nhà này không?"

"Khó mua đấy", Roscoe nói. "Những căn này đắt bằng nhà của em, mà nếu không có khoản hỗ trợ thì em không thể nào trả nổi. Và em lại kiếm được nhiều hơn bất kỳ lái xe tải nào, cái đó thì chắc chắn."

"OK," tôi nói. "Thế nên chúng ta đoán rằng anh bạn Sherman cũng nhận được loại trợ cấp nào đó, đúng không? Nếu không thì anh ta không thể có đủ tiền để sống ở đây",

"Chắc chắn. Nhưng loại trợ cấp nào chứ?"

"Trợ cấp khiến người ta mất mạng," tôi trả lời.

Dãy nhà của Stoller nằm ở phía sau. Có lẽ nằm ở khu được xây dựng trong giai đoạn đầu. Ông già ở khu nghèo của thành phố đã nói rằng con trai ông chuyển đi cách đây hai năm. Có thể điều đó đúng. Khối nhà đầu tiên đã tồn tại khoảng hai năm. Chúng tôi len lỏi qua các lối đi và quanh các luống hoa. Bước theo một lối dẫn tới cửa nhà Sherman Stoller. Lối đi là những viên đá xếp giữa bãi cỏ cứng. Khiến ta đi không được tự nhiên. Tôi phải bước ngắn. Roscoe lại phải sai dài để bước từ viên nọ sang viên kia. Chúng tôi tới cửa. Cửa màu xanh. Không bóng. Loại sơn đã lỗi thời.

"Bọn mình sẽ nói với cô ấy chứ?" tôi hỏi.

"Ta không thể không nói cho cô ấy, đúng không?" Roscoe bảo. "Cô ấy phải biết",

Tôi gõ cửa. Chờ đợi. Gõ thêm lần nữa. Nghe thấy tiếng sàn gỗ cọt kẹt bên trong. Một người đang ra. Cửa mở. Một phụ nữ đứng đó. Có lẽ ba mươi tuổi song trông già hơn. Thấp, lo lắng, mệt mỏi. Tóc vàng nhuộm. Cô nhìn chúng tôi.

"Chúng tôi là cảnh sát, thưa cô," Roscoe nói. "Chúng tôi đang tìm nơi ở của Sherman Stoller."

Một khoảng im lặng trôi qua.

"Vâng, tôi cho là các vị đã tìm thấy", người phụ nữ đáp.

"Chúng tôi vào được chứ?" Roscoe hỏi. Khẽ khàng.

Lại một lần nữa im lặng. Không có phản ứng nào. Rồi người phụ nữ tóc vàng quay trở vào. Roscoe và tôi nhìn nhau. Roscoe theo sau người phụ nữ. Tôi bước theo Roscoe. Đóng cửa lại.

Người phụ nữ dẫn chúng tôi vào phòng khách. Một khoảng không gian có diện tích phù hợp. Các món đồ nội thất và thảm đắt tiền. Một ti vi lớn. Không dàn âm thanh nổi, không sách. Căn phòng trông thiếu sự quan tâm. Như thể ai đó đã xem và chọn đồ từ một bảng danh mục rồi móc túi chỉ mười ngàn đô chỉ trong vòng hai mươi phút. Lấy một món trong số này, một món trong số kia. Tất cả được chuyển tới trong một buổi sáng và bị ném dón vào đó.

"Cô là cô Stoller phải không?" Roscoe hỏi. Vẫn nhẹ nhàng.

"Có thể coi là thế. Không chính xác là cô Stoller nhưng cũng gần như không có gì khác thế."

"Tên cô là Judy đúng không?" tôi hỏi.

Người phụ nữ gật đầu. Và cứ gật gật một lúc. Đang suy nghĩ.

"Anh ấy chết rồi phải không?" Judy hỏi.

Tôi không trả lời. Đây là phần việc tôi không giỏi làm. Đây là phần việc của Roscoe. Cô cũng không nói gì.

"Anh ấy chết rồi phải không?" Judy hỏi lần nữa, giọng to hơn.

"Vâng, đúng thế", Roscoe đáp. "Tôi rất lấy làm tiếc",

Judy tự gật đầu với mình và nhìn quanh căn phòng ghê tởm. Không ai nói gì. Chúng tôi chỉ đứng yên. Judy ngồi xuống. Cô cũng chìa tay mời chúng tôi ngồi. Hai chúng tôi ngồi xuống hai ghế khác nhau. Cả ba tạo thành một hình tam giác cân đối.

"Chúng tôi cần hỏi cô vài câu," Roscoe nói. Cô đang ngồi ngả về trước, hướng về phía người phụ nữ tóc vàng. "Chúng tôi làm thế được chứ?" Judy gật đầu. Trông trống rỗng.

"Cô đã quen biết Sherman được bao lâu?" nữ cảnh sát hỏi.

"Tôi cho là khoảng bốn năm. Gặp anh ấy ở Florida, nơi tôi sống. Bốn năm trước tôi dọn tới đây sống cùng anh ấy. Ở đây từ đó tới giờ",

"Sherman làm nghề gì?"

Judy nhún vai về tội nghiệp.

"Anh ấy là lái xe tải", cô nói. "Anh ấy có hợp đồng chuyển hàng khá lớn tại đây. Có vẻ là hợp đồng dài hạn, hai vị biết chứ? Thế nên bọn tôi mua một căn nhà nhỏ. Bố mẹ anh ấy cũng ở cùng. Sống cùng bọn tôi một thời gian. Rồi chúng tôi chuyển tới đây. Để bố mẹ anh ấy sống trong căn nhà cũ. Trong ba năm anh ấy kiếm được khá nhiều. Lúc nào cũng bận rộn. Rồi một năm trước việc đó chấm dứt. Từ hồi ấy đến giờ gần như anh ấy không làm việc. Thi thoảng mới làm đột xuất."

"Hai người sở hữu cả hai căn nhà à?" Roscoe hỏi.

"Tôi chẳng sở hữu thứ chết tiệt nào", Judy nói. "Sherman sở hữu cả hai nhà. Vâng, cả hai căn".

"Vậy là anh ấy làm ăn tốt trong ba năm đầu à?" Roscoe hỏi.

Judy nhìn nữ cảnh sát.

"Làm tốt à?" cô hỏi lại. "Vì Chúa, hãy tỉnh lại đi. Anh ta là một tên trộm. Anh ta ăn cắp đồ của ai đó."

"Cô chắc chứ?" tôi hỏi.

Judy bắn ánh mắt về phía tôi. Như thể một mảnh đạn pháo bay tới.

"Chẳng cần thông minh mấy cũng có thể luận ra chuyện đó," cô nói. "Trong ba năm anh ta dùng

tiền mặt để mua hai ngôi nhà, hai lô đồ nội thất, vài xe hơi, có Chúa biết. Mà chỗ này cũng chẳng rẻ. Khu chúng tôi đây có các luật sư, bác sĩ sinh sống cùng mọi loại dịch vụ. Và Stoller có đủ tiền tiết kiệm để không phải làm việc chút nào từ tháng Chín năm ngoái. Nếu anh ta cứ làm việc theo mức đó thì bây giờ tôi đã là đệ nhất phu nhân, phải không?"

Người phụ nữ chăm chăm nhìn bọn tôi vẻ thách thức. Cô đã biết chuyện từ lâu rồi. Cô biết chuyện gì sẽ xảy ra khi anh ta bị phát hiện. Cô đang thách thức chúng tôi bác bỏ quyền của cô khi đổ tội cho Stoller.

"Anh ấy ký hợp đồng lớn với ai?" Roscoe hỏi.

"Một công ty tên Điều hòa nhiệt độ Island. Stoller có ba năm chờ máy điều hòa nhiệt độ. Chờ máy xuống Florida. Có lẽ chúng được chuyển tới các đảo, tôi chẳng biết. Anh ta thường đánh cắp máy. Ngay bây giờ trong ga ra vẫn còn hai thùng cũ. Các vị muốn xem không?"

Judy không đợi chúng tôi trả lời. Chỉ đứng phắt lên bước đi. Chúng tôi theo sau. Cả ba đi xuống một cầu thang ở phía sau nhà qua một cánh cửa dưới tầng trệt dẫn vào một ga ra. Trong này không có gì trừ vài thùng bìa cứng tựa vào tường. Bìa các tông, chắc được làm ra một, hai năm nay rồi. In biểu tượng của nhà sản xuất. Điều hòa nhiệt độ Island. Dựng đầu này lên. Băng dính dán ngoài đã bị xé còn lủng lảng. Mỗi thùng có một dây số xe ri dài viết bằng tay. Mỗi thùng chứa một máy. Loại máy ta nhét vào khung cửa sổ và kêu ầm ỹ. Judy chăm chăm nhìn chỗ thùng rồi chăm chăm nhìn chúng tôi. Đó là cái nhìn muốn nói rằng: Tôi đã tặng anh ta một chiếc đồng hồ vàng còn anh ta trút lên đầu tôi một núi lo âu.

Tôi bước tới nhìn những chiếc thùng bìa cứng. Thùng rỗng. Tôi ngửi thấy mùi ôi, chua phảng phất trong đó. Rồi chúng tôi đi lên gác. Judy lấy một cuốn album từ tủ xuống. Ngồi nhìn một tấm ảnh chụp Sherman.

"Chuyện gì đã xảy ra với anh ta?" cô hỏi.

Đây là câu hỏi đơn giản. Đáng được nhận câu trả lời đơn giản.

"Anh ta bị bắn vào đầu," tôi nói dối. "Chết ngay lập tức."

Judy gật đầu. Như thể không có gì ngạc nhiên.

"Khi nào vậy?" người phụ nữ hỏi tiếp.

"Vào đêm thứ Năm", Roscoe nói. "Lúc nửa đêm. Anh ấy có nói đêm thứ Năm sẽ đi đâu không?"

Judy lắc đầu.

"Chẳng bao giờ anh ta nói cho tôi biết nhiều", cô đáp.

"Đã bao giờ anh ấy nhắc tới việc gặp một điều tra viên chưa?" Roscoe hỏi tiếp.

Judy lại lần nữa lắc đầu.

"Còn về Pluribus?" tôi hỏi. "Có bao giờ anh ta dùng từ đó không?"

Judy trông hồ hững.

"Đó là một loại bệnh à?" cô hỏi. "Bệnh phổi hay bệnh gì?"

"Thế còn ngày Chủ nhật?" tôi lại hỏi. "Chủ nhật tới ấy? Anh ta có bao giờ nói gì về chuyện đó không?"

"Không. Anh ta chẳng bao giờ nói nhiều về chuyện gì."

Cô ngồi chìm đắm nhìn những bức ảnh trong cuốn album. Căn phòng yên lặng.

"Anh ấy biết luật sư nào ở Florida không?" Roscoe hỏi.

"Luật sư ư? Ở Florida hả? Tại sao anh ta phải thế?" "Anh ấy từng bị bắt ở Jacksonville. Cách đây hai năm. Đó là vụ xe tải của Sherman vi phạm luật giao thông. Một luật sư đã tới giúp anh ấy được ra khỏi đồn." Judy nhún vai, cứ như hai năm trước với cô đã trở thành lịch sử xa vời.

"Chỗ nào cũng có các luật sư đánh hơi, đúng không?" cô hỏi. "Chẳng có gì to tát."

"Luật sư này không phải tay ăn vặt đâu", Roscoe nói. "Ông ta là đối tác thuộc một công ty lớn dưới đó. Cô biết làm thế nào Sherman liên hệ được với ông ta chứ?"

Judy lại lắc đầu.

"Có thể chủ thuê anh ta đã làm việc đó. Điều hòa nhiệt độ Island. Họ cung cấp bảo hiểm y tế loại tốt cho chúng tôi. Sherman để cho tôi đi khám bác sĩ bất kỳ lúc nào tôi muốn".

Tất cả chúng tôi im lặng. Không có gì thêm để nói. Judy chăm chú ngồi nhìn những tấm ảnh trong album.

"Muốn xem ảnh anh ta không?" cô hỏi.

Tôi bước vòng ra sau ghế Judy và cúi người để nhìn tấm ảnh. Đó là một người đàn ông mặt chuột, da nâu vàng. Người nhỏ, mảnh khảnh, cười toét miệng. Anh ta đang đứng phía trước một chiếc xe tải thùng kín màu vàng. Cười và nháy mắt với ống kính máy ảnh. Cái cười tạo cho tấm ảnh nét châm chọc.

"Đó là chiếc xe Sherman lái", Judy nói.

Nhưng tôi không nhìn chiếc xe tải hay nụ cười châm chọc của Sherman Stoller. Tôi đang nhìn vào một hình người ở hậu cảnh bức ảnh. Nó nằm chệch tiêu điểm và xoay một nửa khỏi ống kính, nhưng tôi vẫn biết đó là ai. Đó là Paul Hubble.

Tôi vẫy Roscoe lại, cô cúi người bên tôi xem tấm ảnh. Tôi thấy nét ngạc nhiên hiện lên mặt nữ cảnh sát khi cô nhận ra Hubble. Rồi Roscoe cúi xuống gần hơn. Nhìn kỹ hơn. Tôi thấy nét ngạc nhiên lần thứ hai. Cô đã nhận ra gì đó khác.

"Tấm ảnh này chụp khi nào?" Roscoe hỏi.

Judy nhún vai.

"Tôi đoán là hè năm ngoái", cô đáp.

Roscoe lấy móng tay chỉ vào phần hình mờ của Hubble.

"Sherman có nói người này là ai không?"

"Ông chủ mới," Judy trả lời. "Anh ta thuê được khoảng sáu tháng thì sa thải Sherman."

"Ông chủ mới của Điều hòa Island hả? Có lý do anh ta đuổi việc Sherman không?"

"Sherman nói rằng họ không cần đến anh ta nữa. Anh ta chẳng bao giờ nói nhiều",

"Đây là nơi đặt trụ sở của Điều hòa nhiệt độ Island à? Ảnh này chụp ở đâu?"

Judy nhún vai gật đầu, vẻ ngập ngừng.

"Tôi cho là thế", cô nói. "Sherman không bao giờ kể nhiều với tôi về nó."

"Chúng tôi cần giữ tấm ảnh này", Roscoe bảo. "Sau đó chúng tôi sẽ trả lại cho cô."

Judy gỡ tấm ảnh khỏi lớp bọc. Đưa cho nữ cảnh sát.

"Cứ giữ lấy đi", người phụ nữ nói. "Tôi không cần tới nó."

Roscoe cầm lấy bức ảnh bỏ vào túi trong áo khoác. Cô cùng tôi bước trở lại giữa phòng và đứng đó.

"Bị bắn vào đầu", Judy nói. "Đó là điều xảy ra khi ta làm việc không hay. Tôi đã bảo Sherman rằng sớm muộn họ sẽ tóm được anh ta."

Roscoe gật đầu vẻ thông cảm.

"Chúng tôi sẽ giữ liên hệ," cô nói. "Cô biết đấy, phải chuẩn bị cho lễ tang, và có thể chúng tôi cần lời tuyên bố."

Judy lại chăm chăm nhìn chúng tôi.

"Đừng bận tâm", cô nói. "Tôi sẽ không đến dự lễ tang của anh ta đâu. Tôi không phải vợ nên bây

giờ không phải vợ góa của anh ta. Tôi sẽ quên rằng mình từng biết Sherman. Từ đầu đến cuối người đàn ông đó chỉ mang lại rắc rối."

Cô đứng đó chằm chằm nhìn hai chúng tôi. Tôi và Roscoe đi theo hành lang, qua cửa ra ngoài. Bước qua lối đi không thuận tiện. Vừa bước trở lại xe chúng tôi vừa nắm tay nhau.

"Gì thế?" tôi hỏi. "Thứ trong ảnh ấy?"

Roscoe đang sải chân bước nhanh.

"Đợi đã. Vào xe em sẽ chỉ cho anh xem."

Chúng tôi vào chiếc Chevy, Roscoe bật đèn trần. Lôi tấm ảnh ra khỏi túi. Ngả người nghiêng tấm ảnh cho ánh sáng rọi vào mặt bóng của nó. Xem cẩn thận. Rồi đưa cho tôi.

"Nhìn ở ngoài rìa ấy," cô bảo. "Ở bên trái."

Tấm ảnh chụp cảnh Sherman Stoller đứng phía trước chiếc xe tải vàng. Ở hậu cảnh, Hubble quay đi. Hai người và chiếc xe tải choán hết phần khung ảnh, trừ một vệt đường ở phía dưới cùng. Và một phần rìa mỏng hậu cảnh bên trái. Phần rìa hậu cảnh này còn xa tiêu điểm hơn cả Hubble nhưng tôi có thể thấy rìa một tòa nhà hiện đại bằng thép, có lớp ngoài màu bạc. Xa hơn là một cây cao. Khung của một ô cửa. Đó là cửa công nghiệp loại lớn, cửa cuốn. Khung có màu đỏ thẫm. Một dạng tạo lớp phủ ngoài bằng phương pháp nung công nghiệp. Một phần để trang trí, một phần để bảo vệ. Một dạng cửa nhà kho. Bên trong nhà kho có ánh sáng mờ.

"Đó là nhà kho của Kliner," Roscoe bảo. "Ở đầu tỉnh lộ."

"Em chắc không?"

"Em nhận ra cái cây mà."

Tôi xem lần nữa. Đó là một cây rất dễ nhận ra. Bị chết một mé. Có lẽ bị sét đánh.

"Đó là nhà kho của Kliner," Roscoe nhắc lại. "Không có gì nghi ngờ cả."

Rồi cô bật điện thoại trong xe và lấy lại tấm ảnh. Bấm số DMV của Atlanta và đọc biển số ở mặt trước chiếc xe tải của Stoller. Đợi một lúc lâu, vừa đợi vừa gõ ngón trỏ lên tay lái. Tôi nghe tiếng lạch xạch trả lời trong ống nghe. Rồi Roscoe tắt máy xoay sang tôi.

"Chiếc xe tải thuộc đăng ký của Công ty Kliner. Địa chỉ đăng ký là Công ty luật Zacarias Perez, Jacksonville, Honda."

Tôi gật đầu. Cô gật đầu đáp lại. Bạn của Sherman Stoller. Những kẻ hai năm trước đã giúp anh ta thoát khỏi đồn cảnh sát Jacksonville Central chỉ trong vòng năm mươi lăm phút.

"OK," Roscoe nói. "Tập hợp tất cả lại. Hubble, Stoller, cuộc điều tra của Joe. Bọn chúng đang in tiền giả trong nhà kho của Kliner, đúng không?"

Tôi lắc đầu.

"Sai. Không có hoạt động in tiền giả nào diễn ra bên trong nước Mỹ. Tất cả đều diễn ra ở nước ngoài. Molly Beth Gordon đã nói với anh điều đó, cô ấy phải biết mình đang nói về chuyện gì. Cô ấy bảo Joe đã ngăn chặn hoạt động đó. Và dù Stoller có làm gì, Judy đã bảo rằng anh ta đã chấm dứt việc ấy từ một năm trước. Còn Finlay nói rằng Joe mới bắt đầu toàn bộ việc này cách đây một năm. Quanh thời điểm Hubble sa thải Stoller."

Roscoe gật đầu. Nhún vai.

"Bọn mình cần sự hỗ trợ của Molly," cô nói. "Bọn mình cần bản copy file của Joe."

"Hoặc sự giúp đỡ của Picard," tôi bảo. "Ta có thể tìm phòng khách sạn của Joe và lấy bản gốc. Đó sẽ là một cuộc đua, xem ai gọi cho bọn mình trước, Molly hay Picard."

Roscoe tắt đèn trần. Khởi động xe để trở về khách sạn trong sân bay. Tôi nằm dài bên cạnh cô và ngáp. Tôi có thể cảm nhận rằng Roscoe đang căng thẳng. Cô đã không còn việc để làm. Không còn bị phân tán. Giờ cô phải đối mặt với những giờ im lặng rất dễ tổn thương của đêm. Đêm đầu tiên sau đêm qua. Viễn cảnh ấy đang khiến Roscoe bị kích động. "Anh lấy khẩu súng đó rồi chứ Reacher?" cô hỏi

Tôi xoay người trên ghế để quay mặt sang cô.

"Nó trong cốp xe", tôi đáp. "Trong cái hộp ấy. Em đã bỏ nó vào trong đó, nhớ chứ?"

"Lấy nó ra được không? Như thế em thấy yên tâm hơn."

Tôi mơ màng cười trong bóng tối. Và ngáp.

"Như thế anh cũng thấy ổn hơn", tôi nói. "Nó là khẩu súng tuyệt vời".

Rồi chúng tôi lại chìm vào im lặng. Roscoe tìm thấy bãi đỗ xe của khách sạn. Cả hai ra khỏi xe đứng trong bóng tối. Tôi mở cốp xe. Nhấc chiếc hộp ra rồi đóng sập cốp lại. Đi vào qua sảnh lên thang máy. Vào tới phòng, chúng tôi chỉ đổ xuống giường mà ngủ. Roscoe đặt khẩu .38 sáng bóng của cô trên thảm cạnh giường. Tôi nạp đầy đạn cho khẩu .44 khổng lồ rồi đặt bên cạnh mình. Chéch và khóa. Chúng tôi chèn một chiếc ghế vào phía dưới tay nắm cửa. Như thế Roscoe cảm thấy an toàn hơn.

Tôi thức giấc và nằm trên giường, nghĩ về Joe. Sáng thứ Tư. Anh đã mất được năm ngày. Roscoe đã dậy. Cô đứng trên sàn nhà, vươn vai. Một dạng yoga. Cô đã tắm và chỉ mặc một nửa đồ trên người. Cô không mặc quần. Chỉ mặc chiếc sơ mi. Xoay lưng về phía tôi. Khi Roscoe vươn người, chiếc áo bị kéo lên trên. Đột nhiên tôi không nghĩ đến Joe nữa.

"Roscoe," tôi gọi.

"Gì thế anh?"

"Em là người có cặp mông tuyệt vời nhất hành tinh."

Roscoe khúc khích cười. Tôi nhảy bổ vào cô. Không thể cưỡng lại được. Không thể làm việc gì khác. Roscoe làm tôi

phát điên. Chính tiếng cười ấy khiến tôi như thế. Nó làm tôi phát điên. Tôi kéo Roscoe trở lại chiếc giường lớn của khách sạn. Nếu cả tòa nhà có sập xuống chúng tôi cũng chẳng hề hay biết. Và chuyện ấy kết thúc khi hai cơ thể mệt lả, nhưng vẫn xoắn vào nhau. Nằm một lúc. Rồi Roscoe lại dậy tắm lần thứ hai trong buổi sáng. Mặc quần áo vào. Quần và đủ thứ khác. Cô nhăn nhó với tôi như định ngăn tôi khỏi một cơn ham muốn khác.

"Thế ý anh đúng là thế đấy chứ?" cô hỏi.

"Ý gì cơ?" tôi hỏi lại bằng một nụ cười.

"Anh biết là gì mà," Roscoe mỉm cười trở lại. "Khi anh nói rằng em có cặp mông đẹp".

"Anh không nói là em có cặp mông đẹp. Anh đã nhìn thấy nhiều cặp mông đẹp rồi. Anh nói là mông của em là cặp mông tuyệt vời nhất trên hành tinh chết tiệt này".

"Nhưng ý anh đúng là thế chứ?"

"Em có thể cá là thế đấy", tôi bảo. "Dù có làm gì đi nữa, đừng đánh giá thấp sự hấp dẫn của mông em, Roscoe."

Tôi điện cho bộ phận phục vụ phòng gọi đồ ăn sáng. Nhấc chiếc ghế ở phía dưới tay nắm cửa ra để đón một chiếc xe đẩy nhỏ. Kéo những tấm rèm nặng nề. Một buổi sáng rực rỡ. Bầu trời xanh tươi không một gợn mây, ánh nắng sáng của mùa thu. Căn phòng tràn ngập ánh sáng. Chúng tôi hé cửa sổ đón lấy bầu không khí, những mùi vị và âm thanh của một ngày mới. Góc nhìn ở đây thật ấn tượng. Nhìn qua sân bay vào thành phố phía xa. Những chiếc xe hơi trong bãi đỗ bắt ánh sáng mặt trời trông như những món nữ trang đặt trên nền nhưng màu be. Những chiếc máy bay lao mình vào khoảng không hoặc chậm rãi lặn bánh ra xa trông như những con chim khổng lồ quan trọng. Những tòa nhà ở trung tâm thành phố như cao lên và rõ hơn dưới ánh nắng. Một buổi sáng rực rỡ. Nhưng là buổi sáng thứ sáu liên tiếp anh trai tôi không còn sống để chứng kiến.

Roscoe lấy điện thoại gọi cho Finlay ở Margrave. Cô nói với ông về tấm ảnh chụp Hubble và Stoller đứng trong nắng ở sân trước khu nhà kho. Rồi cô đọc cho ông số phòng của chúng tôi, bảo ông

gọi cho chúng tôi nếu Molly gọi lại từ Washington. Hoặc Picard gọi lại cho chúng tôi với những thông tin từ công ty cho thuê xe hơi về chiếc Pontiac bị đốt. Tôi nghĩ chúng tôi nên ở lại Atlanta phòng trường hợp Picard vượt trước Molly tìm được khách sạn Joe đã ở. Có khả năng anh đã ở trong thành phố, gần sân bay. Chẳng có ích gì khi chúng tôi chạy xe cả chặng đường về Margrave rồi lại chạy ngược lại lần nữa. Thế nên chúng tôi đợi. Tôi lóng ngóng xoay xở với chiếc đài trên tủ đầu giường. Và dò được một kênh phát những bài hát cũng tạm. Nghe như họ đang phát một album thời đầu của ban nhạc Canned Heat *(Ban nhạc rock được thành lập năm 1965 ở Los Angeles)*.. Sống động, vui vẻ và phù hợp với một buổi sáng rực rỡ trống rỗng.

Đồ ăn sáng tới, chúng tôi ăn. Hết toàn bộ. Bánh kếp, xi rô, thịt muối. Rất nhiều cà phê trong một chiếc bình sứ dày. Sau đó tôi lên giường nằm. Và chẳng mấy chốc cảm thấy bất an. Cảm giác như một sai lầm gì đó đang chờ đợi mình. Cảm giác như chúng tôi chẳng làm gì hết. Roscoe cũng đang cảm thấy như vậy. Cô ném tấm ảnh chụp Hubble, Stoller và chiếc xe tải vàng lên trên tủ đầu giường rồi chăm chăm nhìn nó. Tôi chăm chăm nhìn máy điện thoại. Nó không đổ chuông. Chúng tôi loay quanh đợi trong phòng. Rồi tôi cúi người cầm khẩu Desert Eagle trên sàn cạnh giường lên. Nắm nó trong tay. Dùng ngón tay miết theo cái tên khắc trên băng. Nhìn qua phía Roscoe. Tôi thấy tò mò về người đã mua khẩu tự động khổng lồ này.

"Gray thế nào?" tôi hỏi.

"Gray à? Ông ấy rất cẩn thận. Anh muốn có các hồ sơ của Joe à? Anh nên xem các loại giấy tờ của Gray. Trong đồn có hồ sơ do ông ấy thu thập suốt hai mươi lăm năm. Tất cả đều chính xác, tất cả đều hoàn thiện. Đó là một thám tử giỏi."

"Thế tại sao ông ấy treo cổ?"

"Em không biết", Roscoe đáp. "Em chưa bao giờ hiểu nổi."

"Ông ấy bị trầm cảm à?"

"Không thực sự thế," Roscoe nói. "Ông ấy luôn có vẻ u uất. U ám ấy, anh biết chứ? Một kiểu người rất khó gần. Và chán chường. Gray là thám tử giỏi nhưng bị bỏ phí ở Margrave. Nhưng tháng Hai không tệ hơn bất kỳ thời điểm nào khác. Sự kiện ấy hoàn toàn khiến em ngạc nhiên. Em rất buồn."

"Em với ông ấy có thân thiết không?" tôi hỏi.

Roscoe nhún vai.

"Có", cô đáp. "Xét từ một khía cạnh nào đó thì bọn em rất thân. Ông ấy là người khó gần, anh biết đấy, không thực sự thân với bất kỳ người nào. Chưa bao giờ kết hôn, luôn sống độc thân, không họ hàng thân thích. Gray là người kiêng rượu bia hoàn toàn nên không bao giờ đi uống bia hay thứ gì đó. Ông ấy trầm lặng, bản, hơi béo. Không có tóc, râu quai nón mọc lộn xộn. Một người rất khép kín, tự làm bản thân thấy thoải mái. Thực sự là một người cô độc. Nhưng người này thân với em cũng như sẽ thân với bất kỳ người nào. Bọn em quý nhau theo cách rất lạnh lẽo."

"Và ông ấy không bao giờ nói gì à?" tôi hỏi. "Chỉ treo cổ vào một ngày nào đó à?"

"Chuyện đúng là như thế đấy. Hoàn toàn là một cú sốc. Em sẽ không bao giờ hiểu được chuyện đó."

"Tại sao em để súng của ông ấy trong bàn mình?"

"Gray hỏi xem có thể cất nó ở đó không. Trong bàn của ông ấy không có chỗ. Gray làm rất nhiều hồ sơ. Ông ấy chỉ hỏi liệu em có thể giữ giúp ông ấy một chiếc hộp, trong đó giấu khẩu súng. Nó là vũ khí riêng của Gray. Ông ấy bảo khẩu súng sẽ không được đồn thông qua do cỡ nòng quá lớn. Ông ấy khiến nó giống như một bí mật lớn".

Tôi lại bỏ khẩu súng bí mật của người đàn ông đã chết xuống sàn, sự yên lặng bị phá vỡ bởi

tiếng chuông điện thoại. Tôi chạy vụt tới tủ đầu giường và nhấc máy. Nghe thấy giọng Finlay. Tôi nắm chặt điện thoại và nín thở.

"Reacher à?" Finlay nói. "Picard đã kiểm được thứ ta cần. Anh ấy đã tìm ra được chiếc xe."

Tôi thở ra và gật đầu với Roscoe.

"Tuyệt quá Finlay", tôi nói. "Vậy câu chuyện là thế nào?"

"Đến văn phòng của anh ấy đi. Anh ấy sẽ cung cấp thông tin, trực tiếp. Tôi không muốn nói quá nhiều qua điện thoại ở chỗ này".

Tôi nhắm mắt một giây và cảm thấy sức lực trào lên.

"Cảm ơn, Finlay. Nói chuyện với ông sau nhé."

"OK," viên thám tử đáp. "Nhớ cẩn thận, được chứ?"

Rồi ông gác máy, để tôi đứng cầm chiếc điện thoại mà mỉm cười.

"Em nghĩ ông ấy sẽ chẳng bao giờ gọi," Roscoe bật cười. "Nhưng em nghĩ là với Cục Điều tra liên bang thì mười tám tiếng cũng không quá tệ, đúng không?"

FBI Adanta nằm trong một tòa nhà của liên bang ở trung tâm thành phố. Roscoe đỗ xe ngoài rìa đường. Bộ phận lễ tân gọi lên tầng nói với chúng tôi rằng đặc vụ Picard sẽ xuống ngay đón chúng tôi. Hai chúng tôi chờ ông dưới sảnh. Đây là sảnh lớn, trang trí táo bạo nhưng nó vẫn có không khí u ám của các tòa nhà chính phủ. Sau ba phút, Picard từ một thang máy bước ra. Ông thông thả chạy tới chỗ chúng tôi. Dường như đặc vụ này choán hết cả sảnh. Ông gật đầu với tôi và bắt tay Roscoe.

"Tôi đã nghe Finlay nói nhiều về cô," viên đặc vụ nói. Giọng nói như gấu của ông dội lên. Roscoe gật đầu

"Chiếc xe Finlay tìm thấy à?" ông nói. "Xe cho thuê hiệu Pontiac. Được đặt cho Joe Reacher, tại sân bay Atlanta, ... tạm giữ tới thứ Năm."

"Tuyệt, Picard," tôi nói. "Có phỏng đoán gì về nơi anh ấy đã ở không?"

"Còn hơn là đoán ấy chứ, anh bạn. Họ đã có vị trí chính xác. Đó là chiếc xe được đặt trước. Người ta chuyển nó tới khách sạn của ông ấy."

Viên đặc vụ nhấc tới một nơi cách khách sạn chúng tôi đang ở một dặm.

"Cảm ơn Picard," tôi nói. "Tôi nợ ông đấy."

"Không vấn đề đâu, bạn tôi ạ," ông nói. "Bây giờ các bạn xử lý nhé, được không?"

Người khổng lồ nhảy trở lại thang máy còn chúng tôi vội vã chạy ngược về phía Nam tới sân bay. Roscoe ngoặt sang đường vành đai và tăng ga hòa vào dòng xe cộ. Bên kia dải phân cách, một chiếc bán tải màu đen vụt qua. Mới tinh. Tôi ngoắt người lại thoáng thấy nó biến mất sau một dãy xe tải màu đen, mới tinh. Có lẽ chẳng là gì cả. Ở dưới này người ta bán xe bán tải nhiều hơn bất kỳ thứ gì khác.

Ở quầy lễ tân mà Picard bảo rằng Joe đã làm thủ tục nhận phòng hôm thứ Năm, Roscoe trưng phù hiệu ra. Nhân viên lễ tân gõ bàn phím một chút rồi thông báo cho chúng tôi biết rằng Joe đã ở phòng 621, trên tầng sáu, phía cuối hành lang. Cô ta nói rằng viên giám đốc sẽ gặp chúng tôi ở trên đó. Thế nên hai chúng tôi đi thang máy lên bước dọc theo hành lang tối. Và đứng đợi ngoài cửa phòng Joe.

Viên giám đốc gần như lập tức xuất hiện mở phòng bằng chìa vạn năng của anh ta. Chúng tôi bước vào trong.

Phòng trống. Nó đã được lau dọn. Trông như đã sẵn sàng đón các vị khách mới.

"Thế còn đồ đạc của anh ấy thì sao?" Tôi hỏi. "Tất cả ở đâu rồi?"

"Hôm thứ Bảy chúng tôi đã chuyển hết ra", tay giám đốc nói. "Ông ấy đặt phòng vào đêm thứ Năm, dự kiến trả phòng vào mười một giờ trưa thứ Sáu. Việc chúng tôi làm là cho thêm một ngày, rồi nếu khách không xuất hiện thì chúng tôi sẽ dọn sạch đồ trong phòng xuống khu phục vụ buồng phòng".

"Thế là đồ đạc của anh ấy đang nằm trong một chiếc tủ ở đâu đó à?"

"Dưới tầng. Ông nên xem các thứ đồ chúng tôi đã chuyển xuống dưới ấy. Lúc nào người ta chẳng để lại thứ này thứ khác."

"Vậy chúng tôi có thể xuống xem được chứ?"

"Ở tầng hầm. Từ sảnh xuống bằng thang bộ. Các vị sẽ thấy."

Viên giám đốc bước ra khỏi phòng. Roscoe cùng tôi lại bước dọc hành lang đi thang máy xuống dưới. Chúng tôi tìm thấy thang bộ và xuống tầng hầm. Khu phục vụ buồng phòng là một hành lang lớn đầy đồ vải lanh và khăn các loại. Có hòm, rổ đựng đầy xà phòng tắm cùng các thứ đồ dùng miễn phí ta vẫn thấy trong các buồng tắm. Các nhân viên buồng phòng đang ra vào cùng xe đẩy dùng để dọn phòng. Ở gần góc hành lang có một ô ngồi làm việc quây kính, một phụ nữ ngồi sau chiếc bàn nhỏ. Chúng tôi bước tới gõ vào mặt kính. Cô nhìn lên. Roscoe rút phù hiệu ra.

"Tôi giúp gì được hai vị?" người phụ nữ hỏi

"Phòng sáu-hai-một," Roscoe nói "Sáng thứ Bảy các cô đã chuyển ra một số đồ dùng cá nhân. Các cô đã chuyển xuống đây chứ?"

Tôi một lần nữa nín thở.

"Sáu-hai-một à?" người phụ nữ hỏi lại. "Ông ấy đã tới lấy rồi. Chúng được mang đi rồi."

"Ai tới?" tôi hỏi. "Khi nào?"

"Người khách ấy. Sáng nay, có lẽ lúc chín hay chín giờ rưỡi",

"Ông ấy là ai?" tôi hỏi tiếp.

Người phụ nữ lôi một cuốn sổ nhỏ từ giá xuống và lấy ngón cái lật ra. Liếm một ngón tay mập mạp chỉ vào một dòng.

"Joe Reacher," cô nói. "Ông ấy đã ký vào sổ và lấy đồ."

Cô xoay ngược cuốn sổ đẩy về phía chúng tôi. Ở dòng này có một chữ ký nguệch ngoạc.

"Ông Reacher này trông thế nào?" tôi hỏi.

Người phụ nữ nhún vai.

"Người nước ngoài. Kiểu người Mỹ Latinh. Có lẽ từ Cuba à? Người nhỏ da sẫm, dáng mảnh, cười duyên. Theo như tôi nhớ thì thuộc típ rất lịch sự."

"Cô có danh sách kê các món đồ không?"

Người phụ nữ lướt ngón tay múp míp theo hàng chữ. Có một cột nhỏ đầy chữ viết tay sát vào nhau. Trong cột ghi một chiếc túi bằng vải dệt, tám món quần áo, một túi đựng đồ vệ sinh cá nhân, bốn chiếc giày. Thứ cuối cùng được liệt kê là một chiếc ca táp.

Chúng tôi rời khỏi ô quây kính theo cầu thang bộ trở lại sảnh. Bước trở lại với mặt trời buổi sáng. Không còn chút cảm giác nào về một ngày tuyệt vời nữa.

Chúng tôi ra tới xe. Đứng bên nhau tựa vào cản sóc trước của xe. Trong đầu tôi cân nhắc xem liệu Joe đã đủ khôn ngoan và cẩn thận để làm điều tôi sẽ làm nếu là anh. Tôi cho là có lẽ anh đã làm thế. Anh đã có một thời gian dài làm cùng những người khôn ngoan và cẩn thận.

"Roscoe!" tôi nói. "Nếu em là kẻ đã cầm những thứ đồ của Joe ra khỏi chỗ này, em sẽ làm gì?"

Cô ngừng lại khi cửa xe mới mở một nửa. Và suy nghĩ về điều đó.

"Em sẽ giữ lại chiếc ca táp. Mang đến nơi em cần phải mang tới. Những thứ còn lại thì sẽ vứt bỏ."

"Đó là điều anh cũng sẽ làm. Em sẽ vớt chúng ở đâu?"

"Em nghĩ là ở chỗ đầu tiên em nhìn thấy."

Có một đoạn đường phụ nối giữa khách sạn này và khách sạn kế tiếp trên đường lớn. Nó vòng qua hai khách sạn rồi chạy ra đường vành đai. Dọc theo một đoạn dài chừng hai chục mét có một dãy thùng rác. Tôi chỉ về phía đó.

"Giả sử hắt lái xe ra theo đường đó thì sao?" tôi nói. "Giả sử hắt dừng lại ném cái túi vải dệt vào thẳng một trong các thùng rác đó thì sao?"

"Nhưng hắt sẽ giữ lại chiếc ca táp, đúng không?"

"Có thể chúng ta không tìm chiếc ca táp. Ngày hôm qua, anh chạy xe nhiều dặm để ra lùm cây ấy nhưng anh lại nấp dưới ruộng. Một đòn đánh lạc hướng, phải không? Nó thuộc về thói quen. Có lẽ Joe cũng có thói quen ấy. Có thể anh ấy đã mang chiếc ca táp theo nhưng lại bỏ những thứ quan trọng trong chiếc túi vải dệt."

Roscoe nhún vai. Vẫn không tin. Chúng tôi bắt đầu bước dọc theo con đường phụ. Khi tới gần, những thùng rác trông thật lớn. Tôi phải đu lên cạnh từng thùng để ngó vào trong. Thùng đầu tiên rỗng không. Trong đó chẳng có gì ngoài những đám bụi bẩn trong nhà bếp sau nhiều năm tích tụ. Thùng thứ hai thì đầy. Tôi tìm một đoạn gậy từ một bức tường đá không trát đã sập và chọc vào đó. Không thể thấy gì. Tôi thả người xuống bước tới thùng tiếp theo.

Trong thùng có một chiếc túi vải dệt. Nằm ngay trên vài thùng bìa cứng cũ. Tôi dùng đoạn gậy khều lấy nó. Lôi ra. Quảng xuống cạnh chân Roscoe. Rồi nhảy xuống ngay bên chiếc túi. Đây là chiếc túi rúm ró đã được dùng đi dùng lại nhiều. Vải xơ và trầy xước. Trên túi đầy nhãn dán của các

hãng hàng không. Ở tay cầm buộc một bảng tên như chiếc thẻ tín dụng vàng thu nhỏ. Trên đó ghi: Reacher.

"OK, Joe," tôi tự nhủ. Ta hãy xem anh có phải tay khôn ngoan không".

Tôi đang tìm những chiếc giày. Chúng nằm ở túi ngoài của chiếc túi. Hai đôi. Bốn chiếc, đúng như bảng liệt kê của bộ phận buồng phòng. Tôi lần lượt lật đổ trong của từng chiếc ra. Phía dưới chiếc thứ ba, tôi thấy một túi Ziplock nhỏ xíu. Trong đó có một mẫu giấy in gấp lại.

"Khôn như ma, Joe ạ", tôi lại tự nhủ và bật cười.

Roscoe và tôi nhảy qua đường phụ nhỏ như hai vận động viên chạy vượt rào. Rồi chúng tôi vội vã tới chiếc Chevy và chạy nhanh hết một dặm trở về khách sạn. Chạy vào sảnh, lên thang máy. Mở khóa cửa lao vào. Điện thoại đang đổ chuông. Đó lại là Finlay, ở bên kia đầu dây, tại Margrave. Nghe giọng ông phấn khích như chúng tôi.

"Molly Beth Gordon vừa gọi xong," ông thông báo. "Cô ấy đã lấy được rồi. Cô ấy đã có những hồ sơ chúng ta cần. Ngay lúc này Molly đang bay tới đây. Cô ấy nói với tôi rằng đó là những thứ đáng ngạc nhiên. Nghe giọng rất phấn khích. Sảnh đến của sân bay Atlanta, lúc hai giờ. Tôi sẽ gặp hai người ở đó. Chuyến bay của hãng Delta từ Washington tới. Picard cung cấp gì cho hai người không?"

"Chắc chắn có chứ", tôi nói. "Ông ấy là một tay được đấy. Tôi nghĩ đã lấy được phần còn lại của tờ giấy in."

"Ông nghĩ thế hả? Ông không biết à?"

"Chỉ vừa mới lấy về xong," tôi đáp. "Vẫn còn chưa kịp xem."

"Vì Chúa, thế thì xem đi. Cái đó quan trọng đấy, đúng không?"

"Hẹn gặp sau nhé, ông bạn Harvard."

Chúng tôi ngồi xuống bên chiếc bàn cạnh cửa sổ. Mở khóa chiếc túi nhựa nhỏ lôi mẩu giấy ra. Cẩn thận mở ra. Đó là một mảnh giấy in. Trên góc phải, một mẩu chừng hai phân đã bị xé rời. Một nửa tiêu đề còn sót lại. Nội dung là *Chiến dịch E Unum*.

"Chiến dịch E Unum Pluribus," Roscoe nói.

Bên dưới là danh sách các cụm chữ cái đầu, bên đối diện là các số điện thoại, mỗi cụm cách nhau hai dòng. Ở cụm đầu tiên, hai chữ cái đầu là P.H. số điện thoại đã bị xé rời.

"Paul Hubble," Roscoe nói. "Số điện thoại của anh ta và nửa tiêu đề kia là thứ Finlay đã phát hiện ra."

Tôi gật đầu. Rồi có bốn cụm chữ cái đầu nữa. Hai cụm đầu là W.B và K.K. Chúng có số điện thoại đi kèm. Tôi nhận ra mã vùng điện thoại New York bên cạnh K.K. Còn mã vùng của W.B thì chắc tôi sẽ phải tra. Cụm thứ ba là J.s. Mã vùng là 504. New Orleans. Tôi đã ở đó cách đây chưa tới một tháng. Thứ tư là M.B.G. Có một số điện thoại với mã vùng là 202. Tôi chỉ vào đó để Roscoe có thể trông thấy.

"Molly Beth Gordon," cô nói. "Thủ đô Washington."

Tôi gật đầu lần nữa. Đó không phải số điện thoại tôi đã gọi từ căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc. Có lẽ là số điện thoại nhà của Molly. Hai dòng cuối cùng của mảnh giấy đã bị xé không phải các chữ cái đầu, không có số điện thoại đi kèm. Dòng áp chót chỉ có nội dung: Ga ra nhà Stoller. Dòng cuối cùng là: Hồ sơ của Gray về Kliner. Tôi nhìn những chữ cái hoa sắp xếp cẩn thận và như có thể cảm nhận được tính cách mô phạm của người anh đã chết bật ra từ trang giấy.

Paul Hubble thì chúng tôi đã biết. Anh ta đã chết.

Molly Beth Gordon thì chúng tôi đã biết. Cô sẽ tới đây lúc hai giờ. Chúng tôi đã thấy ga ra tại nhà của Sherman Stoller ở sân gôn. Trong đó không có gì ngoài hai thùng bìa cứng rỗng không. Còn lại tiêu đề được gạch chân, ba cụm chữ cái đầu với ba số điện thoại, và dòng cuối cùng: Hồ sơ của Gray về Kliner. Tôi xem giờ. Vừa quá giữa trưa. Quá sớm để ngồi yên đợi Molly Beth tới. Tôi nghĩ chúng tôi nên khởi động.

"Trước hết bọn mình hãy nghĩ về tiêu đề," tôi nói. "E Unum Pluribus."

Roscoe nhún vai.

"Đó là khẩu hiệu của nước Mỹ, đúng không?" cô nói. "Bằng chữ Latinh ấy?"

"Không. Đó là khẩu hiệu hiểu theo nghĩa ngược lại. Cái này ít nhiều hàm ý nhiều xuất phát từ một. Chứ không phải từ nhiều thành một."

"Có thể Joe đã viết sai?"

Tôi lắc đầu.

"Anh không nghĩ thế. Anh không nghĩ Joe sẽ nhầm lẫn kiểu ấy. Nó phải có hàm ý gì đó."

Roscoe lần nữa nhún vai.

"Nó chẳng có ý nghĩa gì với em cả. Còn gì khác nữa?"

"Hồ sơ của Gray về Kliner. Gray có hồ sơ về Kliner chứ?"

"Có lẽ có. Gần như ông ấy lập hồ sơ về mọi chuyện. Ai đó nhổ nước bọt trên vỉa hè ông ấy cũng đưa vào hồ sơ."

Tôi gật đầu. Bước trở lại bên giường nhắc điện thoại lên. Gọi cho Finlay ở Margrave. Baker bảo tôi rằng ông đã đi khỏi. Thế nên tôi gọi cho các số máy khác in trên mảnh giấy của Joe. Số đi kèm với W.B ở New Jersey. Đại học Princeton. Khoa Lịch sử hiện đại. Tôi gác máy ngay lập tức. Không thể thấy mối liên hệ ở đây. Số điện thoại của K.K ở thành phố New York. Đại học Columbia. Khoa Lịch sử hiện đại. Tôi lại gác máy. Rồi tôi gọi cho J.s ở New Orleans. Nghe thấy một hồi chuông rồi tín hiệu báo bận.

"Đội thám tử mười lăm đây", một giọng nói vang lên.

"Thám tử à?" tôi hỏi. "Đó có phải Sở cảnh sát New Orleans không?"

"Đội mười lăm", giọng kia nhắc lại. "Tôi có thể giúp gì được ông?"

"Ồ đó các vị có người nào mang tên viết tắt là J.s không?"

"J.s à? Có ba người. Ông muốn hỏi người nào?"

"Không biết," tôi đáp. "Cái tên Joe Reacher có gợi bất cứ điều gì với các vị không?"

"Chuyện này là thế quái nào đây?" giọng kia hỏi. "Trò Hai mươi câu hỏi hay gì đấy?"

"Hỏi họ giúp chúng tôi được chứ? Hỏi từng vị J.s xem họ biết Joe Reacher hay không. Ông sẽ làm thế chứ? Tôi sẽ gọi lại, được không?"

Dưới New Orleans, tay trực hành chính của đội mười lăm hăm hừ rồi bỏ máy. Tôi nhún vai với Roscoe và bỏ điện thoại trở về tủ đầu giường.

"Ta đợi Molly à?" cô hỏi.

Tôi gật đầu. Tôi hơi lo lắng về cuộc gặp với Molly. Nó sẽ giống cuộc gặp với một hồn ma có quan hệ với một hồn ma khác.

Chúng tôi đợi ở chiếc bàn chật hẹp bên cửa sổ. Nhìn mặt trời hạ dần từ vị trí cao nhất lúc ban trưa. Giết thời gian bằng cách đẩy qua đẩy lại mảnh giấy in của Joe. Tôi chăm chăm nhìn tiêu đề. E Unum Pluribus. Nhiều từ một. Đó là Joe Reacher, trong ba từ. Điều gì đó quan trọng, hoàn toàn gói gọn trong một trò chơi chữ ngắn gọn.

"Ta đi thôi," Roscoe nói.

Vẫn còn sớm nhưng chúng tôi thấy lo lắng. Chúng tôi thu đồ của mình. Đi thang máy xuống sảnh rồi lấy tiền của hai kẻ bị tôi bắn chết để thanh toán tiền điện thoại. Rồi chúng tôi bước tới chiếc Chevy của Roscoe. Bắt đầu vòng vèo trên đường tới sảnh đến của sân bay. Không hề dễ dàng. Các khách sạn phục vụ sân bay dành cho những người đi tới sảnh đến hoặc sảnh đi. Không ai nghĩ lại có người đi như chúng tôi.

"Bọn mình không biết Molly trông ra sao", Roscoe nói.

"Nhưng cô ấy biết anh trông ra sao", tôi bảo. "Anh trông giống Joe."

Sân bay rộng mênh mông. Chúng tôi nhìn thấy phần lớn sân bay khi di chuyển về khu bên phải. Nó còn lớn hơn một số thành phố tôi từng tới. Chúng tôi chạy xe qua nhiều dặm. Tìm đúng ga. Lỡ một lần chuyển làn đường và chạy qua khu đỗ xe ngắn hạn. Quay trở lại xếp hàng ở rào chắn. Roscoe giật lấy vé chạy vào khu đỗ.

"Đi sang trái," tôi nói.

Bãi đỗ chật kín xe. Tôi cúi người tìm chỗ trống. Rồi tôi thấy một hình thù đen lơ mờ lơ ở rìa phải. Tôi trông thấy nó qua khóe mắt.

"Sang phải, sang phải," tôi nói.

Tôi nghĩ đó là phần đuôi của một chiếc bán tải màu đen. Mới tinh. Lướt phía tay phải tôi. Roscoe bẻ ngoặt tay lái và chúng tôi lướt sang lối tiếp theo. Nhìn thấy đèn phanh đỏ lóe lên trên lớp vỏ kim loại đen. Chiếc bán tải vụt khỏi tầm mắt. Roscoe vút theo lối này rồi ngoặt gấp.

Lối mới này không một bóng xe. Chẳng có gì di chuyển. Chỉ có những hàng xe hơi đứng yên lặng trong nắng. Lối tiếp theo cũng vậy. Chẳng có gì di chuyển. Chẳng chiếc bán tải đen nào. Chúng tôi chạy khắp khu đỗ xe. Mất một lúc lâu. Bị cản bởi các xe chạy vào chạy ra. Nhưng cũng lướt hết toàn bộ khu vực. Không thể tìm được chiếc bán tải đen ở đâu.

Nhưng tôi và Roscoe tìm thấy Finlay. Chúng tôi đỗ xe vào một chỗ trống rồi bắt đầu cuộc bộ một đoạn dài vào ga. Finlay đã đậu xe ở một khu khác và đang bước vào theo một đường chéo khác. Ông bước hết chặng đường còn lại cùng chúng tôi.

Nhà ga rất nhộn nhịp. Và khổng lồ. Xây thấp nhưng trải ra nhiều acre. Toàn bộ nơi này chật người. Các màn hình nhấp nháy lấp cao trên tường thông báo các chuyến bay tới. Chuyến của hãng Delta tới lúc hai giờ đã hạ cánh và đang chạy trên đường băng. Chúng tôi đi bộ về phía cổng. Cảm giác như đi bộ mất nửa dặm. Chúng tôi đang ở trong một hành lang trải cao su kẻ sọc. Hai băng cuốn chạy giữa hành lang. Bên phải là dãy dài vô tận các bảng quảng cáo cầu kỳ sáng rực mô tả sự hấp dẫn của vùng miền Nam thừa thãi nắng này. Làm ăn hay thư giãn, tất cả đều có ở đây, điều đó thì chắc rồi. Bên tay trái là vách ngăn bằng kính chạy từ trần xuống sàn, với một vạch trắng khắc cao ngang tầm mắt để ngăn người ta bước xuyên qua vách.

Phía sau vách kính là các cổng. Một dãy vô số cổng. Hành khách ra khỏi máy bay bước dọc theo vách kính phía bên đó. Một nửa số đó rẽ ngang biến mất vào khu nhận hành lý. Rồi họ lại đi ra và tìm thấy các cửa ra ở vách kính, đưa họ vào hành lang chính. Nửa còn lại là những hành khách bay tuyến ngắn không có hành lý gửi. Họ bước thẳng về phía cửa. Mỗi cửa đều tụ tập các nhóm lớn người chào đón. Chúng tôi len lỏi qua những người này.

Cứ ba mươi mét, hành khách lại tuôn ra từ các cửa. Bạn bè và họ hàng đang di chuyển lại gần, hai dòng người sắp va vào nhau. Chúng tôi phải chật vật vượt qua đám đông trước khi tới được đúng cổng cần tới. Tôi chen lấn về hướng đó. Tôi thấy lo lắng. Hình ảnh thoáng qua của chiếc bán tải đen trong bãi đỗ khiến tôi thấy bất an.

Chúng tôi tới được cổng cần đến. Bước dọc theo vách kính qua các cánh cửa. Xuống ngay tới chỗ ngang với cuối đường dẫn từ cửa máy bay vào sảnh. Khách đã bắt đầu rời khỏi máy bay. Tôi quan sát họ tràn ra khỏi đường dẫn rồi rẽ để bước về phía khu nhận hành lý và các cửa ra. Bên phía vách kính chúng tôi, người ta đang bước về phía các cổng ở xa hơn. Vừa đi họ vừa chen lấn. Chúng tôi bị kéo đi dọc hành lang. Như bơi trong một biển nước nặng. Lúc nào chúng tôi cũng phải bước giật lùi để giữ yên vị trí.

Phía sau lớp kính có cả một dòng người. Tôi thấy một phụ nữ đang tới có thể là Molly. Cô chừng ba mươi lăm tuổi, mặc bộ vest doanh nhân đẹp, cầm một chiếc va li và chiếc túi vải dệt. Tôi đứng yên, cố để cho cô nhận ra nhưng đột nhiên người phụ nữ ấy trông thấy một người khác, chỉ tay, phát ra tiếng cười tôi không nghe thấy phía bên kia vách kính và gửi hôn gió cho một tay cách tôi chừng mười mét. Anh ta tựa người vào cửa đợi cô.

Rồi dường như bất kỳ người phụ nữ nào cũng có thể là Molly. Phải có tới vài chục "ứng cử viên". Có cả người tóc vàng và da đen, cao và thấp, xinh xắn và vô duyên. Tất cả đều mặc đồ công sở, tất cả đều cầm hành lý có vẻ hợp lý, tất cả đều sai chân với dáng điệu một mỗi có chủ ý của các vị giám đốc uể oải giữa một ngày bận rộn. Tôi theo dõi tất cả họ. Họ chảy theo dòng người phía sau vách kính, một số người ngó ra tìm chồng, người yêu, lái xe, những người có quan hệ công việc, một số nhìn thẳng về phía trước. Tất cả đều di chuyển theo đám đông nhưng nhúc nhủ người.

Một trong số đó có hành lý bằng da màu vàng đỏ hợp với nhau, một chiếc va li nặng ở một tay, tay kia lôi chiếc va li có tay kéo dài. Cô nhỏ nhắn, tóc vàng, trông phấn khởi. Khi ra khỏi đường dẫn từ cửa máy bay, hành khách này bước chậm lại lướt mắt qua vách kính quét trên đám đông. Đôi mắt cô lướt qua tôi. Rồi chúng ngoắt lại. Người phụ nữ nhìn thẳng vào tôi. Dừng lại. Người ta dồn lại phía sau lưng cô. Cô bị đẩy về phía trước. Cô vùng vẫy tiến về phía vách kính. Phía bên vách này, tôi di chuyển lại gần. Người phụ nữ chăm chăm nhìn tôi. Mỉm cười. Đôi mắt chào em trai của người yêu đã mất.

"Molly phải không?" tôi mấp máy miệng với cô qua vách kính.

Người phụ nữ giơ chiếc va li nặng lên như chiến lợi phẩm. Hướng về phía nó và gật đầu. Nở một nụ cười lớn phấn khích thể hiện chiến thắng. Cô bị đẩy từ phía sau. Bị đám đông đẩy về phía lối ra. Cô ngoái lại xem, tôi có đi theo hay không. Roscoe, Finlay và tôi vất vả bám theo cô.

Bên phía vách kính của Molly, dòng người xuôi theo chiều cô tiến. Bên phía chúng tôi, nó di chuyển ngược chiều. Chúng tôi đang bị tách ra với tốc độ gấp đôi. Có một đám đông đặc sinh viên ép vào chúng tôi. Muốn ra khỏi cổng ở phía dưới kia. Những đứa trẻ to lớn được chăm nuôi tốt, hành lý cồng kềnh, om sòm. Ba chúng tôi bị đẩy về sau năm mét. Qua cửa kính, Molly đang ở phía trước. Tôi thấy mái đầu tóc vàng của cô biến mất. Tôi chen sang bên lách tới bằng cuốn. Nó chuyển động theo hướng ngược lại. Tôi bị đưa đi năm mét trước khi kịp nhảy qua tay nắm di động sang phía bên kia.

Giờ thì tôi đang di chuyển đúng hướng nhưng trên băng cuốn là một đám đông đặc người đứng yên. Hải lòng với tốc độ như sên của lớp sàn lót cao su họ đang đứng lên. Họ đứng dàn hàng ngang ba người. Không có cách nào lách qua. Tôi leo lên tay nắm hẹp cố gắng bước dọc theo như đi trên dây. Tôi phải cúi người xuống vì không giữ được thăng bằng. Và ngã mạnh về phía bên phải. Bị đưa về hướng ngược lại năm mét trước khi gượng dậy. Tôi hoảng hốt ngó lại. Qua tấm kính, tôi có thể thấy Molly đang bị đám đông đưa tới khu nhận hành lý. Tôi có thể trông thấy Roscoe và Finlay đang phía sau mình. Tôi đang chậm chậm di chuyển theo hướng không mong muốn.

Tôi không muốn Molly đi vào khu lấy hành lý. Cô đã vội vã bay tới đây. Cô mang những tin tức khẩn. Không thể có chuyện cô đã chuẩn bị một chiếc va li lớn. Không thể có chuyện cô gửi hành lý. Cô sẽ không vào khu lấy hành lý. Tôi cầm đầu xuống chạy. Vừa chạy vừa đẩy người khác vương lối. Tôi chạy ngược với nhịp của hành lang thang cuốn. Lớp sàn cao su mút lấy giày tôi. Mỗi lực tác động đều làm tôi mất thời gian. Người ta hét lên giận dữ. Tôi chẳng quan tâm. Tôi xuyên qua đám đông mặc họ dạt ra. Vụt khỏi hành lang thang cuốn, len qua đám đông ở các cửa ra.

Khu nhận hành lý là một sảnh rộng và thấp, được thấp sáng bởi các bóng đèn vàng mờ. Tôi chật vật tìm đường vào qua cửa ra. Tìm Molly khắp nơi. Không thể thấy cô. Sảnh đông kín người. Hẳn phải

có cả trăm hành khách đứng quanh băng chuyền, thành ba hàng. Băng chuyền lịch kịch di chuyển theo vòng tròn dưới một đồng túi cặp nặng. Ở bức tường phía bên là những hàng xe đẩy hành lý, hàng dài hàng ngắn. Người ta đang xếp hàng nhét các đồng hai mươi lăm xu vào một khe và lấy xe đẩy ra. Họ đẩy xe đi xuyên qua đám đông. Các xe va ngoắc vào nhau. Người thì xô đẩy.

Tôi lao vào đám hỗn độn. Dùng vai huých, đẩy và kéo người ta quay lại để tìm Molly. Tôi đã thấy cô vào đây. Vẫn chưa thấy cô ra. Nhưng cô không có trong này. Tôi kiểm tra mọi gương mặt. Tôi rà khắp cả sảnh. Tôi tự để mình cuốn theo dòng người ra ngoài. Chen về phía trước tới cửa ra. Roscoe đang bám chặt lấy khung cửa, cưỡng lại dòng người.

"Thấy cô ấy ra không?" tôi hỏi.

"Không. Finlay đã tới cuối hành lang. Ông ấy đang đợi ở đó. Em đợi ở đây".

Chúng tôi đứng yên, dòng người đổ qua chúng tôi. Rồi dòng người từ phía cổng đổ về phía chúng tôi đột nhiên mỏng đi. Toàn bộ số khách của máy bay sắp qua hết. Những người tụt lại phía sau đang bước đi. Một bà già ngồi trên xe đẩy chót đuôi. Xe của bà được một nhân viên hàng không đẩy đi. Anh này phải dừng lại và xoay sở để tránh thứ gì đó nằm trên lối vào khu nhận hành lý. Đó là một chiếc va li da màu vang đỏ. Nó nằm nghiêng. Cái tay kéo vẫn thò ra. Từ khoảng cách năm mét, tôi có thể đọc được những chữ cái vàng viết lồng vào nhau ở phía trước. Những chữ ấy là: M.B.G. Roscoe và tôi lao trở lại khu nhận hành lý. Trong vài phút tôi không ở trong này, khu nhận hành lý đã gần hết sạch người. Còn lại không quá chục người. Hầu hết đang kéo các túi từ băng chuyền xuống hướng ra ngoài trong khi chúng tôi chạy vào. Chỉ trong một phút, khu vực này trống trơn. Băng chuyền vẫn lịch kịch chạy theo vòng tròn, trống không. Rồi nó ngừng lại. Sảnh trở nên im lặng. Roscoe và tôi đứng trong sự tĩnh lặng đột ngột ấy nhìn nhau.

Khu nhận hành lý có bốn bức tường, một trần và một sàn. Có một cửa vào và một lối ra. Băng chuyền chui vào đây qua một lỗ vuông rộng một mét và lại chui ra qua một lỗ vuông một mét. Cả hai lỗ đều che bằng các rèm làm từ những dải cao su đen rộng vài phân. Cạnh băng chuyền là cửa vận chuyển hành lý. Phía bên chúng tôi thì cánh cửa này chẳng có gì. Không tay nắm. Đã bị khóa.

Roscoe lao ngược trở lại túm lấy chiếc va li của Molly Beth. Mở ra. Bên trong có một bộ quần áo cùng một túi đựng đồ vệ sinh cá nhân. Và một tấm ảnh. Cỡ 20 X 25cm, khung bằng đồng. Đó là Joe. Anh trông giống tôi nhưng gầy hơn một chút. Đầu rám nắng cao trực. Nụ cười vui vẻ đầy chất hài hước.

Sảnh lại tràn ngập những âm báo. Nó kêu một lúc rồi băng chuyền hành lý tiếp tục chạy. Chúng tôi chăm chăm nhìn nó. Nhìn vào cái lỗ nó đã chui qua. Tấm rèm cao su phồng ra. Một chiếc va li chui ra. Da màu vang đỏ. Các đai đã bị rách đứt. Va li mở ra. Rỗng không. Nó loạng choạng di chuyển về phía chúng tôi. Chúng tôi chăm chăm nhìn nó. Chăm chăm nhìn các đai đã bị cắt đứt. Chúng đã bị cắt bằng một con dao sắc. Bị cắt bởi kẻ nào đó vội quá đến mức không bấm những chốt khóa.

Tôi nhảy lên băng chuyền đang chuyển động. Chạy ngược hướng với băng chuyền và như một vận động viên bơi lao đầu qua những dải cao su che cái lỗ vuông rộng một mét. Tôi rơi xuống khá mạnh, băng chuyền bắt đầu kéo tôi trở ra. Tôi trườn bò bằng cả hai tay hai chân như một đứa trẻ. Lăn tròn và nhảy lên. Tôi đang ở trong khu bốc dỡ hàng. Không một bóng người. Bên ngoài là ánh nắng chói lóa. Có mùi hắc ín và dầu diesel từ các toa chờ hành lý ủa từ các máy bay ngoài mặt nhựa bê tông vào. Xung quanh tôi là các đồng cao ngất hành lý bị bỏ rơi hoặc bỏ quên. Tất cả được xếp chặt vào các ô chứa quay ba mặt. Sàn cao su vương vãi các mảnh vỡ và nhãn cũ. Nơi này giống như một mê cung bẩn thỉu. Tôi chạy ra chạy vào, tìm kiếm Molly một cách vô vọng. Tôi chạy ra phía sau hết đồng hành lý này tới đồng hành lý khác. Vào ô chứa này đến ô chứa khác. Tôi túm lấy những tay vịn

bằng kim loại và đu người qua các góc chật chội. Tuyệt vọng liếc nhìn xung quanh. Chẳng có ai hết. Chẳng có ai ở nơi nào. Tôi chạy tiếp, lướt và trượt trên rác.

Tôi tìm thấy chiếc giày trái của cô. Nó nằm nghiêng ở lối dẫn vào một ô tới. Tôi lao vào. Chẳng có gì trong này. Tôi thử ô tiếp theo. Không có gì trong đó. Tôi bám vào các giá đỡ, thở gấp. Tôi phải làm một cách có trật tự. Tôi chạy tới đầu kia hành lang. Bắt đầu lần lượt ngó vào các ô. Trái rồi phải, trái rồi phải, lùi lại nhanh hết tốc lực, hỗn hển theo hình dích dắc tuyệt vọng.

Tôi tìm thấy chiếc giày phải của cô ở ô thứ ba từ dưới cùng lên. Rồi phát hiện ra máu của cô. Ở lối dẫn vào ô tiếp theo, nó đọng thành vũng trên sàn, dính nhớp, đang lan rộng. Cô sụp xuống ở phía sau ô, nằm ngửa trong bóng tối, kẹp giữa hai đồng sọt cao. Chỉ nằm đó trên sàn cao su. Máu đang từ người ào ạt chảy ra. Bụng Molly bị rạch toang. Kẻ nào đó đã thọc một mũi dao vào cô và rạch một đường đầy độc ác từ phía dưới các xương sườn lên trên.

Nhưng cô vẫn còn sống. Một bàn tay tái nhợt đang run rẩy. Đôi môi lằn những bong bóng nhỏ bằng máu. Đầu Molly nằm yên nhưng hai mắt chuyển động. Tôi chạy tới bên cô. Đỡ lấy đầu cô. Molly chăm chú nhìn tôi. Gượng cho miệng mấp máy.

'Phải thâm nhập được trước Chủ nhật,' cô thều thào.

Rồi Molly chết trong tay tôi.

21

Tôi đã học môn hóa học ở khoảng bảy trường phổ thông. Không có được mấy kiến thức. Chỉ kết thúc môn này với những kiến thức chung chung. Một điều tôi có thể nhớ là kiểu ta bỏ một chút chất bổ sung gì đó vào cái ống thủy tinh và làm cho mọi thứ nở bùm. Chỉ một chút bột, tạo ra kết quả lớn hơn mức nên có.

Đó là kiểu tôi cảm nhận được với Molly. Trước đây tôi chưa bao giờ gặp người phụ nữ này. Thậm chí chưa bao giờ nghe nhắc đến cô. Nhưng tôi cảm thấy giận dữ, giận khôn tả. Với cô, tôi còn cảm thấy khùng khiếp hơn so với Joe. Chuyện với Joe xảy ra khi anh đang làm nhiệm vụ. Joe đã biết điều đó. Anh sẽ chấp nhận nếu nó xảy ra. Joe và tôi biết về rủi ro và nghĩa vụ ngay từ giây phút chúng tôi có nhận thức. Nhưng Molly thì khác.

Một điều khác tôi nhớ về phòng thí nghiệm hóa học là vấn đề về áp lực. Áp lực biến than thành kim cương. Áp lực dẫn đến nhiều việc. Nó đang gây ra cho tôi nhiều chuyện. Tôi giận dữ và có ít thời gian. Trong tâm trí, tôi đang thấy Molly bước ra khỏi đường dẫn từ cửa máy bay đó. Sải những bước dài, quyết tâm tìm em trai Joe và giúp đỡ anh ta. Nở một nụ cười lớn chiến thắng. Giơ cao chiếc va li chứa những hồ sơ lẽ ra cô đã không nên sao chép. Gặp rủi ro rất lớn. Vì tôi. Vì Joe. Hình ảnh ấy trong tâm trí tôi đang lớn dần như áp lực vô cùng lớn tác động lên vài đường địa chất cổ xưa. Tôi phải quyết định cách sử dụng áp lực ấy. Tôi phải quyết định xem nó sẽ nghiền nát tôi hay biến tôi thành kim cương.

Trong bãi đỗ ngắn hạn của sân bay, chúng tôi đứng dựa vào cản sóc trước của xe Roscoe. Bàng hoàng và im lặng. Chiều thứ Tư, gần ba giờ. Tôi đã nắm chặt lấy cánh tay Finlay. Ông đã muốn ở lại trong kia tham gia điều tra. Ông bảo đó là nhiệm vụ của mình. Tôi phải hét lên với Finlay rằng chúng tôi không có thời gian. Tôi phải dùng sức lôi ông ra khỏi nhà ga. Tôi phải giải ông ra thẳng xe, bởi tôi biết rằng việc chúng tôi sắp làm ngay tới đây sẽ có quyết định sống còn.

"Chúng ta phải đi lấy hồ sơ của Gray," tôi nói. "Đó là điều tốt thứ hai",

Viên thám tử nhún vai. Từ bỏ cuộc đấu.

"Đó là tất cả những gì chúng ta có," ông nói.

Roscoe gật đầu.

"Ta đi thôi," cô bảo.

Cô và tôi đi bằng chiếc Chevy. Trên suốt chặng đường, Finlay lúc nào cũng chạy trước. Roscoe và tôi không nói với nhau lời nào. Nhưng Finlay thì liên tục nói với bản thân. Ông la hét và chửi rủa. Tôi có thể thấy đầu ông hất lên hất xuống trong xe. La hét và chửi rủa với tấm kính chắn gió xe của mình.

Teale đang đợi ngay phía sau những cánh cửa đồn. Lưng tựa vào quầy tiếp tân. Bàn tay già nua đầy nốt đồi mồi nắm chặt gậy chống. Lão trông thấy ba chúng tôi bước vào thì tập tễnh bỏ vào phòng họp lớn. Ngồi xuống bên một cái bàn. Cái gần cửa phòng hồ sơ nhất.

Chúng tôi bước qua lão già vào căn phòng đầy đồ gỗ hồng sắc. Ngồi xuống chờ đợi. Tôi lôi mảnh giấy in đã bị xé của Joe từ túi áo ra đẩy ngang bàn. Finlay lướt qua.

"Không có nhiều, đúng không?" ông nói. "Tiêu đề có ý nghĩa gì? E Unum Pluribus à? Đó là khẩu hiệu hiệu theo nghĩa ngược lại, phải không?"

Tôi gật đầu.

"*Nhiều từ một*", tôi nói. "Tôi không hiểu ý nghĩa."

Đội trưởng thám tử nhún vai. Bắt đầu đọc kỹ lại. Tôi quan sát ông nghiên cứu nó. Rồi có tiếng gõ mạnh vào cửa và Baker bước vào.

"Teale đang ra khỏi đồn", ông ta thông báo. "Đang nói chuyện với Stevenson ở khu đậu xe. Các vị cần gì không?"

Finlay đưa cho ông ta mảnh giấy in đã bị xé.

"Phô tô cho tôi một bản, được chứ?"

Baker bước ra ngoài để làm việc ấy còn Finlay gõ những ngón tay lên bàn.

"Tất cả các chữ cái đầu này là những ai nhỉ?" ông nói.

"Chúng ta chỉ biết những người chết", tôi nói. "Hubble và Molly Beth. Hai trong đó là số điện thoại trường đại học. Princeton và Columbia. Cuối cùng là một thám tử dưới New Orleans.

"Còn về ga ra nhà Stoller? Hai người đã xem chưa?"

"Chẳng có gì hết. Chỉ có vài thùng các tông chứa điều hòa nhiệt độ rỗng không từ năm ngoái, khi anh ta chờ tới Florida và đánh cắp."

Finlay âm ừ và Baker quay trở vào. Trả lại mảnh giấy của Joe kèm theo một bản phô tô. Tôi giữ bản gốc và đưa bản phô tô cho Finlay.

"Teale đi rồi" Baker nói.

Chúng tôi vội vã ra khỏi phòng. Thoáng thấy chiếc Cadillac trắng chạy ra khỏi khu đậu xe. Chúng tôi mở cửa phòng hồ sơ.

Margrave là một thị trấn bé xiu ở nơi heo hút nhưng Gray đã dành hai chục năm chồng kín phòng hồ sơ này bằng những đồng giấy tờ. Nơi đây có nhiều giấy tờ hơn những nơi tôi đã thấy lâu nay. Cả bốn bức tường đều có những tủ hồ sơ cao đựng trần, cửa tủ sơn trắng tinh. Chúng tôi mở tất cả các cửa tủ. Từng tủ đều xếp đầy các dây hồ sơ. Trong đó phải có tới cả ngàn chiếc hộp kích thước vừa với giấy A4. Hộp làm bằng sợi thủy tinh, gáy dán nhãn ghi, phía dưới nhãn có vòng dây nhựa để ta có thể kéo các hộp ra khi cần lấy. Bên trái cửa, giá trên cùng là vần A. Bên phải cửa, phía dưới là giá cuối cùng vần z. vần K nằm ở phía tường quay ra cửa, lệch tâm trái một chút, cao ngang tầm mắt. Chúng tôi tìm thấy một hộp dán nhãn "Kliner." Nằm ngay giữa ba hộp dán nhãn "Klan" và một hộp "Klipspringer bang Georgia". Tôi móc một ngón tay vào vòng dây nhựa. Lôi chiếc hộp ra. Nó khá nặng. Tôi đưa cho Finlay. Cả ba chạy ngược lại căn phòng gỗ hồng sắc. Đặt chiếc hộp lên bàn gỗ hồng sắc. Rồi mở ra. Trong này đầy giấy cũ đã ngả vàng.

Nhưng đó không phải loại hồ sơ chúng tôi tìm. Nó chẳng liên quan gì tới Kliner. Chẳng có gì hết. Đó chỉ là một tập ghi nhớ cũ dày tám phân của đồn. Tài liệu công tác. Những thứ lẽ ra phải ném vào thùng rác từ vài thập kỷ rồi. Một lát cắt của lịch sử. Những quy trình cần thực hiện nếu Liên Xô chĩa tên lửa vào Atlanta. Những quy trình cần áp dụng nếu một người đàn ông da đen ngồi ở mấy hàng ghế trước của xe buýt. Một đồng linh tinh. Nhưng chẳng tiêu đề nào bắt đầu bằng chữ K. Không một từ nào liên quan tới Kliner. Tôi chăm chú nhìn tập hồ sơ tám phân và cảm thấy áp lực tăng lên.

"Kẻ nào đó đã lấy nó trước chúng ta," Roscoe nói. "Chúng đã lấy hồ sơ của Kliner ra thay thế bằng thứ rác rưởi này."

Finlay gật đầu. Nhưng tôi lại lắc.

"Không," tôi nói. "Không hợp lý tí nào. Nếu thế chúng sẽ lấy đi cả hộp và chỉ cần ném vào thùng rác. Chính Gray đã làm việc này. Ông ấy cần giấu hồ sơ đi nhưng không thể tự buộc được mình phá vỡ trật tự của phòng hồ sơ. Thế nên ông ấy lấy các thứ ra khỏi hộp và bỏ chỗ tài liệu cũ này vào thay. Giữ cho mọi thứ gọn gàng sạch sẽ. Em bảo ông ấy là người rất cẩn thận, phải không?"

Roscoe nhún vai.

"Gray đã giấu à? Có thể ông ấy đã làm việc đó. Ông ấy giấu súng của mình trong bàn em. Ông ấy không ngại giấu các thứ."

Tôi nhìn cô. Điều tôi vừa nói gọi lại điều gì đó rất quen.

"Ông ấy đưa em khẩu súng hồi nào?" tôi hỏi.

"Sau Giáng sinh. Không lâu trước khi ông ấy chết."

"Có gì không ổn ở chuyện đó," tôi nói. "Ông ấy là một thám tử đã làm việc hai mươi lăm năm, đúng không? Một thám tử giỏi. Một người có tuổi, được tôn trọng. Vì sao một người như vậy lại cảm thấy rằng việc chọn một thứ vũ khí không được dùng trong công việc phải là bí mật? Đó không phải vấn đề của ông ấy. Ông ấy đưa cho em chiếc hộp bởi nó chứa thứ gì đó cần giấu",

"Ông ấy giấu khẩu súng. Em đã nói với anh rồi mà."

"Không. Anh không tin thế. Khẩu súng chỉ là vật che mắt, để đảm bảo em giữ chiếc hộp trong ngăn kéo có khóa. Ông ấy không cần giấu khẩu súng. Nếu muốn thì một tay như vậy có thể sở hữu cả một đầu đạn hạt nhân làm vũ khí không dùng trong công việc ấy chứ. Khẩu súng không phải bí mật lớn. Bí mật lớn là thứ khác trong chiếc hộp".

"Nhưng trong hộp không có gì khác", Roscoe nói. "Chắc chắn không có hồ sơ, đúng chứ?"

Chúng tôi đứng yên một lát. Rồi chúng tôi chạy về phía cửa. Lao ra chạy tới chiếc Chevy của Roscoe trong bãi đỗ. Lôi chiếc hộp chứa hồ sơ của Gray ra khỏi thùng. Mở ra. Tôi đưa khẩu Desert Eagle cho Finlay. Kiểm tra hộp chứa đạn. Chẳng có gì. Chẳng có gì khác trong hộp đựng hồ sơ. Tôi lắc chiếc hộp. Kiểm tra nắp đáy. Không có gì. Tôi xé toang chiếc hộp.

Giật các đường dán keo và dán phẳng lớp bìa cứng. Không có gì. Rồi tôi xé tung nắp đáy. Ẩn dưới nắp phía góc là một chiếc chìa khóa. Được dán vào mặt trong. Nơi không bao giờ bị nhìn thấy. Nơi đã được một người đàn ông đã chết che giấu cẩn thận.

Chúng tôi không biết chiếc chìa của ổ khóa nào. Chúng tôi loại trừ mọi nơi trong đồn. Loại trừ bất kỳ nơi nào trong nhà Gray. Cảm thấy những nơi đó quá lộ, không thể được người đàn ông cẩn thận này lựa chọn. Tôi chăm chăm nhìn chiếc chìa khóa và cảm thấy áp lực tăng lên. Khép hai mắt hình dung cảnh Gray lật cái nắp đó ra dán chiếc chìa khóa vào phía dưới. Đưa chiếc hộp cho cô bạn Roscoe. Nhìn cô bỏ nó vào ngăn kéo. Nhìn ngăn kéo đóng lại. Nhìn cô khóa nó vào. Cảm thấy nhẹ người. Tôi đưa hình ảnh ấy vào một cuốn phim và cho chạy hai lần trước khi nó cho tôi biết ổ khóa ở đâu.

"Một thứ ở tiệm cắt tóc," tôi nói.

Tôi giật khẩu Desert Eagle từ tay Finlay rồi vội vã đẩy ông cùng Roscoe vào xe. Roscoe lái. Cô mở máy, lách ra khỏi bãi đỗ. Rẽ đi hướng Nam, về phía thị trấn.

"Tại sao lại thế?" cô hỏi.

"Trước đây ông ấy hay tới đó. Ba, bốn lần một tuần. Ông già đã bảo anh thế. Gray là người da trắng duy nhất từng vào tiệm đó. Cảm giác đó như lãnh thổ an toàn. Cách xa Teale, Kilner và mọi người khác. Và ông ấy không cần phải vào nơi đó, đúng chứ? Em đã nói rằng ông ấy có bộ râu quai nón mọc lộn xộn, lại không có tóc mà. Ông ấy không đến đó để cắt tóc. Ông ấy tới đó bởi ông ấy quý hai ông già. Ông ấy nhờ đến họ. Đưa cho họ thứ cần giấu."

Roscoe phanh khựng chiếc Chevy trên đoạn phố ngoài tiệm cắt tóc, chúng tôi nhảy ra khỏi xe chạy vào tiệm. Trong tiệm không có khách nào. Chỉ có hai ông già ngồi ở ghế, chẳng làm gì hết. Tôi giơ chiếc chìa khóa lên.

"Chúng tôi đến lấy đồ của Gray," tôi nói.

Ông già ít tuổi hơn lần đầu.

"Không thể đưa cho cậu, anh bạn ạ," ông nói.

Ông bước tới lấy chiếc chìa khóa từ tay tôi. Bước tới ấn nó vào tay Roscoe.

"Giờ thì chúng tôi có thể", ông bảo. "Ông Gray đã dặn chúng tôi không đưa cho ai ngoài bạn của ông ấy, cô Roscoe."

Ông lại lấy chiếc chìa khóa từ Roscoe. Bước trở lại chậu rửa, cúi xuống mở một ngăn kéo hẹp bằng gỗ gu gần phía dưới. Lôi ra ba tập hồ sơ. Đó là những tập hồ sơ dày, mỗi tập đựng trong một kẹp bằng da bò cũ còn lông. Ông đưa một tập cho tôi, một cho Finlay và một cho Roscoe. Rồi ông ra hiệu cho người bạn của mình và họ bước về phía sau. Để riêng chúng tôi ở lại. Roscoe ngồi trên ghế băng cạnh cửa sổ. Finlay và tôi nhảy lên ghế cắt tóc. Đặt hai chân lên giá để chân bằng crôm. Bắt đầu đọc.

Tập hồ sơ của tôi là một xấp dày báo cáo của cảnh sát. Tất cả đều là tài liệu được sao chụp và gửi bằng fax. Bị làm mờ hai lượt nhưng tôi có thể đọc. Đó là hồ sơ do thám tử James Spireenza, đội 15 Phòng Điều tra án mạng Cảnh sát New Orleans lập. Spireenza được chỉ định làm thám tử điều tra án mạng cách đây tám năm. Rồi được chỉ định làm thêm bảy năm nữa. Ông kết thúc với một vụ liên quan tới tám người chết. Ông không làm rõ được trường hợp nào. Không một vụ nào. Thất bại hoàn toàn.

Nhưng ông đã rất cố gắng. Cuộc điều tra của ông rất tỉ mỉ. Rất nhiều công sức. Nạn nhân thứ nhất là chủ sở hữu một nhà máy dệt. Một chuyên gia, liên quan tới một công thức hóa học mới để xử lý bông. Nạn nhân thứ hai là quản đốc của người thứ nhất. Ông này đã rời bỏ nhà máy của nạn nhân thứ nhất và cố gắng huy động tiền đầu tư ban đầu để xây dựng doanh nghiệp của riêng mình. Sáu nạn nhân tiếp theo là viên chức chính phủ. Người của Cơ quan bảo vệ môi trường. Khi ấy họ thực hiện một cuộc điều tra từ văn phòng tại New Orleans. Vụ đó liên quan tới tình trạng ô nhiễm ở vùng châu thổ sông Mississippi. Cá chết. Nguyên nhân được phát hiện nằm ở khu vực cách đó hai trăm năm mươi dặm về phía thượng nguồn. Một nhà máy xử lý và dệt bông ở bang Mississippi thải hóa chất xuống nước, trong đó có natri hydroxide, natri hypochlorite và clo, các thành phần này hòa vào nước sông tạo thành hợp chất axit cực độc.

Cả tám nạn nhân đều chết cùng một kiểu. Hai phát bắn vào đầu bằng súng ngắn tự động giảm thanh. Một khẩu nòng cỡ .22. Gọn ghẽ và lạnh lùng. Sprienza nhận định rằng thủ phạm là bọn giết người chuyên nghiệp. Ông lần theo các sát thủ theo hai cách. Ông tìm tới mọi sự hỗ trợ có thể kêu gọi được. Trên thực tế thì lực lượng giết thuê chuyên nghiệp khá nhỏ. Spireenza và các đồng nghiệp đã nói chuyện với tất cả những tay đó. Chẳng kẻ nào trong số đó biết gì. Cách thứ hai của Sprienza là phương pháp cổ điển. Tìm ra xem kẻ nào hưởng lợi từ những vụ hành quyết. Ông không mất nhiều thời gian để chấp nối thông tin. Kẻ sở hữu cơ sở xử lý và dệt bông trên bang Mississippi có vẻ đáng nghi. Khi ấy hắn nằm trong vòng vây của tám nạn nhân. Hai trong đó tấn công bằng con đường thương mại. Sáu người còn lại đe dọa đóng cửa cơ sở của hắn. Sprienza nghiên cứu hắn tỉ mỉ. Lộn hết gan ruột hắn ra. Hắn bị soi suốt một năm. Những hồ sơ trong tay tôi chứng tỏ điều đó. Sprienza đã huy động FBI và IRS (*Internal Revenue Service: Cơ quan thuế liên bang*). Họ đã rà soát từng xu trong mọi tài khoản để tìm những khoản thanh toán bằng tiền mặt không thể giải thích trả cho sát thủ lẩn trốn. Họ đã tìm suốt một năm mà không phát hiện được gì. Trong quá trình ấy, họ gặp những chuyện rất ghê tởm. Sprienza tin rằng tay sát thủ đã giết vợ mình. Nhận định của ông là hắn đã dùng tay không đánh vợ đến chết. Kẻ đó đã cưới vợ khác, Sprienza đã gửi fax cảnh báo cho cơ quan cảnh sát địa phương. Đứa con trai duy nhất của tên đó là một đứa tâm thần. Theo quan điểm của Sprienza thì nó còn tệ hơn bố. Một tên tâm thần máu lạnh. Kẻ sở hữu cơ sở xử lý và dệt bông đã bảo vệ con trai mình trong mọi bước đi. Che chắn cho nó. Dùng tiền để tránh cho nó khỏi rắc rối. Cả chục cơ quan khác nhau có hồ sơ về đứa con trai. Nhưng chẳng

có gì nổi bật cả. FBI New Orleans đã hết quan tâm. Sprienza đã khép vụ án lại. Quên nó đi cho tới tận khi một thám tử già ở một đơn vị vô danh của bang Georgia gửi fax cho ông, đề nghị cung cấp thông tin về gia đình Kliner.

Finlay đã gập tập hồ sơ của mình lại. Xoay chiếc ghế cắt tóc để đối diện với tôi.

"Quỹ Kliner là quỹ ma," ông nói. "Hoàn toàn giả mạo. Nó là bình phong cho hoạt động gì đó khác. Tất cả đều có trong này. Gray đã mở toang nó. Kiểm tra sổ sách hết từ trên xuống dưới. Hàng năm quỹ ấy tiêu nhiều triệu đô la nhưng thu nhập được kiểm toán lại bằng 0. Chính xác là 0."

Ông chọn một trang trong tập hồ sơ. Ngả người. Đưa nó cho tôi. Đó là một bản quyết toán thể hiện những khoản chi phí của Quỹ.

"Thấy không?" đội trưởng thám tử hỏi. "Không thể tin nổi. Đó là những gì chúng chi".

Tôi nhìn bản quyết toán. Bản này ghi lại một con số khổng lồ. Tôi gật đầu.

"Có lẽ cao hơn thế nhiều", tôi nói. "Tôi đã ở đây được năm ngày, đúng không? Trước đó tôi đã đi khắp đất nước trong sáu tháng. Trước đó thì tôi đi khắp thế giới. Cho tới nay Margrave là nơi sạch sẽ nhất, được chăm sóc tốt nhất, được sửa sang ổn nhất mà tôi từng thấy. Nó còn được chăm sóc tốt hơn cả Lầu Năm góc hay Nhà Trắng. Tin tôi đi, tôi đã từng ở những nơi đó. Mọi thứ ở Margrave hoặc mới tinh hoặc được trùng tu một cách hoàn hảo. Nó hoàn toàn hoàn hảo. Hoàn hảo đến mức đáng sợ. Làm được thế phải mất một số tiền khổng lồ".

Finlay gật đầu.

"Và Margrave là một nơi rất kỳ lạ", tôi nói. "Hầu như lúc nào cũng không thấy người. Chẳng có sự sống. Trong cả thị trấn chẳng có hoạt động kinh doanh nào. Chẳng bao giờ có gì diễn ra. Không ai kiếm tiền cả."

Viên cảnh sát trông ngơ ngác. Không hiểu.

"Nghĩ về điều đó đi," tôi bảo. "Lấy tiệm ăn Eno làm ví dụ nhé. Nhà hàng mới toanh. Tiệm sáng sủa, hiện đại. Nhưng ông ta chẳng bao giờ có khách hàng nào. Tôi từng ở đó vài lần. Ở nhà hàng ấy chẳng bao giờ có quá đôi ba người. Số nhân viên phục vụ nhiều hơn số khách hàng. Vậy Eno thanh toán các hóa đơn như thế nào? Tổng chi phí thế nào? Thế chấp ra sao? Mọi thứ trong thị trấn cũng như vậy. Ông đã bao giờ trông thấy những hàng khách tấp nập ra vào bất kỳ cửa hiệu nào chưa?"

Finlay nghĩ về điều đó. Lắc đầu.

"Với tiệm cắt tóc này cũng vậy", tôi tiếp. "Tôi đã tới đây vào sáng Chủ nhật và sáng thứ Ba. Ông già cao tuổi hơn bảo tôi rằng giữa hai ngày đó họ không có khách hàng nào. Không có khách hàng nào trong vòng bốn mươi tám tiếng."

Đến lúc này thì tôi ngừng nói. Tôi nghĩ về điều khác mà ông già đã nói. Ông già xương xẩu đó. Đột nhiên tôi nghĩ về điều đó theo hướng mới.

"Ông già cắt tóc", tôi nói. "Ông ấy đã nói với tôi một chuyện. Rất kỳ quặc. Tôi nghĩ là ông ấy điên. Tôi hỏi ông ấy làm sao họ có thể kiếm sống khi không có khách hàng nào. Ông ấy bảo họ không cần khách hàng để sống do có tiền nhận từ Quỹ Kliner. Thế nên tôi hỏi tiền nào? Ông ấy nói là một ngàn đô. Ông già bảo rằng mọi người kinh doanh đều nhận tiền ấy. Thế nên tôi cho là ý ông ấy muốn nói tới một dạng trợ cấp kinh doanh, một ngàn đô một năm, đúng chứ?"

Finlay gật đầu. Nghe có vẻ đúng với ông.

"Lúc ấy tôi chỉ tán gẫu", tôi nói. "Kiểu như ông vẫn làm ở tiệm cắt tóc. Thế nên tôi bảo rằng một ngàn đô một năm thì tốt, nhưng sẽ không ngăn được cái đói, điều gì đó đại loại thế, phải không? Ông biết lúc ấy ông già nói gì không?"

Viên thám tử lắc đầu chờ đợi. Tôi tập trung vào việc nhớ chính xác những từ ông già cắt tóc đã

nói. Tôi muốn xem liệu Finlay có phủ nhận nó một cách dễ dàng như tôi đã làm hay không.

"Ông ấy làm ra vẻ đó là bí mật lớn," tôi nói. "Kiểu như ông ấy lờ lời khi đề cập chuyện đó. Ông ấy thì thâm với tôi. Ông già bảo rằng ông ấy không nên nói cho tôi, nhưng sẽ nói bởi tôi biết chị ông ấy."

"Ông biết chị ông ấy hả?" Finlay hỏi. Đầy ngạc nhiên.

"Không, tôi không biết. Ông ấy cứ lẩn thẩn thế nào ấy. Hôm Chủ nhật tôi đã hỏi ông ấy về Blake Mù, ông biết rồi đấy, nhạc công ghi ta già, và ông ấy bảo rằng sáu mươi năm trước chị gái ông ấy quen Blake. Kể từ khi ấy ông già lẩn lộn, chắc chắn nghĩ rằng tôi đã nói có quen biết chị ông ấy."

"Thế bí mật lớn là gì?"

"Ông ấy bảo không phải một ngàn đô một năm. Ông ấy nói là một ngàn đô một tuần".

"Một ngàn một tuần à? Một tuần hả? Có thể thế chẳng?"

"Tôi không biết," tôi nói. "Lúc ấy tôi cho là ông già điên. Nhưng bây giờ tôi nghĩ ông ấy nói sự thật."

"Một ngàn một tuần à?" Firtlay nhắc lại. "Đó là khoản trợ cấp kinh doanh kinh khủng. Thế là năm mươi hai ngàn đô một năm. Đó là khoản lớn lắm đấy, Reacher."

Tôi nghĩ về điều đó. Chỉ vào con số tổng trong bản kiểm tra sổ sách của Gray.

"Chúng cần những con số như thế," tôi nói. "Nếu đây là mức chúng tiêu, chúng sẽ cần tới số tiền như thế để trang trải toàn bộ."

Finlay đang trầm ngâm. Suy nghĩ kỹ về chuyện này. "Chúng đã mua đứt cả thị trấn", viên thám tử nói. "Một cách rất từ từ, rất nhẹ nhàng. Chỗ này chỗ kia, chúng đã mua cả thị trấn với giá một ngàn đô một tuần."

"Đúng. Quỹ Kliner đã trở thành con gà đẻ trứng vàng. Chẳng ai mao hiểm giết con gà đó. Họ ngâm miệng và làm ngơ trước bất cứ chuyện gì cần làm ngơ."

"Phải. Quỹ Kliner có thể thoát tội giết người".

Tôi nhìn Finlay.

"Chúng đã thoát tội giết người",

"Vậy chúng ta phải làm gì?" Finlay hỏi.

"Trước hết chúng ta tìm ra chính xác là chúng đang làm gì, tôi nói.

Viên thám tử nhìn như thể tôi điên.

"Chúng ta biết việc chúng đang làm, đúng không?" ông nói. "Chúng đang in cả đồng tiền trong nhà kho đó."

Tôi lắc đầu.

"Không, không phải. Không có hoạt động in tiền giả một cách nghiêm chỉnh ở nước Mỹ. Joe đã chặn đứng hoàn toàn việc ấy. Nơi duy nhất có hoạt động đó là nước ngoài."

"Vậy chuyện gì đang diễn ra? Tôi nghĩ chuyện này hoàn toàn liên quan tới tiền giả. Nếu như không thế thì tại sao Joe liên quan?"

Roscoe từ ghế băng cạnh cửa sổ nhìn sang chúng tôi. "Chuyện này hoàn toàn liên quan tới tiền giả", cô nói. "Em biết chính xác nó liên quan tới điều gì. Từng chi tiết nhỏ." Một tay cô giơ lên tập hồ sơ của Gray. "Một phần của câu trả lời nằm trong này," cô nói. Rồi tay kia giơ lên tờ nhật báo của hai ông già cắt tóc. "Và phần còn lại của câu trả lời nằm trong này," cô tiếp.

Finlay và tôi bước tới Roscoe bên ghế dài. Xem kỹ hồ sơ cô đang đọc. Đó là báo cáo trình sát. Gray đã nấp phía dưới giao lộ ở quốc lộ quan sát các xe tải vào ra khu nhà kho. Trong ba mươi hai ngày riêng rẽ. Kết quả được liệt kê một cách cẩn thận, chia làm ba phần. Trong mười một ngày đầu

tiên, Gray thấy mỗi ngày có một xe tải từ phía Nam tới, xuất hiện lúc sáng sớm. Trong suốt cả ngày ông thấy các xe tải chạy ra, hướng về phía Bắc và phía Tây. Gray đã liệt kê các xe tải đi căn cứ vào điểm đến bằng cách dựa vào biển đăng ký. Chắc chắn viên thám tử này đã dùng ống nhòm. Danh sách điểm đến trải khắp khu vực. Từ California lên mạn trên và tới tận Massachusens. Trong mười một ngày đầu tiên ấy, Gray đã ghi lại mười một xe tải tới và sáu mươi bảy chiếc chạy đi. Trung bình mỗi ngày một xe tới và sáu xe nhỏ chạy ra, có lẽ mỗi tuần một tấn hàng.

Mục đầu tiên trong bảng Gray liệt kê kết quả năm đầu tiên. Mục thứ hai liệt kê kết quả năm thứ hai. Ông đã bí mật thực hiện chín lần riêng rẽ. Gray đã quan sát thấy năm mươi ba xe tải chạy từ nhà kho đi, cũng sáu chiếc một ngày như trước đó, với danh sách điểm đến tương tự. Nhưng bảng theo dõi các xe tới thì khác. Trong nửa đầu tiên của năm, mỗi ngày một xe tới, như bình thường. Nhưng trong nửa cuối năm, lượng hàng chuyển tới tăng lên. Số xe lên tới hai xe mỗi ngày.

Mười hai ngày cuối của đợt trinh sát lại khác. Mười hai ngày này đều thuộc năm tháng cuối cùng trong cuộc đời Gray. Từ mùa thu năm ngoái tới tháng Hai năm nay, ông vẫn liệt kê mỗi ngày khoảng sáu chiếc xe tải chạy tới các điểm đến trên một phạm vi rộng như trước. Nhưng chẳng hề có xe nào đến. Chẳng một chiếc nào. Kể từ mùa thu năm ngoái, chỉ có đồ chuyển đi mà không có gì chuyển đến.

"Thế thì sao?" Finlay hỏi Roscoe.

Nữ cảnh sát ngồi thẳng lên mỉm cười. Cô đã suy luận ra hết.

"Rõ ràng rồi, đúng chứ?" cô nói. "Bọn chúng chuyển tiền giả vào đất nước này. Tiền được in ở Venezuela, ở một nơi Kliner đã xây dựng cùng nhà máy hóa chất mới của lão. Chúng được chở tới bằng tàu, rồi được xe chở từ Florida tới nhà kho ở Margrave. Rồi chúng dùng xe tải chở về phía Bắc và phía Tây, tới các thành phố lớn như Los Angeles, Chicago, Detroit, New York, Boston. Chúng bơm số tiền đó vào dòng tiền mặt ở các thành phố lớn. Đó là một mạng lưới phân phối tiền giả quốc tế. Thế rõ rồi, Finlay."

"Thật sao?" đội trưởng thám tử nói.

"Tất nhiên là thế. Hãy nghĩ về Sherman Stoller. Anh ta lái xe ngược xuôi tới Florida để đón chiếc tàu từ ngoài biển vào, đón ở Jacksonville Beach. Đang trên đường tới đón chiếc tàu đó thì anh ta bị bắt trên cầu do lỗi vượt tốc độ, đúng không? Đó là lý do Sherman kích động đến thế. Đó là lý do anh ta gọi được tay luật sư ngông cuồng nhanh đến thế, phải không?"

Finlay gật đầu.

"Tất cả đều khớp," Roscoe tiếp. "Hãy nghĩ về bản đồ nước Mỹ. Tiền được in ở Nam Mỹ, chuyển tới đây bằng đường biển. Cập bến ở Florida. Chạy lên phía Đông Nam, rồi được phân chia từ Margrave. Chảy về Los Angeles ở phía Tây, lên Chicago ở miền Trung, New York và Boston ở phía Đông. Nhiều nhánh riêng, đúng không? Nó giống như một cây đèn nến hay một cây đèn nhiều nhánh. Ông biết cây đèn nhiều nhánh là gì chứ?"

"Chắc chắn biết," Finlay đáp. "Đó là đèn nến có giá đỡ mà người Do Thái dùng."

"Đúng. Trên bản đồ sẽ như thế. Từ Florida về Margrave là thân. Rồi các nhánh riêng tỏa ra, vươn về các thành phố lớn, Los Angeles lên Chicagro tới Boston. Đó là một mạng lưới nhập khẩu đấy, Finlay."

Roscoe đang hỗ trợ Finlay rất nhiều. Đôi tay cô đang vẽ trong không khí các hình đèn nến nhiều nhánh. Tôi thấy có thể hiểu cách bố trí theo đặc điểm địa lý. Có lý. Một dòng hàng nhập khẩu, chuyển bằng xe tải lên phía Bắc, từ Florida. Nó cần dùng hệ thống quốc lộ quanh Atlanta để chia thành các nhánh và hướng về các thành phố lớn ở phía Bắc và phía Tây. Ý tưởng về cây đèn nến nhiều nhánh thật hay. Nhánh trái của cây đèn nến sẽ phải uốn cong theo hướng nằm ngang, để vươn tới Los Angeles.

Kiểu như ai đó đánh rơi thứ gì đó và người khác vô tình giẫm lên. Nhưng ý tưởng ấy có lý. Gần như chắc chắn Margrave là điểm chốt. Gần như chắc chắn nhà kho ấy thực sự là trung tâm phân phối. Cách bố trí theo đặc điểm địa lý phù hợp. Dùng một nơi khi họ còn gầy như Margrave làm trung tâm phân phối là điều thật khôn ngoan. Và chúng sẽ có một số lượng tiền mặt khổng lồ. Điều đó thì chắc chắn. Tiền giả, nhưng sẽ tiêu như tiền thật. Và có rất nhiều. Bọn chúng vận chuyển mỗi tuần một tấn. Đó là hoạt động mang tính công nghiệp. Cực lớn. Điều đó lý giải cho những khoản chi khổng lồ của Quỹ Kliner. Nếu có bất kỳ khi nào thiếu tiền, bọn chúng sẽ in thêm. Nhưng Finlay vẫn chưa tin.

"Thế còn mười hai tháng qua thì sao?" ông nói. "Không hề có đợt nhập nào. Hãy xem bảng liệt kê của Gray. Các đợt chuyển hàng tới không diễn ra. Chúng đã ngừng cách đây đúng một năm. Nhưng chúng vẫn đang phân phối thứ gì đó. Mỗi ngày vẫn có sáu xe tải chạy đi. Không có gì đến nhưng một ngày sáu xe chạy đi à? Thế nghĩa là gì? Đó là dòng hàng nhập nào?"

Roscoe chỉ nhảu nhử với Finlay và cầm tờ báo lên.

"Câu trả lời nằm trong này," cô nói. "Nó đã được đăng trên báo từ thứ Sáu. Lực lượng Bảo vệ Bờ biển. Tháng Chín năm ngoái họ đã bắt đầu chiến dịch lớn chống buôn lậu, đúng chứ? Trước đó đã có rất nhiều thông tin công khai. Chắc chắn Kliner phải biết chuyện ấy sắp diễn ra. Thế nên hắn tích trữ hàng trước. Thấy bản liệt kê của Gray không?"

Trong vòng sáu tháng trước tháng Chín năm ngoái, hắn đã cho tăng gấp đôi lượng hàng chuyển đến. Hắn đã tích trữ hàng trong nhà kho đó. Hắn tiếp tục phân phối suốt cả năm. Đó là lý do chúng lo sợ bị bại lộ. Chúng đã ngồi trên một đồng tiền giả khổng lồ suốt một năm. Bây giờ Lực lượng Bảo vệ Bờ biển sắp ngừng chiến dịch của họ, đúng không? Thế nên chúng lại có thể nhập hàng như bình thường. Đó là điều sắp diễn ra vào Chủ nhật. Đó là ý cô Molly tội nghiệp muốn nói khi bảo rằng chúng ta phải đợt nhập vào đó trước Chủ nhật. Chúng ta phải đợt nhập nhà kho đó khi số tiền giả còn lại vẫn nằm trong ấy."

Finlay gật đầu. Ông đã tin. Rồi viên thám tử mỉm cười. Ông rời chiếc ghế băng bên cửa sổ tiệm cắt tóc và đứng dậy nắm lấy bàn tay của Roscoe. Bắt tay rất trang trọng.

"Làm rất tốt", ông nói với Roscoe. "Phân tích một cách hoàn hảo. Tôi luôn nói là cô giỏi, Roscoe. Phải không Reacher? Tôi đã chẳng bảo ông cô ấy là người giỏi nhất chúng tôi có còn gì?"

Tôi gật đầu mỉm cười còn Roscoe đỏ mặt. Finlay vẫn cầm tay cô mà cười. Nhưng tôi có thể thấy rằng ông vẫn lướt đi lướt lại giả thuyết Roscoe đưa ra để tìm những chỗ chưa phù hợp. Ông chỉ tìm ra hai điểm.

"Thế còn Hubble?" ông hỏi. "Anh ta nằm ở đâu? Bọn chúng sẽ không tuyển một giám đốc ngân hàng chỉ để bốc hàng lên xe tải, phải không?"

Tôi lắc đầu.

"Hubble trước đây là giám đốc tiền tệ," tôi nói. "Anh ta có mặt ở đó để giải quyết chỗ tiền giả. Anh ta bơm chúng vào hệ thống. Anh ta biết chỗ nào có thể nhét vào. Nơi nào cần tới chúng. Giống như công việc cũ của Hubble nhưng theo hướng ngược lại."

Finlay gật đầu.

"Thế còn các máy điều hòa nhiệt độ thì sao?" ông hỏi.

"Sherman chở chúng tới Florida. Người phụ nữ đã bảo hai người như vậy. Chúng ta biết điều đó có thật bởi hai người đã nhìn thấy hai thùng bằng bìa cứng trong ga ra nhà cô ta. Và khi cảnh sát Jacksonville lục soát thì xe tải của anh ta xếp đầy thùng đựng điều hòa nhiệt độ. Toàn bộ chuyện đó là thế nào?"

"Tôi cho là hoạt động kinh doanh hợp pháp," tôi nói. "Như vỏ bọc. Nó che giấu phần phi pháp. Như lớp ngụy trang. Nó lý giải cho những chuyến xe tải đi về Florida. Nếu không chúng sẽ phải chạy xe rỗng khi xuống phía Nam".

Finlay gật đầu.

"Tôi nghĩ đó là hành động khôn ngoan", ông nói. "Không chạy xe rỗng. Có thể hiểu được. Bán vài máy điều hòa nhiệt độ, cả hai chiều đều kiếm được tiền, đúng không?"

Viên thám tử gật đầu lần nữa và bỏ tay Roscoe ra.

"Ta cần một số mẫu tiền", ông nói.

Tôi mỉm cười với Finlay. Đột nhiên tôi nhận ra điều gì đó.

"Tôi có một số mẫu," tôi nói. Rồi tôi thò tay vào túi rút ra cuộn dày những tờ một trăm đô. Lôi một tờ từ mặt trước và một tờ từ mặt sau cuộn tiền. Đưa hai tờ giấy bạc cho Finlay.

"Đây là tiền giả của chúng à?" đội trưởng thám tử hỏi.

"Phải là thế," tôi nói. "Charlie Hubble đã đưa tôi một tập một trăm đô để chi trả. Có lẽ cô ta đã nhận từ tay Hubble. Rồi tôi lấy một tập khác từ những kẻ đã tìm kiếm tôi hôm thứ Ba."

"Và điều đó có nghĩa chúng là tiền giả hả? Tại sao?"

"Nghĩ về chuyện đó đi. Kliner cần tiền để hoạt động, vì sao hắn lại dùng tiền thật chứ? Tôi cá là hắn trả cho Hubble tiền giả. Và tôi cá là hắn cũng trả tiền giả cho hai thằng từ Jacksonville để thực hiện công việc."

Finlay cầm hai tờ tiền giơ lên chỗ nhiều ánh sáng ở cửa sổ. Roscoe và tôi đứng sát ông để xem.

"Anh chắc không?" Roscoe nói. "Em thấy chúng giống tiền thật."

"Đó là tiền giả," tôi đáp. "Phải thế. Như thế mới có lý, đúng không? Tiền mệnh giá một trăm đô

là loại bọn làm giả thích in. Bất kỳ loại nào mệnh giá lớn hơn đều khó thành công, bất kỳ loại nào giá trị thấp hơn đều không bỏ công. Và tại sao chúng lại tiêu tiền thật khi chúng có nhiều xe tiền giả trong tay?"

Chúng tôi nhìn những tờ tiền. Ngắm nghía, sờ mó, ngửi, miết chúng giữa các ngón tay. Finday mở ví lấy ra một tờ một trăm đô của mình. Chúng tôi so sánh ba tờ tiền. Đưa qua đưa lại. Không thể thấy chút khác biệt nào.

"Nếu đây là tiền giả thì chúng thật quá cừ," ông nói. "Nhưng điều hai người nói có lý. Có lẽ toàn bộ Quỹ Kliner hoạt động nhờ tiền giả. Hàng triệu đô mỗi năm."

Viên thám tử cất tờ tiền của mình vào ví. Nhét hai tờ bạc giả vào túi.

"Tôi sẽ trở lại đồn", ông nói. "Ngày mai hai người tới nhé, tầm trưa ấy. Teale sẽ đi ăn trưa. Chúng ta sẽ bắt đầu từ đó."

Roscoe và tôi chạy xe về phía Nam năm mươi dặm, tới Macon. Tôi muốn liên tục di chuyển. Đó là nguyên tắc cơ bản về đảm bảo an toàn. Liên tục di chuyển. Chúng tôi chọn một motel vô danh ở rìa Nam Macon. Cách xa Margrave hết mức có thể khi ở Macon, thành phố nằm chắn giữa chúng tôi và kẻ thù của mình. Lão già thị trưởng Teale đã nói rằng một motel ở Macon sẽ hợp với tôi. Đêm nay lão đúng.

Chúng tôi tắm nước lạnh và ngã vật xuống giường. Chìm vào giấc ngủ chập chờn. Chúng tôi trở mình gần cả đêm. Không chịu được và tỉnh lại cùng bình minh. Đứng trong phòng ngáp trong ánh sáng nhập nhòa. Sáng thứ Năm. Cảm giác như chúng tôi chưa ngủ chút nào. Chúng tôi

lần mò xung quanh và mặc quần áo trong bóng tối. Roscoe mặc bộ sắc phục vào. Tôi mặc bộ đồ cũ của mình. Tôi cho là sẽ phải sớm mua ít đồ mới. Tôi sẽ làm việc ấy bằng chỗ tiền giả của Kliner.

"Anh sẽ làm gì?" Roscoe hỏi.

Tôi không trả lời. Tôi đang nghĩ về chuyện khác.

"Reacher?" Roscoe gọi. "Anh sẽ làm gì với toàn bộ chuyện này?"

"Gray đã làm gì?"

"Ông ấy đã treo cổ."

Tôi nghĩ thêm một chút.

"Có thực sự thế không?" tôi hỏi.

Chỉ có sự im lặng.

"Ôi Chúa ơi," Roscoe nói. "Anh nghi ngờ chuyện đó à?"

"Có thể. Hãy nghĩ về chuyện ấy đi. Giả sử ông ấy gặp phải một trong số bọn chúng thì sao? Giả sử ông ấy bị phát hiện mò mẫm ở nơi ông ấy không nên tới thì sao?"

"Anh nghĩ là bọn chúng giết ông ấy à?" trong giọng nói của Roscoe pha sự hoảng hốt.

"Có thể", tôi lặp lại. "Anh nghĩ chúng giết Joe, Stoller, vợ chồng Morrison, Hubble và Molly Beth Gordon. Anh nghĩ bọn chúng đã cố gắng giết em và anh. Nếu ai đó là mối đe dọa, bọn chúng sẽ giết người đó. Đó là kiểu hoạt động của Kliner"

Roscoe im lặng một lúc. Nghĩ về đồng nghiệp cũ của mình. Gray, viên thám tử khắc khổ và kiên nhẫn. Hai mươi năm làm việc đầy tỉ mỉ. Một người như thế là mối đe dọa. Một người dành ba mươi hai ngày đầy kiên nhẫn để xác minh về một mối nghi ngờ là mối đe dọa. Roscoe ngược lên gật đầu.

"Bọn chúng đã xử ông ấy," tôi nói. "Làm cho giống như tự sát."

"Em không thể tin chuyện đó," Roscoe nói.

"Có phẫu thuật tử thi chứ?"

"Em nghĩ là có."

"Vậy thì bọn mình sẽ kiểm tra xem," tôi nói. "Bọn mình sẽ phải nói chuyện với viên bác sĩ đó lần nữa. Dưới Yellow Springs ấy."

"Nhưng nếu có thì ông ấy đã nói, đúng không? Nếu ông ấy nghi ngờ, hẳn là khi đó ông ấy phải nêu ra chứ?"

"Ông ấy sẽ nêu ra với Morrison," tôi giải thích. "Morrison sẽ lờ đi hoàn toàn. Bởi trước tiên người của lão đã gây ra việc ấy. Chúng ta sẽ phải tự xác minh."

Roscoe run lên.

"Em đã có mặt ở lễ tang ông ấy", cô nói. "Tất cả bọn em đều có mặt. Đoàn trưởng đã có một bài phát biểu trên bãi cỏ phía ngoài nhà thờ. Thị trưởng Teale cũng vậy. Chúng nói rằng ông ấy là sĩ quan giỏi. Chúng nói ông ấy là người giỏi nhất của Margrave. Nhưng chúng đã giết ông ấy."

Roscoe nói những lời đó với rất nhiều cảm xúc. Cô đã yêu quý Margrave. Gia đình nữ cảnh sát đã cần cù làm việc ở đây suốt nhiều thế hệ. Cô đã bắt rễ vào nơi này. Cô đã thích công việc của mình. Yêu thích cảm giác đóng góp. Nhưng cộng đồng mà Roscoe đang phục vụ đã mục ruỗng. Nó đã trở nên bẩn thỉu và thối nát. Nó không còn là một cộng đồng. Nó là một bầy đàn, đâm mình trong máu và tiền bẩn. Tôi ngồi quan sát thế giới của Roscoe vỡ tan thành từng mảnh.

Chúng tôi chạy về phía Bắc, trên con đường nối giữa Macon và Margrave. Đến nửa đường, Roscoe ngoặt sang tay phải, chúng tôi hướng về phía Yellow Springs theo một đường phụ. Về phía bệnh viện. Tôi đói. Chúng tôi chưa ăn sáng. Không phải trạng thái tốt nhất để thăm lại nhà xác. Chúng tôi rẽ vào bãi đỗ xe của bệnh viện. Chầm chậm chạy qua các gờ giảm tốc rẽ về phía sau. Đậu xe cách cửa cuốn bằng kim loại một chút.

Chúng tôi ra khỏi xe. Sải chân theo một đường vòng tới cửa. Mặt trời đang khiến ngày ảm lên. Ở ngoài trời sẽ dễ chịu. Nhưng chúng tôi chui vào tìm viên bác sĩ. Chúng tôi tìm thấy ông trong phòng làm việc tồi tàn. Ông đang ngồi bên chiếc bàn sút. Vẫn trông mệt mỏi. Vẫn mặc áo choàng trắng. Ông ngược lên gạt đầu ra hiệu cho chúng tôi vào trong.

"Chúc buổi sáng tốt lành, hai bạn", ông nói. "Tôi có thể giúp gì hai bạn?"

Chúng tôi ngồi xuống đúng những chiếc ghế đã ngồi hôm thứ Ba. Tôi tránh xa máy fax. Tôi nhường phần nói chuyện cho Roscoe. Như thế thì tốt hơn. Xét về mặt chính thống thì tôi không có cương vị gì.

"Tháng Hai năm nay," cô nói. "Đội trưởng thám tử của tôi ở Margrave đã tự sát. Ông nhớ không?"

"Đó là người tên Gray hả?" bác sĩ pháp y hỏi.

Roscoe gạt đầu, viên bác sĩ đứng dậy bước vòng qua một tủ hồ sơ. Kéo một ngăn ra. Ngăn kéo chặt, kêu rít lên. Vị bác sĩ miết ngón tay trên các hồ sơ về phía sau. "Tháng Hai", ông nói. "Gray." Ông lôi một hồ sơ ra cầm trở về bàn. Ném lên chỗ giấy thấm. Nặng nề ngồi xuống mở ra. Đó là một hồ sơ mỏng. Trong đó không có gì nhiều.

"Gray," bác sĩ nhắc lại. "Có, tôi nhớ người này. Treo cổ, đúng không? Trường hợp đầu tiên chúng tôi gặp ở Margrave sau ba mươi năm. Tôi đã được gọi tới nhà ông ấy. Trong ga ra phải không? Treo trên xà nhĩ?"

"Đúng thế," Roscoe nói. Rồi cô lặng thinh.

"Vậy tôi có thể giúp được gì hai người?"

"Chuyện đó có gì không ổn không?" Roscoe hỏi.

Viên bác sĩ nhìn tập hồ sơ. Lật một trang.

"Người này tự treo cổ, luôn có gì không ổn với chuyện đó," ông nói.

"Có gì đặc biệt không ổn về chuyện ấy không?" tôi lên tiếng.

Vị bác sĩ chuyển ánh nhìn mệt mỏi từ Roscoe qua tôi.

"Đáng nghi hả?" ông hỏi lại. Ông gần như lặp lại nụ cười hôm thứ Ba.

"Chuyện đó có gì đáng ngờ không?" tôi hỏi.

Bác sĩ lắc đầu.

"Không. Tự sát bằng cách treo cổ. Đơn thuần là vậy. Ông ấy đứng trên một chiếc ghế trong ga ra. Tự làm cho mình một thùng lọng, nhảy khỏi chiếc ghế. Mọi thứ đều khớp với nhau. Chúng tôi có thông tin về bối cảnh do lực lượng sở tại cung cấp. Tôi không thể thấy có vấn đề gì."

"Thông tin về bối cảnh nào?" Roscoe hỏi.

Ánh nhìn của bác sĩ lại quay về phía Roscoe. Ông liếc qua hồ sơ.

"Ông ấy bị trầm cảm", vị bác sĩ nói. "Đã bị một thời gian. Đêm xảy ra vụ việc, ông ấy ra ngoài uống rượu với sếp của mình, chính là ông Morrison mà chúng tôi mới đưa vào đây, cùng thị trưởng nơi đó, một tay tên Teale. Ba người đó cùng chôn vùi nỗi buồn về vụ án nào đó Gray không xử lý được. Gray say nên hai người kia phải đưa ông ấy về. Họ đưa ông ấy vào trong nhà rồi để ông ấy đó. Chắc hẳn viên cảnh sát ấy cảm thấy không được ổn. Ông ấy ra ga ra rồi treo cổ."

"Thông tin là thế hả?" Roscoe nói.

"Morrison đã ký vào một bản tường trình," viên bác sĩ nói "Ông ấy thực sự đau buồn. Cảm thấy rằng lẽ ra ông ấy nên làm việc gì đó, các vị biết đấy, chẳng hạn ở lại bên Gray hoặc gì đó."

"Ông thấy chuyện đó ổn không?"

"Tôi chẳng hề biết Gray. Khu này làm việc với cả chục cơ quan cảnh sát. Trước đó tôi chưa từng gặp ai từ Margrave. Một nơi thật yên bình, phải không? Ít ra thì cũng từng thế."

Nhưng điều xảy ra với người này khớp với điều thường xảy ra. Rượu vào khiến người ta làm nhiều chuyện".

"Có vết tích cụ thể nào trên cơ thể không?" tôi hỏi.

Bác sĩ pháp y nhìn lại hồ sơ. Rồi ngó qua tôi.

"Thi thể đầy mùi rượu whisky," ông nói. "Một số vết bầm còn mới trên cẳng tay và cánh tay trên. Phù hợp với việc được hai người đàn ông dìu về nhà khi ông ấy say rượu. Tôi không thể thấy có vấn đề gì."

"Các ông đã mổ tử thi chứ?" Roscoe hỏi.

Vị bác sĩ lắc đầu.

"Không cần thiết," ông đáp. "Vụ này không có gì mờ ám, với lại chúng tôi rất bận rộn. Như tôi đã nói, dưới này chúng tôi có nhiều vụ để lo hơn những trường hợp tự sát ở Margrave. Vào tháng Hai, chúng tôi tiếp nhận thi thể từ khắp nơi. Ngập tạt cổ. Đồn trưởng Morrison đề nghị hạn chế tối đa rắc rối. Tôi nghĩ ông ấy đã gửi cho chúng tôi một lá thư tay. Nói rằng vụ này nhạy cảm. Không muốn để gia đình Gray biết rằng ông ấy đã say bét. Muốn giữ danh dự cho ông ấy. Chuyện đó với tôi thì thoải mái thôi. Tôi không thể thấy có vấn đề gì, và chúng tôi rất bận rộn, thế nên tôi để cho cái xác được hỏa táng ngay."

Roscoe và tôi ngồi nhìn nhau. Vị bác sĩ quay lại tủ cất tập hồ sơ đi. Đóng ngăn kéo lại với một tiếng rít.

"Được rồi chứ hai bạn?" ông nói. "Xin phép các bạn, tôi có việc phải làm."

Chúng tôi gật đầu nói lời cảm ơn. Rồi cả hai ra khỏi phòng làm việc chật chội. Trở lại với ánh

năng thu âm áp. Đứng chớp chớp mắt. Chúng tôi không nói chuyện. Roscoe quá căm giận. Cô vừa mới nghe về chuyện người bạn cũ của mình bị giết.

"Anh rất tiếc", tôi nói.

"Từ đầu đến cuối là một câu chuyện vớ vẩn", cô nói. "Không có chuyện ông ấy không xử lý được một vụ án. Ông ấy chưa bao giờ thất bại với vụ nào. Gray không bị trầm cảm nặng. Và ông ấy không uống rượu. Chưa bao giờ uống một giọt nào. Thế nên chắc chắn ông ấy không say. Và chẳng bao giờ ông ấy cời mở với Morrison. Hoặc lão thị trưởng chết giẫm. Không thể thế. Gray không thích bọn chúng. Có sống cả triệu năm ông ấy cũng chẳng có một buổi gần gũi với hai tay ấy. Và ông ấy không có gia đình. Thế nên toàn bộ nội dung về gia đình ông ấy, sự nhạy cảm hay danh dự hoàn toàn là điều vớ vẩn hết. Bọn chúng đã giết ông ấy rồi cung cấp thông tin láo cho bác sĩ pháp y nên ông ấy không thẩm tra kỹ."

Tôi ngồi trong xe để cho cơn giận dữ thoát ra khỏi Roscoe. Rồi cô ngồi lặng thinh. Cô đang nghĩ chúng đã làm việc ấy như thế nào.

"Anh nghĩ đó là bàn tay của Morrison và Teale chứ?" Roscoe hỏi.

"Và một kẻ khác", tôi đáp. "Có ba tên dính vào. Anh cho là ba tên đó đến nhà Gray rồi gõ cửa. Gray mở cửa và Teale rút súng ra. Morrison cùng tên thứ ba túm lấy ông ấy và giữ hai cánh tay. Thành ra mới có vết bầm. Có thể Teale dốc một chai whisky vào họng ông ấy hoặc ít nhất cũng vẩy nó lên khắp quần áo Gray. Chúng lôi Gray tới ga ra rồi treo cổ ông ấy."

Roscoe mở máy đánh xe ra khỏi bãi đỗ của bệnh viện. Cô chậm chậm chạy qua các gờ giảm tốc. Rồi bẻ lái phóng vút theo con đường xuyên qua vùng nông thôn về phía Margrave.

"Bọn chúng đã giết ông ấy," cô nói. Một lời tuyên bố đơn giản. "Như chúng đã giết Joe. Em nghĩ là em biết anh cảm thấy thế nào."

Tôi gật đầu.

"Chúng sẽ phải trả giá cho việc ấy," tôi nói. "Cho cả hai vụ."

"Em cá là thế",

Chúng tôi đột nhiên im lặng. Chạy nhanh theo hướng Bắc một lúc rồi rẽ vào tỉnh lộ. Thẳng mười hai dặm lên Margrave.

"Tội nghiệp Gray," Roscoe nói. "Em không thể tin được chuyện đó. Ông ấy rất khôn ngoan, rất cẩn trọng".

"Không đủ khôn ngoan," tôi nói. "Hoặc đủ cẩn trọng. Chúng ta phải nhớ điều đó. Em biết các nguyên tắc, đúng không? Đừng ở một mình. Nếu thấy kẻ nào đó tới, hãy chạy như ma đuổi. Hoặc bắn tên khôn kiếp. Hãy bám dính Finlay nếu có thể, được chứ?"

Roscoe đang tập trung lái xe. Cô chạy nhanh hết mức theo con đường thẳng tắp. Nghĩ về Finlay.

"Finlay," cô nhắc lại. "Anh biết em không thể tìm ra gì không?"

Điều gì?"

"Hai tên đó, đúng không? Teale và Morrison. Chúng điều hành thị trấn phục vụ cho Kliner. Chúng điều hành đồn cảnh sát. Hai tên này điều hành mọi chuyện. Đội trưởng thám tử của chúng là Gray. Một người có tuổi, có cái đầu thông thái, khôn ngoan và cứng đầu. Ông ấy đã làm việc được hai mươi lăm năm, khá lâu trước khi hoạt động bắn thiêu này bắt đầu. Chúng phải nhận Gray và không thể rũ bỏ ông ấy. Thế là ta đủ chắc chắn rằng một ngày kia viên thám tử thông minh và cứng đầu của chúng đánh hơi được việc đó. Ông phát hiện thấy chuyện gì đó đang diễn ra. Và chúng phát hiện thấy rằng ông ấy đã phát hiện ra. Vậy nên chúng gạt ông ấy khỏi đường mình. Chúng giết ông để đảm bảo mọi chuyện an toàn. Rồi chúng làm gì tiếp nữa?"

"Tiếp đi," tôi nói.

"Chúng tuyển một tay thể chân. Finlay, từ Boston. Một tay thậm chí còn khôn ngoan hơn và cứng đầu hơn cả Gray. Vì lý do quái quỷ nào mà chúng làm thế? Nếu Gray là mối đe dọa với chúng thì Finlay còn nguy hiểm gấp đôi. Thế tại sao chúng làm vậy? Tại sao chúng thuê một người thậm chí thông minh hơn người trước đó?"

"Cái đó dễ hiểu thôi. Chúng nghĩ rằng Finlay thực sự ngu dốt."

"Ngu dốt à? Thế nào mà chúng có thể suy nghĩ như vậy?"

Vì thế tôi kể cho Roscoe câu chuyện Finlay đã kể cho tôi trong lúc ăn bánh rán ở cửa hàng tiện ích hôm thứ Hai. Về vụ ly hôn của ông. Về tình trạng tinh thần của ông hồi ấy. Ông đã nói gì? Ông ấy là một gã thần kinh. Một kẻ đàn độn. Nói lắp ba lắp bắp.

"Đồn trưởng Morrison và thị trưởng Teale đã phỏng vấn ông ấy," tôi kể với Roscoe. "Ông ấy nghĩ đó là trường hợp xin việc tệ hại nhất trong lịch sử. Ông ấy nghĩ mình thể hiện như một gã đàn độn. Ông ấy hoàn toàn bất ngờ khi chúng giao vị trí ấy cho mình. Giờ thì anh đã hiểu tại sao chúng làm thế. Thực sự là khi ấy chúng đang tìm một tên ngu đàn."

Roscoe bật cười. Điều đó khiến tôi cảm thấy khá hơn.

"Chúa ơi," cô nói. "Thế thật mỉa mai. Hẳn là chúng đã ngồi lại lên kế hoạch cho việc ấy. Gray là vấn đề, chúng đã nói thế. Chúng bảo rằng nên thay ông ấy bằng một thằng ngốc. Nên chọn ứng viên tệ nhất nộp đơn, chúng nói thế."

"Đúng," tôi nói. "Và chúng đã làm thế. Chúng đã chọn một tên đàn đang bị sốc từ Boston tới. Nhưng đến khi có mặt để làm việc, Finlay đã bình tĩnh lại và trở lại là một kẻ điềm tĩnh, thông minh như ông ấy vốn thế."

Điều ấy khiến Roscoe mỉm cười suốt chặng đường dài hai dặm. Rồi chúng tôi chạy theo đường hoi dốc lên và bắt đầu đổ theo con dốc dài vào Margrave. Chúng tôi căng lên. Như tiến vào chiến trường. Chúng tôi đã ra khỏi nơi đó một thời gian. Trở lại nơi này chẳng thấy ổn chút nào. Tôi đã nghĩ mình sẽ cảm thấy khá hơn khi nhận mặt được các đối thủ. Nhưng sự thật không như tôi trông đợi. Không phải tôi đấu với chúng, ở một hoàn cảnh trung lập. Hoàn cảnh không trung lập. Hoàn cảnh chính là đối thủ. Toàn bộ thị trấn nằm ở phía đó. Toàn bộ nơi này đã bị mua, đã được trả tiền. Chẳng ai trung lập.

Chúng tôi lao nhanh xuống con dốc với tốc độ bảy mươi dặm một giờ, về phía một đám lộn xộn đầy nguy hiểm. Nguy hiểm hơn tôi nghĩ. Khi đến ranh giới thị trấn, Roscoe giảm tốc độ. Chiếc Chevy đồ sộ nhẹ nhàng lướt vào lớp thảm trải đường mượt như cỏ của Margrave. Bụi sơn thù du và mọc lan hai bên đường đã được thay thế bằng những bãi cỏ mượt cùng các bụi anh đào cảnh, những loài có thân mịn bóng. Như thể lớp vỏ được đánh bóng bằng tay. Ở Margrave thì có thể thế thật. Có lẽ Quỹ Kliner đang trả mức lương hậu hĩnh cho một người để làm việc ấy.

Chúng tôi chạy qua các dãy cửa hiệu gọn gàng, tất cả đều trống không và đầy mẫn nguyện, sống dựa vào khoản thu nhập một ngàn đô mỗi tuần mà chẳng hề mất công sức. Chúng tôi vòng qua bãi cỏ có tượng của Caspar Teale. Lướt qua chỗ rẽ tới nhà của Roscoe với cánh cửa trước đã bị phá khóa. Qua tiệm cà phê. Qua những ghế băng dưới các mái hiên đẹp đẽ. Qua khu đất trồng cây xanh vốn là chỗ của các quán bar và nhà trọ thời Margrave còn tử tế. Rồi tới đồn. Chúng tôi ngoặt vào bãi đỗ đậu xe ở đó. Chiếc Bentley của Charlie Hubble vẫn nằm nguyên chỗ tôi bỏ nó lại.

Roscoe tắt máy, chúng tôi ngồi yên một phút. Không muốn ra khỏi xe. Bọn tôi nắm tay nhau, tay phải Roscoe và tay trái của tôi. Một cử chỉ nhanh gọn chúc may mắn. Chúng tôi ra khỏi xe. Vào trận chiến.

Trụ sở đông lạnh, không có ai trừ Baker đang ngồi bên bàn và Finlay đang ra khỏi căn phòng nhiều gỗ hồng sắc ở phía sau. Ông trông thấy hai chúng tôi thì vội vã bước tới.

"Mười phút nữa Teale sẽ quay về," ông nói. "Và chúng ta có một vấn đề nhỏ." Đội trưởng thám tử đẩy chúng tôi trở lại phòng. Chúng tôi đi vào, ông khép chặt cửa.

"Picard đã gọi," Finlay nói.

"Có chuyện gì thế?" tôi hỏi.

"Chuyện nhà mật. Charlie và bọn trẻ đang ăn náu ở đâu? Việc này vẫn phải mang tính không chính thức, đúng không?"

"Ông ấy đã bảo tôi như thế," tôi nói. "Ồ đó ông ấy không được hỗ trợ."

"Chính xác. Đó là vấn đề. Ông ấy không thể bố trí người cho nơi đó. Picard muốn có người ở đó cùng Charlie. Ông ấy đang tự thực hiện nhiệm vụ. Nhưng ông ấy không thể làm thế thêm nữa. Không thể dành thêm chút thời gian nào cho công việc bên ngoài. Và Picard cảm thấy rằng làm thế cũng không hay lắm, hai người biết đấy, Charlie là phụ nữ, rồi còn con bé, rồi mọi thứ. Đứa trẻ sợ ông ấy." Finlay nhìn qua phía Roscoe. Cô đã hiểu câu chuyện đang dẫn tới đâu.

"Ông ấy muốn tôi tới đó à?" Roscoe hỏi.

"Chỉ trong vòng hai mươi tư giờ thôi. Đó là điều ông ấy yêu cầu. Cô sẽ làm việc đó cho ông ấy chứ?"

Roscoe nhún vai. Mỉm cười.

"Tất nhiên tôi sẽ làm. Không vấn đề. Tôi có thể dành ra một ngày. Miễn là ông hứa sẽ đưa tôi trở lại khi trò vui bắt đầu, OK chứ?"

"Chuyện đó có tính tự động," Finlay nói. "Trò vui không thể bắt đầu cho tới lúc chúng ta có được chi tiết, và ngay khi chúng ta có được chi tiết, Picard sẽ đưa vấn đề ra công khai, điều các đặc vụ của ông ấy tới nhà mật. Cô trở về đây",

"OK. Khi nào tôi đi?"

"Ngay bây giờ. Picard sẽ có mặt ở đây bất kỳ lúc nào".

Roscoe nhăn nhó với đội trưởng thám tử.

"Thế là ông đã nghĩ rằng tôi sẽ đồng ý à?"

Finlay cười lại với cô.

"Như tôi đã bảo với Reacher," ông nói, "cô là người giỏi nhất chúng tôi có."

Roscoe và tôi qua phòng họp rồi bước qua cửa kính ra ngoài. Cô nhắc chiếc va li để trong chiếc Chevy ra đặt lên vỉa hè.

"Em đoán sẽ gặp lại anh ngày mai," Roscoe nói.

"Em sẽ ổn chứ?"

"Chắc chắn. Em sẽ ổn. Không thể có chỗ nào an toàn hơn nhà mật của FBI, đúng không? Nhưng em sẽ nhớ anh đấy, Reacher. Em không biết sử dụng thời gian thế nào khi bọn mình xa nhau."

Tôi bóp nhẹ tay Roscoe. Cô hôn vào má tôi. Chỉ kiễng người hôn nhẹ. Finlay đẩy mở cửa đông. Tôi nghe tiếng mút của lớp doăng cao su. Viên thám tử thò đầu ra gọi Roscoe.

"Cô nên cập nhật tình hình cho Picard, được chứ?"

Roscoe gật đầu. Rồi chúng tôi đứng đợi trong nắng. Không phải chờ lâu. Chỉ vài phút sau, chiếc sedan xanh nước biển của Picard phóng vút vào bãi đỗ. Dừng khựng lại ngay cạnh chúng tôi. Người đàn ông to lớn gập người để ra khỏi xe và đứng dậy. Gần như che lấp ánh mặt trời.

"Tôi rất cảm ơn về chuyện này, Roscoe," viên đặc vụ nói với cô. "Thực sự là cô đang giúp đỡ tôi."

"Không có gì", Roscoe nói. "Ông cũng đang giúp đỡ chúng tôi, phải không? Chỗ tôi sắp tới ở đâu thế?"

Picard nhăn nhó nở nụ cười đầy lúng túng. Hất đầu về phía tôi.

"Tôi không thể nói chỗ đó ở đâu", ông ta bảo Roscoe. "Không thể nói trước mặt dân thường, đúng chứ? Lúc này tôi đã vượt ranh giới rồi. Và tôi sẽ phải yêu cầu cô sau đó không được kể lại với anh ấy, được không. Còn Reacher, đừng ép cô ấy hay Charlie nói về chỗ đó, được chứ?"

"OK," tôi nói. "Tôi sẽ không ép cô ấy kể về chỗ đó. Kiểu gì cô ấy cũng nói cho tôi thôi."

"Tốt," Picard nói.

Ông gật đầu, cử chỉ tạm biệt đầy vẻ bận rộn và xách chiếc va li của Roscoe lên. Ném vào ghế sau xe. Rồi cả hai vào chiếc sedan xanh nước biển khởi hành. Vòng ra khỏi bãi đỗ hướng về phía Bắc. Tôi vẫy tay tạm biệt cả hai. Rồi chiếc xe mất hút.

Các chi tiết. Thu thập chứng cứ. Dò xét. Đó là những việc cơ bản. Ta phải ngồi yên quan sát đủ lâu, đủ kỹ để có được những điều ta cần. Trong lúc Roscoe pha cà phê cho Charlie Hubble, Finlay ngồi trong căn phòng đầy gỗ hồng sắc thì tôi sẽ phải quan sát những hoạt động của nhà kho. Đủ lâu và đủ kỹ cho tới khi tôi cảm nhận được chính xác cách chúng làm. Việc ấy có thể khiến tôi mất hai mươi bốn giờ. Có thể Roscoe trở về trước khi tôi xong việc.

Tôi vào chiếc Bentley chạy mười bốn dặm tới giao lộ. Khi qua khu nhà kho, tôi giảm tốc độ. Tôi cần tìm ra một điểm có tầm quan sát tốt. Đường vòng vào chạy về phía Bắc chui xuống dưới đường vòng ra chạy về phía Nam. Có kiểu cầu vượt thấp. Các trụ bê tông thấp, to đỡ phần đường phía trên. Tôi nghĩ việc cần làm là ẩn phía sau một trong các cột ấy. Tôi sẽ ẩn trong bóng tối và vị trí cao sẽ cho tôi tầm nhìn tốt về khu nhà kho. Đó là điểm tôi chọn.

Tôi tăng ga chiếc Bentley lên đường vòng và chạy lên hướng Bắc, về phía Atlanta. Mất một giờ. Tôi đang nắm sơ bộ các đặc điểm địa lý. Tôi muốn tới khu vực mua sắm giá rẻ và tìm ra khá dễ. Thấy kiểu phố tôi muốn. Những thợ chỉnh sửa xe theo yêu cầu, các nhà bán buôn bàn bi a, đồ nội thất văn phòng đã qua sử dụng. Tôi đỗ xe trên phố, trước

khu phát hàng cứu tế của một cửa hàng. Đối diện với tôi là hai cửa hàng bán đồ bảo vệ. Tôi chọn cửa hàng bên tay trái và bước vào.

Cửa mở làm một chiếc chuông rung. Anh chàng sau quầy ngược lên. Anh ta thuộc típ người thường thấy. Da trắng, râu quai nón đen, đồ dã chiến ngụy trang, đi ghệt. Một tai anh này đeo chiếc khuyên vàng lớn. Trông như một tay cướp biển. Có lẽ anh ta là một cựu binh. Có thể chỉ muốn làm một cựu binh. Anh ta gật đầu với tôi.

Cửa hàng này có những thứ tôi cần. Tôi lấy một chiếc quần dã chiến màu ô liu và một chiếc sơ mi. Tìm một áo khoác ngụy trang loại lớn hợp với hai món kia. Xem các túi một cách cẩn thận. Tôi phải bỏ khẩu Desert Eagle vào đó. Rồi tôi tìm một bi đông nước và ống nhôm loại tốt. Lôi tất cả tới bàn thanh toán và xếp lên. Lôi ra xấp tiền một trăm đô. Anh chàng râu quai nón nhìn tôi.

"Tôi muốn có một cái dùi cui", tôi nói.

Anh chàng bán hàng nhìn tôi rồi nhìn xấp một trăm đô. Rồi anh ta cúi xuống dựng một cái thùng lên. Trông có vẻ nặng. Tôi chọn một cây dùi cui dài chừng hai hai phân. Nó là một cái ống bằng da. Một đầu được đệm làm tay nắm. Quấn quanh một lò xo của thợ sửa nước. Thứ người ta thường đút vào các ống nước trước khi uốn cong chúng. Nó được quấn quanh các viên chì. Một thứ vũ khí lợi hại. Tôi gật đầu. Trả tiền cho mọi thứ rồi đi ra. Chuông lại kêu khi tôi mở cửa.

Tôi chạy chiếc Bentley chừng một trăm mét và đậu trước cửa hàng xe hơi đầu tiên có quảng cáo ở cửa sổ mà tôi trông thấy. Bấm còi rồi bước ra khỏi xe để gặp người mới ở cửa bước ra.

"Ông có thể sơn màu chiếc xe này cho tôi được không?" tôi hỏi.

"Cho chiếc này à? Chắc chắn rồi. Tôi có thể phủ màu lên bất kỳ thứ gì."

"Mất bao lâu?"

Người đàn ông bước tới chỗ chiếc xe miết ngón tay dọc theo nắp xe mịn bóng.

"Với xe loại này thì ông cần công việc thực hiện một cách hoàn hảo", ông ta nói. "Tôi mất hai, có thể ba ngày",

"Bao nhiêu?" tôi hỏi.

Người đàn ông tiếp tục cảm nhận lớp sơn và rút hơi qua kẽ răng, như tất cả những tay thợ xe vẫn

làm khi ta hỏi họ số tiền phải trả.

"Hai trăm," ông ta nói. "Đây là trả cho công việc hoàn hảo, và ông không muốn món nào kém hơn trên chiếc xe kiệu này đâu."

"Tôi sẽ trả ông hai trăm năm mươi đô. Đó là tiền trả cho công việc tốt hơn hoàn hảo, và ông cho tôi mượn một chiếc xe trong hai hay ba ngày ông cần để làm chiếc này, được không?"

Tay sửa ô tô rít thêm chút hơi nữa và vỗ nhẹ lên nắp ca pô chiếc Bentley.

"Đồng ý, ông bạn," ông ta nói.

Tôi gỡ chìa xe Bentley khỏi chùm chìa khóa của Charlie và đổi lấy chìa của một chiếc Cadillac tám năm tuổi màu quả lê già. Xe có vẻ rất ổn và kín đáo đúng như ta hy vọng. Chiếc Bentley là xe tốt nhưng nó không phải thứ tôi cần khi phải di chuyển trong khi do thám. Nó dễ phân biệt như thứ dễ phân biệt nhất ta có thể nghĩ ra.

Tôi chạy qua rìa Nam thành phố và dừng ở một trạm xăng. Đổ đầy ắp bình chiếc Cadillac cũ, mua vài thanh kẹo, hạt khô và vài chai nước. Rồi tôi vào nhà vệ sinh để thay đồ. Tôi mặc vào những thứ đồ thừa của quân đội và ném chỗ quần áo cũ vào thùng rác. Trở lại chỗ chiếc xe. Nhét khẩu Desert Eagle vào túi dài bên trong của chiếc áo khoác mới. Chéch và khóa. Dốc các viên đạn dự phòng vào túi áo ngoài trên cùng. Con dao bấm của Morrison nằm ở túi bên trái, tôi bỏ chiếc dùi cui vào túi phải. Chia đều các thanh kẹo, hạt khô vào các túi khác. Rót một chai nước vào bi đông và đi thực hiện công việc. Mất một giờ nữa để trở lại Margrave. Tôi lái chiếc Cadillac cũ vòng qua ngay giao lộ. Lại lên đường vòng hướng về phía Bắc. Chạy khoảng một trăm mét dọc theo vai đường và dừng lại ngay chỗ giao nhau giữa hai đường vòng. Nơi chẳng ai đi qua dù đang rời hay đi vào quốc lộ. Sẽ chẳng ai thấy chiếc xe trừ những người chạy thẳng qua Margrave. Và họ sẽ chẳng để ý.

Tôi bật nắp ca pô lên. Khóa xe và để yên như thế. Khiến không ai trông thấy nó. Chỉ là một chiếc sedan cũ hỏng ở **vai** đường. Một cảnh bình thường, ta chẳng để tâm. Rồi tôi leo qua bức tường bê tông thấp ở rìa vai đường. Leo xuống bờ dốc cao. Chạy về hướng Nam và tăng tốc băng qua đường vòng dẫn lên phía Bắc. Tiếp tục chạy khi được cầu vượt thấp che khuất. Tôi chạy ngang qua quốc lộ sang mé bên kia ẩn sau một trụ lớn. Phía trên đầu, các xe tải rời khỏi quốc lộ đang âm ỉ quay trở lại tỉnh lộ cổ. Rồi chúng vào số rẽ ngay về phía nhà kho. Tôi ngồi xuống và thả lỏng phía sau trụ. Tôi có điểm quan sát rất tốt. Có lẽ cách hai trăm mét, có lẽ cao khoảng chín mét. Toàn bộ khu nhà kho trải ra phía dưới tôi như một biểu đồ. Ống nhòm tôi mua nhìn rất rõ nét. Thực tế có bốn nhà kho riêng rẽ. Tất cả giống hệt nhau, xây theo một hàng thẳng, chạy thành góc xiên so với chỗ tôi ngồi. Toàn bộ khu vực được bao bọc bởi một lớp rào kiên cố. Trên cùng có rất nhiều dây thép gai. Từng nhà kho trong cụm bốn kho lại có hàng rào riêng. Mỗi hàng rào phía trong có cổng riêng. Lớp rào ngoài gắn với cổng chính quay ra đường. Toàn bộ khu vực đều có hoạt động rất bận rộn.

Khu kho đầu tiên hoàn toàn không có gì đáng ngờ. Cánh cửa cuốn lớn vẫn mở. Tôi có thể trông thấy những xe tải nông nghiệp lịch xịch ra vào. Trong tầm quan sát bằng mắt thường có thể thấy người ta bốc dỡ hàng. Các bao tải dày phồng lên đồ gì đó. Có thể là nông phẩm chưa chế biến, có thể là hạt giống hoặc phân bón. Bất kỳ thứ gì nông dân dùng. Tôi chẳng biết. Nhưng không có gì bí mật. Không có gì che giấu. Tất cả xe đều mang biển địa phương. Tất cả đều mang biển bang Georgia. Không xe nào mang biển bang khác. Không chiếc nào đủ lớn để chạy từ Nam về Bắc, từ mạn dưới lên mạn trên đất nước. Khu đầu tiên sạch sẽ, không có gì nghi ngờ.

Khu kho thứ hai và thứ ba cũng vậy. Các cổng để mở, cửa cuốn lên. Và toàn bộ hoạt động của mấy khu này là đám người vui vẻ làm việc ở sân trước. Không gì bí mật. Tất cả thể hiện trong tầm

quan sát bằng mắt thường. Nhiều loại xe tải khác nhau nhưng tất cả là xe trong bang. Không thể thấy chúng đang chở gì. Có lẽ là hàng bán buôn cho một số cửa hiệu nhỏ ở vùng nông thôn. Có thể là hàng chế tạo được chuyển đi đâu đó. Ở sân khu kho thứ ba có một số thùng chứa dầu. Nhưng không có gì để ta hứng thú.

Nhà kho thứ tư là mục tiêu tôi đang tìm kiếm. Nhà kho ở cuối hàng. Chẳng có gì nghi ngờ về điều đó. Đó là vị trí được chọn một cách khôn ngoan. Rất có lý. Nó được bao bọc bởi sự ồn ào, hỗn độn ở sân trước của ba nhà kho kia. Do ở cuối hàng, chẳng ai trong số các nông dân địa phương hay những người mua sắm cần đi qua đó. Sẽ chẳng ai nhìn nó. Vị trí đầy khôn ngoan. Chắc chắn là nó. Phía sau nó, có lẽ xa hơn bảy mươi lăm mét trên cánh đồng là một cây bị sét đánh. Là cây có trọng tâm ảnh chụp Stoller, Hubble và chiếc xe tải vàng. Máy ảnh ở sân trước sẽ chụp cây nằm ở điểm xa xa góc cuối của nhà kho. Tôi có thể thấy như thế. Đây chính là nơi ấy, không có gì phải nghi ngờ. Cửa cuốn lớn ở phía trước đang đóng, cổng cũng đóng. Có hai tay gác lượn lờ ở sân trước. Ngay cả từ cự ly hai trăm mét, chiếc ống nhòm vẫn có thể soi thấy vẻ thận trọng của chúng, bước đi đầy căng thẳng và cảnh giác. Dạng bảo vệ. Tôi quan sát hai tên một lúc. Chúng rảo bước xung quanh, nhưng chẳng có gì xảy ra. Thế nên tôi quay sang quan sát con đường. Đợi một chiếc xe tải chạy về nhà kho thứ tư.

Tôi phải đợi mãi. Căng thẳng với việc thời gian trôi đi nên tự hát. Tôi hát mọi dị bản của ca khúc "Rambling on My Mind" mà tôi biết. Mỗi người đều có một dị bản. Ca khúc này luôn được coi là dân ca. Chẳng ai biết tác giả là ai. Không ai biết nó bắt nguồn từ đâu. Có lẽ từ Delta. Nó là bài hát dành cho những người không thể ở yên một chỗ. Ngay cả khi có lý do chính đáng để làm việc ấy. Những người như tôi. Thực tế là tôi đã ở Margrave được một tuần. Khoảng thời gian dài nhất tôi ở lại bất kỳ đâu một cách tự nguyện. Tôi nên ở đây mãi mãi. Cùng Roscoe, bởi cô tốt cho tôi. Tôi bắt đầu tưởng tượng ra tương lai chung sống với cô. Cảm giác là ổn.

Nhưng sẽ có những vấn đề. Khi tiền bản của Kliner bị rút đi, cả thị trấn sẽ sụp đổ. Sẽ chẳng còn nơi nào để ở lại. Và tôi phải lang thang. Như bài hát tôi đang nhắm trong đầu. Tôi phải ngao du. Một bài dân ca. Bài hát có thể đã được viết cho tôi. Trong tim mình, tôi tin là Blake Mù đã sáng tác bài này. Ông đã lang thang. Ông đã đi bộ qua đây, vào cái thời ở chỗ của những trụ bê tông này còn là những cây cỏ thụ tỏa bóng mát. Sáu mươi năm trước ông đã đi bộ theo con đường tôi đang quan sát, có lẽ đang hát bài hát tôi đang hát. Joe và tôi trước đây hay hát bài này. Chúng tôi hát nó như một lời châm biếm đối với cuộc sống của gia đình quân đội. Chúng tôi nhảy khỏi máy bay ở một nơi và ngồi xe tới một căn nhà trống rỗng thiếu dưỡng khí trong căn cứ. Sau khi chuyển vào căn nhà ấy hai mươi phút, chúng tôi bắt đầu hát bài này. Như thể chúng tôi ở lại đó đã đủ lâu và đang sẵn sàng lên đường lần nữa. Thế nên tôi tựa vào trụ bê tông mà hát cho Joe, cả cho tôi. Mất ba mươi lăm phút hát hết dị bản khác nhau của bài hát cổ ấy, một lượt cho tôi và một lượt cho Joe.

Trong thời gian đó, tôi nhìn thấy khoảng sáu chiếc xe tải rẽ sang lối vào nhà kho. Tất cả đều là xe địa phương. Tất cả đều là các xe tải nhỏ bụi bặm mang biển Georgia. Không xe nào mang những lớp bụi tích tụ sau các chặng đường trường. Không xe nào hướng về nhà kho cuối cùng. Tôi khe khẽ hát suốt ba mươi lăm phút và không thu được chút thông tin nào.

Nhưng tôi nhận được tràng vỗ tay. Hát hết bài cuối cùng, tôi nghe thấy tiếng vỗ tay mĩa mai phát ra từ bóng tối phía sau lưng. Tôi bật vòng qua trụ bê tông chăm chăm nhìn vào bóng tối. Tiếng vỗ tay ngừng lại và tôi nghe tiếng dịch chuyển. Thấy hình dáng lờ mờ của một người đàn ông đang bò về phía mình. Hình dáng rõ dần. Một dạng lang thang. Mái tóc dài màu xám bết lại và những lớp quần áo nặng nề. Đôi mắt sáng rực trên khuôn mặt bẩn thỉu đầy vết nhăn. Người đàn ông dừng lại ở ngoài tầm với của tôi.

"Ông là kẻ quái nào thế?" tôi hỏi.

Người đàn ông vén lớp tóc sang một bên và nhăn nhó cười với tôi.

"Ông là kẻ quái nào thế?" ông ta nói. "Tới chỗ của tôi mà hò hét như thế?"

"Đây là chỗ của ông à? Ông sống dưới này hả?"

Người đàn ông ngồi bệt xuống nhún vai với tôi.

"Tạm thời thế", ông ta nói. "Ở đây được một tháng rồi. Ông có thấy cần cái gì về chuyện ấy không?"

Tôi lắc đầu. Tôi chẳng thấy cần cái gì về chuyện ấy. Người này phải sống ở đâu đó chứ.

"Xin lỗi đã làm phiền ông", tôi nói. "Đêm nay tôi sẽ rời khỏi đây."

Mùi của ông ta đang bay tới chỗ tôi. Không dễ chịu chút nào. Người này bốc mùi như thể cả đời sống trên đường.

"Cứ ở lâu chừng nào ông muốn," ông ta nói. "Chúng tôi vừa quyết định sẽ tiếp tục di chuyển. Chúng tôi sẽ bỏ lại cơ ngơi của mình",

"Chúng tôi à? Còn người khác ở đây à?"

Người đàn ông nhìn tôi vẻ kỳ quặc. Quay người chỉ vào khoảng không bên cạnh ông ta. Chẳng có ai ở đó. Hai mắt tôi đã quen với bóng tối. Tôi có thể nhìn tới tận dầm hắc bên dưới đoạn đường vòng lên. Chỉ có khoảng không.

"Gia đình tôi", người đàn ông nói. "Chúng tôi rất vui được gặp ông. Nhưng chúng tôi phải đi. Đến lúc đi rồi."

Ông ta vói tay ra sau lôi một cái túi bạt từ bóng tối. Đồ quân trang. Nó phảng phất mùi giấy nến. Đồ cá nhân loại tốt nhất, có số xê ri và tên đơn vị. Người đàn ông kéo nó lại gần và lê chân đi.

"Chờ chút", tôi nói. "Tuần trước ông ở đây không? Hôm thứ Năm ấy?"

Người đàn ông dừng bước xoay nửa người lại.

"Ở đây một tháng rồi. Thứ Năm tuần trước chẳng trông thấy gì cả."

Tôi nhìn ông này và túi đồ của ông ta. Một người lính. Một người lính chẳng tự nguyện làm gì. Nguyên tắc cơ bản của họ là thế. Do vậy tôi rời khỏi trụ bê tông và lôi một thanh kẹo từ túi ra. Lấy tờ một trăm đô quần lại. Ném nó qua chỗ người đàn ông. Ông ta tóm lấy dứt vào túi. Gật đầu với tôi, im lặng.

"Thứ Năm tuần trước ông đã trông thấy gì?" tôi hỏi.

Ông ta nhún vai.

"Tôi chẳng trông thấy gì. Đó là sự thật, nói chân thành. Nhưng vợ tôi thì có. Bà ấy trông thấy nhiều việc",

"OK," tôi nói, chậm rãi. "Ông sẽ hỏi bà ấy xem đã trông thấy những gì chứ?"

Ông ta gật đầu. Xoay người thì thầm nói chuyện với khoảng không bên cạnh mình. Rồi quay trở lại phía tôi.

"Bà ấy trông thấy người ngoài hành tinh", người đàn ông nói. "Một tàu phi hành, nguy trang thành một chiếc xe tải đen bóng. Trong đó có hai người nguy trang như người bình thường trên trái đất. Bà ấy trông thấy ánh sáng trên trời. Khói. Tàu phi hành hạ cánh, trở thành một chiếc xe hơi lớn, chỉ huy phi hành đoàn bước ra, mặc đồ cảnh sát, là một tay béo lùn. Rồi một chiếc xe trắng rời đường quốc lộ chạy tới, nhưng thực ra đó chỉ là một phi thuyền chiến đấu hạ cánh, trong đó có hai người, đều là người trái đất, là phi công và lái phụ. Tất cả đều nhảy một điệu ở ngay cạnh công, bởi họ từ thiên hà khác tới. Bà ấy bảo là nhộn lắm. Bà ấy thích những trò ấy. Đi đâu cũng thấy cảnh ấy."

Ông ta gật đầu với tôi. Ông ta nói thật.

"Tôi đã lỡ dịp xem tất cả," người này nói. Ra hiệu với khoảng không bên cạnh mình. "Đứa bé cần bà ấy lắm. Nhưng đó là những gì vợ tôi đã trông thấy. Bà ấy thích những trò ấy."

"Bà ấy nghe thấy gì không?" tôi hỏi.

Người đàn ông hỏi vợ. Nhận được câu trả lời của bà ta và lắc đầu cứ như tôi bị điên.

"Người sống trên vũ trụ không phát ra tiếng", ông ta nói. "Nhưng phi công phụ của phi thuyền chiến đấu bị bắn bằng súng gây choáng, sau đó bò vào đây. Bị mất máu đến chết ở đúng chỗ ông đang ngồi ấy. Chúng tôi đã cố gắng giúp ông ấy nhưng thực sự là ta chẳng thể làm gì với súng gây choáng, đúng không? Hôm Chủ nhật nhân viên y tế tới đưa ông ta đi."

Tôi gật đầu. Người đàn ông bỏ đi, kéo theo chiếc túi. Tôi nhìn theo ông ta rồi trở lại phía sau trụ bê tông. Quan sát con đường. Soát lại toàn bộ câu chuyện vợ người đàn ông đã kể. Báo cáo của một nhân chứng trực tiếp. Người này chẳng thể làm Tòa án tối cao tin được nhưng chắc chắn ông ta đã thuyết phục được tôi. Người đã bay xuống bằng phi thuyền chiến đấu và thực hiện một điệu nhảy ở cổng nhà kho có phải anh trai của Tòa án tối cao đâu mà họ tin.

Phải mất một giờ nữa mới thấy có thứ gì đó xuất hiện. Tôi đã ăn hết một thanh kẹo và uống gần hết một pint nước. Tôi chỉ ngồi đợi. Một chiếc xe tải thùng kín cỡ vừa từ phía Nam chạy vào. Nó giảm tốc độ khi tới đường dẫn vào khu nhà kho. Qua ống nhòm, tôi có thể thấy biển xe thương mại của New York. Những hình chữ nhật trắng bản thiêu. Chiếc xe tải chạy theo đoạn đường rải nhựa và đợi ở cổng thứ tư. Hai gã trong khu nhà kho mở cổng ra hiệu cho chiếc xe chạy qua. Nó dừng hẳn nữa và hai tay bảo vệ đóng chặt cổng lại sau đuôi chiếc xe. Rồi tài xế dong xe lại phía cửa cuốn và dừng lại. Ra khỏi xe. Một tay gác leo lên xe, tên còn lại chui vào một cửa ngách cho cửa cuốn lên. Chiếc xe tải lùi vào bóng tối và cửa lại hạ xuống. Viên tài xế người New York ở lại ngoài sân trước, duỗi chân tay trong nắng. Chỉ có thế. Từ đầu đến cuối khoảng ba mươi giây. Không có gì nữa.

Tôi quan sát và đợi. Chiếc xe tải nằm trong kho mười tám phút. Rồi cửa lại cuốn lên, tay gác lái chiếc xe trở ra. Ngay khi nó vừa ra, cửa lại hạ xuống, tên gác nhảy từ ca bin xuống. Tài xế New York leo lại vào ghế trong khi tay gác chạy về trước mở cổng. Chiếc xe tải qua cổng, chạy ra ngoài trở lại con tỉnh lộ. Nó ngoặt về phía Bắc, chạy qua chỗ tôi nấp trên cột bê tông của cầu vượt, cách khoảng hai mươi mét. Nó rẽ vào đường vòng, tăng ga hòa vào dòng xe cộ hướng về phía Bắc.

Gần như ngay lập tức, một xe tải khác âm âm chạy xuống đường vòng dẫn lên phía Nam, rồi dòng xe từ miền Bắc tới. Là một chiếc xe kiểu tương tự. Cùng hãng, cùng kích thước, cùng lớp bụi trên quốc lộ. Nó ì ạch chạy tới đường dẫn vào nhà kho. Tôi nheo mắt nhìn qua ống nhòm. Biển của bang Illinois. Nó lặp lại đúng quy trình cũ. Dừng ở cổng. Lùi

vào cửa cuốn. Gác cổng thế chỗ tài xế. Cửa cuốn kéo lên đủ lâu để nuốt chiếc xe vào bóng tối. Nhanh chóng và hiệu quả. Lại từ đầu đến cuối hết khoảng ba mươi giây. Và bí mật. Các lái xe đường dài không được phép vào nhà kho. Họ phải đợi bên ngoài.

Chiếc xe tải biển Illinois ra sớm hơn. Mười sáu phút. Tài xế nhận lại vị trí sau tay lái và chạy ra ngoài, trở lại quốc lộ. Tôi quan sát xe anh ta chạy qua, cách hai mươi mét.

Giả thuyết của chúng tôi là cả hai chiếc xe tải chất loại hàng gì đó đang chạy về hướng Bắc. Âm âm trở lại các thành phố lớn mạn trên đó, sẵn sàng dỡ hàng. Đến lúc này thì giả thuyết của chúng tôi có vẻ hợp lý. Tôi không thể phủ nhận.

Trong một giờ tiếp theo, chẳng có gì diễn ra. Nhà kho thứ tư tiếp tục đóng chặt. Tôi bắt đầu thấy chán. Tôi bắt đầu ước giá như người đàn ông lang thang không bỏ đi. Chúng tôi đã có thể tán gẫu một lúc. Rồi tôi thấy chiếc xe thứ ba trong ngày xuất hiện. Tôi nâng ống nhòm lên và thấy biển của bang

California. Cùng loại xe trước, màu đỏ bản thủ, âm âm rời khỏi quốc lộ hướng về phía nhà kho thứ tư. Nó trải qua quy trình khác với hai chiếc đầu. Xe chạy qua cổng nhưng không đổi tài xế. Xe chỉ đi thẳng qua cửa cuốn vào trong kho. Rõ ràng tài xế này được phép trông thấy những thứ có trong đó. Rồi lại một khoảng thời gian chờ đợi. Tôi ước chừng hai mươi phút. Rồi cửa cuốn kéo lên và xe tải trở ra. Chạy thẳng qua cổng hướng về phía quốc lộ.

Tôi ra một quyết định nhanh chóng. Đến lúc phải đi. Tôi muốn xem những thứ bên trong một trong các xe tải đó. Thế nên tôi tụt xuống, túm lấy ống nhôm và bi đông nước. Chạy phía dưới cầu vượt về mé đường vòng dẫn lên phía Bắc. Leo lên bờ dốc và nhảy qua bức tường bê tông. Trở lại chỗ chiếc Cadillac cũ. Tôi đóng sầm nắp ca pô và vào xe. Mở máy rồi chạy theo vai đường. Chờ để tạo khoảng cách và cho động cơ lớn rú lên. Xoay tay lái tăng ga chạy lên hướng Bắc.

Tôi cho là chiếc xe tải đỏ chạy phía trước mình chừng ba, bốn phút. Không nhiều hơn mức ấy. Tôi vọt qua một loạt xe cộ và tăng ga chiếc xe cũ nặng nề. Rồi đều đều với tốc độ nhanh. Tôi cho là mình đang rút ngắn toàn bộ thời gian bám theo chiếc xe tải. Sau vài dặm, tôi phát hiện ra nó. Giảm tốc độ và tụt hẳn lại, có lẽ sau chiếc xe tải ba trăm mét. Duy trì cho khoảng sáu xe chạy giữa xe đó và xe tôi. Tôi ngồi thả người thư giãn. Theo giả thuyết cây đèn nhiều nhánh của Roscoe, chúng tôi đang chạy về Los Angeles.

Chúng tôi chậm chậm chạy về hướng Bắc. Tốc độ không quá năm mươi dặm một giờ. Bình xăng chiếc Cadillac gần đầy. Có thể cho phép tôi chạy ba trăm dặm, có khi ba trăm năm mươi. Với tốc độ chậm thế này có thể đạt cự ly xa hơn. Tăng ga chẳng khác nào uống xăng. Đạp ga chiếc xe cũ động cơ V8 đã tám năm tuổi này sẽ tiêu hao xăng nhanh hơn cả cả phê chảy từ bình xuống. Nhưng chạy ổn định sẽ giúp tôi có được quãng đường khá hơn. Có thể tới bốn trăm dặm. Có khi đủ tới tận Memphis.

Chúng tôi cứ chạy. Phía trước ba trăm mét, chiếc xe tải đỏ trông to và rõ. Nó rẽ về phía trái, vòng qua rìa Nam Atlanta. Hướng ra phía Tây, băng ngang đất nước. Giả thuyết về phân phối có vẻ hợp lý. Tôi giảm tốc độ tụt lại bằng cách đổi làn. Không muốn tay tài xế nghi ngờ về chuyện bị bám đuôi. Nhưng qua cách tay tài xế chuyển làn, tôi có thể thấy hẳn không phải dạng hay dùng gương. Tôi áp sát thêm chút.

Chiếc xe tải đỏ vẫn chạy. Tôi cách nó tám xe. Thời gian cứ trôi. Đã cuối buổi chiều. Rồi đầu buổi tối. Vừa lái xe tôi vừa ăn kẹo và nhấp nước thay bữa tối. Tôi không mở được đài. Nó là một kiểu đài của Nhật. Chắc hẳn ông bạn ở cửa hàng ô tô đã lắp nó vào xe. Có lẽ nó đã hỏng. Tôi tự hỏi liệu có phải ông ta đang phủ sơn màu lên cửa sổ chiếc Bentley. Tôi tự hỏi liệu Charlie sẽ nói gì khi nhận lại xe với lớp kính đen. Tôi cho đó là thứ cô ít lo lắng nhất. Chúng tôi tiếp tục chạy. Chúng tôi chạy gần bốn trăm dặm. Tám tiếng. Chúng tôi chạy khỏi Georgia, qua Alabama, tới góc phía Đông Bắc Mississippi. Trời đã tối đen. Mặt trời mùa thu đã hạ xuống phía trước mặt. Xung quanh đã lên đèn. Chúng tôi lái xe qua bóng tối suốt nhiều giờ. Cảm giác như suốt đời tôi bám theo tay tài xế kia. Rồi lúc gần nửa đêm, chiếc xe tải đỏ chạy chậm lại. Phía trước nửa dặm, tôi thấy nó rẽ vào một trạm nghỉ dành cho xe tải ở một nơi chẳng ai biết tới. Gần một nơi có tên Myrtle. Có lẽ còn cách ranh giới bang Tennessee sáu mươi dặm. Có lẽ cách Memphis bảy mươi dặm. Tôi theo chiếc xe tải vào bãi đỗ. Đậu cách xa nó.

Tôi thấy tài xế ra khỏi xe. Một tên cao to. Cái cổ to và dày, đôi vai khỏe. Da sẫm, hơn ba mươi tuổi. Đôi tay dài như tay vượn. Tôi biết hẳn là ai. Hẳn chính là con trai Kliner. Một gã tâm thần máu lạnh.

Tôi quan sát gã trai. Hẳn đứng trong bóng tối cạnh chiếc xe tải, duỗi chân tay và ngáp. Tôi chăm chăm nhìn và hình dung ra hẳn vào đêm thứ Năm tuần trước, ở cổng nhà kho, nhảy múa.

Thằng con nhà Kliner khóa cửa xe tải và thông thả đi về phía mấy tòa nhà. Tôi đợi một lát rồi bám theo hắn. Cho là hắn sẽ đi thẳng vào khu vệ sinh nên tôi nấn ná ở quầy sách báo sáng đèn và quan sát cửa. Tôi thấy tên kia đi ra và quan sát hắn thông thả đi vào khu ăn uống. Kliner con ngồi xuống một bàn và lại vươn vai duỗi người, cầm thực đơn lên với vẻ thoải mái của một kẻ hết sức ung dung. Hắn đến đây dùng bữa tối muộn. Tôi nghĩ hắn sẽ dành cho việc ấy hai mươi phút. Có thể nửa giờ. Tôi trở lại bãi đỗ xe. Tôi muốn đột nhập vào chiếc xe tải đỏ xem bên trong. Nhưng tôi thấy không có cơ hội làm việc ấy ngoài bãi đỗ. Không có cơ hội nào. Người ta đi lại xung quanh và có vài chiếc xe tuần tra của cảnh sát đảo qua đảo lại. Toàn bộ khu vực đều sáng rực ánh đèn. Muốn đột nhập vào xe thì phải chờ đợi.

Tôi bước trở về khu nhà. Ép người vào một buồng điện thoại bấm số đồn Margrave. Finlay bóc máy ngay. Tôi nghe âm Harvard sâu của ông. Đội trưởng thám tử đang ngồi bên điện thoại, đợi tôi báo về.

"Ông đang ở đâu thế?" ông hỏi.

"Cách Memphis không xa. Tôi theo dõi một xe tải bốc hàng lên và tôi đang bám dính nó cho tới khi nào có cơ hội quan sát bên trong. Lái xe là thằng con trai Kliner."

"OK," Finlay bảo. "Tôi đã nghe thông tin từ Picard. Roscoe đã vào vị trí an toàn. Bây giờ thì ngủ say rồi, nếu cô ấy còn biết cảm nhận. Ông ấy bảo rằng cô ấy gửi tình yêu đến ông."

"Gửi lại tình yêu của tôi cho cô ấy nếu ông có dịp nhé. Bảo trọng đấy, ông bạn Harvard."

"Ông cũng cẩn thận nhé!". Finlay nói. Rồi gác máy.

Tôi quay trở về chiếc Cadillac. Vào xe đợi. Khoảng nửa tiếng sau thì thằng con nhà Kliner quay ra. Tôi thấy hắn bước trở lại chiếc xe tải đỏ. Tên này đang dùng mu bàn tay lau miệng. Trông có vẻ hắn có một bữa tối ngon lành. Chắc chắn đã mất thời gian đủ lâu. Gã trai bước khỏi tầm quan sát. Một phút sau chiếc xe tải rầm rầm chạy qua ngoặt vào đường ra khỏi bãi. Nhưng thằng nhóc không quay lại quốc lộ. Hắn rẽ trái vào một đường nhỏ. Hắn đang tới motel. Hắn sẽ ở lại qua đêm. Kliner con chạy xe thẳng tới dãy phòng nghỉ. Đỗ xe tải đỏ ngay phòng gần cuối. Ngay dưới ánh sáng của một trụ đèn lớn. Hắn ra khỏi xe khóa cửa. Lấy chìa khóa trong túi ra để mở cửa phòng. Đi vào rồi đóng kín cửa. Tôi thấy đèn bật lên và màn hạ xuống. Hắn dứt chìa khóa vào túi. Hắn đã không đi vào phòng trực. Chắc chắn lúc ở trong đó ăn tối, Kliner con đã đặt phòng này. Chắc chắn hắn đã thanh toán và lấy chìa khóa. Đó là lý do khiến hắn ở trong đó lâu đến thế.

Chuyện này gây vấn đề khó khăn cho tôi. Tôi cần xem bên trong chiếc xe tải. Tôi cần có bằng chứng. Tôi cần biết rằng mình đang hành động vì lẽ phải. Và tôi cần biết sớm. Còn bốn mươi tám tiếng nữa là Chủ nhật. Tôi có nhiều việc cần làm trước Chủ nhật. Rất nhiều việc. Tôi phải đột nhập vào xe tải, ngay ở đây, giữa quảng sáng của trụ đèn. Trong khi thằng con tâm thần nhà Kliner đang ở trong phòng motel cách đó có ba mét. Đó là việc làm liều lĩnh nhất. Tôi sẽ phải chờ để làm việc ấy. Tận tới khi thằng nhóc ngủ say, không nghe thấy tiếng sột soạt, lịch kịch khi tôi làm việc của mình.

Tôi chờ nửa tiếng. Không thể chờ thêm chút nào nữa. Tôi mở máy chiếc Cadillac cũ chạy xuyên sự tĩnh lặng. Các **cân** bộ phận truyền động mở ra và các pít tông đang gõ. Động cơ gây tiếng ồn ghê gớm trong đêm yên tĩnh. Tôi đỗ xe sát chiếc xe tải đỏ. Đầu xe quay vào, thẳng cửa phòng thằng nhóc. Tôi leo qua ghế phụ. Đứng yên lắng nghe. Chẳng thấy gì.

Tôi lấy con dao bấm của Morison từ túi áo khoác ra và bước lên cản sóc trước của chiếc Cadillac. Bước lên nắp ca pô và qua kính chắn gió. Lên nóc chiếc Cadillac, vẫn đứng im, trên cao. Lắng nghe thật kỹ. Không có gì. Tôi bám vào chiếc xe tải và leo lên nóc xe. Một chiếc xe thùng kín

kiểu này có nóc mờ đục. Dạng sợi thủy tinh. Người ta làm nóc xe bằng chất liệu đó, hoặc ít nhất cho ánh sáng chiếu qua tấm kim loại. Tác dụng là cho ánh sáng mờ lọt vào khoang chứa hàng. Giúp cho việc bốc dỡ hàng. Có lẽ để khối lượng nhẹ hơn. Có lẽ để chi phí rẻ hơn. Các nhà chế tạo sẽ làm bất kỳ điều gì để tiết kiệm một đô lẻ. Nóc là đường tốt nhất để đột nhập vào một chiếc xe tải kiểu ấy.

Phần trên người tôi đang ép xuống tám sợi thủy tinh còn hai chân quờ trên gờ thoát nước mưa của chiếc Cadillac. Tôi vói tay ra hết tầm và vùng mạnh con dao bấm. Đâm qua tim nhựa ngay ở phần giữa nóc xe. Dùng lưỡi dao cưa một khoảng sâu chừng hai lăm phân, rộng bốn lăm phân. Tôi có thể đẩy xuống mà ngó vào. Như ngó xuống qua một khe nông.

Đèn trong phòng motel bật sáng. Màn cửa sổ thả ra một quãng sáng vàng, vuông lên chiếc Cadillac. Qua phía bên của chiếc xe tải đỏ. Qua hai chân tôi. Tôi hăm hừ đẩy mạnh người lên. Bò lên nóc xe tải. Nằm dán người xuống im lặng. Nín thở.

Cửa phòng motel mở. Kliner con bước ra. Chằm chằm nhìn chiếc Cadillac. Cúi người ngó vào bên trong. Bước vòng quanh kiểm tra xe tải. Kiểm tra hai cửa ca bin. Giật mạnh các tay nắm cửa. Chiếc xe rung lắc phía dưới người tôi. Gã trai bước vòng về sau thử các cánh cửa sau. Giật các tay nắm. Tôi nghe tiếng các cánh cửa kêu rít lên do miết vào khóa.

Kliner con bước một vòng quanh chiếc xe tải. Tôi nằm yên nghe tiếng bước chân hần phía dưới. Hần lại xem chiếc Cadillac lần nữa. Rồi hần bước vào phòng. Cánh cửa đóng sầm lại. Đèn vụt tắt. Khoảng sáng vàng biến mất.

Tôi đợi năm phút. Chỉ nằm đợi trên nóc xe. Rồi tôi chống hai khuỷu tay nâng người lên. Đến chỗ khe hẹp trên lớp sợi thủy tinh mình mới tạo ra. Đẩy miếng bị cắt xuống và thò các ngón tay vào. Nhoài người lên nhìn vào.

Trong xe tải không có gì. Hoàn toàn không có gì. Chẳng có gì hết.

Chặng đường trở về đồn cảnh sát Margrave dài hơn bốn trăm dặm. Tôi lái hết quãng đường này với tốc độ tối đa mình dám chạy. Tôi cần gặp Finlay. Cần đặt ra một giả thuyết hoàn toàn mới cho ông. Tôi lách chiếc Cadillac vào một ô trống ngay cạnh chiếc xe cùng hiệu còn mới tinh của Teale. Bước vào gập đầu với nhân viên hành chính. Ông ta gập đầu chào lại.

"Finlay ở đây không?" tôi hỏi.

"Ở phía sau. Thị trưởng đang gặp ông ấy."

Tôi vòng qua quầy tiếp tân chạy qua phòng họp tới căn phòng gỗ hồng sắc. Finlay đang ở đó cùng Teale. Finlay có tin xấu dành cho tôi. Tôi có thể thấy điều đó ở đôi vai chùng xuống của ông. Teale nhìn tôi đầy ngạc nhiên.

"Ông trở lại quân đội rồi hả Reacher?" lão hỏi.

Phải mất một giây tôi mới hiểu. Lão đang nói về bộ đồ dã chiến và chiếc áo ngực trang. Tôi nhìn khắp người thị trưởng. Lão đang mặc một bộ com lê bóng thêu họa tiết khắp nơi. Đeo cà vạt có kẹp bằng bạc.

"Đừng nói chuyện với tôi về quần áo, đồ khốn nạn," tôi nói.

Lão già nhìn xuống người mình vẻ ngạc nhiên. Phúi một vết bụi nhỏ lúc trước chưa có đó. Quắc mắt nhìn tôi.

"Tôi đã có thể bắt ông vì nói những lời như vậy", lão nói.

"Và tôi có thể bẻ rời cổ ông," tôi đáp. "Rồi nhét nó vào cái đít già nhẽo của ông ấy."

Chúng tôi đứng chằm chằm nhìn nhau một lúc khá lâu. Teale nắm lấy chiếc gậy chống nặng nề như muốn giơ lên đập tôi. Tôi có thể thấy bàn tay lão nắm chặt lấy gậy và ánh mắt phóng về phía đầu tôi. Nhưng rốt cuộc tay thị trưởng chỉ bước ra khỏi phòng đóng sầm cửa lại. Tôi hé cửa ra một chút nhòm theo lão già. Lão đang cầm điện thoại lên. Lão sẽ gọi cho Kliner. Lão sẽ hỏi tên đó đến lúc nào thì ra tay với tôi. Tôi lại đóng chặt cửa và quay về phía Finlay.

"Chuyện thế nào rồi?" tôi hỏi.

"Chuyện nghiêm trọng. Thế ông đã xem chiếc xe tải chưa?"

"Tôi sẽ nói chuyện ấy sau. Ông nói cho tôi biết có chuyện gì trước đi?"

"Ông muốn nghe chuyện nhỏ trước à? Hay chuyện lớn?"

"Nhỏ trước," tôi nói.

"Picard sẽ giữ Roscoe lại một hôm nữa", đội trưởng thám tử nói. "Không có lựa chọn khác."

"Chết tiệt. Tôi muốn gặp cô ấy. Roscoe bằng lòng với chuyện đó chứ?"

"Theo Picard thì có."

"Chết tiệt", tôi lặp lại. "Vậy chuyện lớn là gì?"

"Kẻ nào đó đi trước chúng ta," Finlay thì thầm.

"Trước chúng ta à?" tôi hỏi. "Ý ông là gì?"

"Bản danh sách của anh trai ông đúng không?" Finlay nói. "Các chữ cái đầu và phần lưu ý về ga ra của nhà Sherman Stoller ấy? Trước tiên là một bản điện tín từ Sở cảnh sát Atlanta sáng nay. Đêm qua nhà Stoller đã cháy rụi. Chỗ ông tới cùng Roscoe, ngoài sân gôn phải không? Bị hủy hoại hoàn toàn, ga ra và tất cả mọi phần. Bị đốt. Kẻ nào đó đã tưới xăng khắp nơi."

"Chúa ơi," tôi nói. "Còn Judy thì sao?"

"Láng giềng bảo rằng cô ấy ra ngoài đêm thứ Ba. Ngay sau khi hai người nói chuyện với cô ấy."

vẫn chưa thấy trở về. Nhà trống."

Tôi gật đầu.

"Judy là người phụ nữ khôn ngoan", tôi nói. "Nhưng việc ấy cũng không giúp được chúng đi trước chúng ta. Chúng tôi đã xem bên trong ga ra. Nếu chúng cố che giấu gì đó thì chúng quá muộn rồi. Dù sao cũng không có gì che giấu, đúng chứ?"

"Vậy các chữ cái đầu thì sao? Các trường đại học ấy? Sáng nay tôi đã xác định được người của trường Princeton. W.B là Walter Bartholomew. Giáo sư. Đêm qua ông ấy đã bị giết, ngoài nhà ông ấy."

"Khôn nạn. Bị giết như thế nào?"

"Bị đâm. Cảnh sát Jersey gọi đó là một vụ cướp. Nhưng chúng ta biết nhiều hơn thế, đúng không?"

"Có thêm tin tốt gì không?" tôi hỏi.

Đội trưởng thám tử lắc đầu.

"Tôi tệ hơn," ông nói. "Bartholomew biết chuyện gì đó. Chúng lần tới đó trước khi ông ấy có thể nói với ta. Chúng đi trước ta, Reacher."

"Ông ấy biết chuyện gì đó hả? Chuyện gì vậy?"

"Không biết. Khi tôi gọi vào số điện thoại ta có, tôi gặp một trợ lý nghiên cứu làm cho Bartholomew. Dường như Bartholomew phản kích về chuyện gì đó, đêm qua ông ấy ở lại văn phòng làm việc. Tay trợ lý này chuyển cho ông ấy đủ thứ tài liệu cũ. Bartholomew xem xét hết. Sau đó ông ấy gói ghém lại, gửi thư điện tử cho Joe và về nhà. Ông ấy chạm mặt tên cướp, chuyện là thế",

"Thư điện tử của ông ấy viết gì?"

"Nó chỉ viết rằng hãy chuẩn bị nhận cuộc điện thoại vào buổi sáng. Viên trợ lý nói rằng có vẻ Bartholomew đã phát hiện ra điều gì đó quan trọng."

"Khôn nạn", tôi lặp lại. "Thế còn các chữ cái đầu ở New York thì sao? K.K đó?"

"Vẫn chưa biết. Tôi đoán hiện tại đó là một giáo sư khác. Nếu như chúng chưa lần tới chỗ ông ta."

"Được rồi. Tôi sẽ tới New York tìm ông ấy."

"Tại sao phải rồi lên thế? Chiếc xe tải có vấn đề gì không?"

"Có một vấn đề lớn. Xe tải rỗng không."

Căn phòng im lặng một lúc lâu.

"Nó trở lại trong tình trạng rỗng không à?"

"Tôi xem bên trong xe ngay sau lúc gọi cho ông", tôi nói. "Nó rỗng không. Chẳng có gì hết. Chỉ có không khí",

"Chúa ơi," Finlay nói. Ông trông có vẻ bức bối. Ông không thể tin chuyện ấy. Ông đã thán phục giả thuyết về phân phối của Roscoe. Ông đã chúc mừng cô. Bắt tay cô. Hình chiếc đèn nhiều nhánh. Đó là giả thuyết hay. Có sức thuyết phục đến mức ông không thể tin rằng nó sai.

"Ta phải đúng chứ", viên thám tử nói. "Giả thuyết ấy có lý thế mà. Hãy nghĩ về điều Roscoe nói. Hãy nghĩ về bản đồ. Nghĩ về những con số của Gray. Tất cả đều khớp với nhau. Rõ ràng đến thế, tôi như có thể cảm nhận được chuyện ấy. Tôi như có thể nhìn ra được chuyện ấy. Đó là dòng chảy của xe cộ. Nó không thể là chuyện gì khác. Tôi đã nghĩ đi nghĩ lại nhiều lần rồi."

"Roscoe đã đúng", tôi đồng ý. "Và mọi điều ông vừa nói đều đúng. Hình cây đèn nhiều nhánh cũng đúng. Margrave là trung tâm. Đó là dòng chảy của xe cộ. Chúng ta chỉ có một chi tiết sai."

"Chi tiết nào?"

"Chúng ta phán đoán hướng sai. Chúng ta đã xác định ngược. Dòng chảy đi đúng theo hướng ngược lại. Cùng theo một hình nhưng nó chảy xuống đây, không phải từ đây."

Finlay gật đầu. Ông đã hiểu ra.

"Thế nên bọn chúng không bốc hàng ở đây," đội trưởng thám tử nhận xét. "Chúng dỡ hàng xuống đây. Không phải chúng đang giải tỏa một khối lượng hàng. Mà chúng đang tích trữ hàng. Ngay ở Margrave này. Nhưng hàng gì? "Ông chắc chắn rằng chúng không in tiền ở một nơi rồi chuyển tới đây chứ?"

Tôi lắc đầu.

"Không có lý chút nào", tôi nói. "Molly bảo rằng không có hoạt động in tiền giả nào diễn ra ở nước Mỹ. Joe đã chặn đứng việc ấy."

"Thế chúng đang mang gì tới đây?"

"Chúng ta cần tìm ra điều đó. Nhưng chúng ta biết rằng số hàng đó tăng thêm mỗi tuần một tấn. Và ta biết rằng số hàng đó nhét vừa các thùng chứa điều hòa nhiệt độ."

"Vậy sao?"

"Đó là điều đã thay đổi hồi năm ngoái. Trước tháng Chín năm ngoái chúng chuyển hàng ấy ra khỏi nước này. Đó là việc Sherman Stoller làm. Việc chở điều hòa nhiệt độ không phải hoạt động che mắt. Bản thân chuyện ấy chính là hoạt động thực sự. Chúng xuất đi thứ gì đó đóng trong các thùng chứa máy điều hòa. Hằng ngày Sherman Stoller chở xuống Florida để gặp một chiếc tàu. Đó là lý do anh ta căng thẳng như thế khi bị cảnh sát thổi do chạy quá tốc độ. Đó là lý do tay luật sư xuất hiện. Không phải bởi anh ta đang trên đường lấy hàng. Mà bởi anh ta đang trên đường trả hàng. Anh ta đã bị cảnh sát Jacksonville dò xét một chuyến hàng đầy suốt năm mươi lăm phút."

"Nhưng đầy hàng gì chứ?"

"Tôi không biết. Khi ấy các cảnh sát không nghĩ đến chuyện xem nó là gì. Họ thấy một lô thùng bìa cứng đựng máy điều hòa nhiệt độ đã niêm phong, còn mới tinh, có cả sổ xê ri rồi các thứ, và họ chỉ nhận định rằng đó là hàng hợp pháp. Các thùng chứa máy điều hòa nhiệt độ là vỏ bọc quá tốt. Là loại sản phẩm rất hợp lý khi chở về miền Nam. Chẳng ai nghi ngờ những máy điều hòa mới tinh chở về miền Nam, đúng không?"

"Nhưng chúng đã ngừng một năm trước à?"

"Đúng," tôi nói. "Khi ấy chúng biết hoạt động của lực lượng Bảo vệ Bờ biển sắp diễn ra, thế nên chúng nhập hàng trước nhiều hết mức có thể. Ông nhớ những chuyến hàng tăng gấp đôi trong bảng thống kê của Gray chứ? Rồi cách đây một năm, chúng dừng lại hoàn toàn. Bởi chúng cảm thấy không an toàn khi chuyển lậu hàng ra bên ngoài qua mặt lực lượng Bảo vệ Bờ biển, giống như ta nhận định chúng cảm thấy không ổn khi nhập hàng vào trong nước",

Finlay gật đầu. Trông không hài lòng với bản thân.

"Chúng ta đã bỏ qua điều đó," ông nói.

"Chúng ta bỏ qua nhiều", tôi bảo. "Bọn chúng sa thải Sherman Stoller do không cần tới anh ta nữa. Chúng quyết định chỉ ngồi trên đồng hàng ấy đợi hoạt động của lực lượng Bảo vệ Bờ biển chấm dứt. Đó là lý do bây giờ chúng không thấy an toàn. Đó là lý do chúng đang hoảng sợ, Finlay. Chẳng phải đến Chủ nhật này chúng còn lại những lô hàng cuối cùng đâu. Mà là toàn bộ số hàng chúng có."

Finlay đứng cạnh giới cạnh cửa phòng. Tôi ngồi bên chiếc bàn gỗ hồng sắc gọi cho Đại học Columbia ở New York. Số này dẫn tới Khoa Lịch sử hiện đại. Phần đầu của cuộc gọi khá dễ dàng. Tôi

gặp một phụ nữ của phòng hành chính rất tích cực giúp đỡ. Tôi hỏi liệu họ có vị giáo sư nào mang tên viết tắt là K.K hay không. Ngay lập tức cô xác định một người tên là Kelvin Kelstein. Đã làm việc ở đó nhiều năm. Nghe có vẻ ông này là nhân vật rất nổi. Rồi cuộc gọi trở nên khó khăn. Tôi hỏi liệu ông ấy có thể ra nói chuyện điện thoại hay không. Người phụ nữ bảo không. Ông này rất bận và không thể bị quấy rầy thêm lần nữa.

"Thêm lần nữa à?" tôi hỏi. "Ai đã quấy rầy ông ấy rồi?"

"Hai thám tử từ Atlanta, Georgia," người phụ nữ đáp.

"Chuyện này diễn ra lúc nào?"

"Sáng nay. Họ đến đây lúc sáng để tìm ông ấy và họ không chịu chấp nhận lời từ chối".

"Cô có thể mô tả hai người đàn ông ấy cho tôi không?"

Có một khoảng lặng khi người phụ nữ cố nhớ lại.

"Họ là người gốc Tây Ban Nha", cô nói. "Tôi không nhớ được chi tiết nào. Người đứng ra nói chuyện rất gọn gàng, lịch sự. Tôi e là không có gì đáng nhớ lắm, thực sự thế."

"Hai người đó đã gặp ông ấy chưa?"

"Họ đặt lịch hẹn lúc một giờ. Tôi tin là họ sẽ đưa ông ấy đi ăn trưa ở đâu đó."

Tôi nắm điện thoại chặt hơn.

"Được rồi", tôi nói. "Chuyện này rất quan trọng đây. Họ hỏi về ông ấy bằng tên cụ thể à? Hay bằng chữ viết tắt K.K? Như tôi vừa mới làm ấy?"

"Họ hỏi chính xác những câu hỏi ông mới đặt ra. Họ hỏi xem chúng tôi có giáo sư nào viết tắt bằng những chữ ấy không."

"Nghe tôi nói đây. Hãy nghe thật cẩn thận nhé. Tôi muốn cô đi gặp giáo sư Kelstein. Ngay bây giờ. Chen ngang việc ông ấy đang làm, dù là làm gì đi nữa. Hãy bảo ông ấy đây là chuyện sống còn. Bảo ông ấy rằng mấy tay thám tử Atlanta đó là bọn giả danh. Đêm qua chúng đã có mặt ở Princeton và giết giáo sư Walter Bartholomew."

"Ông đùa đấy à?" người phụ nữ nói. Gần như hét lên.

"Đây là sự thật. Tên tôi là Jack Reacher. Tôi tin rằng giáo sư Kelstein đã liên lạc với anh trai tôi, Joe Reacher, người của Bộ Tài chính. Hãy bảo ông ấy rằng anh trai tôi cũng đã bị giết."

Người phụ nữ dừng lại lần nữa. Nuốt nước bọt. Rồi cô bình tĩnh lại.

"Tôi nên bảo giáo sư Kelstein làm gì?" cô hỏi.

"Hai việc. Trước hết không được, nhắc lại nhé, không được gặp hai gã đàn ông gốc Tây Ban Nha từ Atlanta tới. Vào bất kỳ thời điểm nào. Cô nghe rõ chưa?"

"Rồi."

"Tốt. Thứ hai, ngay bây giờ ông ấy phải tới phòng an ninh của trường. Ngay bây giờ, được chứ? Ông ấy phải đợi tôi ở đó. Tôi sẽ có mặt ở đó sau ba tiếng nữa. Kelstein phải ngồi trong phòng an ninh đợi tôi cùng một nhân viên bảo vệ ngay bên cạnh, cho tận tới khi tôi tới đó. Cô có thể hoàn toàn chắc chắn rằng ông ấy sẽ làm thế chứ?"

"Có," người phụ nữ đáp.

"Bảo ông ấy gọi cho Đại học Princeton từ phòng an ninh ấy. Bảo ông ấy hỏi thăm về Bartholomew. Như thế thì ông ấy sẽ tin."

"Vâng. Nhất định tôi sẽ làm như ông nói."

"Và hãy chuyển tên tôi cho bộ phận an ninh chỗ các cô. Lúc tới đó tôi không muốn gặp rắc rối nào khi vào gặp Kelstein. Giáo sư có thể kiểm tra nhân thân của tôi. Nói với ông ấy rằng tôi trông giống anh trai tôi."

Tôi gác máy. Gọi với sang Finlay phía bên kia phòng. "Chúng đã có bản danh sách của Joe. Chúng đã điều hai tên tới New York. Một trong số đó chính là tên đã lấy chiếc ca táp của Joe. Tên gọn gàng, lịch sự. Chúng đã có bản danh sách."

"Nhưng làm thế nào chứ?" Finlay hỏi. "Danh sách không nằm trong ca táp."

Đột nhiên cảm giác kinh hoàng ập đến tôi. Tôi biết thế nào rồi. Sự thật đang sờ sờ trước mắt tôi.

"Baker", tôi nói. "Baker tham gia vào hoạt động đó. Ông ta đã chụp thêm một bản. Ông đã bảo ông ta chụp bản danh sách của Joe. Ông ta đã chụp hai bản và đưa một bản cho Teale."

"Chúa ơi," Finlay thốt lên. "Ông chắc không?"

Tôi gật đầu.

"Có những biểu hiện khác", tôi nói. "Teale đã chơi trò lừa. Chúng ta cho rằng mọi người trong đồn đều trong sạch. Nhưng lão vẫn giấu những kẻ đó. Thế nên bây giờ chúng ta chẳng biết kẻ nào dính líu và kẻ nào không dính líu. Ta phải ra khỏi đây, ngay bây giờ. Đi thôi".

Chúng tôi chạy ra khỏi phòng. Băng qua phòng họp. Ra ngoài qua cánh cửa lớn bằng kính vào xe Finlay.

"Đi đâu?" ông hỏi.

"Atlanta," tôi nói. "Sân bay. Tôi phải tới New York."

Đội trưởng thám tử nổ máy chạy về hướng Bắc theo tỉnh lộ.

"Baker đã dính líu ngay từ đầu," tôi nói. "Sự thật sờ sờ trước mắt tôi",

Trong lúc Finlay lái, tôi điểm lại toàn bộ cho ông nghe. Từng bước một. Thứ Sáu tuần trước tôi đã một mình cùng Baker trong phòng thẩm vấn nhỏ sơn trắng ở đồn. Tôi đã chìa hai cổ tay ra cho ông ta. Viên cảnh sát đó đã tháo còng cho tôi. Ông ta đã tháo còng cho kẻ mà ông ta phải tin là sát nhân. Một tên sát nhân đã đá nát bảy thi thể nạn nhân của hắn. Baker đã sẵn sàng ở một mình trong phòng cạnh một sát nhân như vậy. Sau đó tôi gọi ông ta tới yêu cầu ông ta giải tôi tới nhà vệ sinh. Viên cảnh sát đã tùy tiện và thiếu thận trọng đến thế. Tôi đã có nhiều cơ hội tước vũ khí của Baker và tẩu thoát. Tôi cho đó là dấu hiệu tay cảnh sát này đã nghe tôi trả lời các câu hỏi của Finlay và dần dần tin rằng tôi vô tội.

Nhưng Baker luôn biết rằng tôi vô tội. Hắn biết chính xác kẻ nào vô tội và chính xác kẻ nào có tội. Đó là lý do hắn tỏ ra thoải mái thế. Hắn biết rằng tôi chỉ là kẻ thế mạng tiện cho chúng sử dụng. Hắn biết tôi chỉ là khách qua đường vô tội. Ai mà lại lo lắng về việc tháo còng tay cho một khách qua đường vô tội chứ? Ai mà lại hết sức thận trọng khi đưa một khách qua đường vô tội đến nhà vệ sinh chứ? Và Baker đã đưa Hubble tới để thẩm vấn. Tôi đã nhận ra ngôn ngữ cơ thể của viên cảnh sát này. Người hắn xoắn lại vì sự xung đột. Khi đó tôi cho rằng Baker cảm thấy khó xử bởi Hubble là bạn và là họ hàng bên nhà vợ Stevenson. Nhưng không phải thế. Người Baker xoắn lại bởi hắn đã mắc bẫy. Hắn biết rằng đưa Hubble tới là một thảm họa. Nhưng hắn không thể không tuân lệnh Finlay mà không thông báo cho anh ta. Hắn đã vướng vào bẫy. Làm thế cũng chết, không làm cũng dở.

Và đã có nỗ lực chủ đích che giấu danh tính của Joe. Baker đã cố tình làm hỏng việc xử lý dấu vân tay bằng máy tính để Joe vẫn là kẻ vô danh. Hắn biết Joe là nhân viên điều tra làm việc cho chính phủ. Hắn biết rằng dấu vân tay của Joe nằm trong cơ sở dữ liệu của Washington. Thế nên hắn cố gắng đảm bảo rằng thông tin đối chiếu không khớp được với nhau. Nhưng Baker đã làm hỏng vỏ bọc của mình bằng cách thông báo quá sớm kết quả không khớp. Đó là sự thiếu kinh nghiệm. Trước đó Baker luôn để những công việc liên quan tới kỹ thuật cho Roscoe làm. Thế nên hắn không biết về hệ thống nhận dạng vân tay. Nhưng tôi đã không đưa ra được kết luận từ các bằng chứng có sẵn. Tôi quá xúc động khi nỗ lực lần thứ hai với các dấu vân tay đã dẫn tới tên của anh trai tôi. Kể từ lúc ấy Baker liên

tục nhòm ngó, dò xét, lờn vờn bên ngoài cuộc điều tra bí mật của chúng tôi. Hẳn muốn tham gia và đã là một kẻ hỗ trợ tích cực. Finlay sử dụng hẳn làm người cảnh giới. Và lúc nào hẳn cũng chạy tới Teale với những mẩu thông tin thu thập được từ chúng tôi.

Finlay phóng về hướng Bắc với tốc độ ghê gớm. Ông bẻ cho chiếc Chevy chạy vòng quanh giao lộ và đạp lút ga. Chiếc xe nặng nề rít lên, lao bổ về phía trước theo quốc lộ.

"Ta có thể thử liên hệ với lực lượng Bảo vệ Bờ biển không?" ông nói. "Yêu cầu họ sẵn sàng vào ngày Chủ nhật khi bọn chúng bắt đầu chuyển hàng đi được không? Kiểu như tăng cường tuần tra chẳng hạn?"

"Ông đùa à," tôi nói. "Bom đạn chính trị mà Tổng thống hứng chịu từ việc ấy, lão sẽ không đảo ngược quyết định của mình vào ngày đầu tiên chỉ bởi ông yêu cầu đâu."

"Thế chúng ta làm gì?"

"Hãy gọi lại cho Princeton. Hãy liên hệ lại với trợ lý nghiên cứu đó. Anh ta có thể chấp nối những gì Bartholomew đã tìm ra đêm qua. Đưa anh ta tới một nơi an toàn và trở nên bận rộn."

Finlay bật cười.

"Bây giờ chỗ quái nào an toàn chứ?" viên thám tử hỏi.

Tôi bảo ông dùng motel Alabama chúng tôi đã ở hôm thứ Hai. Nó nằm ở nơi chẳng mấy ai biết và an toàn ở mức cần thiết. Tôi bảo Finlay rằng tôi sẽ tìm ông khi tôi trở lại. Bảo ông đưa chiếc Bentley tới sân bay, gửi chìa khóa và phiếu đỗ xe ở quầy thông tin của sảnh đến. Viên thám tử nhắc lại toàn bộ những việc ấy cho tôi để xác nhận rằng ông đã nhớ. Đang chạy với tốc độ hơn chín mươi dặm một giờ nhưng bất kỳ lúc nào nói với tôi, ông cũng xoay sang nhìn tôi.

"Đề ý đường ấy Finlay," tôi nói. "Ông giết chúng ta trong một chiếc xe chết tiệt chẳng tốt cho ai đâu."

Finlay nhăn nhó nhìn về phía trước. Đạp ga sâu hơn. Chiếc Chevy to đùng của lực lượng cảnh sát vọt lên một trăm dặm một giờ. Rồi ông lại xoay sang lần nữa nhìn thẳng vào mắt tôi trong khi chiếc xe chạy hết khoảng ba trăm mét.

"Đồ nhát gan," ông nói.

Chẳng có cách nào dễ dàng đi qua cổng kiểm tra an ninh của sân bay khi mang theo một túi cùi, một con dao và một khẩu súng lớn bằng kim loại. Thế nên tôi để chiếc áo khoác nguy trang trong xe của Finlay và bảo ông chuyển nó sang chiếc Bentley. Đội trưởng thám tử vào sảnh xuất phát cùng tôi và bỏ gần bảy trăm đô từ thẻ tín dụng của ông để trả cho chuyến khứ hồi của tôi tới New York bằng máy bay của hãng Delta. Rồi ông ra đi để tìm motel ở Alabama còn tôi qua cổng ra máy bay tới La Guardia.

Tôi ở trên không trung mà không có ánh mặt trời hơn hai giờ đồng hồ và ngồi xe taxi ba mươi lăm phút. Có mặt ở Manhattan sau 4 giờ 30 một chút. Tôi đã ở đây hồi tháng Năm và vào tháng Chín thì nơi này vẫn trông hết như cũ. Cái nóng mùa hè đã chấm dứt, thành phố trở lại với nhịp sống cũ. Chiếc taxi đưa tôi qua cầu Triborough hướng về phía Tây theo đường 116. Vòng quanh công viên Morningside rồi thả tôi xuống lối vào chính của Đại học Columbia. Tôi đi vào tìm đường tới phòng an ninh của trường. Gõ lên tấm cửa kính. Một cảnh sát của trường kiểm tra bằng ghi và cho tôi vào. Dẫn tôi tới một phòng ở phía sau và chỉ về phía giáo sư Kelstein. Tôi trông thấy một người đàn ông nhỏ thó, rất già, quắt queo vì tuổi tác, mái tóc bạc trắng cực dày. Ông trông đúng như ông già quét dọn tôi đã thấy trên tầng ba nhà tù ở Warburton, trừ một điều ông là người da trắng.

"Hai gã gốc Tây Ban Nha đã quay lại chưa?" tôi hỏi viên cảnh sát của trường.

Anh ta lắc đầu.

"Vẫn chưa trông thấy chúng", anh ta đáp. "Văn phòng của ông già nói với chúng rằng cuộc hẹn ăn trưa bị hủy. Có lẽ bọn chúng bỏ đi rồi".

"Tôi hy vọng thế. Trong khi đó anh sẽ phải theo dõi ông già này một thời gian. Hãy làm việc này đến Chủ nhật."

"Tại sao thế? Có chuyện gì đang diễn ra?"

"Nói chính xác thì tôi không chắc chắn. Tôi đang hy vọng là ông già có thể nói cho tôi biết?"

Viên cảnh sát đưa chúng tôi trở lại văn phòng riêng của Kelstein và để chúng tôi ở lại. Đây là một căn phòng nhỏ, không được sạch sẽ, sách và các cuốn tạp chí dày cao tới tận trần. Kelstein ngồi vào một chiếc ghế bành cũ rồi ra hiệu cho tôi ngồi vào chiếc phía đối diện.

"Chính xác thì điều gì xảy ra với Bartholomew?" vị giáo sư già hỏi.

"Tôi không biết chính xác. Cảnh sát Jersey nói rằng ông ấy bị đâm trong một vụ cướp xảy ra bên ngoài nhà ông ấy."

"Nhưng ông vẫn hoài nghi à?" Kelstein hỏi.

"Anh trai tôi đã lập một danh sách các mối liên hệ. Ông là người duy nhất trong số đó còn sống."

"Anh trai ông là ông Joe Reacher à?"

Tôi gật đầu.

"Anh ấy bị giết hôm thứ Năm tuần trước. Tôi đang cố gắng tìm hiểu vì sao lại thế."

Kelstein nghiêng đầu nhìn ra ngoài cửa sổ đầy bụi bặm.

"Tôi chắc chắn là ông biết vì sao", ông già nói. "Ông ấy là điều tra viên. Rõ ràng ông ấy bị giết trong khi thực hiện một cuộc điều tra. Điều ông cần biết là ông ấy đang điều tra cái gì".

"Ông có thể nói cho tôi biết đó là gì chứ?"

Vị giáo sư già lắc đầu.

"Chỉ có thể nói những vấn đề chung nhất", ông nói. "Tôi không thể giúp ông với các vấn đề cụ thể."

"Anh ấy không bàn những vấn đề cụ thể với ông sao?"

"Ông ấy sử dụng tôi như người nhận xét về các ý định ban đầu. Chúng tôi cùng phỏng đoán với nhau. Tôi cực kỳ thích việc ấy. Anh trai Joe của ông là một đối tác thú vị. Ông ấy có một cái đầu nhạy và sự chính xác rất hấp dẫn trong cách ông ấy trình bày ý kiến của mình. Làm việc với ông ấy thật dễ chịu."

"Nhưng các ông không bàn những vấn đề cụ thể à?" tôi hỏi lại.

Kelstein khum hai bàn tay lại như người đàn ông cầm chiếc chén không.

"Chúng tôi bàn bạc mọi vấn đề," ông nói. "Nhưng chúng tôi không đi tới kết luận nào cả."

"OK," tôi nói. "Chúng ta đi từ đầu được chứ? Cuộc bàn thảo đề cập đến vấn đề tiền giả, đúng không?"

Kelstein nghiêng cái đầu lớn về một bên. Trông vui vẻ.

"Rõ ràng là thế," ông nói. "Ông Joe Reacher và tôi tìm được gì khác để bàn chứ?"

"Tại sao lại là ông?" tôi hỏi không hề e ngại.

Vị giáo sư già nở nụ cười khiêm tốn, nụ cười chuyển thành nét lo lắng. Rồi trở thành nụ cười mỉa mai.

"Bởi tôi là tay làm giả giỏi nhất trong lịch sử," ông nói. "Tôi vừa định nói rằng tôi là một trong hai người giỏi nhất trong lịch sử, nhưng sau những gì xảy ra đêm qua ở Princeton, đáng buồn là bây giờ chỉ còn lại tôi."

"Ông và Bartholomew à? Các ông là những kẻ làm tiền giả sao?"

Ông già lại mỉm cười.

"Không phải do chúng tôi chọn," ông nói. "Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, những người trẻ tuổi như Walter và tôi phải làm những nghề rất lạ. Ông ấy với tôi được coi là phát huy tác dụng trong ngành tình báo tốt hơn là chiến đấu. Chúng tôi được tuyển vào SIS, mà ông biết đó là cơ quan thời sơ khai nhất của CIA. Những người khác chịu trách nhiệm tấn công kẻ thù bằng súng và bom. Chúng tôi được giao nhiệm vụ tấn công kẻ thù bằng kinh tế. Chúng tôi đã lập ra một kế hoạch làm sụp đổ nền kinh tế của bọn phát xít bằng cuộc tấn công nhằm vào giá trị tiền giấy. Dự án của chúng tôi sản xuất ra vài trăm tỷ đồng mark giả. Các máy bay ném bom rải tiền giả đó khắp nước Đức. Chúng rơi từ trên trời xuống như hoa giấy".

"Việc đó thành công chứ?" tôi hỏi.

"Có và không. Điều chắc chắn là nền kinh tế của chúng suy sụp. Đồng tiền của chúng mất giá rất nhanh. Nhưng điều tất nhiên là phần lớn hoạt động sản xuất của chúng sử dụng lao động nô lệ. Các nô lệ chẳng quan tâm liệu tiền lương trong túi của một kẻ khác có đáng giá hay không. Và tất nhiên người ta tìm ra những loại hình tiền tệ khác. Sô cô la, thuốc lá, bất kỳ thứ gì. Tóm lại thì việc đó cũng thành công một phần. Nhưng việc ấy biến Walter và tôi trở thành hai kẻ làm giả vĩ đại nhất lịch sử. Đúng như thế, nếu ông lấy tổng lượng tiền giả làm tiêu chí đánh giá. Còn thì tôi không dám nhận là mình có tài năng xuất chúng ở khâu cuối cùng trong quá trình ấy, khâu in mực."

"Vậy nên Joe sử dụng tới trình độ của các ông phải không?"

"Walter và tôi đâm ra lại say mê công việc đó. Chúng tôi đã nghiên cứu lịch sử làm tiền giả. Việc ấy diễn ra ngay sau ngày tiền giấy xuất hiện lần đầu tiên. Nó không bao giờ chấm dứt. Chúng tôi trở thành các chuyên gia. Sau chiến tranh chúng tôi vẫn duy trì mối quan tâm ấy. Chúng tôi có một quan hệ lỏng lẻo với chính phủ. Cuối cùng, cách đây vài năm, một tiểu ban của Thượng nghị viện đề nghị

chúng tôi lập một bản báo cáo. Với tất cả sự khiêm tốn, tôi có thể nói rằng nó trở thành cảm nang chống tiền giả của Bộ Tài chính. Tất nhiên là anh trai ông biết nó rất rõ. Đó là lý do ông ấy nói chuyện với Walter và tôi."

"Nhưng ông ấy nói chuyện gì với các ông?"

"Joe là một cây chổi mới. Ông ấy được đưa về để quét sạch các vấn đề. Thực sự ông ấy là người rất tài năng. Công việc của ông ấy là xóa sạch nạn tiền giả. Giờ thì đó là công việc bất khả thi. Walter với tôi đã bảo ông ấy thế. Nhưng Joe đã gần như thành công. Ông ấy suy nghĩ rất nhiều, và đã áp dụng những biện pháp đơn giản tuyệt vời. Ông ấy gần như chặn đứng mọi hoạt động in tiền giả trong lòng nước Mỹ."

Tôi ngồi trong văn phòng chật chội lắng nghe ông già nói. Kelstein đã biết về Joe nhiều hơn tôi. Ông đã cùng chia sẻ những hy vọng và kế hoạch của Joe. Chúc mừng thành công của anh. Thông cảm với những trở ngại anh gặp phải. Họ đã nói chuyện rất cụ thể trong một thời gian dài, sinh động, tranh luận tóe lửa. Cuộc nói chuyện mặt đối mặt cuối cùng của tôi với Joe diễn ra rất ngắn, sau đám tang mẹ tôi. Khi ấy tôi đã không hỏi anh đang làm gì. Tôi chỉ nhìn nhận anh là anh trai mình. Chỉ coi anh là Joe. Tôi đã không nhìn thấy thực tế đời sống của anh là một quan chức cao cấp với vài trăm người dưới quyền, được Nhà Trắng tin tưởng giao xử lý các vấn đề lớn, đủ khả năng gây ấn tượng mạnh với một người già dặn đầy khôn ngoan như Kelstein. Tôi ngồi đó, trong chiếc ghế bành và cảm thấy đau buồn. Tôi đã đánh mất thứ gì đó mà tôi chưa bao giờ biết là mình có.

"Các hệ thống của ông ấy rất hay", Kelstein nói. "Phân tích của ông ấy rất sắc sảo. Joe tập trung vào mực và giấy. Suy cho cùng mọi thứ đều dẫn tới mực và giấy in, đúng không? Nếu bất kỳ kẻ nào mua loại mực và giấy có thể dùng để làm giả tiền, Joe sẽ biết ngay trong vòng vài giờ. Ông ấy sẽ quét sạch bọn ấy chỉ sau vài ngày. Ông ấy khiến hoạt động in tiền giả trong lòng nước Mỹ giảm chín mươi phần trăm. Và ông ấy lần theo mười phần trăm còn lại mạnh đến mức gần như tóm được hết trước khi chúng kịp phân phối những tờ tiền giả. Joe gây ấn tượng rất mạnh với tôi".

"Vậy vấn đề là gì?" tôi hỏi vị giáo sư già.

Kelstein dùng hai bàn tay nhỏ, trắng làm vài cử chỉ ngắn gọn rất chính xác, như thể ông đang gạt đi một khả năng này và giới thiệu một khả năng khác.

"Vấn đề nằm ở nước ngoài", ông nói. "Bên ngoài nước Mỹ. Tình hình bên ngoài rất khác. Ông biết rằng bên ngoài nước Mỹ có lượng đô la nhiều gấp đôi trong nước chứ?"

Tôi gật đầu. Tôi tóm lại những điều Molly đã nói cho tôi về những khoản tiền giữ ở nước ngoài. Niềm tin và sự tin tưởng. Nỗi lo sợ nhu cầu đối với đồng đô la bất ngờ sụp đổ. Kelstein đang gạt gạt đầu như thể tôi là sinh viên của ông và ông thích khóa luận của tôi.

"Quả là thế," ông nói. "Chuyện này liên quan nhiều tới chính trị hơn là pháp luật. Cuối cùng thì nhiệm vụ chính của chính phủ là bảo vệ giá trị đồng tiền của mình. Chúng ta có hai trăm sáu mươi tỷ đô la ở nước ngoài. Đồng đô la là loại tiền tệ không chính thức của vài chục quốc gia. Chẳng hạn, ở nước Nga mới, đô la Mỹ còn nhiều hơn đồng rúp. Trên thực tế, giống như Washington đã vay một khoản nợ nước ngoài khổng lồ. Nếu huy động bằng bất kỳ cách nào khác, riêng tiền lãi của khoản nợ ấy sẽ ngốn của chúng ta mỗi năm hai mươi sáu tỷ đô la. Nhưng bằng cách này chúng ta chẳng phải mất gì trừ chi phí in hình ảnh của các chính trị gia đã chết lên những mảnh giấy nhỏ. Tất cả là thế đấy, ông Reacher. In tiền bán cho người nước ngoài là việc tốt nhất chính phủ có thể làm. Thế nên công việc trên thực tế của Joe đóng góp cho đất nước này mỗi năm hai mươi sáu tỷ đô. Và ông ấy làm việc đó bằng nguồn lực phù hợp với những yêu cầu to lớn đó."

"Vậy vấn đề nằm ở đâu? Do địa lý à?"

"Hai nơi chính," Kelstein giải thích. "Trước hết là Trung Đông. Joe tin rằng có một nhà máy ở thung lũng Bekaa sản xuất ra những tờ một trăm đô giả hoàn hảo. Nhưng ông ấy khó có thể ngăn việc đó. Ông từng tới đó rồi chứ?"

Tôi lắc đầu. Tôi từng đóng quân ở Beirut một thời gian. Tôi biết một số người tới thung lũng Bekaa vì lý do này hay lý do khác. Không nhiều người quay trở về.

"Vùng đất của Libăng do Syria kiểm soát," Kelstein tiếp. "Joe gọi đó là miền đất dữ. Ở đó họ làm mọi chuyện. Trại huấn luyện cho những tên khủng bố trên thế giới, phòng thí nghiệm điều chế ma túy, ông nêu tên được thứ gì thì chúng có thứ đó. Kể cả bản sao tuyệt vời của Cục In khắc của chúng ta!"

Tôi suy nghĩ về điều này. Suy nghĩ về thời gian tôi từng ở đó.

"Được những ai bảo vệ?" tôi hỏi.

Kelstein mỉm cười với tôi lần nữa. Gật đầu.

"Một câu hỏi rất nhạy bén," ông nói "Rõ ràng ông đã nhận thức rằng hoạt động ở quy mô ấy rất lộ liễu, rất phức tạp, rằng bằng cách nào đó nó phải được bảo trợ. Joe tin rằng hoạt động này được bảo vệ, hoặc thậm chí chính là hoạt động của chính phủ Syria. Vì vậy sự can thiệp của ông ấy rất hạn chế. Ông ấy kết luận rằng giải pháp duy nhất là đường ngoại giao. Nếu thất bại, ông ấy ủng hộ các cuộc không kích để ngăn chặn hoạt động đó. Có lẽ chúng ta sẽ sống để chứng kiến giải pháp ấy vào một ngày nào đó."

"Còn nơi thứ hai thì sao?"

Vị giáo sư già trở ra ngoài cửa sổ phòng bám đầy bụi. Hướng về phía Nam, theo đại lộ Amsterdam.

"Nam Mỹ," ông nói. "Nguồn thứ hai là Venezuela. Joe đã xác định được vị trí của nơi đó. Đó là mục tiêu ông ấy đang nhắm vào. Những tờ bạc một trăm đô giả cực kỳ chất lượng đang chảy đi từ Venezuela. Nhưng là một doanh nghiệp tư nhân hoàn toàn. Không có dấu hiệu nào cho thấy sự dính líu của chính phủ sở tại."

Tôi gật đầu.

"Chúng tôi đã suy đoán được tới đó," tôi nói. "Một gã tên Kliner ở Georgia, nơi Joe bị giết."

"Quả là thế. Tay Kliner mưu mẹo này. Hoạt động này của hắn. Hắn đang điều hành toàn bộ. Chúng ta biết chắc điều đó. Bây giờ hắn thế nào?"

"Hắn đang hoảng sợ," tôi nói. "Hắn đang giết người."

Kelstein gật đầu buồn bã.

"Chúng tôi nghĩ có thể Kliner hoảng sợ," ông nói. "Hắn đang bảo vệ hoạt động rất hiệu quả. Là hoạt động tốt nhất chúng tôi từng chứng kiến."

"Tốt nhất hả?"

Kelstein gật đầu một cách nhiệt tình.

"Rất hiệu quả," ông nhắc lại. "Ông biết đến mức nào về sản xuất tiền giả?"

Tôi nhún vai.

"Biết nhiều hơn tuần trước. Nhưng tôi cho là không đủ."

Vị giáo sư già gật đầu và dịch cơ thể mỏng manh của mình trên ghế. Hai mắt ông sáng lên. Ông chuẩn bị bắt đầu một bài giảng về chủ đề ông ưa thích.

"Có hai loại người làm tiền giả", Kelstein bắt đầu. "Là loại giỏi và loại dốt. Những người giỏi biết làm việc ấy đúng cách. Ông biết sự khác biệt giữa thuật in đá và in khắc lõm chứ?"

Tôi nhún vai lắc đầu. Kelstein lấy một cuốn tạp chí đưa cho tôi. Đó là một cuốn tạp chí ra hàng

quý của một hội sử học.

"Mở ra đi," ông già nói. "Bất kỳ trang nào cũng được. Miết ngón tay trên mặt giấy. Nó nhẵn, phải không? Đó là in đá. Đó là cách in hầu hết mọi thứ. Sách, tạp chí, báo, mọi thứ. Một con lăn dính mực lăn qua phần giấy trắng. Nhưng in khắc lõm thì khác."

Vị giáo sư già đột nhiên vỗ hai tay vào nhau. Tôi giật mình. Trong căn phòng yên tĩnh của ông, tiếng động ấy thật to.

"Đó là in khắc lõm", ông nói. "Một bản kim loại được ép vào giấy với lực đáng kể. Nó để lại cảm giác gờ lên rõ ràng ở sản phẩm in. Hình ảnh in ra trông như hình ba chiều. Nó có cảm giác ba chiều. Không thể nhầm lẫn được."

Kelstein nhô người lên để lấy ví trong túi quần ra. Lôi ra một tờ mười đô la. Đưa qua cho tôi.

"Ông có thể cảm nhận được nó chứ?" giáo sư hỏi. "Bản kim loại làm bằng niken phủ một lớp crôm. Các đường rất mảnh được khắc vào lớp crôm, rồi những đường này được đổ mực vào. Bản kim loại ép vào giấy, mực được in vào bề mặt trên cùng của nó. Hiểu chứ? Mực nằm ở các rãnh của bản kim loại nên chúng được truyền sang các gờ trên giấy. In khắc lõm là cách duy nhất tạo được những hình ảnh nổi như thế. Cách duy nhất khiến cho các tờ tiền giả có cảm giác như tiền thật. Đó chính là phương pháp sản xuất tiền thật mà."

"Thế còn mực?"

"Có ba màu," Kelstein nói. "Đen, hai sắc xanh lá cây. Phần sau của tờ tiền được in trước, bằng mực xanh lá cây đậm. Rồi tiền được để khô, ngày hôm sau mặt trước của nó được in bằng mực đen. Phần đó khô đi và mặt trước được in một lần nữa, bằng mực xanh lá cây sáng hơn. Đó là thứ ông trông thấy trên mặt trước đồng tiền, trong đó có số xê ri."

Nhưng màu xanh sáng được in bằng một quy trình khác gọi là in khuôn nổi. Nó cũng hết như in khắc lõm song mực được đóng vào các rãnh trên giấy chứ không phải các gờ"

Tôi gật đầu nhìn tờ mười đô la, cả mặt trước và mặt sau. Vuốt các ngón tay lên tờ tiền một cách cẩn thận. Thực sự thì trước đây chưa bao giờ tôi nghiên cứu tờ tiền nào.

"Như vậy là bốn vấn đề," vị giáo sư nói. "Máy in, bản kim loại, mực, giấy. Máy in thì có thể mua ở bất kỳ đâu trên thế giới, mới hoặc đã qua sử dụng. Có vài trăm nguồn cung cấp. Hầu hết các nước in tiền, trái phiếu, kỳ phiếu bằng các máy đó. Thế nên có thể mua máy in ở nước ngoài. Thậm chí có thể chế tác được chúng. Joe từng phát hiện một vụ in khắc lõm ở Thái Lan sử dụng máy chế biến cá mực được cải tiến. Những tờ một trăm đô của chúng không chệ vào đâu được."

"Thế còn những bản kim loại?" tôi hỏi.

"Các bản kim loại là vấn đề thứ hai. Nhưng đây là vấn đề tài năng. Trên thế giới có những người có thể làm giả tranh của các danh họa nổi tiếng thời xưa, có những người có thể chơi một bản công xéc tô của Mozart sau khi chỉ được nghe một lần. Và chắc chắn có những thợ khắc có thể làm ra các tờ tiền. Đó là một nhận định hoàn toàn logic, đúng không? Nếu một người ở Washington có thể khắc ra bản gốc thì chắc chắn có một người ở một nơi khác có thể sao chép nó. Nhưng số đó hiếm. Các chuyên gia sao chép thực sự giỏi thậm chí còn hiếm hơn. Ở châu Mỹ có vài người. Điềm in tiền giả bằng máy chế biến cá mực ở Thái Lan đã dùng một người Malaysia chế ra các bản kim loại."

"Được rồi," tôi nói. "Như vậy Kliner đã mua một máy in, và hắn đã tìm được một chuyên gia khắc. Thế còn mực thì sao?"

"Các loại mực là vấn đề thứ ba. Anh không thể mua thứ gì hiếm như thế ở Mỹ. Joe đảm bảo được việc ấy. Nhưng ở nước ngoài thì có thể mua được. Như tôi đã nói, hầu hết mọi nước trên thế giới

đều có cơ sở in tiền của riêng mình. Và rõ ràng là Joe không thể áp dụng các hệ thống của mình ở mọi nước trên thế giới. Thế nên các loại mực thì chẳng khó tìm. Hai loại mực xanh lá cây chỉ là vấn đề về màu. Bọn chúng pha thử cho tới khi có đúng màu cần thiết. Loại mực đen là mực từ tình, ông biết điều đó chứ?"

Tôi lắc đầu lần nữa. Quan sát tờ tiền kỹ hơn. Kelstein mỉm cười.

"Ông không thể thấy được đâu," giáo sư nói. "Một loại hóa chất dạng lỏng có chứa sắt được pha với mực đen. Đó là kiểu hoạt động của các máy đếm tiền điện tử. Chúng quét hình khắc ở giữa chân dung, rồi máy đọc tín hiệu nó phản hồi lại, giống như đầu từ đọc âm thanh của một chiếc cassette."

"Và bọn chúng có loại mực đó à?"

"Bất kỳ nơi nào trên thế giới. Mọi người đều sử dụng nó. Chúng ta tụt hậu so với các nước khác. Chúng ta không thích thừa nhận rằng ta lo lắng về tình trạng tiền giả".

Tôi nhớ lại những điều Molly đã nói. Tín nhiệm và sự tin tưởng. Tôi gật đầu.

"Tiền tệ phải có vẻ ổn định," Kelstein nói. "Đó là lý do chúng ta khá lưỡng lự trong việc thay đổi. Phải tỏ ra đáng tin cậy, chắc chắn, không thay đổi. Cứ lật tờ mười đô ấy lên mà xem."

Tôi nhìn bức hình màu xanh lá cây ở mặt sau tờ mười đô. Tòa nhà Bộ Tài chính đứng ở một con phố không người. Chỉ có một chiếc xe hơi chạy qua. Nó trông giống chiếc Ford dòng T.

"Gần như không thay đổi từ năm 1929," Kelstein nói. "Xét về mặt tâm lý, điều đó rất quan trọng. Chúng ta chọn đặt hình ảnh đáng tin cậy lên trên vấn đề an toàn. Điều ấy khiến cho công việc của Joe trở nên rất khó khăn."

Tôi gật đầu lần nữa.

"Đúng", tôi nói. "Thế là chúng ta đã bàn về máy in, bản kim loại, các loại mực. Thế còn giấy in?"

Gương mặt Kelstein bừng sáng, ông vỗ hai bàn tay nhỏ nhắn vào nhau tỏ ý chúng tôi đã đi đến phần thực sự thú vị.

"Giấy là vấn đề thứ tư," ông nói. "Thực ra chúng ta nên nói đó là vấn đề số một. Cho tới nay là vấn đề lớn nhất. Nó là nguyên nhân Joe và tôi không thể hiểu về hoạt động của Kliner."

"Tại sao không?"

"Bởi giấy của bọn chúng hoàn hảo," vị giáo sư già đáp. "Nó hoàn hảo trăm phần trăm. Giấy của chúng tốt hơn kỹ thuật in. Và đó là điều tuyệt đối tôi chưa nghe nói".

Kelstein bắt đầu lắc lư cái đầu lớn bạc trắng đầy ngạc nhiên. Như thể ông đang chìm vào sự ngưỡng mộ đối với những thành tựu của Kliner. Chúng tôi ngồi yên lặng đối diện nhau trên hai chiếc ghế bành cũ.

"Hoàn hảo à?" tôi móm lời cho vị giáo sư già.

"Chưa từng thấy," ông nhắc lại. "Giấy là công đoạn khó khăn nhất trong toàn bộ quy trình. Đừng quên nhé, bây giờ chúng ta không nói tới chuyện làm kiểu nghiệp dư. Chúng ta nói tới chuyện làm tiền giả quy mô lớn. Trong một năm, bọn chúng in ra những tờ một trăm đô la giả có tổng giá trị bốn tỷ đô."

"Nhiều thế sao?" tôi ngạc nhiên hỏi.

"Bốn tỷ," Kelstein nhắc lại. "Tương đương với mức ở Libăng. Đó là các con số của Joe. Ông ấy có cách biết được con số đó. Song chuyện này không thể giải thích nổi. Bốn tỷ toàn tiền mệnh giá một trăm đô là bốn mươi triệu tờ. Đó là lượng giấy rất lớn. Đó là số lượng giấy hoàn toàn không lý giải nổi, ông Reacher. Và giấy của chúng là loại hoàn hảo."

"Bọn chúng cần loại giấy nào?"

Vị giáo sư nhoài người lấy lại tờ mười đô la trên tay tôi. Vò, kéo, búng tờ tiền.

"Tờ tiền này là tập hợp các sợi bông và lanh", ông nói. "Rất thông minh và rất độc đáo. Khoảng tám mươi phần trăm bông và hai mươi phần trăm lanh. Trong đó không có chút bột gỗ nào. Kiểu như nó có nhiều thành phần giống với chiếc sơ mi ông đang mặc hơn một tờ báo. Trong thành phần có một loại màu hóa chất rất tinh vi, tạo nên màu kem rất độc đáo. Và nó có những sợi polyme ngẫu nhiên màu đỏ và xanh nước biển mỏng như tơ. Giấy để in tiền là giấy tuyết vôi. Bền, tồn tại được nhiều năm, không tan trong nước dù nóng hay lạnh. Độ thấm hút tuyệt đối chính xác, có khả năng tiếp nhận những hình khắc mảnh nhất mà các nhà sản xuất bản kim loại có thể tạo ra."

"Vậy là khó bắt chước giấy sản xuất tiền à?" tôi hỏi.

"Gần như không thể. Ở góc độ nào đó, giấy này khó bắt chước đến mức ngay cả nhà phân phối chính thức cho chính phủ cũng không thể bắt chước được. Chỉ giữ cho chất lượng ổn định từng mẻ đã là việc rất khó khăn với họ, và cho đến nay họ là nhà sản xuất giấy tinh vi nhất thế giới."

Tôi điểm lại tất cả trong đầu. Máy in, bản kim loại, giấy, mực.

"Như vậy nguồn cung cấp giấy thực sự là chìa khóa cho toàn bộ quy trình à?" tôi hỏi.

Kelstein rầu rĩ gật đầu.

"Đó là kết luận của chúng tôi," ông nói. "Chúng tôi nhất trí rằng nguồn cung cấp giấy là vấn đề sống còn, và chúng tôi đều không biết chúng xoay xử việc này thế nào. Đó là lý do tôi không thể thực sự giúp gì ông. Tôi đã không thể giúp được Joe, và tôi không thể giúp ông. Tôi vô cùng lấy làm tiếc".

Tôi nhìn giáo sư già.

"Chúng có một nhà kho chứa đầy thứ gì đó," tôi nói. "Đó có thể là giấy không?"

Kelstein xì mũi về chế nhạo.

"Ông không nghe tôi nói à?" ông hỏi. "Giấy sản xuất tiền không thể kiểm được. Tuyệt đối không kiểm được. Ông chẳng thể kiểm nổi bốn chục tờ giấy sản xuất tiền chứ nói gì tới bốn mươi triệu tờ. Toàn bộ chuyện này là điều hoàn toàn bí ẩn. Joe, Walter và tôi đã nghĩ nát óc suốt cả năm nhưng không suy ra được gì."

"Tôi nghĩ rằng Bartholomew đã phát hiện ra gì đó."

Kelstein buồn bã gật đầu. Ông chậm chậm nâng người lên khỏi ghế bước tới bàn làm việc. Bấm nút chạy lại trên máy trả lời điện thoại. Căn phòng vang lên tiếng bíp rồi tới tiếng nói của một người đã chết. "Kelstein à?" giọng ấy nói. "Bartholomew đây. Bây giờ là đêm thứ Năm, khuya rồi. Sáng mai tôi sẽ gọi cho ông và sẽ cho ông biết câu trả lời. Tôi biết là tôi đã tới đích trước ông. Chúc ngủ ngon, ông bạn già."

Trong giọng nói có sự phản kích. Kelstein đứng đó chăm chú nhìn vào khoảng không như thể hồn của Bartholomew vẫn lơ lửng trên đó. Trông ông buồn. Tôi không thể biết lý do bởi là đồng nghiệp già của ông đã mất hay người đồng nghiệp đó đã tìm ra câu trả lời trước ông.

"Tội nghiệp Walter," ông nói. "Tôi đã quen ông ấy năm mươi sáu năm."

Tôi ngồi yên lặng một lúc. Rồi tôi cũng đứng lên.

"Tôi sẽ tìm ra," tôi nói.

Kelstein nghiêng đầu về một bên nhìn tôi sắc lẹm.

"Ông thực sự nghĩ là ông sẽ tìm ra à?" vị giáo sư hỏi. "Trong khi Joe không thể làm việc đó?"

Tôi nhún vai với ông.

"Có lẽ Joe đã tìm ra. Chúng tôi không biết anh ấy đã phát hiện ra chuyện gì trước khi chúng tóm được anh ấy. Dù gì thì ngay bây giờ tôi sẽ quay về Georgia. Tiếp tục tìm kiếm".

Kelstein gật đầu thờ dãi. Ông trông căng thẳng.

"Chúc may mắn, ông Reacher", giáo sư nói với tôi. "Tôi hy vọng ông sẽ hoàn thành công việc

của anh trai mình. Có lẽ ông sẽ làm được. Joe thường nói tới ông. Ông ấy quý ông, ông biết đấy."

"Anh ấy nói về tôi à?"

"Thường xuyên," ông già nói. "Joe rất quý ông. Ông ấy tiếc là nghề nghiệp của ông khiến ông phải ở xa."

Trong chốc lát tôi chẳng thể nói nên lời. Tôi cảm thấy mình tội lỗi không thể chịu nổi. Năm tháng qua đi, tôi không nghĩ về Joe. Nhưng anh nghĩ gì về tôi?

"Ông ấy lớn tuổi hơn nhưng ông lại lo lắng cho ông ấy," Kelstein tiếp. "Đó là điều Joe kể với tôi. Ông ấy nói rằng ông rất dữ. Rất rắn. Tôi đoán là nếu Joe cần ai đó để lo vụ nhà Kliner, ông ấy sẽ đề cử ông."

"Tôi đi đây," tôi nói.

Tôi bắt bàn tay mỏng manh của vị giáo sư già và để ông lại cùng các cảnh sát trong phòng an ninh.

Tôi đang cố gắng tìm hiểu xem Kliner lấy loại giấy in hoàn hảo ở đâu, cũng cố tìm hiểu liệu khăn trương thì mình có thể kịp chuyến bay lúc sáu giờ để trở lại Atlanta không, và tôi cố gắng lờ đi điều Kelstein đã kể rằng Joe nói tốt về tôi. Phố xá đầy người, tôi bận nghĩ về những chuyện kia và tìm một chiếc taxi không có khách, đó là lý do tôi không nhận ra hai gã gốc Tây Ban Nha đang bước về phía mình. Nhưng thứ tôi nhận ra là khẩu súng mà tay đi đầu hé ra cho tôi thấy. Đó là một khẩu tự động loại nhỏ nằm trong bàn tay nhỏ, giấu dưới áo choàng ka ki mà người thành phố hay cầm trên tay trong tháng Chín. Gã cho tôi thấy vũ khí còn tên đồng bọn ra hiệu cho một chiếc xe đang chờ ở rìa đường cách chúng tôi hai mươi mét. Chiếc xe chồm tới, tên đồng bọn đứng sẵn sàng mở cửa như những anh chàng đội mũ chóp vẫn làm bên ngoài các căn hộ đắt tiền ở đây. Tôi nhìn khẩu súng rồi nhìn chiếc xe tính toán những lựa chọn.

"Vào xe," tên cầm súng nói khẽ. "Không tao bắn".

Tôi đứng yên, tắt cả những gì lướt qua suy nghĩ là tôi có thể lỡ một chuyến bay. Tôi cố gắng nhớ xem chuyến bay thẳng tiếp theo cất cánh lúc nào. Tôi nghĩ là lúc bảy giờ.

"Vào xe," gã đàn ông nhắc lại.

Tôi chắc chắn rằng gã sẽ không nổ súng trên phố. Đó là một khẩu súng nhỏ song không hẳn thiết bị giảm thanh. Nó sẽ gây tiếng động lớn, mà phố lại đông người. Hai tay gã còn lại không có gì. Có thể hắn rút súng trong túi. Trong xe chỉ có tài xế. Có lẽ trên ghế ngồi cạnh hắn có một khẩu súng. Tôi thì không có vũ khí. Chiếc áo khoác của tôi cùng cây dùi cui, con dao và khẩu Desert Eagle lại nằm cách xa tám trăm dặm, ở Atlanta. Phải lựa chọn.

Tôi chọn cách không vào xe. Tôi chỉ đứng yên trên phố, lấy tính mạng mình ra đánh cược rằng gã đàn ông sẽ không nổ súng trước mặt bao nhiêu người. Hắn đứng đó, cầm chiếc áo mưa giơ về phía tôi. Chiếc xe dừng lại cạnh chúng tôi. Tên đồng bọn đứng phía bên kia xe. Hai tên này thuộc loại nhỏ con. Cả hai tên này cộng lại cũng không to bằng tôi. Chiếc xe vẫn nổ máy chờ bên rìa đường. Chẳng ai cử động. Chúng tôi chỉ đứng sững như hàng trưng bày ở quầy kính cửa hàng. Như các loại đồ mốt mới cho mùa thu, đồ dã chiến cũ của quân đội kết hợp với áo mưa hãng Burberry.

Việc này gây ra vấn đề lớn cho hai gã đàn ông. Trong tình huống như thế, chỉ có cơ hội dài một phần nhỏ giây để thực hiện lời đe dọa. Nếu ta nói ta sẽ bắn, ta phải bắn. Nếu không, sức mạnh của ta đã hết. Ta bị lừa. Nếu không bắn, ta chẳng là gì cả. Và gã đàn ông đã không siết cò. Gã chỉ đứng đó, người vắn vẹo vì do dự. Trên vỉa hè nhộn nhịp, người ta xoáy quanh chúng tôi. Xe hơi bóp còi xua gã đàn ông dừng bên rìa đường.

Chúng là những tay khôn ngoan. Đủ khôn ngoan để không bắn tôi trên một con phố bận rộn của New York. Đủ khôn ngoan để biết rằng tôi đã lừa chúng. Đủ khôn ngoan để không bao giờ lặp lại lời đe dọa mà chúng không thực hiện. Nhưng không đủ khôn ngoan để bỏ đi. Chúng chỉ đứng đó.

Thế nên tôi lắc người về phía sau, như thể tôi sắp bước đi. Khẩu súng dưới chiếc áo mưa chọc lên phía tôi. Tôi để ý động tác này liền dùng bàn tay trái túm lấy cổ tay gã đàn ông nhỏ con, kéo cho khẩu súng vòng ra sau lưng tôi và dùng cánh tay phải quàng qua hai vai gã, ôm gã sát người mình. Trông chúng tôi như đang nhảy điệu van với nhau hay như những đôi yêu nhau ở ga tàu. Rồi tôi ngã người về phía trước ép gã vào chiếc xe. Tôi dùng hết sức bình sinh liên tục bóp mạnh cổ tay gã, các móng tay bấm sâu vào thịt. Dù dùng tay trái nhưng việc ấy cũng khiến đối thủ đau đớn. Trọng lượng của tôi đè lên khiến gã vất vả mới thở nổi. Tên đồng bọn vẫn đặt tay trên cửa xe. Mắt gã đảo qua đảo lại. Rồi bàn tay còn lại của gã lần xuống túi. Thế nên tôi bật người đứng thẳng lại, vặn bàn tay cầm súng của gã tôi đang ôm và ném hắt vào xe. Và rồi tôi chạy như ma đuổi. Sau năm sải chân tôi đã biến vào đám đông. Tôi lắt léo xô đẩy qua đám người dày đặc. Chui vào rồi lại chui ra các cửa, chạy băng ngang phố giữa dòng xe phanh rít bóp còi inh ỏi. Hai gã đàn ông đuổi theo tôi một lát nhưng rốt cuộc dòng xe cộ đã ngăn chúng lại. Chúng không dám mạo hiểm như tôi đang làm.

Chạy hết tám khu nhà thì tôi bắt một chiếc taxi và kịp lên chuyến bay thẳng lúc sáu giờ, từ La Guardia về Atlanta. Vì lý do nào đó mà trở lại mất nhiều thời gian hơn. Tôi ngồi máy bay hai tiếng rưỡi đồng hồ. Suốt thời gian bay trên bầu trời Jersey, Maryland và Virginia tôi đều nghĩ về Joe. Trên bầu trời bang Carolina và bay vào bang Georgia, tôi nghĩ về Roscoe. Tôi muốn cô trở lại. Tôi nhớ Roscoe như điên. Chúng tôi hạ cánh xuyên qua những đám mây giông dày tới mười dặm. Bóng tối của Atlanta bị những đám mây biến thành màu đen như hắc ín. Như thể một hệ thời tiết khổng lồ đang từ đâu đó kéo tới. Khi chúng tôi rời máy bay, không khí trong hành lang dẫn ra dày và nặng, có mùi đông lạnh mùi dầu hỏa.

Tôi lấy chìa khóa xe Bentley ở quầy thông tin của sảnh đến. Nó được đặt trong một chiếc phong bì cùng phiếu đậu xe. Tôi bước ra tìm chiếc Bentley. Cảm nhận được làn gió ẩm thổi từ phía Bắc lại. Con giông sắp lớn dần lên. Tôi có thể cảm thấy điện đang tích tụ dần thành sét. Tôi thấy chiếc xe trong khu đỗ ngắn hạn. Các cửa sau đều đã sơn đen. Rốt cuộc tay thợ sửa xe đã không sơn cửa bên hay kính chắn gió. Việc đó khiến chiếc xe trông như xe hoàng gia có thể dừng, có tài xế chạy. Áo khoác tôi đặt trong cốp. Tôi mặc vào và lại cảm thấy sức nặng của các món vũ khí trong túi khiến tôi vững dạ. Tôi ngồi vào tay lái, chạy ra khỏi bãi đỗ hướng về phía Nam, chạy trong bóng tối theo quốc lộ. Đã chín giờ tối thứ Sáu. Có lẽ còn khoảng ba mươi sáu giờ trước khi bọn chúng bắt đầu chuyến hàng đi vào ngày Chủ nhật.

Tôi trở về Margrave lúc 10 giờ. Còn ba mươi lăm giờ nữa. Tôi đã dùng một giờ nghĩ về một số điều chúng tôi học được hồi còn ở trường Tham mưu. Chúng tôi nghiên cứu triết học quân sự, chủ yếu viết bởi những ông già Đức, người yêu những thứ ấy. Hồi ấy không chú tâm nhiều nhưng tôi vẫn nhớ một nội dung quan trọng là sớm muộn ta cũng phải chiến đấu với lực lượng chính của kẻ thù. Ta không thể thắng cuộc chiến trừ phi ta làm việc ấy. Sớm muộn ta cũng tìm ra lực lượng chính của chúng, thách thức, rồi phá hủy nó. Tôi biết rằng lực lượng chính của chúng bắt đầu với mười người. Hubble đã nói với tôi điều đó. Rồi còn chín, sau khi chúng khử Morrison. Tôi biết về hai cha con Kliner, Teale, và Baker. Như thế tôi còn năm cái tên nữa cần xác định. Tôi mỉm cười với chính mình. Rồi con tỉnh lộ chạy vào bãi đỗ xe rải sỏi của tiệm ăn Eno. Đỗ xe ở hàng cuối cùng rồi ra khỏi xe. Duỗi chân tay và ngáp trong bầu không khí của đêm. Con giông đã dừng lại song nó sắp nổ ra. Không khí vẫn đặc và nặng. Tôi vẫn có thể cảm nhận được dòng điện trong các đám mây. Tôi vẫn có thể cảm nhận được gió

âm thổi vào lưng mình. Tôi chui vào băng ghế sau xe. Duỗi người ngủ trên chiếc ghế dài bằng da. Tôi muốn ngủ một hoặc một tiếng rưỡi.

Tôi bắt đầu mơ về John Lee Hooker. Vào những ngày tháng xa rồi, trước khi ông lại trở nên nổi tiếng. Ông có một cây ghi ta cũ dây bằng thép, ngồi chơi đàn trên một chiếc ghế nhỏ chân cao. Chiếc ghế đặt trên một tấm gỗ vuông. Hooker thường ép các nắp chai bia vào đế giày để chúng có thể gây ồn ào. Như giày mũi kim loại tự chế. Ông ngồi trên chiếc ghế của mình chơi cây ghi ta đó với phong cách mạnh mẽ, thô ráp. Lúc nào cũng giậm đôi giày ồn ào xuống tấm gỗ. Tôi đang mơ cảnh ông dùng đôi giày giậm trên tấm gỗ cũ đó thành các giai điệu.

Nhưng không phải John Lee đang gây ra tiếng ồn. Mà có người nào đó đang gõ vào kính chắn gió của chiếc Bentley. Tôi choàng tỉnh lồm cồm bò dậy. Thượng sĩ Baker đang đứng nhìn tôi. Chiếc đồng hồ lớn bằng crôm trên bảng điều khiển báo 10 giờ 30. Tôi đã ngủ nửa tiếng. Đó là tất cả thời gian tôi có thể ngủ.

Việc đầu tiên tôi làm là thay đổi kế hoạch. Một kế hoạch hay hơn nhiều đã tình cờ xuất hiện trước mặt tôi. Các ông già Đức đã nhất trí. Sự linh hoạt chiến thuật là điều rất quan trọng với họ.

Việc thứ hai tôi làm là thò tay vào túi mở khóa an toàn khẩu Desert Eagle. Rồi tôi ra cửa xe bên đối diện nhìn Baker dọc theo nóc xe. Hắn đang nhăn nhó nở nụ cười thân thiện, lộ răng vàng cùng mọi thứ.

"Ông thế nào rồi?" Baker hỏi. "Ngủ ở nơi công cộng quanh đây là ông có thể bị bắt về tội lang thang đây."

Tôi cũng đáp lại ngay bằng một điệu cười nhăn nhó đầy thân thiện.

"Đảm bảo an toàn trên quốc lộ," tôi nói. "Người ta bảo ông đừng lái xe nếu thấy mệt. Táp vào lề đường làm một giấc ngắn, đúng không?"

"Thôi vào đi, tôi sẽ mua cho ông một cốc cà phê. Ông cần tỉnh táo, cà phê tiệm Eno sẽ làm việc ấy cho ông".

Tôi khóa cửa xe. Vẫn thọc tay trong túi. Chúng tôi lao xạo đi trên sỏi vào tiệm ăn. Vào ghế cuối cùng. Người phụ nữ đeo kính mang cà phê tới cho chúng tôi. Chúng tôi đã gọi đầu. Dường như cô ta biết trước rồi.

"Vậy ông thế nào rồi?" Baker lại hỏi. "Cảm thấy không ổn về chuyện anh trai ông à?"

Tôi nhún vai với viên cảnh sát. Dùng tay trái uống cà phê. Bàn tay phải vẫn nắm khẩu Desert Eagle trong túi.

"Chúng tôi không gần gũi nhau lắm", tôi nói.

Baker gật đầu.

"Roscoe vẫn ở ngoài giúp Cục chứ?" hắn hỏi.

"Tôi đoán thế."

"Thế đêm nay ông già Finlay ở đâu vậy?" Baker hỏi tiếp.

"Jacksonville. Ông ấy phải đi Florida để xác minh chuyện gì đó."

"Jacksonville à? Ông ấy cần xác minh gì ở Jacksonville?"

Tôi lại nhún vai. Nhấp cà phê.

"Tôi chịu," tôi nói. "Ông ấy chẳng bảo tôi gì cả. Tôi không nằm trong biên chế. Chỉ là một chân sai vặt. Giờ ông ấy bắt tôi chạy đến nhà Hubble để lấy cho ông ấy một thứ."

"Nhà Hubble hả? Ông lấy gì ở đó?"

"Vài thứ giấy tờ cũ. Tôi cho là bất kỳ thứ gì tôi có thể tìm được."

"Rồi gì nữa?" Baker tiếp tục. "Ông cũng đi Florida à?"

Tôi lắc đầu. Nhấp thêm cà phê.

"Finlay bảo tôi cho vào thư gửi đi. Địa chỉ nào đó ở Washington. Tôi sẽ ngủ ở nhà Hubble rồi đến sáng thì gửi đi."

Baker khe khẽ gật đầu. Rồi hắn lặp lại điệu cười nhăn nhó và thân thiện rất nhanh. Nhưng gượng gạo. Chúng tôi uống nốt chỗ cà phê. Baker thả xuống bàn vài đô la, chúng tôi ra khỏi ghế rồi rời tiệm. Hắn vào chiếc xe tuần tra. Vừa lái đi vừa vẫy tay chào tôi. Tôi để Baker đi trước sau đó mới bước trên bãi rải sỏi tới chỗ chiếc Bentley. Tôi chạy về hướng Nam, tới rìa tối tăm của thị trấn và rẽ phải vào phố Beckman Drive.

Tôi phải rất cẩn thận chọn nơi để chiếc Bentley. Tôi muốn nó trông như bị bỏ lại một cách rất bình thường. Nhưng phải để sao cho không ai có thể đi qua được. Tôi tiến rồi lùi một chút. Đỗ xe ở đầu lối chạy xe nhà Hubble ra phố, hai bánh quạt sang một bên. Trông như tôi chạy xe đến rất vội và chỉ ngoặt tay lái là dừng lại. Tôi muốn ngôi nhà trông có vẻ là tôi đang trong đó. Không gì rõ ràng hơn một tòa nhà trống, vẻ yên tĩnh, bị bỏ mặc sẽ không tốt cho tôi. Còn sự im lìm. Không có tiếng động của con người. Thế nên tôi mở cửa trước bằng chìa trong chùm chìa khóa to Charlie đã đưa. Bước vào bật ngẫu nhiên vài bóng điện. Trong phòng làm việc, tôi bật ti vi lên để nó hoạt động với âm lượng thấp. Với chiếc đài trong bếp cũng vậy. Kéo vài rèm cửa ra. Trở vào trong. Trông có vẻ rất ổn. Trông như có ai đó trong nhà.

Rồi điểm dừng đầu tiên là tủ đựng quần áo cách xa hành lang chính. Tôi tìm gắng tay. Không dễ tìm ở miền Nam đầy nắng này. Không có nhu cầu sử dụng gắng tay nhiều. Nhưng Hubble vẫn có. Hai đôi, nằm gọn gàng trên một giá. Một đôi dùng để trượt tuyết. Màu vàng chanh và tím hoa cà. Không tốt lắm cho tôi. Tôi muốn loại màu tối. Đôi còn lại là thứ tôi muốn. Loại sang trọng làm bằng da mỏng màu đen. Gắt tay của một giám đốc ngân hàng. Rất mềm. Như lớp da thứ hai.

Đôi găng trượt tuyết khiến tôi tìm một chiếc mũ. Nếu vợ chồng Hubble từng có những chuyến đi tới Colorado, họ sẽ phải có đủ đồ nghề. Tôi tìm thấy một thùng đựng mũ. Trong này có một kiểu mũ **bonê** làm bằng sợi tổng hợp. Có thể kéo xuống trùm tai được. Chiếc mũ in các hoa văn màu xanh sẫm. Sẽ hữu ích.

Điểm dừng tiếp theo là phòng ngủ chính. Tôi tìm thấy bàn trang điểm của Charlie. Nó còn lớn hơn một số căn phòng tôi đã ở. Cô ta có rất nhiều mỹ phẩm. Đủ mọi loại. Tôi mang một lọ mascara không trôi vào phòng tắm. Bôi kín mặt mình. Rồi tôi kéo khóa áo khoác, đội mũ, đeo găng tay vào. Tôi trở lại phòng ngủ kiểm tra kết quả trong chiếc gương soi toàn thân trên cửa tủ quần áo. Không tệ. Vừa đủ phù hợp cho công việc ban đêm.

Tôi lại trở ra ngoài. Khóa cửa trước lần nữa. Tôi có thể cảm nhận được cơn giông rất lớn đang dồn lại phía trên đầu. Trời rất tối. Tôi đứng cạnh cửa trước kiểm tra lại mình. Đút khẩu súng ngắn vào túi bên của áo khoác. Kéo khóa xuống thử động tác rút súng. Rút dễ dàng. Nạp đầy đạn, chéch. Đóng khóa an toàn. Đạn dự trữ ở túi ngoài trên cùng bên phải. Dao bấm ở túi cạnh trái. Dùi cui ở túi cạnh phải. Dây giày đã buộc chặt.

Tôi bước theo lối chạy xe, qua chiếc Bentley chừng mười hai, mười lăm mét. Chui vào một bụi cây ổn định ở một điểm tôi có thể quan sát lối chạy xe ở cả hai hướng. Tôi ngồi trên nền đất lạnh sẵn sàng chờ đợi. Trong phục kích, chờ đợi là yếu tố dẫn đến chiến thắng. Nếu phía bên kia cảnh giác, kẻ đó sẽ đến sớm hoặc muộn. Vào lúc hăn cho là ta không nghĩ hăn tới. Thế nên dù kẻ đó có đến sớm bao nhiêu, ta cũng phải ở trạng thái sẵn sàng từ trước đó. Dù kẻ đó rời khỏi nơi ấy muộn bao lâu đi nữa thì ta cũng phải đợi cho tới khi hăn đi khỏi. Ta đợi trong trạng thái như bị thôi miên. Ta cần sự kiên nhẫn vô hạn. Không có lý do gì để bức bối hay lo lắng. Ta chỉ chờ đợi. Không làm gì, không nghĩ gì, không mất năng lượng. Rồi ta bùng lên hành động. Sau một giờ, năm giờ, một ngày, một tuần. Chờ đợi cũng là một kỹ năng như bất kỳ thứ nào khác.

Lúc tôi ổn định để chờ đợi là 12 giờ kém 15. Tôi có thể cảm thấy cơn giông vùn vù trên đầu. Không khí đặc như súp. Trời tối đen như mực. Đến khoảng nửa đêm thì cơn giông vỡ ra. Những giọt nước nặng to cỡ đồng xu quất mạnh xuống đám lá chung quanh tôi. Trong phút chốc chúng tạo thành

cơn mưa như trút. Như ngồi dưới vòi tắm. Tiếng sấm khủng khiếp vang rền. Chúng giật lên, nổ bùng bùng và chớp rạch nát trời. Thi thoảng khu vườn quanh tôi sáng lên vài giây như ban ngày. Tôi ngồi chờ đợi dưới cơn mưa như quất như quật. Mười phút. Mười lăm phút.

Chúng đến tìm tôi lúc đã qua nửa đêm được hai mươi phút. Mưa vẫn rơi ào ào và sấm sét vẫn đi đoàn. Tôi không nghe thấy tiếng chiếc xe tải cho tới khi nó đã vào hẻm lối chạy xe. Tôi nghe tiếng bánh xe nghiêng trên sỏi cách chừng hơn mười hai mét. Đó là một chiếc xe tải thùng kín màu xanh sẫm. Sơn chữ vàng. Quỹ Kliner. Giống chiếc tôi đã trông thấy gần nhà Roscoe sáng hôm thứ Ba. Nó lao xạo chạy qua tôi, cách khoảng hai mét. Lốp rộng để lại vết trên sỏi. Đó là vết lốp Finlay đã thấy ở nhà Morrison. Những vết do loại lốp rộng nghiêng trên sỏi.

Chiếc xe tải đi quá chỗ tôi vài mét thì dừng lại. Nó đỗ sát phía sau chiếc Bentley. Không thể đi qua. Đứng chỗ tôi muốn nó đậu. Tôi nghe tiếng động cơ ngừng và phanh tay kéo lên.

Tên đầu tiên ra khỏi xe là lái xe. Hắn mặc một bộ đồ toàn thân bằng nylon màu trắng. Bộ này có mũ trùm đầu ôm chặt quanh mặt. Đeo mặt nạ phẫu thuật. Hắn đeo găng tay mỏng bằng cao su. Đi ủng bao ngoài bằng cao su. Hắn nhảy khỏi ghế lái bước vòng về phía cửa sau. Tôi biết kiểu đi đó. Tôi biết thân hình cao lớn, nặng nề ấy. Tôi biết những cánh tay dài đầy sức mạnh ấy. Đó là thằng con trai nhà Kliner. Chính thằng Kliner con đã đến để lấy mạng tôi. Hắn vỗ lòng bàn tay vào cửa sau. Động tác ấy tạo ra một tiếng động trầm. Rồi gã trai xoay tay nắm mở cửa. Bốn gã đàn ông chui ra. Tất cả đều ăn mặc giống nhau. Những bộ đồ toàn thân bằng nylon màu trắng, những chiếc mũ trùm ôm chặt quanh mặt, mặt nạ, găng tay, giày bao ngoài bằng cao su. Hai tên cầm túi. Hai tên có súng trường dài nòng lớn. Tất cả thấy năm tên. Tôi đã tính toán ứng phó với bốn tên. Năm thì khó hơn. Nhưng sẽ hiệu quả hơn.

Mưa vẫn trút lên người bọn chúng. Tôi có thể nghe thấy tiếng vang hơi giòn khi nước đập vào những bộ đồ toàn thân bằng nylon cứng. Tôi có thể nghe tiếng lanh canh từ kim loại khi những giọt mưa lớn rơi xuống bật tung khỏi nóc chiếc xe tải. Tôi thấy ánh chớp chiếu vào chúng. Bọn này trông như thần Chết. Như thứ gì đó trốn thoát khỏi địa ngục. Chúng tạo nên một cảnh tượng kinh hoàng. Lần đầu tiên tôi không chắc mình có thể đánh bại chúng nếu đụng mặt chúng đêm hôm thứ Hai. Nhưng đêm nay tôi sẽ cho chúng thất bại. Đêm nay, tôi có lợi thế bất ngờ. Tôi sẽ là cơn ác mộng tàng hình được thả tự do giữa bọn chúng.

Kliner con đang tổ chức đội hình. Hắn vươn người vào phía sau xe tải lấy ra một chiếc xà beng. Chỉ tay vào ba trong số tay sai của hắn và cùng chúng bước qua màn mưa vào nhà. Tên thứ năm sẽ đợi ngoài xe. Do mưa, hắn sẽ phải chui vào ca bin. Tôi thấy hắn liếc lên bầu trời đen thẫm rồi liếc về ghế lái. Tôi lôi chiếc dùi cui. Vạch bụi chui ra. Gã đàn ông không thể nghe thấy tiếng động do tôi gây ra. Tiếng mưa đang khiến hai tai hắn lùng bùng. Hắn xoay lưng bước một bước về phía cửa xe bên tay lái. Tôi nhắm chặt hai mắt một giây và hình dung ra cảnh Joe không còn mặt nằm trên bàn phẫu thuật của nhà xác. Hình dung cảnh Roscoe đang run lên vì sợ hãi khi cô chăm chăm nhìn những dấu chân trên sàn hành lang. Rồi tôi lao ra khỏi bụi cây. Chạy tới phía sau gã đàn ông. Giáng thẳng chiếc dùi cui vào gáy hắn. Nó là chiếc dùi cui lớn và tôi lại dùng hết sức bình sinh. Tôi cảm nhận được xương vỡ ra dưới dùi cui. Gã đàn ông đổ sập xuống nền sỏi như cây bị đẵn gốc. Hắn nằm úp mặt xuống, mưa gõ lộp bộp trên bộ đồ toàn thân bằng nylon. Chỉ với một cú đánh trời giáng, tôi cho gãy cổ hắn. Xong một tên.

Tôi kéo xác chết trên nền sỏi bỏ ở phía sau chiếc xe tải. Bước vòng lại rút chìa khóa khỏi ổ điện. Bò vào phía nhà. Tôi đút chiếc dùi cui vào túi. Bật con dao bấm và cầm bằng tay phải. Tôi không muốn dùng súng trong nhà. Quá ồn, ngay cả khi sấm nổ phía bên ngoài. Tôi dừng lại ở phía trong cửa trước. Khóa đã bị phá còn gỗ vỡ ra. Tôi trông thấy chiếc xà beng trên sàn hành lang.

Đây là một căn nhà rộng. Chúng sẽ phải mất chút thời gian lục soát. Tôi đoán là bọn này sẽ đi cùng nhau thành nhóm bốn tên. Chúng cùng nhau tìm kiếm. Rồi chúng sẽ xé lẻ. Tôi có thể nghe tiếng chân bọn này khắp sàn tầng trên. Tôi lúi ra ngoài để chờ một tên trong số đó xuống hành lang. Tôi chờ đợi, người ép sát vào tường, cạnh cánh cửa mới bị phá. Tôi được phần mái nhô ra che cho. Mưa vẫn ào ạt. Cũng ghê gớm như một cơn bão nhiệt đới.

Tôi đợi khoảng năm phút thì tên đầu tiên xuống gác. Tôi nghe tiếng bước chân hần lạch cạch ở hành lang. Nghe tiếng hần mở cửa tủ quần áo. Tôi bước vào trong nhà. Lưng tên này đang xoay ra phía tôi. Hần là một trong hai tên cầm súng trường, cao, gầy hơn tôi. Tôi lao bổ vào hần. Dùng bàn tay trái giơ lên phía trên đỉnh đầu hần. Chọc các ngón tay vào mắt hần. Gã đàn ông buông khẩu súng trường. Nó rơi bịch xuống thảm. Tôi lúi gã đàn ông về phía sau, xoay người hần kéo nhanh ra ngoài cửa. Vào màn mưa. Chọc các ngón tay vào mắt hần sâu hơn. Xoay đầu hần lại. Và cửa đứt họng. Ta không thể làm việc này bằng một nhát cửa nhẹ nhàng. Không giống như trong phim. Chẳng có dao nào đủ sắc để làm như thế. Trong cổ họng con người có đủ loại sụn cứng. Ta phải cửa qua cửa lại với lực rất mạnh. Mất một lúc. Nhưng thành công. Rất thành công. Đến lúc ta đã cửa tới tận phần xương thì kẻ bị ta cửa đã chết. Gã này không phải ngoại lệ. Máu hần phun ra hòa với nước mưa. Người hần nhũn ra dưới tay tôi. Xong hai tên.

Tôi nắm lấy phần trên mũ trùm đầu rồi kéo cái xác tới bãi cỏ. Chẳng có ích gì nếu dùng hai tay nâng hần lên ở vai và gối. Đầu hần sẽ ngã ra sau rơi khỏi người. Tôi để tên này trên cỏ. Chạy trở vào trong, cầm khẩu súng trường lên và nhắm mặt. Đây là loại vũ khí ghê gớm. Một khẩu Ithaca Mag- 10. Tôi đã thấy loại này khi còn trong quân đội. Chúng dùng loại đạn rất lớn. Người ta gọi chúng là Súng mở đường. Đạn đủ sức mạnh giết chết người sau khi đã xuyên qua cạnh của chiếc xe hơi vỏ mềm. Mặt đối mặt thì loại này khủng khiếp. Súng chỉ mang ba viên đạn nhưng như đã nói, đến khi bắn hết được ba viên thì trận đấu đã xong cả rồi.

Tôi vẫn để con dao bên ngoài làm vũ khí ưu tiên.

Im lặng. Nhưng súng trường vẫn khá hơn khẩu Desert Eagle với tư cách súng dự phòng, vấn đề với súng trường là: ngắm bắn là điều xa xỉ. Súng trường rải đạn hết một góc hình nón khá rộng. Với khẩu Mag-10, chỉ cần súng chĩa hơi đúng hướng là ta sẽ bắn trúng.

Tôi lúi ra ngoài qua cánh cửa gỗ bị phá và tìm người vào tường, không bị mưa. Tôi đợi. Giờ tôi cho rằng bọn chúng sẽ bắt đầu ra khỏi nhà. Chúng không thấy tôi trong đó và thấy thiếu tên tôi vừa hạ. Thế nên chúng sẽ bắt đầu ra ngoài. Đó là điều không thể tránh. Chúng không thể ở trong đó mãi. Sớm muộn chúng sẽ ra.

Chúng ra. Hai tên đi cùng nhau. Chúng đi thành cặp. Điều đó khiến tôi do dự một chút. Hai tên bước ra ngoài mưa, tôi nghe tiếng mưa bắt đầu quất ràn rạt vào mũ trùm nylon của chúng. Tôi lại lúi chiếc dùi cui ra. Chuyển sang tay phải. Tên đầu tiên bị hạ chẳng mấy khó khăn. Tôi phang thẳng chiếc dùi cui nặng vào gáy tên này, đầu hần gần như gãy hẳn. Nhưng tên thứ hai phản ứng lại vận người sang bên nên tôi đánh hụt cú thứ hai. Chiếc dùi cui chỉ giáng trúng xương đòn của hần, khiến hần quỵ gối. Tay trái tôi đâm thẳng mũi dao vào mắt hần. Bồi thêm một cú bằng dùi cui. Tôi phải mất hai đòn nữa mới làm gãy cổ tên này. Hần là một tên dẻo dai. Nhưng không đủ dẻo dai. Xong bốn tên.

Tôi lúi hai xác chết qua làn mưa ào ạt tới bãi cỏ bên rìa lối rải sỏi nối nhà với phố, xếp hai cái xác này với tên lúc nãy. Tôi đã hạ bốn tên và thu được một khẩu súng trường. Chia khóa chiếc xe tải nằm trong túi tôi. Thằng con trai Kliner cùng một khẩu súng trường vẫn ngoài tầm kiểm soát.

Tôi không tìm thấy hần. Tôi không biết hần đang ở đâu.

Tôi bước vào nhà, rời màn mưa, và lắng nghe. Không thể nghe được gì. Tiếng mưa rơi trên mái

và trên lớp sỏi ngoài nhà quá ồn. Nó tạo nên một tấm mặt nạ trắng âm ỉ giấu hết mọi thứ.

Nếu thằng nhóc ngửi thấy mùi chẳng lành và lẩn trốn thì tôi sẽ không nghe thấy tiếng hân. Đó sẽ là một vấn đề.

Tôi bò vào bếp. Mưa đang rơi như gõ xuống mái. Tôi đứng yên nghe thật kỹ. Nghe thấy tiếng Kliner con ngoài hành lang. Hân đang ra ngoài. Hân sẽ ra bằng cửa trước.

Nếu tên này rẽ phải, hân sẽ vấp phải ba tên tay sai đã chết chồng đồng trên bãi cỏ. Nhưng hân rẽ trái. Hân đi qua những ô cửa sổ của nhà vườn. Hân đang đi qua bãi cỏ sũng nước ra hiên. Tôi quan sát gã trai bước qua, xuyên màn mưa, có lẽ cách chừng hai mét rưỡi. Trông như bóng ma từ địa ngục trở về. Một con ma từ địa ngục chĩa cây súng trường dài, đen phía trước người.

Trong túi tôi có chìa khóa nhà vườn, cùng chùm có chìa chiếc Bentley. Tôi mở cửa bước ra ngoài. Mưa xối xả quất vào tôi như từ vòi phun cứu hỏa. Tôi rón rén đi vòng về phía hiên. Thằng con Kliner đang đứng đó, nhìn xuống phía bể bơi lớn. Tôi cúi người trong mưa quan sát hân. Từ cự ly sáu mét, tôi có thể nghe thấy tiếng mưa quất vào bộ đồ toàn thân bằng nylon trắng của gã trai. Chớp rạch ngang trời và sấm sét nổ liên tục.

Tôi không muốn bắn con trai Kliner bằng khẩu Mag-10 đang cầm. Tôi phải thủ tiêu các xác chết. Tôi muốn để lão già Kliner thấp thỏm không yên. Tôi phải để cho lão phỏng đoán về chuyện đã xảy ra. Về nơi con trai lão đã biến đi. Việc ấy sẽ khiến lão mất cân bằng. Và rất quan trọng cho sự an toàn của tôi. Tôi không thể để lại chút vết tích nào dù nhỏ nhất. Dùng khẩu Ithaca lớn bắn gã trai sẽ gây tiếng động rất lớn. Khi ấy thủ tiêu xác hân sẽ là vấn đề kinh khủng. Sẽ khó mà tìm được hết các mảnh xác. Tôi chờ đợi.

Kliner con bắt đầu bước theo bãi cỏ dốc dài về phía bể bơi. Tôi vòng lại, vẫn trên nền cỏ ướt. Thằng nhóc bước chậm chậm. Hân đang lo lắng. Hân chỉ có một mình. Tầm nhìn của tên này không được tốt. Chiếc mũ trùm quanh mặt hân đang hạn chế tầm quan sát. Hân phải liên tục xoay đầu từ bên này sang bên kia, cổ cứng ngắc, như người máy. Gã trai dừng ở rìa bể bơi. Tôi đứng sau hân một mét. Tôi lắc trái rồi phải, trái rồi phải, tránh khỏi tầm quan sát của Kliner con khi hân chuyển ánh nhìn từ bên nọ sang bên kia. Khẩu súng trường lớn của hân quét hết trái lại phải phía trên bể bơi đầy nước.

Theo những cuốn sách tôi từng đọc hay những bộ phim từng xem, tôi nên chiến đấu với gã thanh niên này một cách cao thượng. Tôi có mặt ở đây vì anh trai mình. Và trước mặt tôi là kẻ đã đá thi thể anh trai tôi như một đồng giẻ. Chúng tôi nên chiến đấu với nhau, mặt đối mặt. Hân nên biết đối thủ của mình là ai. Hân nên biết vì sao hân phải chết. Tất cả những hành động cao thượng đó, giữa đàn ông với nhau. Nhưng đời thực không phải thế. Joe sẽ cười vào những việc như vậy.

Tôi dùng hết sức nện chiếc dùi cui vào đầu con trai Kliner. Đúng lúc hân xoay người quay vào trong nhà. Chiếc dùi cui sượt qua lớp nylon trơn bóng, đà của chiếc ống nặng đầy chì kéo tôi mất chân trụ. Tôi ngã như một người trượt băng. Gã trai xoay người nâng khẩu súng trường lên. Đẩy một viên đạn vào buồng đạn. Tôi vươn cánh tay lên gạt nòng súng sang bên. Lăn người ngay dưới tầm đạn bắn của hân. Kliner con siết cò, một tiếng nổ kinh khủng vang lên, còn to hơn tiếng sét mạnh nhất. Tôi nghe tiếng lá cây rách và rơi xuống khi viên đạn xuyên vào mấy cây phía sau chúng tôi.

Lực giật ghê gớm của phát bắn khiến con trai Kliner giật lùi, nhưng hân lên nòng ngay viên thứ hai. Tôi nghe tiếng cạch cạch đầy đe dọa của kim loại. Đang nằm ngửa trên rìa bể bơi lát gạch nhưng tôi vẫn chồm dậy dùng cả hai tay chộp lấy khẩu súng. Đẩy nòng lên trên, báng xuống dưới và một lần nữa gã trai bắn vào không khí. Một tiếng nổ kinh khủng khác vang lên. Lần này tôi kéo ngược với lực giật và tước khẩu súng khỏi tay đối thủ. Tổng báng súng vào mặt hân. Đó là một đòn không đáng kể. Báng khẩu Ithaca đậm một miếng cao su lớn. Mục đích là bảo vệ vai của người bắn trước lực giật rất

mạnh. Giờ thì nó bảo vệ đầu của thằng nhóc trước cú chọc báng súng của tôi. Hắn chỉ giật người về sau. Tôi lao thẳng vào hai chân gã trai, xô hắn về sau. Giật lấy hai bàn chân ném thẳng tên này vào bể bơi. Hắn rơi úp bụng xuống, làm nước tóe lên. Tôi nhảy lên người gã trai.

Chúng tôi đang ở đầu sâu nhất của bể bơi, quẫy đạp để giành chiến thắng. Mưa vẫn rơi tầm tã. Clo khiến mắt mũi tôi như phải bỏng. Tôi vùng vẫy cho tới khi túm được họng con trai Kliner. Giật chiếc mũ trùm đầu bằng nylon về phía sau, siết cả hai bàn tay quanh cổ hắn. Gập hai cánh tay lại và chìm đầu tên này sâu dưới nước. Tôi siết họng hắn bằng toàn bộ sức lực mình. Tên cười mô tô trong nhà tù ở Warburton đã nghĩ rằng hắn làm tốt việc siết cổ tôi, nhưng việc ấy so với điều tôi đang làm với Kliner con thì chỉ như cái vuốt ve của người yêu. Tôi như đang rút đầu hắn khỏi cổ. Tôi bóp chặt, vặn và chìm đôi thủ dưới nước một mét cho tới khi hắn chết. Không mất nhiều thời gian. Trong tình huống như thế thì không bao giờ mất nhiều thời gian. Kẻ đầu tiên bị đè xuống dưới sẽ vẫn ở dưới. Có thể đó đã là tôi rồi.

Tôi bước dưới nước và thở dốc trong mùi clo nồng nặc. Mưa trút xuống mặt nước. Không thể biết chỗ nào là nước chỗ nào là không khí. Tôi để cho xác con trai Kliner nổi trên mặt nước và bơi vào bờ. Leo lên, thở đều. Thời tiết quả là cơn ác mộng. Bây giờ sấm sét nổ liên tục còn chớp rạch ngang dọc trên trời. Mưa không ngừng trút xuống. Nếu ở dưới bể bơi thì người tôi còn khô hơn. Nhưng tôi có những việc phải làm.

Tôi bơi lại chỗ xác con trai Kliner. Nó đang nổi cách tôi một mét. Tôi kéo nó vào cạnh bể. Rồi kéo mình lên khỏi bể. Mỗi tay giật lấy một túm nylon kéo cái xác lên sau mình. Nó nặng như cả tấn. Cái xác nằm cạnh bể, nước phọt ra từ các cổ tay và ống quần của bộ đồ toàn thân. Tôi để nó nằm đó và loạng choạng bước về phía ga ra.

Bước đi không phải việc dễ dàng. Quần áo tôi ướt sũng và lạnh. Giống như bước khi đang mặc áo giáp. Nhưng tôi vẫn cố tới được ga ra và tìm thấy chìa khóa. Mở cửa bật đèn lên. Đây là ga ra dành cho ba xe. Chỉ có chiếc Bentley còn lại đang trong này. Xe của Hubble, cùng đời với chiếc của Charlie. Màu xanh sẫm tuyệt đẹp, được lau chùi tỉ mỉ đến sáng bóng. Khi di chuyển qua chiếc xe tôi có thể thấy hình mình phản chiếu qua lớp sơn. Tôi tìm một chiếc xe cút kít hoặc xe đẩy dùng để làm vườn. Bất kỳ loại nào những người làm vườn sử dụng. Ga ra đầy đồ làm vườn. Một chiếc máy cắt cỏ loại lớn có ghế ngồi điều khiển, vòi nước, các dụng cụ khác. Ở góc sâu có một dạng xe cút kít với bánh nan hoa khá to.

Tôi đẩy chiếc xe ra trời giông tới bể bơi. Lần mò tìm hai khẩu súng trường và chiếc dùi cui ướt sũng. Ném hai khẩu súng vào xe cút kít và đút chiếc dùi cui vào lại túi mình. Kiểm tra để chắc chắn rằng xác Kliner con vẫn mang giày rồi nhấc lên xe. Chở lên phía nhà rồi vào lối chạy xe. Lách qua chiếc Bentley và vòng ra sau chiếc xe tải. Tôi mở hai cửa sau đẩy cái xác vào trong. Leo lên kéo nó sâu vào trong xe. Mưa đang gõ trên nóc xe. Rồi tôi nâng xác tên đầu tiên lên kéo vào cạnh xác con trai Kliner. Ném ba khẩu súng lên trên chúng. Hai tên đã được xếp gọn gàng.

Rồi tôi đưa chiếc xe cút kít tới nơi đã xếp ba xác chết còn lại. Chúng đang nằm dài trên bãi cỏ ướt sũng nước, mưa ràn ràn quất vào những bộ đồ toàn thân góm ghiếc. Tôi chở ba cái xác tới chỗ chiếc xe tải chúng đã dùng để tới đây, xếp cả năm vào trong cốp xe.

Rồi tôi đẩy chiếc xe cút kít dưới mưa tới ga ra. Đây trở lại góc tôi đã tìm ra nó. Lấy một chiếc đèn pin từ bàn mộc. Tôi muốn xem mặt bốn gã đàn ông Kliner đưa đi theo. Tôi chạy dưới mưa trở lại chiếc xe tải rồi leo vào cốp. Bật đèn pin và cúi người trên hàng bốn xác chết đáng thương.

Thằng nhóc nhà Kliner, tôi đã biết. Với bốn gã còn lại, tôi kéo mũ trùm đầu chúng về phía sau và giật tung mặt nạ.

Rọi đèn pin vào mặt chúng. Hai trong số này là bọn gác ở nhà kho. Hôm thứ Năm tôi đã trông thấy chúng qua ống nhòm, chắc chắn rồi. Có lẽ trước tòa án binh thì tôi không phải tuyên thệ đảm bảo điều đó, nhưng đêm nay tôi chẳng quan tâm tới thủ tục pháp lý ấy.

Hai tên còn lại thì tôi biết chắc chắn. Không có gì nghi ngờ về điều đó. Chúng là cảnh sát. Chúng là đội hỗ trợ hôm thứ Sáu. Chúng đi cùng Baker và Stevenson tới tiệm ăn để bắt tôi. Từ lúc ấy tôi đã trông thấy chúng ở đồn vài lần.

Chúng đã tham gia vào hoạt động đen tối. Thêm lực lượng đang ẩn mặt của thị trưởng Teale.

Tôi lại leo ra khỏi xe tải mang đèn pin trở lại ga ra. Khóa cửa rồi chạy trong mưa ra phía trước nhà. Nhắc hai chiếc túi chúng đã mang theo. Ném vào trong hành lang nhà Hubble và bật đèn. Kiểm tra hết hai túi. Găng tay và mặt nạ dự phòng. Một hộp đạn súng trường cỡ 10. Một chiếc búa. Một túi đinh dài mười lăm phân. Bốn con dao. Loại dao phẫu thuật. Chỉ nhìn chúng ta cũng bị cửa vào người rồi.

Tôi cầm chiếc xà beng chúng đã ném sau khi dùng để phá khóa lên. Nhét vào một chiếc túi. Mang chúng xuống chỗ xe tải ném lên trên năm xác chết. Rồi tôi đóng chặt, khóa cửa sau và một lần nữa chạy dưới mưa tới căn nhà. Tôi chạy vào khóa cửa nhà vườn. Chạy trở lại bếp. Tôi mở cửa lò nướng và dốc hết đồ trong các túi ra. Đặt tất cả xuống sàn. Tìm trong tủ bát hai chiếc khay dùng nướng đồ. Tôi tháo rời khẩu Desert Eagle và cẩn thận đặt các bộ phận lên một khay, xếp số đạn dự phòng ở cạnh. Đặt con dao, chiếc dùi cui, chùm chìa khóa xe Bentley, tiền và giấy tờ của tôi vào khay còn lại. Tôi đưa hai chiếc khay vào lò và vận nhiệt độ ở mức thấp nhất.

Tôi ra trước nhà kéo cánh cửa bị phá khóa lại thật chặt. Chạy qua chiếc Bentley vào chiếc xe tải của Quỹ Kliner. Lóng ngóng với chiếc chìa khóa không quen rồi nổ máy, cẩn thận lùi theo lối chạy xe ngoặt tay lái vào phố Beckman Drive. Chạy xuống dốc vào thị trấn, cần gạt nước điên cuồng chống lại mưa. Tôi vòng qua bãi cỏ lớn có nhà thờ. Đến cuối thì rẽ phải chạy về hướng Nam. Nơi này vắng tanh. Trên đường chẳng có ai khác. Qua bãi cỏ ba trăm mét về phía Nam, tôi ngoặt vào đường dẫn từ phố vào nhà Morrison. Chạy chiếc xe tải vào nhà đổ cạnh chiếc Lincoln của lão bỏ đó. Khóa cửa xe lại. Chạy tới hàng rào nhà Morrison ném chìa khóa thật xa ra cánh đồng. Kéo chiếc áo khoác sát vào người và bắt đầu bước ngược đường cũ dưới mưa. Bắt đầu suy nghĩ rất nhiều.

Ngày thứ Bảy đã sang được hơn một giờ. Vì vậy còn chưa tới một ngày nữa là Chủ nhật. Sự việc đã rõ ràng. Tôi đã biết chắc chắn ba sự thật. Thứ nhất, Kliner cần loại giấy đặc biệt. Thứ hai, không thể kiếm được giấy đó ở nước Mỹ. Nhưng thứ ba là nhà kho chứa đầy thứ gì đó.

Và những dòng chữ trên các thùng chứa máy điều hòa nhiệt độ kia đang khiến tôi bận tâm. Không phải công ty Điều hòa nhiệt độ Island. Không phải các chữ viết. Mà là chữ in. Dây số xê ri. Trên các thùng tôi đã thấy có số xê ri viết tay nằm trong hình chữ nhật in. Tôi đã trông thấy rõ. Cảnh sát Jacksonville đã mô tả điều tương tự trên các thùng chở trên xe tải chạy quá tốc độ của Stoller. Các dây số dài viết tay. Nhưng vì sao? Bản thân các thùng là vỏ bọc tốt. Ngụy trang tốt. Chở thứ gì đó bí mật tới Honda và xa hơn bằng các thùng chứa điều hòa nhiệt độ là việc làm khôn ngoan. Chẳng loại hàng nào hợp với thị trường dưới ấy hơn. Các thùng bìa cứng đã đánh lừa được cảnh sát Jacksonville. Họ đã không băn khoăn gì về chúng. Nhưng các số xê ri làm tôi phải suy nghĩ. Nếu trong các thùng không có đồ điện tử, tại sao lại viết lên đó số xê ri? Như thế thì việc ngụy trang trở thành ngớ ngẩn. Vậy thì các số xê ri có ý nghĩa quái gì? Trong các thùng chết tiệt ấy có cái quái gì?

Đó là câu hỏi tôi đang tự đặt ra cho bản thân. Rốt cuộc chính Joe đã giải đáp cho tôi. Tôi bước dưới mưa nghĩ về điều Kelstein nói về sự chính xác. Giáo sư bảo rằng Joe có sự chính xác rất hấp dẫn trong cách trình bày ý kiến của mình. Tôi biết điều đó. Tôi nghĩ về bản danh sách ngắn gọn anh đã tự

in ra cho mình. Các chữ hoa đầy tự hào. Những hàng chữ cái đầu. Cột các số điện thoại. Hai dòng ghi chú ở dưới cùng. Ga ra nhà Stoller. Hồ sơ của Gray về Kliner. Tôi cần kiểm tra lại danh sách đó. Nhưng đột nhiên tôi chắc chắn rằng Joe đang nói nếu tôi muốn biết Kliner đã cho những gì vào các thùng ấy, việc đáng làm là đến xem ga ra nhà Stoller.

Việc đầu tiên tôi làm khi trở lại nhà Charlie Hubble là mò quanh căn bếp đất tiền để tìm cà phê. Khởi động chiếc máy pha cà phê rì rì chạy. Rồi tôi mở lò nướng. Lấy hết đồ của mình ra. Chúng đã được sấy gần một giờ đồng hồ và đã khô cong. Phần da trên chiếc đùi cui và chùm chìa khóa có chỗ cứng lại. Ngoài ra không có hư hỏng nào. Tôi lắp lại súng và nạp đạn vào. Bỏ lên bàn bếp. Chéch và khóa.

Rồi tôi kiểm tra mảnh giấy in của Joe để tìm điều khẳng định tôi nghĩ là có. Nhưng có một vấn đề. Một vấn đề lớn. Mảnh giấy đã khô cứng nhưng phần chữ không còn. Mảnh giấy trắng hoàn toàn. Nước trong bể bơi đã tẩy hết chữ. Chỉ có những vết nhòe lờ mờ nhưng tôi không thể luận ra các từ. Tôi nhún vai. Tôi đã đọc đi đọc lại cả trăm lần. Tôi sẽ dựa vào trí nhớ về nội dung của nó.

Điểm dừng tiếp theo là tầng hầm. Tôi loay hoay với máy sưởi cho tới khi làm cho nó hoạt động được. Rồi tôi bỏ hết quần áo nhét toàn bộ vào máy sấy điện của Charlie. Đặt chạy nhiệt độ thấp trong vòng một giờ. Tôi không biết mình đang làm gì. Trong quân đội, một công ty nào đó làm việc giặt đồ cho tôi. Mang đi, mang lại khi đã sạch sẽ và gấp gọn. Kể từ đó tới giờ tôi luôn mua đồ rẻ tiền rồi bỏ đi.

Tôi lên gác trong tình trạng không quần áo vào phòng tắm của Hubble. Tắm nước nóng một lúc lâu rồi tẩy mascara trên mặt đi. Đứng một lúc lâu dưới nước nóng. Quấn người bằng một chiếc khăn và xuống dưới uống cà phê.

Đêm nay tôi không thể đi Atlanta. Có lẽ tôi không thể tới đó trước 3 giờ 30 sáng. Đó là thời điểm không thích hợp để chắc chắn xin vào được. Tôi không có giấy tờ tùy thân để xuất trình, không có vị thế phù hợp. Một chuyến viếng thăm giữa đêm có thể trở thành một vấn đề. Trước hết tôi phải để việc đó tới ngày mai. Không có lựa chọn nào. Thế nên tôi nghĩ đến chuyện ngủ. Tôi tắt đài trong bếp rồi bước vào phòng làm việc riêng của Hubble. Tắt ti vi. Nhìn quanh. Đây là phòng tôi, kín đáo. Ốp nhiều gỗ và có nhiều ghế da lớn. Bên cạnh ti vi là bộ dàn âm thanh nổi. Đồ của Nhật. Những hàng đĩa CD và các băng từ. Chủ yếu là nhạc Beatles. Hubble đã nói rằng anh ta thích John Lennon. Anh ta đã tới Dakota ở thành phố New York và tới Liverpool ở Anh. Anh ta hầu như có mọi thứ. Tất cả các album, vài đĩa lậu, bộ sưu tập các đĩa đơn ghi trong CD người ta bán trong hộp gỗ.

Phía trên bàn làm việc là giá sách. Các chồng tạp chí chuyên ngành xuất bản định kỳ và một dãy sách dày, nặng. Các tạp chí nghiệp vụ ngân hàng và các báo cáo. Các tạp chí chuyên ngành xuất bản định kỳ chiếm mất cả mét giá sách. Chúng trông rất nhật nhẽo. Vài số ngẫu nhiên có tên Tạp chí Ngân hàng. Vài số tạp chí ra liên nhau có tên Quản trị Ngân hàng. Một loại tên Người làm Ngân hàng. Báo Người làm Ngân hàng, Nguyệt san Người làm Ngân hàng, Tạp chí Kinh doanh, Tuần báo Kinh doanh, Thông tin quản lý Tiền mặt, Kinh tế học, Tạp chí Tài chính. Tất cả được sắp xếp theo thứ tự trong bảng chữ cái, tất cả theo trình tự thời gian gọn ghẽ. Chỉ có vài số ngẫu nhiên xuất bản trong vài năm trở lại đây. Không có bộ nào hoàn chỉnh. Ở cuối hàng là một số thông cáo của Bộ Tài chính Mỹ và vài số tạp chí mang tên Thế giới Ngân hàng. Một bộ sưu tập gầy tò mò. Dường như được lựa chọn rất kỹ. Có lẽ chúng là các số đặc biệt khó tiếp thu. Có lẽ Hubble đã đọc hết chúng khi anh ta không ngủ được.

Tôi thì sẽ không gặp vấn đề nào với chuyện ngủ. Đang ra khỏi phòng làm việc tìm một chiếc giường để ngã lưng thì một ý nghĩ chợt đến. Tôi quay lại bàn làm việc xem giá sách thêm một lần. Vuốt ngón tay theo hàng báo và tạp chí. Xem ngày in trên gáy của chúng, phía dưới các tit đầy phô trương. Vài số được xuất bản gần đây. Trình tự ngẫu nhiên tiếp tục cho tới số mới nhất trong đó. Hơn

chục sổ xuất bản trong năm nay. Đúng một phần ba được xuất bản sau khi Hubble đã nghỉ việc ở ngân hàng. Sau khi anh ta đã được người ta để ra đi. Những cuốn này được xuất bản phục vụ những người làm ngân hàng, nhưng đến khi ấy Hubble không còn là giám đốc ngân hàng nữa. Nhưng anh ta vẫn đặt những tạp chí chuyên ngành khó nhằn này. Vẫn đọc toàn bộ tài liệu rắc rối này. Tại sao?

Tôi lôi vài tạp chí định kỳ ra. Xem bìa ngoài. Đây là những tạp chí dày, bóng. Tôi dùng các ngón tay giữ phần trên cùng và dưới cùng gáy tạp chí. Chúng mở ra các trang Hubble đã tham khảo. Tôi xem các trang này. Lôi thêm vài sổ. Để chúng mở ra. Tôi ngồi xuống chiếc ghế da của Hubble. Ngồi đọc với chiếc khăn của anh ta quấn quanh người. Tôi đọc hết cả giá. Từ trái qua phải, từ đầu đến cuối. Tất cả tạp chí định kỳ. Mất một giờ đồng hồ.

Rồi tôi bắt đầu với các cuốn sách. Tôi vuốt ngón tay theo hàng sách bám bụi. Dừng lại và hơi choáng khi nhận ra vài cái tên tôi biết. Kelstein và Bartholomew. Một cuốn sách cũ khá to. Bọc da màu đỏ. Báo cáo của họ gửi tiểu ban của Thượng viện. Tôi lôi ra và bắt đầu lướt qua. Đây là một ấn bản tuyệt vời. Kelstein đã khiêm tốn mô tả nó là cẩm nang của những người chống tiền giả. Và đúng như thế. Vị giáo sư già đã quá khiêm tốn. Nó cực kỳ chi tiết và kỹ lưỡng. Nó cần mẫn ghi lại lịch sử của mọi kỹ thuật làm tiền giả người ta từng công bố. Các mẫu sao chép và ví dụ được lấy từ mọi mảnh lối từng bị bóc trần. Tôi nâng cuốn sách nặng lên lòng. Đọc thêm một giờ nữa.

Ban đầu tôi tập trung vào các vấn đề liên quan đến giấy. Kelstein đã nói rằng giấy là vấn đề mấu chốt. Ông và Bartholomew cung cấp một phụ lục dài về giấy. Nó mở rộng hơn vấn đề ông đã trực tiếp giải thích cho tôi. Các sợi bông và lanh, màu có thành phần hóa chất, việc tạo ra các sợi polyme màu đỏ và xanh nước biển. Giấy được một công ty có tên Crane and Company sản xuất ở Dalton, Massachusens. Tôi gật đầu. Tôi đã nghe nói về họ. Hình như tôi đã mua một sổ thiếp Giáng sinh do họ sản xuất. Tôi nhớ tám thiếp dày nặng và phong bì răng cưa màu kem. Tôi thích chúng.

Công ty Crane and Company đã sản xuất giấy in tiền cho Bộ Tài chính từ năm 1879. Qua hơn một thế kỷ, giấy được chở xuống Washington bằng xe bọc thép được bảo vệ cẩn mật. Chưa có chút giấy nào bị đánh cắp. Dù chỉ một tờ.

Rồi từ phụ lục, tôi lật sách ngược lại bắt đầu xem nội dung chính. Tôi xếp thư viện nhỏ của Hubble lên mặt bàn của anh ta. Lại đọc hết một lượt. Có những chỗ tôi đọc hai, ba lần. Tôi liên tục lao vào những bài viết và báo cáo kín đặc chữ. Kiểm tra, đối chiếu, cố gắng hiểu ngôn ngữ chuyên ngành. Tôi liên tục trở lại với bản báo cáo lớn màu đỏ gửi Thượng viện. Có ba đoạn tôi đọc đi đọc lại. Đoạn đầu viết về đường dây làm tiền giả ngày trước ở Bogota, Colombia. Đoạn thứ hai viết về hoạt động ở Libăng, còn diễn ra trước đó. Lực lượng du kích Thiên Chúa giáo ở Libăng đã tập hợp với một số chuyên gia chạm khắc người Armenia trong cuộc nội chiến. Đoạn thứ ba là một số nội dung cơ bản về hóa học. Rất nhiều công thức rối rắm nhưng có vài từ tôi nhận ra. Tôi đọc đi đọc lại ba đoạn. Tôi bước vào bếp, cầm bản danh sách trắng của Joe lên. Chăm chăm nhìn nó một lúc. Bước trở lại phòng làm việc riêng tối và yên tĩnh rồi ngồi vào một chiếc ghế, suy nghĩ và đọc đến gần hết đêm.

Việc ấy không khiến tôi buồn ngủ. Chính xác là gây tác động ngược lại. Khiến tôi tỉnh táo. Khiến đầu óc tôi ong ong. Khiến tôi run lên vì choáng ngợp và phấn khích. Bởi đến khi đọc xong, tôi biết chính xác cách chúng kiếm ra giấy. Tôi biết chính xác nơi chúng lấy giấy. Tôi biết những gì nằm trong các thùng chuyên chở máy điều hòa nhiệt độ hồi năm ngoái. Tôi không cần đến Atlanta để xem. Tôi đã biết. Tôi đã biết Kliner đang tích trữ gì trong kho của hắn. Tôi biết tất cả những xe tải kia chở gì đến hàng ngày. Tôi đã biết tiêu đề của Joe ý nghĩa thế nào. *E Unum Pluribus*. Tôi biết tại sao anh đã chọn khẩu hiệu ngược đó. Tôi biết mọi điều, khi vẫn còn hai mươi bốn giờ nữa. Toàn bộ mọi chuyện, từ đầu đến cuối. Từ trên xuống dưới. Từ trong ra ngoài. Và đó là một hoạt động được tổ chức đầy khôn

ngoan. Giáo sư già Kelstein đã nói rằng không thể kiểm được giấy in tiền. Nhưng Kliner đã chứng minh rằng ông sai. Kliner đã có cách kiểm được giấy. Một cách rất đơn giản.

Tôi đứng phắt dậy chạy xuống tầng hầm. Vặn cửa máy sấy lòi quần áo ra. Vừa mặc vừa chạy đi trên sàn bê tông. Bỏ mặc chiếc khăn chỗ nó rơi xuống. Chạy trở lại bếp, để cánh cửa bị phá đung đưa. Chạy trên lớp sỏi tới chỗ chiếc Bentley. Nổ máy lùi theo lối chạy xe. Phóng vút theo phố Beckman rồi ngoắt trái vào Phố Chính. Lao xuyên thị trấn yên tĩnh, qua tiệm ăn. Quạt trái một lần nữa vào đường đi Warburton và cho chiếc xe cũ đồ sộ chạy nhanh hết mức tôi dám chạy

Đèn pha của chiếc xe bị mờ. Thiết kế cách đây hai mươi năm. Trời đêm loang lổ. Vài giờ nữa mới bình minh còn những đám mây sót lại của cơn giông đang vật vờ trôi ngang mặt trăng. Con đường chưa bao giờ thật sự phẳng. Chỗ vòng lên chỗ lồi xuống. Và trơn vì nước mưa. Chiếc xe cũ cứ trượt và chực văng đi. Thế nên tôi giảm tốc độ chạy đều đều. Cho rằng thà mất thêm mười phút vẫn hơn trượt khỏi đường lao xuống cánh đồng. Tôi không muốn theo chân Joe. Tôi không muốn thành một Reacher khác biết rằng thế sẽ chết mà vẫn không thoát chết.

Tôi chạy qua lùm cây. Nó chỉ là một vệt tối thẫm hơn in trên nền trời tối. Phía trước vài dặm tôi có thể trông thấy những ngọn đèn ở rìa ngoài của nhà tù. Chúng sáng rực trên cảnh trời đêm. Tôi chạy qua. Rồi vài dặm nữa tôi có thể thấy những ngọn đèn ấy trong gương, phía sau lưng. Rồi tôi chạy qua chiếc cầu, qua Franklin, rời bang Georgia, vào Alabama. Tôi phóng vút qua quán cổ mà Roscoe với tôi đã tới. The Pond. Quán đã đóng cửa, tối om. Một dặm nữa tôi có mặt ở motel. Tôi vẫn để máy nổ và thò đầu vào phòng để đánh thức người trực đêm.

"Ở đây các anh có khách nào tên Finlay không?" tôi hỏi.

Người trực dụi mắt nhìn bảng đăng ký.

"Mười một," anh ta đáp.

Toàn bộ nơi này trông vẫn đang chìm trong giấc ngủ. Tĩnh tại, im lặng và ngủ sâu. Tôi tìm thấy phòng của Finlay. Số mười một. Chiếc Chevy do cảnh sát trang bị của ông đậu phía ngoài. Tôi đập cửa phòng rất mạnh. Phải đập một lúc. Rồi tôi nghe tiếng rên rỉ khó chịu. Không nghe được từ nào. Tôi đập thêm vài cái.

"Nào, Finlay", tôi gọi.

"Ai đấy?" tôi nghe tiếng viên thám tử quát.

"Reacher đây", tôi đáp. "Mở cửa đi nào",

Dừng một lát. Rồi cửa mở. Finlay đang đứng đó. Tôi đã đánh thức ông. Ông mặc một chiếc áo len xám và quần đùi ống rộng. Tôi ngạc nhiên. Tôi nhận ra rằng mình đã nghĩ sẽ thấy ông ngủ khi vẫn mặc bộ com lê vải tuyết. Với chiếc áo vét bằng vải giả da.

"Ông muốn cái quái gì thế?" Finlay hỏi tôi.

"Có thứ cho ông xem."

Đội trưởng thám tử đứng ngáp và chớp chớp mắt.

"Bây giờ là mấy giờ?" ông hỏi.

"Tôi không biết. Năm giờ, có khi sáu giờ. Mặc quần áo vào đi. Chúng ta sẽ tới một nơi".

"Đi đâu?"

"Atlanta. Tôi có thứ cho ông xem."

"Thứ ấy là gì chứ? Bảo tôi luôn không được à?"

"Mặc quần áo vào đi Finlay," tôi nhắc lại. "Phải đi rồi."

Viên thám tử hầm hừ nhưng cũng mặc đồ vào. Mất một lúc. Có lẽ mất mười lăm phút. Ông biến vào phòng tắm. Vào đó như một người bình thường vừa mới tỉnh dậy. Bước ra trông như Finlay. Com

lê vải tuyết và đủ thứ.

"Được rồi," ông nói. "Thứ ấy nên là thứ hay đấy, Reacher."

Chúng tôi ra ngoài bóng tối. Tôi bước về phía xe trong khi Finlay khóa cửa. Rồi ông bước kịp theo tôi.

"Ông lái xe hả?" viên thám tử hỏi.

"Tại sao không?" tôi nói. "Ông thấy chuyện đó không ổn à?"

Finlay trông khó chịu ghê gớm. Chằm chằm nhìn chiếc Bentley bóng lộn.

"Đừng có lái xe như tôi," ông bảo. "Ông muốn để cho tôi lái không?"

"Tôi chẳng quan tâm ai lái. Ông chỉ cần vào xe, được chứ?"

Viên thám tử ngồi vào sau tay lái và tôi đưa cho ông chùm chìa khóa. Tôi vui khi làm thế. Tôi rất mệt. Finlay mở máy chiếc Bentley lùi ra khỏi bãi. Ngoặt về phía Đông. Ngồi yên để chạy xe. Ông chạy nhanh. Nhanh hơn tôi đã chạy. Ông là một lái xe rất cừ.

"Thế đang có chuyện gì?" Finlay hỏi tôi.

Tôi nhìn sang bên. Tôi có thể thấy hai mắt ông sáng lên dưới ánh đèn của bảng điều khiển.

"Tôi đã nghĩ ra," tôi nói. "Tôi hiểu ra tất cả chuyện này rồi".

Viên thám tử nhìn lại tôi.

"Vậy ông sẽ nói cho tôi chứ?"

"Ông đã gọi cho Princeton chưa?" tôi hỏi.

Finlay ậm ừ vỗ vào tay lái vẻ khó chịu.

"Tôi nói chuyện điện thoại suốt một giờ," ông nói. "Người đàn ông ấy biết rất nhiều, nhưng rất cuộc anh ta chẳng biết gì."

"Anh ta đã nói gì với ông?"

"Anh ta nói toàn bộ. Đó là một tay khôn lỏi. Thạc sĩ lịch sử, làm việc cho Bartholomew. Hóa ra Bartholomew và ông già kia, Kelstein ấy, là những tên tuổi lớn trong nghiên cứu về tiền giả. Joe đã sử dụng họ để cung cấp các thông tin nền."

Tôi nhìn sang Finlay.

"Kelstein đã kể cho tôi toàn bộ chuyện đó," tôi nói. Đội trưởng thám tử lại liếc qua. Vẫn khó chịu.

"Vậy tại sao ông còn hỏi tôi về điều đó?" ông hỏi.

"Tôi muốn nghe các kết luận của ông. Tôi muốn xem ông đã đi tới đâu",

"Chúng ta chẳng đi tới đâu cả. Họ đã bàn bạc cả năm và quyết định rằng Kliner không có cách nào lấy được nhiều giấy tốt như thế."

"Đó chính xác là điều Kelstein đã nói. Nhưng tôi đã tìm ra."

Firday liếc sang tôi lần nữa. Gương mặt hiện vẻ ngạc nhiên. Phía xa, tôi có thể nhìn thấy quảng sáng phát ra từ những ngọn đèn của nhà tù ở Warburton.

"Thế thì nói cho tôi nghe đi."

"Hãy tỉnh dậy mà tự tìm ra đi, ông bạn Harvard ạ." Viên thám tử lại ậm ừ. Vẫn khó chịu. Chúng tôi tiếp tục chạy. Chúng tôi lao vào quảng sáng tỏa ra từ hàng rào nhà tù. Lướt qua lối dẫn vào nhà tù. Rồi ánh đèn vàng ghê gớm kia đã ở phía sau lưng.

"Thế thì đầu tiên hãy cho tôi một manh mối, được không?" Finlay đề nghị.

"Tôi sẽ cho ông hai đầu mối. Tiêu đề Joe đã dùng trong bản danh sách. *E Unum Pluribus*. Và rồi nghĩ về điều duy nhất có ở đồng tiền của Mỹ."

Đội trưởng thám tử gật đầu. Suy nghĩ về điều ấy. Các ngón tay gõ lên tay lái.

"E Unum Pluribus," ông nói. "Đó là câu đảo ngược khẩu hiệu của nước Mỹ. Thế nên chúng ta có thể nhận định rằng ý nghĩa của nó là *từ một hình thành nhiều*, đúng không?"

"Đúng. Và điều độc đáo của các tờ bạc Mỹ khi so sánh với bất kỳ nước nào khác trên thế giới là gì?"

Finlay lại suy nghĩ. Viên cảnh sát này đang nghĩ về điều gì đó quen thuộc mà ông không phát hiện ra. Xe chúng tôi vẫn chạy. Vọt qua lùm cây phía bên trái. Đằng trước lò mờ ánh sáng bình minh ở hướng Đông.

"Điều gì?" Finlay hỏi.

"Tôi từng sống khắp nơi trên thế giới", tôi nói. "Sáu châu lục, nếu ông tính cả một khoảng thời gian ngắn trong lều của lực lượng không quân ở châu Nam Cực. Vài chục nước. Trong túi tôi từng có nhiều loại tiền giấy khác nhau. Yên, vài loại đồng mark, nhiều loại đồng bảng, đồng lire, nhiều loại peso, won, đồng franc, shekel, nhiều loại rupee. Giờ thì tôi có các đồng đô la Mỹ. Tôi nhận thấy gì?"

Finlay nhún vai.

"Gì vậy?" ông hỏi.

"Các đồng đô la Mỹ đều cùng kích thước. Mệnh giá năm mươi, một trăm, mười, hai mươi, năm, một. Tất cả đều cùng kích thước. Tôi chưa thấy điều đó ở nước nào cả. Ở bất kỳ nơi nào khác, các đồng bạc mệnh giá cao đều lớn hơn các đồng mệnh giá thấp. Có sự tăng tiến, đúng không? Ở bất kỳ nơi nào khác, tờ mang số 1 là đồng nhỏ, đồng in số 5 sẽ lớn hơn, mang số 10 thì lớn hơn nữa, cứ thế tiếp diễn. Tờ có mệnh giá lớn nhất thường là tờ có kích thước lớn nhất. Nhưng các đồng đô la của Mỹ đều cùng kích thước. Tờ mệnh giá một trăm đô la cũng có kích thước bằng tờ một đô."

"Thế thì sao?"

"Thế thì chúng lấy giấy in tiền từ đâu?" tôi hỏi. Tôi chờ đợi. Finlay liếc ra ngoài cửa sổ. Rồi ánh mắt khỏi tôi. Ông không hiểu được và điều này đang làm ông khó chịu.

"Chúng đi mua", tôi giải thích. "Chúng mua giấy với giá một đô la một tờ."

Đội trưởng thám tử thờ dãi nhìn tôi.

"Bọn chúng không mua, vì Chúa", ông nói. "Bartholomew đã làm rõ điều ấy. Giấy được sản xuất ở Dalton và toàn bộ hoạt động được kiểm soát chặt đến mức kiến chằng chui lọt. Trong một trăm hai mươi năm qua người ta chưa từng mất một tờ nào. Chẳng ai tuồn bán giấy ra ngoài đâu, Reacher."

"Nhầm rồi, Finlay. Giấy không bán trên thị trường công khai".

Viên thám tử lại hàm hồ. Xe chúng tôi vẫn chạy. Đến chỗ rẽ vào tỉnh lộ. Finlay giảm tốc độ và ngoặt trái. Chạy theo hướng Bắc về phía quốc lộ. Giờ thì ánh sáng của bình minh nằm bên phải chúng tôi. Ánh sáng ấy đang mạnh dần lên.

"Bọn chúng đang rà khắp đất nước này để kiếm những tờ một đô la," tôi nói. "Đó là vai trò Hubble đảm nhiệm cách đây hơn một năm rưỡi. Đó từng là công việc của anh ta ở ngân hàng, quản lý tiền mặt. Anh ta biết cách có được tiền mặt. Vì thế tay này sắp xếp để thu được những tờ bạc một đô la từ các ngân hàng, trung tâm mua sắm, các chuỗi bán lẻ, siêu thị, trường đua, sòng bạc, bất kỳ nơi nào có thể thu. Đó là công việc quan trọng. Bọn chúng cần rất nhiều loại tiền đó. Chúng sử dụng séc ngân hàng, chuyển khoản, các đồng một trăm đô giả, chúng mua các tờ một đô la thật từ khắp nơi trên nước Mỹ. Mỗi tuần khoảng một tấn."

Finlay chăm chăm nhìn sang tôi. Gật đầu. Ông đã bắt đầu hiểu ra.

"Một tấn một tuần à?" ông hỏi. "Chừng đó là bao nhiêu?"

"Một tấn tiền một đô la là một triệu đô. Mỗi năm chúng cần bốn mươi tấn. Bốn mươi triệu đô

tiền mệnh giá một đô la."

"Tiếp đi."

"Các xe tải chở chúng xuống Margrave. Từ bất kỳ nơi nào Hubble huy động được. Chúng được đưa vào nhà kho."

Đội trưởng thám tử gật đầu. Ông đang hiểu ra. Ông có thể thấy rõ.

"Rồi số tiền đó lại được chuyển đi trong thùng bằng bìa cứng chứa máy điều hòa nhiệt độ", Finlay nói.

"Chính xác. Cho tận tới một năm trước. Tận tới khi lực lượng Bảo vệ Bờ biển ngăn lại. Các thùng mới và đẹp, có lẽ theo đơn đặt hàng của một nhà máy sản xuất thùng bìa cứng nào đó cách xa hai ngàn dặm. Chúng đóng gói các thùng, dùng băng dính dán kín, chuyển đi. Nhưng trước tiên chúng đếm trước khi chuyển đi."

Finlay lại gật đầu.

"Để khớp với số liệu theo dõi," ông nói. "Nhưng làm thế quái nào mà ông đếm được một tấn tiền đô la trong một tuần?"

"Bọn chúng cân lên. Lần nào nhét đầy một thùng chúng cũng cho lên cân. Với các đồng một đô la, một ounce là ba mươi đồng (ounce = 28,3g). Nửa cân tương đương bốn trăm tám mươi đồng. Đem qua tôi đã đọc về điều này. Chúng cân lên, chúng tính toán giá trị, rồi chúng viết con số vào cạnh thùng."

"Làm thế nào ông biết được?"

"Các số xê ri. Cho biết có bao nhiêu tiền trong thùng."

Finlay nở nụ cười trầm tư.

"OK," ông nói. "Rồi các thùng chuyển tới bãi biển Jacksonville, phải không?"

Tôi gật đầu.

"Được đưa lên một con tàu. Và được chuyển tới Venezuela."

Rồi chúng tôi im lặng. Chúng tôi đang tới gần khu nhà kho ở đầu tỉnh lộ cỏ. Nó nổi lên phía tay trái chúng tôi như trung tâm vũ trụ. Phần ván ngoài bằng kim loại phản chiếu ánh sáng nhợt nhạt của bình minh.

Finlay chạy chậm lại. Chúng tôi quan sát nơi này. Khi chạy qua, đầu cả hai ngoái lại. Rồi chúng tôi ngoặt lên đường dẫn vào quốc lộ. Hướng về phía Bắc đi Atlanta. Finlay đạp hết ga, chiếc xe cũ đồ sộ gầm lên lao đi nhanh hơn.

"Có gì ở Venezuela?" tôi hỏi ông.

Viên thám tử nhún vai với tôi.

"Nhiều thứ, đúng không?" ông hỏi.

"Nhà máy hóa chất của Kliner. Nó được chuyển tới đó sau sự cố với EPA."

"Thế thì sao?"

"VẬY nó là gì? Nhà máy hóa chất đó dùng để làm gì?"

"Việc gì đó liên quan tới bông."

"Đúng," tôi nói. "Liên quan tới natri hydroxide, natri hypochlorite, clo và nước. Ông thu được gì khi trộn tất cả những thành phần ấy với nhau?"

Đội trưởng thám tử nhún vai. Ông là cảnh sát chứ không phải nhà hóa học.

"Thuốc tẩy", tôi tự đưa ra câu trả lời. "Thuốc tẩy, loại rất mạnh, đặc biệt cho sợi bông",

"Thế thì sao?" Finlay hỏi lại.

"Trợ lý của Bartholomew đã nói gì với ông về giấy in tiền?" tôi hỏi.

Finlay hít mạnh một hơi. Thực ra là tiếng hỗn hển.

"Chúa ơi," ông nói. "Giấy in tiền phần lớn gồm sợi bông. Và một chút lanh. Bọn chúng đã tẩy các tờ đô la. Chúa ơi, Reacher, bọn chúng tẩy mực in đi. Tôi không tin nổi. Bọn chúng tẩy mực khỏi các tờ mệnh giá một đô la và tự cung cấp cho mình bốn mươi triệu tờ giấy in tiền chính cống để làm gì thì làm."

Tôi nhăn nhó cười với viên thám tử. Ông chìa tay phải ra. Chúng tôi đập tay ăn mừng và reo lên, chỉ hai người trong chiếc xe đang chạy rất nhanh.

"Ông hiểu rồi đây, ông bạn Harvard," tôi nói. "Đó là cách chúng đang làm. Chẳng có gì phải nghi ngờ hết. Bọn chúng đã tìm ra công thức hóa học và chúng đang in lại các tờ giấy tiền trắng thành những tờ mệnh giá một trăm đô. Đó là ý Joe muốn nói. *E Unum Pluribus. Nhiều hình thành từ một*. Từ một đô la xuất hiện một trăm đô la."

"Chúa ơi," Finlay lại nói. "Chúng tẩy hết mực đi. Đây là vấn đề khác, Reacher. Và ông biết thế nghĩa là sao không? Ngay bây giờ nhà kho nhồi bốn mươi tấn tiền giấy thật đầy tới tận nóc. Ở đó có bốn mươi triệu đô la. Bốn mươi tấn, tất cả xếp lên, chờ lực lượng Bảo vệ Bờ biển rút đi. Chúng ta đã bắt quả tang chúng, đúng không?"

Tôi bật cười, đầy mãn nguyện.

"Đúng," tôi nói. "Khi hai tay vẫn dính chàm. Khi miệng vẫn chưa chùi. Đó là điều chúng lo lắng. Đó là lý do chúng đang hoảng loạn."

Finlay lắc đầu. Cười nhăn nhó với kính chắn gió.

"Làm thế quái nào ông luận ra được?" viên thám tử hỏi.

Tôi không trả lời ngay. Chúng tôi tiếp tục chạy. Quốc lộ đang đưa chúng tôi qua những khu nhà dồn lại ở rìa Nam

Atlanta. Càng lúc càng thấy nhiều nhà. Hoạt động xây dựng và buôn bán đầy bận rộn, khẳng định sức mạnh ngày càng tăng của vùng miền Nam này. Những căn cầu đứng sừng sững lên bức tường ở rìa Nam thành phố ngăn chặn sự trống trải của vùng nông thôn bên ngoài.

"Chúng ta sẽ xử lý vụ này từng bước một," tôi nói. "Trước hết tôi sẽ chứng minh với ông. Tôi sẽ cho ông xem một thùng đựng điều hòa nhiệt độ chứa đầy các đồng tiền thật mệnh giá một đô la."

'Thế à? Ở đâu?

Tôi liếc sang viên thám tử.

"Trong ga ra nhà Stoller," tôi đáp.

"Vì Chúa đi, Reacher. Nó bị đốt hết rồi. Và trong đó không có gì, đúng chứ? Mà kể cả có đi nữa thì bây giờ Sở cảnh sát Atlanta và lực lượng cứu hỏa cũng đã bâu kín lấy rồi."

"Tôi không có thông tin nào cho thấy nó đã bị đốt hết."

"Ông đang nói về chuyện khi gì thế? Tôi đã bảo ông rồi. Bức điện thông báo như thế."

"Ông học phổ thông ở đâu?" tôi hỏi.

"Chuyện đó thì có liên quan gì?" Finlay hỏi ngược lại

"Sự chính xác", tôi nói. "Đó là thói quen tư duy. Có thể nâng cao tính chính xác nếu được dạy dỗ tốt. Ông đã xem mảnh giấy in của Joe, đúng không?"

Finlay gật đầu.

"Ông nhớ mực gần cuối chứ?" tôi hỏi.

"Ga ra nhà Stoller," đội trưởng thám tử đáp.

"Đúng", tôi nói. "Nhưng hãy nghĩ về cái dấu. Nếu dấu sở hữu cách đứng trước chữ cuối cùng thì ý nghĩa là ga ra thuộc về một người họ Stoller. Trong trường gọi là sở hữu cách số ít, đúng không?"

"Nhưng sao?"

"Nó không được viết như vậy. Dấu sở hữu cách đứng sau chữ cuối cùng. Nghĩa là ga ra thuộc về nhà Stoller. Sở hữu cách số nhiều (Trong tiếng Anh, *Stoller's garage* nghĩa là 'ga ra của Stoller' còn *Stollers'garage* nghĩa là 'ga ra của ông bà stoller/nhà stoller'. Để đảm bảo mạch truyện và dễ hiểu, chúng tôi dịch *Stollers'garage* là 'ga ra nhà Stoller' (của gia đình, cha mẹ). Ga ra thuộc về hai người mang họ Stoller. Và không có hai người họ Stoller sống trong căn nhà cạnh sân gôn. Judy và Sherman chưa cưới nhau (Sau khi kết hôn, phụ nữ phương Tây thường dùng họ chồng. Do đó Judy chưa dùng họ Stoller). Nơi duy nhất chúng ta sẽ thấy hai người mang họ Stoller là căn nhà nhỏ cũ nơi cha mẹ Sherman sống. Và họ có một ga ra."

Finlay im lặng chạy xe. Tư duy ông đang trở về với bài học ngữ pháp thời phổ thông.

"Ông nghĩ là anh ta giấu một thùng ở chỗ ông bà già à?" viên thám tử hỏi.

"Thế là hợp lý," tôi nói. "Các thùng chúng tôi đã thấy ở nhà riêng của anh ta trống rỗng. Nhưng Sherman không biết trước rằng anh ta sẽ chết vào thứ Năm tuần trước. Thế nên ta có lý khi nhận định rằng anh ta có những khoản tiết kiệm nữa cất giấu ở một nơi khác. Anh ta đã nghĩ mình sẽ sống nhiều năm mà không làm việc."

Chúng tôi chuẩn bị vào Atlanta. Đoạn chuyển làn rộng đang hiện ra.

"Hãy vòng qua sân bay," tôi nói với Finlay.

Chúng tôi vòng qua thành phố theo một dải đường trên cao bằng bê tông. Chúng tôi chạy qua gần sân bay. Tôi tìm thấy đường trở lại khu nghèo của thành phố. Bây giờ đã gần 7 giờ 30 sáng. Dưới ánh nắng nhẹ buổi sáng, khu này trông thật đẹp. Ánh nắng sớm tạo cho nó vẻ rực rỡ giả tạo. Tôi tìm thấy đúng phố, đúng căn nhà hiền lành nấp sau hàng rào chống gió bão. Chúng tôi ra khỏi xe, tôi dẫn Finlay qua cánh cổng giữa lớp rào dây thép gai. Theo lối đi thẳng dẫn tới cửa. Tôi gạt đầu với viên thám tử. Ông rút phù hiệu ra và gõ cửa. Chúng tôi nghe thấy tiếng cọt kẹt ở sàn hành lang. Nghe tiếng lạch cạch của then cửa và dây xích. Rồi cửa mở. Mẹ Sherman Stoller đứng đó. Bà trông tỉnh táo. Không có vẻ như chúng tôi đã khiến bà thức giấc. Bà già không nói gì. Chỉ chăm chăm nhìn hai chúng tôi.

"Chúc buổi sáng tốt lành, bà Stoller," tôi nói. "Bà nhớ tôi chứ?"

"Ông là cảnh sát", bà già nói.

Finlay chìa phù hiệu về phía bà già. Mẹ Sherman gạt đầu.

"Các vị nên vào trong này", bà nói.

Chúng tôi theo bà già qua hành lang vào căn bếp chật chội.

"Tôi có thể giúp gì cho hai ông?" bà hỏi.

"Chúng tôi muốn xem bên trong ga ra nhà ta, thưa bà," Finlay nói. "Chúng tôi có lý do tin rằng có lẽ con trai bà đã giấu đồ ăn cắp trong đó."

Bà mẹ Sherman đứng yên một lúc trong bếp. Rồi bà xoay người lấy một chiếc chìa khóa treo vào đinh trên tường. Đưa cho chúng tôi mà không nói gì. Bước theo hành lang hẹp và biến vào một phòng khác. Finlay nhún vai với tôi, chúng tôi quay lại cửa trước vòng sang ga ra.

Đây là một gian nhỏ đã xuống cấp, chỉ vừa đủ cho một chiếc xe. Finlay dùng chìa mở khóa đẩy cửa vào. Ga ra chẳng có gì trừ hai thùng cao làm bằng bìa cứng. Chúng được đặt sát nhau dựa vào bức tường trong cùng. Giống hệt những chiếc thùng rỗng tôi đã thấy ở căn nhà mới của Sherman Stoller. Điều hòa nhiệt độ Island. Nhưng những thùng này dán băng dính. Trên đó có những số xê ri dài viết bằng tay.

Tôi xem kỹ các con số này. Theo các con số, trong mỗi thùng có một trăm ngàn đô la.

Finlay và tôi đứng nhìn hai chiếc thùng. Chỉ chăm chăm nhìn chúng. Rồi tôi bước tới chuyển một thùng khỏi tường.

Lấy con dao của Morrison và bặt lưỡi ra. Rạch đường băng dính để mở miệng thùng. Mở hai nắp ở miệng thùng ra rồi đẩy mạnh chiếc thùng. Nó rơi bịch xuống sàn bê tông, bụi tung lên. Một dòng tiền chảy ra. Tiền giấy bay khắp sàn. Cả một đồng tiền giấy. Hàng ngàn hàng vạn tờ. Cả một dòng tiền mệnh giá một đô la, tờ thì mới, tờ nhàu nát, có một số cuộn dày, một số bó vuông như cục gạch, một số bị lỏng tuột và bay lên. Chiếc thùng nhỏ hết những thứ chứa trong nó, dòng tiền chảy tới tận đôi giày bóng lộn của Finlay. Ông cúi xuống thọc cả hai tay xuống lớp tiền. Ông nắm bừa hai nắm đầy giờ lên. Ga ra nhỏ xíu này mờ tối. Chỉ có một ô cửa sổ nhỏ bắn thiêu cho ánh sáng nhợt nhạt buổi sáng lọt vào. Finlay ngồi xuống sàn, hai bàn tay vẫn đầy các đồng đô la. Chúng tôi nhìn chỗ tiền rồi lại nhìn nhau.

"Trong đó có bao nhiêu?" viên thám tử hỏi.

Tôi đá chiếc thùng để tìm dây số viết tay. Thêm nhiều tiền nữa chảy và bay khắp sàn.

"Gần một trăm ngàn", tôi thông báo.

"Còn thùng kia?"

Tôi ngó qua chiếc thùng còn lại. Đọc dây số dài viết bằng tay.

"Một trăm lẻ mấy ngàn", tôi nói. "Chắc chắn được bó chặt hơn."

Finlay lắc đầu. Thả những tờ tiền xuống và bắt đầu đảo hai tay sột soạt trong đồng tiền. Rồi ông đứng dậy đá chúng bay tứ tung. Như một đứa trẻ chơi với lá. Tôi cũng theo ông. Chúng tôi cười và đá những đám tiền lớn bay khắp ga ra. Bầu không khí dày đặc tiền. Chúng tôi hò reo và vỗ vào lưng nhau. Chúng tôi đập tay với nhau rồi nhảy múa quanh một trăm ngàn đô la trên sàn ga ra.

Finlay lúi chiếc Bentley vào cửa ga ra. Tôi đá chỗ tiền giấy thành các đồng và bắt đầu nhồi chúng trở lại thùng chứa điều hòa nhiệt độ. Không làm sao dồn hết vào được.

Vấn đề là các cuộn và cục tiền đã tung ra. Bây giờ thì là cả một đồng tiền lộn xộn. Tôi dựng thẳng đứng chiếc thùng và dồn tiền xuống hết mức có thể nhưng không tài nào dồn hết được. Tôi đã để tới ba mươi ngàn đô còn nằm trên sàn ga ra.

"Ta sẽ lấy cái thùng còn dán", Finlay nói. "Rồi quay đến lấy chỗ còn lại sau".

"Chỉ là giọt nước trong bể thôi," tôi nói. "Ta nên để lại cho ông bà già. Coi như quỹ lương hưu. Một khoản thừa kế từ con trai họ."

Viên thám tử suy nghĩ một lúc. Nhún vai, như thể chẳng thành vấn đề. Chỗ tiền nằm khắp nơi như rác. Có nhiều tiền đến nỗi trông chúng chẳng giống gì hết.

"OK," Finlay nói.

Chúng tôi kéo chiếc thùng dán băng dính ra bầu trời sáng. Nâng nó lên tống vào cốp xe Bentley. Không hề dễ dàng. Cái thùng rất nặng. Một trăm ngàn đô la nặng khoảng một trăm cân. Chúng tôi đứng nghỉ một lúc, cùng thở dốc. Rồi đóng chặt cửa ga ra. Bỏ một trăm ngàn đô nằm lại đó.

"Tôi sẽ gọi cho Picard," Finlay nói.

Ông trở lại nhà của hai ông bà già để mượn điện thoại. Tôi tì vào nắp ca pô còn ấm của chiếc Bentley ngắm nhìn mặt trời buổi sáng. Sau hai phút thì đội trưởng thám tử trở ra.

"Phải đến văn phòng anh ta thôi," ông nói. "Họp chiến lược."

Finlay lái xe. Ông luồn lách khỏi mê cung gồm các phố nhỏ bắn thiêu để đi tới khu trung tâm. Xoay chiếc tay lái Bakelite hướng về phía các tòa nhà cao tầng.

"OK," Finlay nói. "Ông đã chứng minh cho tôi thấy. Hãy nói cho tôi nghe ông đã suy luận thế nào."

Tôi xoay người trên chiếc ghế da lớn để đối diện với viên thám tử.

"Tôi đã muốn kiểm tra bản danh sách của Joe," tôi bắt đầu. "Cái dấu sở hữu cách đó với ga ra nhà Stoller. Nhưng bản danh sách đã ướt sũng nước có clo. Toàn bộ mực in đã bị tẩy hết."

Finlay liếc ngang sang tôi.

"Từ việc ấy mà ông có được kết luận à?"

Tôi lắc đầu.

"Tôi có được điều ấy từ báo cáo của Thượng viện", tôi nói. "Có vài đoạn nhỏ. Một đoạn về một vụ diễn ra lâu rồi ở Bogota. Có đoạn nữa viết về một vụ khác ở Libăng cách đây nhiều năm. Chúng cũng làm như thế, tẩy những đồng đô la thật để có thể in lại những tờ giấy trắng."

Finlay vượt qua đèn đỏ. Liếc qua phía tôi.

"Thế Kliner không phải kẻ đầu tiên nghĩ ra?"

"Không có chút gì là đầu tiên. Nhưng những kẻ kia thực hiện với quy mô rất nhỏ. Ở cấp độ rất thấp. Kliner đã nâng hoạt động ấy lên quy mô khổng lồ. Kiểu sản xuất công nghiệp. Hẳn là Henry Ford trong lĩnh vực làm tiền giả. Henry Ford không phát minh ra xe hơi, phải không? Nhưng ông ấy đã phát minh ra dây chuyền sản xuất cực lớn."

Đến đèn đỏ tiếp thì Finlay dừng lại. Có xe cộ chạy ở con phố cắt ngang.

"Vấn đề tẩy tiền nằm trong báo cáo của Thượng viện, đúng không?" ông hỏi. "Vậy sao Bartholomew hay Kelstein lại không biết điều ấy? Họ đã soạn thảo báo cáo ấy, đúng chứ?"

"Tôi nghĩ là Bartholomew đã nắm được. Tôi nghĩ cuối cùng ông ấy đã tìm ra. Thư điện tử đã nói tới điều ấy. Khi đó ông ấy vừa nhớ ra. Đó là bản báo cáo rất dài. Vài ngàn trang, viết từ lâu lắm rồi. Việc liên quan đến tẩy tiền chỉ là một chú thích nhỏ trong một mớ vấn đề khác. Và nó đề cập tới những vụ có quy mô rất nhỏ. Không thể so sánh nổi với mức độ Kliner thực hiện. Không thể đổ lỗi cho Bartholomew hay Kelstein. Họ là những ông già. Không tưởng tượng được."

Finlay nhún vai. Đậu xe cạnh một trụ cứu hỏa ở khu dành cho xe kéo.

Picard đón chúng tôi trong sảnh tòi tàn của mình rồi đưa vào một căn phòng bên mé. Chúng tôi điếm qua hết những gì mình đã biết. Đặc vụ FBI gật đầu, hai mắt ánh lên. Ông đang chứng kiến một vụ lớn.

"Công việc thật hoàn hảo, các bạn ạ," ông nói. "Nhưng bây giờ chúng ta đang đối đầu với bọn nào? Tôi nghĩ chúng ta phải nói rằng những tay gốc Tây Ban Nha nhỏ bé này là bọn bên ngoài. Chúng là bọn đánh thuê. Chúng không ản mặt. Nhưng tại địa bàn thì chúng ta vẫn còn năm trong số mười tên ban đầu ản mặt. Chúng ta vẫn chưa xác định được chúng. Điều đó có thể khiến mọi thứ trở nên khó khăn với chúng ta. Chúng ta đã biết về Morrison, Teale, Baker và hai cha con Kliner, đúng không? Nhưng năm tên còn lại là những ai? Có thể là bất kỳ ai dưới đó, đúng không?"

Tôi lắc đầu.

"Chúng ta chỉ cần xác định danh tính thêm một tên nữa", tôi nói. "Đêm qua tôi đã đánh hơi được bốn tên. Chỉ còn tên thứ mười là chúng ta chưa biết"

Cả Picard và Finlay đều ngòì thẳng người lên.

"Bốn tên đó là những ai?" Picard hỏi.

"Hai tên gác cổng nhà kho", tôi nói. "Và hai cảnh sát nữa. Nhóm hỗ trợ hôm thứ Sáu tuần trước".

"Thêm cảnh sát nữa à?" Finlay hỏi. "Chó chết thật."

Picard gật đầu. Úp đôi tay khòg lồ xuống bàn.

"OK," viên đặc vụ nói. "Ngay bây giờ hai người trở về Margrave đi. Cố gắng tránh xa rắc rối, nhưng nếu không thể thì hãy thực hiện các vụ bắt giữ. Song cần cẩn thận với tay thứ mười này. Có thể là bất kỳ kẻ nào. Tôi sẽ ở ngay sau lưng hai vị. Cho tôi hai mươi phút để đưa Roscoe trở về và tôi sẽ gặp hai người dưới ấy."

Tất cả chúng tôi đứng dậy. Bắt tay nhau. Picard hướng lên gác còn Finlay và tôi trở ra xe Bentley.

"Thế nào?" viên thám tử hỏi tôi.

"Baker", tôi đáp. "Đêm qua hấn vô tình chạm mặt tôi. Tôi bịa ra cho hấn câu chuyện về việc tới nhà Hubble để tìm một số tài liệu, rồi tôi tới đó đợi xem điều gì xảy ra. Và thằng con Kliner cùng bốn tên tay sai của hấn xuất hiện. Chúng tới để đóng đinh tôi vào tường phòng ngủ của Hubble."

"Chúa ạ," Finlay thòt lên. "Vây chuyện gì đã xảy ra?"

"Tôi đã hạ chúng."

Viên thám tử quay sang nhìn tôi chằm chằm trong khi xe chạy với tốc độ chín mươi dặm một giờ.

"Ông hạ chúng rồi à?" ông hỏi. "Ông đã hạ thằng con trai Kliner à?"

Tôi gật đầu. Finlay yên lặng một lúc. Giảm tốc độ còn tám mươi lăm dặm một giờ.

"Chuyện ấy diễn ra thế nào?" ông hỏi.

"Tôi phục kích chúng. Ba tên bị tôi đánh vào đầu. Một tên thì tôi rạch họng. Thằng con trai Kliner thì tôi dìm chết dưới bể bơi. Đó là lý do bản danh sách của Joe bị ướt sũng nước. Bị tẩy hết mực."

"Chúa ạ," Finlay lại nói. "Ông đã giết chết năm người. Đó là việc kinh khủng lắm đấy, Reacher. Ông cảm thấy thế nào về chuyện đó?"

Tôi nhún vai. Nghĩ về anh trai Joe. Nghĩ về anh như một thanh niên cao và vụng về mười tám tuổi vừa rời nhà tới học viện West Point. Nghĩ về Molly Beth Gordon, đang giơ lên chiếc va li nặng

bằng da màu vang đỏ và mỉm cười với tôi. Tôi liếc qua Finlay trả lời câu hỏi của ông bằng chính một trong những câu hỏi của tôi.

"Ông cảm thấy thế nào khi vạch mặt được bọn chúng?" tôi hỏi.

Viên thám tử lắc đầu một cách đột ngột như con chó giữ hết nước lạnh bám trên người.

"Chỉ còn bốn tên," ông nói.

Viên thám tử bắt đầu vuốt tay lái chiếc xe như thể ông là thợ nướng bánh đang làm một cái bánh xoắn. Ông nhìn qua kính chắn gió rồi thổi phù một hơi mạnh.

"Có cảm nhận gì về tên thứ mười không?" Finlay hỏi.

"Chẳng thực sự quan trọng hẳn là ai. Ngay bây giờ hẳn đang ở nhà kho cùng ba tên kia. Bây giờ bọn chúng đang thiếu lực lượng, đúng không? Toàn bộ bọn chúng sẽ thực hiện nhiệm vụ gác cả đêm. Ngày mai là nhiệm vụ nhận hàng. Cả bốn tên bọn chúng."

Tôi bật đài của chiếc Bentley. Một chiếc đài lớn bằng crôm. Đài của Anh đã tồn tại được hai mươi năm. Nhưng nó vẫn hoạt động. Nó phát một kênh hay. Tôi ngồi nghe nhạc, cố gắng không để mình thiếp đi.

"Không thể tin nổi," Finlay nói. "Làm thế quái nào một nơi như Margrave lại bắt đầu với chuyện này nhỉ?"

"Nó bắt đầu thế nào à?" tôi hỏi. "Nó bắt đầu với Eisenhower. Đó là lỗi của ông ta."

"Eisenhower hả? Ông ấy liên quan gì tới chuyện này?"

"Ông ta xây dựng các tuyến đường liên bang. Ông ấy giết chết Margrave. Hồi trước, tỉnh lộ cổ là tuyến đường duy nhất. Mọi người và mọi thứ phải chạy qua Margrave. Nơi ấy đầy các nhà trọ và quán bar, người ta đi qua đó, tiêu tiền ở đó. Rồi các tuyến quốc lộ được xây dựng, đi lại bằng đường hàng không rẻ đi, đột nhiên thị trấn chết. Nó héo mòn đi thành một chấm trên bản đồ bởi quốc lộ nằm cách nó tới mười bốn dặm."

"Vậy đó là lỗi của quốc lộ à?"

"Là lỗi của thị trưởng Teale. Thị trấn đã bán đất làm nhà kho nhằm kiếm chút tiền mới, đúng không? Lão già Teale đã dẫn mọi cho hợp đồng ấy. Nhưng lão không có can đảm từ chối khi khoản tiền mới hóa ra là tiền bẩn. Kliner sắp xếp dùng chỗ tiền ấy cho hoạt động đen tối lão dựng lên, và lão già Teale bắt tay ngay với Kliner."

"Lão ấy là chính trị gia. Họ không bao giờ nói không với tiền. Và đó là món tiền lớn kinh khủng. Teale đã dùng nó để xây dựng lại toàn bộ thị trấn."

"Lão đã dùng chỗ tiền ấy chìm chết cả thị trấn," tôi nói. "Nơi này là một bể phân rồi. Người ta nổi nhờ tiền bẩn. Từ tay thị trưởng tới kẻ đánh bóng các cây anh đào."

Chúng tôi lại dừng nói chuyện. Tôi loay hoay với núm chỉnh đài và nghe Albert King nói với tôi rằng nếu không có sự đen đủi thì ông sẽ chẳng bao giờ có may mắn cả. *(Albert Nelson – 1923-1992, nhạc công ghita, ca sĩ dòng nhạc blues của Mỹ có ảnh hưởng lớn tới các tay ghita chơi rock ở nước này).*

"Nhưng tại sao lại là Margrave?" Finlay hỏi lại.

Ông già Albert bảo tôi rằng đen đủi và rắc rối là bạn cũ của ông.

"Đặc điểm địa lý và vấn đề cơ hội," tôi giải thích. "Nó nằm đúng chỗ. Tất cả các loại quốc lộ đều giao nhau dưới này và có thể chạy thẳng xuống các bến tàu ở Florida. Margrave là nơi yên tĩnh, những kẻ điều hành thị trấn lại là bọn khôn nạn tham lam làm những việc chúng bị sai khiến."

Finlay im lặng. Nghĩ về những dòng đô la giấy chảy ào ào về phía Nam và phía Đông. Như cơn bão diễn ra sau một trận lụt. Một đợt thủy triều nhỏ. Lực lượng nhân công ít ỏi và khôn cùng ở Margrave giữ cho nó tiếp tục chảy. Chỉ cần tắc một chút là vài chục ngàn đô la sẽ dồn ứ lại. Như

đường cống thoát nước. Đủ tiền để nhân chìm một thị trấn. Đội trưởng thám tử gõ những ngón tay trên tay lái. Chạy hết đoạn đường còn lại trong im lặng.

Chúng tôi đỗ xe ở ô gần cửa đồn nhất. Hình ảnh chiếc xe phản chiếu trên lớp kính cửa. Một chiếc Bentley cũ màu đen, bản thân nó có giá một trăm ngàn đô la. Cộng một trăm ngàn nữa trong cốp. Chiếc xe đắt giá nhất bang Georgia. Tôi bật nắp cốp. Trải chiếc áo khoác lên trên thùng chứa điều hòa nhiệt độ. Đợi Finlay rồi cùng bước tới cửa.

Nơi này vắng tanh trừ nhân viên hành chính. Ông gật đầu chào chúng tôi. Chúng tôi vòng qua quầy tiếp tân. Bước qua phòng họp lớn và yên tĩnh tới căn phòng đầy gỗ hồng sắc ở phía sau. Bước vào rồi khép cửa lại. Finlay trông có vẻ lo lắng.

"Tôi muốn biết tên thứ mười là ai," ông nói. "Đó có thể là bất kỳ ai. Có thể là thượng sĩ làm văn phòng. Trong vụ này đã có bốn cảnh sát rồi".

"Không thể là ông ta," tôi nói. "Ông ta chưa bao giờ làm gì. Chỉ mài đống quần trên ghế. Nhưng có thể là Stevenson. Anh ta có liên hệ với Hubble."

Đội trưởng thám tử lắc đầu.

"Không", ông nói. "Teale đã loại anh ta ra khi lão tiếp nhận chức đồn trưởng. Lão muốn anh ta ở nơi lão có thể giám sát. Như vậy không phải Stevenson. Tôi đoán có thể là bất kỳ kẻ nào. Có thể là Eno. Ở tiệm ăn ấy. Lão là một tay tính khí không tốt."

Tôi nhìn Finlay.

"Ông là một tay tính khí không tốt, Finlay," tôi bảo. "Tính nóng chưa bao giờ khiến ai trở thành tội phạm."

Viên cảnh sát nhún vai. Tảng lờ lờ chế giễu.

"Vậy chúng ta làm gì?" ông hỏi.

"Chúng ta đợi Roscoe và Picard. Chúng ta thống nhất lúc ở đó rồi."

Tôi ngồi xuống cạnh chiếc bàn lớn bằng gỗ hồng sắc đứng dựa hai chân. Finlay bước tới bước lui trên tấm thảm đắt tiền. Chúng tôi đợi như thế trong hai mươi phút và rồi cửa mở. Picard đứng đó. Ông to lớn đến mức choán hết cả cửa. Tôi thấy Finlay chằm chằm nhìn Picard như thể có chuyện gì đó không ổn với viên đặc vụ. Tôi dõi theo ánh mắt của ông.

Có hai điều không ổn với Picard. Thứ nhất, ông ta không đưa theo Roscoe. Thứ hai, bàn tay khổng lồ của ông ta cầm một khẩu súng ngắn cỡ nòng .38 được nhà nước trang bị. Viên đặc vụ đang nắm chắc khẩu súng chĩa thẳng nòng vào Finlay.

"Là anh sao?" Finlay thở hắt ra.

Picard lạnh lùng nở một nụ cười với đội trưởng thám tử.

"Không ai khác", hần nói. "Tất cả trò vui này là của tao, tin tao đi. Bọn mày đã rất có ích đấy, cả hai. Rất chu đáo. Bọn mày đã cung cấp cho tao thông tin kịp thời về từng bước một. Bọn mày đã trao cho tao gia đình Hubble, và bọn mày đã trao cho tao sĩ quan Roscoe. Tao thực sự không thể đòi hỏi thêm gì nữa."

Finlay như cầm rễ xuống sàn. Run rẩy.

"Là anh sao?" ông lặp lại.

"Lẽ ra mày nên nhận thấy điều đó từ hôm thứ Tư, đồ khốn ạ," Picard nói. "Tao đã điều thẳng nhỏ tới khách sạn của Joe hai tiếng trước khi tao bảo bọn mày. Bọn mày đã làm tao thất vọng. Tao mong đợi làm việc này lâu rồi chứ không phải mãi tới tận bây giờ."

Hắn nhìn hai chúng tôi và mỉm cười. Finlay quay đi. Nhìn tôi. Tôi không thể nghĩ ra điều gì để nói với ông. Tôi không thể nghĩ được điều gì. Chỉ nhìn tấm thân khổng lồ của Picard ở cửa và có một cảm giác rất mạnh rằng đây sẽ là ngày cuối cùng của đời mình. Ngày hôm nay nó sẽ chấm dứt.

"Ra chỗ kia", Picard lệnh cho tôi. "Cạnh chỗ Finlay."

Hắn đã sai hai bước dài vào phòng và đang chĩa súng thẳng vào tôi. Một cách máy móc, tôi nhận thấy rằng đây là một khẩu mới, nòng ngắn cỡ .38. Tôi tự động tính toán rằng nó sẽ bắn chính xác ở cự ly ngắn thế này. Nhưng không thể tin tưởng một khẩu cỡ .38 hạ được mục tiêu. Và ở đây có hai chúng tôi, Picard chỉ có một. Hơn nữa Finlay còn có vũ khí trong bao súng đeo qua vai, phía dưới chiếc áo khoác bằng vải tuyết. Tôi dành một phần nhỏ giấy tính toán các khả năng. Rồi tôi từ bỏ việc tính toán ấy bởi thị trưởng Teale bước vào cửa phía sau Picard. Tay trái lão cầm chiếc gậy chống nặng. Nhưng bên tay phải là một khẩu súng trường trang bị cho lực lượng cảnh sát. Đó là một khẩu Ithaca Mag-10. Việc lão chĩa súng hay không thực sự chẳng thành vấn đề.

"Ra chỗ kia," Picard nhắc lại với tôi.

"Roscoe ở đâu?" tôi hỏi hắn.

Picard bật cười với tôi. Chỉ cười và dùng nòng súng ra hiệu rằng tôi nên đứng lên bước tới cạnh Finlay. Tôi nhắc người khỏi bàn bước đi. Tôi cảm thấy hai chân như đeo đá. Tôi bặm môi nhún bước với vẻ quyết tâm của một người què quặt cố gắng đi. Tôi đứng cạnh Finlay. Teale dùng khẩu súng khổng lồ bắn đạn chùm khổng lồ chế hai chúng tôi. Picard thọc tay vào phía dưới áo khoác của Finlay. Gỡ khẩu súng ngắn khỏi bao. Nhét vào túi chiếc áo khoác khổng lồ của hắn. Chiếc áo như bật ra dưới sức nặng cơ thể. Nó to như một chiếc lều. Picard bước sang một bên vỗ người tôi từ trên xuống. Tôi không có vũ khí. Áo khoác của tôi đang để bên ngoài, trong cốp xe Bentley. Rồi gã đặc vụ lùi lại đứng cạnh Teale. Finlay nhìn Picard như thể trái tim mình bị bóp nát.

"Tất cả chuyện này là sao?" viên thám tử hỏi. "Chúng ta đã quen thân từ lâu, đúng không?"

Picard chỉ nhún vai với ông.

"Tao đã bảo mày tránh xa," hần nói "Từ hồi tháng Ba tao đã có ngăn mày xuống dưới này. Tao đã cảnh báo để mày không làm việc ấy. Đúng như thế, phải không? Nhưng mày không chịu nghe, đúng không, thằng khốn cứng đầu? Thế nên mày nhận những gì mày phải nhận, ông bạn của tao ạ."

Tôi nghe tiếng gầm của Picard và cảm thấy khổ tâm cho Finlay hơn là cho chính mình. Nhưng rồi Kliner bước qua cửa vào phòng. Khuôn mặt rắn đanh của hắn nứt ra một điệu cười nhăn nhó.

Những chiếc răng thú của hắc lập lách. Đôi mắt Kliner xoáy thẳng vào tôi. Tay trái lão đang cầm một khẩu Ithaca Mag-10 nữa. Bên tay phải, lão cầm khẩu súng đã giết chết Joe. Nó đang chĩa thẳng vào tôi. Đây là khẩu Ruger Mark II. Một khẩu tự động đảm bảo sự kín đáo có cỡ nòng .22. Lắp ống giảm thanh loại lớn. Đây là súng dành cho sát thủ thích áp sát mục tiêu. Tôi chăm chăm nhìn khẩu súng. Các đây chín ngày, đầu thiết bị giảm thanh đó đã chạm vào thái dương anh trai tôi. Chẳng có gì nghi ngờ về điều ấy. Tôi có thể cảm nhận được.

Picard và Teale di chuyển về sau chiếc bàn. Teale ngồi xuống ghế. Picard đứng phía sau lão già. Kliner ra hiệu cho Finlay và tôi ngồi. Lão đang dùng nòng khẩu súng trường làm gậy lệnh. Những động tác ngắn, giật cục cho chúng tôi di chuyển. Hai chúng tôi ngồi xuống. Bên cạnh nhau trước chiếc bàn gỗ hồng sắc lớn. Chúng tôi chăm chăm nhìn thẳng vào mặt Teale. Kliner đóng cửa phòng tựa người vào đó. Lão dùng một tay giữ khẩu súng trường tì vào hông, chĩa vào một phía đầu tôi. Khẩu .22 giảm thanh chĩa xuống sàn.

Tôi quắc mắt nhìn lần lượt cả ba. Lão già Teale đang chăm chăm nhìn tôi với mọi loại cảm ghét thể hiện trên gương mặt già nhăn nheo. Lão run rẩy. Lão trông như người đang căng thẳng khủng khiếp. Lão trông tuyệt vọng. Gần như sắp suy sụp. Tay thị trưởng này trông già hơn hai mươi tuổi so với lão già có làn da nhăn nhui tôi gặp hôm thứ Hai. Picard thì trông khá hơn. Hắc có sự điềm tĩnh của một vận động viên điền kinh khổng lồ. Như một ngôi sao bóng đá hay nhà vô địch Olympic đến thăm trường phổ thông mình từng học. Nhưng xung quanh hai mắt hắc, da thịt như co chặt lại. Và hắc đang chọc mạnh ngón tay vào đùi. Đây căng thẳng.

Ánh mắt tôi xoay sang Kliner. Trùng trùng nhìn lão. Nhưng không có biểu hiện gì. Người lão không chút mỡ, rắn đanh và khô quắt lại. Kliner không động đậy. Chỉ đứng im hoàn toàn. Gương mặt và cơ thể lão không thể hiện gì hết. Trông lão như một pho tượng tạc từ gỗ tếch. Nhưng hai mắt rục lên sức mạnh tàn ác. Từ khuôn mặt trơ trơ rắn đanh, hai con mắt như lao ra xuyên vào tôi.

Teale lạch cạch mở một ngăn kéo của chiếc bàn hồng sắc. Lấy ra chiếc đài ghi âm mà Finlay đã dùng ghi lời khai của tôi. Đưa cho Picard phía sau lưng. Picard đặt khẩu súng của hắc xuống rồi gỡ đám dây cứng, cắm vào nguồn điện. Không để tâm gì tới chiếc micro. Chúng sẽ không làm gì hết. Chúng sẽ bật cho chúng tôi nghe gì đó. Teale rướn ra bấm nút đàm thoại nội bộ. Trong không gian tĩnh lặng, tôi nghe tiếng tín hiệu lờ mờ phía ngoài phòng họp.

"Baker hả?" Teale nói. "Hãy vào đây."

Kliner rời cánh cửa và Baker bước vào. Hắc đang mặc sắc phục. Trong bao súng là một khẩu cỡ nòng .38. Viên cảnh sát nhìn tôi. Không nhăn nhó cười. Baker đang cầm hai cuốn băng. Teale nhận từ tay hắc. Chọn cuốn thứ hai.

"Một cuốn băng", lão thị trưởng già nói. "Nghe nhé. Bọn mày sẽ thấy cái này thú vị đấy."

Teale lập cập cho băng vào và đẩy cửa băng đóng lại. Bấm cho chạy. Bộ cơ rít lên và loa loẹt xoẹt. Sau tiếng loẹt xoẹt ấy, tôi có thể nghe thấy tiếng ro ro. Rồi chúng tôi nghe thấy giọng Roscoe. Đó là giọng nói to đầy hoảng sợ. Tiếng nói ấy vang khắp căn phòng yên lặng.

"Reacher à?" Roscoe nói. "Đây là thông điệp dành cho anh, được chứ? Thông điệp là anh nên làm những gì họ bảo, nếu không em sẽ gặp rắc rối. Thông điệp là nếu anh có bất kỳ sự hoài nghi nào về rắc rối, anh nên trở lại nhà xác xem báo cáo phẫu thuật tử thi bà Morrison. Đó là rắc rối em sẽ gặp phải. Thế nên hãy giúp em, được chứ? Hết thông điệp, Reacher."

Giọng Roscoe chìm dần vào tiếng ro ro. Tôi nghe tiếng thở đau đớn lờ mờ như thể cô bị lôi xệch khỏi micro. Rồi Teale mạnh tay bấm tắt chiếc máy ghi âm. Tôi chăm chăm nhìn lão. Nhiệt độ cơ thể tôi như đã giảm xuống bằng không. Tôi chẳng còn cảm giác sống nữa.

Picard và Baker đang nhìn tôi. Toát lên sự miễn cưỡng. Như thể chúng đoán đúng được con bài đang bị giấu. Teale mở cửa băng nhỏ lấy cuốn băng ra. Đặt xuống cạnh bàn. Giơ cuốn băng còn lại lên cho tôi thấy rồi cho vào máy. Lại đẩy cửa băng nhỏ đóng lại rồi bấm nút chạy.

"Một cuốn nữa", lão già thuyết minh. "Nghe nhé".

Chúng tôi lại nghe thấy tiếng loẹt xoẹt như cũ. Lại tiếng ro ro. Rồi chúng tôi nghe thấy tiếng Charlie Hubble. Nghe giọng cô cực kỳ hoảng sợ. Giống như sáng thứ Hai, khi cô đứng trên con đường rải sỏi sáng sủa nối nhà với phố.

"Hub à?" Charlie hỏi. "Charlie đây. Em mang theo các con. Nếu em không ở nhà, anh hiểu thế nghĩa là sao chứ? Em phải chuyển cho anh một thông điệp. Nếu anh không quay lại, điều gì đó sẽ xảy ra với bọn trẻ. Họ bảo em rằng anh biết điều đó là gì. Họ nói rằng điều ấy nên xảy ra với anh và em, nhưng thay vào đó sẽ diễn ra với các con. Thế nên anh phải trở lại ngay, được chứ?"

Giọng nói kết thúc với đoạn cuối cao lên thể hiện nỗi hoảng sợ, rồi chìm vào tiếng ro ro. Teale thọc tay vào nút dừng. Lấy băng ra cẩn thận để lên cạnh bàn. Ngay phía trước mặt tôi. Rồi Kliner bước vào tầm quan sát của tôi và cất tiếng.

"Mày phải mang cuốn băng đó theo", hấn nói với tôi. "Mày phải mang nó tới nơi mày giấu Hubble dù đó là nơi đâu, và mày phải bật cho nó nghe."

Finlay và tôi nhìn nhau. Chỉ chăm chăm nhìn nhau đầy kinh ngạc. Rồi tôi ngồi thẳng dậy trừng trừng nhìn Kliner.

"Bọn mày đã giết Hubble rồi", tôi nói.

Kliner chần chừ một giây.

"Đừng cố làm trò vớ vẩn ấy," lão già nói. "Chúng tao đã chuẩn bị giết nó thì mày ngáng đường. Mày đã giấu nó đi, Charlie đã nói với chúng tao thế."

"Charlie bảo chúng mày thế à?"

"Chúng tao đã hỏi nó là Hubble ở đâu. Nó hứa với chúng tao rằng mày có thể tìm ra chồng nó. Nó gần như khẳng định về điều ấy. Suốt thời gian đó chúng tao kẻ một con dao giữa hai chân con gái nó. Nó lo lắng nên thuyết phục chúng tao rằng chồng nó không nằm ngoài tầm với của bọn tao. Charlie bảo rằng mày đã khuyên nhủ và hướng dẫn chồng nó đủ cách. Nó nói là mày đã giúp đỡ Hubble đủ mọi hình thức. Nó bảo mày có thể tìm ra Hubble. Tao hy vọng là, vì sự an toàn của mọi kẻ khác, Charlie không nói dối".

"Bọn mày đã giết Hubble rồi," tôi nhắc lại. "Tao không biết gì về chuyện đó."

Kliner gật đầu thờ dãi. Hạ giọng xuống.

"Bỏ mẹ trò vớ vẩn ấy đi," lão nói. "Mày đang giấu Hubble, chúng tao cần đưa nó trở lại. Chúng tao cần nó trở lại ngay. Đó là chuyện rất khẩn với chúng tao. Chúng tao có việc phải làm. Thế nên chúng tao có một số lựa chọn. Chúng tao có thể dẫn mày như tử để phải phun ra điều ấy. Chúng tao đã bàn chuyện đó. Đó là vấn đề chiến thuật, đúng không? Nhưng bọn tao cho là có thể mày sẽ đánh lạc hướng bọn tao bởi bây giờ thời gian còn rất ít. Có lẽ mày thấy đó là lựa chọn tốt nhất của mày, đúng không?"

Lão già chờ tôi nói. Song hấn không nhận được gì hết.

"Thế nên việc chúng ta sẽ làm là thế này", Kliner nói. "Picard sẽ đi cùng mày để đón Hubble. Khi mày đến chỗ Hubble đang ở, Picard sẽ gọi cho tao. Vào điện thoại di động của tao. Ông ta biết số rồi. Sau đó cả ba sẽ trở lại đây. OK chưa?"

Tôi không nói gì.

"Nó đang ở đâu?" đột nhiên Kliner hỏi.

Tôi chuẩn bị lên tiếng thì lão già giơ một tay lên ngăn lại.

"Như tao đã bảo mày, bỏ mẹ trò vớ vẩn ấy đi," lão nói. "Bỏ mẹ cái trò ngồi đây nghĩ đến nát óc. Chắc chắn là mày đang cố gắng tìm ra cách có thể hạ Picard. Nhưng mày không thể làm được điều ấy đâu."

Tôi nhún vai. Chẳng nói gì.

"Hai vấn đề," Kliner tiếp tục. "Tao không tin mày có thể hạ Picard. Tao không tin bất kỳ ai có thể làm điều ấy. Chưa từng có ai làm được điều đó. Và số máy di động của tao không được viết ra. Nó nằm trong đầu Picard."

Tôi lại nhún vai. Kliner là một tên khôn ngoan. Loại khôn nặn nhất.

"Đề tao thêm vài yếu tố," hắn nói. "Chúng tao không biết chính xác Hubble đang ở cách bao xa. Và mày sẽ không nói cho chúng tao sự thật về điều đó. Thế nên tao sẽ nói cho mày biết việc chúng tao sẽ làm. Chúng tao sẽ cho mày thời hạn."

Lão già dừng nói bước tới chỗ Finlay đang ngồi. Hắn nâng khẩu .22 đặt đầu bộ phận giảm thanh vào tai Finlay. Ấn mạnh vào cho tới khi Finlay nghiêng người trên ghế.

"Ông thám tử đây sẽ phải ngồi tù," Kliner thông báo. "Nó sẽ bị còng tay vào song sắt. Nếu Picard không gọi cho tao trước bình minh ngày mai một tiếng, tao sẽ chĩa khẩu súng trường vào buồng giam của thám tử cho nó tan xác pháo. Rồi tao sẽ sai sĩ quan Roscoe quỳ gối dùng miếng bọt biển lau sạch lòng mề ông ta bám trên tường trong xà lim. Rồi tao sẽ cho mày thêm một giờ. Nếu Picard không gọi cho tao vào lúc mặt trời lên, tao sẽ bắt đầu với chính sĩ quan Roscoe quỳ gối. Rốt cuộc con bé ấy sẽ rất đau đớn, Reacher. Nhưng trước tiên sẽ bị hãm hiếp rất nhiều lần. Rất ghê gớm. Mày nghe tao nói rồi đấy Reacher. Sẽ rất lộn xộn. Thực sự là rất lộn xộn. Thị trưởng Teale và tao đã có một tiếng đầy để chịu khi bàn bạc chính xác những gì chúng tao sẽ làm với Roscoe."

Kliner gần như đẩy Finlay ra khỏi ghế khi dùng khẩu súng tự động ép vào tai ông. Hai môi Finlay mím chặt. Kliner nhếch mép cười với tôi. Tôi mỉm cười đáp lại hắn. Kliner như một xác chết. Lão như một kẻ đã nhảy từ nhà cao tầng xuống. Và vẫn chưa rơi xuống đất. Nhưng lão đã nhảy.

"Mày hiểu chứ?" lão già hỏi tôi. "Hãy gọi lúc sáu giờ sáng mai để cứu mạng quý ông Finlay, lúc bảy giờ để cứu mạng quý cô Roscoe. Và đừng gây chuyện với Picard. Chẳng ai khác biết số điện thoại của tao đâu."

Tôi một lần nữa nhún vai với lão già.

"Mày hiểu chứ?" lão già nhắc lại.

"Tao nghĩ là tao hiểu," tôi đáp. "Hubble đã bỏ trốn và bọn mày không biết tìm anh ta bằng cách nào, đúng không? Đó là điều mày đang nói với tao à?"

Chẳng ai nói gì.

"Bọn mày không thể tìm được anh ta, đúng không?" tôi tiếp. "Mày là đồ vô dụng, Kliner. Mày là loại cứt đá vô dụng. Mày nghĩ mày là một tay khôn ngoan, nhưng mày chẳng thể tìm nổi Hubble. Đến cả cái lỗ đít của mày mày cũng chịu chết chẳng thể tìm ra ấy chứ."

Tại tôi có thể cảm nhận rằng Finlay không thờ nổi. Ông nghĩ tôi đang chơi đùa với tính mạng ông. Nhưng lão già Kliner để mặc viên thám tử. Lại bước vào tầm quan sát của tôi. Lão đã tái đại đi. Tôi có thể ngửi được sự căng thẳng của lão. Tôi vừa mới quen với thông tin Hubble vẫn còn sống. Anh ta đã chết cả tuần, giờ anh chàng sống lại. Anh ta vẫn sống và đang lẩn trốn đâu đó. Hubble đã lẩn trốn suốt tuần, trong khi bọn chúng tìm kiếm anh ta. Tay này đang trốn chạy. Sáng hôm thứ Hai Hubble đã không bị lôi khỏi nhà. Anh ta đã tự đi. Anh ta đã ngửi thấy mùi nguy hiểm của cú điện thoại dạn ở nhà, rồi bỏ chạy để thoát khỏi tử thần. Và bọn chúng không thể tìm ra Hubble. Paul Hubble đã cho tôi

chút xiu hy vọng mà tôi sẽ cần tới.

"Hubble có gì mà bọn mày muốn đến thế?" tôi hỏi.

Kliner nhún vai.

"Nó là việc cuối cùng chưa được giải quyết," hắn nói. "Tao đã xử lý mọi việc khác. Và tao sẽ không từ bỏ công việc của mình chỉ bởi một thằng khốn như Hubble chạy lăng nhăng đầu đó há cái miệng ngu ngốc của nó ra. Thế nên tao cần có nó ở nhà. Nơi nó phải ở. Thế nên mày sẽ tìm nó cho tao."

Tôi cúi người chăm chăm nhìn vào hai mắt lão già.

"Thằng con trai không thể tìm anh ta cho mày à?" tôi nói, nhẹ nhàng.

Chẳng ai nói gì. Tôi cúi người thêm một chút.

"Bảo con trai mày đưa nó về ấy," tôi tiếp.

Kliner im lặng.

"Con trai mày đâu rồi, Kliner?" tôi hỏi.

Lão già chẳng nói gì.

"Chuyện gì đã xảy ra với nó vậy?" tôi tiếp tục một câu hỏi. "Mày biết chứ?"

Hắn biết, nhưng hắn không biết. Tôi có thể thấy như thế. Kliner vẫn chưa chấp nhận điều đó. Hắn cho thằng con bám theo tôi nhưng nó đã không trở về. Thế nên hắn đã biết, nhưng hắn chưa thú nhận với chính mình về chuyện ấy. Gương mặt rắn đanh của Kliner nhão ra. Hắn muốn biết. Nhưng hắn không thể hỏi tôi. Hắn muốn căm thù tôi vì đã giết con trai hắn. Nhưng hắn cũng không thể làm điều ấy. Bởi làm thế đồng nghĩa với việc thú nhận điều đó là sự thật.

Tôi chăm chăm nhìn Kliner. Hắn muốn nâng khẩu súng trường to bự kia bắn tôi thành một đồng đồ bầy nhầy. Nhưng hắn không thể. Bởi Kliner muốn tôi đưa Hubble trở về. Trong lòng hắn đang nổi sóng. Lão già muốn bắn chết tôi ngay lập tức. Nhưng với lão, bốn mươi tấn tiền quan trọng hơn tính mạng con trai lão.

Tôi chăm chăm nhìn vào đôi mắt của kẻ đã chết. Không chớp. Nói rất nhẹ.

"Con trai mày đang ở đâu, Kliner?" tôi nói.

Trong một khoảng thời gian dài, trong phòng chỉ có sự im lặng.

"Đưa nó ra khỏi đây," Kliner nói. "Nếu mày không ra khỏi đây trong vòng một phút, Reacher, tao sẽ bắn chết ngay tay thám tử."

Tôi đứng dậy. Nhìn một vòng cả năm tên. Gật đầu với Finlay. Hướng ra cửa. Picard theo sau tôi nhẹ nhàng đóng cánh cửa lại.

Picard và tôi cùng bước qua phòng họp. Căn phòng chẳng có ai. Yên lặng. Viên thượng sĩ trực hành chính không còn ở đây. Chắc chắn Teale đã điều ông ta đi chỗ khác. Máy pha cà phê vẫn chạy. Tôi có thể ngửi thấy mùi cà phê. Tôi trông thấy bàn làm việc của Roscoe. Tôi thấy bảng tin lớn. Vụ điều tra về Morrison. Vẫn trống không. Không có tiến triển nào. Tôi vòng qua quầy tiếp tân. Đẩy cánh cửa nặng bằng kính có lớp doăng cao su ra. Bước ra ngoài trời chiều tươi sáng.

Picard dùng nòng khẩu súng lớn ra hiệu rằng tôi nên vào chiếc Bentley cầm lái. Tôi không tranh cãi với hắn. Chỉ băng qua bãi đỗ tới chiếc xe. Trong cả cuộc đời, lần này tôi gần với sự hoảng loạn nhất. Tim tôi đập thình thịch, hơi thở ngắn gấp gáp. Tôi đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia và dùng mọi sức nặng mình có để kiểm soát được bản thân. Tôi tự nhủ rằng khi ra tới cửa xe bên tay lái, tôi sẽ có chút ý tưởng tốt về những gì tiếp theo mình sẽ làm.

Tôi vào xe chạy tới tiệm ăn Eno. Vòng tay ra hốc dưới ghế ngồi tìm thấy tám bản đồ. Bước dưới ánh nắng chói buổi chiều rồi đẩy cửa bước vào tiệm. Đi tới một ghế trống. Gọi cà phê và trứng. Tôi hét lên với chính mình rằng hãy nghe điều tôi đã học được suốt mười ba năm gian khổ. Thời gian càng ngắn ta càng phải bình tĩnh. Nếu ta chỉ có một viên đạn, phải để nó là viên đạn đáng giá. Ta không thể để trượt vì đã làm hỏng kế hoạch. Hoặc vì mới sáng ra ta đã mất hết đường trong máu, bị ốm và chóng mặt. Thế nên tôi nhồi trứng vào và uống cà phê. Rồi tôi đẩy chiếc cốc cùng chiếc đĩa không sang bên cạnh, trải tám bản đồ lên bàn. Bắt đầu tìm kiếm Hubble. Anh ta có thể ở bất kỳ đâu. Nhưng tôi phải tìm thấy anh ta. Tôi có một cơ hội làm việc ấy. Tôi không thể chạy từ nơi này tới nơi khác. Đầu tôi phải tìm ra Hubble. Đó phải là quá trình tư duy. Trước hết tôi phải dùng tư duy tìm ra tay này rồi đi thẳng tới chỗ anh ta. Thế nên tôi khom người trên bàn của tiệm ăn Eno. Chằm chằm nhìn tám bản đồ. Chằm chằm nhìn một lúc lâu.

Tôi dành gần một giờ cho tám bản đồ. Rồi gấp nó lại đặt vuông vắn trên bàn. Cầm con dao cùng chiếc nĩa từ đĩa trứng lên. Bỏ vào trong túi quần. Nhìn quanh. Nhân viên phục vụ bước tới. Cô đeo kính.

"Dự định đi đâu một chuyến à, anh bạn?" cô hỏi.

Tôi ngược nhìn người phục vụ. Tôi có thể trông thấy chính mình qua cặp kính của cô. Tôi có thể trông thấy thân hình đồ sộ của Picard đang trừng trừng nhìn ở ghế sau lưng. Tôi gần như có thể cảm nhận được bàn tay hắn nắm chặt lấy báng khẩu .38. Tôi gật đầu với người phụ nữ.

"Ý tưởng là thế này," tôi nói. "Một chuyến đi ác liệt. Một chuyến để đời."

Cô này không biết nói gì về điều đó.

"Rồi, bảo trọng nhé, được chứ?" cô nói.

Tôi đứng dậy bỏ lại trên bàn cho cô một trong những tờ một trăm đô la của Charlie. Có thể đó là tiền thật, có thể không. Cũng có giá trị như nhau cả. Và tôi muốn để lại khoản tiền bo lớn cho cô. Mỗi tuần Eno kiếm được một ngàn đô la tiền bản nhưng tôi không biết liệu lão có san lại nhiều cho người khác hay không. Trông tay đó thì có lẽ là không.

"Hẹn gặp lại ông," cô gái đeo kính nói.

"Có lẽ thế," tôi nói.

Picard đẩy tôi ra qua cửa. Bây giờ là bốn giờ. Tôi vội vã bước trên sỏi tới chiếc Bentley. Picard theo sau tôi, một tay vẫn thò vào túi. Tôi lách người vào xe nổ máy. Chạy ra khỏi bãi đỗ vút lên hướng Bắc theo tỉnh lộ cổ. Phóng hết mười bốn dặm trong khoảng mười hai phút. Picard đã buộc

tôi dùng chiếc Bentley. Không dùng xe của hần. Phải có lý do làm như vậy. Không phải bởi hần muốn chỗ để chân rộng hơn. Mà bởi nó là chiếc xe rất dễ nhận ra. Nghĩa là có sự bảo đảm tốt hơn. Tôi nhìn gương trông thấy một chiếc sedan trơn. Ở phía sau chừng một trăm mét. Trong xe có hai người. Tôi nhún vai với chính mình. Giảm tốc độ và liếc nhìn khu nhà kho ở bên trái, đầu tỉnh lộ. Vòng lên đường vòng để lượn quanh giao lộ. Chạy vào quốc lộ với tốc độ tối đa tôi dám chạy. Thời gian có ý nghĩa sống còn.

Con đường đưa chúng tôi vòng qua rìa Đông Nam của Atlanta. Tôi len lỏi qua các đoạn chuyển làn. Hướng về phía Đông theo đường 1-20. Tiếp tục chạy, hai gã đàn ông trên chiếc sedan trơn vẫn ở sau một trăm mét, cứ như thể từng dậm một.

"Thế nó đang ở đâu?" Picard hỏi tôi.

Đây là lần đầu tiên hần cất tiếng kể từ lúc rời đồn. Tôi liếc qua tên khổng lồ và nhún vai.

"Không biết", tôi nói. "Điều tốt nhất tôi có thể làm là tìm một người bạn của anh ta ở Augusta."

"Tay bạn này là ai?"

"Một người tên là Lennon."

"Ở Augusta à?"

"Augusta. Đó là nơi ta đang tới."

Picard hầm hừ. Chúng tôi tiếp tục chạy. Hai gã đàn ông vẫn bám phía sau.

"Thế tay ở Augusta này là ai?" Picard nói. "Lennon ấy?"

"Bạn của Hubble," tôi đáp. "Như tôi đã nói với ông".

"Nó không có bạn ở Augusta," tay đặc vụ nói. "Mày không nghĩ là chúng tao đã kiểm tra những chuyện như thế à?"

Tôi nhún vai. Không trả lời.

"Mày không nên đặt chuyện vợ vắn, Reacher ạ," gã khổng lồ bảo tôi. "Kliner không thích thế đâu. Điều đó sẽ khiến tình hình bạn gái mày tệ hơn. Sự tàn bạo ở tay đó ghê gớm lắm. Tao từng chứng kiến ông ta hành động rồi."

"Như hồi nào?"

"Nhiều lần rồi. Như hôm thứ Tư, ở sân bay. Con đàn bà đó, Molly Beth ấy. Kliner thích những kẻ la hét. Như hôm Chủ nhật. Ở nhà Morrison."

"Kliner đã ở đó hôm Chủ nhật à?"

"Lão ta thích việc ấy," Picard đáp. "Lão và thằng con trai chết tiệt của lão. Mày đã làm điều tốt cho thế giới khi hạ thằng nhóc ấy. Mày nên thấy nó hôm Chủ nhật mới phải. Bọn tao đã phải cho hai thằng cảnh sát đó nghỉ làm ngày ấy. Để bọn chúng khử sếp của mình có vẻ không ổn. Cha con Kliner với tao đã làm thay chúng nó. Lão già thích thú với từng phút. Sự tàn bạo ghê gớm lắm, như tao nói đấy. Mày nên chắc chắn là tao sẽ gọi điện đúng giờ, nếu không bạn gái mày sẽ gặp rắc rối to."

Tôi lặng thinh một lúc. Tôi đã thấy con trai Kliner hôm Chủ nhật. Hần đã đón bà mẹ kể từ tiệm cà phê. Lúc khoảng 10 giờ 30. Hần đã trừng trừng nhìn tôi. Lúc ấy hần đang trên đường trở lại sau khi loại vợ chồng Morrison khỏi đội hình.

"Lão già Kliner đã bắn anh trai tôi phải không?" tôi hỏi Picard.

"Đêm thứ Năm hả? Chắc chắn thế rồi. Đó là vũ khí của ông ta, khẩu .22 gắn thiết bị giảm thanh".

"Và thằng con đá xác ông ấy lăn khắp nơi?"

Picard nhún vai.

"Thằng nhóc ấy bị điên", hần nói. "Đầu óc có vấn đề."

"Và rồi nhiệm vụ của Morrison là dọn dẹp hiện trường à?"

"Phải thế", Picard hăm hừ. "Lão khôn đó có nhiệm vụ đốt hai xác chết trong xe. Nhưng lão không thể tìm thấy xác Stoller. Thế nên lão bỏ lại cả hai xác ở đó."

"Và Kliner đã giết tám người ở Louisiana, đúng không?"

Picard bật cười.

"Tám kẻ đó thì người ta biết rồi", hắn nói. "Tay khôn Spirenza đó đã sẫm soi suốt một năm. Tìm kiếm những khoản chi trả cho một sát thủ. Nhưng chẳng bao giờ có sát thủ nào. Tự tay Kliner làm toàn bộ việc ấy. Như một thú vui, đúng không?"

"Hồi ấy ông đã biết Kliner à?"

"Tao lúc nào chẳng biết về Kliner," Picard đáp. "Tự để mình được phân công làm liên lạc viên của Spirenza với Cục. Giúp cho mọi việc gọn gàng, sạch sẽ."

Chúng tôi chạy trong im lặng hết khoảng một, hai dặm đường. Hai gã đàn ông trong chiếc sedan tron phía sau giữ cự ly một trăm mét sau chiếc Bentley. Rồi Picard nhìn tôi.

"Tay Lennon này", hắn nói. "Là một thằng quỷ khác của Bộ Tài chính làm việc cho anh trai mày, đúng không?"

"Bạn của Hubble," tôi đáp.

"Như ma ấy. Bọn tao đã kiểm tra, nó không có bạn nào ở Augusta cả. Quỷ thần ơi, nó chẳng có bạn ở đâu. Nó nghĩ Kliner là người bạn tuyệt vời khi trao cho nó công việc và mọi thứ".

Picard bắt đầu khúc khích cười trên ghế. Bộ khung khổng lồ của hắn rung lên vì cười.

"Như Finlay nghĩ ông là bạn của ông ấy, đúng không?" tôi hỏi.

Tay đặt vụ nhún vai.

"Tao đã cố gắng ngăn nó", hắn nói. "Tao đã cố gắng cảnh báo để nó tránh xa. Tao nên làm gì chứ? Để chính tao bị giết thay nó à?"

Tôi không trả lời câu hỏi này. Chúng tôi im lặng chạy tiếp. Chiếc sedan tron vẫn giữ nguyên khoảng cách một trăm mét phía sau.

"Ta cần bơm xăng", tôi nói.

Picard nghiêng cổ nhìn kim xăng. Nó bắt đầu chạm vạch đỏ.

"Rẽ vào cây xăng tiếp theo," hắn lệnh.

Tôi trông thấy biển báo cây xăng ở một nơi gần Madison. Tôi ngoặt vào đánh chiếc Bentley tới chỗ các vòi bom. Chọn khu ngoài cùng rồi từ từ dừng lại.

"Ông sẽ làm việc này cho tôi chứ?" tôi hỏi.

Picard nhìn tôi đầy ngạc nhiên.

"Không," hắn nói. "Mày nghĩ tao là kẻ quái nào chứ? Một tay bán xăng chết tiệt à? Tự làm đi!"

Đó chính là câu trả lời tôi muốn nghe. Tôi ra khỏi xe. Picard ra ngoài bằng cửa bên kia. Chiếc sedan tron tấp vào gần và hai gã đàn ông bước ra ngoài. Tôi nhìn chúng. Chính là hai tên bị tôi chơi khăm ở New York, trên vỉa hè đầy người phía ngoài trường đại học của Kelstein. Gã nhỏ con hơn mặc áo choàng ka ki. Tôi nhả nhận gật đầu với chúng. Tôi cho là chúng chỉ còn sống chưa đầy một giờ nữa. Hai tên bước tới đứng với Picard thành nhóm ba tên. Tôi gỡ vòi cắm vào bình xăng của chiếc Bentley.

Đây là bình xăng lớn. Chứa được hơn ba mươi gallon. Tôi không bóp cho vòi bơm nhanh hết cỡ. Tôi dùng tay trái cầm vòi vẽ rất bình thường, người tựa vào xe trong khi xăng chảy vào bình. Tôi tự hỏi liệu mình có nên bắt đầu hút sáo hay không. Picard và hai gã gốc Tây Ban Nha đã mất kiên nhẫn. Một cơn gió nhẹ nổi lên, chúng hơi run trong cái lạnh se se đầu buổi tối.

Tôi nhẹ nhàng rút hai thứ đồ ăn của tiệm Eno ra khỏi túi và ấn đầu con dao vào ta lông lốp xe

ngay đầu gối phải của tôi. Từ chỗ Picard đang đứng, trông tôi như đang xoa chân. Rồi tôi lấy chiếc nĩa bẻ một mũi ra ngoài. Ấn nó vào vết rạch tôi vừa tạo ra rồi bẻ cho gãy mũi nĩa. Để lại khoảng một phân cắm vào lớp. Rồi tôi kết thúc việc bơm xăng và gác vòi bơm trở lại cây.

"Ông trả tiền chỗ này chứ?" tôi gọi Picard.

Tay không lơ nhìn quanh nhún vai. Lôi một tờ khỏi cuộn tiền của hắn rồi sai tên mặc áo mưa đi trả. Rồi chúng tôi trở vào xe.

"Đợi đã," Picard bảo.

Tôi đợi cho tới khi chiếc sedan trơn nổ máy phía sau lưng và nháy pha hai lần. Rồi tôi rời cây xăng, nhẹ nhàng tăng ga trở lại quốc lộ và chạy đều như trước. Augusta, còn bốn mươi dặm. Chiếc Bentley cũ kêu rền. Rung đều. Hai gã đàn ông bám theo. Mặt trời đang lặn hiện ra đỏ ối trong gương. Đường chân trời phía trước đen lại. Phía trên Đại Tây Dương đã là đêm rồi. Chúng tôi chạy tiếp.

Còn cách Augusta khoảng hai mươi dặm thì lốp xẹt. Lúc này là 7 giờ 30 và trời đang tối. Cả hai chúng tôi cảm nhận được tiếng ục ở bánh xe và chiếc xe không thể chạy thẳng được.

"Khốn nạn thật," tôi thốt lên. "Xẹt lốp rồi"

"Tấp vào đường", Picard bảo.

Tôi bẻ lái dừng lại ngay phía trên mé đường. Chiếc sedan trơn cũng ngoặt vào dừng lại đằng sau chúng tôi. Cả bốn ra khỏi xe. Con gió nhẹ đã trở thành cơn gió lạnh thổi từ phía Đông lại. Tôi **ran** người lên bật nắp cốp. Cầm chiếc áo khoác lên mặc vào, như thể thấy biết ơn về hơi ấm nó mang lại.

"Bánh dự phòng phía dưới sàn cốp", tôi bảo Picard. "Muốn giúp tôi lôi cái thùng này ra không?"

Picard bước tới nhìn chiếc thùng chứa những tờ đô la.

"Bọn tao đã đốt nhầm nhà", hắn nói và bật cười.

Tên không lơ cùng tôi nhắc chiếc thùng nặng ra đặt tì một đầu thùng vào rìa đường. Chiếc áo khoác lớn của Picard bay phấp phật trong gió.

"Ta sẽ để cho hai thằng nhỏ thay bánh xe," hắn nói. "Mày đứng yên, ở chỗ kia, cạnh cái thùng."

Rồi hắn vẫy hai tên gốc Tây Ban Nha bảo chúng làm việc ấy. Bọn chúng lấy kích, cò lê để vặn ốc. Kích xe lên tháo rời bánh bị xẹp ra. Rồi chúng dựng thẳng chiếc lốp dự phòng nâng lên đúng chỗ. Vặn ốc lại cẩn thận. Tôi đứng ngay cạnh thùng tiền, run rẩy trong gió, người quắn chặt chiếc áo khoác. Thọc hai tay sâu vào túi, hai chân lần lượt giậm xuống đất như một gã đang bị lạnh đứng yên chẳng làm gì.

Tôi đợi tận tới khi Picard bước tới kiểm tra xem các ốc đã vặn chặt chưa. Hắn tì trọng lượng cơ thể vào đòn bẩy, tôi có thể nghe tiếng kim loại rít lên. Tôi thò lưỡi con dao bấm của Morrison đã bật sẵn ra rạch lên một cạnh thùng chứa máy điều hòa nhiệt độ. Rồi ngang mặt trên của nó. Rồi xuống cạnh bên kia. Trước khi Picard kịp giương súng, chiếc thùng bung ra như thùng hơi nước, gió ào tới một trăm ngàn tờ tiền thổi chúng bay khắp quốc lộ như một trận bão tuyết.

Rồi tôi lao người qua bức tường bê tông ở cạnh rìa đường leo xuống bờ đất thấp. Lôi khẩu Desert Eagle ra. Bắn tên mặc áo mưa khi hắn trèo qua tường phía sau tôi, nhưng tôi trượt, chỉ bắn đứt chân tên này. Phía sau tên này, tôi trông thấy một chiếc xe tải bị phủ tiền đô la kín cả kính chắn gió lao ra khỏi đường đâm sầm vào chiếc sedan trơn sau chiếc Bentley. Picard đang gạt cơn bão tiền và nhảy tới bức tường. Tôi có thể nghe thấy những tiếng lốp rít trên quốc lộ của các xe phanh khủng và đánh lái gấp nhằm tránh chiếc xe tải vừa gặp tai nạn. Tôi lăn người, nhằm vào bờ đất và bắn tên gốc Tây Ban Nha thứ hai. Viên đạn xuyên qua ngực hắn, tên này bổ nhào xuống phía dưới tôi. Tên mặc áo mưa đang lăn trên đỉnh của phần đất dốc, vừa la hét vừa ôm chặt lấy phần chân nát bấy, cố gắng rút khẩu

súng tự động loại nhỏ mà hắn đã trưng ra cho tôi thấy hôm ở New York. Tôi bắn phát thứ ba, lần này xuyên đầu hắn. Tôi có thể nhìn thấy Picard nhắm khẩu .38 vào tôi. Từ nãy đến giờ gió vẫn rít lên và các xe đang trượt đi trước khi dừng lại trên quốc lộ. Tôi có thể thấy các lái xe ra ngoài, nhảy khắp nơi, túm lấy những đồng tiền bay lượn trong không khí. Cảnh tượng hết sức hỗn loạn.

"Đừng bắn tao, Picard," tôi hét lên. "Nếu làm thế mày sẽ không tìm được Hubble đâu",

Tên không lò biết điều ấy. Và hắn biết rằng nếu không tóm được Hubble thì hắn sẽ chết. Kliner không chịu chấp nhận thất bại. Tay đặc vụ đứng đó, khẩu .38 chĩa vào đầu tôi. Nhưng hắn không bắn. Tôi chạy lên bờ đường, vòng qua chiếc xe, đẩy hắn ra phía dòng xe cộ bằng khẩu Desert Eagle.

"Mày cũng đừng bắn tao," Picard hét lên. "Cú điện của tao là con đường duy nhất để mày cứu con bé đó. Điều đó thì chắc rồi. Mày nên tin như thế."

"Tao biết thế, Picard," tôi hét lại với hắn. "Tao tin như vậy. Tao sẽ không bắn mày. Mày sẽ bắn tao chứ?"

Gã không lò lắc đầu phía trên khẩu .38 của hắn.

"Tao sẽ không bắn mày, Reacher," hắn nói.

Lúc này giống như thế bí. Chúng tôi đi vòng quanh chiếc Bentley, các ngón tay trắng bệch trên vòng cò, kẻ này nói với kẻ kia rằng mình sẽ không bắn.

Picard nói thật. Tôi thì nói dối. Tôi đợi cho tới khi hắn thẳng hàng với chiếc xe tải vừa đâm còn tôi ở cạnh chiếc Bentley. Rồi tôi siết cò. Viên đạn cỡ .44 xuyên vào người Picard, đẩy thân hình đồ sộ của hắn về phía sau, vào đồng kim loại méo nát. Tôi không đợi bắn phát thứ hai. Tôi đóng sập cốp xe rồi nhảy vào ghế lái. Nổ máy dồn ga khiến lốp rít cháy đường. Tôi rời khỏi bờ đường, tránh đám người đang đuổi theo những đồng đô la. Nhấn ga hết cỡ chạy về phía Đông.

Còn hai mươi dặm nữa. Tôi mất hai mươi phút. Tôi thở gấp gấp, người run rẩy vì adrenalin. Tôi buộc tim đập chậm lại hít vào những hơi lớn. Rồi tôi hét lên với mình những tiếng kêu chiến thắng. Hò hét thật to. Picard đã tiêu đời.

31

Khi tôi tới vùng ngoại ô Augusta thì trời đã tối mịt. Tôi rời quốc lộ ngay khi các tòa nhà cao bắt đầu xuất hiện nhiều hơn. Chạy theo các con phố của Augusta và dừng lại ở motel đầu tiên tôi trông thấy. Khóa cửa xe Bentley và lách vào phòng trực. Bước tới chỗ bàn. Nhân viên ngược lên.

"Có phòng không?" tôi hỏi anh ta.

"Ba mươi sáu đô," tay này nói.

"Có điện thoại trong phòng chứ?"

"Chắc chắn rồi. Cả điều hòa và truyền hình cáp",

"Phòng có Các Trang vàng Niên giám không?"

Tay trực gật đầu.

"Có bản đồ Augusta chứ?"

Tay thanh niên bật ngón tay cái về phía một cái giá cạnh máy bán thuốc lá. Nó nhét đầy bản đồ và sổ tay hướng dẫn. Tôi lấy ba mươi sáu đô la từ cuộn tiền trong túi quần. Thảy lên bàn. Điền vào bảng theo dõi khách. Tôi dùng tên Roscoe Finlay.

"Phòng mười hai," nhân viên trực nói. Rồi đẩy chìa khóa qua tôi.

Tôi dừng lại để lấy một tấm bản đồ rồi vội vã đi ra. Chạy thẳng theo dãy phòng tới số mười hai. Lách người vào và khóa cửa. Tôi không ngó căn phòng này. Chỉ tìm điện thoại và các Trang vàng Niên giám. Tôi nằm trên giường, mở bản đồ ra. Mở tập niên giám tới vần H để tìm hotel - khách sạn.

Có một danh sách cực lớn. Ở Augusta, có vài trăm điểm ta có thể trả tiền để ngủ qua đêm. Đúng là vài trăm điểm. Rất nhiều trang liệt kê chúng. Thế nên tôi nhìn bản đồ. Tập trung vào một khoảng dài chừng nửa dặm và rộng khoảng bốn dãy nhà, cả hai bên tuyến Phố Chính từ phía Tây tới. Đó là khu vực mục tiêu của tôi. Tôi loại điểm ở ngay tuyến Phố Chính. Tôi chú trọng các điểm cách đó một hoặc hai dãy nhà. Ưu tiên những điểm cách đó một phần tư tới nửa dặm. Tôi đang tìm kiếm trên một hình vuông, dài một phần tư dặm và rộng một phần tư dặm. Tôi đặt bản đồ cùng danh bạ bên cạnh nhau và tìm ra một danh sách cần nghiên cứu. Mười tám khách sạn. Một trong số đó là khách sạn tôi đang ở. Thế nên tôi cầm điện thoại lên bấm số không để gọi lễ tân. Nhân viên trực bóc máy.

"Các anh có khách nào tên Paul Lennon đăng ký không?" tôi hỏi.

Có một khoảng ngừng. Anh ta đang kiểm tra sổ đăng ký.

"Lennon à?" anh ta hỏi. "Không, thưa ngài."

"OK," tôi nói. Rồi bỏ điện thoại xuống.

Tôi hít một hơi sâu rồi bắt đầu từ trên cùng bản danh sách. Bấm số điện thoại nơi đầu tiên.

"Các anh có khách tên Paul Lennon đăng ký không?" tôi hỏi người nghe máy.

Có một khoảng ngừng.

"Không, thưa ngài," người kia đáp.

Tôi lần xuống bản danh sách. Bấm điện thoại lần lượt từ nơi này đến nơi kia.

"Các anh có khách nào tên Paul Lennon đăng ký không?" tôi hỏi từng nhân viên.

Luôn có một khoảng ngừng khi họ kiểm tra danh sách khách đăng ký. Thi thoảng tôi nghe tiếng lật trang giấy. Một số có máy tính. Tôi có thể nghe tiếng bàn phím lách cách.

"Không, thưa ngài," tất cả đều nói thế. Lần lượt từng người.

Tôi nằm trên giường, điện thoại để cân trên ngực. Tôi đã gọi xong mười ba trong mười tám khách sạn của bản danh sách.

"Các anh có khách nào tên Paul Lennon đăng ký không?" tôi hỏi.

Có một khoảng ngừng. Tôi có thể nghe tiếng lật trang giấy.

"Không, thưa ngài", nhân viên thứ mười ba nói.

"OK," tôi nói. Rồi bỏ điện thoại xuống.

Tôi lại cầm điện thoại lên bấm số thứ mười bốn. Có tín hiệu bận. Thế nên tôi đập ống nghe và bấm số thứ mười lăm.

"Các anh có khách nào tên Paul Lennon đăng ký không?" tôi hỏi.

Có một khoảng ngừng.

"Phòng một hai mươi," nhân viên thứ mười lăm nói.

"Cảm ơn," tôi nói. Rồi đặt điện thoại xuống.

Tôi nằm trên giường. Nhắm hai mắt lại. Thở ra. Tôi đặt điện thoại trở lại bàn đầu giường và kiểm tra tám bản đồ. Khách sạn thứ mười lăm ở cách chỗ tôi ở ba dãy nhà. Phía Bắc tuyến Phố Chính. Tôi bỏ lại chìa khóa phòng trên giường và quay ra xe. Máy vẫn còn ấm. Tôi đã ở trong phòng khoảng hai mươi lăm phút. Tôi phải chạy theo hướng Đông hết ba dãy nhà trước khi rẽ trái. Rồi thêm ba dãy nữa theo hướng Bắc trước khi rẽ trái lần nữa. Tôi đi vòng theo đường răng cưa hình tròn ốc. Tìm thấy khách sạn thứ mười lăm và đỗ xe ở cửa. Đi vào sảnh. Đây là một nơi bẩn thỉu. Không sạch sẽ, không đủ ánh sáng. Trông giống như một cái hang.

"Tôi có thể giúp gì được ông không?" nhân viên trực quầy hỏi.

"Không," tôi đáp.

Tôi theo hình mũi tên chỉ tới một dãy hành lang. Tìm thấy phòng một hai mươi. Vỗ vào cửa. Tôi nghe tiếng xích cửa lạch cạch. Tôi đứng yên. Cửa hé ra.

"Chào Reacher," anh ta nói.

"Chào Hubble," tôi đáp lại.

Hubble tuôn ra cả tràng câu hỏi với tôi, nhưng tôi chỉ vội vã đẩy anh ta ra xe. Chúng tôi có bốn tiếng cho thời gian đi trên đường và mọi việc. Chúng tôi phải lên đường. Tôi đã sớm hơn hai tiếng so với dự kiến. Tôi muốn giữ như thế. Tôi muốn để dành hai tiếng đó. Tôi cho là sau mình sẽ cần hai tiếng đồng hồ này. Hubble trông ổn. Anh ta không suy sụp. Anh chàng đã lẩn trốn sáu ngày, điều đó tốt cho anh ta. Sáu ngày đã đốt cháy sự bóng bẩy tự mãn của Hubble. Trông anh chàng mảnh và chắc chắn hơn. Cứng rắn hơn. Trông giống tip của tôi hơn. Hubble mặc đồ rẻ tiền bán trong các chuỗi cửa hàng, đi tất. Anh ta đeo một cái kính cũ làm bằng thép không gỉ. Một chiếc đồng hồ điện tử giá bảy đô la che đi phần da nhợt nhạt vốn là nơi ngự trị của chiếc Rolex. Trông Hubble giống một thợ sửa ống nước hay chủ cửa hàng nhượng quyền bán thiết bị giảm ồn cho ô tô vậy.

Hubble không có túi. Anh ta mang theo rất ít đồ. Chỉ liếc qua căn phòng và bước ra cùng tôi. Như thể anh ta không thể tin rằng cuộc sống trên đường của mình đã chấm dứt. Cứ như có thể anh ta sẽ ít nhiều nhớ nó. Chúng tôi bước qua sảnh tối, vào bóng đêm. Hubble dừng lại khi trông thấy chiếc xe đỗ ở cửa.

"Ông tới bằng xe của Charlie à?" anh ta hỏi.

"Cô ấy lo lắng về anh," tôi bảo. "Cô ấy đề nghị tôi tìm"

Hubble gật đầu. Trông trống rỗng.

"Sao lớp kính lại bị sơn thế kia?" anh ta hỏi.

Tôi nhăn nhó với Hubble và nhún vai.

"Đừng hỏi," tôi nói. "Chuyện dài đấy."

Tôi nỏ máy rồi rời khỏi khách sạn. Lẽ ra Hubble nên hỏi tôi xem Charlie ra sao trước tiên, nhưng chuyện gì đó đang khiến anh ta bận tâm. Lúc anh chàng hé cửa phòng khách sạn, tôi đã thấy rằng anh ta tỏ ra hết sức nhẹ nhõm. Nhưng anh chàng này có một chút xiu dè dặt. Đó là vấn đề tự hào. Anh ta đã bỏ chạy và lẩn trốn. Anh ta nghĩ mình đã làm tốt việc ấy. Nhưng thực ra không phải, bởi tôi đã tìm thấy anh chàng. Hubble đang nghĩ về chuyện ấy. Anh ta thấy nhẹ người nhưng cũng đồng thời thấy thất vọng.

"Làm thế quái nào mà ông tìm được tôi?" anh chàng hỏi.

Tôi lần nữa nhún vai với Hubble.

"Dễ thôi", tôi đáp. "Tôi có rất nhiều kinh nghiệm. Tôi từng tìm ra nhiều gã. Đã qua nhiều năm tìm những kẻ đào ngũ."

Tôi đang len lỏi qua các con phố, trở lại với quốc lộ. Tôi có thể thấy dãy đèn trải về phía Tây, nhưng đường vòng vèo như phần thưởng nằm ở trung tâm của mê cung. Tôi đang đi ngược lại với đường răng cưa hình tròn ốc mà tôi đã buộc phải đi vào.

"Nhưng ông đã làm thế nào?" Hubble lai hỏi. "Tôi có thể ở bất kỳ đâu mà."

"Không, anh không thể thế. Chắc chắn là thế. Điều ấy khiến công việc trở nên dễ dàng. Anh không có thể tín dụng, không bằng lái xe, không giấy tờ tùy thân. Tất cả những gì anh có là tiền mặt. Thế nên anh sẽ không dùng máy bay hay xe hơi cho thuê. Anh phải bám vào xe buýt"

Tôi từng thấy đường vòng vào quốc lộ. Tập trung vào nơi chuyển làn và bẻ tay lái. Tăng ga theo đường vòng rồi hòa vào dòng xe trở về Atlanta.

"Điều đó mang lại cho tôi manh mối," tôi nói với Hubble. "Rồi tôi đặt mình vào cương vị của anh, về góc độ tâm lý. Anh rất lo sợ cho gia đình mình. Thế nên tôi cho rằng anh sẽ lượn quanh đây, cách Margrave một khoảng. Anh muốn có cảm giác liên kết, dù là có ý thức hay vô thức. Anh bắt taxi tới bãi xe buýt Atlanta, phải không?"

"Đúng. Chuyến đầu tiên rời khỏi đó chạy tới Memphis, nhưng tôi đợi chuyến tiếp theo. Memphis quá xa. Tôi không muốn đi xa như thế."

"Đó là điều khiến việc tìm anh dễ dàng. Anh lượn quanh Margrave. Không quá gần, không quá xa. Và ngược chiều kim đồng hồ. Khi cho người ta tự do lựa chọn, họ luôn di chuyển ngược chiều kim đồng hồ. Đó là sự thật phổ biến đấy, Hubble. Tất cả những điều tôi phải làm là đếm ngày, nghiên cứu bản đồ và dự đoán từng bước nhảy của anh. Tôi cho là hôm thứ Hai anh ở Birmingham, Alabama. Ngày thứ Ba là Montgomery, thứ Tư ở Columbus. Tôi gặp khó khăn với thứ Năm. Tôi đặt cược vào Macon, nhưng tôi nghĩ có thể nó quá gần với Margrave."

Hubble gật đầu.

"Thứ Năm là cơn ác mộng," anh ta nói. "Tôi đã ở Macon, chỗ ả nấu kinh tởm, không chọn mất một phút nào".

"Thế nên sáng thứ Sáu anh tới Augusta này. Tôi lại cược lớn là anh ở đây hai đêm. Tôi cho là sau khi ở Macon anh hết sức hoảng loạn, có thể hết sức lực. Tôi thực sự không chắc. Đêm nay tôi đã suýt tới Greenville, mạn Nam Carolina. Nhưng tôi đã đoán đúng."

Hubble lặng thinh. Anh ta đã nghĩ rằng mình tàng hình, rằng mình đã lượn quanh Margrave như một đèn hiệu nhấp nháy trên bầu trời đêm.

"Anh đã dùng năm cái tên giả," tôi nói. "Năm đêm năm khách sạn, năm cái tên. Cái tên thứ năm và tên đầu tiên giống nhau, đúng chứ?"

Hubble ngạc nhiên. Anh ta nghĩ lại và gật đầu.

"Làm thế quái nào ông biết điều đó?" anh ta hỏi lại.

"Tôi đã săn đuổi nhiều gã. Và tôi biết một chút về anh."

"Biết những gì?"

"Anh là một tay hâm mộ Beatles," tôi giải thích. "Anh đã kể cho tôi về chuyện đến thăm tòa nhà ở Dakota và tới Liverpool ở Anh. Trong phòng làm việc riêng của anh có gần như đủ mọi đĩa CD của Beatles từng được sản xuất. Thế nên vào đêm đầu tiên, anh đứng ở quầy lễ tân của khách sạn nào đó ký tên Paul Lennon, đúng chứ?"

"Đúng."

"Không phải John Lennon. Người ta thường giữ tên riêng của mình. Tôi không biết tại sao nhưng họ thường thế. Thế nên anh là Paul Lennon. Hôm thứ Ba anh là Paul McCartney. Thứ Tư anh là Paul Harrison. Thứ Năm anh là Paul Starr. Thứ Sáu ở Augusta, anh trở lại là Paul Lennon, đúng chứ?"

(Hubble giữ tên và ghép với họ của các thành viên trong ban nhạc The Beatles)

"Đúng. Nhưng ở Augusta có cả triệu khách sạn. Các trung tâm hội nghị, sân gôn. Làm thế quái nào mà ông biết chỗ tìm?"

"Tôi đã nghĩ về chuyện ấy. Anh tới đây lúc gần cuối buổi sáng thứ Sáu, đi từ phía Tây tới. Người như anh đi ngược lại đường mình đã thấy. Cảm thấy làm như vậy sẽ an toàn hơn. Anh đã ngồi xe buýt bốn tiếng, bị nhồi nhét, anh cần không khí, thế nên anh cuốc bộ một lúc, có lẽ khoảng một phần tư dặm. Rồi anh cảm thấy hoảng sợ mà chạy khỏi phố Chính khoảng một hay hai dãy nhà. Thế nên tôi có một khu vực mục tiêu khá nhỏ. Mười tám khách sạn. Anh ở khách sạn thứ mười lăm."

Hubble lắc đầu. Những cảm xúc lẫn lộn. Chúng tôi lao theo con đường tối. Chiếc Bentley cũ đồ sộ lướt về phía trước, hơn tốc độ cho phép một chút xíu.

"Mọi chuyện ở Margrave bây giờ ra sao?" Hubble hỏi.

Đó là câu hỏi lớn. Anh ta hỏi với vẻ ngập ngừng, như thể lo lắng về chuyện ấy. Tôi lo lắng về việc trả lời câu hỏi này. Tôi nhẹ bót chân trên cần ga cho xe chạy chậm lại. Phòng trường hợp Hubble sợ hãi đến mức chụp lấy tôi. Tôi không muốn phá hỏng chiếc xe. Không có thời gian cho việc ấy.

"Chúng ta gặp rắc rối to," tôi nói. "Chúng ta có chừng bảy giờ để giải quyết việc ấy."

Tôi để dành lại những từ ngữ tệ hại nhất. Tôi bảo Hubble rằng hôm thứ Hai Charlie và mấy đứa con đã đi cùng một đặc vụ FBI. Bởi có nguy hiểm. Và tôi bảo anh ta rằng đặc vụ FBI ấy là Picard.

Trong xe im lặng. Tôi tiếp tục im lặng chạy ba, bốn dặm. Còn hơn sự im lặng. Đó là khoảng lặng chứa đựng sự đổ vỡ. Như thể toàn bộ không khí đã bị hút sạch khỏi hành tinh. Chính sự im lặng này rít lên ù ù trong tai tôi.

Hubble bắt đầu nắm chặt và vặn vẹo hai bàn tay. Bắt đầu lúc lắc người trên chiếc ghế da lớn bên cạnh tôi. Rồi anh ta im lặng. Phản xạ của anh ta chẳng lúc nào thực sự xuất hiện. Chẳng bao giờ thực sự có kiểm soát. Não anh ta như dừng lại không chịu phản ứng thêm chút nào. Như bộ ngắt điện đã bật lên. Sự việc quá lớn và quá đáng sợ đến mức không thể phản ứng. Hubble nhìn tôi.

"Được rồi", anh chàng nói. "Rồi ông sẽ phải đón họ lại, đúng không?"

Tôi lại tăng tốc. Lao về phía Atlanta.

"Tôi sẽ đón họ trở về," tôi nói. "Nhưng tôi cần sự giúp đỡ của anh. Đó là lý do tôi đón anh trước."

Hubble lần nữa gật đầu. Anh chàng đã vượt qua rào chắn. Anh ta đã hết lo lắng và bắt đầu thư giãn. Anh chàng đã ở chỗ vừa làm việc cần làm, dù việc ấy là gì. Tôi biết nơi đó. Tôi đã từng ở đó.

Rời Augusta hai mươi dặm, chúng tôi trông thấy những ánh đèn chớp nháy phía trước và một số người vẫy những tín hiệu báo nguy hiểm. Phía bên kia dải phân cách có tai nạn. Một chiếc xe tải đã đâm vào một xe sedan đang đỗ. Một loạt xe khác lộn xộn nằm khắp nơi. Có những đám gì đó như rác

nằm rải rác. Một đám đông người đang chạy quanh lượm những thứ ấy. Chúng tôi bò qua đó theo một hàng xe chạy chậm chậm. Hubble ngó qua cửa sổ.

"Tôi rất tiếc về chuyện anh trai ông," anh ta nói. "Tôi không biết gì cả. Tôi nghĩ là tôi đã khiến ông ấy bị giết, đúng không?"

Anh chàng rũ người xuống ghế. Nhưng tôi muốn giữ cho anh ta nói. Anh ta phải tiếp tục bình tĩnh. Thế nên tôi đặt cho Hubble câu hỏi tôi đã đợi một tuần.

"Anh đã dính vào chuyện này như thế nào?" tôi hỏi.

Hubble nhún vai. Thở một hơi mạnh vào kính chắn gió. Như không thể tưởng tượng được cách nào dính vào chuyện ấy. Như không thể tưởng tượng ra cách nào tránh xa chuyện ấy.

"Tôi mất việc," anh chàng bắt đầu. Một tuyên bố đơn giản. "Tôi suy sụp. Tôi cảm thấy rất giận dữ và buồn nản. Và sợ hãi nữa, Reacher. Khi ấy chúng tôi đang sống trong mơ, ông biết chứ? Giấc mơ vàng. Đó là cuộc sống điền viên hoàn hảo. Khi ấy tôi kiếm được cả núi tiền và cũng tiêu cả núi. Hoàn toàn tuyệt hảo. Nhưng rồi tôi bắt đầu nghe thấy nhiều chuyện. Hoạt động bán lẻ bị đe dọa. Phòng tôi bị xem xét lại. Tôi đột nhiên nhận thấy mình sắp gặp thảm họa rồi, chỉ còn một séc thanh toán lương nữa thôi. Rồi phòng tôi bị giải tán. Tôi bị sa thải. Và các séc thanh toán lương cũng không còn nữa."

"Rồi sao?"

"Tôi mất bình tĩnh. Tôi rất giận dữ. Tôi đã làm việc tối tăm mặt mũi cho bọn khốn đó. Tôi làm việc rất giỏi. Tôi đã giúp chúng kiếm được cả núi tiền. Và bọn chúng rũ bỏ tôi như thể đột nhiên tôi là đám phân bám trên giày chúng vậy. Và tôi sợ hãi. Tôi sẽ mất tất cả, đúng không? Và tôi mệt mỏi. Tôi không thể lại bắt đầu từ đáy của một lĩnh vực khác. Tôi quá già rồi, không có sức lực nữa. Tôi thực sự không biết làm gì".

"Và rồi Kliner xuất hiện à?"

Hubble gật đầu. Trông mặt mũi tái nhợt.

"Hắn đã nghe về chuyện đó," anh ta nói. "Tôi đoán là Teale kể cho hắn. Teale biết mọi chuyện về mọi người. Sau vài ngày thì Kliner gọi cho tôi. Lúc ấy tôi thậm chí còn chưa nói cho Charlie biết tình hình. Tôi không thể đối diện với việc ấy. Kliner gọi đề nghị gặp hắn ở sân bay. Hắn bay tới bằng máy bay riêng, từ Venezuela. Hắn dùng máy bay đưa tôi tới Bahamas để ăn trưa, và chúng tôi nói chuyện. Thực lòng là tôi thấy hãnh diện",

"Rồi sao?"

"Hắn nói với tôi nhiều thứ. Hắn bảo tôi coi đó là một cơ hội để thoát ra. Hắn bảo rằng tôi nên bỏ hoạt động kinh doanh, tôi nên đến với hắn làm một công việc thực sự, kiếm tiền thực sự cùng hắn. Tôi không biết nhiều về Kliner. Tôi biết về gia sản và Quỹ, rõ ràng là thế, nhưng khi ấy tôi chưa bao giờ gặp trực tiếp hắn. Nhưng rõ ràng Kliner là một tay rất giàu có và thành đạt. Và rất, rất khôn ngoan. Và hắn như thế, ngồi máy bay riêng, đề nghị tôi làm việc cùng hắn. Không phải làm cho mà là làm việc cùng hắn. Tôi thấy hãnh diện, khi ấy lại đang tuyệt vọng và lo lắng, nên tôi chấp nhận."

"Rồi sao nữa?"

"Ngày hôm sau Kliner gọi lại cho tôi," Hubble tiếp. "Hắn điều máy bay tới đón tôi. Tôi phải bay tới nhà máy của Kliner ở Venezuela để gặp hắn. Tôi đã làm thế. Tôi ở đó một ngày. Không thấy gì. Rồi Kliner cho máy bay đưa tôi tới Jacksonville. Tôi ở văn phòng của tay luật sư một tuần. Sau đó thì quá muộn. Tôi không thể thoát ra."

"Tại sao không?"

"Đó là một tuần khủng khiếp. Nghe có vẻ là khoảng thời gian ngắn, đúng không? Nhưng Kliner đã thực sự đưa tôi vào tròng. Chúng tôi cùng tới các câu lạc bộ, các khách sạn, hắn tiêu tiền như lấy ở

vòi nước ra vậy. Đến thứ Ba thì tôi bắt đầu làm việc. Công việc thực tế là một thách thức. Sau những gì tôi đã làm ở ngân hàng thì đây là việc rất khó. Nó mang tính chuyên sâu cao. Kliner cần tiền mặt, tất nhiên là thế, nhưng lão chỉ cần đô la. Không gì hết mà chỉ những đồng mệnh giá một đô la. Tôi không biết vì sao. Không áp lực, không vấn đề gì. Mọi vấn đề bắt đầu vào thứ Tư."

"Bắt đầu như thế nào?"

"Vào thứ Tư, tôi hỏi Kliner xem chuyện gì đang diễn ra. Và hắn nói cho tôi biết. Hắn nói cho tôi chính xác điều hắn đang làm. Nhưng hắn bảo rằng khi ấy tôi cũng đang làm việc đó. Tôi đã dính líu. Tôi phải giữ im lặng. Thứ Năm, tôi trở nên thực sự đau khổ. Tôi không thể tin nổi chuyện đó. Tôi bảo Kliner rằng tôi muốn dừng việc. Thế nên hắn chở tôi tới một nơi đáng sợ. Con trai hắn ở đó. Nó mang theo hai tên gốc Tây Ban Nha. Có một tên khác bị xích trong một căn phòng phía sau. Kliner nói rằng đó là kẻ đã rời cuộc chơi. Hắn bảo tôi quan sát cẩn thận. Thằng con trai hắn đá cho kẻ kia nát bầy. Lăn khắp phòng, ngay trước mặt tôi. Rồi hai tên gốc Tây Ban Nha rút dao bấm kẻ tội nghiệp kia ra. Máu bắn khắp nơi. Thật khủng khiếp. Tôi không thể tin nổi. Tôi nôn thốc nôn tháo mọi chỗ".

"Tiếp đi," tôi bảo.

"Đúng là ác mộng", Hubble nói. "Đêm đó tôi không thể ngủ nổi. Tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ ngủ lại được, dù là đêm nào. Sáng thứ Sáu chúng tôi bay về nhà. Chúng tôi ngồi trên chiếc máy bay riêng loại nhỏ ấy và Kliner bảo tôi điều sẽ xảy ra. Hắn bảo sẽ không chỉ có tôi bị bấm ra. Mà cả Charlie nữa. Hắn bàn chuyện ấy với tôi. Nút vú nào của cô ấy sẽ bị cắt trước? Bên trái hay bên phải? Rồi sau khi chúng tôi chết, hắn sẽ bắt đầu với đứa con nào trước? Lucy hay Ben? Đúng là ác mộng. Hắn bảo rằng bọn chúng sẽ đóng đinh tôi vào tường. Tôi bình cả ra quần. Rồi chúng tôi hạ cánh, Kliner gọi cho Charlie khẳng khẳng là chúng tôi phải đi ăn tối với hắn. Hắn nói với cô ấy rằng chúng tôi cùng làm ăn với nhau. Charlie phấn khởi bởi Kliner là một nhân vật quan trọng như thế ở hạt. Hoàn toàn là cơn ác mộng khi tôi phải vờ như chẳng có gì không ổn. Khi ấy tôi thậm chí chưa nói với Charlie rằng mình đã mất việc. Tôi phải vờ rằng tôi vẫn làm việc ở ngân hàng. Và suốt buổi tối hôm ấy, tay khốn nạn đó lịch sự hỏi thăm về Charlie cùng bọn trẻ và mỉm cười với tôi."

Chúng tôi im lặng. Tôi lại vòng qua góc Đông Nam của Atlanta, tìm quốc lộ ở phía Nam. Thành phố lớn sáng lên phía bên phải. Bên trái là vùng nông thôn trống trải tối đen ở phía Đông Nam. Tôi tìm thấy quốc lộ và tăng ga chạy về hướng Nam. Về phía một chấm nhỏ trong vùng trống rỗng chết tiệt ấy.

"Rồi gì nữa?" tôi tiếp.

"Tôi bắt đầu làm việc ở nhà kho", Hubble nói. "Đó là nơi hắn muốn tôi làm việc."

"Làm việc gì?"

"Xử lý nguồn cung. Tôi có một phòng làm việc nhỏ trong đó, tôi phải xoay xở để có những đồng đô la, rồi tôi giám sát việc bốc và vận chuyển hàng".

"Sherman Stoller là lái xe à?"

"Đúng. Anh ta được tin tưởng chạy tuyến Florida. Mỗi tuần tôi cử anh ta chở đi một triệu tờ tiền. Đôi khi bọn gác làm việc đó nếu Sherman được nghỉ. Nhưng thường là anh ta. Anh ta giúp tôi việc đóng thùng và bốc đồ. Chúng tôi phải làm việc như điên. Một triệu tờ một đô la là cảnh ghê gớm lắm. Ông không biết đâu. Như thể cố gắng dùng một cái xẻng múc hết nước của một bể bơi ấy."

"Nhưng Sherman đánh cắp tiền, đúng không?"

Hubble gật đầu. Tôi thấy gọng kính thép của anh ta lóa lên dưới ánh đèn từ bảng điều khiển.

"Tiền được đếm chuẩn ở Venezuela," Hubble nói. "Sau chừng một tháng tôi sẽ có các con số tổng chính xác. Tôi dùng chúng để đối chiếu với công thức cân tiền. Nhiều lần chúng tôi bị hụt một

trăm ngàn đô. Không thể có chuyện tôi nhầm lẫn đến thế. Đó là con số nhỏ nhoi bởi ở đầu bên kia chúng tôi tạo ra tới bốn mươi triệu đô tiền giả hoàn hảo, thế nên ai quan tâm chứ? Nhưng lần nào mức đó cũng là một thùng tiền. Đó là mức sai lệch lớn, thế nên tôi cho là thi thoảng Sherman đã đánh cắp một thùng".

"Và sao?"

"Tôi cảnh cáo anh ta hãy chấm dứt," Hubble nói. "Ý tôi là tôi sẽ không nói chuyện ấy cho ai biết. Tôi chỉ bảo anh ta cẩn thận bởi nếu Kliner phát hiện ra thì hắn sẽ giết anh ta. Cũng có thể khiến tôi gặp rắc rối. Khi ấy tôi lo lắng về chuyện mình đang làm là đã đủ lắm rồi. Toàn bộ hoạt động ấy thật điên rồ. Kliner nhập về rất nhiều tiền giả. Hắn không thể cưỡng lại việc đó. Tôi nghĩ chuyện ấy khiến toàn bộ hoạt động rất dễ lộ. Teale tiêu chỗ tiền giả như giấy lộn, khắp cả thị trấn",

"Thế còn mười hai tháng qua thì sao?"

Hubble nhún vai lắc đầu.

"Chúng tôi phải ngừng việc chuyển tiền", anh ta nói.

"Lực lượng Bảo vệ Bờ biển biến chuyện ấy thành điều bất khả thi. Thay vào đó, Kliner quyết định tích trữ. Hắn cho rằng hoạt động của lực lượng Bảo vệ Bờ biển sẽ không thể kéo dài. Hắn biết rằng ngân sách của họ sẽ không đảm bảo được lâu. Nhưng nó cứ thế diễn ra. Mất một năm ròng. Sự căng thẳng thật kinh khủng. Và bây giờ rốt cuộc lực lượng Bảo vệ Bờ biển đã rút về, khiến chúng tôi ngạc nhiên. Kliner cho rằng hoạt động tuần tra đã diễn ra lâu, nó sẽ diễn ra đến hết cuộc bầu cử vào tháng Mười một. Chúng tôi chưa sẵn sàng chuyển tiền đi. Chưa hề sẵn sàng. Tất cả chỉ chất đống trong đó. Tiền vẫn chưa được đóng vào thùng."

"Anh liên hệ với Joe khi nào?"

"Joe à? Đó là tên của anh trai ông à? Tôi biết ông ấy với tên Polo."

Tôi gật đầu.

"Palo," tôi nói. "Đó là nơi anh ấy sinh ra. Là một thị trấn ở Leyte. Quần đảo Philippines. Bệnh viện được cải tạo từ một nhà thờ cổ. Khi bảy tuổi tôi đã được tiêm phòng sốt rét ở đó".

Hubble im lặng một lúc, như thể đang tưởng niệm.

"Một năm trước tôi gọi cho Bộ Tài chính," anh ta nói. "Tôi không biết gọi cho ai khác. Không thể gọi cho cảnh sát vì Morrison, không thể gọi cho FBI vì Picard. Thế nên tôi gọi cho Washington báo tin cho người đàn ông tự xưng là Polo. Ông ấy là người khôn ngoan. Tôi nghĩ ông ấy sẽ thành công với vụ này. Tôi biết rằng cơ hội tốt nhất của ông ấy là tấn công khi bọn chúng đang tích trữ tiền. Khi trong đó vẫn còn bằng chứng."

Tôi trông thấy biển báo trạm xăng và đưa ra quyết định ở phút cuối cùng là rẽ vào. Hubble bơm xăng vào bình. Tôi tìm một chiếc chai nhựa trong thùng rác bảo anh ta bơm cả xăng vào đó.

"Cái đó để làm gì?" anh chàng hỏi.

Tôi nhún vai.

"Trường hợp khẩn cấp phải không?" tôi nói.

Hubble không hỏi lại nữa. Chúng tôi chỉ thanh toán tiền ở cửa sổ trạm và trở lại quốc lộ. Tiếp tục chạy về phía Nam. Còn nửa giờ nữa là tới Margrave. Đã gần nửa đêm.

"Thế điều gì khiến anh bỏ trốn vào hôm thứ Hai?" tôi hỏi.

"Kliner đã gọi cho tôi. Hắn bảo tôi ở nhà. Hắn bảo rằng sẽ có hai người tới. Tôi hỏi tại sao, Kliner bảo rằng có vấn đề ở Florida và tôi phải xử lý."

"Nhưng sao?"

"Tôi không tin hắn. Ngay khi Kliner nhắc đến hai người, óc tôi đã hiện lên những điều đã diễn ra

ở Jacksonville trong tuần đầu tiên tôi ở đó. Tôi trở nên hoảng loạn. Tôi gọi một xe taxi và chạy trốn."

"Anh đã làm tốt, Hubble. Anh đã cứu mạng mình".

"Ông biết gì không?"

Tôi liếc sang Hubble về dò hỏi.

"Nếu hần nói là một tên thì tôi đã chẳng nhận ra. Ông biết đấy, nếu hần bảo tôi cứ ở nhà, một người sẽ tới thì tôi đã mắc lừa rồi. Nhưng hần bảo là hai người."

"Hần đã phạm sai lầm."

"Tôi biết", Hubble nói. "Tôi không thể tin chuyện đó. Kliner chưa bao giờ mắc sai lầm."

Tôi lắc đầu. Mím cười trong bóng tối. "Thứ Năm tuần trước hần đã phạm một sai lầm."

Chiếc đồng hồ crôm lớn trên bảng điều khiển xe Bentley cho biết đã nửa đêm. Tôi muốn toàn bộ chuyện này được giải quyết xong lúc năm giờ sáng. Thế nên tôi có năm tiếng đồng hồ. Nếu mọi việc diễn ra ổn thỏa, thế là nhiều hơn tôi muốn. Nếu tôi làm hỏng thì tôi có năm tiếng, năm ngày hay năm năm cũng vậy thôi. Đây là việc chỉ được thực hiện một lần. Làm và hoàn thành. Hồi trong quân ngũ chúng tôi thường bảo: làm một lần và làm cho được. Đêm nay tôi bổ sung thêm: và làm cho nhanh.

"Hubble!" tôi gọi. "Tôi cần sự giúp đỡ của anh."

Anh chàng thức giấc nhìn tôi.

"Giúp thế nào?" anh ta hỏi.

Tôi dành mười phút chạy xe để nói về điều đó. Nói đi nói lại, cho tới khi Hubble hoàn toàn nắm chắc. Tôi rẽ khỏi quốc lộ chỗ giao với tỉnh lộ. Phóng vọt qua khu nhà kho chạy tiếp mười bốn dặm tới thị trấn. Giảm tốc độ lúc xe chạy qua đèn cảnh sát. Nơi này yên lặng, đèn đã tắt. Trong bãi đỗ không có chiếc xe nào. Đèn cứu hỏa bên cạnh trông ổn. Thị trấn yên ắng không một bóng người. Bóng đèn duy nhất của toàn bộ nơi này bật sáng là đèn của tiệm cắt tóc.

Tôi ngoặt phải vào phố Beckman chạy lên dốc tới nhà Hubble. Rẽ vào chỗ hòm thư màu trắng quen thuộc và xoay tay lái chạy qua những chỗ cua của lối chạy xe. Táp vào sát cửa.

"Chìa khóa xe của tôi ở trong nhà," Hubble bảo.

"Cửa mở đấy", tôi nói.

Hubble ra kiểm tra. Dùng một ngón tay thận trọng đẩy cánh cửa đã bị phá, như có thể bị gài mìn. Tôi thấy anh chàng đi vào trong. Một phút sau anh ta trở ra. Cầm chìa khóa của mình nhưng không bước vòng ra ga ra. Anh ta trở lại chỗ tôi và tựa người vào xe.

"Trong này lộn xộn khủng khiếp," Hubble nói. "Đã có chuyện gì thế?"

"Tôi dùng nơi này để thực hiện một vụ phục kích. Bốn gã dò khắp nơi để tìm tôi. Lúc ấy trời mưa."

Hubble hạ thấp người nhìn tôi.

"Đúng là bọn đó không?" anh ta hỏi. "Ông biết đấy, bọn mà Kliner sẽ điều tới nếu tôi nói chuyện ấy?"

Tôi gật đầu.

"Bọn chúng mang theo đủ đồ nghề," tôi nói.

Tôi có thể trông thấy gương mặt của Hubble trong ánh sáng mờ từ những bảng đồng hồ cũ trên bảng điều khiển xe. Hai mắt anh ta mở to nhưng không nhìn tôi. Anh ta đang thấy những gì mình đã chứng kiến trong ác mộng. Hubble khe khẽ gật đầu. Rồi anh ta nhào người vào đặt tay lên cánh tay tôi. Bóp khẽ. Không nói gì. Rồi anh chàng chui ra biến mất. Tôi bị bỏ ngời lại trong xe, lòng tự hỏi thế quái nào mà trước đây một tuần mình lại ghét anh chàng này.

Tôi dành thời gian chờ để nạp lại đạn cho khẩu Desert Eagle. Tôi thay bốn viên đã dùng lúc ở quốc lộ gần Augusta. Rồi tôi trông thấy Hubble lái chiếc Bentley cũ màu xanh lá cây của anh ta từ ga ra ra. Động cơ còn mát, anh ta để lại một dải hơi nước trắng. Lúc chạy qua, Hubble giơ ngón tay cái lên làm hiệu tán thành, tôi theo dải hơi nước chạy theo lối chạy xe rồi theo phố Beckman. Chúng tôi chạy qua nhà thờ và ngoặt trái vào Phố Chính thành một đoàn hoành tráng. Hai chiếc xe cổ đẹp, nối đuôi nhau chạy qua thị trấn đang say ngủ, sẵn sàng chiến đấu.

Hubble bẻ lái khi còn cách đồn cảnh sát bốn mươi mét. Táp vào rìa đường đúng chỗ tôi bảo. Tắt hết đèn và đợi, máy vẫn nổ. Tôi nhẹ nhàng lướt qua anh ta chạy vào bãi đỗ của đồn. Đậu xe ở cuối cùng rồi bước ra ngoài. Để cả bốn cửa xe không khóa. Lôi khẩu súng tự động cỡ lớn khỏi túi. Không khí ban đêm lạnh, sự im ắng đang dồn lại. Tôi có thể nghe thấy tiếng xe của Hubble đang nổ ở trạng thái chờ cách bốn mươi mét. Tôi mở khóa an toàn khẩu Desert Eagle, trong sự tĩnh lặng, tiếng cạch vang lên điếc cả tai.

Tôi chạy đến bên tường của đồn và rạp xuống đất. Trườn lên trước cho tới khi có thể nhìn vào qua khe dưới cánh cửa nặng bằng kính. Quan sát và lắng nghe. Nín thở. Tôi quan sát và lắng nghe để nắm chắc tình hình.

Tôi đứng dậy và lại đóng khóa an toàn. Đút súng trở lại túi. Đứng yên tính toán. Đồn cảnh sát và đồn cứu hỏa đứng kề nhau, cách đầu Bắc Phố Chính ba trăm mét. Phía trên đường, tiệm ăn Eno nằm cách tám trăm mét. Tôi cho rằng kẻ nào đó tới chỗ chúng tôi nhanh lắm cũng phải mất ba phút. Hai phút để phản xạ, một phút lao từ Phố Chính lên. Thế nên chúng tôi có ba phút. Một nửa khoảng thời gian đó để đảm bảo an toàn, tức là chín mươi giây, từ đầu đến cuối.

Tôi chạy ra giữa tỉnh lộ vẫy tay ra hiệu với Hubble. Khi thấy xe anh ta rời khỏi rìa đường, tôi chạy tới lối dẫn vào đồn cứu hỏa. Đứng đợi ở cạnh chiếc cửa lớn màu đỏ. Hubble chạy xe tới bẻ cua khá gấp. Tạo ra một góc vuông, gần như thẳng với lối vào đồn, mặt hướng cùng phía với tôi. Tôi thấy chiếc xe giật mạnh khi Hubble chuyển số. Rồi anh ta đạp mạnh ga, chiếc sedan cũ to lớn vọt lùi về phía tôi. Nó tăng ga suốt chặng đường ấy và đâm sầm đuôi vào cửa đồn. Chiếc Bentley cũ nặng phải hai tấn, nó phá toàn bộ lớp cửa kim loại mà chẳng hề hấn gì. Có tiếng va chạm và tiếng kim loại bị phá ra nghe ghê gớm, tôi nghe tiếng đèn sau của xe bị vỡ, rồi tiếng càn sóc sau bung ra lăn trên nền bê tông. Tôi chui vào trong đồn trước khi Hubble vào số lùi hết những đồng đồ nát đi. Trong này tôi tìm được thứ cần tìm. Nó được kẹp ngang bên cạnh xe cứu hỏa, cao ngang đầu người. Một chiếc kim cắt kim loại, loại rất lớn, chắc chắn dài tới một mét hai. Tôi giật lấy nó rồi chạy về phía cửa.

Ngay khi trông thấy tôi, Hubble lượn một vòng lớn từ bên kia đường. Đuôi chiếc Bentley đã hỏng. Nắp thùng xe đập lên đập xuống, lớp kim loại nghiêng rít lên. Nhưng Hubble vẫn thực hiện công việc. Anh ta cua một vòng rộng và chỉnh xe thẳng với đồn cảnh sát. Ngừng một giây rồi đạp ga. Tăng ga chạy thẳng về phía những cánh cửa nặng bằng kính. Lần này đâm trực diện. Chiếc Bentley cũ đâm xuyên qua cửa dưới làn mưa kính vụn rồi phá hỏng quầy tiếp tân, lao thẳng vào phòng họp rồi dừng lại. Tôi chạy ngay phía sau xe. Finlay đang đứng trong buồng giam ở giữa. Cứng người vì sốc. Ông bị còng tay trái vào song sắt ngăn cách với buồng giam cuối cùng. Ở hẳn phía sau. Mọi việc không thể tốt hơn được nữa.

Tôi giật, đá những phần của quầy tiếp tân bị phá và dọn một lối phía sau Hubble. Vẫy tay ra hiệu cho anh ta trở lại. Hubble xoay tay lái lùi vào chỗ tôi vừa dọn. Tôi kéo, đẩy những bàn làm việc trong phòng họp để anh ta có thể chạy về phía trước mà không bị cản. Quay lại ra hiệu.

Đầu xe của Hubble cũng tệ như phần đuôi. Nắp ca pô bung ra, máy sưởi đã bị phá hỏng. Nước

màu xanh lá cây đang chảy ra từ phần dưới còn hơi xì ra ở phần trên. Hai đèn trước vỡ nát còn cần sóc trước đang tì xuống lốp xe. Nhưng Hubble vẫn thực hiện công việc. Anh ta đang phanh xe lại và nhấn mạnh ga. Đúng như tôi đã bảo anh ta làm.

Tôi có thể thấy chiếc xe rung lên cường lại phanh. Rồi nó vọt về phía trước, lao về phía Finlay ở buồng giam giữa. Đâm chéo vào các song tì tan khiến chúng tẽ ra như một chiếc rìu bổ xuống hàng cọc rào. Nắp ca pô xe bay lên còn kính chắn gió vỡ bung. Những mảnh kim loại bị long ra kêu loảng xoảng và rít lên. Hubble dừng xe cách chỗ Finlay đứng đúng một mét. Chiếc xe thương tật dừng hẳn lại với tiếng hơi nước xì ra rất to. Không khí dày đặc bụi.

Tôi lao vào buồng giam kẹp kìm vào chiếc còng khóa tay Finlay với song sắt. Bóp mạnh gọng kìm cho tới khi còng bị cắt rời. Tôi đưa kìm cho Finlay rồi lôi ông ra khỏi buồng giam. Hubble đang leo ra khỏi cửa sổ xe Bentley. Lực va chạm đã làm cửa xe méo mó không mở ra được. Tôi kéo anh ta ra, nhào người vào giật chìa khóa. Rồi cả ba chúng tôi chạy xuyên qua phòng họp đã bị phá, lao xạo chạy trên những tấm kính vỡ là nơi của những cánh cửa lớn. Chạy tới xe lao vào trong. Tôi nổ máy cho chiếc xe gầm lên lùi ra khỏi bãi đỗ. Vào số chạy về phía thị trấn.

Finlay đã thoát ra. Chín mươi giây, từ đầu đến cuối.

Đến đầu Bắc của Phố Chính, tôi giảm tốc độ nhẹ nhàng chạy theo hướng Nam, xuyên qua thị trấn đang say giấc. Không ai nói gì. Hubble đang nằm trên băng ghế sau, người run lẩy bẩy. Finlay ngồi cạnh tôi ở ghế phụ. Chỉ ngồi yên, cứng đờ, chăm chăm nhìn qua kính. Cả ba chúng tôi đều thờ dốt. Chúng tôi đang ở trạng thái yên lặng diễn ra sau tình huống nguy hiểm đầy căng thẳng.

Đồng hồ trên bảng điều khiển báo một giờ sáng. Tôi muốn ăn mình tới tận bốn giờ. Tôi có suy nghĩ hơi mê tín về thời điểm bốn giờ sáng. Chúng tôi thường gọi đó là giờ KGB. Chuyện là đây là thời điểm họ hay chọn để gõ cửa nhà các đối tượng. Lúc bốn giờ sáng. Chuyện là thời điểm ấy luôn rất tốt với họ. Vào giờ đó sự tỉnh táo của các nạn nhân ở mức thấp. Thực hiện công việc dễ dàng. Bản thân chúng tôi thì thoải mái đã thử. Với tôi thì luôn tốt. Thế nên tôi muốn đợi tới bốn giờ, lần cuối cùng.

Tôi đánh xe sang trái rồi lại sang phải, theo con ngõ phía sau dãy cửa hiệu cuối cùng. Tắt đèn pha rồi tấp vào khoảng tối phía sau tiệm cắt tóc. Tắt máy. Finlay liếc quanh nhún vai. Đến tiệm cắt tóc lúc một giờ sáng không điên rồ hơn lao chiếc Bentley trị giá một trăm ngàn đô vào một tòa nhà. Không điên rồ hơn việc bị một tên điên xích vào buồng giam mười tiếng đồng hồ. Sau hai chục năm ở Boston và sáu tháng ở Margrave, chẳng còn mấy chuyện khiến Finlay phải nhướn mắt. Hubble ngồi chúi người trên ghế sau. Anh ta thực sự sốc. Anh chàng đã chủ động đâm xe ba lần liền. Ba vụ va chạm khiến anh chàng này chấn động. Và kiệt sức. Phải mất rất nhiều sức mới có thể liên tục đập ga, hướng tới hết mục tiêu vững chắc này tới mục tiêu khác. Nhưng Hubble đã làm được việc ấy. Không phải ai cũng làm được. Nhưng bây giờ anh ta đang phải chịu đựng. Tôi lách người khỏi ghế đứng trong ngõ. Ra hiệu cho Hubble ra khỏi xe. Anh ta ra đứng cùng tôi trong bóng tối. Đứng đó, không vững lắm.

"Anh ổn chứ?" tôi hỏi Hubble.

Anh chàng nhún vai.

"Tôi cho là thế," anh ta đáp. "Tôi bị va đầu gối, cổ đau như gãy."

"Đi đi lại lại đi," tôi bảo. "Đừng ngồi lì một chỗ",

Tôi dìu Hubble đi đi lại lại ở con ngõ nhỏ. Bước chục bước rồi quay lại, làm vài lần. Khi bước, chân trái anh chàng hơi tập tễnh. Có lẽ cửa xe móp vào đập phải đầu gối trái anh ta. Hubble xoay đầu vòng quanh, thả lỏng các cơ bị cứng ở cổ.

"OK chứ?" tôi hỏi.

Anh ta mỉm cười. Nụ cười chuyển thành cái nhăn nhó khi một đường gân co lại.

"Tôi sẽ sống thôi", anh ta đáp.

Finlay ra khỏi xe, đến chỗ hai chúng tôi ở ngõ. Ông bước lại, vừa đi vừa đuổi người. Thấy phản kích. Ông mỉm cười với tôi trong bóng tối.

"Làm tốt đấy, Reacher," viên thám tử nói. "Khi ấy tôi đang băn khoăn anh sẽ làm thế quái nào để cứu tôi ra. Chuyện gì đã xảy ra với Picard thế?"

Tôi dùng ngón tay làm hình khẩu súng, như kiểu bắt chước của một đứa trẻ. Finlay dành cho tôi cái gật đầu với tư cách đồng sự. Quá dè dặt nên không thể tiến xa hơn. Tôi bắt tay ông. Có vẻ là việc làm đúng. Rồi tôi xoay người vỗ nhẹ lên cửa phụ ở phía sau tiệm cắt tóc. Cửa mở ngay lập tức. Ông già lớn tuổi hơn đứng đó như đang đợi chúng tôi gọi cửa. Ông giữ cánh cửa như một viên quản gia già. Ra hiệu cho chúng tôi vào. Chúng tôi bước theo hàng một dọc hành lang vào nhà kho. Đứng đợi bên cạnh những giá xếp đầy đồ phục vụ cho nghề cắt tóc. Ông già xương xẩu bước tới chỗ chúng tôi.

"Chúng tôi cần sự giúp đỡ của các ông," tôi nói.

Ông già nhún vai. Giờ lòng bàn tay màu nâu lên làm hiệu cho chúng tôi đợi. Chậm chạp bước ra phía trước và trở lại cùng người bạn. Ông già ít tuổi hơn. Họ thì thảo bàn bạc với nhau về đề nghị của tôi.

"Lên gác," ông ít tuổi hơn nói.

Chúng tôi dồn vào cầu thang hẹp. Lên một căn hộ ở phía trên hiệu cắt tóc. Hai ông già dẫn chúng tôi tới phòng khách. Họ kéo rèm và bật vài bóng đèn mờ. Chìa tay bảo chúng tôi ngồi. Căn phòng nhỏ cũ rích nhưng sạch sẽ. Có cảm giác ấm áp. Tôi nghĩ nếu mình có một căn phòng, tôi muốn nó trông thế này.

Chúng tôi ngồi xuống. Ông già ít tuổi hơn ngồi cùng chúng tôi, ông kia lại bước ra ngoài. Đóng cửa lại. Cả bốn chúng tôi ngồi nhìn nhau. Rồi ông già cắt tóc cúi người về phía trước.

"Các anh không phải người đầu tiên trốn chỗ chúng tôi," ông nói.

Finlay liếc quanh. Tự chỉ định mình làm người phát ngôn.

"Thật hả?" ông nói.

"Không thưa ông, các ông không phải những người đầu tiên", ông già nói. "Chúng tôi có nhiều người đến đây ẩn mình. Và nói thật là cả các cô gái nữa."

"Như những người nào?"

"Người kiều nào ông nêu ra cũng có. Chúng tôi có những chàng trai làm cho công đoàn từ các nông trang trồng lạc. Chúng tôi có những người làm cho các công đoàn từ những nơi trồng đào. Chúng tôi có các cô gái bảo vệ quyền con người từ nơi đăng ký cử tri. Chúng tôi có các chàng trai không muốn bị điều tới Việt Nam. Ông nêu loại người nào chúng tôi cũng có."

Finlay gật đầu.

"Và bây giờ thì ông có chúng tôi", ông nói.

"Rắc rối ở địa phương này à?" ông già cắt tóc hỏi.

Finlay một lần nữa gật đầu.

"Rắc rối lớn," ông nói. "Những thay đổi lớn đang tới."

"Chúng tôi đã chờ đợi," ông già nói. "Chờ đợi nhiều năm rồi."

"Các ông đợi sao?"

Ông thợ cắt tóc gật đầu đứng dậy. Bước tới chỗ chiếc tủ lớn. Mở cửa rồi vẫy chúng tôi lại xem. Đây là chiếc tủ lớn, xếp đầy các giá sâu. Những giá này xếp chặt tiền. Từng cọc, từng cọc tiền buộc lại với nhau bằng nịt cao su. Tiền xếp từ đáy tới nóc tủ. Trong này phải có vài trăm ngàn đô la.

"Tiền của Quỹ Kliner," ông già nói. "Chúng cứ ném tiền vào chúng tôi suốt. Chuyện ấy có gì đó không ổn. Tôi bảy mươi tư tuổi rồi. Suốt bảy mươi năm người ta coi chúng tôi như rác. Giờ thì người ta ném tiền vào chúng tôi. Chuyện đó có gì không ổn, đúng chứ?"

Ông già đóng cửa tủ chứa tiền.

"Chúng tôi không tiêu tiền này", ông nói. "Chúng tôi không tiêu một xu nào không do mình kiếm được. Chúng tôi chỉ cất vào tủ. Các anh đang điều tra Quỹ Kliner phải không?"

"Ngày mai sẽ không còn Quỹ Kliner nào nữa", tôi nói.

Ông già chỉ gật đầu. Liếc cửa tủ khi ông bước qua và lắc đầu. Khép cửa phòng rồi để chúng tôi lại trong căn phòng nhỏ ẩm cúng.

"Sẽ không dễ đâu," Finlay nói. "Ba chúng ta và ba tên bọn chúng. Chúng giữ bốn con tin. Hai con tin là trẻ em. Chúng ta thậm chí còn không chắc chắn nơi chúng đang giam giữ các con tin."

"Họ đang ở nhà kho," tôi nói. "Điều đó thì chắc chắn. Họ còn ở đâu khác được nữa? Không có nhân lực để giam họ ở bất kỳ nơi nào khác. Hơn nữa ông đã nghe đoạn băng ấy. Âm vọng ro ro đó. Đó

là nhà kho, chắc chắn như vậy."

"Băng nào?" Hubble hỏi.

Finlay nhìn anh ta.

"Chúng bắt Roscoe ghi băng đó cho Reacher," ông nói. "Một thông điệp. Để chứng minh rằng bọn chúng đang giữ cô ấy."

"Roscoe à?" Hubble nói. "Còn Charlie thì sao?"

Finlay lắc đầu.

"Chỉ Roscoe thôi", ông nói dối. "Không có Charlie."

Hubble gật đầu. Tôi nghĩ ông bạn Harvard này làm thế là khôn ngoan. Hình ảnh Charlie bị dúi đầu xuống micro với lưỡi dao sắc kề cuống họng sẽ đẩy Hubble ngã nhào. Khởi bờ vực, trở lại nơi cơn hoảng loạn đã biến anh ta thành kẻ vô dụng.

"Nhà kho là nơi họ đang ở," tôi nói. "Không nghi ngờ gì điều ấy."

Hubble biết rõ về nhà kho. Trong một năm rưỡi, gần như ngày nào anh ta cũng làm việc ở đó. Thế nên chúng tôi bảo anh ta tả đi tả lại kiểu sắp xếp ở đó. Chúng tôi kiểm giấy và bút chì rồi bảo Hubble vẽ sơ đồ. Chúng tôi đảo đi đảo lại sơ đồ này, vẽ đủ mọi cửa ra vào, cầu thang, ghi chú các khoảng cách, các chi tiết. Cuối cùng chúng tôi tạo ra được một sơ đồ mà đến cả kiến trúc sư cũng phải hài lòng.

Nhà kho mục tiêu đứng riêng lẻ ở cuối dãy bốn kho. Nó rất gần với nhà kho thứ ba, vốn là nơi làm việc của các nông dân. Có hàng cọc rào giữa hai nhà kho này, giữa nó và lớp kim loại dát ngoài chỉ có một lối đi nhỏ. Ba mặt còn lại là hàng rào chính bao bọc toàn khu kho. Hàng rào đó chạy sát nhà kho, vòng ra mặt sau và vòng qua đầu bên kia, nhưng ở phía trước có nhiều khoảng trống cho xe tải quay đầu. Cửa cuốn choán gần hết bức tường phía trước. Có một cửa nhỏ ở góc phía xa để đi vào phần sàn chính. Đi vào cửa đó rẽ trái, có một cầu thang bằng kim loại dẫn tới một phòng làm việc. Phòng này nằm ở góc trên cùng phía cuối nhà kho khổng lồ, cách sàn chính khoảng mười hai mét. Phòng này có các cửa sổ lớn, một ban công có tay vịn nhìn thẳng xuống để có thể giám sát nhà kho. Ở phía sau, phòng có một cửa dẫn ra lối thoát hiểm bên ngoài vốn là một cầu thang kim loại khác hàn vào mặt ngoài bức tường phía sau.

"OK," tôi nói. "Thế là rõ rồi nhỉ?"

Finlay nhún vai.

"Tôi lo về lực lượng tăng cường," ông nói. "Bọn gác phía ngoài",

Tôi nhún vai lại với đội trưởng thám tử.

"Sẽ không có lực lượng tăng cường nào cả," tôi bảo. "Tôi lo mấy khẩu súng trường hơn. Nơi đó rộng. Và trong đó có hai đứa trẻ."

Finlay gật đầu. Trông đăm chiêu. Ông biết tôi đang nói gì. Súng trường vãi ra những mảnh đạn chì theo hình nón rộng. Súng trường và trẻ em không thể đồng hành với nhau. Chúng tôi im lặng. Đã gần hai giờ sáng. Còn một tiếng rưỡi để đợi. Chúng tôi sẽ lên đường lúc 3 giờ 30. Đến đó lúc bốn giờ. Thời điểm tấn công mà tôi thích.

Thời gian chờ đợi. Như những người lính dưới chiến hào. Như các phi công trước một cuộc đột kích. Im lặng.

Finlay lơ mơ ngủ. Trước đây ông từng trải qua việc này. Có khi nhiều lần rồi. Ông nằm dài ra ghế. Cánh tay trái thông qua một bên. Nửa chiếc còng bị cắt lủng lẳng trên cổ tay viên thám tử. Trông như chiếc vòng tay bằng bạc.

Hubble ngồi thẳng dậy. Trước đây anh ta chưa trải qua việc này lần nào. Anh ta đứng ngồi không

yên, thể chỉ tổ tổn năng lượng. Chẳng thể đổ lỗi cho anh chàng. Anh ta cứ nhìn tôi suốt. Những câu hỏi hiện lên trong mắt Hubble. Tôi liên tục nhún vai với anh ta. 2 giờ 30 có tiếng gõ cửa. Chỉ là tiếng gõ nhẹ. Cửa mở ra chừng ba mươi phân. Ông già cắt tóc nhiều tuổi hơn đang đứng đó. Ông trở ngón tay xương xẩu run rẩy vào trong phòng. Thẳng vào tôi.

"Có người cần gặp cậu, con trai ạ," ông bảo.

Finlay ngồi thẳng dậy còn Hubble trông sợ hãi. Tôi ra hiệu cho cả hai ở yên chỗ. Đứng dậy lôi khẩu tự động to dùng khỏi túi. Mở khóa an toàn. Ông già khoát hai tay ngăn tôi lại.

"Anh không cần đến thứ đó đâu, con trai," ông nói. "Không cần đến nó chút nào hết."

Ông già đang mất kiên nhẫn, ra hiệu cho tôi ra ngoài cùng ông. Tôi lại cất súng đi. Nhún vai với hai người kia và đi ra cùng ông già cắt tóc. Ông dẫn tôi vào căn bếp bé xiu. Trong này có một người phụ nữ rất già, đang ngồi trên chiếc ghế cao. Cũng có nước da nâu gỗ gụ như ông già, gầy tong teo. Bà trông như cây giữa mùa đông.

"Đây là chị gái tôi," ông già cắt tóc nói. "Đám các anh nói chuyện đã làm bà ấy thức giấc".

Rồi ông bước tới bên người phụ nữ. Cúi người nói vào tai bà.

"Đây là cậu bé em đã kể với chị," ông nói.

Bà già ngược lên mỉm cười với tôi. Rạng rỡ như mặt trời. Tôi phát hiện ra nét đẹp chắc chắn bà từng có, cách đây rất lâu rồi. Bà già chìa một tay ra, tôi nắm lấy. Cảm giác như những đường chỉ mỏng trên chiếc găng tay mềm đã khô. Ông già để hai chúng tôi lại trong bếp. Bước qua chỗ tôi, ông dừng lại

"Hãy hỏi chị tôi về ông ấy," ông bảo.

Ông chậm chạp bước ra. Tôi vẫn cầm tay bà cụ. Ngồi xồm xuống cạnh bà. Bà già không cố kéo tay ra. Chỉ để nguyên đó, như một nhánh cây nâu trong bộ móng không lò của tôi.

"Ta nghe không được tốt lắm", bà nói. "Anh phải ghé sát vào".

Tôi nói vào tai bà. Bà tỏa ra mùi như một bông hoa nở đã lâu. Như một bông hoa đã phai sắc.

"Như thế này bà có nghe được không?" tôi hỏi.

"Thế thì tốt, con trai. Ta có thể nghe được."

"Cháu đã hỏi em trai bà về Blake Mù," tôi nói.

"Ta biết chuyện đó, con trai. Cậu ấy đã kể cho ta nghe điều đó."

"Ông ấy bảo cháu rằng bà biết Blake," tôi nói vào tai bà

"Chắc chắn ta biết chứ. Ta biết rõ ông ấy."

"Bà kể cho cháu nghe về ông ấy được chứ?"

Bà già xoay đầu chăm chú nhìn tôi vẻ buồn bã.

"Có gì để kể chứ?" bà nói. "Ông ấy đã đi xa rất lâu rồi."

"Ông ấy là người thế nào?" tôi hỏi.

Bà già vẫn chăm chú nhìn tôi. Hai mắt mờ màng khi trở về với quá khứ cách đây sáu bảy mươi năm.

"Ông ấy mù," bà đáp.

Thêm một lúc nữa bà không nói gì. Hai môi mấp máy không thành tiếng và tôi có thể cảm nhận được mạch đang đập dồn dập ở cổ tay xương xẩu của bà. Bà khẽ quay đầu như đang cố gắng nghe gì đó từ chốn xa xăm.

"Ông ấy mù", bà nhắc lại. "Và ông ấy là một cậu bé ngọt ngào."

Bà già đã hơn chín mươi tuổi. Tuổi bà như ngang với thế kỷ hai mươi. Thế nên bà đang nhớ lại thời hai mươi, ba mươi tuổi. Không phải nhớ lại thời thơ ấu hay thời thiếu nữ. Bà đang nhớ lại thời đã

trở thành một người đàn bà. Và bà nhớ tới Blake như một cậu bé ngọt ngào.

"Ta là ca sĩ," bà nói. "Còn ông ấy chơi ghi ta. Anh biết rằng ông ấy có thể chơi ghi ta như làm ảo thuật chứ? Đó là cách ta hay nói về Blake. Ông ấy cầm cây đàn cũ lên và các nốt nhạc cứ thế tuôn ra, nhanh hơn cả tốc độ anh có thể hát. Nhưng mỗi nốt nhạc đều là một tiếng chuông hoàn hảo ngân trong không gian. Chúng ta hát và chơi nhạc suốt cả đêm, rồi đến sáng ta đưa ông ấy ra đồng cỏ, chúng ta ngồi dưới gốc cổ thụ nào đó, chúng ta sẽ hát và chơi nhạc tiếp. Chỉ để tận hưởng niềm vui. Chỉ bởi vì ta có thể hát còn ông ấy có thể chơi nhạc".

Vừa thở bà già vừa ngân nga vài nhịp. Giọng của bà thấp hơn mức cần ngân khoảng một phần năm quãng tám. Bà gầy gò và mong manh đến nỗi ta tưởng như nghe thấy chất giọng nữ cao không còn phong độ. Nhưng bà già đang hát giọng nữ trầm, thấp như hơi thở. Tôi theo dòng suy nghĩ cùng bà và tưởng tượng ra hai người trên đồng cỏ xưa của Georgia. Mùi hoa dại nồng đậm, tiếng vo ve buổi trưa của đám côn trùng lười biếng, hai người tựa lưng vào gốc cây, vừa hát vừa chơi đàn chỉ vì niềm vui được làm việc ấy. Cao giọng ngân nga những bài hát châm biếm ngang tàng Blake đã sáng tác mà tôi rất yêu thích.

"Chuyện gì đã xảy ra với ông ấy?" tôi hỏi. "Bà biết chứ?"

Bà già gật đầu.

"Hai người trên trái đất biết điều ấy," bà thì thầm. "Ta là một trong hai người đó."

"Bà sẽ kể cho cháu chứ? Cháu tới đây để tìm hiểu chuyện ấy."

"Sáu mươi hai năm rồi. Ta chưa kể cho bất kỳ ai trong sáu mươi hai năm qua."

"Bà sẽ kể cho cháu chứ?" tôi nhắc lại.

Bà già gật đầu. Buồn bã. Nước mắt ngấn trong đôi mắt già nua như sương khói.

"Sáu mươi hai năm rồi," bà nói. "Anh là người đầu tiên hỏi ta về chuyện này."

Tôi nín thở. Đôi môi bà già mấp máy, bàn tay run lên trong tay tôi.

"Ông ấy mù," bà nói. "Và ông ấy hoạt bát. Anh biết từ đó chứ? Hoạt bát ấy? Nghĩa là một kiểu tự cao. Tự cao cùng với nụ cười và vẻ nhảu nhờ là hoạt bát. Blake hoạt bát. Đầy sức sống và tinh thần. Bước nhanh, nói nhanh, luôn đi lại, luôn cười như quên hết mọi thứ. Nhưng có một lần, chúng tôi bước ra từ một nơi trong thị trấn này, vừa đi theo vỉa hè vừa cười. Chẳng có ai xung quanh trừ hai kẻ da trắng trên vỉa hè tiến về phía chúng tôi. Một gã đàn ông cùng một đứa con trai. Tôi trông thấy chúng liền né khỏi vỉa hè, như chúng tôi phải làm thế. Đứng trên nền đất để bọn chúng đi qua. Nhưng Blake tội nghiệp bị mù. Không nhìn thấy hai kẻ đó. Chỉ đâm sầm vào đứa con trai da trắng. Một đứa con trai da trắng, có lẽ mười, mười hai tuổi. Blake khiến nó ngã lăn ra nền đất. Thằng con trai da trắng chảy máu đầu vì va phải một hòn đá, hét rống lên, anh chưa bao giờ nghe thấy đứa nào la hét thế đâu. Cha của thằng bé ấy ở bên cạnh nó. Tôi biết hẳn. Hẳn là một kẻ quan trọng trong thị trấn này. Thằng con trai hẳn hò hét như điên. Hét đòi cha nó trừng phạt người da đen kia. Thế nên cha nó nổi đóa đánh Blake bằng cây gậy của hắn. Đầu gậy có tay nắm to bằng bạc. Hắn quất Blake bằng cây gậy đó cho tới lúc đầu ông ấy vỡ toác như quả dưa hấu. Giết ông ấy chết tươi. Nhấc thằng con lên và quay sang tôi. Bắt tôi đến máng ngựa rửa hết tóc, máu và óc của Blake bám ở đầu gậy của hắn. Bảo tôi không bao giờ được hé răng với ai, nếu không hẳn cũng sẽ giết tôi. Thế nên tôi chỉ trốn đi đợi cho tới khi một người khác thấy Blake tội nghiệp nằm đó trên vỉa hè. Rồi tôi bỏ chạy, vừa chạy vừa la hét cho những người còn lại. Chẳng nói lời nào về chuyện đó cho bất kỳ ai, đến tận ngày hôm nay."

Những giọt nước mắt lớn trào ra từ hai mắt bà già từ từ lăn xuống đôi má hóp lại. Tôi đưa tay lau khô nước mắt cho bà lão. Cầm bàn tay kia của bà lão.

"Đứa con trai ấy là ai?" tôi hỏi.

"Là kẻ tôi vẫn trông thấy từ đó đến giờ," bà nói. "Một kẻ mà từ đó đến giờ tôi thấy gần như ngày nào cũng có những lời chế nhạo, làm tôi nhớ tới Blake tội nghiệp của tôi nằm đó với cái đầu vỡ toác."

"Hắn là ai?"

"Đó là việc ngoài ý muốn," bà già nói. "Bất kỳ ai cũng có thể đã thấy thế. Blake tội nghiệp là người mù. Thằng con **to ai** không cần phải hò hét như thế. Nó không bị đau đến mức ấy. Nó đã đủ lớn để hiểu. La hét lớn như thế chính là lỗi của nó."

"Thằng con trai ấy là ai?" tôi lại hỏi bà già.

Bà quay sang chăm chăm nhìn vào hai mắt tôi. Nói cho tôi biết bí mật đã chôn chặt sáu mươi hai năm.

"Grover Teale," bà nói. "Đã lớn và trở thành thị trưởng, như ông bố của nó. Nghĩ rằng nó là vua của thế giới, nhưng nó chỉ là một thằng bé hỗn xược la hét inh ỏi khiến Blake tội nghiệp của tôi bị giết chẳng vì lý do gì cả trừ chuyện ông ấy mù và là người da đen."

Chúng tôi lại dồn vào chiếc Bentley đen của Charlie ở con ngõ phía sau tiệm cắt tóc. Chẳng ai nói gì. Tôi nổ máy. Chạy về phía Bắc. Vẫn tắt đèn đi chậm chậm. Chiếc sedan to lớn xuyên bóng đêm chạy về phía Bắc như một con vật rón rén rời hang ổ. Như một chiếc tàu ngầm đen cỡ lớn gỡ neo lao vào mặt nước lạnh như đá. Tôi chạy xuyên qua thị trấn rồi tấp vào lề đường gần đồn cảnh sát. Im như mồ.

"Tôi muốn lấy một thứ vũ khí", Finlay nói.

Chúng tôi bước qua những đồng đồ nát ở lối vào. Chiếc Bentley của Hubble đang nằm trong phòng họp, im lặng trong bóng tối. Hai lớp trước đã nổ, nó nằm chúi mũi xuống, chìm trong những thứ đồ xuống từ các buồng giam. Sặc mùi xăng. Chắc chắn bình xăng đã thủng. Nắp cốp đang dựng lên bởi đuôi xe bị va chạm đến móp vào. Hubble thậm chí chẳng liếc đến chiếc xe.

Finlay bước qua chiếc xe hỏng tới căn phòng lớn ở phía sau. Biền vào trong. Tôi cùng Hubble đợi ở đồng mảnh vỡ vốn trước đây là cửa ra vào. Finlay trở ra từ bóng tối với một khẩu súng lục bằng thép không gỉ và một hộp diêm. Cùng một điệu cười nhảu. Ông vẩy làm hiệu cho hai chúng tôi ra xe rồi bật một que diêm. Ném nó xuống dưới đuôi của chiếc Bentley xanh đã hỏng và lạo xạo bước ra chỗ chúng tôi.

"Đánh lạc hướng, đúng không?" ông nói.

Khi chạy ra khỏi bãi đỗ, chúng tôi thấy đám cháy bắt đầu. Những ngọn lửa xanh sáng lan qua thảm như sóng trên bãi biển. Lửa bén vào lớp gỗ đã bị vỡ lan ra phía ngoài, rồi cháy mạnh hơn nhờ những vết xăng lớn. Lửa chuyển sang màu vàng và cam, không khí bắt đầu ủa vào qua lỗ lớn trước đây là cửa chính. Trong vòng một phút, toàn bộ nơi đó bốc cháy. Tôi mỉm cười chạy theo tình lộ.

Tôi bật đèn pha suốt gần mười bốn dặm đường. Chạy nhanh. Mất chừng mười hai phút. Tắt đèn rồi ngoặt vào lề đường khi còn cách mục tiêu một phần tư dặm. Quay đầu xe trên đường và lùi một chút. Để cho xe quay đầu về phía Nam. Về phía thị trấn. Các cửa không khóa. Cửa khóa vẫn cắm trong ổ.

Hubble cầm chiếc kim cắt kim loại. Finlay kiểm tra khẩu súng lục ông đã lấy từ phòng ra. Tôi luôn tay xuống dưới ghế ngồi lấy ra chiếc chai nhựa chúng tôi đã đổ đầy xăng. Nhét vào túi chứa chiếc dùi cui. Thật nặng. Kéo mé phải áo khoác xuống và nâng khẩu Desert Eagle cao ngang ngực. Finlay đưa cho diêm cho tôi. Tôi bỏ vào túi bên kia.

Chúng tôi cùng nhau đứng trong bóng tối ở bờ đất bên đường. Gật đầu với nhau nhanh gọn. Búng qua cánh đồng về phía cây bị sét đánh. Nó nổi bật dưới ánh trăng. Chúng tôi mất vài phút để tới nơi. Chúng tôi chập vạt đi trên nền đất mềm. Dừng lại chỗ thân cây cong queo. Tôi lấy chiếc kim từ tay Hubble, chúng tôi lại gật đầu với nhau và hướng về phía hàng rào ở đoạn nó chạy sát phía sau nhà kho. Bây giờ là 4 giờ kém 10 sáng. Không ai nói gì kể từ lúc rời đồn cảnh sát đang bốc cháy.

Khoảng cách từ cây tới hàng rào là bảy mươi lăm mét. Chúng tôi đi mất một phút. Cả ba tiếp tục di chuyển cho tới khi đến đối diện với chân của lối thoát hiểm. Ngay nơi nó được hàn vào lối đi bằng bê tông chạy quanh toàn bộ tòa nhà. Finlay và Hubble kéo căng rào ra để tôi dùng kim lần lượt cắt từng mắt một. Chúng tôi bước qua như thể nó là bụi cây mềm vậy. Tôi cắt ra một mảng lớn cao chừng hơn hai mét, lên tới chỗ bắt đầu giăng dây thép gai, rộng khoảng hai mét rưỡi. Chúng tôi bước qua khoảng trống này. Bước tới phía chân cầu thang. Chờ đợi. Tôi có thể nghe thấy những âm thanh bên trong. Những tiếng di chuyển và cọ xát, chuyển thành những tiếng trầm nghe không rõ do khoảng không

gian quá rộng. Tôi hít một hơi sâu. Ra hiệu cho hai người kia ép sát người vào lớp kim loại ốp ngoài. Tôi vẫn chưa chắc chắn về những tên gác vòng ngoài. Lòng tôi bảo rằng sẽ không có lực lượng tăng cường. Nhưng Finlay lo lắng về điều đó. Và từ lâu tôi đã học được một điều rằng hãy để tâm tới những gì mà những người như Finlay lo ngại.

Thế nên tôi ra hiệu cho Finlay và Hubble ở yên chỗ, rồi bò vòng qua góc tòa nhà khổng lồ. Cúi thấp người thả chiếc kim cắt kim loại xuống lối đi bê tông từ độ cao khoảng ba mươi phân. Việc này phát ra tiếng động đáng kể. Nghe giống như kẻ nào đó đang cố đột nhập vào khu nhà kho. Tôi ép sát người vào tường chờ đợi với chiếc dùi cui sẵn sàng trong tay phải.

Finlay đoán đúng. Có một tên gác vòng ngoài. Và tôi cũng đúng. Không có lực lượng tăng cường. Tên gác vòng ngoài là thượng sĩ Baker. Hắn đang đảm nhiệm việc tuần tra phía ngoài nhà kho. Tôi nghe tiếng trước khi trông thấy hắn. Tôi nghe thấy tiếng thở căng thẳng và bước chân của hắn trên nền bê tông. Hắn vòng qua góc tòa nhà dừng lại cách tôi một mét. Hắn đứng chằm chằm nhìn chiếc kim cắt kim loại. Trong tay Baker là khẩu .38 của hắn. Tên này nhìn chiếc kim rồi lướt ánh mắt dọc theo hàng rào tới đoạn bị cắt. Rồi hắn bắt đầu chạy về phía đó.

Rồi hắn chết. Tôi vung chiếc dùi cui lên nện trúng Baker. Đứng vào hòng. Như một đứa con trai vùng quê vịn cổ con gà. Làm tốt việc ấy. Baker vẫn đang đeo thẻ tên phía trên túi áo cảnh sát. Là thứ đầu tiên tôi trông thấy cách đây chín ngày. Chúng tôi bỏ xác hắn trên lối đi. Đợi năm phút. Lắng nghe thật kỹ. Chẳng ai khác xuất hiện.

Chúng tôi trở lại chỗ Hubble đang đợi. Tôi hít một hơi sâu nữa. Bước lên lối thoát hiểm. Đi lên. Đặt từng bước chân một thật im lặng và thận trọng. Từ từ đi lên. Cầu thang được đúc từ sắt hay thép gì đó. Các bậc thang không đúc liền nhau. Nếu vụng về, cả cầu thang sẽ phát tiếng động ghê gớm. Finlay ở phía sau tôi, tay phải nắm chắc tay vịn, tay trái cầm súng. Sau ông, Hubble sợ đến mức chẳng dám thở.

Chúng tôi rón rén đi lên. Mất hai phút để đi hết mười hai mét. Chúng tôi rất thận trọng. Ba người đứng ở bực nhỏ phía trên cùng cầu thang. Tôi ép tai vào cửa. Yên tĩnh. Không có âm thanh nào. Hubble lấy chùm chìa khóa phòng trong túi ra. Nắm chặt trong tay để chúng không kêu xúng xoảng. Anh ta từ từ, cẩn thận chọn đúng chìa cần dùng, cắm vào ổ khóa. Chúng tôi nín thở. Hubble xoay chìa. Khóa bấm tách. Cánh cửa hé mở. Chúng tôi ngừng thở. Không có âm thanh nào. Không có phản ứng nào. Yên lặng.

Hubble kéo cửa ra, chậm chậm, cẩn thận. Finlay nắm lấy cửa từ tay Hubble rồi kéo ra thêm. Đẩy lại phía tôi. Tôi kéo cửa sát vào tường. Giữ cho nó mở hết ra bằng chai xăng trong túi tôi.

Ánh đèn tràn ra khỏi phòng, qua lối thoát hiểm tạo thành một dải vàng sáng trên hàng rào và cánh đồng phía dưới chúng tôi mười hai mét. Các đèn hồ quang trong nhà kho được bật, ánh sáng tràn vào qua các ô cửa sổ lớn của phòng làm việc. Tôi có thể nhìn thấy mọi thứ trong phòng này. Và những gì nhìn thấy khiến tim tôi ngừng đập.

Tôi chưa bao giờ tin vào vận may. Chưa bao giờ có lý do để làm như thế. Chưa bao giờ dựa vào vận may bởi tôi chẳng bao giờ có thể làm vậy. Nhưng bây giờ tôi gặp vận may rất lớn. Ba mươi sáu năm đen đủi và rắc rối bị cuốn trôi sạch sẽ chỉ bởi một cái liếc duy nhất. Các vị thần đang đứng trên vai tôi, vỗ tay giục tôi tiến bước. Chỉ qua một cái nhìn, tôi biết mình đã chiến thắng.

Bởi bọn trẻ đang ngủ trên sàn căn phòng. Các con của Hubble. Ben và Lucy. Nằm dài trên đồng bao tải không. Ngủ sâu, dang chân dang tay với vẻ ngây thơ chỉ thấy ở trẻ đang ngủ. Hai đứa bé bần thiêu rách rưới, vẫn mặc bộ đồng phục nhà trường từ hôm thứ Hai. Chúng trông như lũ trẻ sống đầu đường xó chợ trong bức tranh xưa về New York vẽ bằng mực làm từ củ nâu. Duỗi dài chân tay, ngủ

say. Bốn giờ sáng. Giờ may mắn của tôi. Bọn trẻ khiến tôi lo lắng đến phát điên. Chúng là yếu tố có thể khiến toàn bộ chuyện này thành việc bất khả thi. Tôi đã nghĩ đi nghĩ lại cả ngàn lần. Đầu tôi nghiên cứu biết bao phương án, cố gắng tìm ra một phương án hữu hiệu. Tôi đã không tìm được phương án nào. Tôi luôn gặp phải một hậu quả xấu nào đó. Điều mà các trường tham mưu gọi là kết quả không như mong muốn. Tôi luôn gặp phải cảnh lũ trẻ bị những khẩu súng trường lớn bắn thành các mảnh văng khắp nơi. Súng trường và trẻ em không thể đồng hành với nhau. Và tôi luôn tưởng tượng ra cảnh bốn nạn nhân cùng hai khẩu súng trường ở cùng một nơi vào một thời điểm. Tôi đã hình dung cảnh Charlie và hai đứa trẻ hoảng loạn la hét còn những khẩu Ithaca lớn đùng đùng khạc đạn. Tất cả diễn ra ở cùng một nơi. Tôi không tìm được giải pháp nào. Nếu tôi có cơ hội được chọn hoặc sẽ được chọn, tôi sẽ chọn cho những đứa trẻ ngủ say ở một nơi khác. Và điều đó đã xảy ra. Điều đó đã xảy ra. Niềm phấn khởi ầm ầm vang lên trong hai tai tôi như đám đông cuồng nhiệt trong một sân vận động khổng lồ.

Tôi quay sang Finlay và Hubble. Đặt tay lên gáy họ để kéo lại gần phía tôi. Nói với họ bằng những tiếng thì thầm nhỏ nhất.

"Hubble bế con gái," tôi nói. "Finlay bế đứa con trai. Đặt một tay lên miệng chúng. Không được phát ra tiếng động nào. Đưa chúng trở lại chỗ cây. Hubble đưa cả hai ra xe. Ở lại cùng chúng và đợi. Finlay trở lại đây. Làm ngay bây giờ. Làm khẽ nhé!"

Tôi lôi khẩu Desert Eagle ra mở khóa an toàn. Tì cổ tay vào khung cửa chính chĩa qua phòng vào cánh cửa phía trong. Finlay và Hubble rón rén vào phòng. Họ làm đúng cách. Giữ thân người thấp. Họ giữ im lặng. Họ ép lòng bàn tay vào hai cái miệng nhỏ. Nâng hai đứa trẻ lên. Rón rén ngược ra. Thẳng người lên vòng qua khẩu .44 to đùng của tôi. Hai đứa trẻ tỉnh dậy giãy giụa. Đôi mắt mở to của chúng chăm chăm nhìn tôi. Hubble và Finlay bế chúng ra phía cầu thang dài. Nhẹ nhàng đi xuống. Tôi lùi ra ngoài cửa tới góc phía xa của bức kim loại. Tìm một góc để yểm trợ cho hai người suốt chặng đường ra. Quan sát họ từ từ leo theo lối thoát hiểm xuống đất, ra hàng rào, qua ô rào bị cắt rời khỏi nơi đó. Họ bước qua quãng sáng trải trên ruộng ở phía dưới tôi mười hai mét và biến vào bóng tối.

Tôi thả lỏng người. Hạ khẩu súng xuống. Lắng nghe thật kỹ. Chẳng nghe thấy gì trừ những tiếng cọ rất nhỏ vang lên từ phía trong nhà kho khổng lồ bằng kim loại. Tôi bò vào phòng làm việc. Trườn qua sàn về phía dãy cửa sổ. Chầm chậm ngóc đầu lên nhìn ra ngoài, xuống phía dưới. Thấy một cảnh tượng tôi sẽ không bao giờ quên.

Phía trong mái nhà kho gần tới cả trăm bóng đèn hồ quang. Chúng khiến nơi này sáng hơn cả ban ngày. Khu này rất rộng. Dài phải tới ba mươi mét và sâu hai tư mét. Có lẽ cao mười tám mét. Và đầy những tờ tiền đô la. Một đụn tiền khổng lồ lấp đầy cả kho. Ở góc xa nằm phía cuối nhà kho, đụn tiền phải cao tới mười lăm mét. Rồi dốc dần xuống sàn như một vách núi. Đúng là một núi tiền mặt. Và vươn cao lên như một núi băng khổng lồ màu xanh. Thật khổng lồ.

Ở phía bên kia nhà kho, tôi trông thấy Teale. Lão đang ngồi trên sườn núi, chắc chỗ đó cao ba mét. Khẩu súng trường đặt ngang hai đầu gối. Lão như bị thu nhỏ bởi đống tiền xanh khổng lồ vươn cao phía trên. Gần hơn về phía tôi mười lăm mét, tôi trông thấy Kliner. Ngồi ở sườn nhưng cao hơn. Ngồi trên bốn mươi tấn tiền. Súng trường đặt ngang hai gối.

Hai khẩu súng trường chĩa về phía Roscoe và Charlie Hubble, tạo thành một hình tam giác. Ở phía dưới tôi mười hai mét, họ chỉ là những hình nhỏ xíu. Họ đang bị buộc làm việc. Roscoe cầm một chiếc xẻng xúc tuyết. Một trong những thứ dụng cụ người ta dùng ở các bang có tuyết để dọn đường cho xe chạy. Cô đang đẩy những đống đô la về phía Charlie. Charlie đang xúc chúng vào các thùng

chứa máy điều hòa nhiệt độ và dùng một chiếc cào làm vườn dồn tiền chặt lại. Phía sau hai người phụ nữ có một dãy thùng đã dán kín. Phía trước họ là một đồng tiền khổng lồ. Họ quần quật làm việc ở tít phía dưới tôi, nhỏ bé như hai con kiến bên dưới núi tiền.

Tôi nín thở. Tôi như bị đóng đinh. Quả là cảnh tượng không thể tin nổi. Tôi có thể thấy chiếc xe bán tải đen của Kliner. Nó được lùi vào, ngay phía trong cửa cuốn. Bên cạnh là chiếc Cadillac trắng của Teale. Cả hai đều là xe lớn. Nhưng chúng chẳng là gì khi đứng cạnh núi tiền. Chúng chỉ như đồ chơi trên bãi biển.

Thật kỳ lạ. Đây như là cảnh trong một câu chuyện cổ tích. Như một hang động ngầm lớn nằm trong một mỏ ngọc lục bảo được kể trong truyền thuyết. Tất cả sáng rực bởi một trăm bóng đèn hồ quang. Tít bên dưới là các hình người bé xíu. Tôi không thể tin nổi. Hubble đã nói rằng một triệu tờ bạc một đô la là một cảnh cực kỳ ấn tượng. Tôi đang thấy bốn mươi triệu tờ. Chính chiều cao của núi tiền gây ấn tượng với tôi. Nó cao vút lên. Cao gấp mười lần hai đáng người nhỏ xíu đang làm việc dưới sàn. Cao hơn một tòa nhà. Cao hơn hai tòa nhà chồng lên nhau. Thật không thể tin nổi. Đây là nhà kho khổng lồ. Và nó chứa đầy một núi tiền xếp chặt. Chứa bốn mươi triệu tờ tiền thật mệnh giá một đô la.

Hai người phụ nữ đang di chuyển với vẻ lơ đãng xuất hiện khi cực kỳ mệt nhọc, như hai cảnh sát tuần tra kiệt sức sau khi kết thúc cuộc diễn tập khắc nghiệt. Như ngủ trên đôi chân của mình, di chuyển theo phản xạ trong khi đầu óc gào thét đòi nghỉ ngơi. Họ đang dồn những ô tiền từ đồng tiền khổng lồ kia vào các thùng. Đó là công việc vô vọng. Lực lượng Bảo vệ Bờ biển đã khiến Kliner bất ngờ. Hẳn chưa sẵn sàng. Nhà kho đã bị nhét đầy tiền. Roscoe và Charlie đang bị buộc làm việc như những nô lệ kiệt sức. Teale và Kliner đang theo dõi họ làm như những tên giám sát, đầy vẻ bơ phờ, như thể chúng biết mình đang ở đường cùng. Đồng tiền khổng lồ sắp chôn vùi chúng. Nó sắp bao vây hai tên và bóp nghẹt chúng cho tới chết.

Tôi nghe tiếng chân Finlay vang lên rất khẽ trên lối thoát hiểm. Tôi bò ngược ra khỏi phòng gặp ông trên bục kim loại phía ngoài.

"Họ trở lại xe rồi," viên thám tử thì thầm vào tai tôi.

"Tình hình ta ở đây ra sao?"

"Hai khẩu súng trường đã rút ra sẵn sàng," tôi thì thầm. "Roscoe và Charlie trông ổn."

Finlay liếc vào phía trong, về phía ánh sáng mạnh và những tiếng ồn lơ mờ.

"Tất cả họ đang làm gì ở đó?" ông hỏi tôi bằng giọng rất nhỏ.

"Vào xem đi", tôi nói khẽ. "Nhưng nhớ nín thở nhé!"

Chúng tôi cùng nhau cúi người rón rén đi vào. Đi tới bên cửa sổ. Từ từ ngóc đầu lên. Finlay nhìn xuống quang cảnh như trong mơ ở phía dưới. Ông chăm chăm nhìn xuống một lúc, hai mắt đảo qua hết nơi này. Cuối cùng chăm chăm nhìn tôi. Nín thở.

"Chúa ơi," ông thì thào.

Tôi gật đầu ra hiệu cho ông lui ra. Chúng tôi lại rón rén về bục trên lối thoát hiểm.

"Chúa ơi," ông thì thào lần nữa. "Ông có thể tin vào chuyện đó không?"

Tôi lắc đầu.

"Không," tôi nói với đội trưởng thám tử. "Tôi không thể tin nổi",

"Chúng ta sẽ làm gì?"

Tôi giơ một tay lên ra hiệu cho Finlay đợi trên bục. Rồi lại rón rén vào trong nhìn xuống qua cửa sổ. Tôi quan sát toàn bộ khu vực. Nhìn nơi Teale đang ngồi, nhìn cửa trong phòng làm việc, kiểm tra tầm hỏa lực của Kliner, đoán xem có thể Roscoe và Charlie sẽ thế nào. Tôi tính toán các góc độ và

ước lượng cự ly. Rồi đi đến một kết luận rất rõ ràng. Rằng đó quả là một vấn đề rất hóc búa.

Lão già Kliner là kẻ ở gần chúng tôi nhất. Roscoe và Charlie đang làm việc ở khu vực giữa lão và Teale. Teale là kẻ nguy hiểm bởi lão đang ở đầu kia của nhà kho. Khi tôi bước ra từ đỉnh cầu thang, cả bốn người sẽ ngược lên nhìn tôi. Kliner sẽ nâng khẩu súng trường của hắn lên. Teale cũng sẽ nâng súng của lão lên. Cả hai sẽ bắn vào tôi. Kliner sẽ có phát bắn thẳng, hướng lên trên sáu mươi độ, như một tay săn vịt. Teale sẽ bắn theo góc khá hẹp. Bởi lão đang được nâng lên ba mét nhờ rìa núi tiền. Từ cự ly ba mươi mét, lão cần nâng thêm mười mét nữa. Góc hẹp. Có lẽ mười lăm hoặc hai mươi độ. Khẩu Ithaca lớn của lão được thiết kế để bao quát góc lớn hơn mười lăm hay hai mươi độ. Phát bắn của lão sẽ nhả đạn trúng hai người phụ nữ. Phát bắn của lão sẽ giết chết họ. Khi Teale ngược lên nhìn tôi và nhả đạn, Roscoe và Charlie sẽ chết.

Tôi bò ra khỏi phòng làm việc gặp Finlay ở cầu thang thoát hiểm. Cúi người nhặt chai xăng lên. Đưa cho ông cùng hộp diêm. Ghé lại gần nói với ông điều cần làm. Chúng tôi thì thầm với nhau rồi ông chậm chậm bước xuống cầu thang dài bằng kim loại. Tôi rón rén đi qua phòng cẩn thận đặt khẩu Desert Eagle trên sàn, cạnh cửa trong phòng. Mở khóa an toàn. Rón rén trở lại phía dưới cửa sổ. Từ từ ngóc đầu lên chờ đợi.

Ba phút trôi qua. Tôi chăm chăm nhìn đầu bên kia, nơi có cửa cuốn. Chăm chăm nhìn và đợi. Quan sát khe hở giữa sàn bê tông với cạnh dưới của cửa, ngay ở đầu bên kia, nằm bên kia đường chéo của khoảng không gian khổng lồ. Tôi chăm chăm nhìn và đợi. Bốn phút trôi qua. Những hình người nhỏ xíu bên dưới vẫn lao động vất vả. Roscoe và Charlie đang dồn tiền vào các thùng, dưới ánh mắt quan sát chăm chú của Teale. Kliner đang leo lên núi tiền để đá một dòng tiền mới xuống sườn dốc, về phía hai người phụ nữ. Năm phút đã trôi qua. Kliner đã bỏ súng xuống. Hắn đang cách nó mười mét, sục sạo trong đồng tiền, bắt đầu tạo nên một thác tiền nhỏ chảy xuống chân Roscoe. Sáu phút đã trôi qua. Bảy phút.

Rồi tôi trông thấy vết xăng ướt tôi thối bò phía dưới cửa cuốn. Nó chảy thành một vũng hình bán nguyệt. Và tiếp tục chảy. Nó vươn tới đáy của đụn đô la khổng lồ, dưới chỗ Teale ngồi ở sườn núi cao khoảng ba mét. Nó tiếp tục lan ra. Một vết tôi thối trên sàn bê tông. Kliner vẫn đang làm việc, cách Teale mười hai mét qua núi tiền, vẫn cách vũ khí của hắn mười mét.

Tôi bò lại phía cửa trong phòng. Khẽ níu tay nắm xuống. Chốt cửa mở ra. Tôi nâng súng lên. Mở cửa ra một nửa. Lại rón rén về cửa sổ. Theo dõi vũng xăng đang lớn dần. Tôi sợ rằng Teale sẽ ngửi thấy mùi xăng ngay. Đó là nhược điểm của kế hoạch. Nhưng lão không ngửi thấy. Bởi cả nhà kho bốc lên thứ mùi khó chịu rất mạnh. Ngay khi mở cửa thứ mùi ấy ập vào tôi như giáng đòn vào mặt. Thứ mùi chua, nặng và nhờn nhờn. Mùi của tiền. Nhiều triệu tờ tiền đô la nhả nhúm đang bốc lên mùi từ những bàn tay đầy mồ hôi và những chiếc túi chua loét. Mùi ấy cứ lơ lửng trong không khí. Nó chính là mùi tôi đã thấy ở những chiếc thùng rỗng trong ga ra của Sherman Stoller. Mùi chua của tiền cũ.

Rồi tôi thấy ngọn lửa bùng lên trên sàn. Finlay đã ném một que diêm. Ngọn lửa thấp màu xanh. Nó lao qua phía dưới cửa bùng lên phía trên vết xăng như một bông hoa đang nở. Ngọn lửa tiến tới chân của núi tiền xanh khổng lồ. Tôi thấy Teale quay ngoắt đầu lại nhìn chăm chăm, người rúm lại vì sợ hãi. Tôi bước tới bên cửa giật mở ra. Lấy đích ngắm cho súng. Một cổ tay bám chặt lấy tay vịn ban công. Kéo cò bắn bay đầu Teale, từ cự ly ba mươi mét. Viên đạn lớn đi trúng thái dương lão thị trưởng, khiến sọ lão bắn tung tóe vào lớp ốp kim loại phía sau.

Rồi mọi thứ trở nên tẻ nhạt. Tôi thấy nó diễn ra bằng những cảnh quay chậm mà ta thường thấy khi đầu óc ta tư duy nhanh hơn hành động của ta. Tay cầm súng của tôi đang di chuyển về bên trái để bám theo Kliner trên đường trở lại chỗ đặt vũ khí của hắn. Nhưng Kliner lao về bên phải. Hắn thực

hiện một cú nhảy tuyệt vọng xuống sườn núi tiền, tới nơi Teale đã buông rơi khẩu súng trường của mình. Hắn không quay lại với khẩu súng đó. Hắn sẽ dùng súng của Teale. Hắn sẽ sử dụng chính góc bắn chết người mà Teale sẽ dùng nếu lão còn sống. Tay tôi quay ngược lại. Nó đang cắt trong không khí một đường cung đẹp đẽ ngay phía sau tên Kliner đang nhào người trượt xuống trong khi một đám tiền lớn văng tứ tung. Rồi tôi nghe thấy tiếng cửa để đi vào sàn chính bên dưới đó bật tung. Tiếng xô cửa chạm với tiếng vang của phát bắn giết chết Teale, và tôi trông thấy Picard loạng choạng tiến vào sàn kho. Chiếc áo khoác của hắn không còn, tôi thấy máu thấm ướt chiếc sơ mi trắng ngoại cỡ của hắn. Tôi thấy Picard đang lảo đảo đi những bước dài về phía hai người phụ nữ. Đầu hắn đang quay lại, cánh tay phải xoay tròn hướng lên trên để trở vào tôi. Tôi trông thấy khẩu .38 của Picard lọt thỏm trong bàn tay hắn. Cách đó ba mươi mét, tôi thấy Kliner tới được chỗ khẩu súng trường của Teale, ở nơi nó đã rơi ngấp trong đồng tiền. Tôi thấy dưới chân đụn tiền khổng lồ, ngọn lửa xanh đang bùng lên phía trên. Tôi thấy Roscoe chậm chạp xoay người ngược nhìn tôi. Thấy Charlie Hubble chậm chạp xoay người theo hướng khác để nhìn Teale. Tôi thấy cô bắt đầu la hét. Hai bàn tay Charlie từ từ đưa lên mặt, miệng cô há ra còn hai mắt đang nhắm lại. Tiếng hét của cô nhẹ nhàng vang đến chỗ tôi, đập vào tiếng vọng đang giảm dần của viên đạn từ khẩu Desert Eagle và tiếng xô cửa.

Tôi nắm chặt lấy tay nắm ban công phía trước và dùng một tay kéo người về phía đó. Chút nòng súng thẳng xuống dưới, siết cò bắn xuyên qua vai Picard chỉ một khoảnh khắc rất nhỏ trước khi khẩu .38 của hắn dừng lại ở tôi. Tôi thấy Picard đổ gục xuống sàn, máu từ người hắn phun ra trong khi tôi lại chuyển đích ngắm sang Kliner.

Đầu óc tôi lúc này rất tỉnh táo. Chỉ xử lý việc này như một vấn đề thuần túy cơ học. Tôi đã tì vai xuống nên lực giật của khẩu tự động loại lớn sẽ khiến nó hướng lên trên. Điều đó sẽ khiến tôi tiết kiệm được một phần nhỏ giây trong khi tôi quét ánh mắt sang phía bên kia nhà kho. Tôi cảm nhận được cú đập ở lòng bàn tay khi khí nóng của thuốc súng đẩy vỏ đạn đã bắn ra và đẩy viên đạn tiếp theo vào. Kliner đã giương nòng khẩu Ithaca lên dưới một cơn mưa tiền từ từ rơi, lão đang nạp đạn. Xen trong tiếng nổ lớn của phát đạn ngăn chặn Picard, tôi nghe thấy tiếng lách cách phát ra từ hệ thống cơ học của khẩu súng trường.

Trong đầu tôi tính toán được rằng Kliner sẽ bắn với góc chỉ cao hơn phương ngang một chút để phần trên cùng của loạt đạn sẽ găm vào tôi còn phần đáy của nó sẽ cắt đứt đầu Roscoe và Charlie. Nó thông báo với tôi rằng viên đạn của tôi sẽ mất hơn bảy phần trăm giây để bay hết chiều dài của nhà kho và rằng tôi nên nhắm vào phần cao bên phải cơ thể Kliner để xoay khẩu súng lệch khỏi hướng hai người phụ nữ.

Sau đó não bộ tôi ngừng hoạt động. Cung cấp toàn bộ thông tin đó cho tôi và ngồi yên chế nhạo nỗ lực của tôi nhằm nâng cánh tay lên nhanh hơn Kliner nâng nòng khẩu Ithaca lên. Đó là một cuộc đua quay chậm đầy khó chịu. Tôi tì nửa người ra ngoài ban công, chậm chậm nâng cánh tay lên như đang nâng một vật rất nặng. Cách tôi ba mươi mét, Kliner từ từ nâng nòng khẩu súng trường lên như thể nó chìm trong mật đường. Chúng cùng nâng lên, chậm chậm từng phân, từng độ. Lên và lên dần. Chuyện như diễn ra mãi mãi. Hết cả đời tôi. Những ngọn lửa lan ra bùng lên ở chân núi tiền. Chúng lan lên trên, rộng ra qua lớp tiền. Những chiếc răng màu vàng của Kliner tách ra thành một nụ cười của sói. Charlie đang la hét. Roscoe từ từ là người xuống sàn bê tông như sợi bún. Cánh tay tôi và khẩu súng trường của Kliner cùng nâng lên chậm chậm, từng phân đầy ma quái.

Cánh tay tôi tới đích trước. Tôi siết cò bắn trúng ngực trên bên phải lão, viên đạn lớn cỡ .44 xô lão ta mất chân trụ. Nòng khẩu Ithaca ngoặt sang bên khi Kliner siết cò. Không khí ngay lập tức dày đặc những mẩu giấy nhỏ xíu. Các mảnh lớn nhỏ của những đồng đô la bắn tung khắp nơi. Chúng cuốn

tròn như một con ốc và biến thành lửa khi rơi vào đám cháy.

Rồi thời gian lại chạy và tôi chạy xuống cầu thang tới sàn nhà kho. Lửa đang xuyên qua núi tiền nhàu nát nhanh hơn tốc độ chạy của người. Tôi lao qua làn khói và kẹp Roscoe bằng một cánh tay, Charlie bằng tay kia. Nhắc họ lên đưa trở lại phía cầu thang. Tôi có thể cảm nhận được luồng ô xy bị hút qua phía dưới cửa cuốn vào tiếp sức cho đám cháy. Toàn bộ nhà kho khổng lồ cháy bùng lên. Đụn tiền khổng lồ đang bùng ra. Tôi chạy ra phía cầu thang, lùi theo hai người phụ nữ.

Tôi đâm sầm vào Picard. Hắn đứng dậy từ mặt sàn phía trước tôi, cú va chạm khiến tôi chói với. Hắn đứng đó như một con gấu khổng lồ bị thương đang gào rú trong cơn điên giận. Vai phải của hắn đã nát bấy và phun máu. Chiếc sơ mi ướt đẫm nhuộm màu đỏ tươi cực kỳ đáng sợ. Tôi loạng choạng đứng dậy trên sàn, Picard đánh trúng tôi một đòn bằng tay trái. Đó là đòn không chuẩn, chỉ khiến tôi lùi lại. Tên khổng lồ bồi tiếp cú móc tay trái, trúng vào cánh tay tôi khiến khẩu Desert Eagle rơi ra lăn lạch cạch trên nền bê tông. Lửa đang cuộn cuộn cháy quanh chúng tôi, hai lá phổi tôi rất bỏng, tôi có thể nghe tiếng Charlie Hubble gào thét điên loạn.

Picard đã mất khẩu súng lục của hắn. Hắn đứng không vững trước mặt tôi, người lắc lư, dùng cánh tay trái đồ sộ thành một vòng cung, sẵn sàng cho một cú đánh nữa. Tôi lao người vào trong vòng cung ấy giáng cùi chỏ vào họng Picard. Tôi nện hắn mạnh hơn bất kỳ cú đòn nào từng nện trong đời. Nhưng gã khổng lồ chỉ run lên bước lại gần hơn. Vung nắm đấm to bự đánh tôi bắn sang một bên, vào đám lửa. Khi lao ra, tôi thở toàn mùi khói. Picard bước lại gần hơn. Hắn đang đứng trong một đám tiền cháy. Hắn chúi người về phía trước tung một cú đá vào ngực tôi. Như bị xe tải xô vào. Áo khoác của tôi đã bắt lửa. Tôi xé ra ném vào Picard. Nhưng hắn chỉ gạt nó sang bên và vung chân ra một cú đòn để kết liễu tôi. Rồi cơ thể Picard bắt đầu run lên như có ai đó đằng sau giáng búa vào người hắn. Tôi trông thấy Finlay đứng đó, bắn Picard bằng khẩu súng ngắn ông đã lấy từ đồn. Ông găm sáu phát vào lưng Picard. Picard quay người lại nhìn Finlay. Bước một bước về phía ông. Khẩu súng của Finlay kêu cạch, báo hiệu đã hết đạn. Tôi vội vàng tìm khẩu tự động to lớn do Israel sản xuất của mình. Chộp nó từ sàn bê tông nóng lên bắn xuyên qua gáy tay đặc vụ. Dưới lực của viên đạn lớn, sọ Picard nổ tung. Hai chân hắn rúm lại và cơ thể bắt đầu đổ xuống. Tôi bắt nốt bốn viên đạn của mình trước khi cơ thể tên khổng lồ chạm mặt sàn.

Finlay tóm lấy Charlie chạy nhanh qua đám lửa. Tôi kéo Roscoe từ sàn lên, lao vào cầu thang, lùi cô lên theo để ra ngoài qua phòng làm việc. Ra ngoài, xuống lối thoát hiểm trong khi ngọn lửa ào qua cửa chính phía sau chúng tôi. Chúng tôi lao người qua khoảng trống trên hàng rào. Tôi bế Roscoe rồi chạy băng qua cánh đồng về phía cây bị sét đánh. Phía sau chúng tôi, không khí cực nóng thổi bay nóc nhà kho, lửa bùng lên bầu trời đêm tới cả trăm mét. Xung quanh chúng tôi, tàn của những tờ tiền rơi xuống lả tả. Nhà kho rực lửa như lò nung. Tôi có thể cảm thấy sức nóng ở lưng còn Roscoe chật vật gạt những mảnh giấy còn cháy rơi xuống hai chúng tôi. Chúng tôi chạy tới chỗ cây. Không dừng lại. Chạy lên đường. Hai trăm mét. Một trăm mét. Phía sau, tôi có thể nghe tiếng rít, tiếng cọ xát và đứt gãy khi nhà kho kim loại biến dạng nổ tung. Phía trước, Hubble đang đứng cạnh chiếc Bentley. Anh ta mở toang hai cửa sau và chạy vội vào ghế sau tay lái.

Bốn chúng tôi dồn vào băng ghế sau và Hubble nhả ga. Chiếc xe bắn vọt về phía trước, các cánh cửa đóng sập lại. Hai đứa trẻ ngồi phía trước. Cả hai cùng gào thét. Charlie đang gào thét. Roscoe cũng gào thét. Bản thân tôi thấy tò mò khi chính tôi cũng đang gào thét.

Hubble phóng hết khoảng một dặm đường. Rồi anh ta phanh khựng xe, chúng tôi rời nhau ra khỏi xe. Lập cập chui ra. Ôm hôn nhau và khóc, loạng choạng trên đám đất ở rìa con đường cũ của hạt. Bốn người trong gia đình Hubble dính lấy nhau. Roscoe, Finlay và tôi dính lấy nhau. Rồi Finlay nhảy

quanh, vừa hét vừa cười như một gã điên. Toàn bộ sự dè dặt ông mang từ Boston tới đã biến mất. Roscoe rúc vào cánh tay tôi. Tôi quan sát đám cháy cách một dặm. Nó đang trở nên tệ hại hơn. Nó đang bốc cao hơn. Lửa đang lan sang các nhà kho bên cạnh. Những bao phân đạm và các thùng dầu cho máy kéo đang nổ như bom.

Tất cả chúng tôi đều quay người lại nhìn cảnh rừng rợn và những cú nổ. Cả bảy người chúng tôi, thành một đường đứt nét trên đường. Từ khoảng cách một dặm, chúng tôi theo dõi cơn bão lửa. Những cột lửa lớn vọt lên trời ngàn mét. Những thùng dầu nổ bùng như đạn pháo. Bầu trời đêm đầy những tờ tiền giấy cháy như hàng triệu ngôi sao màu cam. Như thể địa ngục hiện diện trên trái đất.

"Chúa ơi," Finlay thốt lên. "Chúng ta đã gây ra chuyện đó sao?"

"Ông đã gây ra chuyện đó," tôi bảo. "Ông đã ném que diêm."

Chúng tôi bật cười ôm lấy nhau. Chúng tôi nhảy nhót, cười vang và vỗ vào lưng nhau. Chúng tôi tung hai đứa trẻ lên không, ôm chặt và hôn chúng. Hubble ôm rồi đâm vào lưng tôi. Charlie ôm chặt và hôn tôi. Tôi nâng bổng Roscoe và dành cho cô một nụ hôn sâu thật dài. Và cứ thế. Nữ cảnh sát quần cặp chân quanh eo tôi và khóa hai cánh tay sau đầu tôi. Chúng tôi hôn nhau như thể dừng lại thì sẽ chết vậy.

Rồi tôi chậm chậm và nhẹ nhàng đánh xe trở lại thị trấn. Finlay, Roscoe cùng tôi ngồi chặt ở hàng ghế trước. Bốn người nhà Hubble dồn chặt ở băng ghế sau. Ngay khi không còn thấy quang sáng của đám cháy phía sau lưng, chúng tôi đã trông thấy ánh sáng của đồn cảnh sát đang bốc cháy phía trước mặt. Khi chạy qua đây, tôi giảm tốc độ. Đang cháy dữ dội. Đồn sắp cháy tới móng. Vài trăm người đang di chuyển xung quanh thành những vòng tròn không liên nét, theo dõi đám cháy. Chẳng ai làm gì để ngăn cản.

Tôi lại tăng tốc, chúng tôi chạy qua thị trấn im ắng. Rẽ phải vào phố Beckman đúng chỗ đối diện với bức tượng lão già Caspar Teale. Vòng qua nhà thờ trắng im lìm. Chạy một dặm tới hòm thư trắng quen thuộc ở số hai mươi lăm. Tôi ngoặt vào chạy vòng vèo theo lối chạy xe. Dừng ở cửa để gia đình nhà Hubble ra khỏi xe. Vòng chiếc xe cũ lại và lùi theo lối chạy xe. Lại chạy theo phố Beckman và dừng ở cuối phố.

"Ra đi Finlay," tôi nói.

Đội trưởng thám tử cười và ra khỏi xe. Bước vào bóng đêm. Tôi chạy ngang cuối Phố Chính xuôi tới nhà Roscoe. Dừng ở đường dẫn vào nhà. Chúng tôi nghiêng ngả đi vào nhà. Lôi một tủ ngăn kéo theo hành lang để chặn cánh cửa đã bị phá khóa. Ngăn cách chúng tôi với cả thế giới.

Roscoe và tôi không thành công. Chẳng bao giờ thực sự có cơ hội. Có quá nhiều vấn đề. Chuyện chỉ diễn ra hơn hai mươi bốn giờ một chút xíu rồi kết thúc. Tôi lại lên đường.

Lúc chúng tôi lôi cái tủ ngăn kéo theo hành lang để chèn cánh cửa đã bị phá khóa là năm giờ sáng Chủ nhật. Cả hai chúng tôi đều kiệt sức. Nhưng adrenalin vẫn trào lên trong cơ thể. Thế nên hai chúng tôi không thể ngủ. Thay vào đó, chúng tôi nói chuyện. Và càng nói thì mọi thứ càng tồi tệ.

Roscoe đã là một tù nhân suốt gần sáu mươi tư giờ. Cô không bị ngược đãi. Cô bảo tôi rằng bọn chúng không hề động tới cô. Cô vô cùng sợ hãi nhưng bọn chúng chỉ bắt cô làm việc như nô lệ. Hôm thứ Năm, Picard chở cô đi bằng xe của hắn. Tôi đã dõi theo hai người đi. Tôi đã vẫy tay tạm biệt. Roscoe đã cập nhật cho Picard thông tin về những tiến triển của chúng tôi. Khi chạy ra tỉnh lộ hết một dặm, gã khổng lồ rút súng chĩa vào nữ cảnh sát. Tước vũ khí của cô, còng tay lại, chở cô tới nhà kho. Picard cho xe chạy thẳng qua cửa cuốn và Roscoe bị buộc làm việc ngay cùng Charlie Hubble. Hai người đã ở đó làm việc trong suốt thời gian tôi ngồi phía dưới quốc lộ theo dõi nơi ấy. Chính Roscoe đã dỡ hàng từ chiếc xe tải đồ mà thằng con trai Kliner chạy vào.

Rồi tôi theo chiếc xe đó tới điểm nghỉ chân cho xe tải gần Memphis và bắn khoả tại sao nó lại rỗng không. Charlie Hubble đã ở đó làm quần quật năm ngày rưỡi. Kể từ tối thứ Hai. Đến thời điểm đó Kliner đã bắt đầu thấy hoảng sợ. Lực lượng Bảo vệ Bờ biển rút đi quá sớm so với dự kiến của lão. Lão biết rằng mình phải nhanh chóng dọn hết kho tiền. Thế nên Picard đưa thẳng vợ con Hubble tới nhà kho. Kliner đã buộc các con tin làm việc. Họ chỉ ngủ vài giờ một đêm, nằm ngay trên đụn đồ la, tay bị còng vào chân cầu thang của phòng làm việc.

Sáng thứ Bảy, khi con trai Kliner và hai tên gác không trở lại, Kliner nổi điên. Lúc ấy lão không còn nhân viên nào nữa. Thế nên lão buộc hai con tin làm việc liên tục. Đêm thứ Bảy họ không được ngủ chút nào. Chỉ mệt mỏi thực hiện công việc vô vọng là cố gắng dồn đụn tiền khổng lồ vào các thùng. Họ ngày càng hụt hơi. Mỗi lần một chiếc xe tải xuất hiện đổ một đồng tiền mới xuống sàn kho là Kliner lại trở nên điên cuồng hơn.

Thế nên Roscoe đã làm nô lệ gần ba ngày. Trong nỗi lo sợ về tính mạng, trong sự nguy hiểm, kiệt sức và bị nhục mạ trong ba ngày đằng đẳng. Và đó là lỗi của tôi. Tôi bảo Roscoe như thế. Nhưng tôi càng nói thế cô lại càng nói rằng cô không đổ lỗi cho tôi. Đó là lỗi của tôi, tôi bảo vậy. Đó không phải lỗi của anh, Roscoe nói thế. Anh xin lỗi, tôi bảo. Đừng làm thế, Roscoe nói với tôi.

Chúng tôi nghe nhau nói. Chúng tôi chấp nhận điều đang nói. Nhưng tôi vẫn nghĩ đó là lỗi của mình. Không chắc chắn trăm phần trăm rằng Roscoe không nghĩ thế. Bất chấp những gì cô đang nói. Chúng tôi không mâu thuẫn vì chuyện đó. Nhưng đó là dấu hiệu lờ mờ nhất về một vấn đề tồn tại giữa hai chúng tôi.

Tôi và Roscoe tắm chung trong phòng tắm bé xíu nhà cô. Ở trong đó gần một giờ đồng hồ. Chúng tôi thoa xà phòng cho hết mùi tiền, mùi mồ hôi và đám cháy. Và chúng tôi vẫn nói chuyện. Tôi kể cho Roscoe về đêm thứ Sáu. Về vụ phục kích trong cơn giông ở nhà Hubble. Tôi kể toàn bộ cho cô về chuyện đó. Tôi kể cho cô về những túi đựng dao, búa và đinh. Tôi nói cho cô biết những điều tôi đã làm với năm gã đó. Tôi nghĩ Roscoe sẽ vui vì điều đó.

Và đó là vấn đề thứ hai. Lúc chúng tôi đứng trong nhà tắm với nước nóng phun xuống thì không có gì nghiêm trọng. Nhưng tôi nghe thấy gì đó trong giọng nói của Roscoe. Chỉ là tiếng run rẩy rất khẽ. Không phải sốc hay không tán đồng. Chỉ là đáp ứng của một câu hỏi. Rằng có lẽ tôi đã đi quá xa. Tôi

có thể nghe thấy nó qua giọng của Roscoe.

Tôi cảm nhận rằng tôi đã làm toàn bộ việc ấy cho Roscoe và Joe. Tôi không làm những việc đó vì mình muốn thế. Đó là việc của Joe, đó là thị trấn của Roscoe và đó là người dân mà cô phải phục vụ. Tôi làm việc ấy bởi tôi đã trông thấy cô như thể cố gắng chui vào tường bếp, khóc như trái tim bị bóp nát. Tôi đã làm việc ấy vì Joe và Molly. Đồng thời với cảm giác tôi chẳng cần sự bào chữa nào, chính tôi lại thanh minh với bản thân như vậy.

Lúc ấy tôi chẳng cảm nhận được vấn đề gì. Tắm đã làm chúng tôi thoải mái. Giúp chúng tôi lấy lại chút sức sống. Chúng tôi lên giường. Để nguyên rèm vẫn kéo ra. Một ngày rực rỡ. Mặt trời đã lên cao trên nền trời xanh sáng còn không khí có vẻ trong lành. Đúng như nó cần phải thế. Như một ngày mới.

Chúng tôi làm tình với sự nhẹ nhàng, với nguồn năng lượng và niềm vui rất lớn. Nếu khi ấy ai đó bảo tôi rằng sáng hôm sau tôi sẽ lại lên đường, tôi sẽ nghĩ rằng kẻ đó điên. Tôi tự nhủ rằng không có vấn đề gì. Tôi chỉ đang tưởng tượng ra. Và nếu có vấn đề, sẽ có những lý do phù hợp lý giải về chúng. Có lẽ đó là phản ứng diễn ra sau sự căng thẳng và mức adrenalin tăng vọt. Có lẽ là sự mệt mỏi thấm sâu. Có lẽ bởi Roscoe đã bị bắt làm con tin. Có lẽ do cô phản ứng như nhiều con tin đã làm. Một dạng thù hận mơ hồ. Có lẽ điều đó làm tăng thêm cảm giác tội lỗi tôi đeo đẳng do đã để cô bị bắt. Có lẽ do nhiều điều. Tôi chìm vào giấc ngủ với cảm giác chắc chắn rằng chúng tôi sẽ thức giấc với niềm hạnh phúc và tôi sẽ ở lại đó mãi mãi.

Chúng tôi tỉnh dậy đầy vui vẻ. Và ngủ vui cho đến tận cuối buổi chiều. Rồi chúng tôi trải qua vài giờ tuyệt vời khi ánh nắng chiều xuyên qua cửa sổ, chúng tôi ngủ lơ mơ và đuổi người, hôn và cười đùa với nhau. Chúng tôi làm tình lần nữa. Cả hai tràn ngập niềm vui vì được an toàn, còn sống và chỉ có hai người bên nhau. Đó là lần làm tình tuyệt vời nhất chúng tôi từng trải qua. Và cũng là lần cuối cùng. Nhưng khi ấy chúng tôi không biết điều đó.

Roscoe đánh chiếc Bentley đến tiệm Eno để kiểm chút đồ ăn. Cô đi một giờ và quay về với nhiều thông tin. Cô đã gặp Finlay. Cô nói về những gì sẽ diễn ra. Đó là một vấn đề lớn. Nó khiến những vấn đề nhỏ khác như chẳng là gì cả.

"Anh nên xem đồn cảnh sát", Roscoe bảo tôi. "Không còn lại gì cao quá ba mươi phân."

Roscoe bỏ thức ăn lên khay, chúng tôi ngồi ăn trên giường. Món gà rán.

"Cả bốn nhà kho đều cháy rụi", cô tiếp. "Các mảnh vỡ vụn bắn tung khắp quốc lộ. Cảnh sát bang đã dính vào. Họ phải điều xe chữa cháy từ cả Atlanta và Macon."

"Cảnh sát bang dính vào à?" tôi hỏi.

Roscoe bật cười.

"Mọi người đều dính vào", cô nói. "Vụ này lan ra rất nhanh. Vì những vụ nổ mà giám đốc sở cứu hỏa Atlanta gọi một đội gỡ bom, bởi ông ta không biết chắc chúng là gì. Đội gỡ bom không thể đi đâu mà không thông báo cho FBI, phòng trường hợp đó là khủng bố, thế nên Cục cũng quan tâm. Rồi sáng nay lực lượng Vệ binh quốc gia dính vào."

"Vệ binh quốc gia à? Tại sao thế?"

"Đây là phần hay nhất," Roscoe nói. "Tinlay bảo rằng đêm qua lúc mái nhà kho bật tung, luồng khí đột ngột đẩy lên trên đã thổi tiền bay khắp nơi. Anh nhớ những mảnh tiền cháy liên tục rơi xuống bọn mình không? Khắp chỗ ấy có vài triệu tờ đô la. Rộng ra vài dặm. Gió thổi chúng đi khắp nơi, trên các cánh đồng, khắp đường quốc lộ. Tất nhiên là hầu hết bị cháy một phần nhưng một số không cháy. Ngay khi mặt trời lên, vài ngàn người chẳng biết từ đâu xuất hiện tràn hết khu đó để lượm tiền. Thế

nên lực lượng Vệ binh quốc gia được điều tới để giải tán đám đông."

Tôi ăn chút đồ. Suy nghĩ về điều ấy.

"Thống đốc đã lệnh cho Vệ binh quốc gia, đúng không?" tôi hỏi.

Roscoe gật đầu. Miệng vẫn đầy cánh gà.

"Thống đốc dính vào," cô nói. "Ngay lúc này ông ấy đang ở thị trấn. Và vì Joe nên Finlay đã gọi cho Bộ Tài chính. Họ đang điều một đội xuống đây. Như em bảo anh ấy, chuyện này lan ra rất nhanh."

"Còn cái quái gì khác nữa?"

"Tất nhiên là những vấn đề lớn ở đây. Tin đồn bay khắp nơi. Dường như mọi người biết rằng Quỹ không còn tồn tại. Finlay bảo rằng một nửa trong số họ vờ rằng họ đã không biết chuyện gì diễn ra, một nửa còn lại phát điên bởi khoản thu một ngàn đô la mỗi tuần sắp chấm dứt. Lẽ ra anh nên trông thấy lão già Eno lúc em đến mua đồ ăn. Trông lão như nòi điên ấy."

"Finlay lo lắng không?" tôi hỏi.

"Ông ấy ổn. Tất nhiên là bận rộn. Đồn cảnh sát bọn em chỉ còn lại bốn người. Finlay, em, Stevenson và người làm hành chính. Finlay bảo rằng trong khủng hoảng thì con số đó chỉ bằng một nửa số người bọn em cần nhưng lại nhiều gấp đôi số bọn em có thể đảm bảo bởi khoản trợ cấp của Quỹ sẽ hết. Nhưng dù gì thì chẳng ai có thể tuyển người hay sa thải nếu không có sự thông qua của thị trưởng, mà bọn em chẳng còn thị trưởng nào, đúng không?"

Tôi ngồi ăn trên giường. Các vấn đề bắt đầu ập xuống tôi. Trước đó tôi không thực sự nhìn rõ chúng. Nhưng lúc này thì đang thấy. Một câu hỏi lớn đang hình thành trong đầu tôi. Là câu hỏi dành cho Roscoe. Tôi muốn đặt ngay câu hỏi ấy và có được câu trả lời chân thành, tức thì của Roscoe. Tôi không muốn cho cô thời gian suy nghĩ về câu trả lời.

"Roscoe," tôi nói.

Cô ngược nhìn tôi, chờ đợi.

"Em sẽ làm gì?" tôi hỏi.

Nữ cảnh sát nhìn tôi như thể đó là câu hỏi kỳ quặc.

"Em cho là sẽ làm việc quần quật", cô nói. "Có rất nhiều việc phải làm. Bọn em sẽ phải xây dựng lại toàn bộ thị trấn này. Có lẽ bọn em sẽ xây dựng được thứ gì đó tốt hơn từ nó, tạo ra thứ gì đó đáng giá. Và em có thể góp phần quan trọng vào việc đó. Em sẽ nỗ lực hơn nữa. Em thấy thật hào hứng. Em đang trông đợi điều đó. Đây là thị trấn của em, em sẽ thực sự góp phần xây dựng nó. Có lẽ em sẽ tham gia vào ban điều hành thị trấn. Thậm chí em sẽ có thể ra tranh chức thị trưởng. Đó là điều tuyệt lắm, đúng không? Sau những năm đã qua, một người họ Roscoe làm thị trưởng thay vì một kẻ họ Teale, đúng không?"

Tôi nhìn Roscoe. Đó là câu trả lời tuyệt vời, nhưng cũng là câu trả lời không phù hợp. Không phù hợp với tôi. Tôi không muốn thay đổi quan điểm của cô. Tôi không muốn gây chút áp lực nào với cô. Đó là lý do tôi hỏi thẳng Roscoe trước khi nói cho cô biết điều mình sắp làm. Tôi đã muốn có câu trả lời chân thành, tự nhiên của cô. Và tôi đã có nó. Câu trả lời ấy hợp với Roscoe. Đây là thị trấn của cô. Nếu bất kỳ ai có thể thay đổi nó thì cô cũng có thể làm như vậy. Nếu bất kỳ ai đó nên trụ lại và làm việc như điên, cô cũng nên thế.

Song đó là câu trả lời không phù hợp với tôi. Bởi tôi biết rằng tôi phải ra đi. Tôi biết rằng mình phải ra đi thật nhanh. Vấn đề là điều sẽ xảy ra tiếp theo. Toàn bộ chuyện này đã vượt khỏi tầm kiểm soát. Trước đó mọi chuyện chỉ liên quan tới Joe. Là chuyện riêng tư. Nhưng bây giờ đã là chuyện của cộng đồng. Giống như những tờ đô la cháy dở. Vương vãi khắp chốn chết tiệt này.

Roscoe đã nhắc tới thống đốc, Bộ Tài chính, Vệ binh quốc gia, cảnh sát bang, FBI, các nhân

viên điều tra của sở cứu hỏa Atlanta. Nửa tá cơ quan đầy năng lực, tất cả điều tra những gì đã diễn ra ở Margrave. Và họ điều tra rất kỹ. Họ sẽ gọi Kliner là tay làm tiền giả của thế kỷ. Họ sẽ phát hiện thấy rằng thị trường đã biến mất. Họ sẽ thấy rằng đã có bốn cảnh sát dính vào. FBI sẽ tìm Picard. Interpol sẽ vào cuộc vì mối liên hệ với Venezuela. Độ nóng sẽ khủng khiếp. Sẽ có sáu cơ quan cạnh tranh nhau khốc liệt để có kết quả. Họ sẽ quần nát chôn này.

Và một trong số đó sẽ tóm lấy tôi sủa văng lên tố cáo tôi. Tôi đang gặp nguy hiểm khi ở không đúng chỗ vào thời điểm không phù hợp. Mất một phút rủi tôi mới nhận ra rằng mình là em trai của một điều tra viên chính phủ đã khởi đầu cho toàn bộ chuyện này. Họ sẽ xem chương trình của tôi. Kế nào đó sẽ nghĩ: trả thù. Tôi sẽ bị lôi vào trụ sở của họ, họ sẽ thực hiện công việc của mình đối với tôi.

Tôi sẽ không bị kết tội. Không có nguy cơ xảy ra việc đó. Chẳng có bằng chứng nào hiện hữu. Tôi đã cẩn trọng trong từng bước hành động. Và tôi biết cách làm thế nào nhồi cho họ những thông tin vớ vẩn. Họ có thể nói chuyện với tôi cho đến lúc râu tóc tôi bạc phơ mà vẫn chẳng thu được gì. Điều đó thì chắc rồi. Nhưng họ sẽ cố. Họ sẽ cố như phát cuồng. Họ sẽ giam tôi hai năm ở Warburton. Hai năm ở đó, ở tầng tạm giam. Hai năm cuộc đời tôi. Đó là vấn đề. Tôi không thể đứng yên để chuyện đó xảy ra. Tôi chỉ mới vừa lấy lại cuộc sống của mình. Trong ba mươi sáu năm cuộc đời, tôi mới có sáu tháng tự do. Sáu tháng đó là những tháng ngày hạnh phúc nhất tôi từng có. Thế nên tôi sẽ chuồn khỏi đây. Trước khi bất kỳ người nào trong số họ biết rằng ngay từ đầu tôi đã có mặt ở đây. Tôi đã quyết định. Tôi phải trở nên tàng hình một lần nữa. Tôi phải tránh xa ánh đèn của Margrave, tới nơi những cơ quan cần mẫn kia không bao giờ ngó tới. Nghĩa là những giấc mơ của tôi về tương lai cùng Roscoe sẽ bị phá tan ngay trước khi chúng kịp bắt đầu. Nghĩa là tôi phải nói với Roscoe rằng cô không đáng để tôi mang hai năm cuộc đời ra đánh cược. Tôi phải nói với cô điều đó.

Chúng tôi nói chuyện về điều ấy suốt đêm. Chúng tôi không cãi vã về chuyện này. Chỉ nói chuyện. Roscoe biết rằng điều tôi sẽ làm là điều tốt cho tôi. Tôi biết điều cô sẽ làm là điều tốt cho cô. Cô bảo tôi ở lại. Tôi suy nghĩ rất nhiều nhưng từ chối. Tôi bảo Roscoe đi cùng tôi. Cô suy nghĩ rất nhiều nhưng từ chối. Không có gì để nói nữa.

Rồi chúng tôi nói về những chuyện khác. Nói về những điều tôi sẽ làm, những điều Roscoe sẽ làm. Và tôi từ từ nhận ra rằng việc ở lại đây cũng sẽ giằng xé tôi như việc ra đi. Bởi tôi không muốn những thứ Roscoe đang nói tới. Tôi không muốn những cuộc bầu cử, những tay thị trường, các lá phiếu, ban điều hành và ủy ban. Tôi không muốn các loại thuế bất động sản, duy tu, các phòng thương mại và các chiến lược. Tôi không muốn tất cả ngòi yên đó chán chường và chọc tức nhau. Không muốn sống cùng những cảm giác tội lỗi, thù ghét và sự bất đồng nhỏ nhặt lớn dần cho tới khi bóp nghẹt chúng tôi. Tôi muốn những điều tôi đang nói tới. Tôi muốn mỗi ngày mới đều được lên đường tới một nơi mới. Tôi muốn đi trên những chặng đường thênh thang mà hoàn toàn không biết mình đang đi đâu. Tôi muốn ngao du. Đầu tôi luôn ngao du.

Chúng tôi ngồi nói chuyện cho tới bình minh, đầy khổ sở. Tôi bảo Roscoe làm điều cuối cùng cho tôi. Tôi muốn cô sắp xếp lễ tang cho Joe. Tôi bảo cô rằng tôi muốn Finlay có mặt trong lễ tang, cả gia đình Hubble, hai ông già cắt tóc, và cô nữa. Tôi bảo cô đề nghị chị gái của ông già cắt tóc có mặt ở đó hát một bài hát buồn cho Joe. Tôi bảo cô hỏi bà già xem đồng cỏ mà sáu mươi năm trước bà đã hát cùng cây ghi ta của Blake Mù nằm ở đâu. Tôi bảo cô rắc tro xương của Joe lên lớp cỏ ở đó.

Roscoe đánh chiếc Bentley chở tôi xuống Macon. Bảy giờ sáng. Chúng tôi chưa hề chợp mắt chút nào. Hành trình dài một giờ. Tôi ngồi ở băng ghế sau, phía sau lớp kính đen mới sơn. Tôi không muốn ai trông thấy mình. Chúng tôi từ nhà Roscoe chạy lên con dốc luôn lách qua dòng xe cộ. Cả thị trấn đang dần chật cứng. Thậm chí trước khi tới Phố Chính tôi đã có thể thấy nơi này nườm nượp

người. Có vài chục chiếc xe đậu khắp nơi. Các xe tải truyền hình từ các hãng truyền hình cáp và CNN. Tôi cúi xuống ở băng ghế sau. Người ta đang đổ ra khắp mọi nơi dù mới bảy giờ sáng. Khắp nơi đều có những hàng xe sedan màu xanh sẫm trang bị cho cơ quan chính phủ. Chúng tôi rẽ ở góc phố có quán cà phê. Người ta đang xếp hàng trên vỉa hè, đợi đến lượt vào ăn sáng.

Chúng tôi chạy xuyên qua thị trấn nhuộm nắng. Phố Chính đậu kín xe. Trên vỉa hè cũng có xe. Tôi trông thấy xe của các chỉ huy lực lượng cứu hỏa và xe tuần tra của cảnh sát bang. Khi chạy qua tiệm cắt tóc, tôi liếc vào nhưng hai ông già không ở đó. Tôi sẽ nhớ họ. Tôi sẽ nhớ thám tử già Finlay. Tôi sẽ luôn tự hỏi mọi thứ với ông sẽ ra sao. Chúc may mắn, ông bạn Harvard, tôi nghĩ. Cũng chúc may mắn, gia đình Hubble. Sáng nay là khởi đầu cho một chặng đường dài đối với họ. Họ sẽ cần nhiều vận may. Cũng chúc may mắn, Roscoe. Tôi ngồi trên xe, im lặng cầu cho cô mọi điều tốt đẹp nhất. Cô xứng đáng được như vậy. Thực sự xứng đáng.

Roscoe lái xe hết chặng đường theo phía Nam xuống Macon. Cô tìm bến xe buýt. Đỗ xe. Đưa cho tôi một chiếc phong bì nhỏ. Bảo tôi không mở ngay. Tôi đút vào túi. Hôn tạm biệt Roscoe. Ra khỏi xe. Không ngoái lại. Tôi nghe tiếng những lớp xe loại lớn rít trên vỉa hè và tôi biết cô đã đi. Tôi bước vào bến xe buýt. Mua một vé. Rồi tôi băng ngang phố tới một cửa hiệu bán đồ rẻ tiền mua quần áo mới. Mặc vào trong khu thử đồ, bỏ bộ quần áo cũ bẩn thỉu vào thùng rác. Rồi tôi cuộc bộ trở lại bắt một xe tới California.

Hơn một trăm dặm đường, hai mắt tôi ngấn nước. Rồi chiếc xe buýt cũ âm âm chạy qua ranh giới bang. Tôi nhìn ra góc Đông Nam Alabama. Mở chiếc phong bì của Roscoe. Trong đó có một tấm ảnh Joe. Cô đã lấy từ va li của Molly Beth. Gỡ ra khỏi khung. Tĩa bằng kéo cho vừa với túi tôi. Ở phía sau, Roscoe viết số điện thoại của mình. Nhưng tôi không cần đến nó. Bởi tôi đã ghi vào trí nhớ của mình rồi.



LEE CHILD
REACHER BẢO THÙ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chịu trách nhiệm xuất bản **VŨ VĂN HỢP**

Biên tập Nguyễn Thị Thủy

Biên tập viên Nhã Nam Thanh Hương

Thiết kế bìa Thanh Vũ

Trình bày Thảo Vân

Sửa bản in Phạm Thủy

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

B15 - Lô 2 - Mỹ Đình I - Hà Nội - Việt Nam

Tel: (04) 6287 2617 - (04) 6287 2348 - Fax: (04) 6287 1730

E-mail: nxbthoidai@nxbthoidai.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Số 1001 Trần Hưng Đạo, P.5, Q5, TP Hồ Chí Minh

Tel: (08) 3922 5769 - Fax: (08) 3922 5770

E-mail: cnxbthoidai@gmail.com Website: <http://nxbthoidai.vn>

LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

CÔNG TY VĂN HÓA & TRUYỀN THÔNG NHÃ NAM

59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04 35146875 - Fax: 04 35146965

Website: www.nhanam.vn Email: nhanambook@vnn.vn

<http://www.facebook.com/nhanampublishing>

Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh

Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 38479853 - Fax: 08 38443034

Email: nhanamhcm@hcm.fpt.vn

In 1.000 cuốn, khổ 14x20.5cm tại Công ty CP In Viễn Đông.

Căn cứ trên số đăng ký kế hoạch xuất bản: 106-2013/CXB/41-04/TĐ
và quyết định xuất bản số 110/QĐ-NXBTĐ của Nhà xuất bản Thời Đại
ngày 11.03.2013. In xong và nộp lưu chiểu năm 2013.